

DISSOLVING THE CULTURE OF CHINA'S COMMUNIST PARTY

九評 编辑部
BAN DIEN TAP Cửu Bình

解体 党文化
大纪元系列社论

大紀元時報
THE EPOCH TIMES

GIẢI THỂ? VĂN HÓA ĐẢNG?

PHẦN ĐẦU

Bản cập nhật năm 2020

DISSOLVING THE CULTURE OF CHINA'S COMMUNIST PARTY

解体 党文化
大纪元系列社论

GIẢI THỂ?
VĂN HÓA ĐẢNG?

– PHÂN ĐẦU –

VĂN HÓA ĐẢNG HÌNH THÀNH NHƯ THẾ NÀO

BAN BIÊN TẬP CỬU BÌNH
LOẠT BÀI XÃ LUẬN CỦA THỜI BÁO EPOCH TIMES

THÁNG 11 NĂM 2006



VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG

❧ • MỤC LỤC • ❧

Thông báo	11
Tự luận	13
CHƯƠNG I	19

THAY THẾ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG MỘT CÁCH HỆ THỐNG

I.1. Tuyên truyền Thuyết vô Thần	22
I.2. Tuyên truyền Thuyết duy vật	28
I.3. Phủ định Văn hóa truyền thống	36
I.4. Tuyên truyền sự vĩ đại của Marx, Engels, Lenin và Mao Trạch Đông	43

CHƯƠNG II	53
------------------------	-----------

CẢI TẠO TƯ TƯỞNG MỘT CÁCH HỆ THỐNG

II.1. Phê phán Nho – Thích – Đạo	55
II.1-1 Phê phán Nho giáo	57
(1) Phê phán Khổng Tử	57
(2) Phê phán phân tử tri thức	61
II.1-2 Phê phán Thích gia và Đạo gia	67
(1) Phủ định sự tồn tại của Thần, Phật, làm sai lệch động cơ tôn giáo	67
(2) Huy hoại hoàn cảnh vật chất của tu hành	71
(3) Huy diệt thân thế	73
(4) Làm lệch lạc kinh điển tôn giáo, dung tục hóa tôn giáo	73
(5) Thành lập hiệp hội tôn giáo Trung Cộng, khiến người được ủy quyền phê phán tôn giáo từ trong nội bộ	75
(6) Ngụy tạo giả tưởng về tự do tôn giáo	77

II.2. Phê phán quan niệm truyền thống	81
II.2-1 Phê phán việc kính sợ Trời	83
II.2-2 Phê phán sinh mệnh và thiện ác báo ứng	84
II.2-3 Phê phán sự nhu thuận và nhẫn nhịn	86
II.2-4 Phê phán trật tự xã hội truyền thống	88
II.2-5 Lấy tài sản làm căn cứ quan trọng để đo lường đạo đức	90
II.2-6 Những quan niệm bị phê phán khác	93
II.3. Nhổi nhét tà thuyết tư tưởng đấu tranh, cá lớn nuốt cá bé, kẻ mạnh sinh tồn	95
II.3-1 Mục đích Trung Cộng nhổi nhét tư tưởng đấu tranh	97
II.3-2 Nhổi nhét trong đấu tranh chính trị	102
II.3-3 Quay trở lại với Đạo chung sống hài hòa	108
II.4. Nhổi nhét Thuyết tiến hóa và khoa học hiện đại	114
II.4-1 Mục đích thực sự của việc nhổi nhét thuyết tiến hóa – quảng bá Vô Thần luận và Triết học đấu tranh	115
II.4-2 Thuyết tiến hóa là giả thuyết chưa được qua kiểm chứng	118
(1) Một cơ sở logic yếu ớt	119
(2) Xác suất đã phủ định hạt nhân của Thuyết tiến hóa – Cơ chế đột biến gen	124
(3) Sự ngưng ngừng của Thuyết tiến hóa – tăng tăng nghi vấn về biểu thời gian tiến hóa	127
II.4-3 Hậu quả của việc nhổi nhét Thuyết tiến hóa	130
II.4-4 Mục đích chân thực của việc nhổi nhét khoa học hiện đại – Đàn áp tín ngưỡng	131
II.4-5 Trung Cộng không coi trọng “Khoa học”, chủ nghĩa Marx phản tự nhiên	136
II.4-6 Việc nhà khoa học tin vào Thần không hề là trở ngại ngăn cản thành tựu khoa học của họ	142
II.4-7 Chứng thực khoa học không phải là phương thức duy nhất	

	khám phá về quy luật của vũ trụ	145
II.4-8	Chứng thực tính hạn chế của khoa học	148

CHƯƠNG III 154

CÁC THỦ ĐOẠN TUYÊN TRUYỀN

III.1. Nắm chặt các bộ máy tuyên truyền để quảng bá Văn hóa đảng ..156

III.1-1	Vận động chính trị và trong thời kỳ thông thường	156
	(1) Tuyên truyền nhồi nhét trong các cuộc vận động chính trị.....	157
	(2) Việc tuyên truyền nhồi nhét trong thời kỳ thông thường do Ban tuyên truyền Trung Cộng lên kế hoạch thực thi.....	161
III.1-2	Bộ máy tuyên truyền chủ yếu	165
	(1) Báo chí.....	167
	(2) Truyền thanh, truyền hình, Internet	170
III.1-3	Các thủ đoạn nhồi nhét thường dùng	174
	(1) Che chắn rợp trời dầy đất khiến con người đoạn tuyệt triệt để với thế giới chân thực	174
	(2) Không ngừng lặp lại, lời nói dối lặp lại một nghìn lần sẽ trở thành lời nói thật	176
	(3) Ngụy tạo ý dân, lợi dụng quyền lực, phát động tấn công tâm lý	177
	(4) Công khai bịa đặt, lừa bịp thế giới	179
	(5) Vừa ăn cướp vừa la làng, vừa nói dối, vừa phản đối nói dối	181
III.1-4	Thủ đoạn nhồi nhét “tiến cùng thời gian”	183

III.2. Cưỡng chế người dân đọc sách của Marx, Engels, Lenin, Stalin, và Mao Trạch Đông 187

III.3. Lợi dụng các văn nhân của tà đảng để ca ngợi công lao của ác đảng .. 193

III.3-1	Dùng tác phẩm văn học để biện giải cho chính sách và ý luận của Trung Cộng.....	199
III.3-2	Nhồi nhét thế giới quan, lịch sử quan, nhân sinh quan của	

Trung Cộng	201
(1) Phê phán tín ngưỡng đối với Thần, nhôi nhét Vô Thần luận.....	201
(2) Bài trừ quan niệm truyền thống, nhôi nhét thù hận giai cấp.....	201
(3) Tô vẽ cho các bạo chúa, tiểu nhân, thổ phi và côn đồ trong lịch sử.....	204
(4) Hạ thấp nhân tính, ca ngợi Đảng tính.....	205
III.3-3 Một số đặc điểm của việc Trung Cộng lợi dụng văn học để	
tiến hành nhôi nhét	207
(1) Trộm dùng văn hóa dân tộc một cách toàn diện.....	207
(2) Lợi dụng thành thạo kỹ xảo văn học	207
(3) Dùng việc cấm sách để tăng cường sự đói khát về văn hóa.....	208
(4) Dùng sự lặp lại để tăng cường hiệu ứng nghiệm	209
III.3-4 Từ “kẻ hắc thủ nhìn thấy được” cho đến “kẻ hắc thủ không	
nhìn thấy được”	209
III.4. Lợi dụng sách giáo khoa để nhôi nhét Văn hóa đảng	214
III.4-1 Lớp chính trị: Lừa gạt không thương tiếc	216
(1) Môn học nhiều, tiết học dài, độ che phủ rộng, yêu cầu nghiêm	216
(2) Tô vẽ cho Văn hóa đảng thành “dức dục”, “thường thức”, “nguyên lý”,	
“cơ sở”	217
(3) Chính trị thời sự – nội dung giáo dục mang đậm bản sắc của	
Trung Cộng nhất	218
(4) Nhôi nhét thù hận và oai lý (lý lẽ xiên vẹo), bồi dưỡng ra những thanh niên	
bất bình và sự lạnh nhạt về chính trị	219
(5) Tuyệt đối không buông lỏng đối với các lớp chính trị	221
III.4-2 Môn lịch sử: Lừa mình dối người	222
(1) Nắm giữ chính trị, lịch sử dường như chính là một môn nhánh của	
chính trị	222
(2) Che đậy, bóp méo, làm cho chân tướng lịch sử bị vỡ vụn	223
III.4-3 Môn ngữ văn: Niềm vui lừa gạt	225
(1) Việc tuyển chọn các bài văn	225

(2) Phương pháp giảng dạy của giáo viên	226
(3) Phương hướng thi cử	227
(4) Những xu thế gần đây	228
III.5. Lợi dụng các loại hình thức văn nghệ để nhồi nhét Văn hóa đảng	231
III.5-1 Lợi dụng điện ảnh nhồi nhét Văn hóa đảng	231
(1) “Điện ảnh là nghệ thuật trọng yếu nhất”	232
(2) Xu thế chủ đạo và đa dạng hóa	235
III.5-2 Lợi dụng các loại hình văn nghệ như kịch nói, ca múa, hát dân gian để nhồi nhét Văn hóa đảng	240
(1) Ký sinh nền văn hóa dân tộc	241
(2) Tâm trăm triệu người, tám vò kịch mẫu	242
(3) Thói quen thẩm mỹ có tính chậm biến đổi	245
(4) Lợi dụng tác dụng “liên đới tình cảm”	247
(5) Tác dụng đặc biệt của tướng thanh, khúc nghệ, tiểu phẩm	247
(6) Trong các tác phẩm văn nghệ của Trung Cộng thấm đẫm sự kích động và tính tranh đấu mãnh liệt	249
LỜI KẾT	251

CHƯƠNG IV

256

BIỂU HIỆN CỦA NHỮNG NGƯỜI SAU KHI BỊ CẢI TẠO TƯ TƯỞNG

IV.1. Dùng tư tưởng của ác đảng để suy xét vấn đề, dùng ngôn ngữ của giáo hội ác đảng để nói chuyện	260
IV.1-1 Kinh tế phồn vinh bề mặt mang đến xung kích về thị giác: “Hãy để kinh tế phát triển đã rồi hãy nói”	269
IV.1-2 “Ổn định áp đảo hết thầy”	273
IV.1-3 “Người khác cũng vậy thôi”	276
IV.1-4 “Nói tôi làm chưa tốt, bản thân anh hãy làm tốt trước đã”	283

iv.1-5	“Đối với Đảng Cộng sản phải nhìn nhận cả hai mặt [tốt xấu] của nó”	286
iv.1-6	“Quyền no ấm cao hơn nhân quyền”	290
IV.2.	Không tin Thần, tạo thành việc người ta làm các việc mà không tính đến hậu quả, việc xấu nào cũng dám làm	293
iv.2-1	Coi thường sinh mệnh tự ý giết người	293
iv.2-2	Đấu Trời đấu Đất phá hoại tự nhiên	297
iv.2-3	Thói đời xuống dốc không nói chuyện đạo đức	303
iv.2-4	Tình dục tràn lan tạo thành nguy cơ xã hội	305
iv.2-5	Công nghiệp hoá tình dục, cờ bạc, ma tuý – Quan chức trở thành ô dù bảo hộ	308
IV.3.	Không sợ Trời không sợ Đất, mở miệng là nói dối, miệng đầy lời dơ bẩn, hành vi thấp kém	310
iv.3-1	Mở miệng liền nói dối	312
iv.3-2	Văn hóa đảng dạy người ta học lời nói dơ bẩn lưu manh	316
iv.3-3	Văn hóa đảng khiến cử chỉ hành vi của con người thấp kém	319
IV.4.	Loại bỏ Văn hóa đảng, người ta cũng sẽ không nói lời nói của con người bình thường, sẽ không dùng tư duy của người bình thường	323
iv.4-1	Hệ thống ngôn ngữ của Văn hóa đảng đã khống chế tư tưởng của người ta	325
iv.4-2	Cái gọi là từ mới cũng là trong tư tưởng của Văn hóa đảng mà chế tạo ra	330
iv.4-3	Ý thức đấu tranh của Văn hóa đảng trở thành tập quán sinh hoạt của người ta	333
iv.4-4	Người ta không nhảy thoát khỏi cái khuôn mẫu tư duy của Văn hóa đảng	337
LỜI KẾT	345

THÔNG BÁO

ĐẠI KỶ NGUYÊN SẼ XUẤT BẢN LOẠT XÃ LUẬN “GIẢI THỂ VĂN HÓA ĐẢNG”

LỊCH SỬ CỦA TRUNG CỘNG LÀ LỊCH SỬ CỦA BẠO LỰC VÀ LỪA DỐI đan xen với nhau, mà cái lừa dối đó lại phân thành 2 tầng diện. Tầng diện thứ nhất là che đậy và bóp méo sự thật, tầng diện thứ hai là nhồi nhét một bộ tiêu chuẩn thiện ác tà ác và phương thức tư duy méo mó vào đầu người ta. Loại nhồi nhét này một mặt là dựa vào bạo lực quốc gia mà Trung Cộng nắm giữ làm hậu thuẫn, mặt khác là thông qua việc lũng đoạn toàn bộ tài nguyên xã hội mà cưỡng ép ngấm dần vào đầu ngay từ khi người ta biết ghi nhớ sự việc hoặc học chữ.

Dần dần, không những người ta không cách nào biết được sự thật, mà lại còn dùng cái bộ tiêu chuẩn thiện ác của Trung Cộng để phân tích đúng sai, dùng phương thức tư duy của Trung Cộng để giải thích hành vi của nó, dùng hệ thống lời nói của Trung Cộng để phê phán Trung Cộng, dùng hệ thống hành vi mà Trung Cộng quy định để biểu đạt ý kiến, từ đó mà hình thành nên văn hóa đảng len lỏi khắp mọi nơi, khiến người ta bị hãm sâu vào trong đó mà không tự biết. Kết quả chính là giúp cho Trung Cộng kéo dài hơi tàn, tiếp tục hành ác trong cái văn hóa đảng. Đồng thời, dưới tác dụng của văn hóa đảng, tâm linh và tư tưởng cho đến hành vi của con người đã phát sinh biến dị nặng nề, tại các phương diện như xã hội, gia đình, giáo dục, công tác, quan hệ giữa người với người v.v. đã rời xa khỏi trạng thái nhân loại bình thường, trực tiếp gây nguy hại đến các tầng diện khác nhau của cuộc sống con người.

Một đặc điểm lớn của văn hóa chính là tính truyền thừa của nó. Xét thấy rằng một văn hóa ác tính không thể làm nền tảng cho một xã hội lành mạnh và một chế độ trong sạch, càng không thể làm nền tảng cho một dân tộc ưu tú, nên việc giải thể văn hóa đảng, không để cho độc tố còn sót lại của văn hóa đảng tiếp tục gây họa cho người Trung Quốc, đã trở nên đặc biệt bức thiết.

Văn hóa đảng có mang một số đặc trưng của một hệ thống sinh thái khổng lồ, biểu hiện của nó là tính “dung sai” và tính tự thích nghi nhất định, thậm chí là tính “tự sinh sôi”. Một loài vật nào đó bị diệt vong thông thường sẽ không khiến cho một hệ sinh thái bị sụp đổ, tuy nhiên trong văn hóa đảng, một số quan niệm, ngôn ngữ và phương thức hành vi xem chừng đơn giản, nhưng phía sau đều có sự nâng đỡ từ các nhân tố đối trá, các bẫy logic, các tiêu chuẩn giá trị tự thị nhi phi. Những nhân tố đó đan xen với nhau, phối hợp với nhau để hình thành một hệ thống văn hóa đảng. Khi một bộ phận nào đó bị vạch trần, thì một bộ phận khác sẽ tự động bổ sung, tiếp tục nâng đỡ cho hệ thống văn hóa đảng tồn tại và sống tiếp. Do vậy, triệt để phá trừ văn hóa đảng, thì cần có một hệ thống lý luận, phân tích và suy ngẫm.

Ban biên tập Đại Kỷ Nguyên, từ lịch sử hình thành, nguồn gốc, biểu hiện, sự nguy hại của văn hóa đảng, cho đến góc độ văn hóa chính thống Trung Hoa mà xuất phát, kể từ hôm nay sẽ đưa ra loạt bài xã luận đặc biệt “Giải thể văn hóa đảng”, cho đến việc dân tộc Trung Hoa bị Trung Cộng chà đạp 85 năm, thông qua việc xây dựng lại đạo đức và văn hóa, mà thuận lợi quá độ sang một kỷ nguyên mới tự do, thịnh vượng.

Loạt bài Giải thể văn hóa đảng bao gồm"

Phần I: Văn hóa đảng hình thành như thế nào

Chương 1: Thay thế Văn hóa Truyền thống một cách hệ thống

Chương 2: Cải tạo tư tưởng một cách hệ thống

Chương 3: Các thủ đoạn nhồi nhét

Chương 4: Biểu hiện của người ta sau khi bị cải tạo tư tưởng

Phần II: Biểu hiện cụ thể của văn hóa đảng

Chương 5: Biểu hiện thường thấy của văn hóa đảng trong tuyên truyền

Chương 6: Ngôn từ của đảng đã trở thành thói quen

Chương 7: Văn hóa đảng trong cuộc sống

Chương 8: Thói quen tư duy kiểu Văn hóa đảng



TỰ LUẬN

NGUỜI TRUNG QUỐC SINH SỐNG TRÊN MỘT VÙNG LÃNH THỔ RỘNG LỚN ở phương Đông, các phong tục tập quán khác nhau, tiếng địa phương và khẩu ngữ có tới hơn nghìn loại khác nhau, vậy điều gì đã liên kết họ với nhau thành một thể, để người Trung Quốc trở thành người Trung Quốc? Hiển nhiên không chỉ là địa khu, mà quan trọng hơn là văn hóa và truyền thống. Trong mấy nghìn năm, người Trung Quốc kính trọng Trời đất, thờ cúng ông bà tổ tiên, sử dụng cùng một chữ viết, học tập cùng kinh sách, v.v. Trong con mắt của người Phương Tây, nơi đó [Trung Quốc] đã từng là một quốc gia lễ nghĩa.

Tuy nhiên, dù vẫn [sinh sống] trên vùng lãnh thổ này, nhưng người Trung Quốc hôm nay đã khác với người Trung Quốc của bất cứ thời kỳ lịch sử nào. Từ tiểu học đến đại học, toàn bộ sách giáo khoa của người Trung Quốc đều là dùng chữ giản thể biên soạn, hơn nữa lại là cùng một loại sách giáo khoa chung ^[1]. Trước đây, chỉ có hai quốc gia là bắt buộc học cùng sách giáo khoa,

[1] Trên thế giới, có nhiều bộ sách giáo khoa khác nhau được biên soạn cho cùng một cấp học, chỉ có tại một số quốc gia như Trung Quốc, Việt Nam thì mới tồn tại một bộ sách giáo khoa duy nhất cho một cấp học.

đó là Đức Quốc Xã trong 100 năm trước sáng lập nên lý luận làm thế nào tàn phá thế giới, và Liên Xô đã vận dụng lý luận này thành thực tiễn bạo lực. Đã có thời kỳ tất cả những vật phẩm có liên quan đến truyền thống lịch sử đều bị gọi là “Tứ cụ” nên bị đưa đi phá bỏ và thiêu hủy. Phong tục, tập quán, ngôn ngữ, phương thức tư duy của người Trung Quốc ngày nay đã sớm không còn tương thích với lịch sử của mình, không tương thích với văn hóa truyền thống, và càng không thể hòa nhập với thế giới. Họ không biết được mình đến từ đâu và đi về đâu. Người Trung Quốc đã trở thành một dân tộc đánh mất đi bản tính tự ngã. Mặc dù dòng máu giống nòi vẫn chảy trong huyết mạch của họ, nhưng di sản của nền văn minh Hoa Hạ của họ đã bị đoạn tuyệt. Từ góc độ văn hóa mà xem xét, người Trung Quốc đã là nô lệ mất nước, đây quả thực không phải là chuyện hoang đường nói quá.

Nhìn từ các quốc gia Châu Âu, Châu Á, trong quá trình hiện đại hóa từ trước đến nay đều không triệt để đánh mất tính dân tộc như vậy. Nếu loại trừ các nhân tố của khoa học công nghiệp hóa cao độ, khi nhìn người Nhật Bản ta vẫn có thể thấy hình ảnh truyền thống Nhật Bản của họ. Theo quan điểm của người Trung Quốc, người Mỹ không có lịch sử, nhưng so với thời kỳ chiến tranh giành độc lập 200 năm trước họ vẫn còn rất nhiều điểm tương tự. Sự biến hóa của người Trung Quốc không phải là do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hay quá trình tự nhiên không thể tránh được, mà là do quá trình và kết quả từ tính cưỡng chế do con người làm ra. Sự thay đổi này bắt đầu từ năm 1949, duy trì liên tục đến ngày hôm nay. Thế hệ trước thì cả một thời đại đã bị cưỡng chế buông bỏ truyền thống văn hóa của cha ông để lại, thế hệ tiếp theo thì hoàn toàn trưởng thành trong hoàn cảnh này, cho rằng là người Trung Quốc, thì văn hóa Trung Quốc chính là như vậy. Đây chính là văn hóa biến dị – Văn hóa đảng do Trung Cộng tạo ra tại Trung Quốc Đại lục.

Bản thân từ “văn hóa” rất khó tiến hành xác định nghĩa một cách chính xác. Định nghĩa “văn hóa” hiện đại vào khoảng thế kỷ 19 mới bắt đầu định hình. Năm 1952, Kroeber và Kluckholm ở Mỹ đã tổng hợp định nghĩa cho văn

hóa trong cuốn sách với tiêu đề “Văn hóa, điểm lại bằng cái nhìn phê phán các khái niệm và định nghĩa” [2]. Trong đó viết: “Văn hóa là do biểu hiện bên ngoài, nội hàm tư duy, và phương thức hành vi cấu thành; loại phương thức hành vi này thông qua dấu hiệu tượng trưng mà truyền đạt; Văn hóa đại biểu cho thành tựu đạt được của một quần thể dân tộc; bao gồm những gì họ thể hiện trong vật dụng do con người tạo ra; bộ phận trung tâm của Văn hóa là quan niệm truyền thống (tức là những gì được lịch sử tuyển chọn và lưu lại), đặc biệt là những giá trị mà nó đem lại; thể hệ văn hóa trên một phương diện có thể xem là kết quả của hoạt động, ở một phương diện khác là nhân tố quyết định sự phát triển của hoạt động”. Định nghĩa này đã được đại bộ phận các học giả tiếp thụ.

Trong định nghĩa này, văn hóa bao gồm hai bộ phận, một là giá trị quan nội tại, hai là biểu hiện nội hàm của hành vi và phương thức tư duy. Cái gọi là Văn hóa đảng, chính là chỉ dạng thức tư duy, hệ thống lời nói cho đến các dạng thức hành vi được tạo thành dựa trên cơ sở là giá trị quan của Đảng Cộng sản. Ở đây đặc biệt cần thiết chỉ rõ, Văn hóa đảng gồm ba chủng loại hình: Loại thứ nhất là văn hóa mà Đảng Cộng sản cưỡng chế tạo ra và truyền rót vào; loại thứ hai là thứ văn hóa biến dị khi người dân sống dưới bạo lực và đối trá của Trung Cộng nhằm tự bảo vệ bản thân mà tạo ra; loại thứ ba là thứ văn hóa cấu thành từ những thứ cặn bã lưu truyền từ xưa cho đến nay bị Trung Cộng tiến hành trùng tân thành một bộ lý luận, được đưa ra phổ cập và thực tiễn hóa.

Trong các hệ thống văn hóa khác, giá trị quan đo lường cuối cùng đều là quyền lực tồn tại tối cao siêu việt khỏi thế tục. Trong xã hội cổ đại, đảm nhận vai trò này là Thần, còn tại xã hội hiện đại, thì là Thần và Pháp luật đồng thời đảm nhận. Không giống với tất cả các nền văn hóa truyền thống, giá trị quan của Đảng Cộng sản, là một loại hệ thống động thái không ngừng biến đổi và

[2] Văn hóa, điểm lại bằng cái nhìn phê phán các khái niệm và định nghĩa (Culture, a critical review of concept and definitions): Cuốn sách của hai nhà nhân chủng học A.L. Kroeber và Kluckhohn xuất bản năm 1952, trong đó tác giả đã trích khoảng 160 định nghĩa về văn hóa do các nhà khoa học đưa ra ở nhiều nước khác nhau.

điều chỉnh, đơn giản mà nói trung tâm của nó chính là quyền lực và lợi ích. Hiện nay dưới Văn hóa đảng, Văn hóa bán Thần mà tổ tiên người Trung Quốc lưu lại đã ly khai cách xa họ vô hạn, người ta không còn tin tưởng những điều tốt đẹp đã từng tồn tại; đời đời cha ông họ truyền dạy kính trọng Trời Đất, Thần Phật, đến nay đã bị thay bằng đấu Trời đấu Đất; văn hóa tu luyện thù thắng, hôm nay bị chụp lên chiếc mũ mê tín phong kiến; các bậc tiền nhân hiền triết trong mỗi triều đại lịch sử, bị xem thường và khinh miệt ở vị trí thấp kém; truyền thống trọng đức hành thiện mấy nghìn năm nay, giá trị tốt đẹp của Nhân Lễ Nghĩa Trí Tín, bị cho là cặn bã phong kiến, trở thành đối tượng cho mọi người chê cười. Thay vào đó là hệ thống Văn hóa đảng tà ác phản thiên, phản địa, phản nhân tính của Trung Cộng. Trong hệ thống này, tiêu chuẩn tối cao của nguyên tắc đạo đức là quyền lực và lợi ích của đảng. Mỗi lời nói hành động, mỗi tư duy và suy nghĩ của người Trung Quốc, từng thời từng khắc đều bị Văn hóa đảng giật dây, người ta đã chịu nhận sự độc hại thâm sâu mà không tự nhận ra được, càng khó để thoát ra và quy chính lại.

Loạt bài viết này sẽ liệt kê phân tích rõ Trung Cộng đã tiến hành thay thế văn hóa truyền thống một cách hệ thống như thế nào, đã tiến hành cải tạo tư tưởng một cách hệ thống ra sao, sử dụng thủ đoạn truyền bá như thế nào, cho đến biểu hiện của những người sau khi bị cải tạo tư tưởng, v.v. Văn hóa đảng trong tuyên truyền, hệ thống lời nói trong Văn hóa đảng, Văn hóa đảng trong cuộc sống cho đến tư duy Văn hóa đảng đã thành thói quen, cùng những biểu hiện cụ thể rộng khắp của chúng trong tư tưởng đến ngôn ngữ hành vi sẽ tiếp tục được bàn luận tường tận trong các phần sau đây.

Lá rụng về cội, người Trung Quốc chưa bao giờ ngừng khao khát tìm lại cội nguồn của chính mình. Mấy năm gần đây, người Hoa hải ngoại có lưu truyền một câu nói: “Phải làm con cháu Trung Hoa, không làm cháu con của Marx, Lenin”, đã khiến vô số khách du lịch người Hoa ở hải ngoại khởi lên cảm giác quen thuộc của tính dân tộc trong mỗi người. Người Trung Quốc cần xem xét lại một cách thanh tỉnh đối với Văn hóa đảng, vứt bỏ, thoát

TỰ LUẬN

khôi chủ nghĩa Marx, Lenin độc hại, giải thể Văn hóa đảng, quay về Văn hóa chính thống của dân tộc Trung Hoa, khôi phục lại thần vận của dân tộc, đây chính là thời điểm để làm việc đó.

Trung Hoa Văn Hoá Nguyên Viễn Lưu Trường Tín Ngưỡng Vi Bốn Đạo Đức Vi Tôn

Tạm diễn nghĩa:

*Nền văn hoá Trung Hoa, bắt nguồn từ dòng chảy lịch sử xa xưa,
lấy tín ngưỡng làm gốc, lấy đạo đức làm tôn.
(tôn: tôn trọng, tôn kính, đưa lên hàng đầu)*



CHƯƠNG I



THAY THẾ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG MỘT CÁCH HỆ THỐNG



TRÊN THẾ GIỚI, TẤT CẢ NHỮNG NỀN VĂN MINH VĂN HÓA CỔ, đều bắt nguồn từ các thần thoại như: Thần Shiva ở Ấn Độ biến hóa ra vạn vật; những câu chuyện kỳ trên núi của Thần Zeus tại Athens; Đức Giê-hô-va chỉ với một niệm sáng tạo ra thế giới; Thần Mặt trời của Ai Cập và các vị hộ Pháp vạn linh; cho đến những thần tích vĩ đại của Bàn Cổ và Nữ Oa tại Trung Quốc; đều khởi nguồn cho văn minh cổ xưa. Hàng nghìn năm sau, nhân loại trải dài sinh sống đều dưới sự bảo hộ và khả thị của Thần hoặc Thiên chúa.

Người Trung Quốc tự xưng quê nhà mình là Thần Châu, là quốc gia của Thần. Người Trung Quốc gọi Hoàng Đế là Thiên Tử, tức là con của Trời, nơi Hoàng Đế thờ cúng Trời Đất gọi là Thiên Đàn, có diện tích lớn gấp bốn lần so với Tử Cấm Thành. “Quan Thiên chi Đạo, chấp Thiên chi hành, tận hỹ.” (Xem xét Đạo trời, làm theo sự vận hành của trời, như vậy là biết hết rồi) đây là lời mở đầu trong “Hoàng Đế Âm Phù kinh”; hoặc giả nói rằng dân tộc Trung Hoa có câu đầu tiên trong văn tự ghi chép là “Thể sát Thiên Đạo, thuận Thiên nhi hành, sở hữu Đạo lý, tận tại kỳ trung” (Thể nghiệm quan sát đạo Trời, thuận theo đó mà hành, có bao nhiêu đạo lý đều ở trong đó). Người Trung Quốc không những sùng bái [Thiên], mà còn sùng bái những vị cổ xưa nhất ở trên Trời, gọi là [Lão Thiên Gia], đây là sự kính ngưỡng đối với vũ trụ của người Trung Quốc. Trong ký ức của người Trung Quốc, từ Bàn Cổ khai Thiên địa, Nữ Oa tạo ra con người, đến Thần Nông nếm thử trăm loại thảo dược, Thần phù trợ nhân loại đi qua bao năm tháng gian khổ từ thời mông muội khai thiên lập địa. Văn hóa bán Thần từ xa xưa của Trung Hoa lưu lại những văn minh như là Châm cứu, Chu dịch, Bát quái v.v., tuy rằng đã kinh qua mấy nghìn năm, nhân loại hôm nay vẫn chỉ có thể thán phục mà không có cách nào lý giải hoàn toàn. Từ Hiên Viên Hoàng Đế hướng về Thần Tiên Quảng Thành Tử học Đạo, Khổng Tử hướng tới Lão Tử học Đạo, rồi đến Phật Pháp truyền về phương Đông, Nho Thích Đạo đặt định ra nội hàm văn hóa trọng đức hành thiện cho người Trung Quốc, lưu lại văn hóa Thần truyền chính thống. Hiên nhiên, tại Trung Quốc trong Văn hóa truyền thống, ngoài quy tắc tại nhân gian ra còn

có bộ phận thông với [Thiên], trong tâm lý con người u minh ngu muội vẫn có khao khát siêu thoát khỏi thế tục trần gian, người Trung Quốc xem nội hàm chân chính của sự khiêm nhường là kính úy đối với Thần. Cho dù quốc gia phát sinh bất kể thiên tai nhân họa gì, thì đều có quan hệ với bản thân [Thiên tử], Hoàng Đế cần phải tự mình phản tỉnh, tiến hành đại xá hoặc là tắm gội trai giới mà Lễ kính Thiên Thần.



Thần Nông ném thử trăm loại thảo dược

Tuy nhiên, kể từ thế kỷ trước Chủ nghĩa Cộng sản gây họa loạn nhân gian, sau khi Trung Cộng đoạt lấy chính quyền, vì để duy trì sự thống trị của Cộng sản, Trung Cộng triển khai vận động bạo lực toàn diện nhằm phá hủy Văn hóa Thần truyền của Trung Quốc, sử dụng các hệ thống nhằm thay thế Văn hóa truyền thống, kiến lập thể hệ Văn hóa đảng phi tự nhiên. Trong hệ

thống thay thế hiện nay, Trung Cộng dùng Thuyết [vô Thần luận] cắt đứt tín ngưỡng đối với Thần từ mấy nghìn năm qua của người Trung Quốc, lại đưa [Thuyết duy vật] của Đảng Cộng sản làm phương pháp cơ bản nhận thức thế giới và lịch sử mà cưỡng chế nhồi nhét vào người dân, lấy bạo lực và đấu tranh làm lý luận chỉ đạo, đồng thời dựa theo giá trị quan của Đảng Cộng sản mà đánh giá phân biệt tinh hoa và cặn bã, tiến bộ và lạc hậu, phủ nhận một cách toàn diện Văn hóa truyền thống chính thống của Trung Quốc, từ đó dân tộc mất đi gốc rễ văn hóa, sau đó trong tình huống người dân Trung Quốc đối diện với [Vô thần, duy vật, không có gốc rễ văn hóa] mà tuyên truyền sự vĩ đại của Marx, Engels, Lenin và Mao Trạch Đông, tiến hành cái thứ [nhân tạo Thần] của Đảng Cộng sản. Đến lúc này, [Trung Cộng] áp dụng vào thực tiễn một bộ văn hóa biến dị nhằm cải tạo tư tưởng hàng trăm triệu người Trung Quốc, đồng thời xác lập nên hệ thống lý luận Văn hóa đảng phản Thiên, phản Địa, phản nhân tính.

I.1 – TUYÊN TRUYỀN THUYẾT VÔ THẦN

LỊCH SỬ NHÂN LOẠI mấy nghìn năm đã hình thành nên rất nhiều thể hệ văn hóa đa dạng, cùng tồn tại với thể hệ chế độ xã hội. Trong tất cả mọi thể hệ, thì giá trị quan sau cùng của nhân loại đều mang hình thức Thần linh hoặc Thiên ý, tồn tại siêu xuất khỏi quyền lực thi hành chính trị nơi thế gian con người. Bên trên Vua và Hoàng Đế, phải có Thần hoặc Trời làm chứng, giám hộ và dẫn dắt, là vì “quân quyền Thần thụ” (Quyền của vua là do trời ban). Trong một thể hệ như vậy, Thần linh và Thiên ý là lực lượng nhận định và phán quyết sau cùng đối với những giá trị quan nơi thế gian con người, có tác dụng phê bình và phán quyết với quyền lực cao nhất tại thế gian, phần nào hạn chế bớt khuynh hướng bành trướng vô hạn độ của [người nắm] quyền lực cao nhất ở thế tục. Đồng thời trong cuộc sống thế tục bình thường, Thần linh và Trời cũng đóng vai trò hết sức quan trọng như nhau trong việc quy chuẩn hành vi của con người, hạn

chế sự bành trướng dục vọng cá nhân của con người, cũng tồn tại với hình thức siêu xuất khỏi lợi ích nơi thế gian con người. Trong lịch sử, văn hóa bao gồm nhân tố “kính Trời”, “Thần quyền” đều thể hiện khắp các nơi trên thế giới, dù trong chế độ dân chủ của xã hội phương Tây hiện đại, cũng có thể thấy được hình dáng của “Thần” trong văn hóa Cơ đốc giáo.

Nhưng Đảng Cộng sản lại cho rằng, Thuyết hữu Thần truyền thống đã thách thức sự nắm quyền hợp pháp của nó. Thể hệ giáo dục của đa số các quốc gia đều giữ thái độ trung lập với khái niệm Thần, tức là không thừa nhận cũng không phủ định sự tồn tại của Thần. Trên thực tế, khoa học hoàn toàn không phủ nhận sự tồn tại của Thần, cũng không chứng thực Thuyết vô Thần. Thuyết tiến hóa, cái mà Đảng Cộng sản tuyên truyền là cơ sở của “khoa học” tới nay cũng chỉ là một loại giả thuyết chưa được chứng thực, nếu không, những người theo Thuyết tiến hóa vì sao vẫn đang dốc sức đi tìm chứng cứ? Đề cao một loại học thuyết như “Thuyết vô Thần”, thứ hoàn toàn phủ định bất kỳ sự tồn tại siêu nhiên như vậy, lên thành cao độ của thể hệ tư tưởng quốc gia, điều này chỉ có thể xảy ra tại những quốc gia nơi mà Đảng Cộng sản tìm kiếm sự cầm quyền hợp pháp của nó.

Cho nên trong Đảng Cộng sản không có Sáng Thế Chủ toàn trí toàn năng, mà chỉ có những sinh mệnh do các đại phân tử ngẫu nhiên va chạm, trải qua mấy tỷ năm mà tiến hóa thành người, con người lại căn cứ theo luật rừng xanh “Quần ngư tranh thực”, trải qua đấu tranh giai cấp mà từ xã hội nô lệ, xã hội phong kiến, xã hội tư bản chủ nghĩa “tiến hóa” tới xã hội Xã hội Chủ nghĩa. Cách nói vô vàn chỗ sơ hở này dù đã trả lời vấn đề vì sao Đảng Cộng sản phải cầm quyền, nhưng vẫn không thể ăn nhập với nhận thức về Văn hóa truyền thống đối với xã hội, lịch sử và chính quyền.

Chính giáo truyền thống đều dạy con người tu tâm hướng thiện, sống hài hòa với tự nhiên, còn Đảng Cộng sản lại đấu với Trời, đấu với Đất, đấu với con người; những người tín ngưỡng chính giáo có truy cầu về hạnh phúc vĩnh hằng nơi thế giới Thiên quốc, không xem trọng vinh hoa và hưởng thụ tại thế gian,

thậm chí họ còn có thể nhìn thấu sinh tử, còn Đảng Cộng sản lại dựa vào đàn áp và giết chóc nhằm khủng bố dân chúng, dùng ham muốn vật chất để mua chuộc dân chúng; những tiêu chuẩn thiện ác mà chính giáo gây dựng cho con người càng phản ánh rõ những hành vi đối địch với Trời của Đảng Cộng sản. Do vậy Đảng Cộng Sản coi sự tồn tại của tín ngưỡng là uy hiếp lớn nhất cho sự thống trị của nó.



Plekhanov, giáo viên của Lenin, nhà lý luận chủ nghĩa Marx của nước Nga, vào tháng 04 năm 1918 trong khi mắc bệnh nguy kịch đã để lại khẩu truyền trong cuốn “Di chúc chính trị” được công bố vào tháng 11 năm 1999 sau khi Liên bang Xô Viết sụp đổ, từng chỉ ra một cách xác thực rằng: “Lenin xưa một nửa người dân Nga bước vào tương lai Chủ nghĩa xã hội hạnh phúc và có thể giết sạch một nửa người dân Nga còn lại. Nhằm đạt được mục tiêu này, chuyện gì y cũng dám làm, nếu cần, thậm chí có thể liên minh với ma quỷ.”

Tại đây, nguyên tắc và giá trị về quyền lực và lợi ích siêu xuất khỏi thế tục đều bị tiêu biến, chỉ còn sót lại là quyền lực và lợi ích trần trụi, để đạt được mục tiêu có thể bất chấp mọi thủ đoạn. Đầu những năm 80 của thế kỷ trước, Trung Quốc từng triển khai cái gọi là “Thảo luận chân lý”, một trong những điểm quan trọng mà nó tranh luận chính là chân lý, chủ nghĩa nhân đạo, sự tốt đẹp, lương thiện v.v. có phải là thuộc tính giai cấp hay không? Trong mắt của Đảng Cộng sản, phải phù hợp với lợi ích của Đảng Cộng sản mới là đạo đức đáng được cổ vũ và phát huy, nếu không thì đều thuộc về những trường hợp nên bị nó đánh đổ.

Chương ngại lớn nhất trong việc tuyên truyền Thuyết vô Thần chính là các loại tôn giáo, tín ngưỡng. Do đó, sau khi Trung Cộng cướp đoạt chính quyền liền dùng danh nghĩa đàn áp “Bè phái bí mật phản cách mạng” để giơ lên con dao đỏ tể nhằm vào Phật giáo, Đạo giáo, Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa giáo; và cử đặc vụ xâm nhập vào trong nội bộ tôn giáo mà thành lập hiệp hội, một mặt cả gan bóp méo kinh điển tôn giáo nhằm mê hoặc tín đồ, mặt khác tuyên bố trung thành với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đặt Trung Cộng vào vị trí cao hơn cả Thần trong tôn giáo, tín ngưỡng.

Đời người có ba câu hỏi lớn: Ta là ai, từ đâu tới, sẽ đi về đâu. Những giải thích của tín ngưỡng truyền thống về những điều đó lần lượt là: Thuyết Thần sáng thế, kiếp trước, kiếp này và Thiên quốc, Địa ngục. Thay thế cho “Thuyết Thần sáng thế” là Thuyết vô Thần, tuyên truyền “từ vượn thành người”, “lao động sáng tạo nên con người”; “đời trước, đời này” trở thành “Hai tầng trời

của xã hội cũ và mới”, “Thiên quốc, Địa ngục” trở thành “Chủ nghĩa Cộng sản” viễn tưởng hư không.

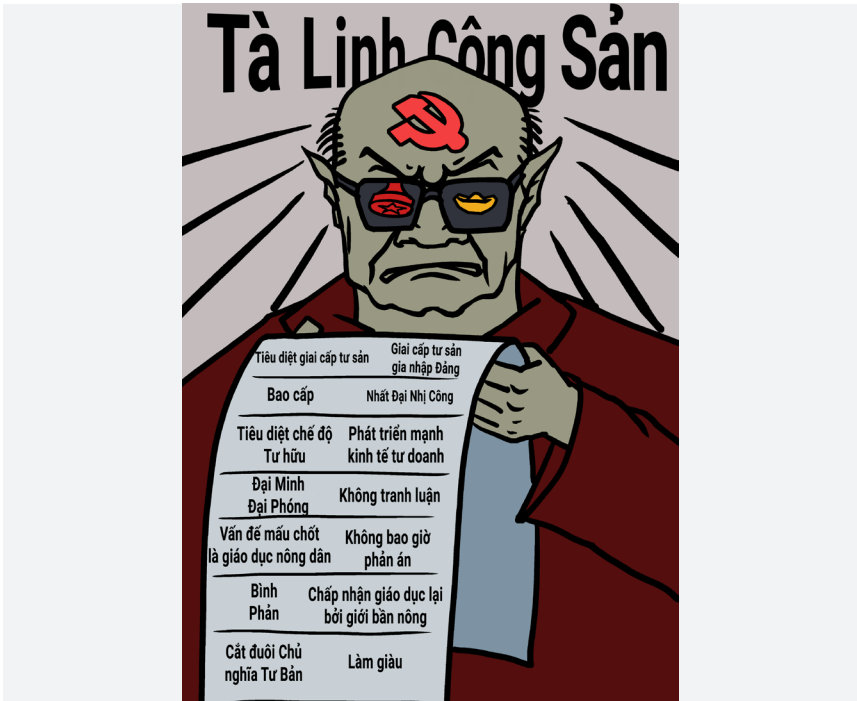
Trong tín ngưỡng truyền thống, “Trên đầu ba thước có Thần linh”, họ giám sát, bảo vệ con người bằng năng lực siêu thường. Sau khi Trung Cộng phá hủy tín ngưỡng của con người đã không ngừng thổi phồng bản thân mình là “vĩ đại, quang vinh, chính xác”, “dẫn dắt chúng ta đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác”. Trong tôn giáo có Sáng Thế Chủ, Trung Cộng lại nói rằng xưa nay không hề có Sáng Thế Chủ, bản thân nó mới là “đại cứu tinh của nhân dân”.

Tín ngưỡng chính thống có đặc tính ổn định. Giê-su nói “Dù cho Trời đất phải bỏ đi, lời của ta không thể bỏ đi”, người Trung Quốc thì giảng “Thiên bất biến, Đạo diệc bất biến.” (Trời không đổi, Đạo cũng không đổi) Do đó những người có tín ngưỡng chính giáo sẽ phán đoán đúng sai theo kinh điển của nó, nên tiêu chuẩn thị phi này là ổn định. Còn Đảng Cộng sản căn cứ theo yêu cầu chính trị của nó, không ngừng cải biến hoặc lật đổ những tiêu chuẩn thị phi mà nó đang tuyên truyền. Một điểm nóng cốt nhất trong giá trị quan của Đảng Cộng sản là quyền lực và lợi ích, nếu không chịu sự khống chế quyền lực của Đảng Cộng sản, hoặc không phù hợp với nó thì dù là lợi ích tạm thời, cũng đều bị nhổ tận gốc bởi cái mũ “phản động”.

Như Stalin diệt trừ Trotsky, một lãnh tụ cách mạng cộng sản Nga, Mao Trạch Đông cũng diệt trừ Lưu Thiếu Kỳ, lãnh tụ của Đảng Cộng sản, hoàn toàn không có vấn đề giá trị quan, mà là vấn đề phân chia quyền lực. Trong thời kỳ Đại Cách mạng Văn hóa tại Trung Quốc, một lượng lớn những tổ chức lý luận của “nhóm chủ nghĩa Marx”, “nhóm Chủ nghĩa Cộng sản” bị tuyên truyền là tổ chức phản động, sau này Dương Tiểu Khải trở thành nhà kinh tế nổi tiếng chính là vì tham gia vào nhóm lý luận này, đã bị tuyên án tù 10 năm. Năm 2001 Tỉnh ủy tỉnh Giang Tây của ĐCSTQ đã tuyên bố một tập văn kiện của trung ương ĐCSTQ về việc giảm nhẹ gánh nặng cho nông dân, là tài liệu phản động, hạ lệnh tịch thu và tiêu hủy toàn bộ. Nguyên nhân vô cùng đơn giản, bởi vì những văn kiện này không có lợi cho việc chính quyền địa phương tỉnh Giang

Tây chấp hành chính sách hà hiếp nông dân.

Từ việc tiêu diệt nhà tư bản tới cho phép nhà tư bản gia nhập đảng, từ “nhất đại nhị công” (một là quy mô lớn, hai là mức độ công hữu hóa cao) tới “bao sản đảo hộ” (giao sản lượng tới từng hộ), từ tiêu diệt chế độ tư hữu tới đốc sức phát triển kinh tế tư nhân, từ “đại minh đại phóng” (trăm hoa đua nở) tới “bất tranh luận” (không tranh luận), từ “vấn đề then chốt là giáo dục nông dân” tới “tiếp thụ giáo dục lại của nông dân”; từ Đặng Tiểu Bình “quyết không lật lại vụ án” tới khi Mao vừa chết đã lật lại vụ án, “người bên cạnh chủ tịch Mao” bị vệ sỹ trưởng của Mao bắt giữ thành tù nhân; “cắt đứt cái đuôi chủ nghĩa tư bản” trở thành “phát gia chí phú” (phát triển gia nghiệp trở nên giàu có), mỗi lần thay đổi đều là chính sách cũ đã đi vào ngõ cụt, nếu còn tiếp tục sẽ đe dọa tới an toàn của bản thân Trung Cộng.



Điều này cũng giống như Orwell^[1], một tác gia nổi tiếng của Anh từng nói: “Đặc điểm của những nước theo chủ nghĩa chuyên chế là: dù nó khống chế tư tưởng, nhưng nó lại hoàn toàn không cố định tư tưởng. Nó xác lập giáo điều không được phép nghi ngờ, nhưng lại sửa đổi điều đó mỗi ngày. Nó cần giáo điều, bởi vì nó cần thân dân của nó phục tùng tuyệt đối, nhưng nó không thể tránh khỏi thay đổi, bởi vì đây là sự cần thiết cho quyền lực chính trị.”

Trong thể hệ của Đảng Cộng sản, mối liên hệ giữa nhân tính và Thần tính bị cắt đứt một cách triệt để. Vai trò phê phán và phán quyết vượt trên quyền lực nơi thế gian con người bị bác bỏ, những nhận định và phán quyết về nguyên tắc và đạo đức trở thành một bộ phận của bản thân quyền lực thế tục. Những người theo Chủ nghĩa Cộng sản cho rằng, nếu không như vậy thì không thể thực sự thiết lập chính quyền Đảng Cộng sản một cách kiên cố. Tuy nhiên, loại giá trị quan này có thể chi phối hành vi của nhân loại, tất cả những bộ phận xấu ác do nhược điểm trong bản chất nhân tính biểu hiện ra, không thể tránh khỏi việc dần dần bị phát huy và phóng đại một cách đầy đủ, cuối cùng diễn biến thành thể hệ văn hóa đảng có một không hai.

I.2 – TUYÊN TRUYỀN THUYẾT DUY VẬT

THUYẾT VÔ THẦN LÀ CƠ SỞ CỦA VĂN HÓA ĐẢNG, phá hủy chính tín của con người đối với Thần, và để cho Trung Cộng có thể muốn làm gì thì làm nấy. Tuy nhiên, Trung Cộng vẫn còn muốn đi xa hơn nữa. Phép biện chứng của Thuyết duy vật và lịch sử Thuyết duy vật tạo dựng thế giới quan và phương pháp luận của Đảng Cộng sản, chính là một nền tảng khác của Văn hóa đảng, người dân Trung Quốc do chịu tẩy não từ Thuyết duy vật cho nên cách nhìn nhận thế giới và lịch sử đã hoàn toàn khác với [cách nhìn nhận] trong quá khứ.

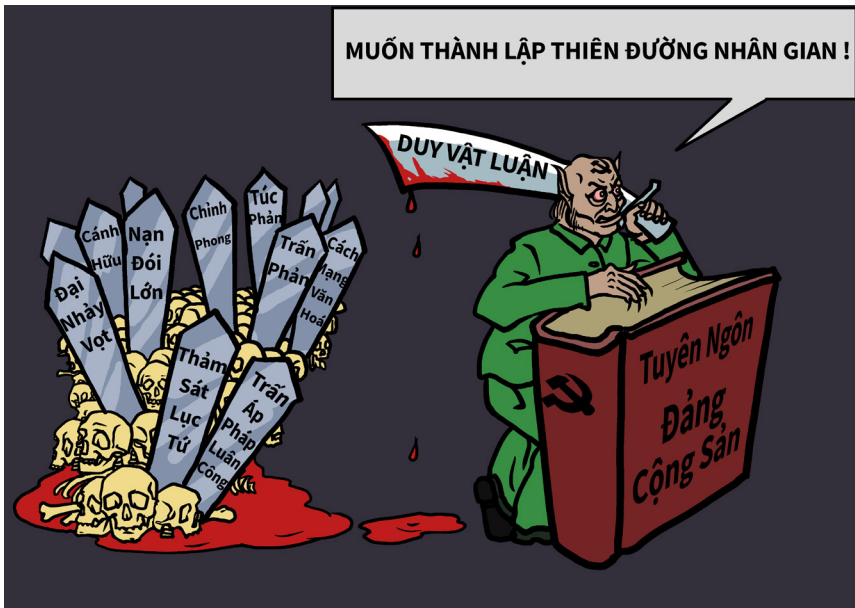
[1] George Orwell (1903-1950), một tiểu thuyết gia, một nhà phê bình, một nhà bình luận về văn hóa người Anh, nổi tiếng với hai quyển tiểu thuyết “1984” và “Trại Gia súc”.

Chủ nghĩa duy vật của Marx và Engels chẳng qua là một trường phái triết học rất có tính tranh luận. Nhà xuất bản Edward – Bernstein từng đưa bản thảo “Phép biện chứng tự nhiên” của Engels cho Einstein, đề nghị ông phát biểu ý kiến, xem xem bản thảo viết tay này có nên xuất bản hay không. Einstein sau khi xem qua “Phép biện chứng tự nhiên” của Engels thì không tán đồng, và nói rằng: “Nếu như bản thảo này không phải là của một nhân vật lịch sử mà là một tác giả muốn thu hút sự chú ý của người dân, nếu vậy thì tôi kiến nghị rằng không nên đưa ra xuất bản.” “Bởi vì bất luận nhìn nhận từ quan điểm của vật lý học đương thời, hay là từ phương diện lịch sử vật lý học mà nói, nội dung của bản thảo này đều không có sự hấp dẫn đặc biệt nào”. Tuy nhiên Đảng Cộng sản lại biến Chủ nghĩa Marx-Lenin thành “chân lý” “tiêu chuẩn cho khắp mọi nơi”, trở thành nội dung cải cách trong sách giáo khoa, năm này qua năm khác, tháng này qua tháng khác, ngày này qua ngày khác đều phải nói đến.

Thuyết duy vật trong biện chứng duy vật của Marx và Thuyết duy vật truyền thống cũng khác nhau, ông ta cho rằng Thuyết duy vật truyền thống chẳng qua chỉ là một loại triết học duy tâm, còn Thuyết duy vật của Marx lại dùng để cải tạo thế giới, triết học nên ngừng bày binh bố trận trên giấy về hiểu biết thế giới, mà triết học cần tham gia vào đấu tranh giai cấp. Đến nay, Thuyết duy vật này đã không đơn giản là một loại triết học, nó không những dự đoán về cái gọi là tiến trình lịch sử từ xã hội Phong kiến đến xã hội Tư bản Chủ nghĩa cho đến lịch sử Chủ nghĩa Cộng sản, mà lại nhìn nhận rằng để đạt đến Chủ nghĩa Cộng sản thì phải dựa trên cách mạng bạo lực.

Lý luận của Chủ nghĩa Cộng sản khi vừa xuất hiện với đầy tràn sắc thái lý tưởng chủ nghĩa, muốn kiến lập lý tưởng [Thiên Đường] tại nhân gian đã mong muốn thu hút nhiều người nhiệt huyết tham gia cùng họ, kết quả là truyền bá họa đồ (máu) đến mấy chục quốc gia, hàng tỷ người bị nô dịch, hàng trăm triệu người bị chết oan uổng. Nếu chỉ có cách dùng bạo lực để duy trì chính quyền sẽ không dài lâu, [cho nên] Đảng Cộng sản trong khi [làm hết các việc xấu] đồng thời còn ra sức [nói đủ lời tốt đẹp], cụ thể là dùng những lời dối

trá để đưa ra giải thích “hợp lý” cho việc sát hại đẫm máu. Lời dối trá này thông qua lý luận Chủ nghĩa Cộng sản được bao bọc tinh vi, từ đó khiến nó hiển thị ra diện mạo tốt đẹp và hoàn hảo, nó không chỉ biện hộ cho việc giết người, mà còn đề xuất ra một bộ lý luận chỉ đạo và khống chế ở tất cả các phương diện như: chính trị, kinh tế, quân sự, pháp luật, khoa học, giáo dục, quản lý xã hội, y tế vệ sinh, thậm chí cả nhà cửa, dưỡng lão và sinh hoạt gia đình v.v. đối với lịch sử cũng đề xuất ra một bộ lý luận của riêng nó. Ở một phương diện khác, Trung Cộng muốn tiến hành khống chế toàn diện đến tận các tế bào nhỏ đối với các ngành nghề trong xã hội.



Chủ nghĩa duy vật của Marx vừa hay lại cung cấp lý luận chỉ đạo hành động cụ thể cho bạo lực cách mạng của Đảng Cộng sản và triết học đấu tranh v.v. Biểu hiện ban sơ nhất của chủ nghĩa Duy vật của Văn hóa đảng là chủ nghĩa tôn sùng bạo lực. Do đó chúng ta thấy được:

KARL-MARX: *“Chỉ có thể dùng lực lượng vật chất phá hủy lực lượng vật chất.”*

ENGELS: *“Súng ống, đạn pháo là những thứ có uy quyền nhất.”*

LENIN: *“Bạo lực có hiệu quả gấp 100 lần so với biện luận”, “Quốc gia là công cụ của áp bức giai cấp”*

MAO TRẠCH ĐÔNG: *“Quyền lực chính trị lớn lên từ nòng súng.”*

LÂM BƯU: *“Chính quyền chính là quyền trấn áp, có chính quyền rồi, hàng triệu phú ông, hàng tỷ phú ông, trong một đêm có thể đánh ngã.”*

Như hiện nay, Chủ nghĩa duy vật của Văn hóa đảng tiến một bước phát sinh ra “chủ nghĩa tôn sùng vật chất”, “chủ nghĩa sùng bái kim tiền”, “chủ nghĩa hưởng lạc”, cuối cùng dẫn đến “chủ nghĩa duy lợi”, nó dẫn dắt con người thực sự đi đến chỗ đạo đức suy bại, tha hóa. Nhiều người Trung Quốc đương đại, gồm nhiều người thuộc “phần tử tri thức”, phủ phục dưới sự đàn áp bạo lực và chính sách thu mua kim tiền của Trung Cộng, trở thành những người triệt để theo “chủ nghĩa duy lợi”.

Mê tín bạo lực và kim tiền của Trung Cộng không lý giải được sức mạnh của tín ngưỡng, nó đàn áp tín tâm cũng lại từ chính cái gọi là “chủ nghĩa duy vật” của nó.

Chủ nghĩa duy vật phủ định tác dụng của đạo đức, cho rằng không có đạo đức phổ quát siêu việt đối với nhân loại. Cái gọi là đạo đức đều là thuộc về từ một giai cấp nào đó, mà tại Trung Quốc, những người dẫn giải và đặt định nghĩa về đạo đức tất yếu đều là Đảng Cộng sản. Trung Cộng trong lịch sử đấu tranh chính trị tiến hành làm mưa làm gió lật đổ đạo đức phổ quát một cách triệt để. “Đạo đức bao tiền một cân?” – câu nói này chính là điển hình cho tư duy logic của “các nhà chủ nghĩa duy vật” chịu nhận giáo dục của Văn hóa đảng mà sinh ra.

Chủ nghĩa duy vật tạo nên sự thờ ơ lãnh đạm đối với sinh mệnh. Bởi vì không thừa nhận yếu tố tinh thần của con người, chỉ thừa nhận yếu tố nhục

thể, Engels cho rằng sinh mệnh chẳng qua là hình thức tồn tại của Protein. Một cá nhân chết đi, chẳng qua chỉ là một đám Protein thay đổi hình thức tồn tại mà thôi, không có gì to tát cả, đây là cơ sở lý luận trọng yếu của Đảng Cộng sản để giết người.



Chủ nghĩa duy vật trực tiếp phủ định tác dụng của lương tri. Con người tin Thần, sau khi làm việc ác đều cảm thấy lương tâm cắn rứt, lo lắng Thần minh giám sát, nhân quả báo ứng. Mà Thuyết vô Thần lại hành ác không có bất kể kiêng kỵ gì, chính là giống như Mao Trạch Đông nói: “Người theo Thuyết duy vật triệt để, không có gì phải sợ hãi.” Nếu không có Thần, chỉ có bạo lực thế gian mới có thể trừng phạt con người, đặc biệt là khi một cá nhân hoặc bản thân tổ chức chính là những kẻ ác nắm giữ bạo lực nhân gian, như vậy thì còn có việc ác nào mà không dám làm?

Mà càng quan trọng, là nhìn nhận về giá trị đạo đức thiện ác, từ sự tồn tại siêu việt khỏi thế giới trần tục nhân loại của Thần và Thiên ý ở đây bị bác bỏ, mà hoàn toàn trở thành một bộ phận quyền lực thế tục, lại tùy theo sự sa đọa suy đồi của quyền lực thế tục mà mất hết thanh danh, cuối cùng hoàn toàn chuyển thành loại giá trị quan mà trong đó coi xét lợi ích cá nhân là thước đo nhìn nhận thiện ác, tốt xấu.

Văn hóa đảng nhìn nhận rằng “vật chất quyết định ý thức”, “cơ sở kinh tế quyết định kiến trúc thượng tầng”, do đó phát triển kinh tế tất sẽ dẫn đến văn minh chính trị, dân chủ hoàn thiện, pháp chế kiên toàn, đạo đức thẳng hoa, văn hóa phồn vinh, loại phương thức tư duy triệt để của “chủ nghĩa duy vật” trong Văn hóa đảng này, chúng ta đã tự mất chứng kiến trong mười mấy năm mở cửa cải cách cùng với chính trị hủ bại, chuyên chế hoành hành, đạo đức mất dần, văn hóa điêu linh, hệ thống tư pháp chuyên chế đồng lõa cùng với hiện tượng giả mạo triệt để.

Khi Trung Cộng dùng phát triển kinh tế để biện hộ cho mình thường hạn cuộc vào một tình huống tiến thoái lưỡng nan. Khi bạn chỉ trích Trung Quốc thiếu dân chủ và hệ thống pháp luật; tín ngưỡng, ngôn luận, hội họp và tự do cơ bản khác bị bạo lực tàn khốc mà vô liêm sỉ của quốc gia tước đoạt đi, Trung Cộng sẽ lấy phát triển kinh tế không đạt, trình độ giáo dục thấp, tổ chức của người dân thấp kém làm lý do.

Kết quả có thật sự như vậy không?

“Chúng ta không nên cho rằng, chỉ có tàu thuyền và súng đạn hùng mạnh thì có thể tính là cường quốc. Chúng ta cần thấy rằng, bản thân dân chủ chính là một lực lượng. Hết thủy của cải, hết thủy vũ khí quốc phòng, chỉ có kết hợp với dân chủ làm một, mới có thể thực sự tính là lực lượng lớn mạnh.”

“Họ cho rằng Trung Quốc thực hiện chính trị dân chủ, không phải là sự việc hôm nay, mà là sự việc một số năm về sau này, họ hy vọng người dân Trung

Quốc nâng cao kiến thức và giáo dục đạt đến như các nước tư bản dân chủ Âu Mỹ, rồi mới thực hiện chính trị dân chủ v.v. Nhưng thực ra chính trong chế độ dân chủ càng dễ dàng giáo dục và đào tạo huấn luyện dân chúng.”

Hai đoạn văn trên là trích dẫn từ Tân Hoa Nhật Báo, tờ báo chính thức của Đảng Cộng sản Trung Quốc, chẳng qua là thời gian in ấn vào ngày 05 tháng 03 năm 1944 và ngày 25 tháng 02 năm 1939, vào lúc đó những phê phán này đặc biệt nhắm vào Quốc dân trong thời chiến tranh với chính phủ Quốc dân đảng.

Có thể thấy, Trung Cộng trước khi đoạt được chính quyền, từ trước giờ không cho rằng trạng thái kinh tế và trình độ giáo dục của người dân là chướng ngại thực hiện dân chủ, mà trạng thái kinh tế hiện nay và trình độ giáo dục cộng lại so với thời kỳ chiến tranh kháng Nhật, Quốc [Dân đảng] – Cộng sản nội chiến thì tốt hơn nhiều, làm sao ngược lại trở thành chướng ngại được?

Điều đáng châm biếm hơn là, Trung Cộng rêu rao “duy vật”, bản thân thì lại không [duy vật]. Trung Cộng rao giảng “vật chất quyết định ý thức”, nhưng từ trước giờ bộ máy tuyên truyền ý thức hình thái được coi là trọng yếu hơn nhiều so với bộ phận nông nghiệp. Dưới bảng quảng cáo của chủ nghĩa duy vật, Trung Cộng lại một lần nữa phạm phải sai lầm “duy ý chí luận” – “con người gan lớn bao nhiêu, đất có sản lượng cao bấy nhiêu”, “một ngày bằng với 20 năm”, “bước nhanh tiến nhập vào Chủ nghĩa Cộng sản”, v.v. Bành Đức Hoài^[2] cho rằng dựa theo những khẩu hiệu “thùng rỗng kêu to” này, “nhiệt tình của giai cấp tiểu tư sản” được xem là không phù hợp phép tắc kinh tế và quy luật khoa học, bị Mao Trạch Đông đem ra cho là “đoàn thể phản đảng”, và toàn

[2] Bành Đức Hoài, một tướng lĩnh quân sự có nhiều đóng góp cho Đảng Cộng sản Trung Quốc và Mao Trạch Đông gọi ông là Bành Đại tướng quân. Tuy nhiên, ông bị phê phán nặng nề năm 1959 bởi những nhận xét về chính sách Đại nhảy vọt mà Mao Trạch Đông cho là không chấp nhận được. Chủ tịch Mao đồng ý rằng có một số sai sót nhưng nhìn chung là có tiến bộ tích cực. Bành Đức Hoài được gợi ý viết bản tự phê bình. Mao Trạch Đông, không còn nghi ngờ gì nữa, đối xử với ông như với kẻ thù. Nguyên soái bị đình chỉ mọi chức vụ, bị theo dõi và quản chế tại nhà riêng tại Thành Đô, Tứ Xuyên. Người thay thế ông ở cương vị Bộ trưởng Quốc phòng là Lâm Bưu. Thực tế, Bành Đức Hoài bị lưu đày, bị xa lánh trong suốt 16 năm còn lại của cuộc đời.

quốc bắt đầu “phản đối chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh”. Cuối cùng trực tiếp dẫn đến nạn đói lớn khiến 30 triệu người chết đói, đây thực sự là kết quả “duy tâm” của Trung Cộng.

Năm 1960, Lâm Bưu^[3] đề xuất: “Yếu tố con người đệ nhất, công tác chính trị đệ nhất, tư tưởng công tác đệ nhất, tư tưởng sống đệ nhất, đó là sự chỉ đạo của công tác chính trị, tư tưởng quân sự của chúng ta, cũng là phương hướng kiến thiết quân đội.” Đề xuất “Bốn cái đệ nhất” sẽ thiết lập nên tư tưởng, không nghi ngờ gì đây thuộc về “chủ nghĩa duy tâm”, Mao lại khen ngợi là: “Ai nói người Trung Quốc không sáng tạo? ‘Bốn cái đệ nhất’ tốt, đây là sáng tạo.” Ngày 01 tháng 02 năm 1964, trong xã luận của “Nhân dân nhật báo” có viết: ‘Toàn quốc đều cần học tập quân giải phóng’ ủng hộ mạnh mẽ ‘Quân đội giải phóng lớn nắm giữ công tác chính trị tư tưởng, kiên trì nguyên tắc ‘bốn cái đệ nhất’. Đây là những nguyên nhân Quân đội giải phóng nhân dân bất khả chiến bại.”

Đến nay, Trung Cộng vẫn đang khoe khoang “Tam đại biểu”, tung hô với mấy chục chữ như “hình thành một hệ thống khoa học”, là “gốc rễ của việc thành lập đảng”, “nền tảng của việc chấp chính, ngọn nguồn của sức mạnh” của Đảng Cộng sản. Bộ trưởng tuyên truyền hô hào: “Phải hết sức nỗ lực để làm tư tưởng quan trọng ‘Tam đại biểu’ thâm nhập vào nhân tâm, trở thành kim chỉ nam cho hành động của quảng đại quần chúng cán bộ, trở thành chỉ dẫn cơ bản cho các công tác của chúng ta.” Vì vậy mà trên một số bức tường tại khu vực nông thôn, đều bỗng nhiên xuất hiện biểu ngữ lớn: “Dùng ‘Tam đại biểu’ chỉ đạo công việc giết mổ của chúng ta.”

[3] Lâm Bưu (1907-1971), một nhà hoạt động chính trị và quân sự Trung Quốc, gia nhập Đảng Cộng sản Trung Quốc khi đang theo học Trường Quân sự Hoàng Phố. Năm 1955, Lâm Bưu vào Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc cùng lúc với Đặng Tiểu Bình và đến năm 1958, Lâm Bưu là một trong năm Phó Chủ tịch Đảng Cộng sản Trung Quốc. Năm 1959, Lâm Bưu giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng thay Bành Đức Hoài. Lâm Bưu từng được chọn là người kế nhiệm Mao Trạch Đông năm 1966 nhưng sau đó bị thất sủng vào năm 1970. Ngày 13 tháng 09 năm 1971, Lâm Bưu tử nạn máy bay ở Mông Cổ khi đang trốn chạy sau vụ mưu sát Mao Trạch Đông không thành. Năm 1973, Lâm Bưu bị khai trừ khỏi Đảng Cộng sản Trung Quốc. Năm 1981, ông bị Tòa án Tối cao nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa kết tội phản cách mạng.

Vô luận là “chủ nghĩa duy vật” và nói về dân chủ, đều bị dựng nên một lý luận khác trong hệ thống của Đảng Cộng sản, đây chính là phương pháp biện chứng. Công dụng của phép biện chứng, là làm thế nào đem “trắng” nói thành “đen”. Trong hệ thống thoại ngữ đầy tính bốn cột của Đảng Cộng sản, ngựa trắng không phải là ngựa, màu trắng xám không phải là trắng, vậy mà có đại đa số người lại tiếp thụ một cách vô tri vô giác. Do đó, “nền kinh tế thị trường tê liệt” bị xưng là “kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa”, “độc tài chuyên chính” thành “dân chủ xã hội chủ nghĩa”, vi phạm nhân quyền trở thành “lý luận nhân quyền chủ nghĩa xã hội đặc sắc của Trung Quốc”. Tóm lại, chỉ cần sau khi được tô điểm thêm thắt vào, liền đó có thể tùy ý thay đổi định nghĩa ban đầu của từ. Sau khi cái thứ hoang ngôn “biện chứng” này tràn ngập các khái niệm trước đây ở Trung Quốc Đại lục, đến tận hôm nay nó vẫn còn đang tiếp tục phát sinh.

I.3 – PHỦ ĐỊNH VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG



Như đã nói trong Phần giới thiệu, Văn hóa truyền thống Trung Quốc là nền văn hóa bán Thần. Văn hóa Thần truyền được phản ánh ở rất nhiều phương diện trong văn hóa Trung Hoa, cũng có gốc rễ thâm sâu trong sinh hoạt dân

gian. Ở một nửa khác của thế tục, người Trung Quốc xem luân lý xã hội là một loại tín ngưỡng, Trung Hiếu Nhân Nghĩa, là tiêu chuẩn tối quan trọng xác định đạo đức tốt xấu, phẩm đức cao thấp.

Tại Trung Quốc, bất trung – bất hiếu – bất nhân – bất nghĩa, đủ để làm cho một cá nhân không cách nào có thể tiếp tục tồn tại trong xã hội. Phần Chu Tụng trong Kinh thi có viết: “Duy Thiên chi mệnh, vu mục bất dĩ. Thượng Thiên đích mệnh lệnh, vĩnh viễn thị phi thường địa nghiêm túc.” (Giữ gìn mệnh số theo Trời, cung kính không ngừng. Mệnh lệnh của Thiên thượng, vĩnh viễn là nghiêm túc phi thường.) Tại Trung Quốc cổ đại, Thần linh thường dùng hình thức xưng danh hoặc ngay cả không có danh xưng, ẩn tàng phía sau “Thiên”, người Trung Quốc kiên định tin tưởng rằng, đạo đức và phán quyết cuối cùng của đời sống thế tục, không nghi ngờ gì nữa, ắt là Thần.

Sau khi Phật giáo truyền nhập vào Trung Quốc, theo sự lưu truyền trong dân gian người Trung Quốc tin tưởng chắc chắn rằng có Thiên đường, Địa ngục và luân hồi chuyển thế, thiện ác hữu báo. Quan niệm và đạo đức luân lý này được người Trung Quốc kiên trì hình thành nên một cơ sở giá trị của cộng đồng, trở thành cơ sở của Văn hóa truyền thống Trung Quốc.

Một phần quan trọng của Văn hóa Trung Quốc, do phần tử tri thức truyền thống Trung Quốc đảm nhận. Bộ phận này, lấy lịch sử làm nền tảng mà suy đoán trước và dự ngôn cho thịnh suy hưng vong. Trên thế giới từ trước đến nay, không có bất kỳ một dân tộc nào coi trọng lịch sử như người Trung Quốc. Ngay từ thời kỳ sơ khai, dân tộc Trung Hoa đã sáng tạo ra chữ viết, do đó ghi chép lịch sử trở thành việc quan trọng nhất trong từng triều đại. Thương Hiệt tạo ra chữ viết, chính là Sử quan của Hiên Viên Hoàng Đế. Thời Xuân Thu loạn thế; trong bốn vị sử quan của Tề quốc là Bá, Trọng, Quý thì có ba vị bị chém đầu, chỉ vì viết một câu chân thực: “Ngày Ất Hợi, tháng năm, mùa hạ Thôi Trữ giết Vua Quang (Tề Trang Công)” [4]. Thở tre dùng để viết chữ không hề dễ dàng, Tư Mã Thiên chính là sau khi chịu nhận cung hình, dưới ánh đèn dầu mà viết vào thẻ tre

cuốn “Sử Ký” hơn 50 vạn chữ. Bắt đầu từ Triều đại nhà Hán trở đi, truyền thống ghi chép lịch sử “Cách đại tu sử” khiến Trung Quốc trở thành nước duy nhất trên thế giới ghi chép đầy đủ lịch sử quốc gia qua các triều đại với độ chuẩn xác cao.

Qua nhiều triều đại, người ghi chép về lịch sử đều là học giả có đạo đức cao, yêu cầu phải có cả “Sử học, Sử thức, Sử tài, Sử đức”. Sau khi ghi chép sự việc, thường có bình luận theo kiểu “Thái sử công viết” hoặc là “Thần Quang viết”, những bình luận này thể hiện sự đánh giá thị phi của tác giả đối với một sự kiện đứng trên quan điểm Nho gia. Do đó, sử sách Trung Quốc không những ghi chép được sự kiện chân thực của lịch sử, mà còn bao quát được tình huống đương thời như: Quan chế (chế độ quan viên), Thiên văn, Địa lý, Thủy lợi, Thương nghiệp, Binh pháp, Âm nhạc, Khoa học, v.v. Các khía cạnh khác của cuốn sách “Bách khoa toàn thư” còn bao hàm cả sự tu sửa bảo trì lịch sử của các nhà Nho chính thống.



- [4] Tề Trang Công gian dúi với vợ đại phu Thôi Trữ là Đường Khương, Năm 548 TCN, Thôi Trữ lập mưu giết chết Tề Trang công. Thôi Trữ truyền cho quan Thái Sử Bá chép là Tề Trang Công bị bệnh sốt rét mà chết. Thái sử Bá chép rằng “Ngày Ất Hợi, tháng năm, mùa hạ Thôi Trữ giết Vua Quang”. Thôi trữ nổi giận giết Thái Sử Bá. Thái Sử Bá có 3 người em là Trọng, Thúc, Quý. Trọng thay anh làm Thái Sử. Cứ chép như cũ. Thôi Trữ lại giết đi. Đến lượt Thúc cũng vậy. Đến lượt Quý cũng vẫn chép đúng như vậy.

Lịch sử quan Nho gia này được truyền tải một cách cẩn trọng trong Truyền thống văn hóa Trung Hoa, cũng là đối tượng mà Trung Cộng khi mới nắm quyền tức thì yêu cầu tiêu diệt. Mà vũ khí lớn được Đảng Cộng sản dùng để tiêu diệt Văn hóa Trung Quốc chính là chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử lý giải sự phát triển của lịch sử thành kết quả của “đấu tranh giai cấp” và kết quả của mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, lại còn “dự ngôn” giai cấp vô sản đấu tranh với giai cấp tư sản để thành lập chính quyền, mà Đảng Cộng sản tự cho rằng mình là đội tiên phong của giai cấp vô sản tự nhiên trở thành nhà cầm quyền. Theo phương pháp phân tích kiểu giai cấp này, các bậc Đế vương cổ đại và các phân tử tri thức vô luận là làm ra bao nhiêu việc tốt, chỉ bởi họ đại biểu cho giai cấp bóc lột, thì đều nên chịu sự phủ định và phê phán; mà những kẻ bạo động tạo phản, vô luận là họ giết hại bao nhiêu người, gian dâm bao nhiêu phụ nữ, chỉ bởi họ là giai cấp vô sản hoặc những người bị áp bức bóc lột, thì đều nên nhận được tán dương và cổ vũ; mà trong lịch sử những vị quan chức liêm chính thương dân như con, thì Trung Cộng cho là hòa hoãn với “mâu thuẫn giai cấp”, nhằm kéo dài sự thống trị của giai cấp địa chủ, còn bị những tham quan không điều ác nào không làm phê phán nghiêm trọng.

Người Trung Quốc tin rằng “Tử sinh hữu mệnh, phú quý tại Thiên”, rồi còn “Thiện ác hữu báo”, cho rằng danh lợi phú quý đều là đời trước tích lại cho đời này. Vô luận là phú quý hay là bần cùng, “Đạt tắc kiềm tế thiên hạ, cùng tắc độc thiện kỳ nhân” (giàu có thành đạt thì lo cho thiên hạ, nghèo khó thì tu dưỡng đạo đức bản thân mình cho tốt), do đó không hề tồn tại lịch sử quan về “đấu tranh giai cấp” như Đảng Cộng sản nhối nhét: “Cho đến hôm nay tất cả lịch sử trong xã hội đều là lịch sử đấu tranh giai cấp.

Văn hóa truyền thống Trung Quốc là một nền văn hóa bao dung, Nho – Thích – Đạo, tam giáo cùng tồn tại, trong học thuyết của Nho gia, Lý học của “Trình – Chu”^[5] và Tâm học của “Lục – Vương”^[6] cùng tồn tại; trong Đạo giáo, “Chính nhất giáo ở phương Nam” với “Toàn chân giáo ở phương Bắc”

cùng tồn tại; Thiên Tông, Tịnh độ, Thiên Thai, Hoa nghiêm, v.v. các tông phái khác nhau trong Phật giáo cùng tồn tại; thậm chí bên Tây Phương có Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa giáo, Chính Thống giáo Đông Phương, Do thái giáo, Hồi giáo, v.v. cũng đều hòa hợp với văn hóa Trung Quốc. Đây là biểu thị sự dung nạp to lớn như biển cả có thể chứa hàng trăm con sông của người Trung Quốc, với tinh thần “Dĩ hòa vi quý”. Ở Trung Quốc chưa bao giờ phát sinh chiến tranh tôn giáo, và chiến tranh nội bộ trong các tôn giáo khác nhau. Tư tưởng bao dung này tuyệt nhiên đối lập với tư tưởng đấu tranh của Trung Cộng, do vậy, tất yếu trở thành đối tượng bị tiêu diệt của Trung Cộng.

Trung Cộng lại không phải vì “đấu tranh” mà đấu tranh. Ở đây ít nhất có hai mục đích: một là để con người trong khi đấu tranh với nhau mà mất đi tín nhiệm, trở nên chia năm xẻ bảy, từ đó mà Trung Cộng thuận tiện khống chế; quan trọng là, Trung Cộng sử dụng thuật “Chỉ lộc vi mã” (Chỉ hươu bảo ngựa) của Triệu Cao, cho rằng có thể yên tâm sử dụng thuật “Chỉ lộc vi mã” của Triệu Cao; những người trầm mặc không nói năng gì hiển nhiên là lương tâm vẫn chưa mất hẳn, Triệu Cao muốn gia tăng bài xích; những người phản đối đều bị Triệu Cao sát hại. → ai thừa nhận hươu là ngựa, thì tên đó được Triệu Cao yên tâm trọng dụng; ai im lặng thì rõ ràng người đó lương tâm vẫn chưa mất hẳn, Triệu Cao sẽ gia tăng bài xích; những người phản đối thì đều bị Triệu Cao sát hại. Thế nhưng, “Chỉ lộc vi mã” của Triệu Cao chỉ là quyền thuật sử dụng tại cung đình, mà “Chỉ lộc vi mã” của Trung Cộng lại trở thành cưỡng bức toàn dân tham dự vào “Văn hóa đại chúng”. Ví dụ như “Cải cách ruộng đất”, “Trấn phản”, “Cải tạo

[5] Học thuyết Lý học của Trình Hạo (1032-1085), Trình Di (1033-1107) và Chu Hy (1130-1200) là một hệ tư tưởng triết học duy tâm khách quan. Họ nhận định rằng: Lý là cái tuyệt đối, vĩnh viễn không biến đổi, là cơ sở tồn tại của thế giới, của muôn vật. Cái lý này được vận dụng chỉ quan hệ vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng – có nghĩa là chỉ những quy phạm đạo đức phong kiến. Nó trở thành tư tưởng chính thống trong xã hội phong kiến, tồn tại thời gian khá dài – từ Tống cho đến Minh, Thanh.

[6] Tâm học do Lục Cửu Uyên (1139-1193) biên soạn, theo chủ nghĩa duy tâm, có nhiều điểm đối kháng với Lý học của Chu Hy. Sau này Vương Thủ Nhân đời Minh đã kế thừa Tâm học của Lục Cửu Uyên, nên đời sau gọi chung là “Học phái Lục Vương tâm học”.

Công thương nghiệp”, “Cải cách chế độ”; “Cải biến con người”; “Cải biến ca kịch của giới hý kịch” v.v. rất nhiều cuộc vận động, mỗi lần đều là một cuộc kiểm nghiệm thuật “Chỉ lộc vi mã”. Mỗi cá nhân đều phải tham gia, phải biểu đạt thái độ. Trong thế giới nhị nguyên mà chọn lựa một trong hai, không đứng về phía Trung Cộng thì ngay lập tức trở thành đối tượng bị đấu tranh.



Đạo gia chú trọng “chân”, Phật gia lấy tu “thiện” làm căn bản, Khổng Tử chủ trương “nhân” và “tín”. Mà lịch sử của Đảng Cộng sản chính là lịch sử “giả – ác – đấu”. Pháp luật của Trung Cộng năm 1987 thông qua điều luật thứ 19 quy định, tài liệu hồ sơ bình thường vượt quá 30 năm thì có thể được tiết lộ công khai, công dân phổ thông đều có thể tìm đọc, song Trung Cộng cho đến hôm nay vẫn không dám mở ra những sự việc có liên quan đến kháng Nhật, nội chiến, cải cách ruộng đất, nạn đói mất mùa v.v. trong tài liệu lịch sử, không dám công bố mật ước giữa Trung Quốc và Liên Xô, do Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai ký kết với Stalin, chẳng qua là sợ hãi những tội ác vốn được che đậy bằng

đối trá bị phơi bày ra ánh sáng mà thôi.

Chủ nghĩa duy vật đối với lĩnh vực tinh thần hiển nhiên là yếu ớt vô lực. Trong đó, “mỹ” (đẹp) chính là một ví dụ. Cầu vồng sau cơn mưa, cảnh hoàng hôn dưới ánh tịch dương, trong chủ nghĩa duy vật chỉ có thể phân tích thành các loại quang phổ của bức sóng điện từ; tình yêu thì bị quy kết là sự biến hóa hoóc-môn tự thân của nhân loại; tình cảm sâu đậm cao quý của nhân loại, thì bị lý giải thành chút ân huệ nhỏ bé dung tục tầm thường.

Từ bản chất mà nói, bất kỳ nhân tính tốt đẹp đều là chướng ngại cho sự thống trị của Đảng Cộng sản, cho đến lúc Trung Cộng phát minh ra một hàm nghĩa phụ diện của từ vựng “nhân tính luận”. Đảng viên yêu cầu có “đảng tính” áp chế “nhân tính”, đối với một người bình thường mà nói, “nhân tính” cũng là biểu hiện của cách mạng không triệt để.

Trong tuyên truyền văn nghệ của Trung Cộng, đã từng giương cao cờ hiệu lớn “chủ nghĩa cấm dục” (tiết chế dục vọng), phủ định ái tình, phủ định gia đình. Nhưng hơn mười năm gần đây Trung Cộng đã từ “chủ nghĩa cấm dục” đã quay ngoắt 180 độ, biến thành khích lệ “chủ nghĩa tưng dục” (phóng tưng dục vọng). Nhìn thì thấy dường như cách làm trước đó của Trung Cộng với chính sách mới là trái ngược nhau, nhưng thực chất xuất ra từ nguyên nhân giống nhau: quá khứ mục đích cấm dục con người là vì để con người thành tâm cống hiến sức lực cho Đảng Cộng sản, để đảng tính cao hơn gia đình, cao hơn nhân tính; đến hôm nay ý thức hình thái của Đảng Cộng sản đã sụp đổ mất, Trung Cộng khuyến khích con người chìm đắm trụy lạc trong cờ bạc ma túy, tình một đêm, bao tình nhân, cũng chính là nhằm khiến đạo đức con người tiêu tán, trong khi thỏa sức hưởng lạc mà không còn nhận rõ phản đối Đảng Cộng sản. Chiêu bài “tả hữu hổ bác” (tả hữu cùng đánh) này trong lịch sử thống trị của Trung Cộng ở đâu cũng thấy, mà đằng sau nó chỉ có một mục đích nhất quán chính là duy trì sự thống trị của Trung Cộng.

Trung tâm của văn hóa Nho gia là luân lý gia đình, điều mà đạo đức gia đình quan tâm là tình thân, là nhân ái. Trong tuyên truyền của Đảng cộng sản, thì là

lấy cảm tình giai cấp mà thay thế tình thân và tình bạn. Ví dụ như: Lý Ngọc Hòa hát trong bài “Hồng đăng ký”: “Con người nói Đạo lý thế gian chỉ có tình nghĩa cốt nhục là trọng, theo tôi thấy tình nghĩa giai cấp nặng như Thái Sơn”. Còn cho là “Thân bất thân, giai cấp phân” (cha mẹ không là cha mẹ, đều phân giai cấp). Quan hệ với nhau trở thành “đồng chí”, tức là thành một thành viên trong đại gia đình cách mạng, ngược lại tức là đối tượng kiên quyết bị trấn áp. Là “đồng chí” hay là “kẻ địch”, đơn giản là hết thấy quan hệ xã hội phân thành quan hệ nhị nguyên đối lập, vượt trên cả quan hệ thân nhân hoặc trên cả quan hệ bằng hữu. Trong khi đấu tranh giai cấp nếu cần thì cha con không nhìn nhau, vợ chồng xem nhau như thù địch, kiểm điểm, phê bình đấu tố, đánh tàn nhẫn người thân yêu của mình được coi là biểu thị tình giai cấp mạnh hơn cả nhân tính, hướng về đảng biểu thị sự trung thành phụng hiến.

Trong tuyên truyền của Trung Cộng: “Cần kẻ thù, cần hận thù, nhai nát thật mạnh kẻ thù mà nuốt xuống, thù hận nhập tâm phải nảy mầm”, các loại ca từ tràn ngập tại Trung Quốc. Thù hận là một động lực của Chủ nghĩa Cộng sản, cũng là một chủng tình cảm không kém quan trọng của Chủ nghĩa Cộng sản, thù hận trở thành một động lực sở tại xuyên suốt bao trùm trong các loại vận động quần chúng của Trung Cộng. Những giá trị phổ quát của nhân loại bao đời nay như đồng cảm, tình yêu thương, thiện lương, v.v. vì lẽ đó mà trở thành thù địch tự nhiên của Đảng Cộng sản, tất yếu phải trừ bỏ.

I.4 – TUYÊN TRUYỀN SỰ VĨ ĐẠI CỦA MARX, ENGELS, LENIN VÀ MAO TRẠCH ĐÔNG

Sau khi xác lập nên hai loại nền tảng lý luận lớn của Văn hóa đảng là Thuyết vô Thần và Thuyết duy vật, thông qua phủ định toàn diện văn hóa Thần truyền, thì hệ thống Văn hóa đảng là “Vạn sự đủ cả, chỉ thiếu gió Đông”, tín ngưỡng đối với người dân lúc này như một khoảng trống trơn, Đảng Cộng sản nhất định muốn tạo ra “Thần” của chính mình, mà ép nhập vào trong tư tưởng

của người dân, lấp đầy vào chỗ trống đó. Chính là thông qua vận động tạo “Thần” này, hệ thống tà giáo của chúng “chính giáo” (chính trị tôn giáo) hợp nhất của Đảng Cộng sản đã hình thành toàn bộ. Sau khi tô vẽ mình như Thần rồi điểm xuyết sinh động, phản Thiên phản Địa phản nhân tính của Văn hóa đảng cuối cùng đã sống dậy gây họa loạn nhân gian.



Mặc dù trong lịch sử Trung Quốc cũng xuất hiện qua các loại “chính giáo” hợp nhất của chính quyền như “Quân Hoàng càn”^[7] (Đội quân Khăn vàng), “Thái Bình Thiên Quốc”^[8], thế nhưng loại chính quyền này đều không có thống nhất Trung Quốc, càng không có đem giáo nghĩa của mình truyền bá ra ngoài tổ chức của họ. Mà duy chỉ có Trung Cộng là độc chiếm chính quyền toàn quốc, lại dùng thủ đoạn bạo lực cưỡng bức con người tiếp thụ giáo nghĩa của tổ chức “chính-giáo hợp nhất” của nó. Mà Giáo chủ ở đây chính là người nắm quyền tối cao của Trung Cộng tại các thời kỳ. Sau “Lãnh tụ vĩ đại Mao Chủ tịch”, còn có hơn hai năm của “Lãnh tụ anh minh Hoa chủ tịch”^[9]. Những từ ngữ tạo thần luôn được dùng để tô điểm cho Giáo chủ của tà giáo Cộng sản. Do đó Marx, Engels, Lenin và Mao Trạch Đông – những đối tượng tạo Thần

hiển nhiên của Đảng Cộng sản nối tiếp nhau trở thành “Đạo sư cách mạng”. Họ được đội lên vương miện “Nhà giải phóng” hoặc “Cứu thế chủ” đầy vẻ vang, được đem ra tâng bốc lên đàn thờ Thần.

Thần là toàn trí toàn năng, không phạm sai lầm. Trung Cộng trong quá trình tạo Thần cũng tự nó thành lập nên hình tượng “vĩ đại, quang vinh, chính xác”. Vì vậy, người lãnh đạo tối cao của Trung Cộng nếu như trong khi tại vị, là không thể thừa nhận sai lầm. Nguyên nhân bởi vì tính hợp pháp cho quyền lực của người lãnh đạo chính là ở sự “nhất quán chính xác”, một khi thừa nhận sai lầm, chính là sẽ mất đi tính hợp pháp. Mà ở một phương diện khác, con người không phải Thần, không thể không phạm phải sai lầm, chính vì thế mà đối trả bịa đặt trở thành biện pháp không thể thiếu.

Một biện pháp khác trong việc tạo Thần là hoàn toàn phủ định bất kỳ sự tồn tại siêu tự nhiên nào, chính là nguy tạo lịch sử. Lấy Mao Trạch Động làm ví dụ, sau thất bại của cuộc bao vây lần thứ năm của Hồng quân, toàn quân chạy tán loạn, trốn đi tứ phương. Lần thất bại này là cuộc đảo tẩu lớn, trong Sách giáo khoa của Đảng Cộng sản tuyên truyền thành “Tiến Bắc kháng Nhật”. Rõ

[7] Quân Khăn Vàng, hay còn gọi là khởi nghĩa Khăn Vàng vào cuối thời kỳ nhà Đông Hán trong lịch sử Trung Quốc, do Trương Giác thành lập và lãnh đạo (triều đình nhà Hán gọi là giặc Khăn Vàng) chống lại triều đình nhà Hán nhưng đã bị triều đình đàn áp.

[8] Thái Bình Thiên Quốc là một nhà nước trong lịch sử Trung Quốc được hình thành từ cuộc nổi dậy của nông dân do Hồng Tú Toàn cầm đầu vào giữa thế kỷ 19. Thái Bình Thiên Quốc có lãnh thổ trải rộng từ sông Dương Tử xuống phía nam Trung Quốc với trên 16 tỉnh và hơn 600 thị, có thủ đô là Thiên Kinh (Nam Kinh). Vào thời điểm cực thịnh của mình, lãnh thổ Thái Bình Thiên Quốc bao trùm hầu hết miền Trung và miền Nam Trung Quốc. Năm 1864, Tăng Quốc Phiên và Lý Hồng Chương chỉ huy quân Thanh chiếm lại thủ đô Thiên Kinh của Thái Bình Thiên Quốc. Hồng Tú Toàn tự tử, quân đội và chính quyền của Thái Bình Thiên Quốc tan rã chấm dứt 15 năm tồn tại của một nhà nước độc lập trong lòng Trung Hoa.

[9] Hoa Quốc Phong, là người được chỉ định kế tục Mao Trạch Đông. Ông trở thành Phó Thủ tướng năm 1975, rồi quyền Thủ tướng Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sau khi Chu Ân Lai mất tháng 01 năm 1976, ông trở thành Thủ tướng và Phó Chủ tịch thứ nhất của Đảng tháng 04 năm 1976, và Chủ tịch Đảng Cộng sản Trung Quốc khi Mao chết, tháng 9 năm 1976. Khi Đặng Tiểu Bình dần nắm quyền kiểm soát Đảng Cộng sản Trung Quốc, Hoa Quốc Phong bị thay chức Thủ tướng bởi Triệu Tử Dương năm 1980, và chức Chủ tịch Đảng bởi Hồ Diệu Bang năm 1981.

ràng là trong ba tháng sau khi “Biến cố ngày 18 tháng 9”, Mao Trạch Đông đã nhân lúc đất nước đang đương đầu với nguy nan mà thành lập “Nước Cộng Hòa Xô-viết Trung Hoa” [10] tại Giang Tây để phân chia đất nước, đến khi biến cố Tây An xảy ra, thì trở thành anh hùng “bức Tưởng Giới Thạch kháng Nhật”. Loại nguy tạo này đối với lịch sử đã giúp Mao Trạch Đông khoác lên mình hào quang của danh hiệu “anh hùng dân tộc”.

Tại Hội nghị Lư Sơn, Bành Đức Hoài liêu lĩnh khiêu chiến phe tả khuynh của Mao Trạch Đông. Sự khiêu chiến này đối với lãnh tụ của Đảng Cộng sản một khi thành công, “vận động tạo Thần” sẽ thất bại, như đã nói ở trên, sẽ trực tiếp khiêu chiến đến vấn đề tính hợp pháp của Trung Cộng. Do đó, những người xung quanh Mao ngay sau đó phát động phê bình Bành Đức Hoài, càng gia tăng việc tuyên truyền “nhảy vọt” một cách mất lý trí; trực tiếp dẫn đến một nạn đói lớn nhất trong lịch sử nhân loại từ cuối thập niên 50 đến thời kỳ đầu thập niên 60.



[10] Ngày 07 tháng 11 năm 1931, kỷ niệm Cách mạng tháng 10, Chính phủ lâm thời nước Cộng hòa Xô-viết Trung Hoa được thành lập tại Thụy Kim, Giang Tây, Mao Trạch Đông được bầu làm Chủ tịch. Xô viết Giang Tây bao gồm một vùng đất với gần sáu triệu người dân.

Trung Cộng không những thông qua chữ viết, mà còn dùng đến các loại hình thức tạo Thần khác như: sân khấu, điện ảnh, ca khúc, âm nhạc, v.v.; dùng lời ca, điệu múa mà tạo Thần, dùng “sáng nghe chỉ thị, tối báo cáo” để tạo Thần, dùng “khua chiền gióng trống” hoan nghênh “Chỉ thị tối cao” để tạo Thần. Cho đến ngày nay, Trung Cộng vẫn tiếp tục dùng các loại tuyên truyền như “Học tập không ngừng”, “Lính hội sâu sắc”, “Quán triết thực thi”, “Năm tốt phương pháp”, cách cư xử của Giang Trạch Dân hoặc “lời nói quan trọng” của Hồ Cẩm Đào, thực ra là vận động tạo Thần đối với các lãnh đạo đương nhiệm.

Bắt đầu từ thế kỷ XIX, Vô Thần luận tiến hành kế thừa thêm học thuyết của Tiến hóa luận (Sự sai lầm của Thuyết tiến hóa sẽ được trình bày trong chương sau). Cái gọi là “duy vật” không những hoàn toàn phủ định lực lượng tinh thần, mà còn phủ định hết thảy sự tồn tại siêu việt nhân loại, tức là phủ định sự tồn tại của Thần.

Đến lúc này, các tiêu chuẩn đạo đức xuất sinh từ tín ngưỡng kinh điển, toàn bộ đều mất đi chỗ dựa vào để tham chiếu, bao gồm “Thiện” trong Phật giáo Đông Phương; “Chân” của Đạo gia; “Khắc chế bản thân” và “Dĩ hòa vi quý” của Nho gia, Mười điều răn dạy của Thánh Moses bên Tây phương v.v. Từ đó, tiêu chuẩn đạo đức biến thành “con người” có thể không ngừng cải biến hành vi chuẩn tắc của mình.

Trong xã hội của Đảng Cộng sản, giá trị quan và quyền giải thích về đạo đức rơi vào tay các nhà thống trị tối cao, tất cả đạo đức phổ quát không phù hợp, mâu thuẫn với giá trị quan của Trung Cộng, đều có thể dễ dàng bị Trung Cộng chụp lên chiếc mũ đạo đức giả, tàn dư phong kiến, nhân tính luận của giai cấp tư sản, v.v. rồi sau đó Trung Cộng đứng trên cao điểm mà giải thích về đạo đức của chính nó, mũ miện bệ vệ mà tiến hành trấn áp phê bình.

Trung Cộng tất nhiên đã dùng “Vĩ đại, quang vinh, chính xác”, thì hết thảy ca từ trong Văn hóa đảng đều phải là loại “vĩ đại, quang vinh, chính xác” này. Tuy nhiên, mặt khác, Trung Cộng lại là một tổ chức tà giáo tà ác cùng cực nợ máu đầm đìa. Trong tình huống đạo đức tiêu tán, loại văn hóa “vĩ đại, quang

vinh, chính xác”, ca tụng văn hóa tà giáo Cộng sản, có thể thấy được là, sẽ khiến đạo đức thế gian con người hỗn loạn, đối với xã hội sẽ dẫn khởi sự căng thẳng ác liệt nhường nào.

Trong tuyên truyền của Trung Cộng, Karl Marx không chỉ là nhà cách mạng, nhà triết học, nhà khoa học, mà còn là một con người hoàn hảo về mặt đạo đức. Tuy nhiên tình huống thực tế lại hoàn toàn khác xa. Năm 1843, tiểu thư quý tộc Jenny 25 tuổi gả cho Marx, còn đem theo một người hầu tên là Helen. Xưa nay, Marx tỏ ra ghét cay ghét đắng sự bóc lột, nhưng lại yên tâm dùng tiền của nhà tư bản Engels vốn xuất thân từ việc “bóc lột” này, lại bóc lột sức lao động của người nữ bộc Helen mà không trả cho cô một xu nào, thậm chí cưỡng đoạt thân thể Helen vào năm 1850 và khiến Helen sinh ra một đứa con trai. Đương thời, Jenny bởi vì sự việc này mà đã cãi vã với Marx, vậy là Marx hướng ánh mắt tới người bạn đồng thân Engels. Vì giữ thanh danh của “người đồng minh Chủ nghĩa Cộng sản” mà để Engels thế tội, đứa con trai ngoài giá thú đó đã mang họ của Engels, được Engels gửi cho công nhân trong nhà nuôi dưỡng. Engels do bị ung thư cổ họng trước khi chết chịu nỗi khổ bị câm, không thể nói được, đã viết lại rằng: “Henry Fred là con trai của Marx, Tussy (con gái Marx) đã lý tưởng hóa cha cô rồi.” Henry là con riêng của Marx, mà Tussy là con gái của Marx. Vụ bê bối này đến nay đã được công khai tại viện bảo tàng Đông Đức.

Tháng 06 năm 2004, “Tạp chí Thần kinh học Châu Âu” (The European Journal of Neurology) công bố, ba bác sĩ người Israel tham khảo tài liệu lịch sử đưa ra kết luận: Lenin trước khi lãnh đạo Cách mạng tháng 10 năm 1917 đã bị nhiễm bệnh giang mai ở Châu Âu, và chết vào năm 1924. Những tài liệu tham khảo lịch sử gồm có: các hồ sơ của bác sĩ khi trị liệu cho Lenin tại Châu Âu và Liên Xô, và những tài liệu về tình trạng sức khỏe của Lenin, bao gồm cả báo cáo khám nghiệm tử thi mà được những nhà nghiên cứu gọi là ”tuyên truyền chính trị”. Một trong những nhà nghiên cứu, bác sĩ tâm thần Lerner (Vladimir Lerner) đã nói với phóng viên của thời báo New York Times: “Nếu như bỏ đi danh tính

của Lenin, mà đưa bệnh án đó cho bất kỳ một nhà Thần kinh học thành thạo bệnh truyền nhiễm, họ sẽ đều kết luận là ‘bệnh giang mai.’”

Đảng viên Trung Cộng trước cuộc Cách mạng hầu hết đều là những người theo chủ nghĩa cấm dục, tuy nhiên, không ai có thể nghi ngờ thông tin Mao Trạch Đông có ba người vợ: Dương Khai Huệ vẫn chưa chết, thì kết hôn với Hạ Tử Trân; khi còn chưa ly hôn với Hạ Tử Trân thì đã lại kết hôn với Giang Thanh. Năm 1994, Lý Chí Tuy, người làm việc 22 năm bên cạnh Mao Trạch Đông một thời gian dài, đã xuất bản một quyển sách “Bí mật cuộc đời Mao Trạch Đông – Hồi ký bác sỹ Lý Chí Tuy”^[11], công bố Mao Trạch Đông thỏa sức phóng túng nhục dục, cuộc sống sinh hoạt hết sức thối nát. Trong sách đề cập đến việc Mao “không ngừng coi phụ nữ như trò tiêu khiển”, gọi vô số các cô gái đẹp, gái trẻ đến phục vụ, “coi phụ nữ như những món ăn luân phiên tiến cống”.



Vệ sĩ của Mao Trạch Đông nói rằng trong thời gian xảy ra nạn đói lớn Mao không ăn thịt, để biểu thị cùng nhân dân đồng cam cộng khổ. Mà sự thật

[11] Ấn bản tiếng Việt: “Bí mật cuộc đời Mao Trạch Đông, hồi ký Bs Lý Chí Tuy”, NXB Thế giới, 1995; Bác sĩ riêng của Mao, Nhà xuất bản Ngoại văn, 2004.

thì năm 1959, khi nạn đói phát sinh, Mao đã chỉ thị Trương Bình Hóa – Bí thư tỉnh ủy Hồ Nam xây dựng khu biệt thự ở Tích Thủy Động, lấy tên số hiệu là “Công trình 2.3”, khởi công từ nửa cuối năm 1960 đến năm 1962 đã hoàn thành, tổng diện tích xây dựng 3.638,62 m², kết hợp với dự án số hiệu 1.2.3 xây dựng hầm ngầm từ Thiêu Sơn (nơi sinh Mao Trạch Đông) đến đường quốc lộ Tích Thủy Động. Khi xây dựng xong, phí tổn lên đến hơn 100 triệu Nhân dân tệ. Nếu số tiền này dùng để mua lương thực thì tỉnh Hồ Nam sẽ cứu được ít nhất 15 triệu người khỏi chết đói trong vòng ba năm.

Cuộc sống hoang đâm của các lãnh tụ Đảng Cộng sản không chỉ giới hạn tại phương diện túng đục, mà còn mưu quyền, lạnh lùng tàn nhẫn, buông thả phóng đảng, bởi vì thiếu đi tín ngưỡng ước thúc, đạo đức ước thúc, phương tiện truyền thông theo dõi, vì vậy lợi dụng quyền lực quốc gia mà hành ác, hậu quả của nó cực kỳ tai hại. Mà phẩm chất thấp kém đọa lạc ấy lại khởi tác dụng làm mô phạm, dẫn động đạo đức xã hội nhanh chóng tuột dốc.

“Tạo Thần” trở thành cơ sở của chế độ độc tài cá nhân, bởi vì Thần sẽ không phạm sai lầm, lãnh đạo Đảng Cộng sản cũng tự nhiên trang bị cho mình cái lối vỏ bọc chân lý, sao cho những người khác phải mù quáng tin theo nó là được. Sau đó “nhất ngôn đường” (cùng nói một lời) được hợp lý hóa, một bộ não thay thế hàng trăm triệu bộ não, hậu quả có tính tai nạn này lại không được cải chính lại. Tư tưởng độc lập trở thành một sự tình nguy hiểm, bởi vì có thể sẽ đối đầu với việc Trung Cộng không muốn con người đưa ra kết luận riêng, do đó người ta tùy theo dòng chảy lớn, xuôi theo chiều gió, v.v. tự mình không làm chủ được cuộc sống của chính mình. Tất cả vấn đề đều bắt chước theo Trung Cộng, hoặc là chờ đợi tổ chức quyết định.

Một hậu quả khác của “tạo Thần”, chính là rất nhiều người khi đang bị bức hại rất nghiêm trọng, vẫn cứ “tin tưởng tổ chức tin tưởng đảng”. Khi người tin vào Thần bị bức hại, họ có thể cầu nguyện Thần trong tâm, gửi gắm hy vọng vào sự công bằng chính nghĩa của Thần, mà khi những người theo vô Thần luận bị bức hại, họ không có cách nào tìm kiếm được quyền uy đạo đức cao hơn, mà bị

hãm trong một hoàn cảnh cô lập vô hạn. Lúc này con người chỉ có thể tự an ủi mình rằng: Chính quyền Trung Ương là tốt, “tổ chức ở trên sẽ làm rõ”. Loại tự dối mình dối người này, cũng là kết quả Trung Cộng tự “Thần hóa” chính nó.

Người tin Thần khi gặp phải hoàn cảnh khó khăn, sẽ cầu nguyện, thậm chí đến chùa chiền, đạo quán, tu viện thắp hương hứa nguyện. Người theo vô Thần luận không có nơi nào để đi, vì vậy “Có khó khăn, tìm tổ chức”, hy vọng đảng giải quyết vấn đề, lại không biết đảng mới thực sự là kẻ tạo ra vấn đề.



Trung Cộng cướp đoạt chính quyền, bước đầu là lũng đoạn truyền thông và giáo dục, lấy “Nhất ngôn đường” làm phương thức truyền bá “Vô Thần luận” và “Thuyết duy vật”; tiến hành thủ tiêu, xuyên tạc và trấn áp tín ngưỡng truyền

thống; tiến hành cải tạo tư tưởng phần tử tri thức; tiến hành bôi nhọ Văn hóa truyền thống bằng nhiều cách, giễu cợt thành “phong kiến”, “mê tín”, nhất loạt miệt thị, thao túng bộ máy bạo lực tiêu diệt người xuất gia hoặc phần tử tri thức không chịu phục tùng Văn hóa đảng, hoặc dùng phương thức cắt đứt các nguồn sinh kế để ép buộc, uy hiếp đối phương đầu hàng, lại thông qua hành động “tạo Thân” sùng bái cá nhân để lấp đầy chỗ trống trong tín ngưỡng của con người. Trong con mắt của Trung Cộng, thừa nhận một loại văn hóa nào, không phải là một vấn đề học thuật hoặc vấn đề quan điểm đơn thuần, mà là vấn đề chính trị, vấn đề lập trường giai cấp. Cho đến sau thời kỳ Đại Cách mạng Văn hóa, Văn hóa đảng cuối cùng mài giũa thành thực, cũng đã đạt đến mức độ mà Trung Cộng mong muốn là thay thế Văn hóa truyền thống một cách hệ thống. Đồng tiền xấu đuổi đồng tiền tốt, từng thế hệ trẻ lớn lên đều phải chịu sự giáo dục của Văn hóa đảng, càng không hề biết đến quan niệm và văn hóa chính thống.

CHƯƠNG II



CẢI TẠO TƯ TƯỞNG MỘT CÁCH HỆ THỐNG



HỌC TẬP CHÍNH TRỊ, CẢI TẠO TƯ TƯỞNG, những sự việc loại này người Trung Quốc ít nhiều đều đã trải qua. Có lẽ rất nhiều người sẽ hỏi, sao lại phải cải tạo tư tưởng của con người? Nguyên nhân căn bản của nó chính là một hệ thống tiêu chuẩn tốt xấu, phương thức tư duy và ngôn ngữ của Trung Cộng đều là phản nhân tính, không những không thể sản sinh một cách tự nhiên trong đại chúng, mà còn dễ bị nhân tính bài xích. Huống hồ, Đảng Cộng sản là một thể hệ độc tài chính trị-tôn giáo hợp nhất đáng bị phỉ nhổ, hết sức đối nghịch với Văn hóa truyền thống Trung Hoa. Trung Cộng muốn có chỗ đứng ắt phải tạo ra một môi trường Văn hóa đảng, cải tạo tư tưởng đã trở thành một bước tất yếu mà bức thiết.

Một bước cải tạo quan trọng chính là phê phán cái gốc tín ngưỡng của văn hóa Trung Hoa – Nho giáo, Thích giáo, Đạo giáo. Đồng thời những quan niệm truyền thống trong nhân gian cũng phản ánh trong thể tục của giá trị quan mà tam giáo xác lập. Những quan niệm này sớm đã trở thành một bộ phận trong cuộc sống thường ngày, cũng dễ khiến con người hướng về nguồn cội tôn giáo của nó. Do đó việc phê phán quan niệm truyền thống, cũng là một bước trọng yếu để Trung Cộng nhổ tận gốc văn hóa truyền thống Trung Quốc và tín ngưỡng trong tư tưởng người Trung Quốc. Như vậy, người Trung Quốc sẽ mất đi năng lực phân biệt và phán đoán đối với Trung Cộng và Văn hóa đảng.

Việc Trung Cộng phê phán Nho giáo, Thích giáo, Đạo giáo và phê phán bài trừ quan niệm truyền thống chỉ thuộc về bước “phá”. Trung Cộng đồng thời còn phải “lập” cái phương thức tư duy mà nó cần, ví như luật rừng gồm tư tưởng đấu tranh, cá lớn nuốt cá bé, kẻ mạnh sinh tồn cho đến thuyết tiến hóa cùng khoa học hiện đại. Từ đó khiến con người tiếp nhận một cách có hệ thống tà thuyết của Trung Cộng vốn dựa trên cơ sở là Thuyết vô Thần, để rồi tạo ra và duy trì hoàn cảnh xã hội thích hợp cho sự sinh tồn của Trung Cộng. Đây chính là hậu quả của việc Trung Cộng tiến hành cải tạo tư tưởng một cách có hệ thống.



II.1 – PHÊ PHÁN NHO – THÍCH – ĐẠO

TRONG LỊCH SỬ MẤY NGHÌN NĂM, ẢNH HƯỞNG CỦA NHO GIA, PHẬT GIA VÀ ĐẠO GIA đã thâm nhập đến từng giai tầng của xã hội Trung Quốc.

Nho gia Trung Quốc ca ngợi “Nhân”, ca ngợi “Nghĩa”. Khổng Tử nói “Kiến nghĩa bất vi, vô dũng dã” (*Thấy việc nghĩa không làm không phải kẻ dũng*), còn giảng: “Chí sỹ nhân nhân, vô cầu sinh dĩ hại [chữ] nhân, hữu sát thân dĩ thành nhân.” (*Chí sỹ hiền nhân không mưu cầu sống mà hại nhân, có người mất mạng mà thành [chữ] nhân*). Cách nhìn về mệnh Trời của Nho gia đã thâm nhập vào dân gian. Trong “Luận Ngữ” có nói: “Tử sinh hữu mệnh, phú quý tại thiên”, thiên mở đầu trong “Trung Dung” giảng “Thiên mệnh chi vị tính”, chỉ ra rằng đặc tính căn bản của con người là chịu mệnh trời. Theo cổ

nhân, Trời là căn bản của vạn vật, là ngọn nguồn của mọi giá trị. Sinh mệnh của con người là do Trời ban tặng, mục đích của đời này là trở về với Thiên mệnh, thực hiện yêu cầu nội tâm hướng thiện. “Chu Dịch” – cuốn sách được Nho gia gọi là đứng đầu trong các kinh sách, giảng “Tam tài”, tức là Thiên – Địa – Nhân. Trời sinh con người, đất nuôi dưỡng con người; con người lại có thể lấy học theo Thiên Địa, “hợp với Đức của Trời, Đất”. Trời đất lại vận hành theo thiên lý bất biến. Người dân tin tưởng vào “ông Trời” trên cao ước chế tất cả mọi thứ tại thế gian, dùng thiên lý “bất biến” để đo lường mọi thứ tại nhân gian. Tư tưởng của Nho gia đã duy trì đạo đức và trật tự xã hội.

Phật gia giảng thiện, giảng từ bi, giảng nhẫn nhục, coi trọng sinh mệnh, tin tưởng rằng chúng sinh bình đẳng. Trước khi Trung Cộng nắm quyền, những tư tưởng như lục đạo luân hồi, tích đức hành thiện, nhân quả báo ứng của Phật gia đã trở thành nhận thức phổ biến của người dân trăm họ, chính là “Dục tri tiền thế nhân, kim sinh thụ giả thị; dục tri lai thế quả, kim sinh tác giả thị” (*Muốn biết nhân đời trước hãy xem những thứ đắc được đời này; muốn biết quả đời sau hãy xem những việc làm đời này*). Khách quan mà nói, quan niệm “thiện ác hữu báo” của Phật gia có tác dụng rất lớn trong việc ổn định xã hội, duy trì đạo đức con người.

Đạo gia nhấn mạnh “Chân”, nhấn mạnh thanh tĩnh vô vi, nhấn mạnh sự thống nhất hài hòa giữa con người và tự nhiên, đạt được mục đích phản bốn quy chân, tức là điều gọi là “Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên” (*Người thuận theo đất, đất thuận theo Trời, Trời thuận theo Đạo, Đạo thuận theo tự nhiên*). Trung y và khí công Trung Quốc đều bắt nguồn từ Đạo gia, ngoài ra phép hút khí nuốt khí, luyện đan chính là đạo dưỡng sinh của Đạo gia. Tính chính xác về quẻ bốc và dự đoán của Đạo gia khiến người ta không ngớt lời tán thưởng. Những người tu luyện Đạo gia lại có thần tích “nhục thân thành đạo, mọc cánh thành tiên”. Trên bề mặt thế gian, khi quan hệ giữa con người ngày nay và tự nhiên ngày càng trở nên đối lập, vấn đề môi trường đã trở thành một trong những chủ đề quan trọng nhất trên toàn

cầu, thì tư tưởng của Đạo gia đã được học giả các nước coi trọng, càng thể hiện được giá trị đặc thù của nó.

Đối với Trung Cộng mà nói, “thiên mệnh” của Nho gia, nhân quả báo ứng của Phật gia, vô dục vô cầu, không tranh với đời của Đạo gia là chướng ngại ngăn cản Trung Cộng phát động “cuộc đấu tranh giai cấp”. Quan niệm đạo đức mà kinh điển Nho giáo, Thích giáo, Đạo giáo xác lập là chướng ngại cho việc gây dựng quyền uy đạo đức của nó, cũng là trở ngại cho những vận động chính trị của Trung Cộng như tạo phản, làm cách mạng, chuyên chính. Tu luyện Phật gia, Đạo gia đều khiến con người siêu việt khỏi sinh tử, Nho gia khiến con người xả thân vì nghĩa. Đây chính là chướng ngại cho việc Trung Cộng dùng thủ đoạn vật chất nhằm khống chế toàn xã hội. Những di tích như bờ bên kia niết bàn của Phật gia, mọc cánh biến thành tiên của Đạo gia, và Thiên mệnh quan của Nho gia đều bị Trung Cộng coi là chướng ngại để tuyên truyền vô Thần luận.

II.1-1 – Phê phán Nho giáo

(1) Phê phán Khổng Tử

Trong tam giáo Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo thì tư tưởng Nho gia là thâm nhập vào cuộc sống sâu rộng nhất, cũng vì người Trung Quốc vẫn luôn lấy gia tộc làm trung tâm trong cuộc sống, mà điều văn hóa Nho gia quy phạm chính là luân lý gia đình, lại mở rộng luân lý gia đình ra ngoài cuộc sống xã hội và chính trị.

Gần 2.500 năm qua, phân nhập thể trong văn hóa Trung Hoa về cơ bản lấy văn hóa Nho gia làm chủ đạo. Bắt đầu từ khi Lỗ Ai Công lập miếu tế Khổng Tử, Hán Cao Tổ dùng lễ tiết Nho gia để chế định lễ nghi triều đình; Hán Vũ Đế phế truất bách gia, chỉ giữ lại Nho thuật; Đường Thái Tông truy phong cho Khổng Tử là Văn Tuyên Vương, đến Đại đế Khang Hy, Thanh Thánh Tổ

tự tay viết bốn chữ “Vạn thế Sư biểu” trong miếu Khổng Tử tại Khúc Phụ, qua các triều đại Khổng tử đều được truy phong và tế tự. Dù là triều Nguyên với mức độ ít bị người Hán đồng hóa nhất, Nguyên Thành Tông cũng phong thêm cho Khổng Tử là “Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương”. Ảnh hưởng của Khổng Tử tới nhân loại sớm đã vượt khỏi biên giới quốc gia, không chỉ những quốc gia Châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam đã kế thừa tư tưởng của Nho gia, ngay cả Voltaire, đại triết học gia thời kỳ Khai Sáng tại Phương Tây cũng tự xưng là học trò của Khổng Tử.



Kể từ thời Hán, hương hỏa tế tự Khổng Tử không hề tắt. Vừa cướp đoạt chính quyền quốc gia lại lăng mạ Khổng Tử, đập Khổng miếu, thì chỉ duy có Đảng Cộng sản mà thôi.

Trung Cộng bắt đầu từ Mao Trạch Đông đã hết sức thống hận văn hóa Nho gia. Nguyên nhân này đã được phân tích trong chương 9 cuốn “Cửu Bình”, tại

đây chúng ta không nhắc lại lần nữa. Một nguyên nhân quan trọng mà Mao thích Tần Thủy Hoàng, cũng là vì y và Tần Thủy Hoàng cùng dùng quyền mưu gian xảo của Pháp gia để họa loạn quốc gia, y đặc biệt tán thưởng, mô phỏng và vượt qua cả việc đốt sách và chôn sống nho sĩ của Tần Thủy Hoàng.

Khổng Tử đề xướng “Văn, Hành, Trung, Tín” bị Trung Cộng thóa mạ thành “Thầy của mọi lý luận cũ, linh hồn của thể lực ác”, còn nói “Từ khi có dân sinh đến nay, thực chưa từng có ai tội ác cực đại như Khổng Tử, là kẻ thù chung của đại đa số con người và những người lương thiện. Từ nay về sau nhân loại hãy cùng công kích nó, đúng thay! Từ cổ chí kim, từ trong ra ngoài, trong ngôn ngữ hành vi của mọi nhà tư tưởng, Khổng Khâu {Khổng Tử} có thể được coi là hoang đường nhất.”

Những ngôn luận thóa mạ kiểu đầu đường xó chợ đó đã chiếm vị trí chủ lưu trong những bài viết mà Trung Cộng phê phán Khổng Phu Tử. Bởi vì ngoài việc dùng ngôn luận của Khổng Tử cắt riêng ra một số đoạn tách khỏi toàn văn, và giảng bầy logic ra, thì xưa nay Trung Cộng chưa hề lấy ra và cũng không thể lấy ra được chứng cứ khiến con người tin phục.

Sự phê phán của Trung Cộng đối với Nho gia là lấy đấu tranh giai cấp làm xuất phát điểm và cơ sở, nói Khổng Tử đại biểu cho lợi ích của giai cấp chủ nô. Ngày nay khi những nhà tư bản đã gia nhập Trung Cộng, hoặc quan chức Trung Cộng đã trở thành nhà tư bản quyền quý hoặc địa chủ quyền quý tiền bạc đầy kho, thì lý luận đấu tranh giai cấp đã phá sản tới mức độ Trung Cộng không muốn nhắc tới nữa. (Đương nhiên điều đó hoàn toàn không gây trở ngại cho việc Trung Cộng dùng thủ đoạn đấu tranh giai cấp để tiếp tục bức hại những người bất đồng với mình). Khi đó ngoảnh đầu lại chỉ thấy việc phê phán Nho gia đã trở thành trò hề, do đó Trung Cộng vì bảo hộ cho sự thống trị của mình, cũng không thể không giả vờ ca ngợi Khổng Tử. Vài năm gần đây nhằm tiến hành mặt trận thống nhất mà Trung Cộng lại chuẩn bị thành lập cái gọi là “Học viện Khổng Tử” tại hải ngoại, âm mưu lợi dụng Khổng Tử vốn từng bị chính nó phê phán nhằm lừa gạt những người hướng về văn hóa Trung Quốc.

Mặt khác, trường học trong dân gian ở Đại Lục dạy học sinh đọc thuộc Thập tam kinh của Nho gia lại bị Trung Cộng thủ tiêu.

Ngay khi Trung Cộng mới cướp đoạt được chính quyền, nó đã cho xuất bản cuốn sách của Thái Thượng Tư tên là “Tổng phê phán về tư tưởng truyền thống của Trung Quốc” (dưới đây gọi tắt là “Phê phán”) của Thái Thượng Tư vu khống, lạm dụng nhằm bôi nhọ, lăng mạ và phê phán Khổng Tử. Trong đó cái bẫy logic mà Trung Cộng quen dùng cũng đáng để phân tích sơ bộ. Bởi vì những vấn đề logic này vẫn là thủ đoạn trọng yếu mà Trung Cộng dùng để phê phán gay gắt trong Văn hóa đảng.

Thủ đoạn thứ nhất là “đoạn chương thủ nghĩa”. Từ việc Khổng Tử phải thu học phí (lẽ thấy học thời xưa) liền đoán định Khổng Tử chỉ phục vụ giới quý tộc, hoàn toàn không quan tâm tới chủ trương “học trò đều như nhau” của Khổng Tử. Trong số học trò của Khổng Tử thì có Tử Lộ xuất thân bần hàn.

Thủ đoạn thứ hai là “râu ông nọ cắm cằm bà kia”, dùng lời của người khác gán cho Khổng Tử. Ví như “Xuân Thu Cốc Lương truyện” là đệ tử của Tử Hạ làm ra, “Phê phán” lại lợi dụng phần luận thuật có liên quan đến Bá Cơ trong đó để công kích Khổng Tử.

Thủ đoạn thứ ba là suy diễn không hợp lý. Từ câu nói của Khổng Tử: “Bất tại kỳ vị, bất mưu kỳ chính.” (*Không ở vị trí đó, không mưu đoạt triều chính đó*) lại kết luận vô lý thành “điều này không khác gì ‘Quốc gia hưng vong, thất phu vô trách’ (*Quốc gia hưng vong, thất phu không có trách nhiệm*)”. Như vậy đã suy diễn từ thái độ của cá nhân đối với quyền chức thành nghĩa vụ công dân.

Thủ đoạn thứ tư là so sánh không hợp lý, coi vị thế độc tôn của Nho thuật từ thời nhà Hán cũng giống như việc Tần Thủy Hoàng độc tôn Pháp gia, hoàn toàn không quan tâm đến sự khác nhau giữa việc Nho gia dùng đức cảm hóa con người, còn Pháp gia dùng thưởng phạt để dẫn dụ và uy hiếp con người.

Thủ đoạn thứ năm là gây nhầm lẫn mối quan hệ không tương đương giữa mệnh đề thuận và mệnh đề nghịch. Ví dụ trong “Phê phán” nói: “Nếu nữ giới đều là tiểu nhân thì có thể ngẫm mà thấy được nam giới toàn là quân tử.”

Thủ đoạn thứ sáu là chụp mũ “phản khoa học”, gọi Khổng Tử là “phản lại khoa học tự nhiên”. Trên thực tế, những điều mà Khổng Tử đàm luận đa phần đều là những chuyện ở tầng diện lý luận và chính trị. Những điều này đều không can hệ tới khoa học tự nhiên, cũng giống như không thể dùng thước mà đo trọng lượng, nguyên lý của khoa học tự nhiên cũng không thể đo lường được thiện ác trong hành vi con người. Huống hồ trong “Lục nghệ” mà Khổng Tử quy định đã bao gồm “toán học”, đây chính là cơ sở cho khoa học tự nhiên sau này.

Thủ đoạn thứ bảy là “ném đá giấu tay”. Người đề xuất “Tam cương” rõ ràng là những người như Hàn Phi Tử của Pháp gia, Đổng Trọng Thư của Hán Nho, cuốn “Phê phán” cũng thừa nhận điều này. Nhưng khi chỉ ra chuyện phụ nữ tự sát vì giữ tròn trinh tiết đã đưa ra một vài ví dụ rất thảm khốc. Những ví dụ này không hề liên can gì tới Khổng Tử, mà là điều ngược lại. Trong “Lễ ký” có ghi con dâu và cháu dâu của Khổng Tử đều là tái giá. Hơn nữa xuyên suốt bối cảnh chung phê phán Khổng Tử, khó tránh khỏi việc người đọc không tính những thảm kịch trong cuốn “Phê phán” lên đầu Khổng Tử.

Thủ đoạn thứ tám là kích động lòng đố kỵ của con người. Cuốn “Phê phán” tìm cách tô vẽ cuộc sống quý tộc của Khổng Tử để kích động lòng đố kỵ của con người. Kỳ thực, cho dù Khổng Tử làm theo “Ngư nổi nhi nhục bại bất thực” (*Cá ương thịnh rữa không ăn*) thì đây chính là đạo dưỡng sinh cơ bản, hoàn toàn không phải cuộc sống quý tộc.

(2) *Phê phán phần tử trí thức*

“Tả truyện” viết: “Thái thượng hữu lập đức, kỳ thứ hữu lập công, kỳ thứ hữu lập ngôn, tuy cữu bất phế, thử chi vị bất hủ.” (*Thái thượng lập đức, tiếp nữa lập công, tiếp nữa lập ngôn, dù lâu mà không bị phế bỏ, nên gọi nó là bất hủ*) Văn hóa truyền thống Trung Quốc đã cung cấp cho phần tử trí thức vũ đài lịch sử vinh quang quần tinh chói sáng, địa linh nhân kiệt.

Việc cải tạo phân tử trí thức cũng được Trung Cộng coi là một bước vô cùng quan trọng. Xã hội truyền thống Trung Quốc nói về bốn giai tầng là “Sỹ, Nông, Công, Thương”. Trong đó “Sỹ” là gọi tắt của phân tử trí thức. Giai tầng “Sỹ đại phu” là người gánh vác truyền thống đạo đức. Do đó từ góc độ đạo đức mà xét, họ thậm chí còn có lời nói có trọng lượng hơn cả người thống trị. Trung Cộng không tán đồng với quan niệm đạo đức truyền thống mà phân tử trí thức đại biểu, nhưng phải dùng phân tử trí thức làm trung gian cải tạo tư tưởng của những người bình thường. Do vậy ngay khi vừa mới nắm quyền, việc đầu tiên Trung Cộng phải làm chính là cải tạo tư tưởng của phân tử trí thức.



Tháng 06 năm 1950, khi Mao Trạch Đông phát biểu tại phiên họp toàn thể thứ 3 của Đại hội đảng toàn quốc khóa 7 của Trung Cộng đã nhấn mạnh, đối với phân tử trí thức “phải dùng họ, đồng thời phải giáo dục và cải tạo họ. Phải để họ học một số chương trình học như lịch sử phát triển của xã hội, lịch sử thuyết duy vật ...”. Cái mà Mao gọi là giáo dục và cải tạo không gì khác ngoài việc lệnh cho thầy cô giáo các trường trung học, đại học phải đọc ba văn kiện

lớn về chính trị hiệp thương, lịch sử phát triển xã hội và bài luận Tân chủ nghĩa dân chủ. Bắt đầu từ mùa thu năm 1951, Trung Cộng đã tổ chức cho hàng loạt phần tử trí thức tham gia hoặc tham quan các cuộc vận động như kháng Mỹ viện Triều, cải cách ruộng đất và trấn áp cuộc vận động phản cách mạng. Chuỗi các cuộc vận động đẫm máu khiến rất nhiều phần tử trí thức nhìn thấy sự tàn nhẫn và độc ác của Đảng Cộng sản, khiến rất nhiều người sợ đến mềm cả cột sống. Tháng 01 năm 1952, Ban thường vụ Chính trị Hiệp thương Nhân dân toàn quốc đưa ra “Quyết định về việc triển khai vận động học tập cải tạo tư tưởng nhân sỹ các giới”, tức là đưa những phần tử trí thức sau khi được cải tạo, mở rộng những tư tưởng mà Trung Cộng nhồi nhét cho họ ra toàn quốc, cải tạo tư tưởng của tất cả người khác.

Từ sớm sau khi cuối thời nhà Thanh phế bỏ khoa cử, trong phần tử trí thức có rất nhiều người quay sang lệ thuộc vào đảng cầm quyền. Quá trình này là một quá trình thống khổ, cũng là quá trình phần tử trí thức “chủ động” tiến hành chuyển biến tư tưởng. Sự chuyển biến này đương nhiên sẽ không được Trung Cộng cho là đủ. Bởi vì cho dù phần tử trí thức cho rằng họ cần giương cao lá cờ dân chủ và khoa học, nhưng tuyệt đại đa số học vấn tu thân lập mệnh của Nho gia vẫn được cho là chuẩn tắc để xét đoán thị phi. Đây chính là điều mà Trung Cộng không thể chịu đựng được.

Tháng 12 năm 1939, trong bài phát biểu “Cách mạng Trung Quốc và Đảng Cộng sản Trung Quốc”, chỉ bằng một nét bút Mao Trạch Đông đã khoanh phần tử trí thức vào “phạm trù giai cấp tiểu tư sản”. Trong những năm tháng coi đấu tranh giai cấp là nòng cốt, cái mũ “giai cấp tiểu tư sản” này đã khiến phần tử trí thức không thể ngóc đầu lên được.

Trung Cộng thông qua bộ máy tuyên truyền của mình ca ngợi công nhân và nông dân, biến kiến thức nông cạn của họ thành động lực cách mạng, tuyên truyền “sự thù hận của giai cấp chất phác” dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản sẽ có thể khiến cách mạng đi tới thắng lợi. Mặt khác, phần tử trí thức “được” điện ảnh gán cho bộ mặt với dấu hiệu đặc thù – đeo một cặp mắt kính, co ro

cúm rúm, cố chấp vào sách vở, xem thường quần chúng, làm việc chủ quan, v.v.

Năm 1958, bộ phim “Cô gái Thượng Hải” trình chiếu không lâu liền bị phê bình gay gắt. Nguyên nhân rốt cuộc lại là: “Thứ nhất, phần tử trí thức không có một bí thư đảng ủy hay bí thư chi bộ nào phê bình, giáo dục, mà lại có thể kiên định nguyên tắc, phát huy tài cán của mình trong xây dựng, thì đây chính là thủ tiêu sự lãnh đạo của Đảng, phản đối sự lãnh đạo của Đảng; thứ hai, không viết về những khuyết điểm của phần tử trí thức như tính mềm yếu, hay dao động, thoát ly hiện thực, thoát ly quần chúng, v.v. Đó là tô vẽ cho giai cấp tư sản, phần tử trí thức; Thứ ba, biểu hiện ông chủ bị ảnh hưởng bởi một số tư tưởng lạc hậu của công nhân mới dẫn tới nôn nóng cầu thành công, v.v. Đây chính là bôi nhọ bộ mặt của giai cấp công nhân.” Nguyên nhân của điểm thứ ba cũng là cách gây gián cách cho quan hệ giữa công nhân và phần tử trí thức.

Sự tuyên truyền vu khống này nhắm vào phần tử trí thức đã khởi tác dụng cực lớn, vì nguyên nhân của nó là ở chỗ phần tử trí thức vẫn luôn là người lãnh đạo tư tưởng của xã hội, vẫn luôn là người phát ngôn trước những vấn đề của xã hội, vẫn luôn là người truyền thừa và phân tích trình bày Văn hóa truyền thống. Sau khi hình tượng của phần tử trí thức bị bôi nhọ, những giá trị mà họ đại biểu cũng theo đó mà bị đảo lộn. Trong mắt quần chúng, phần tử trí thức không còn là đối tượng được trân trọng và xin chỉ giáo, mà là đối tượng để cười nhạo và phê phán.

Nếu như nói những lời vu khống trên thuộc về “bôi nhọ danh dự”, thì việc chặn đứng bát cơm của phần tử trí thức chính là “vắt kiệt tài chính”, từ cuộc vận động phản Hồ Phong đến phản cánh hữu, cách mạng Văn hóa lại là một phần của “hủy hoại thể xác”. Rất nhiều những nhân sỹ dân chủ cùng Trung Cộng vào sinh ra tử, dốc sức trợ giúp trong những năm cướp chính quyền, đã rất ngây thơ cho rằng mình là công thần khai cơ lập nghiệp, do đó Trung Cộng “thực tâm đối đãi, vinh nhục cùng hưởng”, cũng sẽ cho họ với tinh thần trách nhiệm xã hội cao cả và có hoài bão to lớn có cơ hội được thi triển. Trong lời mời trăm hoa đua nở “chân tình”, những cao nhân nghĩa sỹ “kẻ sỹ chết vì người tri kỷ”

này, càng là chính nghĩa hùng hực, thì lại càng ngã một cách thê thảm hơn. Khi mọi người được chứng kiến những gì Trung Cộng làm, khi hàm nghĩa chân thực của “thiên hạ của Đảng” cuối cùng cũng hiện rõ cho thiên hạ: “chuyên chính dân chủ nhân dân hay còn gọi là độc tài dân chủ nhân dân”. Những văn nhân nổi tiếng như Chương Bá Bách, Chương Nãi Khí, La Long Cơ, Trữ An Bình,... dù là tiến sỹ hay du học sinh yêu nước mà quay trở về hay nhà tư bản hiến tài sản cho Trung Cộng, những vị trí từ bộ trưởng, giáo sư, nhà văn, tổng biên tập, phóng viên v.v. đều lần lượt bị ném vào “chuông bò” cánh hữu của Đảng Cộng sản, đến chết họ cũng không thể hiểu rõ “dân chủ” và “độc tài” có thể được Trung Cộng kết hợp thành “chuyên chế nhân dân” như thế nào trong hiện thực lạnh lùng đó. Những phẩm cách truyền thống được ca ngợi đời đời trong lịch sử Trung Quốc như “tinh trung báo quốc”, “xả thân vì nghĩa”, “nhân cách tôn nghiêm”, “lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ” đều mất đi trên vũ đài lịch sử kể từ sau khi thế hệ cuối cùng của những nhân sỹ bác học học giả uyên thâm chết trong đờn độc. Mọi người hoảng sợ khi thấy rằng cái Đảng Cộng sản vốn tích cực treo lên miếng mỗi thiên đường nhân gian ấy, nhưng điều nó gây dựng trước tiên lại là địa ngục nhân gian.

Những người may mắn sống sót, từ đó phải run sợ, không dám tiếp tục nhắc tới giá trị truyền thống, không dám tiếp tục kiên trì giữ tư tưởng độc lập và nhân cách của phần tử tri



thức nữa. Ví dụ như Phùng Hữu Lan, Quách Mạt Nhược, chỉ vì một câu phê bình của Mao Trạch Đông mà sợ tới mức gấp rút thay đổi quan niệm học thuật của mình. Đối với phần tử trí thức mà nói, tư tưởng độc lập và nhân cách cũng như là sinh mệnh. Sự phá hủy này đã khiến nội tâm của phần tử trí thức vô cùng đau khổ, ngòi bút cũng không thể lột tả hết.

“Phần tử trí thức” đã từng là từ đồng nghĩa với “đạo đức”, đại diện cho hình tượng xã hội thanh bản, chính nghĩa, trí thức, hàm dưỡng, không nịnh nọt bợ đỡ. Đến thời Giang Trạch Dân, trong giới quan chức của đảng xuất hiện vai trò này – “thợ trang điểm chính trị”, quá khác biệt so với văn nhân chính thống. Họ là những người thợ thủ công, nịnh hót bợ đỡ trên vũ đài chính trị, không còn phò tá quân tử thánh hiền, mà là hòa vào cùng quân đầu trộm đuôi cướp Giang Trạch Dân.

Trong vũng máu thăm sát bởi xe tăng và súng máy, trong làn sóng âm thanh phản đối và lên án của cộng đồng quốc tế, kẻ lên nắm quyền là Giang Trạch Dân cần phải bôi trát một lớp sơn màu chính trị thật dày. Vậy là nhóm văn nhân này phát minh ra cái gọi là “Ba đại diện”. Họ không chỉ tống táng vận mệnh của đất nước về chính trị, mà về phương diện đạo đức còn làm vấy bẩn sự thanh bạch cần có của phần tử trí thức.

Tới nay, các “học giả chuyên gia” của Trung Quốc sớm đã không còn giống với phần tử trí thức đã kế thừa văn hóa chính thống và phương thức hành vi sâu dày đó. Trong đó tuyệt đại đa số đều bị tẩy não bằng Thuyết vô Thần, triết học đấu tranh và lịch sử phát triển xã hội của Trung Cộng. Họ chỉ là những nhân viên chuyên nghiệp nắm vững khoa học kỹ thuật, hoàn toàn chưa từng nghiên cứu sâu về văn hóa Nho – Thích – Đạo, lại càng chưa từng dung nhập nó vào cuộc sống.

Trung Cộng ngày nay làm ra thứ biểu ngữ “Tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài”, biểu diễn cái gọi là “Đảng ân hạ đẳng”. Phần tử ngụy trí thức thì dồn hết sức biên đạo, lập lại những lý luận để làm luận chứng cho tính hợp pháp về sự thống trị của Trung Cộng, hay là các loại tính hợp lý cho những thâm kịch

trong xã hội. Trung Cộng đã thành công trong việc tạo ra tam giác sắt “Tinh anh chính trị, tinh anh kinh tế và tinh anh văn hóa”, điều nó cần là phần tử trí thức giống như Hà Tộ Hưu khi đối diện với công nhân mở bị chết trong hầm mỏ đã nói rằng: “Ai bảo anh bất hạnh sinh ra tại Trung Quốc”.

Mà một số phần tử trí thức bị ô nhiễm nghiêm trọng bởi Văn hóa đảng, cho dù vẫn còn giữ được lương tri cơ bản làm người đi nữa, nhưng cũng chỉ có thể có cái tâm lo cho nước cho dân, còn thực tế thì khổ não vì không có đường báo quốc an dân nên đành phải tranh thủ thân phận “trong thể chế”, mong muốn rằng “cải cách trong thể chế”, gặp phải chuyện gì tìm cách “giải quyết trong thể chế”. Giải quyết trong thể chế chẳng qua là trước tiên xưng thần (bề tôi) với Đảng Cộng sản, thừa nhận quyền khống chế và quyền sử dụng tùy ý của Đảng cộng sản và Văn hóa đảng với mình, từ đó mà xin được một chút quyền phát ngôn đáng thương. Trong một môi trường xã hội không có sự lựa chọn, một số người lớn lên trong sự thấm đẫm của văn học Liên Xô và những tác phẩm “to” của Đảng Cộng Sản, họ trân quý những gì tích lũy trong quá trình bản thân mình trưởng thành, không hề biết rằng đó là thuốc độc, khó có thể vứt bỏ nút thắt trong tâm về lý tưởng với Đảng Cộng sản, ngoài việc gào thét trước những bất công trong xã hội, cũng không thể giúp mọi người nhận rõ Trung Cộng mới thực sự là ngọn nguồn của vạn tội ác. Cách những người này kỳ thác hy vọng vào Đảng Cộng sản thực ra là dùng nghĩa cử cá nhân mình mà che giấu sự xấu xa của Trung Cộng, kéo dài thọ mệnh của Trung Cộng.

II.1-2 – Phê phán Thích gia và Đạo gia

(1) Phủ định sự tồn tại của Thần, Phật, làm sai lệch động cơ tôn giáo

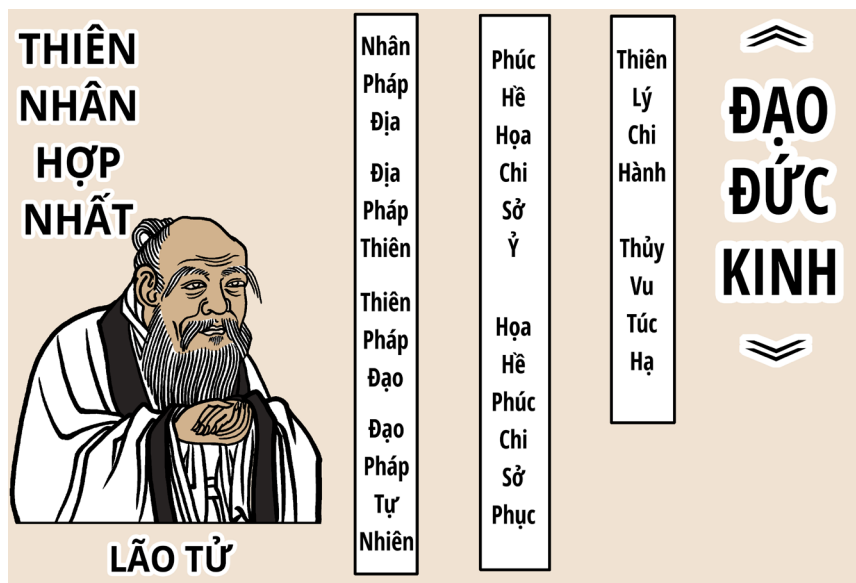
Tư tưởng của Lão Tử từng được Khổng Tử cho là “Rông trong mây”. Ngày nay giới học giả phương Tây vẫn luôn tôn sùng tư tưởng của Lão Tử. Những câu cách ngôn trong “Đạo Đức kinh” như “Phúc hễ họa chi sở ỷ, họa hễ phúc

chi sở phục” (Trong phúc có họa, trong họa có phúc), “Thiên lý chi hành, thủy vu túc hạ” (Hành trình nghìn dặm bắt đầu từ dưới bước chân) vẫn có sức ảnh hưởng trường tồn cho tới tận ngày nay. Bắt đầu từ thời Hán, môn phái Phù Lục, và môn phái Đan Đỉnh của Đạo gia đều rất sùng kính Lão Tử, đã lưu lại thân tích của những người tu luyện Đạo gia như Trương Đạo Lăng, Khâu Hoàng Tế, Hứa Tinh Dương, Cát Hồng, v.v. bạch nhật phi thăng. Những bậc Đế vương trong các triều đại thường để Đạo sỹ làm Quốc sư, Trương Lương từng tự xưng là “dùng ba tấc lưỡi làm thầy giáo của vua”, những người còn lại như Gia Cát Lượng thời Thục Hán, Viên Thiên Cương, Lý Thuần Phong thời nhà Đường, Miêu Quang Nghĩa thời Tống, Lưu Bá Ôn triều Minh đều được những vị vua khai quốc đối xử bằng nghi lễ dành cho Quốc sư. Thành Cát Tư Hãn những năm cuối cũng không ngại đường xa vạn dặm thỉnh mời Khâu Xử Cơ, hiệu Trường Xuân Tử tới giảng Đạo.

Thích Ca Mâu Ni ngồi dưới gốc cây Bồ đề bảy bảy bốn chín ngày, sau cùng khai công khai ngộ, thấu triệt mọi chân tướng về vũ trụ trong cảnh giới của ông. Ông dạy con người trọng đức hành thiện, nhảy thoát khỏi luân hồi. Thích Ca Mâu Ni có mười đại đệ tử, đều có thần thông rất cao. Đạt Ma, đệ tử đời thứ 28 của ông qua sông chỉ với một cọng lau, người phi thường mới có thể làm được như vậy. Sau đó ông ngồi quay mặt vào núi Tiểu Thất chín năm, mang thân hình in trên đá, trở thành kỳ quan thiên cổ. Huệ Năng, Lục tổ của Thiền Tông đã viên tịch hơn 1.000 năm mà nhục thân vẫn không bị hư nát, đến nay vẫn ngồi an nhiên trong chùa Nam Hoa tỉnh Quảng Đông.

Trung Cộng một mặt tuyên truyền lịch sử phát triển xã hội, phủ định sự tồn tại của Thần; mặt khác khiến những người đại diện trong nội bộ các tôn giáo phát tán những lời phủ định người sáng lập tôn giáo. Phật giáo cho rằng Phật là người sáng tạo ra thế giới thiên quốc, như thế giới Cực Lạc là do nguyện lực của Phật A Di Đà mà thành. Còn Triệu Phác Sơ – Hội phó Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc trong cuộc gặp gỡ với Tổng thống Sukarno của Indonesia vào đầu năm 1965 lại nói: “Phật Đà được thần thánh hóa”, “Phật không phải

là đáng sáng thế ra vạn vật... không thể làm chủ được hung cát, phúc họa của con người.” Cũng giống như vậy, Ngô Diệu Tông Chủ tịch Giáo hội Tam Tự của Ki-tô giáo cũng chịu sự khống chế của Trung Cộng, đã nói rằng thần tích của Giê-su đã bị ông ta ‘vứt bỏ’ rồi, còn nói: Thượng Đế đã đoạt lại từ tay giáo hội chiếc chìa khóa giúp nhân loại được cứu vớt, và đã giao cho Đảng Cộng sản rồi.”



Thần Phật là cái gốc của tôn giáo. Vô luận là Phật giáo, Đạo giáo hay những chính giáo khác, các tín đồ đều nỗ lực để cao cảnh giới của mình, cuối cùng cũng là vì để tới được thế giới thiên quốc của Thần Phật, như Tịnh Độ Tông của Phật giáo, hy vọng sau khi vãng sinh được tới thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà. Nếu phủ nhận sự tồn tại của Thần Phật, phủ định thế giới Thiên quốc, đối với tín đồ tôn giáo mà nói tu luyện hoàn toàn không còn chút ý nghĩa, còn đoàn thể tu luyện của tôn giáo này cũng sẽ tan rã.

Trung Cộng là kẻ tuyên truyền Vô Thần luận, mô tả tôn giáo là “sự phản

ánh hư cấu của lực lượng tự nhiên và lực lượng xã hội trong ý thức của con người”, là “sự sợ hãi và tuyệt vọng của người lao động trước những khổ nạn to lớn do chế độ bóc lột gây ra”. Xét về tuyên truyền này, mọi giáo nghĩa liên quan tới Thiên quốc, Địa ngục, thiện ác báo ứng đều là đối tượng bị Trung Cộng phủ định trực tiếp.

Trung Cộng tuyên truyền rằng: “Khổ nạn của xã hội là mảnh đất phì nhiêu cho tôn giáo tồn tại và phát triển”, và cố tình coi chuyện một số người thường gặp khổ nạn, đau khổ tuyệt vọng mà gia nhập vào tôn giáo là chuyện thường tình của các tín đồ tôn giáo.

Kỳ thực, Trương Đạo Lăng (tức Trương Thiên Sư) của Đạo gia từng ba lần được Hán Hòa Đế thỉnh mời làm Thái phó (Trong chế độ quan cửu phẩm là quan đứng đầu nhất phẩm). Trương Đạo Lăng đều không nhận lời, mà ẩn cư tu luyện trong núi Hạc Minh. Trước khi Phật Thích Ca Mâu Ni xuất gia, ông là thái tử của nước Ca Tỳ La Vệ. Cha ông vì muốn ngăn trở ý niệm xuất gia của ông nên đã xây một đại hoa viên, tu sửa cung điện nguy nga tráng lệ, lệnh cho mấy trăm cung nữ ngày đêm ca múa đàn hát bầu bạn cùng ông và lấy cho ông đệ nhất mỹ nữ Ấn Độ Yasodharā làm vợ. Vậy mà thái tử vẫn nửa đêm cưỡi ngựa vượt tường thành, tới khổ tu trong rừng núi. Sau khi Thái Tử thành Phật, 51 người trong 56 người đầu tiên được cứu độ đều là công tử gia tộc giàu có của nước Ba La Nại. Thế Tôn về nước thuyết giảng Phật Pháp, có 500 con em phẩm mạo đoan chính của các vương tộc quyền quý, đều theo Phật xuất gia. Do đó xuất gia tuyệt đối không phải là chạy trốn trước khổ nạn hiện thực (do thất tình hay kinh tế khó khăn), mà là phát tâm bồ đề, là đại nguyện dùng huệ kiếm cắt đứt duyên trần.

Trước khi Trung Cộng đoạt được chính quyền, dân gian có môi trường tín Thần. Những người tu hành trong Thích giáo và Đạo giáo được gọi là “Pháp sư”, “Đạo trưởng”, “Cao tăng đại đức”, là biểu tượng đức cao vọng trọng, cũng là đối tượng được mọi người tôn kính. Dù là Hoàng Đế trong những hoàng triều truyền thống gặp cao tăng cũng đều lễ độ và tôn trọng.

Sau khi Trung Cộng cướp chính quyền, nó bèn cưỡng chế quảng bá giáo dục “Lịch sử phát triển xã hội”, phá hoại môi trường tín Thần, miêu tả những người tu hành như những kẻ xuẩn ngốc, vô tri, mê tín, thậm chí còn lợi dụng tôn giáo để kiếm lợi. Lúc này, địa vị xã hội của người tu hành rớt xuống thê thảm, từ người được kính trọng thành đối tượng bị nhân dân chế diễu. Rất nhiều người xuất gia đã hoàn tục vì suy sụp tinh thần.

“Làm người tắt hương chỗ cao mà đi,” trong tâm mỗi người đều đang âm thầm trân quý danh vọng bản thân mình, hy vọng gia nhập đội ngũ những người thành công. Trung Cộng miêu tả những giáo đồ của Phật, Đạo như kẻ thất bại, thậm chí là “giai cấp bóc lột”, miêu tả những người tín phụng Thần Phật thành những kẻ mê tín và tư tưởng lạc hậu. Điều này cũng sẽ khiến dân chúng giữ khoảng cách với các tín đồ.



(2) *Hủy hoại hoàn cảnh vật chất của tu hành*

Nếu người xuất gia không để ý tới cách nhìn của thế tục mà tiếp tục tinh tấn tu hành, vậy thì tiếp theo Trung Cộng sẽ phải cắt đứt nguồn lương thực của người tu hành.



Thường thì nguồn lương thực của người tu hành đến từ hai phương diện, một là từ sự cúng dường của nhân dân, hai là thu hoạch từ hoa màu trên đất của nhà chùa. Khi Trung Cộng phá hoại môi trường tín Thần tại dân gian, thì nguồn lương thực đầu tiên đã bị cắt đứt. Còn đối sách của Trung Cộng với nguồn cung cấp thứ hai là cải cách ruộng đất. Theo “Chỉ thị về vấn đề giải phóng nông nghiệp, ruộng đất tại khu vực ngoại ô” do Trung Cộng ban hành tháng 01 năm 1950 quy định, ruộng đất của đình chùa miếu mạo,

nhà thờ đều thuộc về tài sản quốc gia. Tại đền chùa các nơi tất cả những tăng ni còn sức lao động bị chuyển tới làm việc tại ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủ công nghiệp, ngành dịch vụ hay những nơi như xưởng dệt, xưởng in, tổ may ni cô.

Theo truyền thống Phật giáo, những giáo đồ của Phật giáo tiểu thừa đều sống nhờ vào khát thực, hoàn toàn không sản xuất. Sau khi truyền giáo vào Trung Quốc, Tứ tổ Thiên Tông là Đạo Tín định cư tại núi Song Phong, tụ tập 500 người, vì nơi ở cách xa thành quách, khát thực khó khăn, nên phải tự cày ruộng, tự cấp dưỡng, dùng nông nghiệp để tụ tập. Đạo Tín răn dạy những người trong môn đạo rằng “Chăm chỉ chịu khó là căn bản.” “Có thể làm 3-5 năm, chỉ cần ăn một miếng lót dạ liền đóng cửa ngôi thiên”. Từ đó có thể thấy, sản xuất nông nghiệp hoàn toàn không hề có mục đích, chỉ là vì có thể đả tọa ngôi thiên từ đó mà lao động nuôi thân. Hơn nữa chỉ cần có miếng cơm ăn liền muốn ngôi không đả tọa.

Vì sự lũng đoạn toàn diện của Trung Cộng về tư liệu sản xuất và hoạt động thương mại, tính chất sản xuất trong đền chùa đạo quán đã không còn

giống chủ trương lấy nông dưỡng thiển như Đạo gia đề xướng, mà hoàn toàn trở thành đơn vị công tác bị thế tục hóa và chịu sự kiểm soát của Đảng Cộng sản về kinh tế, sinh tồn nhờ vào hơi thở của Đảng Cộng sản. Sự lệ thuộc vào chính quyền về kinh tế đã kết thúc tính độc lập của tôn giáo, đồng thời trở thành chư hầu cho Đảng Cộng sản. Đây là phá hoại lớn nhất đối với tôn giáo truyền thống.

(3) Huy diệt thần thế

Ngày 01 tháng 07 năm 1955, Trung Cộng ban hành “Chỉ thị về việc triển khai đấu tranh loại bỏ những phần tử phản cách mạng từ trứng nước”, mà lịch sử gọi là “Cuộc vận động tước phần” đã gương cao cờ hiệu “Làm trong sạch đội ngũ Phật giáo, Đạo giáo”, giết một người đe trăm người, coi những tăng ni, đạo sỹ không hợp tác với Trung Cộng là phần tử phản cách mạng mà bắt giữ, bắn chết. Sự cướp đoạt về kinh tế, sự áp bức về chính trị và sự đe dọa do “thêu dệt tội danh, vạ người công thẩm, tuyên án, bắn chết” đã khiến rất nhiều tăng ni đứng về phía Đảng Cộng sản.

(4) Làm lệch lạc kinh điển tôn giáo, dung tục hóa tôn giáo

Phật giáo coi “Phật, Pháp, Tăng” là Tam bảo. Trong đó “Pháp” chính là Kinh Phật. Trung Cộng ngoài việc phủ định sự tồn tại của Phật, trấn áp bức hại cao tăng đại đức ra, thì việc phá hoại kinh điển Phật giáo còn kín kẽ và âm hiểm hơn nhiều.

Trong “Đại Ban Niết Bàn Kinh”, Thích Ca Mâu Ni đã dự đoán được tình huống trong tương lai, tức là có ma vương chuyển sinh thành tăng ni và nam nữ cư sĩ nhằm phá hoại Phật Pháp từ trong nội bộ.

Những năm 20, 30 của thế kỷ trước, hòa thượng Thái Hư đưa ra cách nói “Phật giáo nhân gian”, cho rằng tam thừa cộng Pháp (Thiên thừa, Thanh

Văn, Viên Giác) nếu không thuộc về “Thần quyền mê tín” thì cũng thuộc về “tiêu cực lánh đời”. “Phật giáo nhân gian” lại tiến thêm một bước nữa khi chủ trương “cuộc sống hóa tu hành hiện đại” và “trường học hóa tu hành hiện đại”, “sự nghiệp Phật giáo hiện đại hóa nên bao gồm nhà xưởng, nông trường, bảo hiểm, ngân hàng, công ty, cái gọi là nông công thương, v.v.” Cách làm thế tục hóa, dung tục hóa Phật giáo bằng mượn cái mũ “Phật giáo nhân gian” trực tiếp đi ngược lại nguyên nghĩa của Phật Đà, hoàn toàn không phù hợp với cách tu hành của Phật giáo mấy nghìn năm nay luôn phát nguyện xa rời thế tục, theo đuổi sự thăng hoa về tâm hồn và siêu thoát. Tổ tiên của Bạch giáo Phật Milarepa của Phật giáo truyền từ Tây Tạng cũng nói với đệ tử của mình rằng: Trước khi Ông tu thành chính quả thì không nói tới sự nghiệp độ chúng sinh.



Như loại hình thứ ba trong Văn hóa đảng mà phần giới thiệu đã chỉ ra, Trung Cộng “phát triển và quảng bá” cho trào lưu tư tưởng đã tồn tại, lại vận dụng nguồn tư nguyên quốc gia mà nó nắm được để tiến hành mở rộng trên cả bề rộng lẫn chiều sâu.

Trung Cộng cho rằng rất nhiều cách nói hư hư thực thực “Phật giáo nhân

gian” chính là thứ có thể tăng cường lợi dụng, chỉ cần tín đồ chuyển ánh mắt chăm chú vào “Thiên quốc” sang quan tâm tới “nhân gian”, thì Trung Cộng có thể dễ dàng thu dật rất nhiều lời hoang đường, thao túng tư tưởng của giáo đồ. Cho nên truyền nhân của “Phật giáo nhân gian”, Triệu Phác Sơ [Hội trưởng Hội Phật giáo Trung Quốc], đệ tử của “Thái Hư” [trụ trì chùa Nam Phổ Đà, kiêm Viện trưởng Phật học viện Mân Nam] đã trở thành người đại diện lý tưởng nhất của Trung Cộng.

Dưới sự dẫn dắt của Triệu Phác Sơ, Hội Phật giáo Trung Quốc luôn miệng nhắc tới “trang nghiêm quốc thổ, lợi lạc hữu tình”. Thực tế Phật giáo nhắc tới “quốc thổ trang nghiêm” là chỉ mảnh đất tịnh độ nơi Phật quốc trang nghiêm (Như câu thơ “Nguyện dĩ thử công đức, trang nghiêm Phật tịnh thổ, tạm dịch: *Nguyện mang công đức này làm trang nghiêm tịnh thổ nơi đất Phật*” trong “*Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*”), “Lợi lạc hữu tình” là chỉ “Chúng sinh hữu tình” được hóa độ tới bờ bên kia của cõi niết bàn, chứ tuyệt đối không giống với cách nói của Hội Phật giáo: “Tích cực tham gia kiến thiết tổ quốc, nỗ lực vì dân phục vụ.”

(5) Thành lập Hiệp hội tôn giáo Trung Cộng, khiến người được ủy quyền phê phán tôn giáo từ trong nội bộ

Vào những năm 50, Trung Cộng thành lập một Hiệp hội Phật giáo chịu sự thao túng của nó, để cho người ủy quyền của nó chiếm vị trí quan trọng, trở thành tổ chức chính trị giống với cái mà hiện nay được gọi là tám “Đảng phái dân chủ” phụ thuộc vào Trung Cộng. Trong thể hệ tổ chức của Đảng, những hiệp hội này được quy về dưới quyền kiểm soát của Ban Chiến Tuyến Trung ương, mục đích của nó không phải là nhằm phồn vinh tôn giáo, mà là khống chế tôn giáo.

Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc ngay trong thiên mở đầu của nó đã nhiệt liệt ca tụng Trung Cộng đàn áp phản cách mạng và “Cảm ơn tất cả

những nhà lãnh đạo này – Chủ tịch Mao, lãnh tụ vĩ đại của chúng ta và Chính phủ nhân dân trung ương”, ngôn ngữ nịnh bợ, không hề thua kém bất kỳ một tổ chức thế tục nào.

Phật Thích Ca Mâu Ni là Thái tử Tất Đạt Đa của vua Tịnh Phạn nước Ca Tỳ La Vệ tại Ấn Độ. Sau khi xuất gia lại có vua Bình Sa muốn nhường lại vương vị, Thái tử Tất Đạt Đa đều không tiếp nhận mà vào trong rừng núi khổ tu. Có thể thấy ý nghĩa chân chính của Phật giáo không nằm ở sự phồn hoa của thế gian và chính trị của thế tục. Còn trong tôn chỉ được xác lập trong điều lệ thành lập của Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc dưới sự thao túng của Trung Cộng lại yêu cầu đệ tử Phật giáo tham gia cái gọi là “Kiến thiết văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa.”

Tình hình Đạo giáo cũng gần giống với Phật giáo. Trong điều lệ Hiệp hội Đạo giáo Trung Quốc được thông qua năm 2005 quy định rõ ràng rằng phải “Tăng cường... học tập chính sách thời sự, nâng cao giác ngộ chủ nghĩa yêu nước của môn đồ Đạo giáo và tính giác ngộ tương thích với xã hội Chủ nghĩa xã hội... xúc tiến sự tương thích giữa Đạo giáo và xã hội Chủ nghĩa xã hội, nhằm cố gắng hiến sức lực cho việc kiến thiết một xã hội hài hòa.” Nói một cách đơn giản, Hiệp hội Đạo giáo chính là muốn “Đạo Đức Kinh” thích ứng với chính sách của Trung Cộng, muốn cải biến nội hàm của tín ngưỡng một cách trắng trợn.

Hiệp hội Phật giáo, Hiệp hội Đạo giáo phụ thuộc Trung Cộng về mặt chính trị, ắt sẽ giải thích giáo lý theo cách nhìn của Trung Cộng. Tôn giáo cho rằng thế giới là khổ nạn. Khổ nạn này tự nhiên là so với sự mỹ hảo của thế giới thiên quốc, nếu không thì không cách nào giải thích được vì sao Thích Ca Mâu Ni vứt bỏ ngôi vua đi tu hành. Nhưng người đại diện tôn giáo [chỉ các hiệp hội kia] của Trung Cộng lại nói dối rằng dưới sự thống trị của Trung Cộng “không thể lại... nói là đen tối, đau khổ nữa.” Mà tiến xa hơn một bước nữa là nhằm để các tín đồ hòa nhập vào thế tục thêm bước nữa, các hiệp hội đều phê phán cái gọi là “quan niệm tôn giáo tiêu cực chán ghét cuộc đời, chạy trốn hiện thực”,

khiến giáo đồ tin vào việc xây dựng thiên đường giữa nhân gian. Cách nói này hoàn toàn khác với diệu pháp tứ đế “Khổ, Tập, Diệt, Đạo” mà Phật Đà nói.

Những người đại diện trong các hiệp hội tôn giáo này dùng những tài nguyên được tích góp trong tôn giáo của mình để tiến hành phê phán từ trong nội bộ, ví dụ như chủ trương phá bỏ giới luật trong Phật giáo và nói rằng những điều lệ kinh điển này đã hại chết rất nhiều nam thanh nữ tú. Cách phê phán từ trong nội bộ này còn có sức phá hoại hơn nhiều so với sự phá hoại của Trung Cộng từ bên ngoài.

(6) Ngụy tạo giả tượng về tự do tôn giáo

Cái mà Trung Cộng gọi là “Tự do tôn giáo” là một loại ngụy tự do, nó có một tiền đề là phải nghe theo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Nói một cách đơn giản, một người thấp hương, đập đầu, sám hối, cầu nguyện, làm gì cũng được, nhưng khi tín ngưỡng của họ xung đột với Đảng Cộng sản thì nó phải phục tùng Đảng Cộng sản.

Biểu hiện của ngụy tự do tôn giáo là thế tục hóa tôn giáo, cơ quan hóa đoàn thể tôn giáo, thương nghiệp hóa các trường sở tôn giáo, chính trị hóa hoặc cán bộ hóa những người đứng đầu trong các tôn giáo.

Tại Trung Quốc, Cục Tôn giáo là một ban ngành mà chính phủ dùng để khống chế tôn giáo. Rất nhiều phương tượng trong đền chùa, những trụ trì trong Đạo quán đồng thời cũng là cán bộ của Trung Cộng, họ có cấp bậc hành chính, lĩnh lương, tham gia hội nghị chính trị và hợp tác hiệp thương, thậm chí còn được cấp xe cộ, máy tính, mỗi tuần đều tham gia học chính trị. Điều duy nhất khác với cán bộ Trung Cộng chính là những người này mặc áo cà sa hoặc áo đạo sỹ mà thôi. Tâm của họ không đặt vào cõi bồng lai, “tứ đại cũng chẳng giai không nữa”. Đền chùa cũng chỉ là đơn vị công tác của họ mà thôi.

Một biểu tượng khác của ngụy tự do tôn giáo chính là xây dựng một lượng lớn chùa chiền, tổ chức những cuộc đại hội tôn giáo, sửa tượng Phật

giáo, in kinh sách, gây cho con người giả tượng về việc Trung Cộng tích cực hỗ trợ tôn giáo.

Trong Bài bình luận số 6 của Cửu Bình viết: “Một lần nữa, hãy lấy các ngôi chùa làm ví dụ. Các ngôi chùa là nơi để con người tu luyện, để nghe tiếng chuông chùa vào buổi sáng và tiếng gõ mõ lúc hoàng hôn, thờ Phật dưới ánh đèn dầu. Mọi người trong xã hội người thường cũng có thể xưng tội và thờ cúng ở đó. Tu luyện đòi hỏi một trái tim trong sạch không truy cầu bất cứ điều gì. Xưng tội và thờ cúng cũng cần có một môi trường nghiêm túc và trang trọng. Tuy nhiên, các ngôi chùa đã bị biến thành các địa điểm du lịch vì lợi ích kinh tế. Trong số những người thực sự thăm viếng các ngôi chùa ở Trung Quốc ngày nay, liệu có bao nhiêu người đến để suy nghĩ về những lỗi lầm của mình với một trái tim thành kính trước Phật ngay sau khi tắm gội sạch bụi trần và mặc lên mình bộ quần áo mới?”



Như Thiếu Lâm Tự, gốc gác của Thiên tông Trung Quốc, ngày nay đã trở thành điểm đến du lịch và nơi quay phim chụp ảnh, phương trượng của Thiếu Lâm Tự bán đứng văn hóa Thiếu Lâm, gần đây y đã quyết định chi 350 triệu nhân dân tệ nhằm biến nơi đất Phật thanh tịnh thành nơi nghỉ dưỡng nên bị

gọi một cách chế giễu là “CEO” (Giám đốc điều hành) Thiếu Lâm Tự. Y tôn sùng quan niệm “Thiếu Lâm Tự cũng nên có xí nghiệp”, thế là lái xe việt dã hào nhoáng, đi máy bay chu du thế giới, lên kế hoạch cho những buổi biểu diễn lớn, hàng ngày đều giao thiệp với đủ loại nhân sỹ trong xã hội như những ông chủ lớn của các doanh nghiệp, quan chức chính phủ, bạn bè quốc tế. Đa phần thời gian trong cuộc sống của ông này là dùng để tiếp đãi khách khứa và xử lý công việc. Phương pháp tu luyện “mặt nhìn vào vách núi” do Lão tổ Đạt Ma truyền lại cần có một hoàn cảnh thanh tịnh, đến nay đã không còn lại chút gì.



Tháng 08 năm 2006, giám tự của chùa Hóa Thành-tỉnh Giang Tây cử hành lễ siêu độ Phật giáo cho những nạn nhân bị chết trong vụ thảm sát Thiên An Môn “Ngày 4 tháng 6”, vậy mà bị chính quyền địa phương uy hiếp, bức bách ông phải rời khỏi chùa. Cục trưởng Hà của Cục tôn giáo huyện Quế Dương nói với vị giám tự này rằng: “Ông ăn, uống, chơi gái, đánh bạc đều được, chỉ là không được phản đối Đảng Cộng sản.”

Ngụy tự do tôn giáo đã khiến rất nhiều người không minh bạch chân tướng gia nhập vào những nơi tôn giáo do Trung Cộng tổ chức, những kinh

điển mà họ học tập nghiên cứu bị Trung Cộng làm lệch lạc, chính tín của họ bị Trung Cộng dùng lợi ích thế tục để ăn mòn. Đây đều là cái thòng lọng mà Trung Cộng dùng để phá hoại Phật giáo, Đạo giáo một cách có hệ thống.

Đồng thời nguy tự do tôn giáo cũng khiến hàng loạt những người có nhân phẩm hành vi độc ác xấu xa vốn nghe theo lệnh của Trung Cộng, trở thành người trụ trì tại những ngôi chùa và đạo quán và những người phụ trách hiệp hội tôn giáo các cấp. Một mặt họ tích cực hợp tác với yêu cầu của Trung Cộng, tô son trát phấn cho nguy tự do của Trung Cộng ngoài quốc tế, mặt khác liêu minh vơ vét của cải, thậm chí là ăn chơi, gái gú, cờ bạc. Như hòa thượng trong hai ngôi chùa tại Quảng Đông tới Tam Nguyên chơi gái tập thể; hòa thượng trong ba ngôi chùa cổ tại chùa Quang Hiếu, chùa Pháp Tràng, chùa Nam Sơn chơi gái tập thể; hội trưởng hiệp hội Phật giáo Quảng Đông, hòa thượng Minh Sinh là phương trượng của chùa Quang Hiếu mở một quán ăn chay tên là “Phường Cam Lộ” trong chùa, y dẫn mấy người trông như kỹ nữ đứng trước cửa chùa tiếp đãi thực khách, v.v.

Từ cổ chí kim Trung Quốc đã có truyền thống thờ Thần bái Phật, nhưng điều quan trọng phải chỉ ra là những người tới thắp hương cầu nguyện đều tin là những điều không như ý hiện giờ gặp phải chính là do nhân quả báo ứng gây nên, với sự cung kính sám hối, cầu nguyện tương lai sẽ phải làm bao nhiêu việc tốt để bù đắp lại, hy vọng Thần Phật thương tình ban cho chút thuận lợi nhất thời, giải thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn trước mắt. Nhưng những kẻ nguy nhân sỹ tôn giáo lại làm sai lệch ý nghĩa của việc khẩn Thần bái Phật thành việc bố thí tiền tài có thể được bảo hộ, mà hoàn toàn không quan tâm xem những đồng tiền đó có phải là trộm cướp hay tham ô mà có được hay không. Lúc này cầu Thần bái Phật từ “sám hối” trở thành dùng tiền mua chuộc Phật, làm giao dịch với Phật.

Kiểu nguy tự do tôn giáo “Tham quan bái Phật, hòa thượng gái gú” này có sức phá hoại lớn nhất với chính giáo, rất nhiều người vì vậy mà phê phán tôn giáo là nơi giả tạo, kiếm chác và dâm loạn, kiểu phê phán tự phát này có ảnh

hưởng sâu rộng hơn cả việc Trung Cộng trực tiếp bôi nhọ Phật giáo.

Điều cần phải nhấn mạnh là sự phê phán của Trung Cộng nhằm vào Nho giáo, Đạo giáo, Thích giáo là trên nhiều tầng diện, bao gồm cả phê phán từ tầng diện lý luận, tôn giáo hóa khoa học, dùng cái gậy lớn gọi là “khoa học” để tiến hành phê phán Nho giáo-Phật giáo-Đạo giáo (dưới đây gọi tắt là Nho-Thích-Đạo); tổ chức biên chế giới tôn giáo, tiến hành phê phán Nho-Thích-Đạo từ trong nội bộ tôn giáo, tiến hành thanh lý tư tưởng từ trong Đảng, tiến hành yêu ma hóa Nho-Thích-Đạo. Kiểu phê phán này là phê phán kéo dài liên tục trong một thời gian dài, xuyên suốt trong giáo dục, trong cuộc sống, giúp cho việc cường điệu những cuộc vận động chính trị theo định kỳ, người người viết văn, hoặc sao chép văn, cưỡng chế tẩy não v.v. Đồng thời, kiểu phê phán này tiến hành theo kiểu phủ định toàn diện, không còn mảnh đất trống nào để con người có thể lưu giữ tư tưởng truyền thống. Trong sự tuyên truyền hình thái ý thức Vô Thần luận, Thuyết duy vật một cách cuồng nhiệt, trong sự yêu quái hóa ác độc đối với Nho-Thích-Đạo, trong sự uy hiếp bạo lực chính trị, trong sự điên đảo do Trung Cộng sắp xếp cài người vào làm loạn từ trong nội bộ một cách hiểm ác, Trung Cộng đã hoàn thành việc phê phán và thay thế một cách có hệ thống đối với Nho-Thích-Đạo giáo. Ngày nay, đa phần người Trung Quốc đã không biết Nho giáo – Thích giáo – Đạo giáo là gì, chỉ cần một câu “phong kiến mê tín” là đủ để tránh thật xa theo phản xạ có điều kiện, chỉ cần phê phán bằng khẩu hiệu, không cần chứng minh.

II.2 – PHÊ PHÁN QUAN NIỆM TRUYỀN THỐNG

“Thiên hành Kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức”, “Địa thế Khôn, quân tử hậu đức tải vật” (*Trời hành Kiện, quân tử không ngừng cố gắng vươn lên; Địa thế Khôn, quân tử đức dày chở vật*), Hai quẻ đầu trong “Kinh dịch” đã chỉ ra được thái độ của người Trung Quốc với trời đất, quân tử thuận Thiên đạo mà hành mới có thể không ngừng vươn lên, dùng đạo đức nhu thuận mà sâu sắc có bề

dày để chứa đựng vạn vật. Đối với người thì thành tín hòa thuận, từ mình mà hiểu lòng người, từ sự tôn kính với người già và sự yêu thương bảo vệ với trẻ nhỏ trong nhà mà mở rộng ra tới tất cả người già và trẻ nhỏ, chính là điều gọi là “Giảng tín tu mục” (*dạy điều tín, ăn ở hòa thuận*), “Lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu” (*Tôn kính người già nhà ta, cho đến người già trong nhà người, yêu mến trẻ nhà ta, cho đến yêu mến trẻ nhà người*). Khi Tam Tài – “Thiên Địa Nhân” được định ra, thì căn bản của quan niệm truyền thống được định ra như vậy.

Người Trung Quốc kính Thiên, kính Địa, kính Thân, kính tổ tiên do đó đã hình thành một đạo xử thế trong cuộc sống đời thường, truyền lại cho muôn đời sau.

Còn Đảng Cộng sản lại “phải thực hiện việc cắt đứt đối với quan niệm truyền thống một cách triệt để dứt khoát nhất.” (*Tuyên ngôn Đảng Cộng sản*). Việc nó phê phán quan niệm truyền thống, là một bước tất yếu nhằm triệt để thanh trừ Văn hóa truyền thống cho đến tín ngưỡng trong cuộc sống của người dân Trung Quốc.

Từ khi Trung Cộng bắt đầu xây dựng chính quyền, nó đã thông qua giáo dục “Lịch sử phát triển xã hội” để tẩy não toàn dân một cách có hệ thống, quy kết “sự lạc hậu”, “ngu dốt” của Văn hóa truyền thống là nguyên nhân khiến Trung Quốc bị cường quốc xâm lược gần 100 năm qua, miêu tả xã hội truyền thống thành “xã hội cũ” “thối nát, lạc hậu”, dán nhãn “ngu dốt và mê tín” cho tín ngưỡng trong quan niệm truyền thống, dán nhãn cho đạo đức truyền thống trong đó là “lẽ giáo ăn thịt người”. Theo cách như vậy, Trung Cộng đã lợi dụng tâm lý tự tôn dân tộc và nguyện vọng tự cường của người Trung Quốc mà toàn diện phát động cái gọi là cuộc vận động phá bỏ “mê tín phong kiến” trong xã hội, lấy khẩu hiệu “di phong dịch tục” (thay đổi phong tục), tiêu diệt tất cả những hoạt động dân gian liên quan tới tín ngưỡng truyền thống. Đồng thời Trung Cộng còn gán cho quan niệm truyền thống là công cụ chính trị giúp “kê thống trị phong kiến” mê hoặc nhân dân, “khiến họ bằng lòng với cuộc sống bị bóc

lột”, phê phán trật tự xã hội truyền thống thành “chế độ dòng tộc phong kiến” áp bức bóc lột, là cộng hưởng với “chế độ phong kiến chuyên chế”, khiến những cuộc vận động nhỏ tận gốc Văn hóa truyền thống dâng lên thành cao trào chính trị, như vậy có thể thông qua các cuộc vận động quần chúng quy mô lớn mà “giám sát”, “tiết lộ”, “tố giác” những ngôn từ và hành vi theo quan niệm truyền thống vẫn lưu giữ trong dân gian, đạt được mục đích triệt để diệt tận gốc.

Dưới đây là một vài ví dụ về việc những quan niệm truyền thống bị Trung Cộng phê phán.

II.2-1 – Phê phán việc kính sợ Trời

Người dân Trung Quốc vẫn luôn bảo trì tâm kính sợ đối với Trời. Dù những người không có tín ngưỡng rõ ràng cũng tin vào “ông Trời”. Trong quan niệm truyền thống của người Trung Quốc, Trời dù vô hình vô tướng, nhưng không chuyện gì không biết, không nơi nào không tồn tại.

Khi vương triều mặt thế hoặc đạo đức trụy lạc phổ biến trong xã hội, Trời liền giáng xuống tai họa, trước đó cũng sẽ có sự cảnh cáo hay điều gọi là “Thiên thùy tượng, kiến cát hung, thánh nhân tắc chi” (*Nhìn thiên tượng biết điểm hung cát, thánh nhân thuận theo điều đó*). Sau khi Hoàng Đế dâng cơ phải làm lễ tạ ơn Trời, ngày rằm tháng Giêng hàng năm và ngày Đông chí, Vua phải dâng đàn bái Trời, điều này thể hiện sự tôn sùng với Trời.

Trong sinh hoạt chính trị, “Trời” biểu thị cho phép tắc trị quốc, Khổng Tử nói “Vi chính dĩ đức, thí như bắc thần, cư kỳ sở nhi chúng tinh cùng chi” (*Dựa vào đức mà cai trị quốc gia, giống như sao Bắc Cực vậy, ở một chỗ mà các ngôi sao khác phải xoay quanh*). Trong sinh hoạt thường nhật, “mặt thất tư ngữ, thiên văn như lời” (*Nói thảm trong mặt thất, Trời nghe như sấm dậy*), binh pháp, kiến trúc, nhạc khí cũng đều thể hiện quy tắc của Trời, ngay cả tạo phản cũng phải làm ra lá cờ lớn “thay Trời hành đạo”.

Đối với Trời, trong quan niệm truyền thống từ trước đến giờ chỉ có sự

kính sợ, còn chỉ có Đảng Cộng sản mới tranh đấu với “Trời”.

Sự kính sợ Trời duy hộ đạo đức của con người, quan niệm “nhân mệnh quan thiên” (*số mệnh con người liên quan tới Trời*) duy hộ cho sự quý trọng đối với sinh mệnh, quan niệm “Thiên nhân hợp nhất” lại rất hữu hiệu trong việc bảo hộ tự nhiên. Đây đều là những chướng ngại ngăn Đảng Cộng sản giết người và hủy hoại môi trường, còn Trung Cộng lại cần dựa vào thủ đoạn giết người khiến con người khiếp sợ mà quy phục nó, phải dùng những lời đao to búa lớn “chiến thiên đấu địa” để kích động con người sùng bái nó và quyết tâm phá hoại tự nhiên.



Mao Trạch Đông nói: “Ta là hòa thượng che ô, vô Pháp vô Thiên.” “Vô Pháp vô Thiên” vốn mang nghĩa xấu lại trở thành ca ngợi sự dũng cảm, và cổ động con người tham dự vào cuộc đấu tranh chính trị “vô Pháp vô Thiên” và phá hoại môi trường.

11.2-2 – Phê phán sinh mệnh và thiện ác báo ứng

Từ quan niệm kính sợ “Trời” của người Trung Quốc đã phái sinh ra “thiên mệnh” quan và “thiện ác báo ứng”.

“Nhận mệnh” là câu mà người Trung Quốc thường nói, lại bị Trung Cộng giải thích là sự tiêu cực và không biết nên làm thế nào khi gặp phải khó khăn. Thực tế, ý nghĩa chân thực của “nhận mệnh” là “làm hết sức mình và nghe theo Thiên mệnh” hoặc “Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên”. Khổng Tử đề xuất “Sinh tử hữu mệnh, phú quý tại Thiên”, nhưng khi 54 tuổi ông lại từ chức Đại Tư Khấu của nước Lỗ, 14 năm chu du liệt quốc ông thúc đẩy vương đạo, biết rõ rằng điều đó không thể làm nhưng vẫn cứ làm. Ở đây không hề mang hàm nghĩa tiêu cực lánh đời.

Trong cuộc sống cá nhân, tư tưởng “nhận mệnh” (thừa nhận vận mệnh) hoàn toàn không phủ định sự phấn đấu của cá nhân, chỉ là giải thích cho sự bất khả kháng trong kiếp nhân sinh. Nói sâu thêm một bước nữa, quan niệm truyền thống cho rằng vận mệnh của con người được quyết định bởi đời trước, thậm chí là thiện báo hay ác báo nhận được do vài đời trước đã hành thiện hay hành ác. Do đó, “vận mệnh” cũng thường có quan hệ với “thiện ác hữu báo”, “phúc báo”, “quả báo”.

Trong “Kinh Dịch” có nói: “Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương” (*Nhà mà tích thiện, phú quý ắt có thừa, nhà mà tích điều không thiện, tai ương ắt có thừa*). Quan niệm này khiến con người nỗ lực hành thiện, tích góp công đức cho cuộc sống sau này của mình, thậm chí là con cháu đời sau. “Thiện ác hữu báo” cũng dựa trên cơ sở những quan niệm như “Trên đầu ba thước có Thần linh”, “Nhân gian thì thâm, Trời nghe như sấm; phòng tối tâm đen, Thần nhân như điện” v.v.

Tin vào vận mệnh và báo ứng khiến con người nỗ lực hành thiện, xem nhẹ dục vọng, thuận Thiên mà hành, không vì cái khoái lạc trước mắt mà không lường tới hậu quả. Tư tưởng này càng khiến con người tin rằng trong cõi u mê có Thiên ý, “Nhân tâm sinh nhất niệm, Thiên địa tất tương tri, Thiện ác nhược vô báo, Càn khôn tất hữu tư” (*Nhân tâm sinh nhất niệm, thiên địa đều biết rõ. Thiện ác nếu không báo, Càn khôn ắt hữu tư*).

Với sự thay triêu đổi đại, kể từ khi Trung Quốc có chữ viết tới nay đã

không ngừng lưu lại dự ngôn về những sự kiện lịch sử lớn của đời sau, mức độ chuẩn xác của nó đã khiến con người vô cùng kinh ngạc và tán thán. Thiên mệnh quan “Phụng thiên thừa vận” này cũng là ngọn nguồn cho tính hợp pháp cầm quyền của vua chúa.

Trung Cộng lại phê phán “vận mệnh” và “báo ứng” là “mê tín phong kiến” và cấm diễn xuất tuyên truyền những vở kịch có chủ đề này. Căn cứ của nó là giả thuyết về “Thuyết vô Thần” và “Chủ nghĩa duy vật lịch sử” vốn không thể nào chứng thực được. Trung Cộng hiểu rất rõ một điều là nếu một người sợ bị báo ứng, người đó quyết không dám theo Trung Cộng hành ác mãi được.

II.2-3 – Phê phán sự nhu thuận và nhẫn nhịn

“Nhu thuận lợi trinh, quân tử du hành” (Kinh Dịch) dùng quẻ “Khôn” để miêu tả đại địa. Đại địa có đức “nhu thuận”. Tính nhu thuận này không phải là cúi đầu nhẫn nhục một cách vô nguyên tắc, mà là thuận theo Thiên đạo mà hành.

Trong “nhu thuận” có đức “nhẫn nhượng”, “nhẫn một lúc sóng yên gió lặng, lùi một bước biển rộng trời trong.” Điển cố Hàn Tín chịu nhục chui háng đã lưu truyền hơn 2.000 năm, điều này đều phản ánh sự tôn sùng của người Trung Quốc với chữ “nhẫn”.

Trung Cộng lại cổ động đấu tranh, “Triết học của Đảng Cộng sản là triết học đấu tranh”, “Người nếu phạm ta, ta ắt phạm người”. Phương pháp giải quyết vấn đề không phải là thỏa thuận và đối thoại, mà là dựa vào bạo lực và trấn áp, và còn dám miêu tả sự báo thù thành lòng dũng cảm.

Tô Đông Pha từng nói, hễ chịu nhục lập tức rút gươm mà đấu với người khác, đây là kẻ thất phu, về cơ bản không xứng được gọi là người dũng cảm hay dũng cảm chân chính, vốn phải luôn giữ được bình tĩnh không kinh động cho dù đột nhiên đối mặt với sự xâm phạm. Hơn nữa dù cho gặp phải sự nhục mạ vô cơ cũng có thể khống chế sự phẫn nộ của bản thân, là vì tấm lòng bao la, tu

dưỡng sâu dày, ý chí cao xa.

“Nhân” trong Văn hóa truyền thống là tự kiểm chế, khoan dung, không ghi nhớ sai lầm của người khác, chứ tuyệt đối không phải là nhu nhược, nhượng bộ một cách vô nguyên tắc.

Trung Cộng chủ trương “người nếu phạm ta, ta ắt phạm người” kỳ thực là bụng dạ hẹp hòi, thù vật cũng quyết báo. Điều này rất phù hợp với cái tinh thần “đấu tranh” ấy. Kiểu suy nghĩ này khiến con người trong xã hội ân oán không dứt, ai cũng giống như kẻ địch, đây cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến mối quan hệ giữa con người ngày nay trở nên căng thẳng.



Người Trung Quốc nhìn thấy Càn là cương, Khôn là nhu, cương nhu bổ trợ, vạn vật đều thông suốt, là linh ngộ được đạo hài hòa. Trong quan niệm truyền thống rất coi trọng chữ “hòa”. Ba đại điện trong hoàng cung, lần lượt được gọi là “Điện Thái Hòa”, “Điện Trung Hòa”, “Điện Bảo Hòa” đã phản ánh sự tôn sùng với sự hài hòa và hòa thuận.

Hiện nay những từ như “đối thoại”, “thương thảo”, “hợp tác” thường xuất hiện ngoài miệng người phát ngôn của Trung Cộng, những lời lẽ đối trá này là mặt khác của sự trấn áp. Những kiện gần đây như sự kiện Sán Vỹ, sự kiện Hán Nguyên, sự kiện mở đầu Thiểm Bắc và những cuộc trấn áp tàn khốc các nhân sỹ đi thỉnh nguyện, nông dân mất đất, những hộ phải di dời, công nhân mất việc, thực chất cũng chính là sự tiếp diễn của tinh thần đấu tranh, lợi dụng thăm sát để xây dựng “xã hội hài hòa giả tạo”. Mặt khác, do đấu tranh đã trở thành cột trụ chủ yếu để Trung Cộng dựa vào mà tồn tại, chỉ cần tìm được cách đối thoại và hòa giải, tự thân Trung Cộng cũng sẽ giải thể.

II.2-4 – Phê phán trật tự xã hội truyền thống

Trạng thái tự nhiên “Thiên tôn địa ti” trời cao đất thấp của người Trung Quốc và đối ứng về “Càn khôn” và “Âm dương” trong Kinh Dịch đã mở rộng ra một bộ lý luận về gia đình và xã hội, từ bộ luân lý này lại phát sinh ra trật tự xã hội.

“Tôn ti” (Cao thấp) là một phần quan trọng trong quan niệm truyền thống của người Trung Quốc. Theo Văn hóa truyền thống, “ti” không hẳn là chuyện xấu. Đạo gia vẫn luôn tôn sùng mỹ đức của nước, vì nước thường ở “chỗ thấp”. Phía “chỗ thấp” là phía được yêu mến và bảo hộ, phía “chỗ cao” là phía cần phò xuất. Nam mạnh, nữ yếu, nam cương, nữ nhu. Nhưng cương không nhất định có nghĩa là chuyện tốt. Đạo gia có cách nói “Bình cường tắc diệt”, “gỗ cứng tắc gãy”, “nhu nhược thắng cương cường”.

Trung Cộng vẫn luôn đảo lộn trật tự, khoác lác rằng muốn xây dựng một xã hội trong đó mọi người đều bình đẳng. Nhưng xã hội không tồn tại sự bình đẳng theo hàm nghĩa của Trung Cộng.

Trong cuộc sống xã hội, một quốc gia, xí nghiệp, đoàn thể hay gia đình, thường sẽ phải có người đi điều tiết một vài chuyện, có người đưa ra kế hoạch, có người chấp hành một cách cụ thể, đây là một trạng thái xã hội bình thường, cũng là do nhân tố tổng hợp về trí lực, thể lực của mỗi người quyết định. Còn

Trung Cộng lại cực đoan hóa điều đó, miêu tả nó thành sự áp bức giai cấp và đấu tranh giai cấp. Cho nên Trung Cộng phải đảo lộn mọi tôn ti và trật tự, điều này thực tế là không thể làm được. Thứ gọi là “giải phóng” kỳ thực là tạo ra “sự hỗn loạn”.

Ví dụ như người để xướng nam nữ bình đẳng cũng không thể phủ nhận rằng khi gặp phải tai họa, dịch bệnh, nạn đói, chiến tranh thì phụ nữ và trẻ em đều là những đối tượng được bảo vệ đầu tiên. Nếu để xướng nam nữ bình đẳng, thì dường như phụ nữ nên nhận được sự đối đãi giống như đàn ông, điều này hiển nhiên là không đúng. Năm đó khi con tàu Titanic chìm xuống đáy biển thì phụ nữ và trẻ nhỏ là những người được ưu tiên lên tàu cứu hộ trước, dù là chồng của họ cũng phải cùng chìm xuống với con tàu như một nam tử hán. Không ai có dị nghị gì với quyết định này, điều này phản ánh rằng trong nơi sâu nội tâm của chúng ta không hề có sự bình đẳng tuyệt đối giữa nam và nữ.

Mở rộng ra trong cuộc sống xã hội, một xí nghiệp hay một quốc gia phải có người ra sách lược, quyết định của người ra sách lược phải được người thực thi chấp hành. Quân đội phải có tư lệnh, quan quân các cấp và binh sỹ bên dưới chịu trách nhiệm chấp hành mệnh lệnh. Nếu xét từ góc độ công tác xã hội, kỳ thực cũng tồn tại vấn đề “tôn ti”, nhưng “tôn ti” hoàn toàn không phải có nghĩa hiển nhiên là bóc lột và đàn áp, nó cũng cần có mối quan hệ đạo đức tốt đẹp là “nhân đạo” và “trung thành” ở giữa.

Mở rộng tới phạm vi gia đình, phụ “tử”, tử “hiếu”, huynh “hữu – hữu hảo” đệ “cung – cung kính”, những luân lý truyền thống truyền tải sự hài hòa có trật tự của gia đình và xã hội một cách tự nhiên.

Còn nói về “công bằng” một cách căn bản chính là “chúng sinh bình đẳng” trong Phật Pháp, là “Thiên đạo vô thân” (*Đạo trời không kể người thân*) của Đạo gia, là “hữu giáo vô loại” (*dạy dỗ không phân biệt loại người*), là “trước mặt Thượng Đế mọi người đều bình đẳng” của phương Tây là bình đẳng về cơ hội, chứ tuyệt đối không phải sự bình đẳng về kết quả.

Những tuyên truyền lệch lạc của Trung Cộng về “bình đẳng” đã khiến xã

hội vô cùng hỗn loạn, không còn tôn ti trật tự. Sự giải thích lệch lạc về “bình đẳng nam nữ” kỳ thực chính là sự bức hại đối với phụ nữ, ép buộc họ lao lực đảm đương những công việc không phù hợp với sức mình hoặc không phù hợp với phụ nữ. Ví dụ như trong cuốn sách “Quyết liệt triệt để với quan niệm truyền thống cũ” được Trung Cộng xuất bản vào tháng 04 năm 1976 đã liệt kê ra bài viết của 15 nữ thanh niên, trong đó nghề nghiệp mà các cô theo đuổi vốn dĩ nên do đàn ông gánh vác như công nhân đưa than, giết mổ, công nhân bốc xếp v.v., “nắm chặt con dao mổ, có thể chịu đựng được cả nửa ngày” đã trở thành đối tượng được ca tụng.

Xã hội dưới sự thống trị của Trung Cộng đồng thời cũng là xã hội rất bất công. Do Trung Cộng lũng đoạn mọi tài nguyên, nó tự xưng là công bộc của nhân dân, nhưng thực tế nhân dân đều bị coi như nô lệ, dù là quyền lợi chính trị hay quyền lợi kinh tế, giữa quan và dân hoàn toàn không hề có một chút bình đẳng nào để nói.

11.2-5 – Lấy tài sản làm căn cứ quan trọng để đo lường đạo đức

Chương mở đầu trong lịch sử Trung Quốc, “Ngũ Đế bản kỷ” đã ghi lại đức hạnh của Ngũ Đế, sự thừa nhận và tôn kính của người dân trăm họ với những đức hạnh này. Những đức hạnh này đã đi sâu vào lòng người, lưu truyền mấy nghìn năm, đồng thời từ vùng đất người Hán đã lan rộng khắp cả khu vực dân tộc thiểu số và những nước khác.

Trong quan niệm của người Trung Quốc, đạo đức và học thức là nguồn gốc của việc có được danh vọng và địa vị. Khổng Tử nói: “Đại đạo chi hành dã, thiên hạ vi công, tuyển hiền dĩ năng, giảng tín tu mục” (*Hành đại đạo, thiên hạ là của chung, tuyển người hiền tài, dạy điều tín, ăn ở hòa thuận*), nhân phẩm của một con người trở thành tiêu chí quan trọng để tuyển chọn quan lại. Thời Hán thịnh hành chế độ Sát cử (quan sát, khoa cử), tiêu chuẩn

để được tiến cử là phải có những phẩm chất như “đức hạnh cao, chí tiết thanh bạch; học thông và biết làm theo; am hiểu các kinh sách, hiểu rõ pháp lệnh, giải được nguy nan...” ngoài ra còn phải có những mỹ đức như “chất phác, đôn hậu, khiêm nhường, tiết kiệm”. Đến thời Ngụy Tấn, quan phủ thực thi chế độ Cử phẩm trung chính, đạo đức cũng trở thành một nhân tố quan trọng để tuyển chọn quan lại. Đến thời Tùy Đường mở khoa thi tìm sỹ tử thì cũng giống như vậy, trình độ lý giải đối với đạo đức của Nho gia là điều kiện tiên quyết để những người ứng thí có thể viết ra những bài văn hay từ đó mà bước lên con đường của kẻ sĩ.



Đến khi Trung Cộng xây dựng chính quyền, những vị thân sĩ nông thôn, trưởng các phường hội và phân tử tri thức đức cao vọng trọng ngược lại lại trở thành đối tượng bị đàn áp và đả kích, còn một người xuất thân có phải là “bần hàn khổn khó – thành phần ‘trong sạch’ ” hay không mới là nhân tố quan trọng

nhất xét xem liệu người đó có được nắm giữ nguồn tài nguyên của xã hội hay không. Đạo đức của mỗi người vốn quyết định bởi tư tưởng và hành vi của người đó. Còn tới lượt Trung Cộng, đạo đức trở thành một tiêu chí mang tính quần thể của giai cấp. “Ai nghèo người đó vinh quang, ai giàu người đó chỉ bằng loài vật”. Nghèo khó đã trở thành đại diện cho tính chính xác và chính nghĩa của tạo hóa, đại diện cho những người bị bức hại, đại diện cho việc “làm phản có lý”, đại diện cho cách mạng kiên quyết nhất, triệt để nhất”.



Sự bần hàn và phú quý của một người vốn bất định, cũng có thể vì chăm chỉ chịu khó và nắm bắt được cơ hội mà thành giàu có, cũng có thể vì hoang phí mà khuynh gia bại sản, cũng có thể ai đó ruộng vườn rộng lớn, nhưng vài năm sau đó lại phải đi xin ăn. Nhưng Trung Cộng thực thi “một nhát dao” mà phân chia giai cấp ngay từ thời khắc nó cướp đoạt chính quyền đó.

Thù hận sự giàu có đã khiến người Trung Quốc mấy chục năm nay đều

lấy nghèo khó làm vốn mà coi thường người khác. Mặt khác khi Trung Quốc đánh đổ một người nào đó, chỉ cần gọi những người này là địa chủ hay nhà tư bản, còn lại không cần phải tốn lời, giàu có đại diện cho “bóc lột”, đại diện cho “trấn áp”, đại diện cho “tội ác”.

Mấy chục năm sau, Đảng Cộng sản bản thân nó lại điên đảo càn khôn mà hiệu triệu mọi người thi nhau làm giàu. Con người ngày nay không còn coi giàu có là tội ác, ngược lại cho rằng nghèo khó mới đáng xấu hổ. Lúc này nhận định một người tốt hay xấu, thành công hay không cũng không liên quan gì tới đạo đức, mà là đo lường bằng mức độ giàu có của con người, ai có tiền người đó có bản lĩnh, dù cho đồng tiền này là ăn trộm, ăn cướp, lừa lọc, tham ô nhận hối lộ mà có hay bán thân xác hoặc bán đứng linh hồn mà có được. Kết quả của việc “Cười người nghèo, không cười kỹ nữ” đã khiến mọi người càng không từ thủ đoạn tìm kiếm tiền tài, sau đó là càng chìm đắm trong sắc và thanh (sắc đẹp và giọng nói dễ nghe), lấy thân phận là người được hưởng những đặc quyền đặc lợi mà thừa nhận sự thống trị của Trung Cộng.

II.2-6 – Những quan niệm bị phê phán khác

Những phê phán của Trung Cộng thường là những phê phán không có lý trí, mà biến việc phê phán tư tưởng thành công kích người khác. Sau đó dùng những tà thuyết lệch lạc như “Những điều kẻ địch phản đối thì chúng ta ủng hộ, những điều mà kẻ địch ủng hộ thì chúng ta phản đối” nhằm nhất loạt mắng chửi tư tưởng của người bị phê bình. Còn kiểu công kích người có tư tưởng kia lại chỉ là chụp lên những cái mũ như “giai cấp chủ nô”, “giai cấp địa chủ”, “giai cấp tư sản”, “tu chính chủ nghĩa” một cách vô cùng đơn giản mà thôi.

Thông qua việc vu khống Khổng Tử, Trung Cộng còn theo đó mà phủ định luôn tư tưởng “Trung dung”, “Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín”, “Khắc kỷ phục lễ”, “Ôn lương cung kiệm nhường” (Ôn hòa, lương thiện, cung kính, tiết kiệm, khiêm nhường) của Nho gia. Rất nhiều người khi nhìn thấy những chữ này,

họ không nghĩ tới nội hàm của bản thân nó, mà là nghĩ tới tuyên truyền âm ỹ, chụp mũ rợp trời rợp đất, báo chữ to, cho đến kết cục bi thảm của người bị phê phán, từ đó vì sợ hãi mà phải tự giác “vạch rõ đường ngăn” với những tư tưởng này.

Nho gia giảng “nhân” chính là quan tâm tới người khác, “Kỷ sở bất dục, vật thi vu nhân” (*Những điều mình không thích thì đừng nên làm cho người khác*). Việc phê phán chữ “nhân” dẫn đến “Kỷ sở bất dục, yếu thi vu nhân” (*Những điều mình không thích thì phải làm cho người khác*).

Người Trung Quốc tôn sùng “Trung dung”. “Trung dung” tuyệt đối không phải là “ba phải”, đối trá, được lợi từ cả hai bên, hai mặt, mà nghĩa gốc của nó là “Thường thủ trung đạo” (*Thường giữ mình ở trong đạo*), tức là thuận theo Thiên mệnh, “không được xa rời dù chỉ một lát”. Trong đó còn bao hàm cả phương thức học tập “Bác học chi, thẩm vấn chi, thận tư chi, minh biện chi, đốc hành chi” (*Học cho nhiều, hỏi cho sâu, suy nghĩ cẩn trọng, phân biệt cho rõ và dốc lòng thực hiện*), xử lý tốt mối quan hệ “Quân thân, phụ tử, vợ chồng, còn đệ (anh em), bằng hữu”, đạt đến “chí đức”, hoàn toàn là đạo tu thân trị quốc. Còn Trung Cộng lại hoàn toàn bẻ cong nghĩa vốn có của “Trung dung” thành những kẻ khuyến nho vì bảo hộ bản thân mình mà vứt bỏ nguyên tắc.



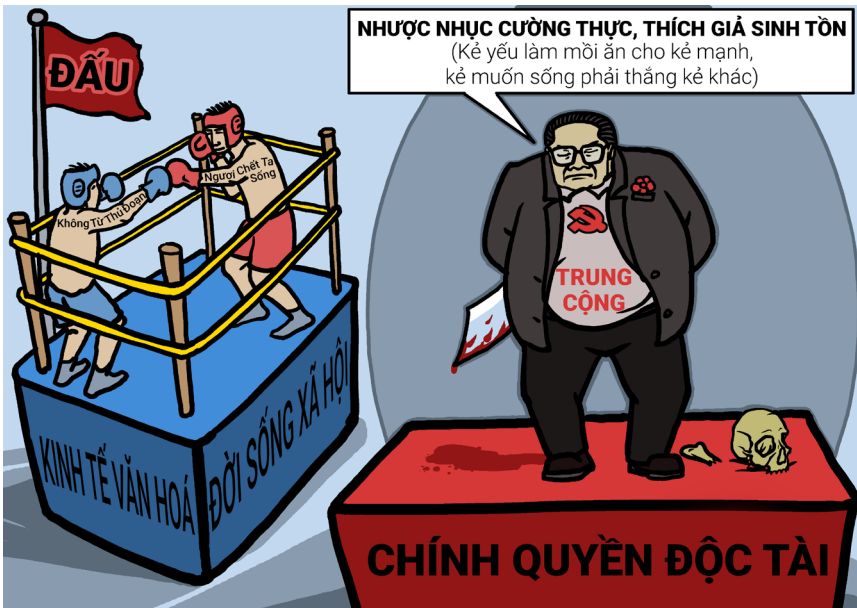
II.3 – NHỒI NHÉT TÀ THUYẾT TƯ TƯỞNG ĐẤU TRANH, CÁ LỚN NUỐT CÁ BÉ, KẼ MẠNH SINH TỒN

Năm 2005, Chu Thành Hổ, thiếu tướng của Trung Cộng, khi đối mặt với phóng viên tại Hồng Kông đã từng nói: Một khi Trung – Mỹ khai chiến, Trung Quốc “chuẩn bị tinh thần là tất cả những thành phố tại phía Đông Tây An đều bị tiêu hủy. Đương nhiên, người Mỹ ắt phải sẽ chuẩn bị sẵn sàng cho việc sẽ có cả trăm, hoặc hai trăm, thậm chí là nhiều thành phố hơn bị người Trung Quốc san phẳng”. Đây chính là một phản ánh điển hình của tư tưởng đấu tranh trong Văn hóa đảng. Trên thực tế việc đấu tranh và đổ máu trong Văn hóa đảng đã trở thành thường lệ; còn hòa hợp, bao dung lại là bất bình thường, vì theo Chủ nghĩa Marx, những thứ này bị cho là thiếu “tính cách mạng”.

Logic sinh tồn dưới sự chỉ đạo của tư tưởng đấu tranh chính là vì phát triển, vì sinh tồn, tất yếu sẽ phải hy sinh. Đương nhiên người bị hy sinh đầu tiên là những kẻ yếu thế không có năng lực, cũng không có quyền được lựa chọn một cách tự do. Thiếu tướng Chu dù không nói rõ khi Trung – Mỹ khai chiến y sẽ ở nơi nào, nhưng có thể khẳng định rằng, “rường cột quốc gia” như Chu tự nhiên sẽ có nhiều lựa chọn tự do hơn những dân thường áo vải. Hà Tộ Hưu, kẻ mà những năm đầu nhờ cổ động “tính giai cấp của khoa học tự nhiên” được Giám đốc Sở Khoa học thuộc Bộ Tuyên truyền Trung Quốc khen thưởng, sau đó lại nhờ vào sức truyền bá của tạp chí “Cờ đỏ” mà trở thành Viện sĩ Viện Khoa học Trung Quốc, trong một cuộc phỏng vấn vào cuối năm 2005 khi nhắc đến việc liên tiếp xảy ra các vụ tai nạn mỏ khai khoáng ở Trung Quốc đã buột miệng nói rằng: “Ai bảo anh bất hạnh mà sinh ra ở Trung Quốc?” “Trung Quốc cần phát triển, một vài sự trả giá là không thể tránh khỏi.” Kỳ thực một bộ phận những người trẻ Trung Quốc cũng đối đãi như vậy với những bất hạnh và khổ nạn của nhân dân tầng thấp tại Trung Quốc. Đại khái là bản thân họ cũng giống “Viện sĩ Hà”, “Thiếu tướng Chu”

tự coi mình là tinh anh và hoàn toàn không định coi mình là cái giá phải trả của sự phát triển.

Tư tưởng đấu tranh trong Văn hóa đảng trải qua mấy chục năm nhồi nhét của Trung Cộng, từ lâu đã không chỉ hạn chế trong lĩnh vực chính trị mà còn xuyên suốt mọi lĩnh vực trong đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội của Trung Quốc. Tư tưởng đấu tranh này, nói trắng ra chính là ứng dụng Thuyết tiến hóa của Đác-uyn vào xã hội nhân loại, chủ trương “cá lớn nuốt cá bé, kẻ mạnh sinh tồn”. Nó tôn sùng luật rừng xanh của động vật. Theo nguyên tắc này, đúng và sai, thiện và ác đều không quan trọng, điều quan trọng là không từ thủ đoạn giành chiến thắng trong cạnh tranh, dù là quan trường, thương trường hay tình trường.



Trong một xã hội cổ động đấu tranh sinh tồn, cá lớn nuốt cá bé, tôn sùng tính lang sói, giữa người với người tất nhiên sẽ tranh đấu, cắn xé, lòng đầy nghi

ky một cách căng thẳng. Điều này cũng không khó để lý giải khi thuốc giả, rượu giả, xì dầu giả, gạo cao lương có độc, phở có độc, dưa có độc ngập tràn toàn xã hội, còn có thịt tiêm nước, dầu làm từ nước cống, sữa bột thiếu dinh dưỡng v.v. Không chỉ văn bằng làm giả dễ dàng, cầu, đập nước cũng có thể làm giả, thậm chí kết hôn rồi còn không dám tin vào hôn nhân, phụ nữ thì sợ bị chồng phản bội, đàn ông thì hoài nghi đứa bé không có quan hệ huyết thống với mình... còn thấy chết mà không cứu, đậu đũa bìm leo đều đã thành những điều quen thuộc. Thật khó tưởng tượng một xã hội “phát triển” khi phải trả một cái giá đắt như vậy có thể đưa dân tộc đi đến cường đại được.

II.3-1 – Mục đích Trung Cộng nhốt tư tưởng đấu tranh

Trong tác phẩm “Trại súc vật” nổi tiếng của George Orwell, một bầy súc vật không chịu nổi sự “bóc lột” của con người mà vùng lên làm cách mạng tạo phản, cuối cùng đã đuổi được con người và thành lập một “Trại súc vật” do mình làm chủ. Chú heo, lãnh tụ dẫn đầu bầy động vật tiến hành “cách mạng” không lâu sau đó được hưởng đặc quyền một mình hưởng thụ sữa bò và táo. Khi đối diện với sự nghi ngờ của những loài động vật khác vì ôm giữ ý niệm “tất cả các loài động vật đều bình đẳng như nhau” mà tham gia cách mạng, Squealer (chú heo phụ trách tuyên truyền) giải thích rằng: “Chúng tôi ăn những thứ này mục đích duy nhất là phải giữ gìn sức khỏe cho chúng tôi. Toàn bộ việc quản lý và tổ chức công việc trong khu vườn đều dựa vào chúng tôi. Chúng tôi vì hạnh phúc của mọi người mà ngày đêm tận tâm tận lực. Do đó, điều này là vì các bạn, chúng tôi mới uống sữa bò và mới ăn táo. Các bạn có biết không, lỡ khi loài heo chúng ta mất chức, vậy chuyện gì sẽ xảy ra? Jones sẽ quay trở lại! Đúng vậy Jones sẽ quay trở lại xâm lược! Đúng vậy đấy, các đồng chí!” Jones vốn là ông chủ của khu vườn, tức là kẻ thống trị của ‘xã hội cũ’. Dù cho một vài loài động vật cá biệt còn mơ hồ nhớ rằng khi Jones còn ở đây tình hình cuộc sống của các loại động vật hầu như không kém hơn so với hiện giờ, nhưng theo sự tuyên

truyền ngày qua ngày, vì nỗi sợ hãi Jones sẽ quay trở lại đã ăn sâu vào đầu mỗi loài động vật như một phản xạ có điều kiện, do đó mọi người không còn lời nào để nói về đặc quyền của heo. Rất nhanh, đặc quyền của heo ngày càng nhiều. Mặt khác, việc làm thế nào để đề phòng cái tên Jones “luôn rắp tâm muốn tiêu diệt chúng ta ấy” quay trở lại xâm lược, đặc biệt là sự câu kết giữa kẻ đồ tể cùng Jones và những động vật “phản đồ” phá hoại việc kiến thiết khu vườn, đã trở thành một nội dung quan trọng trong cuộc sống thường nhật của các loài động vật. Đối mặt với “đại sự hàng đầu” như vậy, những bất mãn và ý kiến bất đồng khác đã trở thành chuyện vặt vãnh không quan trọng. Hơn nữa, luôn luôn “đề cao cảnh giác”, “chuẩn bị chiến đấu” đã trở thành một nội dung quan trọng bậc nhất vượt qua mọi điều trong cuộc sống của cộng đồng.



Orwell đã dùng hình thức một câu chuyện ngụ ngôn để miêu tả một cách giàu hình tượng và sâu sắc về bản chất của triết học đấu tranh mà kẻ thống trị cổ xúy: Bằng cách tạo dựng và duy trì hình tượng kẻ thù trong tâm trí người ta mọi lúc, bằng cách nhấn mạnh sự nguy hiểm của kẻ thù trong mọi thời điểm, đã khiến cho người ta buộc phải “tạm thời nhẫn nhịn” mọi hành vi bạo ngược

của kẻ thống trị, cho rằng loại hành vi bạo ngược này xuất phát từ một nguyện vọng tốt đẹp, và cuối cùng sẽ mang lại hạnh phúc cho mọi người. Còn kiểu đấu tranh này mãi “lâu dài, phức tạp, gian nan”, cho nên sự “tạm thời nhẫn nhịn” này của mọi người sẽ mãi không có điểm dừng.

Là người Trung Quốc, họ đều rất quen thuộc với loại “nguy hiểm” tồn tại mọi thời mọi khắc, loại “nguy hiểm” này đến từ “một nhóm nhỏ đặc vụ”, đến từ “một nhóm nhỏ địa chủ, kẻ giàu có, phản cách mạng có ý đồ lật đổ thiên hạ”, “một nhóm nhỏ những phần tử cánh hữu điên cuồng tấn công Chủ nghĩa xã hội”, đến từ “một nhóm nhỏ phái đương quyền đi theo con đường Chủ nghĩa tư bản”, đến từ “một nhóm nhỏ những kẻ cúng bái quỷ thần” v.v. Những kẻ địch nguy hiểm này đã từng là bạn thân, bạn tốt, trưởng bối, sư phụ, hàng xóm láng giềng của họ. Theo sự chỉ dẫn của học thuyết đấu tranh “một mất một còn” của Trung Cộng, từng nhóm nhỏ, từng nhóm nhỏ của họ bị “tiêu hủy”, tính ra ít nhất cũng đã có tới 40 triệu người Trung Quốc mất mạng một cách bất thường.

Thuận theo thời gian trôi đi, cùng với sự sụp đổ của Chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới, ngày nay Trung Cộng đã không thể giải thích rõ ràng với nhân dân rằng “những kẻ thù của nhân dân” lúc đó rốt cuộc nguy hiểm ở chỗ nào? Nhưng một cách vô thức mọi người phát hiện “nguy hiểm” mới lại đến từ những gì ở ngay bên cạnh mình, trong ý thức của dân chúng, đấu tranh vẫn là điều tất yếu. Chỉ là ngày nay tội danh “kẻ thù nguy hiểm” đã dần dần từ tên gọi “phản đảng, phản xã hội chủ nghĩa” vốn đã lỗi thời đổi thành những cái tên mới như “đe dọa an ninh quốc gia”, “lật đổ chính phủ”, “thế lực phản Hoa”, “theo đuổi hoạt động tôn giáo” v.v..

Đây chính là kết quả của tư tưởng đấu tranh mà Trung Cộng nhồi nhét vào đầu óc nhân dân suốt mấy chục năm qua. Trên thực tế, đồng thời với việc lật đổ, bôi nhọ Văn hóa truyền thống, đảo lộn những giá trị quan truyền thống về thiện ác mà người Trung Quốc kế thừa xuyên suốt mấy nghìn năm qua, Trung Cộng đã bắt đầu nhồi nhét những giá trị quan về đúng sai của Văn hóa đảng. Một trong những hạt nhân của giá trị quan này chính là triết học đấu

tranh “cá lớn nuốt cá bé, kẻ mạnh sinh tồn”.

Thế giới quan của Đảng Cộng sản được xây dựng trên lý luận đấu tranh giai cấp, tư tưởng triết học của nó là phương pháp biện chứng duy vật. Nó (ĐCSTQ) ủng hộ tính mâu thuẫn, tính đối lập, tính đấu tranh của thế giới; ủng hộ thông qua đấu tranh nội bộ, từ thay đổi lượng đến thay đổi chất của sự vật, sự vật phát triển và chuyển hóa từ cấp thấp lên tới giai đoạn cao hơn. Tư tưởng này ứng dụng vào lịch sử nhân loại là cái gọi là Chủ nghĩa duy vật lịch sử, tức là lịch sử phát triển của xã hội là một bộ lịch sử đấu tranh giai cấp; hạt nhân của đấu tranh là chính quyền quốc gia. Chính quyền quốc gia có được nhờ vào bạo lực, đồng thời cũng được vận hành và duy trì bằng bạo lực. Nói trắng ra, nhờ ứng dụng học Thuyết tiến hóa của Đác-uyn vào xã hội nhân loại, thông qua hình thức đấu tranh tàn khốc này, cuối cùng các giai cấp đều theo cái gọi là “cá lớn nuốt cá bé”, kẻ mạnh (còn gọi là “giai cấp tiên tiến”) sinh tồn.

Trung Cộng, kẻ cướp chính quyền và nắm quyền thống trị bằng bạo lực, nhằm dân nhân “chính quyền hợp pháp” cho mình, vẫn luôn nói “lịch sử đã lựa chọn Đảng Cộng sản Trung Quốc”, còn nhân dân quyết định lịch sử, cho nên đây là sự lựa chọn của nhân dân. Trung Cộng nói “lịch sử đã lựa chọn” mình, logic mà hàm chứa trong đó là “cá lớn nuốt cá bé, kẻ mạnh sinh tồn”. Bởi vì Trung Cộng tạo phản thành công mà kẻ thắng lợi đại diện cho “trào lưu phát triển của lịch sử”. Đây chính là một trong những nguyên nhân mà Trung Cộng nhiệt liệt nhồi nhét vào đầu người dân học thuyết đấu tranh của mình. Tiếc thay, tà thuyết xáo trộn thị phi, đảo lộn nhân quả như vậy, không nghi ngờ gì, cũng đồng nghĩa với việc người Hán tại Trung Nguyên hơn 300 năm trước “đã lựa chọn” cho dân tộc Mãn xâm chiếm và thành lập triều Thanh, hơn 700 năm trước người Hán “đã lựa chọn” Mông Cổ xâm lược. Lịch sử nắm quyền của Trung Cộng cũng mới chỉ có hơn 50 năm, nói lịch sử lựa chọn có phần hơi sớm.

Tư tưởng phép biện chứng hoàn toàn không phải do Marx sáng lập. Bản thân Marx cũng thừa nhận rằng phép biện chứng của mình bắt nguồn từ Hegel, còn tư tưởng của người đời sau lại được gợi mở từ tư duy biện chứng

của Trung Quốc cổ đại. Kỳ thực “Kinh dịch”, “Bát quái”, “Hà đồ”, “Hoàng đế nội kinh”, “Binh pháp Tôn Tử” của Trung Quốc cổ đại, không gì là không mang đầy trí huệ của tư duy biện chứng. Một bộ “Kinh Dịch” chính là thông qua 64 quẻ, triển hiện một cách chi tiết tường tận về mối quan hệ chế ước lẫn nhau, chuyển hóa và dựa vào nhau cùng tồn tại của hai chủng nhân tố đối lập tại tầng thứ vũ trụ, trong sự vật mà con người có thể nhận thức đến được, từ đó có thể suy diễn được quy luật phát triển của sự vật. Ở đây không chỉ trình bày những nhân tố như biến hóa động tĩnh, âm dương tăng giảm, ngũ hành tương sinh tương khắc trong sự vận động, phát triển của sự vật, còn miêu tả quá trình phát triển hoàn chỉnh của sự vật từ “tiềm long vật dụng”, “kiến long tại điền” cho tới sau cùng là “phi long tại thiên”, “kháng long hữu hối” (Quẻ Càn, Kinh dịch), hơn nữa còn có quy luật biến đổi bác phục tuần hoàn, bĩ cực thái lai. Mối quan hệ phổ biến, sự biến đổi phát triển, lượng biến chất biến, chất và lượng thay đổi lẫn nhau, phủ định của phủ định của sự vật mà Marx miêu tả trong phép biện chứng duy vật chẳng qua chỉ là một cách đề cập khác mà thôi. Còn trong Chu dịch không chỉ miêu tả định tính, mà còn nắm chắc được định lượng. Dựa trên cơ sở của Chu dịch, Trung y vận dụng vào thực tế nghiên cứu về nhân thể, binh pháp cổ đại vận dụng vào quân sự càng thể hiện một cách cụ thể trí huệ cao siêu của phương Đông cổ đại.

Về cái gọi là “phát triển” trong phép biện chứng của Marx chẳng qua là đặc biệt cường điệu và thổi phồng tính đấu tranh, cường điệu hóa mặt xung đột, đối lập của mâu thuẫn. Marx chủ trương “sự thống nhất của những mặt đối lập” là có điều kiện, là tạm thời, nhanh chóng qua đi và mang tính tương đối, còn sự đấu tranh của những mặt đối lập bài xích lẫn nhau là tuyệt đối.” Cho nên những nhà lý luận của Đảng Cộng sản cho rằng tính đấu tranh chính là “linh hồn cách mạng” của phép biện chứng chủ nghĩa Marx. Lấy đó làm cơ sở thì, biện pháp xử lý mâu thuẫn trong xã hội là chỉ có đấu tranh, thông qua đấu tranh mà tiêu diệt mặt đối lập. Phép biện chứng duy vật của Marx sử dĩ nhiệ tình cường điệu tính đấu tranh, kỳ thực là vì tạo căn cứ lý luận cho việc Đảng

Cộng sản dùng bạo lực cướp đoạt chính quyền. Còn Chủ nghĩa duy vật lịch sử cho rằng, đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội giai cấp, bạo lực cách mạng là bà đỡ của “xã hội mới”, tô vẽ cho bạo lực cướp đoạt chính quyền thành nhân tố tiến bộ của xã hội. Mao Trạch Đông nói: “Nghìn điều vạn ý trong đạo lý chủ nghĩa Marx, suy cho cùng chính là một câu: ‘Tạo phản có lý.’” Câu này thực tế đã điếm đúng chỗ. Chính vì vậy, Văn hóa đảng hiểu chiến khát máu cũng chính là căn nguyên của những biến động bất an, xung đột liên miên của những quốc gia do Đảng Cộng sản nắm cực quyền.

II.3-2 – Nhồi nhét trong đấu tranh chính trị

Trung Cộng nên cơ nghiệp nhờ vào triết học đấu tranh, cũng duy trì thống trị nhờ vào triết học đấu tranh. Trên thực tế, chính là trong những cuộc đấu tranh chính trị liên miên không dứt hết lần này đến lần khác do Trung Cộng phát động, tư tưởng đấu tranh trong đầu óc dân chúng không ngừng mạnh lên. Điều này cuối cùng đã khiến dân tộc Trung Hoa vốn coi trọng đạo Trung dung, tuân theo lễ dĩ hòa vi quý, trở thành mọi người đều đành phải coi đấu tranh như trạng thái bình thường của xã hội, coi sự cảnh giác tràn ngập giữa người với người như một trạng thái bình thường, coi việc kẻ tranh người đoạt, kẻ lừa người dối là đạo sinh tồn trong cạnh tranh xã hội.

Năm 1951, khi Trung Cộng vừa thành lập, mới đứng vững đã bắt đầu cái gọi là cuộc vận động “cải tạo tư tưởng” dành cho phân tử tri thức. Việc phê phán bộ phim “Vũ Huấn truyện”^[1] chính là mở màn của cuộc vận động “cải tạo tư tưởng” sau khi Trung Cộng cướp chính quyền thành công. Cuộc vận

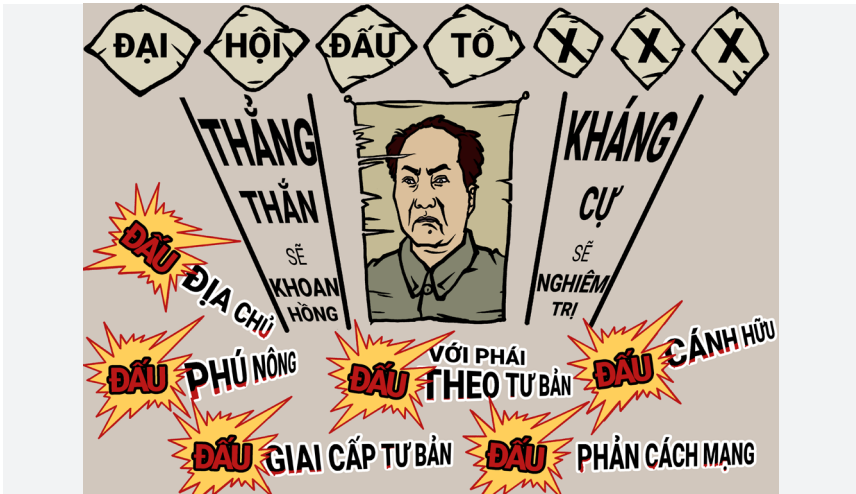
[1] Vũ Huấn – một người ăn mày và nhà hoạt động giáo dục danh tiếng thời nhà Thanh. Với việc đi ăn xin trong hơn 30 năm để góp tiền thành lập trường học dành cho những người nghèo túng, ông được coi như một đại anh hùng, các sử sách thời cận đại xưng tụng ông là “Khoáng thế kỳ nhân”. Trong cách mạng văn hoá, có lúc Vũ Huấn bị lôi ra chỉ trích (1951) vì đã “mở trường dạy học bằng tiền ăn xin”. Năm 1950, bộ phim “Vũ Huấn truyện” dài 204 phút ra đời, nội dung gây được nhiều cảm động, nhưng lại bị các nhà lãnh đạo phê phán.

động này quả thực đã đạt được tác dụng cải tạo tư tưởng của phần tử trí thức theo kỳ vọng của Mao. Từ đó tư tưởng của người Trung Quốc đã phát sinh biến dị to lớn, từ đây mọi người cho rằng tiêu chuẩn đo lường thiện ác chỉ có một, đó chính là “đấu tranh giai cấp”. Vũ Huấn thời cuối nhà Thanh phải ăn mày mở lớp học, dù cho cả một đời chịu đựng hết thủy khuất nhục, tiết kiệm ăn mặc chỉ vì muốn mở trường nghĩa học để những đứa trẻ con nhà bán hàn có thể đi học, nhưng chính vì ông “căn bản không hề động tới cơ sở của nền kinh tế phong kiến và một sợi lông của kiến trúc thượng tầng của nó, nhưng lại điên cuồng tuyên truyền văn hóa Phong kiến” (trích lời Mao Trạch Đông), “đúng nhầm” lập trường giai cấp mà bị Trung Cộng đánh đổ, bôi nhọ; Hải Thụy^[2] triều Minh không sợ quyền thế công bằng chấp pháp, một thân chính khí, trong sạch liêm khiết, dù trong lịch sử được bách tính tôn kính và yêu mến, nhưng vì Hải Thụy thuộc về “giai cấp bóc lột”, “là kẻ bảo vệ trung thành cho lợi ích giai cấp địa chủ” cho nên Trung Cộng cho rằng tất cả những chuyện tốt đẹp mà ông làm cho người dân đều là vì “duy hộ giai cấp thống trị”, do đó mà ngay khi cuộc Cách mạng Văn hóa mới bắt đầu đã bị đánh đổ, bôi nhọ. “Nghĩa trang liệt sỹ không quân” tại Nam Kinh mà Chính phủ Quốc dân, an táng hơn 100 liệt sỹ không quân đã hy sinh trong chiến tranh kháng Nhật tại khắp nơi trên toàn Trung Quốc, các giảng viên của Mỹ, phi hành viên Liên Xô đã hiến thân trong cuộc chiến tranh Trung Quốc kháng Nhật; nhưng vì sinh mệnh của họ chiến đấu cho “chính phủ phản động” nên khi cuộc Cách mạng Văn hóa mới bắt đầu, hồng vệ binh của Mao Trạch Đông đã mở nắp những ngôi mộ, đập phá mộ của các liệt sỹ. Toàn bộ hài cốt các vị liệt sỹ bị quăng quật phân tán khắp nơi.

Đối với Đảng Cộng sản mà nói, tính đấu tranh là tính cách mạng. Sự tồn tại của mâu thuẫn và xung đột là chuyện tốt chứ không phải chuyện xấu. Bởi vì chúng là “hạt giống cách mạng”, còn lịch sử chính là trong đấu tranh mà

[2] Hải Thụy là một vị quan nổi tiếng Trung Quốc trong thời nhà Minh. Tên ông đã đi vào lịch sử như là một mẫu người trung thực và liêm chính và hình ảnh của ông đã nổi lên như là một nhân vật lịch sử quan trọng trong thời kỳ Cách mạng văn hóa.

tiến lên (nhưng Trung Cộng ngày nay lại bắt đầu sợ nhân dân dùng từ cách mạng). Tuy nhiên, đấu tranh hoàn toàn không phải là bản tính tiên thiên của con người, cho nên Đảng Cộng sản cho rằng “sự giác ngộ cách mạng” của quần chúng cần phải được gợi mở, phải “giáo dục” không ngừng để nâng cao “giác ngộ cách mạng” của họ, và vì đó mà không từ mọi thủ đoạn cố ý gây ra mâu thuẫn và xung đột.



Ví như “Bạch Mao Nữ” vốn là một vị tiên cô khuyến thiện trừ ác trong truyền thuyết dân gian, thì nhằm “giáo dục” nhân dân mà Trung Cộng dựng thành điển hình của giai cấp bị bóc lột “khổ lớn thù sâu”. Do tính kích động của tư tưởng báo thù xuyên suốt vở kịch quá mạnh “Thù nghìn năm phải báo, Oán nghìn năm phải đòi” mà đã xảy ra chuyện binh sỹ ngay khi đang xem diễn kịch đã suýt nữa đã dùng súng đánh chết “Hoàng Thế Nhân”.

Cho nên cái gọi là “gợi mở sự giác ngộ giai cấp”, cái gọi là “bồi dưỡng cảm tình giai cấp” trên thực tế chính là nhồi nhét tư tưởng đấu tranh, tuyên truyền thù hận. Trước kia Trung Cộng đã không hề giấu giếm mà tuyên truyền rằng: “nợ máu phải trả bằng máu”, “thù hận nhập tâm phải nảy mầm”, “khắc ghi lịch

sử máu và nước mắt, không quên thù giai cấp”. Cùng với sự mở cửa của đất nước, việc tuyên truyền thù hận vốn bị phi nhỡ một cách phổ biến trong những xã hội văn minh nên Trung Cộng không còn dám tuyên truyền một cách ngang nhiên, trắng trợn như trước. Mặc dù Trung Cộng không còn làm cái thứ như “thống thuyết gia sử” (*kể chuyện lịch sử đau khổ nước nhà*), “Úc khổ tư điêm” (*nhớ nỗi đắng cay ngọt bùi*), nhưng điều này không có nghĩa là Trung Cộng vứt bỏ thủ đoạn này, mà nó thay đổi bộ mặt mới, và lợi dụng khoa học kỹ thuật nhằm ngụy trang một cách tinh tế. Ví như ngày 14 tháng 8 năm 2001, Tổ chức Phát triển Giáo dục Quốc tế đã chính thức phát biểu trong Hội nghị Liên Hợp Quốc chỉ ra cái gọi là “Vụ tự thiêu Thiên An Môn” mà Trung Cộng tuyên truyền lặp đi lặp lại chính là một trò lừa bịp được che đậy một cách tinh tế, mục đích của nó là kích động thù hận của nhân dân với Pháp Luân Công.



Trong hết cuộc vận động này đến cuộc vận động khác trong lịch sử, trong làn sóng tuyên truyền hết lớp này đến lớp khác của Trung Cộng, con người đã không tự biết mà bị lấp đầy bởi “nỗi hận thấu xương” với những kẻ thù mà Trung Cộng khoanh ra, những kẻ địch này là “địa chủ”, “nhà tư bản”, “phú nông”, “phản cách mạng”, “cánh tả”, “đi theo Chủ nghĩa tư bản”, “phần tử dân vận”,

“phân tử tà giáo”... “Giác ngộ cách mạng” chính là thể hiện nỗi hận thấu xương với “kẻ thù”, học tập tinh thần của Lôi Phong: phải vô tình tàn khốc với kẻ thù như mùa đông lạnh giá, đây gọi là “cảm tình giai cấp”, nó vượt qua mọi thứ tình cảm của nhân loại. Mao Trạch Đông nói: “Đánh ai cũng cần tiến hành phân tích giai cấp, người tốt đánh người xấu là đáng kiếp, người xấu đánh người tốt, người tốt quang vinh; người tốt đánh người tốt là hiểu lầm.” Những lời này của Mao đã được lưu truyền rộng trong “Hong vệ binh” thời Cách mạng Văn hóa. Dù cho là bạo lực với “kẻ thù giai cấp” thì là họ “đáng kiếp”, cho nên bạo lực và máu tanh đã nhanh chóng trải khắp mảnh đất Trung Nguyên rộng lớn.

Theo cảm tình giai cấp của “người cách mạng”, Lưu Thiếu Kỳ đã dám phân đối “đại cứu tinh” của nhân dân, thì ông “chết chưa hết tội”. Dù cho Trương Chí Tân giúp Lưu Thiếu Kỳ, người “chết chưa hết tội” lật lại vụ án, bà đã bị lính cai ngục thay nhau cưỡng hiếp cũng là “đáng kiếp”, bị cắt đứt cương họng, bị hành hình cũng là “đúng người đúng tội”. Tại đây hình tượng Lôi Phong “phải vô tình tàn khốc với kẻ thù” đã được miêu tả một cách chân thực.

Trong “Tháng Tám đỏ”^[3] tại Bắc Kinh, những thầy cô giáo bị chính học sinh của mình tận tay giết chết. Có lẽ họ cũng không nghĩ được rằng đây chính là những hạt giống mà bản thân họ đã vùi xuống khi họ làm theo yêu cầu của “đảng” dạy học sinh “phải vô tình tàn khốc với kẻ thù như mùa đông lạnh giá”, “tuốt roi da vạt kẻ thù”, khi dạy học sinh đối xử với kẻ thù giai cấp như thế nào cũng không coi là quá đáng.

Trong bối cảnh nhân dân đấu đá lẫn nhau, người người tranh giành nhau thể hiện tính giai cấp của mình, một người càng biểu hiện ra “sự thù hận thấu xương” càng chứng minh đó là người yêu ghét phân minh, giác ngộ giai cấp cao, còn ngược lại là người phải chịu nỗi hiểm nghi đáng sợ là “lập trường giai cấp không vững vàng”.

[3] Hồng bát nguyệt” (Tháng tám đỏ) năm 1966 – thời điểm bạo lực giết chóc của ĐCS TQ lên đến đỉnh điểm, lúc hồng vệ binh tàn bạo nhất mỗi ngày số người bị đánh chết cao tới ba con số; chỉ trong tháng tám tại Bắc Kinh đã có tới 1772 người bị đánh chết.

Sau khi người thân bị định là “kẻ thù của đảng” thì người nhà phải thể hiện rõ lập trường, không được hàm hồ. Sau khi Chương Bá Quân bị đánh hạ xuống thành cánh hữu, con trai, em gái của ông đều gửi bài đăng báo để lên tiếng phê phán ông. Sau khi một người khác là Trữ An Bình bị đích thân Mao Trạch Đông chỉ định là cánh hữu, con trai ông đã giáo huấn cha mình như sau: “Tôi xin nói với ngài Trữ An Bình một câu trung nghĩa: Hy vọng ngài kịp thời kim cương trước bờ vực, hãy chăm chú lắng nghe ý kiến của nhân dân, đào sâu nguồn cội tư tưởng phản Chủ nghĩa xã hội, triệt để đối đãi với vấn đề của bản thân mình, để tránh tự tuyệt với nhân dân.”

Vậy là, một mặt mọi người bị cưỡng ép nhồi nhét tư tưởng đấu tranh trong những cuộc tranh đấu hết lần này tới lần khác, mặt khác lại chính trong những lần tranh đấu “động chạm tới linh hồn” hết lần này đến lần khác, vì sinh tồn, mọi người bị ép buộc phải học được cách dùng cái vẻ lạnh lùng dày cộm để bọc lại lương tri của mình, “học” được rằng chỉ có đả kích, hãm hại người khác mới bảo toàn được chính mình, không ít người vì vậy đã nhận định rằng “cá lớn nuốt cá bé, kẻ mạnh sinh tồn” đã trở thành phép tắc của cuộc sống chân thực.

Trong bộ phim “Cánh diều màu xanh” bị Trung Cộng cấm trình chiếu có một tình tiết dựa trên một câu chuyện có thực: Phần hữu đã bắt đầu rồi. Đơn vị của Lâm Thiếu Long đến phiên phải đưa lên một chỉ tiêu cánh hữu, mọi người đành phải thảo luận quyết định cái mũ này nên chụp lên đầu ai, không hoàn thành chỉ tiêu thì đừng nghĩ tới chuyện tan họp. Nhưng Tiểu Long trong thời khắc quan trọng này lại đứng lên rời khỏi chỗ, ông muốn đi vệ sinh, đúng vào giây phút đó có lẽ ông cho rằng việc đi vệ sinh quan trọng hơn cuộc họp. Thế là đợi cho đến khi ông đẩy cửa về chỗ ngồi, ông đã được “tiến cử” là cánh hữu.

Nếu như trong các cuộc đấu tranh chính trị “một mất một còn”, người ta đã được tôi luyện sự nham hiểm – hoàn toàn vượt qua ranh giới đạo đức cuối cùng để dẫm đạp lên người khác nhằm bảo toàn bản thân, vậy thì ngày nay những hành vi “một mất một còn” như vậy trên thương trường, tham ô hủ bại, hàng giả, kém chất lượng, không chút do dự mà làm tổn hại người

khác đã nhanh chóng tràn ngập khắp nơi cũng không có chút gì đáng kinh ngạc. Bởi vì căn cứ triết học của nó đều giống nhau, tức là “cá lớn nuốt cá bé, kẻ mạnh sinh tồn”.

Ngày nay người ta đã quen với việc lấy chuyện có “thành công” hay không làm tiêu chuẩn duy nhất đo lường giá trị của một con người, mà không nói tới việc người đó đã dùng cách nào. Cho nên báм được “ông to”, “sếp lớn” là mục tiêu của phụ nữ, có gái đẹp vây bên mình là sự hãnh diện của đàn ông, trẻ nhỏ thi đỗ trường đại học nổi tiếng là hy vọng duy nhất của các bậc phụ huynh. Trong triết học tranh đấu này, “thành công” được xây dựng trên cơ sở “thất bại” của người khác. Tại đây không hề có lương tri và công lý, cũng chẳng có đúng và sai, thiện và ác, còn sót lại chỉ là thành và bại: thành công thì là điều tốt, thất bại thì là điều xấu. Cho nên mọi người đều muốn tranh làm “đại ca”. Những công xướng máu và nước mắt đầu đầu cũng có, nhưng đái ngộ của dân công lại thảm hại đến mức không nở nhìn; hàng hóa nhiễm độc biến chất tràn ngập thị trường, “Vi phú bất nhân” (vì làm giàu mà bất nhân) đã được coi là điều đương nhiên. Những kẻ lộng quyền phạm pháp mà vẫn nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật thì được coi là có “chỗ chống lưng mạnh”, “quan hệ thép”. Dưới sự nhôi nhét tà thuyết “Cá lớn nuốt cá bé, kẻ mạnh sinh tồn” của Văn hóa đảng, người Trung Quốc đấu đá lẫn nhau, nghi kỵ lẫn nhau, cả xã hội giống như một mâm cát, một đám quần chúng không có sức đoàn kết lại càng tiện cho Trung Cộng thống trị chuyên quyền.

II.3-3 – Quay trở lại với Đạo chung sống hài hòa

Năm 2005 “văn hóa sói” đã ngập tràn khắp Trung Quốc. Cuốn sách thuận theo trào lưu “văn hóa sói” với tựa đề “Linh hồn của Sói” có nói: “Không học theo sói không được sao? Không được. Vì sao vậy? Bởi vì trong thị trường cạnh tranh sinh tồn một mất một còn, kẻ thắng là vua, kẻ bại là giặc, nếu trong tâm giữ sự lương thiện, nhất mực từ tâm nương tay với đối thủ cạnh tranh, vậy thì sẽ bị đối

phương nuốt sống một cách không kiêng dè gì.” Điều này có thể nói là đúc rút được tinh túy trong tư tưởng đấu tranh của Văn hóa đảng.

Tại đây, có một ví dụ có thể so sánh đối lập với tư tưởng ở trên. Thái độ hữu hảo của Lincoln, tổng thống nước Mỹ, với đối thủ chính trị đã gây ra sự bất mãn của một quan viên. Ông ấy phê bình Lincoln không nên nghĩ đến chuyện kết bạn với những người đó mà nên tiêu diệt họ. Lincoln nói rất nhẹ nhàng: “Khi biến họ trở thành bạn của chúng ta, lẽ nào tôi không phải là đang tiêu diệt kẻ thù hay sao?”

Người Trung Quốc có câu giáo huấn cổ xưa: “Hải nạp bách xuyên, hữu dung nãi đại” (*Biển có thể chứa trăm sông, vì dung chứa được mà thành lớn*). Vào thời nhà Đường – thời kỳ hưng thịnh nhất trong lịch sử Trung Hoa, tất cả những lĩnh vực như tư tưởng văn hóa, tiềm lực quốc gia, an ninh biên cương hầu như đều đạt đến đỉnh cao thịnh vượng, điều này không thể tách khỏi khí độ khoan dung bao hàm mọi thứ của văn hóa Đại Đường. Thời đầu nhà Đường từng nhiều năm bị Đột Quyết quấy rối phía Bắc, Đường Cao Tổ vì an ninh quốc gia đành phải xưng thần với Đột Quyết. Nhưng sau khi Đường Thái Tông đánh bại Đột Quyết lại không hề đuoải cùng giết tận vì rửa nhục cho cha, mà ngược lại ông còn khoan hồng mà tin dùng hơn 100 tướng lĩnh đầu hàng của quân Đột Quyết, những người đã từng đối địch với Đại Đường, những người được phong làm tướng quân và trung lang tướng từ chức ngũ phẩm trở lên, chiếm gần nửa số quan võ trong triều. Đồng thời triều Đường còn cho phép người Đột Quyết đã quy hàng được chuyển tới Trung Nguyên. Cách làm này đã chiếm được sự tín nhiệm sâu sắc của các dân tộc thiểu số, thủ lĩnh của các dân tộc Tây Bắc cùng nhau xin vinh danh danh hiệu tôn kính “Thiên Khá Hãn” dành cho Đường Thái Tông. Trong lịch sử, Thổ Phiên (dân tộc Tạng ngày nay) từng là một trong những dân tộc du mục hung hăng hiếu chiến, đã từng chinh chiến với Trung Nguyên. Nhưng dù sau vài lần chiến thắng Thổ Phiên, triều Đường lại vẫn cử công chúa Văn Thành đi kết thân. Công chúa Văn Thành truyền bá nông nghiệp và Phật giáo tới Thổ Phiên, trong suốt mấy

chục năm sau đó, Thổ Phiên và Đại Đường chung sống hòa hợp, điều này không thể không nói là công giáo dục văn hóa mà thành. Một điều hiển nhiên là đuổi cùng diệt tận sẽ chỉ tăng thêm thù hận, khu vực biên cương vẫn không thể yên bình, chiến tranh vẫn sẽ xảy ra. Chính là nhờ chính sách khoan hồng của triều Đường với Đột Quyết, do áp dụng chính sách sắc phong với thủ lĩnh các dân tộc thiểu số như Hồi Hột, Túc Mạt, Mạt Hạt, Nam Chiếu và chính sách kết thân với Thổ Phiên mà dành được nhân tâm, cùng lúc mà có thể thu phục bốn bề, các nước chư hầu về triều bái, ngay cả những nước xa xôi như Ba Tư, Chiêu Vô Cửu Tịch, nước Vu Điền (Khotan) đều tự nguyện nộp đất làm một quận của triều Đường. Trong văn hóa, triều Đường tôn Đạo, lễ Phật, sùng Nho, tiến hành chính sách “Tam giáo” cùng tồn tại. Cũng chính từ sự khoan dung, từ hoàn cảnh tự do tư tưởng này, đã làm nên một nền văn hóa đồ sộ cho triều Đường.



Dân tộc Trung Hoa từ xưa tới nay đều coi trọng “Hòa vi quý”, tôn sùng đạo Trung dung. Tổ tiên của họ đã tự giao cho mình sứ mệnh lịch sử thần thánh là giáo hóa thiên hạ, cũng là điều gọi là “bình thiên hạ”. Về căn bản, muốn thực hiện lý tưởng “bình thiên hạ” thì điều phải nương nhờ không phải là võ công mà là văn trị (*trị vì bằng văn hóa*). Điều mà nó muốn thực hiện cũng không phải là bá đạo, mà là vương đạo. Cái gọi là “Cổ viễn nhân bất phục, tác tu văn đức dĩ lai chi” (*Nếu người xa không phục thì tu văn đức để thu phục họ*). Trong 5.000 năm lịch sử của Trung Hoa, dù là dân tộc Hoa Hạ cũng từng trải qua đủ loại tai nạn, nhưng trong quá trình đồng hóa những dân tộc xung quanh, cuối cùng kết tinh, dung hòa họ thành đại quốc văn hóa “toàn Trung Hoa”. Trong lịch sử dân tộc Mông Cổ, dân tộc Mãn đều từng xâm lăng thống trị Trung Nguyên, nhưng cuối cùng cũng bị văn hóa Trung Hoa đồng hóa, ngày nay dân tộc Mông Cổ, dân tộc Mãn đều trở thành một phần của dân tộc Trung Hoa. Hoàng Đế Khang Hy của triều Thanh đã tự nói là muốn làm một vị Hoàng Đế số 1 của Trung Hoa nghìn năm.

Văn hóa đảng không chỉ xé dọc chặt đứt trí huệ mà tổ tiên dân tộc Trung Hoa truyền thừa, mà đồng thời còn dùng thái độ thù địch mà đối đãi với văn minh ưu tú của phương Tây trên phương diện hướng ngang. Điều này khiến những người Trung Quốc chịu ảnh hưởng của nó chỉ có thể tin tưởng những luận điệu trong Văn hóa đảng như: “Quyền lực chính trị lớn lên từ nòng súng” (Mao), “Súng máy, đại pháo là những thứ có uy lực nhất” (Engels), “Lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bởi lực lượng vật chất” (Marx). Người Trung Quốc có câu cổ ngữ rằng “Có thể lập tức có được thiên hạ chứ không thể lập tức trị được thiên hạ”. Trong lịch sử những ví dụ về việc cướp chính quyền bằng súng không ít, nhưng dùng súng để đối phó với nhân dân, duy trì chính quyền và cuối cùng khiến dân chúng đấu đá lẫn nhau, khiến mỗi cá thể trong xã hội đều coi bạo lực là biện pháp đầu tiên để giải quyết mâu thuẫn, thì điều này sợ rằng là “sự sáng tạo độc đáo” của Trung Cộng.

Dù cho ngày nay Trung Cộng đã đề ra cái gọi là “xã hội hài hòa”, nhưng

mục đích chân thực của nó, kỳ thực là hy vọng nhân dân tại giai tầng thấp trong xã hội đừng tiếp tục khiếu nại lên trên, đừng đi đấu tranh một cách hợp pháp cho quyền lợi nên có của mình, hy vọng nhân dân đừng đưa ra ý kiến phê bình đối với sự hủ bại của Trung Cộng. Mục đích căn bản vẫn là duy trì sự thống trị của Trung Cộng. Cái gọi là “hài hòa” được bao bọc bởi Văn hóa đảng chẳng qua chỉ là vì Trung Cộng cần tô vẽ cho bộ mặt của mình, hoàn toàn khác với “hòa vi quý” trong Văn hóa truyền thống.



Trên thực tế, áp dụng thủ đoạn bạo lực nhằm giải quyết mâu thuẫn xã hội của con người thì cuối cùng cái giá mà xã hội phải trả vẫn luôn lớn hơn lợi ích mang lại. Máy chục năm đấu tranh đẫm máu đã tạo thành vết thương khó lành trong xã hội Trung Quốc. Hai bên có mâu thuẫn thì ngoài mối quan hệ

đấu tranh một mất một còn, còn có thể biểu hiện quan hệ cộng sinh, quan hệ hài hòa, mà quan hệ đấu tranh là loại có tính phá hoại nhất. Những năm 60 của thế kỷ trước, Martin Luther King lãnh tụ lãnh đạo cuộc vận động dân quyền của Mỹ không hề dùng một khẩu súng một viên đạn mà lại đạt được quyền bình đẳng giữa người da đen, thậm chí cho đến tất cả người da trắng và người da màu, đã thay đổi lịch sử nước Mỹ. Mahatma Gandhi – người được tôn làm Quốc phụ của Ấn Độ đã dùng phương thức hòa bình lý tính để giành lại được sự độc lập cho dân tộc Ấn Độ, lưu lại cho nhân loại một điển hình nổi bật.

Sau cuộc công kích khủng bố ngày 11 tháng 09 tấn công Mỹ, một vài nơi đã xuất hiện những vụ án công kích và gây nhiễu loạn người di dân gốc Ả rập, nhà thờ Hồi giáo tại Maryland bị người ta vẽ xấu lên. Một cô giáo trung học bèn liên lạc với vài người bạn của mình đã đứng gác đêm cả một tuần cho những người dân Hồi giáo này bên ngoài nhà thờ Hồi giáo. Trung tâm Hồi giáo Ohio đã nhận được khoản tiền quyên góp của công dân nước Mỹ không phải người Hồi giáo, rất nhiều những người phụ nữ với màu da khác nhau, đã choàng khăn và đội khăn của người Hồi giáo bước ra đường, để thể hiện sự tôn trọng và ủng hộ những dân tộc với tín ngưỡng tôn giáo khác nhau và nền văn hóa khác nhau. Bốn ngày sau sự kiện ngày 11 tháng 9, một em học sinh người Hồi giáo chum khăn đội đầu và hai bạn học khác không phải là người Ả rập tới nhà ăn tự động trả tiền trước khi ăn cơm, mới ngồi xuống không lâu, một cô phục vụ bước tới, em học sinh nữ 23 tuổi cho rằng: “Cô ấy muốn đuổi chúng ta đi.” Hóa ra là cô phục vụ tới trả lại 30 USD tiền ăn và nói rằng nhà ăn quyết định cung cấp miễn phí tiền ăn cho họ. Cô phục vụ còn nói mình cũng không muốn nhìn thấy chiến tranh và cảm thấy rất tự hào về những nữ học sinh Hồi giáo đã dũng cảm mặc trang phục của dân tộc. Cô phục vụ vừa rời khỏi thì em học sinh bật khóc. Một bác sỹ gốc Palestine nói ngày thứ Sáu đầu tiên sau sự kiện 11 tháng 9, cô tới cầu nguyện tại chùa Hồi giáo, mà trong lòng lo lắng không dứt, sợ bị người ta nhục mạ. Đến khi cô đến nhà thờ, thì đã phát hiện

ra có hơn 50 mục sư và giáo đồ Kitô giáo tụ tập tại cửa, họ giảng những bằng rôn biểu thị sự đoàn kết và liên minh... Vị bác sỹ người Palestine này nói: “Họ khiến chúng tôi cảm thấy được an ủi và nhìn thấy hòa bình.” Sự hùng mạnh của nước Mỹ không chỉ ở sự dẫn đầu về quân sự và khoa học mà là tinh thần vĩ đại trong lòng đại đa số người dân của đất nước này.

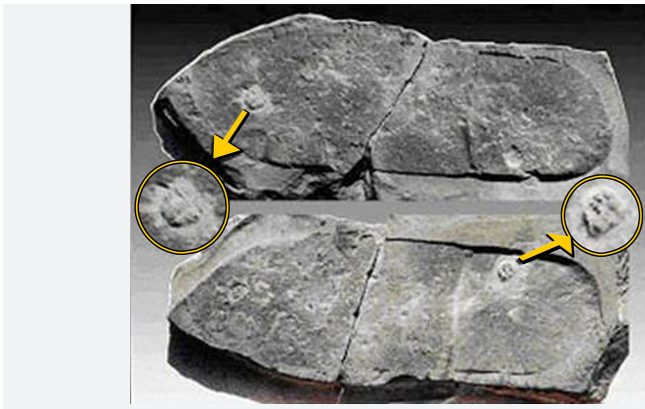
Cách thức yêu nước này của người Mỹ có lẽ đã gợi mở cho chúng ta. Dưới sự nhào nặn của Văn hóa đảng, “lòng yêu nước” trong lòng rất nhiều người đã tương đương với “lòng thù hận”. Một nhận thức đơn giản là, dù cho là hận Nhật hay hận Mỹ đều không thể là nguồn gốc tinh thần hùng mạnh của dân tộc Trung Hoa. Mỹ là một quốc gia di dân đa dân tộc, có lẽ ưu thế chính là sự dung hòa của nó với những văn hóa khác nhau. “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” (Những điều mình không thích thì cũng không nên làm cho người khác) đã trở thành đạo đức tốt đẹp trong Văn hóa truyền thống. Vứt bỏ Văn hóa đảng “đấu với Trời, đấu với Đất, đấu với người” trở về với đạo chung sống hài hòa, đây mới là cội nguồn của tinh thần hùng mạnh của dân tộc.

II.4 – NHỒI NHẾT THUYẾT TIẾN HÓA VÀ KHOA HỌC HIỆN ĐẠI



II.4-1 – Mục đích thực sự của việc nhồi nhét Thuyết tiến hóa – quảng bá Vô Thần luận và Triết học đấu tranh

Một ngày mùa hè năm 1968, William J. Meister, một chuyên gia hóa thạch nghiệp dư người Mỹ đã thấy một phiến đá hóa thạch có bộ ba thùy tại dòng suối Antelope nổi tiếng ở gần Utah, đột nhiên ông phát hiện một vết giày hoàn chỉnh dẫm trên một con bộ ba thùy. Bộ ba thùy là một loài sinh vật sinh trưởng cách đây từ khoảng 600 cho tới 200 triệu năm trước Công nguyên. Nói một cách khác, liệu có phải trước thời kỳ lịch sử lâu dài này cũng có tồn tại văn minh nhân loại giống với con người chúng ta?



KHỐI
HÓA
THẠCH
'BỘ BA
THỤY'
CÙNG
VỚI
DẤU
GIÀY
TỪ
THỜI
CỔ ĐẠI



SAU KHI
PHÓNG
TO DẤU
GIÀY

HÓA
THẠCH
BỘ BA
THỤY
NẴM Ở
GÓC
TRÊN
BÊN
TRÁI

Năm 1844, nhà khoa học Brewster nổi tiếng nhờ phát hiện ra phương pháp phân cực phản xạ “phương pháp Brewster” đã trình bày một báo cáo trong Hiệp hội Phát triển Khoa học nước Anh và gây chấn động rất lớn. Trong bài báo cáo có nhắc tới việc tại bãi đá Kindgoodie thuộc phía Bắc nước Anh gần Inchyra, người ta đã đào được một viên đá cát, lại có một cái giống cái đỉnh chôn ở phía trong. Cái đỉnh này đã bị hoen rỉ nhưng vẫn có thể phân biệt ra được là cái đỉnh. Năm 1985, sau khi đưa hòn đá cát này đi kiểm nghiệm đã phát hiện nó có ít nhất là 40 triệu năm lịch sử. Vậy ai là người đã lưu lại cái đỉnh trong tấm đá cổ xưa này?

Năm 2001, trong một cuộc điều tra dân ý tại Gallup về nguồn gốc và sự phát triển của nhân loại, 1.000 người Mỹ đã được yêu cầu chọn quan điểm gần với cách nhìn của mình nhất. Điều tra cho thấy, 45% số người trong đó đã chọn “Thượng đế đã sáng tạo ra nhân loại ngày nay từ một vạn năm trước”, 37% người chọn “Con người từ hình thái khá nguyên thủy trải qua hàng trăm triệu năm diễn hóa mà thành, còn Thượng đế đã làm chủ quá trình này”, 12% người chọn “Con người từ hình thái khá nguyên thủy trải qua hàng trăm triệu năm diễn hóa mà thành và không liên quan gì tới Thượng đế”, 6% người biểu thị không có quan điểm gì hoặc không có bất kỳ khuynh hướng nào. Một cuộc điều tra khác được Trung tâm nghiên cứu Pew của nước Mỹ tiến hành vào tháng 07 năm 2005 biểu thị rõ rằng 63% người Mỹ mặc dù đồng ý tiếp nhận Thuyết tiến hóa đang được dạy trong trường, nhưng đồng thời cũng tiếp nhận Thuyết sáng thế trong tôn giáo, 38% người dứt khoát chủ trương trường học chỉ dạy Thuyết sáng thế không dạy Thuyết tiến hóa.

Rất nhiều độc giả đến từ Trung Quốc Đại lục đã vô cùng kinh ngạc trước kết quả cuộc điều tra này. Kỳ thực ở những nước phương Tây tự do tín ngưỡng, có rất nhiều người không những không tiếp nhận Thuyết tiến hóa, mà còn tương phản với định hướng tư duy của Văn hóa đảng, những điều này không hề khiến những quốc gia đó trở nên lạc hậu, ngu dốt. Kỳ thực sự phát triển văn minh của những quốc gia này lại vừa hay có quan hệ mật thiết với tư tưởng

tự do, mở cửa, khoan dung. Thuyết tiến hóa đến từ phương Tây, nhưng trong những người tin tưởng Thuyết tiến hóa thì tỷ lệ lớn nhất là Trung Quốc, Liên Xô cũ và những quốc gia cộng sản cũ của Đông Âu. Đặc điểm chung của những nước này là: Quyền lực quốc gia bị dùng để ngăn cấm tín ngưỡng vào Thần và nhồi nhét Thuyết vô Thần. Từ sau năm 1949 Trung Cộng vẫn liên tục đàn áp và bức hại các tôn giáo, tín ngưỡng, đồng thời nhồi nhét một cách cưỡng chế “Thuyết tiến hóa”, khiến cho rất nhiều người Trung Quốc không chỉ tự mình coi “Thuyết vô Thần” là khuôn vàng thước ngọc, mà còn đương nhiên cho rằng mọi người ai cũng vậy.

Việc Trung Cộng tiến hành nhồi nhét Thuyết tiến hóa vào dân chúng có hai mục đích, một mặt là nhằm duy hộ quyền thống trị chuyên chế của mình, bởi vì như vậy có thể trải bằng con đường để nhồi nhét cưỡng chế Thuyết vô thần, để tiện cho việc tô vẽ cho mình thành giáo chủ nhân gian chí cao vô thượng; mặt khác là vì Thuyết tiến hóa có thể cung cấp ủng hộ cho lý luận “đấu tranh giai cấp”. Marx và Engels từng nói rõ mối quan hệ giữa Thuyết tiến hóa và tín ngưỡng rằng: “Hiện nay chúng ta dùng khái niệm tiến hóa để nhìn nhận vũ trụ thì sẽ không còn bất kỳ không gian nào để dung nạp nổi một Đấng Sáng Thế hay người thống trị nào được nữa.” (Marx và Engels luận bàn về tôn giáo). Marx còn nói: “Trước tác của Đác-uyn vô cùng quan trọng, nó ủng hộ sự đấu tranh giai cấp trong lịch sử nhân loại từ góc độ khoa học tự nhiên, hoàn toàn phù hợp với quan điểm của ta.” Engels cũng nói: “[Thuyết tiến hóa là] một trong ba phát hiện khoa học lớn của thế kỷ XIX... giai cấp vô sản ưu việt sẽ chiến thắng trong cuộc đấu tranh sinh tồn này.”

Sau khi nhân loại biết suy nghĩ một cách lý trí, thì vẫn luôn tìm kiếm một vấn đề cơ bản vĩnh hằng: “Tôi là ai, tôi từ đâu đến?” Sau khi tiêu diệt các tín ngưỡng tôn giáo, Thuyết tiến hóa đã trở thành học thuyết duy nhất mà Trung Cộng có thể dùng để giải thích cội nguồn của sinh mệnh. Theo cuộc thăm dò trên mạng, thường thấy những bài phân tích của rất nhiều thầy cô giáo trung học về chương “khởi nguồn của sinh mệnh và sự tiến hóa của sinh vật” trong

giáo trình sinh vật như sau: “Nó đóng một vai trò quan trọng về việc học sinh hình thành quan điểm về sinh vật tiến hóa, thiết lập quan điểm tự nhiên về Chủ nghĩa duy vật biện chứng.” Do vậy, song song với việc nhỏ tận gốc Văn hóa truyền thống kính sợ Thiên mệnh của Trung Quốc, Trung Cộng còn coi Thuyết tiến hóa là “chân lý duy nhất” giải thích về khởi nguồn của sinh mệnh và nhồi nhét một cách cưỡng chế tại Trung Quốc dưới danh nghĩa “khoa học”. Ngày nay đối với rất nhiều người Trung Quốc, khi nói tới tín ngưỡng đều không hề suy nghĩ mà nói rằng: “Tôi tín ngưỡng vào Thuyết vô Thần, tôi tin vào Thuyết tiến hóa.” Dẹp bỏ sự tranh chấp giữa đúng sai của bản thân Thuyết vô Thần và Thuyết tiến hóa sang một bên, trên thực tế với tuyệt đại đa số người Trung Quốc, “tín ngưỡng” vào Thuyết vô Thần hoàn toàn không phải là tín ngưỡng mang ý nghĩa chân chính. Tín ngưỡng là sự lựa chọn tự do của tâm hồn, là nói về sự đối lập với “không tín ngưỡng”. Nhưng dưới sự khống chế cường quyền của Trung Cộng ai không tin “Thuyết vô Thần”, ai không tin Thuyết tiến hóa sẽ bị chụp những cái mũ chính trị đáng sợ như “mê tín phong kiến”, “ngu muội”, “hại dân hại nước”, “phản khoa học”, sẽ phải đối mặt với nguy cơ bị cách ly khỏi “quần chúng nhân dân rộng lớn” trở thành “một nhóm nhỏ” “đối tượng cần cải tạo”. Trong hoàn cảnh như vậy, căn bản không thể nhắc tới quyền lựa chọn một cách tự do, vậy thì còn tín ngưỡng gì có thể nói tới đây?

II.4 -2 – Thuyết tiến hóa là giả thuyết chưa được qua kiểm chứng

Năm 1859, Đác-uyn căn cứ trên một vài trường hợp phân tán trong “Nguồn gốc của các loài” mà đường đột đưa ra giả thuyết sự tiến hóa của sinh vật, cho rằng giới sinh vật phức tạp hôm nay là từ sinh vật nguyên thủy đơn giản từng bước từng bước tiến hóa mà thành. Hơn nữa cùng với sự phát triển sâu rộng của khoa học, một số lượng lớn những phát hiện hiện thực đã đưa ra những thách thức nghiêm khắc cho Thuyết tiến hóa.

(1) Một cơ sở logic yếu ớt

Có lẽ nhiều người đều đã rất quen thuộc với “hiện tượng lại giống”. Cuốn “Tài liệu dạy học môn sinh vật trung học cơ sở” trên trang web của Nhà xuất bản Giáo dục Nhân dân đã viết như sau: “Trong nhân loại thỉnh thoảng sẽ nhìn thấy có đứa trẻ đuôi ngắn, có người lông dài, cô gái có nhiều đầu vú... Những hiện tượng này biểu thị rõ ràng tổ tiên của nhân loại có thể là động vật có đuôi, lông dài, nhiều đầu vú. Cho nên hiện tượng lại giống cũng là một chứng cứ cho sự tiến hóa của sinh vật.” Nếu theo logic này thì những hài nhi dị hình không có não còn nhiều hơn, vậy thì tổ tiên của con người không có não hay sao? Những người tứ chi tàn phế khiếm khuyết bẩm sinh, mọc thêm nhiều ngón tay, ngón chân cũng thường gặp, vậy thì tứ chi của con người là từ các loại dị hình dị dạng tiến hóa thành hay sao? Chỉ cần nhảy ra khỏi cái khung tư tưởng của Thuyết tiến hóa sẽ phát hiện ra cái gọi là “hiện tượng lại giống” chỉ là sự dị dạng và khiếm khuyết mà thôi, là phản ứng của bệnh lý đột biến gen, nếu liên hệ với tổ tiên của nhân loại thì không hề hợp lý.

Về mặt khoa học, nếu việc chứng minh của một lý luận đi ngược lại với logic thì lý luận này không thể được thành lập, nhưng logic sai lầm của con người với Thuyết tiến hóa lại không được đào sâu nghiên cứu, cũng là bởi vì nếu đào sâu nghiên cứu thì cũng chẳng có chứng cứ mà nói. Rất nhiều người khi nghe thấy những lời này thì vô cùng kinh ngạc. Kỳ thực vạch rõ vấn đề sẽ càng khiến con người ta kinh ngạc hơn.

Chứng cứ của giải phẫu học so sánh là một trong ba chứng cứ chủ yếu của Thuyết tiến hóa. Theo như giải phẫu học so sánh, trong số động vật có vú thì móng của chuột, cánh của dơi, đuôi của cá heo và tay của con người đều có kết cấu xương giống nhau. Do đó Đác-uyn suy đoán chúng di truyền từ một tổ tiên xa xưa mà thành, chỉ là trong quá trình tiến hóa do công dụng khác nhau mà phân ra ngoại hình khác nhau. Rất rõ ràng, việc dùng căn cứ giải phẫu học so sánh này làm căn cứ cho Thuyết tiến hóa đã tồn tại những lỗ hổng về logic. Vì từ giả thiết

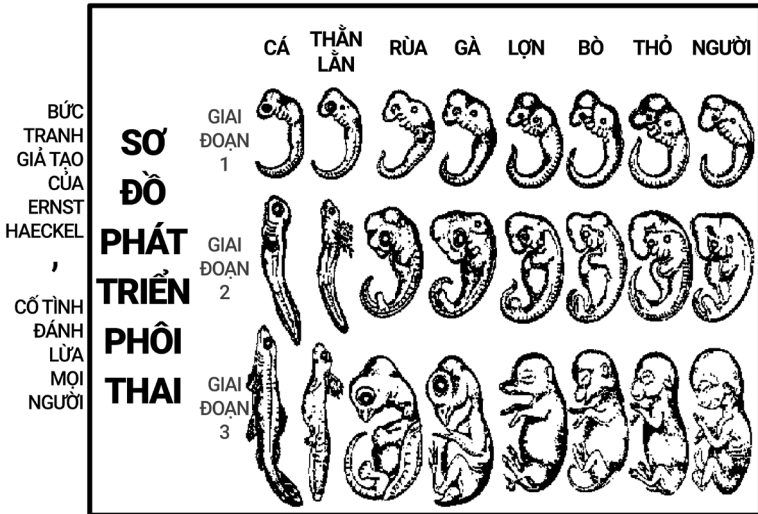
cùng một tổ tiên, dựa trên logic thì có thể suy đoán ra kết luận về sự tương tự của kết cấu xương tứ chi, nhưng ngược lại thì không nhất định đúng. Cũng giống như tủ lạnh làm lạnh có thể khiến nước đông thành đá, không đồng nghĩa với việc đá nhất định là được làm từ tủ lạnh.

Hóa thạch của sinh vật cổ cũng là một trong ba chứng cứ quan trọng của Thuyết tiến hóa. Tuy vậy người ủng hộ Thuyết tiến hóa khi muốn dùng hóa thạch của sinh vật cổ để làm chứng cứ lý luận cho quá trình tiến hóa, thì lại cần phải dựa vào mô thức tiến hóa. Ví dụ như việc xác định “người Nguyên Mưu” người vượn nổi tiếng của Trung Quốc là được suy đoán từ việc [người vượn này có] ba cái răng của loài người; sự xác nhận của người vượn Lam Điền chỉ dựa vào một cái xương hàm dưới, về người thôn Đình, thì dựa vào ba cái răng một mảng xương hộp sọ; người Mã Bá... dựa vào một mảng xương hộp sọ không hoàn chỉnh... muốn xác nhận chúng thành cái gì thì phải hoàn toàn dùng mô thức tiến hóa [đã có sẵn]. Ở đây lộ rõ một vấn đề về logic: Những thứ từ Thuyết tiến hóa lại dùng để chứng minh Thuyết tiến hóa hiển nhiên là sự tuần hoàn của chứng cứ. Sự phát hiện ra cái gọi là vượn cổ phương Tây (người Nebraska) đã bộc lộ một cách đầy đủ sự khiếm khuyết của loại logic biện luận này. Năm 1922, nhà sinh vật học Osborne tuyên bố đã phát hiện ra một cái răng, cái răng này đồng thời mang đặc trưng của tinh tinh, người vượn và vượn người. Ông đã đặt cho chủ nhân của chiếc răng một cái tên là “người Nebraska”. Tiếp đó, những nhân sỹ tin vào Thuyết tiến hóa đã vẽ ra bức tranh tưởng tượng về người vượn này mà chỉ dựa vào một cái răng. Nhưng năm 1927, sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng hơn, người ta đã phát hiện chủ nhân của chiếc răng này là một con lợn hoang châu Mỹ đã tuyệt chủng!

Vậy thì phải chăng Thuyết tiến hóa là phép quy nạp? Không phải, quá nhiều sự thực không thể quy nạp vào trong đó được.

Có người từng nói Thuyết tiến hóa là phép quy nạp, tư duy logic này hơi khó một chút, kỳ thực cũng dễ hiểu. Phép quy nạp chính là đưa ra một mệnh đề, nếu có thể quy nạp được tất cả những vấn đề mà nó bao hàm [Nói cách khác

tất cả các chứng cứ trên thực tế đều thống nhất với mệnh đề đó, mà không có bất kể chứng cứ nào bác bỏ mệnh đề ấy] thì mệnh đề đó là chân lý. Nhưng với Thuyết tiến hóa có quá nhiều sự thực không thể quy nạp được [nghĩa là có quá nhiều chứng cứ đi ngược lại với thuyết tiến hóa]. Từ những căn cứ hiện nay về văn minh tiền sử, từ tốc độ tiến hóa, phương thức sản sinh theo kiểu bùng phát của các loài, xác suất tiến hóa... rất nhiều sự việc không những không thể quy nạp được, hơn nữa đều đang phủ định Thuyết tiến hóa, có thể thấy việc tìm chứng cứ để chứng minh cho Thuyết tiến hóa, là phép quy nạp là không thể thực hiện được, kỳ thực vẫn là biện luận tuần hoàn.



Phép “Biện luận tuần hoàn” tưởng như đúng mà lại là sai ấy, đã quán xuyên toàn bộ Thuyết tiến hóa này, người ta dường như đều đã vì nghe nói nhiều mà quen với điều này. Tuy nhiên khi chúng tôi phân tích một cách nghiêm túc chặt chẽ thì họ đều vô cùng kinh ngạc.

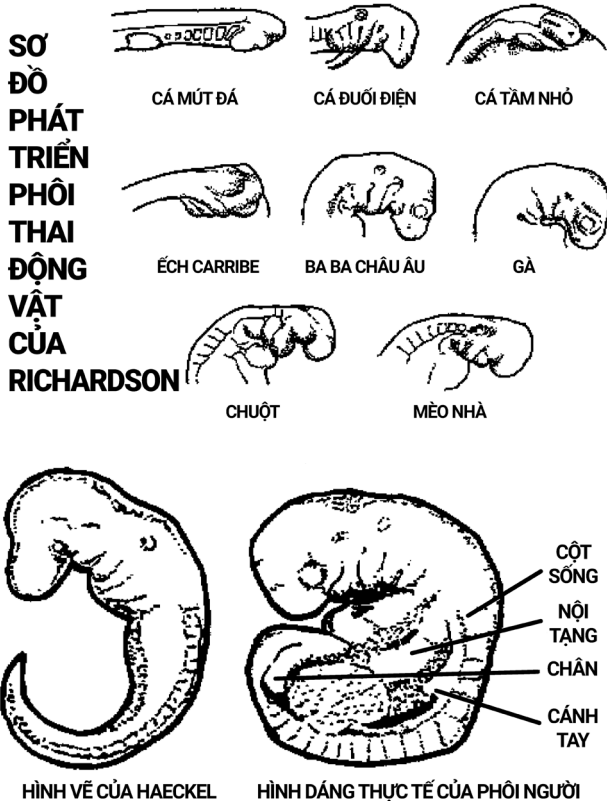
Trong giáo trình sinh vật của học sinh trung học còn có một bức vẽ về sự phát triển của một phôi, là mặt cắt thể hiện những giai đoạn khác nhau của quá trình phát triển phôi thai của những động vật như cá, thằn lằn, rùa, gà, lợn,

trâu, thỏ, người... Bản gốc của nó được lưu giữ tại thư viện Bodleian trường đại học London, tác giả của nó là Haeckel, một giáo sư sinh vật học tại trường đại học Jena của Đức vào thế kỷ 19. Kết luận đưa ra từ những bức vẽ này là, dù hình thái sau khi thành niên của những động vật này khác nhau, nhưng quá trình phát triển phôi đều có một giai đoạn mang hình thái tương tự nhau, bao gồm cả con người. Một giai đoạn nào đó trong quá trình phát triển phôi của các loài động vật, thì hình thái của nó sẽ tái diễn lại hình thái giống như cá, chứng tỏ tổ tiên chung của chúng là động vật thủy sinh, đặc trưng của tổ tiên của chúng đều tái diễn trong quá trình phát triển của phôi. Đây chính là “quy luật tái diễn của phôi”, một trong ba chứng cứ chủ yếu ủng hộ Thuyết tiến hóa.

Kỳ thực, trong việc dùng quy luật tái diễn chứng minh Thuyết tiến hóa, cũng có thể biểu đạt một cách hình thức rằng: “Giả như Thuyết tiến hóa đã được công nhận, thì phát triển phôi sẽ tái diễn lại quá trình tiến hóa. Bởi vì quan sát phát hiện ra rằng sự phát triển của phôi có thể tái diễn lại quá trình tiến hóa, cho nên Thuyết tiến hóa là đúng.” Về mặt logic, điều này vẫn là dùng “Luận chứng tuần hoàn” dùng giả thuyết để chứng minh giả thuyết.

Năm 1997, Richardson – nhà khoa học người Anh đã hợp tác với nhiều phòng thực nghiệm thu thập nhiều loại động vật từ các chủng hệ khác nhau hơn nữa, quan sát hình thái của chúng qua các thời kỳ phát triển của phôi thai. Họ phát hiện bản đồ của Haeckel không được miêu tả dựa trên cơ sở thực tế, “Nghiên cứu của chúng tôi đã làm suy yếu một cách nghiêm trọng độ tin cậy trong những bức vẽ của Haeckel, những bức vẽ của Haeckel, nếu nói là thể hiện một thời kỳ tương tự trong quá trình phát triển phôi thai của động vật có xương sống, thì chẳng bằng nói là phôi được thiết kế theo một trình tự nhất định.” Tạp chí “Khoa học” đầy uy tín đã phát biểu một bài tổng kết chuyên về chủ đề này vào năm 1997 (Science 1997, 277:5331). Vậy vì sao kết quả nghiên cứu của Haeckel và Richardson lại khác xa nhau như vậy? Hóa ra Haeckel cố tình lựa chọn phôi của những động vật khá gần nhau, ví dụ như ông dùng thằn lằn sống trong nước để đại diện cho loài động vật lưỡng cư, mà không dùng

ếch, bởi vì bản thân Haeckel biết thằn lằn giống cá hơn. Hay như nhân câu phôi thời kỳ đầu của gà không có sắc tố, nhưng Haeckel lại tô nó thành màu đen, khiến phôi của gà càng giống phôi những loài khác hơn. Haeckel còn đặc biệt gia công thêm yếu tố nghệ thuật vào bức vẽ phôi của con người, bỏ đi nội tạng và chân của phôi người, và biến thành giống như một cái đuôi, tương tự với phôi thai của cá.



HAECKEL ĐÃ GIA CÔNG THÊM YẾU TỐ NGHỆ THUẬT VÀO BỨC VẼ PHÔI THAI CỦA CON NGƯỜI, BỎ ĐI NỘI TẠNG VÀ CHÂN CỦA PHÔI NGƯỜI

Cùng với sự xuất hiện của di truyền học và sự phát triển của sinh vật học phân tử, đặc biệt là việc đào sâu nghiên cứu về gen, về lý luận thuyết tái diễn đã gặp phải nguy cơ trước nay chưa từng có. Hiện nay người ta công nhận đột biến gen là nguyên nhân của tiến hóa. Nếu vậy gen trước kia đã đột biến thành gen mới sao lại có thể tái hiện lại đặc trưng trước kia được?

(2) Xác suất đã phủ định hạt nhân của Thuyết tiến hóa – Cơ chế đột biến gen

Vào thời đại của Đác-uyn, khoa học phương Tây đang ở giai đoạn cơ sở, những nhận thức về hiện tượng của sinh mệnh còn rất nông cạn. Con người lúc đó đã nhìn thấy rất nhiều tạp chủng biến dị trong những loài động vật được nuôi trong nhà, liền cho rằng các loài động vật cũng có thể trở thành một loài khác, đây chính là tiến hóa. Sau này, cùng với sự phát hiện và đào sâu nghiên cứu về gen, các học giả mới nhận thức được rằng nếu gen không có sự biến đổi căn bản, thì cho dù đời sau có khác tổ tiên thế nào đi nữa, cũng không có ý nghĩa tiến hóa. Hơn nữa gen là cực kỳ ổn định, chỉ có “đột biến gen” bất thường mới có thể phát sinh cải biến, vậy mà “đột biến gen” lại trở thành hạt nhân của Thuyết vô Thần hiện đại. Đây chính là điều mà tất cả những nhà theo Thuyết vô Thần công nhận. Tại đây, chúng tôi sẽ tập trung phân tích lý luận trọng yếu này:

– Gen các loài có tính ổn định gần như tuyệt đối

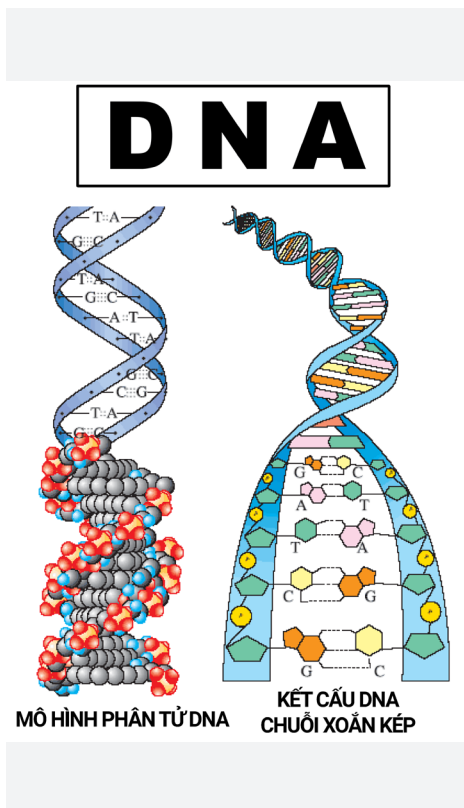
Tính ổn định của gen là sự tất yếu nhằm duy trì sự ổn định tự thân của các loài, việc trao đổi gen của những cá thể khác nhau trong cùng một loài, hoàn toàn không thể khiến loài đó biến thành loài khác. Những chuyên gia về chăn nuôi động thực vật đều biết, phạm vi biến đổi của một loài là hữu hạn. Cuối cùng, những vật phẩm được lai tạo nếu không phải là không lớn lên được thì cũng lại trở về với dòng giống vốn có của nó. Giáo sư Mel của trường đại học Harvard gọi nó là sự cân bằng trong bản thân gen. Điều hay gặp là chó dù có lai tạo thế nào thì vẫn là chó. Điều này nói rõ rằng Thuyết tiến hóa có một chướng ngại không thể

vượt qua. Về lý luận, con người mang kỳ vọng về khả năng đột phá chương ngại này gửi gắm vào đột biến gen, đây là khả năng duy nhất.

– *Trên lý luận và thực tế, xác suất đột biến gen sinh ra trạng thái cao cấp hầu như là con số 0*

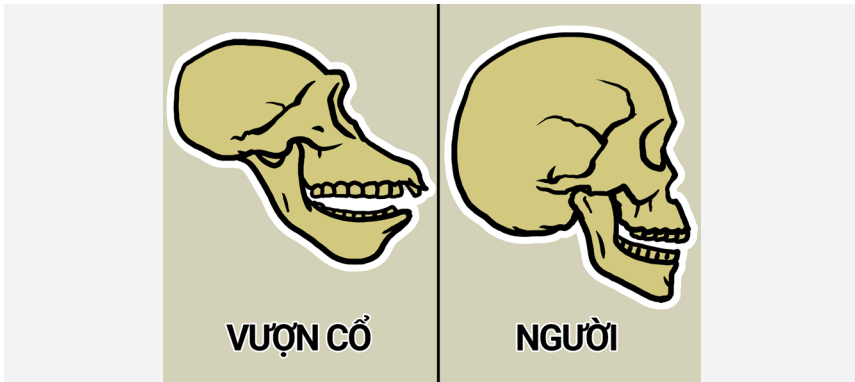
Đột biến gen là một loại sai lệch ngẫu nhiên xảy ra trong quá trình phục chế gen hoặc sửa chữa những tổn thương, cho nên còn gọi là đột biến ngẫu nhiên, bản thân đó cũng là một hiện tượng của bệnh lý, xác suất phát sinh của nó ở khoảng từ 1/10.000 tới 1/1 tỷ. Xác suất đột biến của sinh vật giáp cốt là khá cao, khoảng chừng 1/1000, còn trong những động vật loại cao cấp thì xác suất đột biến của rất nhiều loại gen là từ 1/10.000 tới 1/100 triệu.

Đột biến gen có thể sản sinh những đặc trưng (tính trạng) cao cấp có ưu thế sinh tồn hay không? Chúng ta biết rằng về cơ bản một gen là do vài trăm cho tới vài nghìn nucleobase xếp thành, giống như trình tự phức tạp và chính xác của máy tính, tùy tiện thay đổi một, hai byte có thể sản sinh trình tự cao cấp hơn không? Đương nhiên là không thể. Đột biến gen cũng như vậy, kết quả thay đổi của nucleobase thường là những loại khiếm khuyết, dị dạng, dẫn tới tử vong, có ưu thế sinh tồn trong điều kiện tự nhiên thì không phát hiện được một trường hợp nào.



– *Xác suất tính toán chỉ rõ khả năng tiến hóa của động vật nhỏ tới mức tuyệt đối không thể*

Thuyết tiến hóa hiện đại dùng đột biến gen làm hạt nhân, nhưng như đã nói ở phía trên, về bản chất đột biến gen là một sự sai lệch ngẫu nhiên. Do đó nói một cách khái quát cái gọi là quá trình tiến hóa từ vượn thành người, kỳ thực là có một bộ phận vượn cổ trong mấy triệu năm, do một loạt gen phát sinh đột biến một cách “ngẫu nhiên vô tình”, “vừa hay” khiến trán của vượn cổ dần dần tăng cao, xương đuôi trở nên nhỏ đi, phần miệng thu về phía sau, dung lượng não lớn hơn, sống lưng thẳng ra... cuối cùng thành người hiện đại.



Rất hiển nhiên, quá trình chọn lọc tự nhiên chỉ có thể quyết định cuối cùng những loại động vật nào sẽ được lưu lại, nhưng sẽ không tăng thêm xác suất về toàn bộ quá trình này. Rất nhiều học giả tiến thêm một bước tính toán và chỉ rõ, với một chuỗi liên tiếp những cái “ngẫu nhiên vô tình” này, nếu muốn mỗi cái đều phát sinh, thì xác suất của nó nhỏ đến mức gần như không có. Behe, nhà hóa học sinh học nước Mỹ đã lấy ví dụ về hàng loạt cơ chế hóa học sinh vật của máu đông để giảng về hiện tượng sinh mệnh phức tạp và chính xác như vậy không thể do tiến hóa mà thành. Trong đó, xác suất để sản sinh ra một loại protein (TPA) là từ $(1/10)^{18}$ (1 phần 1 tỷ tỷ). Thông qua tính toán, ít

nhất cần đến 10 tỷ năm mới có thể phát sinh (hiện nay các nhà khoa học ước tính tuổi của Hệ Mặt trời là khoảng 5 tỷ năm). Nếu như đồng thời phát sinh ra loại protein có tác dụng tương hỗ với nó, thì xác suất là $(1/10)^{36}$. (1 phần 1 tỷ tỷ tỷ) Ông nói: “Rất tiếc, vũ trụ không có thời gian để chờ đợi.”

Về sự sản sinh của sinh mệnh, Thuyết tiến hóa hiện đại cho rằng đó cũng là một quá trình tự nhiên, cho rằng vật hữu cơ và vật vô cơ đơn giản va đập vào nhau trong một điều kiện nào đó mà trở thành một phân tử lớn phức tạp trong cơ thể sinh vật, những loại phân tử lớn phức tạp lại tổ hợp diễn hóa một lần nữa hình thành nên sinh mệnh nguyên thủy. Đọc đến một chuỗi quá trình “lý tưởng hóa” như vậy, e rằng người đọc sẽ nghĩ tới vấn đề xác suất ngẫu nhiên trong đó. Nhà khoa học người anh Hoyle đã từng biểu thị: “Khả năng để chuyện trên xảy ra cũng giống như dùng vòi rồng mà cuộn hết cả một xưởng phế liệu để rồi lắp ráp ra máy bay 747 vậy.”

(3) Sự lung tung của Thuyết tiến hóa – tầng tầng nghi vấn về thời gian biểu tiến hóa

Căn cứ vào khái niệm Thuyết tiến hóa, con người từ động vật thủy sinh nguyên thủy nhất dần dần bò lên lục địa, từ sinh vật lưỡng cư, loài bò sát, loài có vú, cuối cùng tiến hóa thành vượn tiếp đến là xuống mặt đất tiến hóa thành con người. Quá trình ở giữa đã trải qua vài trăm triệu năm. Các nhà sinh vật học dựa theo sự đơn giản tới phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao của sinh mệnh mà vẽ ra biểu đồ thời gian tiến hóa.

Tuy nhiên rất nhiều phát hiện của những nhà khảo cổ học đã trực tiếp phản bác luận điểm của những người ủng hộ Thuyết tiến hóa, điều này bao gồm cả những chứng cứ trực tiếp về nhân loại trong những thời kỳ xa xưa khác nhau liên tục được phát hiện tại các nơi trên khắp thế giới. Từ dấu chân của con người từ mấy vạn năm trước tới mấy trăm triệu năm trước cho đến hóa thạch xương người, đều không cách nào quy nạp nổi vào trong biểu đồ thời gian tiến

hóa (Ý là không thể ăn khớp với biểu đồ thời gian của tiến hóa). Ví như, căn cứ theo báo cáo “Báo khoáng sản địa chất Trung Quốc” ngày 06 tháng 11 năm 1997, trên mặt tấm đá nham thạch kỷ Tam điệp tại huyện Phú Nguyên tỉnh Vân Nam, Trung Quốc đã phát hiện dấu chân của bốn người. Theo khảo cứu những tấm đá nham thạch này đã có lịch sử 235 triệu năm. Trong một bài viết đăng trên tạp chí “Người Mỹ khoa học” (Scientific American) vào tháng 06 năm 1851 đã nhắc tới một vụ nổ tại Dorchester bang Massachusetts, trong đó một bình hoa bằng kim loại do bị nổ thành hai nửa mà bay ra khỏi tấm đá. Sau khi mang hai mảng bị tách ra do vụ nổ ghép lại thì thành một bình hoa hình chuông. Bình hoa được làm từ hợp kim kẽm và bạc, nó từ chỗ sâu 4,5 m (15 thước Anh) dưới lòng đất phá đá mà ra, ước chừng là có 100 nghìn năm lịch sử.



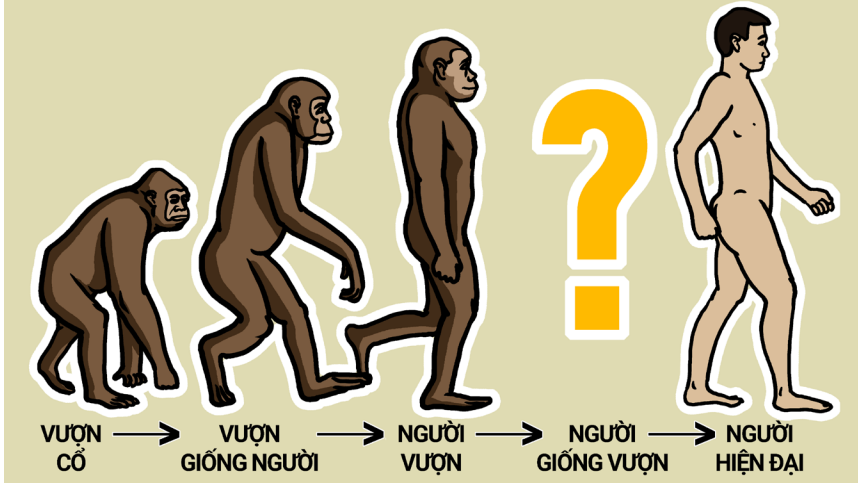
**BÌNH HOA BẰNG KIM LOẠI CÓ
LỊCH SỬ 10 VẠN NĂM**

Chỉ riêng những phát hiện khảo cổ học đã đưa ra một vấn đề đầu đầu khác cho những người theo Thuyết tiến hóa, chính là hóa thạch trung gian trong quá trình tiến hóa, nói một cách nghiêm túc là không hề được phát hiện thấy. Ví dụ vấn đề từ vượn đến con người, các nhà khoa học đã phát hiện ra một vài hóa thạch, phân loại là “vượn cổ”, “vượn người”, “người vượn”, “người thông minh”, duy nhất không có hóa thạch “người giống vượn”. Việc tìm kiếm loài sinh vật quá độ “người giống vượn” được coi là “mười câu

đố lớn không lời giải”. Vài lần tuyên bố tổ tiên của con người trước đó đều rất nhanh chóng bị phủ định. Ví dụ như hóa thạch “người Gia Bách” trong quá trình quá độ giữa người và vượn được phát hiện năm 1892 là do gom góp chắp

và một mảnh xương đầu và một cái xương đùi người cách đó chừng 12m mà thành, giới học thuật đã phủ định “người Gia Bách”, nhưng về phương diện giáo dục khoa học vẫn còn tuyên truyền. Cho tới năm 1984 “người Gia Bách” mới bị phát hiện mới về hóa thạch người vượn “Lucy” thay thế, nhưng trong quá trình giám định sau này người vượn Lucy cũng bị đại đa số các học giả phủ định. Các nhà khoa học đã xác định “Lucy” là một loài vượn tuyệt chủng, loài vượn cổ tại phía Nam, không hề liên quan tới con người.

VIỆC TÌM KIẾM LOÀI SINH VẬT QUÁ ĐỘ “NGƯỜI GIỐNG VƯỢN” ĐƯỢC XẾP VÀO “MÙI ẨM ĐỐ LỚN” CỦA GIỚI KHOA HỌC



Giả sử Thuyết tiến hóa là có thực thì hóa thạch trung gian lẽ ra rất dễ tìm thấy, vì sao lại không có? Mọi người hãy thử dùng giải thích của Đác-uyn: “Ghi chép về hóa thạch không hoàn thiện”. Thử đào sâu suy nghĩ một chút: nhìn từ góc độ vĩ quan, sự hình thành hóa thạch là điều phổ biến và ngẫu nhiên, sao có thể sót riêng một mình loại quá độ này?

Ba bước “quan sát, giả thiết, kiểm chứng” đến nay vẫn là thước đo rất được tuân thủ để các nhà khoa học của khoa học thực chứng phát hiện ra những quy

luật tự nhiên và những định lý khoa học trừu tượng. Trong “Nguồn gốc của các loài” của Đác-uyn chỉ hoàn thành được hai bước đầu tiên. Hơn nữa trải qua sự nỗ lực mấy đời người kéo dài hơn một thế kỷ, bước cuối cùng quan trọng nhất là “kiểm chứng”, đến nay vẫn chưa có được kết quả khiến con người tin phục. Hơn nữa cùng với xu thế phát triển của các lĩnh vực khoa học hiện nay và sự giới hạn tự thân của Thuyết tiến hóa, thì bước cuối cùng để Thuyết tiến hóa có thể đi hết ba bước này đã trở nên ngày càng mờ mịt.

II.4-3 – Hậu quả của việc nhôi nhét Thuyết tiến hóa

Mục tiêu của việc Trung Cộng nhôi nhét Thuyết tiến hóa và quảng bá Thuyết vô Thần của nó là đồng nhất. Theo quan điểm của Thuyết tiến hóa, con người sinh ra từ sự ngẫu nhiên của giới tự nhiên. Con người sinh ra không có mục đích, tồn tại tại cũng không có mục đích, mọi tín ngưỡng vào Thần đã trở thành “hư vô mờ mịt”. Hơn nữa con người chẳng qua chỉ là vượt tiến hóa mà bản chất hoàn toàn không có gì khác với những loài động vật khác. Động vật và thực vật, sinh vật và phi sinh vật cũng không có giới hạn không thể vượt qua. Cho nên theo cách nhìn của Engels, sinh mệnh chẳng qua chỉ là “một hình thức tồn tại của protein” mà thôi. Theo quan điểm này, sự tôn trọng đối với sinh mệnh trong Văn hóa truyền thống Trung Quốc đã trở thành “mê tín” không cần thiết. Quả thực, từ quan điểm của Thuyết tiến hóa thì chặt một cái cây và đánh chết một con chó, giết một con khỉ và giết chết một con người chỉ khác nhau về mức độ, hoàn toàn không hề khác nhau về bản chất, chẳng qua đều chỉ là thay đổi hình thức tồn tại của protein mà thôi.

Tháng 03 năm 2003, dịch SARS lan tới Hồng Kông. Các hãng truyền thông của Hồng Kông liên tục báo cáo về tình hình dịch bệnh. Ông Long Vĩnh Đồ, Tổng thư ký của diễn đàn Boao, cựu Phó Bộ trưởng Bộ Thương mại của Trung Cộng, đã khiển trách nói: “Giới báo chí tại Hồng Kông liên tục báo cáo về sự kiện bệnh viêm phổi trên các đầu báo trong suốt 10 ngày, 20, ngày,

30 ngày như vậy còn ai dám tới đó nữa?” “Nếu trong 6 triệu người có 50 nghìn người mắc bệnh này, thì tôi cho rằng là đáng sợ, nhưng hiện giờ mới chỉ có hơn 300 người mà đã làm như vậy rồi, tôi nghĩ là có vấn đề.” Thái độ thờ ơ vô cùng xem nhẹ sinh mệnh này không chỉ tồn tại một cách phổ biến trong những quan chức cấp cao Trung Cộng mà ngay cả người dân cũng thường bị nó hại rất nặng nề mà không hề hay biết. Từ khi Trung Cộng xây dựng chính quyền tới nay đã gây ra cái chết của hơn 80 triệu người. Hơn nữa nhiều người Trung Quốc dù đã minh bạch sự thực lịch sử này nhưng vẫn cảm thấy từng sinh mệnh qua đời ấy chẳng qua chỉ là một con số mà thôi. Thái độ coi nhẹ sinh mệnh này ắt là có quan hệ với Thuyết tiến hóa mà Trung Cộng đã nhồi nhét.

Một hậu quả khác của việc Trung Cộng không ngừng nhồi nhét Thuyết tiến hóa là khiến con người cảm thấy “khôn sống mống chết, kẻ yếu làm môi cho kẻ mạnh” là nguyên tắc đương nhiên. Như vậy, dưới khẩu hiệu “dân tộc”, “quốc gia” mỹ lệ đó, sự cướp bóc đối với những người yếu thế lại càng có lý do một cách đường đường chính chính như: Vì cái gọi là “phát triển”, vì cái gọi là “ổn định” thì sẽ không thể tránh khỏi hy sinh. Do đó mới có những lời tuyên bố như của viện sỹ Hà: “Ai bảo anh bất hạnh sinh ra tại Trung Quốc?” mới có những lời lẽ hùng hồn như Đặng Tiểu Bình vào ngày 4 tháng 6: “Giết 200 nghìn người, giữ gìn ổn định cho 20 năm.” Khi quy tắc này được xã hội tiếp nhận một cách phổ biến, thì lòng người trong xã hội đã mất đi hy vọng đối với công bằng chính nghĩa, thuận theo đó là hệ thống tiêu chuẩn đạo đức trượt dốc.

II.4-4 – Mục đích chân thực của việc nhồi nhét khoa học hiện đại: Đàn áp tín ngưỡng

Ngay khi mới bắt đầu xây dựng chính quyền, Trung Cộng đã không ngừng triển khai cái gọi là cuộc vận động “đánh đổ mê tín phong kiến” trên phạm vi cả nước. Mấy năm nay lại thêm vào khẩu hiệu “sùng bái khoa học”. Mười mấy năm qua tài liệu giảng dạy tại các trường học đều phải biên tập theo đại cương dạy

học mà Trung Cộng đặt ra, nhằm đảm bảo rằng tri thức trong sách chỉ có thể trở thành bằng chứng ủng hộ cho “Lịch sử phát triển xã hội” và “Chủ nghĩa duy vật biện chứng” của Trung Cộng mà không xảy ra xung đột. Trung Cộng còn thiết lập “Phương pháp phổ cập khoa học kỹ thuật” chuyên biệt, hầu như tại tất cả các thành phố đều thiết lập “Viện khoa học”, “Trạm phổ cập khoa học” do chính phủ cấp vốn. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của nó là phối hợp với “Trung Ương” tiến hành hoạt động “phổ cập khoa học” với quy mô lớn ở tầng cơ sở, tiến hành triển lãm “phá bỏ mê tín”, “phản đối tà giáo”. Mấy chục năm bị nhồi nhét đã khiến đại đa số đầu óc con người không chỉ thiết lập một cách kiên cố quan niệm khoa học là tối cao, mà còn đưa nó lên cao tới mức độ chính trị. Cho nên “phản khoa học”, “làm mê tín phong kiến” không chỉ là vấn đề lựa chọn tín ngưỡng cá nhân, mà là “tội ác” hại dân hại nước, thậm chí nên phải bị toàn dân cùng tru diệt.



Trên thực tế tại những quốc gia phương Tây nơi mà khoa học hiện đại còn phát triển hơn, chính phủ không hề dùng cái gậy khoa học để phê phán bất kỳ tín ngưỡng nào. Trong các trường đại học, học sinh có đầy đủ sự tự do để tổ chức những đoàn thể tín ngưỡng, chính phủ và nhà trường không những không can thiệp, ngược lại còn khích lệ sự phồn thịnh đa văn hóa. Những nước phương Tây mặc dù cũng có hoạt động phổ cập khoa học được chính phủ hỗ trợ, nhưng không hề liên can tới việc quét sạch “mê tín”, phản đối “ngụy khoa học”... Những hoạt động này thông thường chỉ là phổ cập thường thức về việc thoát thân khi gặp nạn, như ngay từ lớp mầm non, cho tới tiểu học đều có những buổi học dạy về việc thoát thân khi gặp nạn, thường diễn tập, luyện tập những kỹ năng phản ứng khi bản thân gặp phải tai nạn như hỏa hoạn, giông bão, động đất, sóng thần. Nhưng trong nội dung đại cương dạy học của Trung Cộng không có những nội dung này, thậm chí tại những khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai hoạn nạn thì những nội dung này cũng không phải là trọng điểm của viện khoa học kỹ thuật, trạm phổ biến khoa học. Sở dĩ như vậy là do mục đích mà Trung Cộng nhốt khoa học hiện đại hoàn toàn không phải vì dân giàu nước mạnh, mà là vì áp chế tín ngưỡng. Tín ngưỡng của một người vốn là hành vi cá nhân, ngay cả trong Hiến pháp mà Trung Cộng đưa ra cũng không thể không thừa nhận tự do tín ngưỡng của công dân. Nhưng Trung Cộng giương cao lá cờ lớn “khoa học” là vì có thể “danh chính ngôn thuận” chụp những cái mũ chính trị như “mê tín”, “phản khoa học”, chụp những cái mũ như khiến nhân dân “ngu muội”, “lạc hậu”... Như vậy việc nhốt tận gốc tín ngưỡng đã được khoác lên chiếc áo choàng “vệ sỹ” khoa học, thậm chí còn có thể liên hệ với chủ nghĩa yêu nước, bởi vì “mê tín” sẽ khiến đất nước “lạc hậu”.

Ngay những ngày đầu xây dựng chính quyền, năm 1950, Trung Cộng đã bắt đầu giải tán những tổ chức “mê tín” với quy mô lớn trên cả nước như tổ chức Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa giáo, Đạo giáo, Phật giáo. Trung Cộng yêu cầu thành viên của những giáo hội, giáo đường, bang phái tới đăng ký với chính phủ và sửa chữa hồi cải. Nếu không đăng ký đúng hạn, một khi bị tra rõ sẽ phạt

rất nghiêm. Năm 1951, Chính phủ ban hành công văn rõ ràng tuyên bố những người tiếp tục những hoạt động hội môn đạo môn sẽ bị xử tử hình hoặc bắt đi tù. Theo thống kê không hoàn chỉnh, đã có không dưới ba triệu giáo đồ, thành viên nhóm hội bị bắt, bị giết.

Năm 1999, Trung Cộng bắt đầu đàn áp việc nhân dân tín ngưỡng vào Pháp Luân Công, cũng dùng khẩu hiệu “Tôn sùng khoa học, phá bỏ mê tín”, lấy danh nghĩa “phản tà giáo” để tiến hành đàn áp Pháp Luân Công, sau đó lại tiến hành trấn áp một bước nữa những môn phái khí công khác và những giáo hội ngầm. Cảnh sát bắt giữ tín đồ giáo hội ngầm của Cơ Đốc giáo thường trực tiếp lấy lý do là “Tin Thần chính là phản đảng”. Tra đến nguyên nhân căn bản thì là chính quyền độc tài Trung Cộng với cơ sở là Thuyết vô Thần quả thực không chịu được việc nhân dân tín ngưỡng vào Thần, không thể cho phép phía trên “Trung ương Đảng” còn có Thần chí cao vô thượng.



Cho dù Trung Cộng thông qua việc nhồi nhét Thuyết tiến hóa và khoa học hiện đại để xác lập lý luận căn bản của nó – Thuyết vô Thần, nó thậm chí còn tạo ra một cụm từ để lừa gạt con người gọi là “Thuyết vô Thần khoa học”, tuy nhiên nếu chỉ nói về bản thân sự phát triển khoa học, nó hoàn toàn không chứng minh Thuyết vô Thần. Theo quan điểm tôn giáo chính thống, con người là do Thần tạo ra, con người phủ định sự tồn tại của Thần cũng giống như vi khuẩn được nuôi trong đĩa thủy tinh ở phòng thí nghiệm mưu đồ phủ nhận sự tồn tại của con người vậy, là vô ích. Bởi vì từ phương pháp thực chứng của khoa học hiện đại, đối với việc chứng thực Thuyết vô Thần, cần phải yêu cầu phủ định sự tồn tại của Thần tại tất cả phạm vi thời gian và không gian trong toàn vũ trụ, điều này đương nhiên cũng bao gồm cả phạm vi không gian và thời gian mà con người vĩnh viễn không nhận thức được. Vũ trụ cụ đại, đa dạng, phức tạp như vậy, ai có thể bảo đảm được từ vĩ quan bao la tới vi quan vô hạn chỉ có con người là sinh mệnh cao cấp? Thậm chí ai có thể đảm bảo rằng hình thức tồn tại của sinh mệnh chỉ có thể dựa vào hình thức protein, axit amin mà chúng ta biết? Nói sâu thêm một bước nữa, vũ trụ học hiện đại cho rằng những vật chất tối chiếm 2/3 vũ trụ mà con người không thể quan sát, đo lường, tức là dù cho dùng hết kỹ thuật đo lường của nhân loại thì vẫn còn 2/3 vũ trụ chúng ta không hề biết. Vật lý lý luận hiện đại đưa ra lý luận về các tầng diện của thế giới, cho rằng vũ trụ của chúng ta không chỉ là không gian ba chiều như những gì chúng ta có thể cảm nhận được. Vậy thì ai có thể đảm bảo rằng không gian khác không có sinh mệnh cao cấp? Nếu không gian khác tồn tại sinh mệnh cao cấp, nếu họ có sự từ bi vượt rất xa so với con người, có đại trí huệ, ngộ được những chân lý của vũ trụ và có năng lực siêu phàm, vậy thì với con người mà nói, họ chẳng phải là Phật, Đạo, Thần sao? Do đó dù về logic hay về kỹ thuật mà nói, thì từ góc độ khoa học chứng minh Thuyết vô Thần là không thể làm được.

Điều cần chỉ ra là ở đây không phản đối bất kỳ một người nào tin thờ “Thuyết vô Thần”. Là một con người mà nói, tin Thần và không tin Thần lẽ ra nên là sự lựa chọn tự do không cần bàn cãi. Trong xã hội thông thường tín

ngưỡng hữu Thần và vô Thần hoàn toàn có thể cùng chung sống hòa bình. Nhưng khi chính phủ dùng thủ đoạn cưỡng chế nhồi nhét Vô Thần luận trong toàn xã hội, đàn áp tín ngưỡng vào Thần khiến mất đi tín ngưỡng của cả một xã hội, tất nhiên sẽ khiến thể hệ giá trị xã hội truyền thống vốn có mất đi chỗ dựa, từ đó dẫn tới toàn xã hội trượt xuống vũng bùn của chủ nghĩa vật chất, chủ nghĩa túng dục.

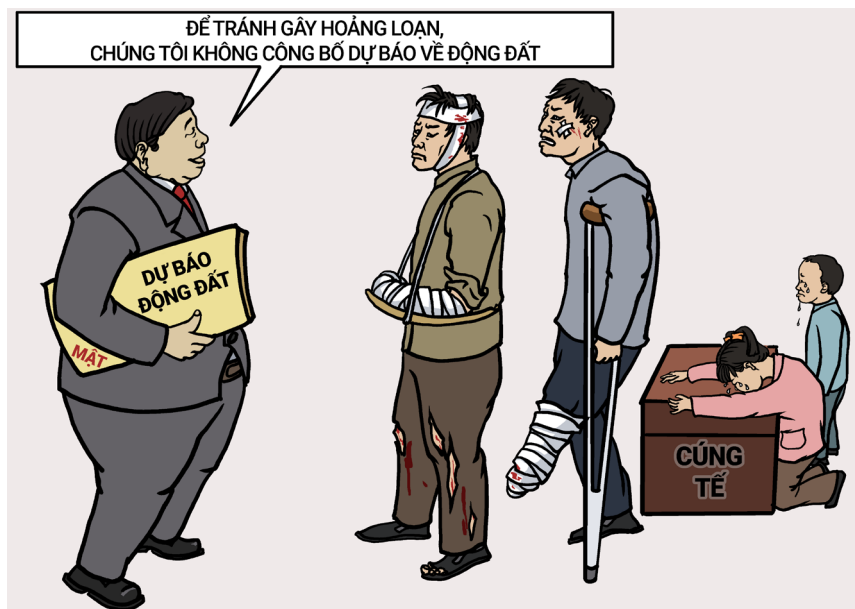
II.4-5 – Trung Cộng không coi trọng “khoa học”, chủ nghĩa Marx phản tự nhiên

Dù Trung Cộng tô trát cho mình thành vệ sỹ bảo vệ khoa học, còn đặc biệt mua chuộc một lô những chuyên gia “phản ngụy khoa học”, các cuộc “phản đối mê tín, phản đối ngụy khoa học” do chính phủ cấp vốn cực lực tuyên truyền, giọng điệu của nó còn cao hơn bất kỳ một quốc gia phương Tây có khoa học phát triển nào, nhưng cũng không thể che đậy được bản chất phản quy luật tự nhiên của Trung Cộng về cả lý luận và thực tiễn.

Năm 2006, tròn 30 năm động đất tại Đường Sơn, một bản báo cáo dài có tên “Đường Sơn cảnh thế lục” (Ghi chép về cảnh báo tại Đường Sơn) mới được công bố vào tháng 01 đầu năm đã bị bộ tuyên truyền của Trung Cộng ngấm ngấm hạ lệnh tiêu hủy. Bởi vì trong sách đã tiết lộ rằng trước trận động đất lớn, nhân viên công tác khoa học kỹ thuật của Trung Quốc đã nhiều lần dự báo chính xác tai họa sắp tới.

Nhưng lúc đó chính quyền Trung Cộng đang hỗn loạn, sự ổn định chính trị cao hơn tất cả, không ai dám báo lên hoặc công bố dự báo về trận động đất. Chỉ có một ngoại lệ duy nhất là có một người thuộc ban khoa học huyện Thanh Long, tỉnh Hà Bắc trong một trường hợp không chính thức đã nhận được báo cáo dự báo về vụ động đất của một nhân viên kỹ thuật cục dự báo động đất quốc gia, anh ta đã thông báo vụ động đất này cho từng người trong huyện. Do đó, huyện Thanh Long tỉnh Hà Bắc, cách Đường Sơn chỉ 115 km, nhưng trong trận

động đất lớn vào năm 1976 không hề có một ai bị thiệt mạng. Kỳ tích này được coi là trường hợp được Ban quản lý công chúng Liên Hợp Quốc và Ban kế hoạch tổng hợp toàn cầu về khoa học thiên tai ghi chép lại.



Cho dù đã tới ngày nay, dưới sự thống trị của chính trị Trung Cộng, những việc vi phạm quy luật tự nhiên, phạm tội gây nguy hại cho tính mệnh, tài sản của nhân dân vẫn tiếp diễn không ngừng. Năm 2003, dịch SARS hoành hành toàn cầu, lần đầu tiên là vào tháng 11 năm 2002 bùng phát tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, nhưng lúc đó nội bộ Trung Cộng đang phải đối mặt với tranh chấp khi gặp vấn đề lãnh đạo đảng Giang Trạch Dân thoái vị ở đại hội ĐCSTQ lần thứ 16, vì ổn định chính quyền mà che giấu dịch bệnh, cuối cùng thì tuột mất cơ hội khống chế dịch bệnh phát tán trước dịp Tết khi mà lưu lượng phương tiện di chuyển đông đúc, khiến dịch SARS bùng phát trên toàn cầu. Ở đây đâu có chút hình bóng nào của thái độ khoa học?

Trong vòng mấy chục năm Trung Cộng đều chạy theo thành tích, vì mục tiêu chính trị điên cuồng mà làm ra vô số chuyện xuẩn ngốc phản lại quy luật tự nhiên, cuối cùng người gặp tai ương lại là người dân Trung Quốc. Ví như việc “triển khai” công trình Tam Hiệp chính là buổi biểu diễn “quyết sách khoa học” thể hiện chính trị cao hơn tất cả do Trung Cộng đạo diễn. Năm 1986, Trung Cộng quyết định tiến hành “biện luận” về công trình Tam Hiệp và hy vọng thông qua công trình vĩ đại xuyên thế kỷ này “thể hiện một cách toàn diện thành tựu của cuộc cải cách mở cửa”, triển hiện năng lực điều khiển tự nhiên của Trung Cộng, nhằm giải thích cho tính hợp pháp cầm quyền của mình. Cho nên giáo sư Hoàng Vạn Lý, chuyên gia thủy lợi nổi tiếng, người phản đối triển khai công trình, đã bị người ta cố tình không mời tham gia buổi “biện luận” cho công trình. Hoàng Vạn Lý đã vài lần viết thư cho lãnh đạo, thống thiết nói rằng công trình Tam Hiệp sẽ vô cùng nguy hại. Ông còn chỉ ra, báo cáo biện luận được công bố có vô vàn lỗ hổng, nên kịp thời dừng cương trước vực thẳm, mà thẩm tra lại từ đầu. Trung Cộng không hề có bất kỳ hồi đáp gì. Khi việc “biện luận” cho tính khả thi của công trình Tam Hiệp sắp kết thúc, vừa hay đụng phải sự kiện ngày 4 tháng 6 năm 1989, có những nhân sỹ phản đối công trình Tam Hiệp đã bị bắt vào tù, những phe phái phản đối khác cũng vì thế mà bị đàn áp. Kết luận của báo cáo của tổ biện luận môi trường sinh thái lúc đó là: Ảnh hưởng của công trình Tam Hiệp tới môi trường sinh thái là “Hại nhiều hơn lợi”. Ngoài ra ủy ban Khoa học Môi trường viện khoa học Trung Quốc, văn phòng nhóm lãnh đạo Tam Hiệp thuộc viện khoa học cũng có một nhóm chuyên gia phản đối triển khai công trình Tam Hiệp. Điều này đương nhiên không phải là chuyện khiến Trung Cộng vui mừng, cho nên vào ngày 06 tháng 07 năm 1990, trong cuộc họp báo cáo luận chứng về công trình Tam Hiệp do Chính phủ triệu tập, Phan Gia Tranh, người phụ trách kỹ thuật nhóm lãnh đạo luận chứng về tính khả thi của công trình, thay đổi kết luận “hại nhiều hơn lợi” của nhóm môi trường sinh thái biện luận về công trình Tam Hiệp trở nên lập lờ nước đôi như sau: “Ảnh hưởng tới môi trường sinh thái của công trình Tam Hiệp sâu rộng và

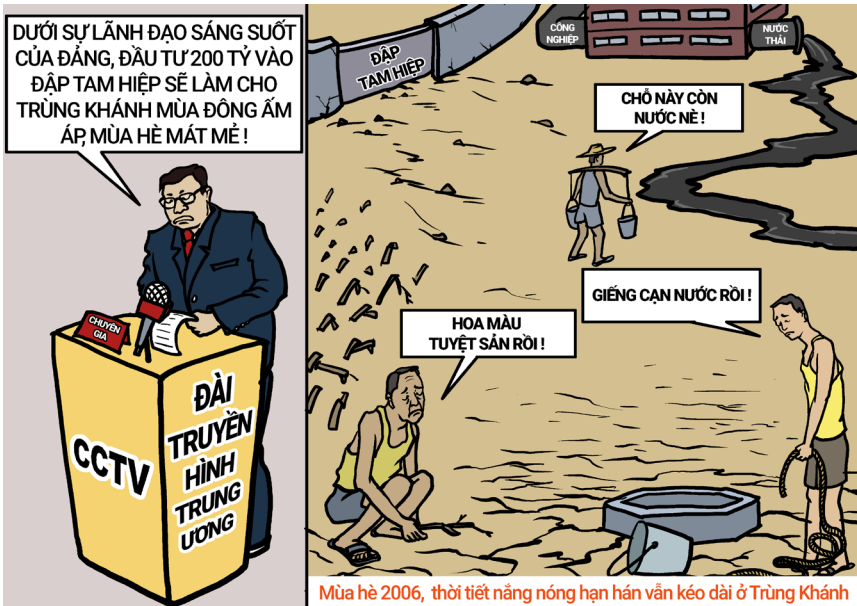
lâu dài”. Sau đó ủy ban thủy lợi Trường Giang đã viện cớ về thiếu sót trong trình tự thủ tục, cụ thể là đại cường báo cáo của nhóm biện luận môi trường nguyên sinh thái chưa báo cáo lại cho Cục Bảo vệ Môi trường Quốc gia phê chuẩn, mà phủ định báo cáo này. Chỉ một thời gian ngắn ngủi, sáu tháng sau, trong báo cáo viết lại, kết luận lại thành “lợi nhiều hơn hại”. Tháng 03 năm 1991, lãnh đạo Trung Cộng là Giang Trạch Dân ban hành chỉ thị: “Xem ra tuyên truyền về Tam Hiệp có thể dùng cách mưa dầm thấm lâu, tiến hành chút tuyên truyền chính diện rồi, cũng nên bắt đầu chuẩn bị một chút”. Cuối năm 1991 và đầu năm 1992, truyền thông Trung Quốc ồ ạt báo cáo một cách tích cực về công trình Tam Hiệp, còn những lời phản đối lại hoàn toàn bị trấn áp.

Ngày 17 tháng 05 năm 2000, giáo sư Trương Quang Đẩu, người hết sức ủng hộ chủ trương triển khai công trình, sau khi phát hiện ra sai sót rằng hồ chống lũ của công trình Tam Hiệp trên thực tế không thể đạt được tiêu chuẩn thiết kế, đã dạn đi dạn lại chủ nhiệm văn phòng Ban xây dựng công trình Tam Hiệp: “Chuyện này nhất quyết không thể công khai ra ngoài xã hội.” (Cuốn tạp chí *“Thăm dò về Tam Hiệp”* Kỳ thứ 27)

Ngoài ra, các chuyên gia trong nước và hải ngoại đã chỉ ra, mức độ phá hoại môi trường sinh thái công trình Tam Hiệp vượt quá xa so với lợi ích kinh tế của nó, chỉ riêng tổn thất tạo thành do nước trong hồ nước Tam Hiệp khiến cho dòng nước chậm lại, khả năng tự làm sạch của nước yếu đi, chất lượng nước kém đi, vượt quá so với thu nhập kinh tế mang lại từ phát điện của công trình Tam Hiệp. Trương Quang Đẩu, chủ nhân, người phê duyệt chính về môi trường trong công trình Tam Hiệp sau khi triển khai công trình vào năm 2000 lại phát hiện khu hồ Tam Hiệp bị ô nhiễm gây ra vấn đề rất nghiêm trọng, ông đã từng kiến nghị bên trên cấp tiền để xử lý vấn đề trên. Ông ước tính phải cần tới 300 tỷ Nhân dân tệ (*Tạp chí “Thăm dò về Tam Hiệp”* kỳ thứ 27). Điều cần chú ý là tổng đầu tư của công trình Tam Hiệp là 180 tỷ Nhân dân tệ. Do công trình này sinh quá nhiều vấn đề, dẫn tới sau này Trung Cộng không còn ai muốn gánh trách nhiệm này. Tháng 05 năm 2006, công trình xuyên thế kỷ này

hoàn công, nhưng không một vị lãnh đạo nào của Trung Cộng tham dự buổi lễ.

Với Trung Cộng, “khoa học” và “nhà khoa học” đều chỉ là nô tài phải nghe theo yêu cầu của chính trị, khi không cần đến thì có thể đánh ngã ngay trên mặt đất, tùy ý chà đạp, đến khi cần đến lại trở thành cây gậy để tấn công những ý kiến bất đồng. Một mặt, những nhà khoa học dám nói lời thật, có nhân cách độc lập như Hoàng Vạn Lý, dưới sự thống trị của Trung Cộng thì chỉ có thể ôm hận suốt đời. Mặt khác, lại có một nhóm “nhà khoa học” giỏi thích ứng với khẩu vị của Trung Cộng, như Phan Gia Tranh, Trương Quang Đầu đã nhắc ở phía trên, đều vì “biết nghe lời” mà được trọng dụng. Khi Trung Cộng cần “giới khoa học” ủng hộ nhằm trấn áp các tín ngưỡng dân gian như Pháp Luân Công, hai người đó lại lắc mình biến thành cái gọi là người khởi phát của “Hiệp hội phản tà giáo Trung Quốc”.



Bộ tuyên truyền có phòng khoa học, quản những vấn đề hình thái ý thức trong lĩnh vực khoa học, hiện nay Hà Tộ Hữu, kẻ tiên phong trong “phản nguy

khoa học” của Trung Cộng, trong những năm 50 của thế kỷ trước đã từng là “đại tướng” của phòng đó. Thế kỷ trước, phòng khoa học thuộc Bộ Tuyên truyền đã đẩy lên cái gọi là phê phán “ngụy khoa học”, làm ra hết cuộc vận động này đến cuộc vận động khác, hầu như lan tới tất cả mọi môn học về khoa học tự nhiên. Ví dụ như phê phán Học thuyết gen của Morgan, phê phán di truyền học của Mendel, phê phán kiến trúc học của Lương Tư Thành, phê phán nhân khẩu học của Mã Dân Sơ, phê phán một vài lý luận của cơ học lượng tử, phê phán Thuyết tương đối, phê phán Thuyết khống chế, v.v. Điển hình như Thuyết khống chế bị phê phán thành mưu đồ dùng “quan điểm thuần kỹ thuật để giải thích hiện tượng xã hội, từ đó mà che đậy đi nguyên nhân căn bản của sự hủ bại và sự suy tàn của xã hội giai cấp tư sản”, Einstein bị nói thành “kẻ phản động lớn nhất trong giới học thuật của giai cấp tư sản trong giới khoa học tự nhiên”, còn Thuyết tương đối thì bị nói thành “từ đầu chí cuối đều là siêu hình học chủ nghĩa duy tâm”; Thuyết Big Bang vụ nổ lớn trong vũ trụ và vũ trụ học hiện đại là “điển hình của chủ nghĩa duy tâm trong lĩnh vực học thuật”, là “cung cấp luận chứng mới cho tôn giáo và khoa học”, v.v.

Mấy chục năm nay Trung Cộng giết người, làm ra các cuộc vận động đều có lý do đường hoàng, chính là vì xây dựng cái gọi là “thiên đường nhân gian” của Chủ nghĩa cộng sản. Nhưng “Lý luận Chủ nghĩa cộng sản” — kinh điển “khoa học” mà Trung Cộng tung hô, trên thực tế lại đúng là thứ tà thuyết méo mó đi ngược lại với quy luật tự nhiên. Theo lý luận của Chủ nghĩa cộng sản, cái gọi là Chủ nghĩa cộng sản là “hình thái cao nhất” của xã hội nhân loại, cơ sở lý luận của nó là thông qua sự phát triển cao độ của sức sản xuất, của cải vật chất cực kỳ phong phú, đạt tới mức thiên hạ đại đồng “phân phối theo nhu cầu”. Nhưng điều bất hạnh là dục vọng của con người thì không có giới hạn nhưng tài nguyên thiên nhiên lại hữu hạn.

Năm 1972, câu lạc bộ Rome do những chuyên gia uyên bác trên toàn cầu tổ chức đã phát biểu bài nghiên cứu nổi tiếng “Giới hạn cực điểm của tăng trưởng” đã chỉ ra sức sản xuất của con người không thể tiếp tục tăng trưởng

một cách không hạn chế, lần đầu tiên kêu gọi được sự quan tâm rất lớn của nhân loại về vấn đề môi trường và phát triển. Ngay những năm 80 của thế kỷ trước, trong bản báo cáo có sức ảnh hưởng trên toàn cầu với chủ đề “Tương lai chung của chúng ta” do “Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới” của Liên Hợp Quốc phát biểu đã chỉ ra rằng: Khủng hoảng môi trường, khủng hoảng nguồn năng lượng và khủng hoảng phát triển không thể tách rời nhau; tài nguyên và nguồn năng lượng của trái đất còn xa mới có thể thỏa mãn yêu cầu phát triển của nhân loại. Căn cứ theo đó, báo cáo đã chỉ ra khái niệm “có thể tiếp tục phát triển”. Nói cách khác, nói là do mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển của con người và tài nguyên hữu hạn của trái đất, đạt được cái gọi là sự phong phú cực đại về vật chất của cái “phân phối theo nhu cầu” là điều không thể. Khi Marx nêu ra lý luận Chủ nghĩa cộng sản, nhân loại đang ở thời kỳ đầu công nghiệp hóa, nhận thức về mối quan hệ giữa con người và môi trường vô cùng kém. Đảng Cộng sản lại dùng lý luận “Chủ nghĩa cộng sản” do Marx đề ra vào hơn 100 năm trước là chân lý chuẩn cho cả bốn bề, điều này bản thân nó là thái độ ngu xuẩn và phục tùng mù quáng.

II.4-6 – Việc nhà khoa học tin vào Thần không hề là trở ngại ngăn cản thành tựu khoa học của họ

Khi Giang Trạch Dân viếng thăm nước Mỹ đã hỏi tổng thống Clinton của Mỹ: Vì sao khoa học nước Mỹ lại phát triển như vậy mà vẫn có nhiều người tín ngưỡng tôn giáo? Đây chính là một trong những ví dụ điển hình cho sự ngu dốt vô tri của nhà lãnh đạo Trung Cộng. Kỳ thực, mỗi một người Trung Quốc cũng nên hỏi Trung Cộng xem nó dốc toàn lực để nhồi nhét khoa học hiện đại, tuyên truyền cái gọi là “Thuyết vô Thần khoa học” mấy chục năm nay, vì sao đường đường một nước lớn với 1,3 tỷ dân lại không có lấy một người đạt giải Nobel? Ngược lại, những người Hoa tại hải ngoại đạt giải Nobel lại vừa khớp là đều chưa từng bị Trung Cộng nhồi nhét? Kỳ thực chính là do Trung

Cộng nhốt hết khoa học hiện đại, hoàn toàn không phải là vì phát triển khoa học kỹ thuật của Trung Quốc, thực chất là vì đàn áp tín ngưỡng, kìm kẹp tự do tư tưởng. Nhưng điều cần cho sáng tạo khoa học chính là một môi trường tư tưởng tự do. Phương thức nhốt hết của Trung Cộng lại cực lực đối lập với khoa học và tín ngưỡng, hình thành một lối tư duy cứng nhắc trong đầu óc nhân dân, cho rằng tín ngưỡng vào Thần nhất định sẽ dẫn đến sự ngu dốt, dẫn đến “phản khoa học”, miêu tả những tín đồ tôn giáo là một nhóm người bị lừa gạt, văn hóa chẳng có là mấy và tìm kiếm sự an ủi tâm linh.

Trên thực tế, lần giở lịch sử chúng ta sẽ thấy được rằng, những nhà khoa học vĩ đại trong thời kỳ khoa học phát triển đỉnh cao, gồm Copernicus, Descartes, Galileo và Newton đều tự xưng mình tuyệt đối tin vào Sáng Thế Chủ, cho rằng thế giới này, kiệt tác của Thần là có quy tắc khuôn phép mà cần phải tuân theo, đang đợi các nhà khoa học đi phát hiện chứng thực. Nghiên cứu khoa học và tín ngưỡng vào Thần của cá nhân không phải là mối quan hệ như nước với lửa mà Đảng Cộng sản tuyên truyền. Có một sự thực không thể phủ nhận được là, có một lượng lớn những nhà khoa học lớn lưu danh sử sách là người “hữu Thần luận” có tín ngưỡng tôn giáo, như Kepler – người đặt nền móng cho thiên văn học hiện đại, Boyle- nhà tiên phong của hóa học hiện đại, Faraday – người phát hiện ra nguyên lý điện phân, Morse – nhà phát minh ra điện báo, Maxwell – người tổng hợp lý luận điện từ, Jun – người phát hiện ra sự tương đương giữa cơ và nhiệt, Dalton – người được vinh danh là cha đẻ của lý luận nguyên tử, Mendel – người đặt nền móng cho di truyền học hiện đại, Fleming – người phát minh ra thuốc kháng sinh Penicillin, Pasteur – người sáng lập ra ngành vi sinh vật học, họ đều là những tín đồ tôn giáo rất thành kính.

Một điều đáng nhắc tới là Newton – bậc thầy của vật lý cổ điển, là một tín đồ Cơ Đốc thành kính, Trung Cộng không thể che đậy một sự thật được cả thế giới công nhận, cho nên trong sách giáo khoa cố ý nói thành những năm cuối đời Newton đã dẫn thân vào tôn giáo và do vậy không có thêm sáng tạo gì,

khiến con người hiểu lầm rằng rất nhiều phát hiện khoa học những năm đầu được dẫn dắt bởi thế giới quan của “Thuyết vô Thần”, còn những năm cuối đời họ tín ngưỡng tôn giáo đã gây trở ngại cho việc sáng tạo khoa học. Nhưng sự thực là Newton đã sớm là một tín đồ Cơ Đốc trước khi làm việc nghiên cứu khoa học rất lâu, mà cả đời ông tín ngưỡng vào Thần không hề thay đổi. Khi Newton còn học tại trường Cambridge, ông đã là một tín đồ Cơ Đốc thành kính. Ông thường hay viết những lời cầu nguyện của mình vào những chỗ trống trong sổ tay hay sách vở, thậm chí đến nay vẫn còn lưu giữ rất nhiều trong viện bảo tàng Anh. Ông cũng thường cùng với người bạn cùng phòng tên là Andrew Wiggins ra ngoài phân phát Thánh kinh cho người nghèo, gửi phúc âm tới cho họ. Cho nên ngoài tiền thuê phòng và tiền ăn, tiền mua kính sách để phân phát đã trở thành chi phí lớn nhất trong cuộc sống thời học sinh của ông.

Thậm chí những suy ngẫm về khoa học của Newton cũng có mối quan hệ không thể tách rời với những lời cầu nguyện trong cuộc sống của ông. Ông thường nghĩ tới khoa học trong dòng suy nghĩ về tín ngưỡng, trong dòng suy nghĩ về khoa học ông cũng nhớ tới tín ngưỡng. Đến nỗi sau này giáo sư Manuel khoa lịch sử trường đại học New York trong cuốn “Newton truyện” của mình đều nói: “Khoa học cận đại khởi nguồn từ những mặc niệm của Newton về Thượng đế.”



COPERNICUS

GALILEO



NEWTON

Theo tiến sỹ Harriet Chad Zuckerman của trường Đại học Columbia nước Mỹ, năm 1977 trong tài liệu thống kê nổi tiếng của mình “Anh tài khoa học – những người đoạt giải Nobel nước Mỹ”, từ khi thiết lập giải Nobel năm 1901 đến nay, trong 286 nhà khoa học đã đạt giải khoa học của nước Mỹ, 73% người đạt giải là tín đồ Cơ Đốc, 19% là tín đồ Do Thái. Richard Feynman – nhà vật lý học nổi tiếng từng đoạt giải Nobel đã nói: “Rất nhiều nhà khoa học quả thực vừa tin tưởng khoa học vừa tin vào Thượng đế, mà hai điều này lại có thể thống nhất một cách hoàn mỹ.” Von Braun – nhà khoa học hàng không hiện đại đã từng viết một đoạn như sau, có lẽ có thể coi là lời giải thích cho Feynman: “Sự thần kỳ vô biên của vũ trụ chỉ có thể chứng thực đức tin của chúng ta rằng, chắc chắn có Đấng sáng thế. Tôi phát hiện ra rằng, việc lý giải một nhà khoa học không thừa nhận tính siêu thường của vũ trụ và một nhà thần học phủ nhận sự tiến bộ của khoa học đều khó như nhau”.

II.4-7 – Khoa học thực chứng không phải là phương thức duy nhất khám phá về quy luật của vũ trụ

Ngày 01 tháng 03 năm 1994 khi chính thức bắt đầu khai quật tượng binh mã hầm số 2 của Tần Thủy Hoàng, các nhà khoa học khảo cổ đã phát hiện một lò kiểm đồng xanh trong hầm thứ 2, trên thanh kiểm có 8 hình lăng diện. Nhà khảo cổ học dùng thước kẹp đo đạc phát hiện 8 hình lăng diện chỉ sai lệch không đến một sợi tóc. 19 thanh kiểm đồng xanh đã được khai quật, thanh nào cũng như vậy. Điều càng khiến con người thấy kỳ lạ là chúng vùi sâu trong đất sét đã hơn 2.000 năm vậy mà khi được khai quật vẫn sáng bóng như mới, sắc bén vô cùng. Sau khi nhân viên nghiên cứu khoa học kiểm nghiệm, thì phát hiện trên bề mặt thanh kiểm có một tầng hợp chất crom dày 10 micro-met. Phát hiện này lập tức chấn động thế giới, bởi vì cách xử lý oxy hóa crom này là công nghệ tiên tiến đến thời cận đại mới xuất hiện, lần lượt phát minh tại Đức năm 1937, tại Mỹ năm 1950 và đã được cấp quyền sở hữu sáng chế.

Có một sự trùng hợp kỳ lạ là khi nhân viên khảo cổ dọn dẹp hầm số 1 của Tần Thủy Hoàng lần thứ nhất đã phát hiện một thanh đồng xanh bị một bức tượng gốm nặng tới 150 kg đè cong, độ cong của nó vượt quá 45 độ, sau khi mọi người di chuyển bức tượng gốm đi thì một kỳ tích khiến người ta phải kinh ngạc đã xuất hiện: một thanh kiếm bằng đồng xanh vừa hẹp vừa mỏng trong nháy mắt đã đàn hồi thẳng trở lại, khôi phục lại một cách tự nhiên. “Hợp kim nhớ được hình trạng” trong mơ của các nhà luyện kim học đương đại lại xuất hiện trong hầm mộ cổ đại hơn 2.000 năm trước. “Hợp kim nhớ được hình trạng” ngày nay có rất nhiều tác dụng, ngay cả áo ngực của phụ nữ cũng dùng tới, cũng chính là “gọng ôm giữ hình trạng”, nhưng nào ai nghĩ tới, văn minh khoa học những năm 80 thế kỷ trước vì sao lại xuất hiện vào hơn 200 năm trước Công nguyên.

Chúng ta hãy thử đặt một giả thiết, giả như kỹ thuật đúc kim thân kỳ kể trên hoàn toàn không hề lưu trên vật thể thực mà chỉ là ghi chép trong sách cổ của Trung Quốc. Hơn nữa trong khi nhân loại hiện đại chúng ta ở đầu thế kỷ trước cũng chưa phát minh ra kỹ thuật tương tự thì lại phát hiện ra những ghi chép trong sách cổ này. Theo cái mà Trung Cộng gọi là quan điểm “kế thừa một cách phê phán” văn minh cổ đại Trung Quốc rằng: kỹ thuật mà ngay cả người hiện đại cũng không thể thực hiện được lại xuất hiện trong sách cổ, thì đó nhất định là “mê tín” hoặc “tưởng tượng nghệ thuật”. Đồng thời những kẻ tay sai “phản nguy [khoa học]”, “chống giả” cũng nhất định sẽ trích dẫn căn cứ, luận chứng cho lời lẽ dối trá của nó.

Trên thực tế, đây chính là do Trung Cộng nhồi nhét khoa học hiện đại một thời gian dài khiến cho mọi người có biểu hiện tư duy cứng nhắc sùng bái khoa học hiện đại thực chứng là chân lý duy nhất. Những người chịu ảnh hưởng của tư tưởng này sẽ nhất loạt bài xích những lĩnh vực khoa học chưa được khám phá, những hiện tượng không thể giải thích được, thậm chí còn chụp lên cái mũ “nguy khoa học” và “mê tín”.

Khoa học kỹ thuật cổ đại Trung Quốc hoàn toàn không đi theo con

đường khoa học thực chứng của phương Tây, nhưng có thể căn cứ vào đó mà coi đó là hoang đường? Từ trong giả thiết nêu trên, chúng ta không khó nghĩ được rằng trong di sản văn hóa tổ tiên Hoa Hạ mấy nghìn năm lưu lại biết bao nhiêu bao nhiêu những cái gọi là “mê tín” ấy, nhất định cũng có những tinh túy văn minh cổ đại mà khoa học hiện đại không thể nhận thức được. Trung y cổ đại đã phát hiện ra kinh lạc, phát minh ra châm cứu, ngày nay khoa học hiện đại đã áp dụng các phương pháp như đo lường điện trở da để chứng thực sự tồn tại khách quan của kinh lạc và huyết vị, tác dụng của Trung y cũng được Tổ chức Y tế Thế giới thừa nhận và đánh giá cao. Kinh mạch, huyết vị của cơ thể người thực tế là một đặc trưng của sinh mệnh, chỉ thể hiện trên thân người sống, sự vận hành của kinh lạc cũng chịu ảnh hưởng của tinh thần con người, hơn nữa hầu như không có đặc trưng kết cấu giải phẫu. Theo con đường khoa học thực chứng, dùng phương pháp giải phẫu của Tây y là căn bản không thể nào phát hiện được. Đặc biệt là người xưa còn dùng ngũ hành sinh khắc trong thiên can địa chi đã phát hiện ra quy luật huyết vị đóng mở và năng lượng thay đổi theo thời gian, từ đó mà ứng dụng vào trị liệu lâm sàng và thu được hiệu quả trị liệu rõ rệt. Đây càng là điều mà Tây y lấy giải phẫu làm cơ sở khó có thể có hi vọng theo kịp. Thực tế cổ nhân Trung Quốc đã thông qua đã tọa tu luyện mà quan sát được sự vận hành của kinh mạch. Lý Thời Trân thời Minh trong “Kỳ kinh bát mạch khảo” đã nói: “Nội cảnh toại đạo, duy phản quan giả năng chiếu sát chi” (*Đường ngắm nội cảnh duy chỉ có quan sát ngược lại mới có thể*



quan sát được nó). Khoa học cổ đại Trung Quốc chú trọng “Thiên nhân hợp nhất”, coi thân thể vật chất của con người, tinh thần của con người và toàn vũ trụ là một thể hữu cơ mà trực tiếp tiến hành nghiên cứu tổng thể.

Điều hiển nhiên là một khi cần đưa hoạt động tinh thần của bản thân nhân loại vào hoàn cảnh chỉnh thể của đối tượng mà nghiên cứu, thì những biện pháp như quá trình thí nghiệm lặp lại, phân tích hoàn nguyên mà khoa học thực chứng cần đều không còn thích hợp. Từ điểm này mà xét, những người vung cây gậy khoa học thực chứng đánh vào văn hóa tu luyện truyền thống của Trung Quốc, tự coi là mình nắm vững chân lý, trên thực tế lại chính là bị Văn hóa đảng che mắt hoàn toàn, họ đã làm tôn giáo hóa, uy quyền hóa, thậm chí là chính trị hóa khoa học hiện đại.

II.4-8 – Tính hạn chế của khoa học thực chứng

Do khoa học hiện đại đã thẩm thấu vào hầu như mọi lĩnh vực có liên quan tới cuộc sống của con người, điều này khiến Trung Cộng rất dễ dàng dùng phương thức tư duy cứng nhắc để nhồi nhét khoa học hiện đại, đến nỗi rất nhiều người đã coi khoa học hiện đại cũng giống như chân lý một cách không tự biết, còn “không khoa học” lại trở thành một danh từ đồng nghĩa với sai lầm. Trên thực tế từ khoa học (Science) bắt nguồn từ trong chữ La tinh “Scientia”, nghĩa nguyên gốc là “học vấn”, căn bản là chuyện khác với chân lý. Nói rộng ra, khoa học chính là phương pháp thăm dò và không ngừng tiếp cận với quy luật của vũ trụ mà từ đó hình thành thể hệ tri thức. Khoa học hiện đại là một bộ phương pháp và thể hệ tri thức của nó. Khoa học hiện đại là lấy hình thức logic và phương pháp thực chứng làm cơ sở để nhận thức và tìm kiếm quy luật của thế giới vật chất, ở đây chúng tôi gọi nó là khoa học thực chứng. Từ nghĩa này mà giảng, khoa học thực chứng hoàn toàn không đồng nghĩa với chân lý cuối cùng, nó lẽ ra nên luôn sẵn sàng chuẩn bị tiếp thụ kiểm nghiệm của sự thực mới, thuận theo sự phát triển nhận thức của con người và phát triển của bản

thân sự vật. Đồng thời chúng ta cũng không thể đảm bảo rằng phương pháp tìm kiếm của khoa học thực chứng hiện đại là phương pháp duy nhất để tìm kiếm chân lý của vũ trụ.

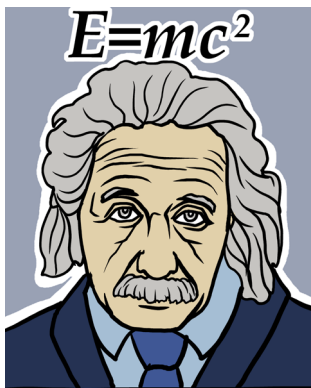
Đồng thời với sự phát triển nhanh chóng, khoa học hiện đại cũng đã dần dần mang tới cho nhân loại nhiều vấn đề đau đầu. Một lớp những nhà khoa học có tầm nhìn xa đã bắt đầu nhận thức được giới hạn của khoa học hiện đại. Cơ sở triết học của khoa học thực chứng đến từ phương Tây, là phân chia một thế giới hoàn chỉnh thành hai phạm trù độc lập: vật chất và tinh thần, do đó mà quan niệm về tự nhiên được thiết lập đã phân tách con người và tự nhiên, con người và thế giới, tâm và vật. Hậu quả của nó chính là không thể chứng minh được bản chất của hoạt động tinh thần, mối quan hệ giữa tinh thần và vật chất, tác dụng của tinh thần với vật chất, mà sinh mệnh của con người là một thể hợp nhất giữa tinh thần và vật chất.



Như vậy, hoạt động tinh thần nằm ngoài tầm mắt của khoa học thực chứng hiện đại, đạo đức lại chỉ là thuyết giáo thuần túy không có cơ sở vật chất, con người và tự nhiên cũng không còn là một thể hoàn chỉnh. Một trong những hậu quả của nó chính là sự đối lập giữa con người và tự nhiên. Sự phát triển của khoa học do con người đóng vai trò chủ đạo lại có tính mù quáng rất lớn. James Watt phát minh ra động cơ hơi nước, từ đó đã khởi phát Cách mạng Công nghiệp mang lại một thời đại mới sử dụng nguồn năng lượng nhiên liệu hóa thạch với quy mô lớn. Ai cũng không thể nghĩ được rằng nhân loại 200 năm sau sẽ vì vậy mà rơi vào khó khăn do hiệu ứng nhà kính. Thuốc sát trùng nhân tạo DDT từng được cho là phúc của nhân loại, bởi vì có thể khiến cho mùa màng tránh được sâu hại, nhưng điều mà người ta không nghĩ tới là, một số năm về sau côn trùng sản sinh ra tính kháng thuốc, mà trong đồ ăn của con người lại phát hiện thấy DDT, điều làm người ta sợ hãi hơn là trong cơ thể thanh thiếu niên, thậm chí trong sữa mẹ cũng phát hiện được DDT. Còn cô-ca-in lại là loại thuốc công hiệu dùng gây mê cục bộ trong lâm sàng, vì phát hiện ra nó mới có nhiều hơn những sinh mệnh được cứu ở phòng mổ. Nhưng ngày nay số người hút cô-ca-in đã lên đến hàng chục triệu, chúng ta thậm chí có thể nói một cách không hề quá: Cô-ca-in hủy diệt sinh mệnh còn nhiều hơn cả số người nó cứu được. Khi Einstein phát hiện ra phương trình chuyển hóa giữa năng lượng và khối lượng ($E=MC^2$), ông tuyệt đối không nghĩ tới vài chục năm sau “uy hiếp hạt nhân” lại trở thành thanh gươm Damocles treo lơ lửng trên đầu nhân loại.

Einstein từng nói: “Khoa học là một công cụ có sức mạnh. Dùng nó như thế nào, tốt cuộc là nó mang lại hạnh phúc hay mang lại tai nạn cho con người, hoàn toàn quyết định ở bản thân mình, chứ không quyết định bởi công cụ.” Theo Einstein, khoa học đối với nhân loại là phúc hay là họa, không thể giải quyết từ bản thân khoa học, chỉ con người tự mình mới có thể giải quyết. Về điểm này thì ông nghĩ, ngoài tôn giáo truyền thống ra còn có điều gì có thể tốt đẹp phù hợp hơn? Ông nói: “Nếu chúng ta cắt bỏ hết thảy tất cả những thứ sau

này phụ thêm vào, đặc biệt là những thứ mà các giáo sỹ truyền giáo đó thêm thắt vào trong Do Thái giáo vốn được những nhà tiên tri kiến lập và Cơ Đốc giáo do Jesus truyền, vậy thì sẽ lưu lại những giáo nghĩa có thể chữa trị mọi bệnh tật của xã hội nhân loại.” Tại đây Einstein đã nhận thức được sự giới hạn bởi việc khoa học hiện đại tách rời tinh thần và vật chất mang tới.



EINSTEIN

Đối với người dân bình thường, đặc biệt là rất nhiều người dân do bị Trung Cộng nhồi nhét Văn hóa đảng mà tin rằng khoa học hiện đại không gì là không thể làm được, thì đều chưa nhận thức được đủ các loại khủng hoảng mà sự phát triển của khoa học hiện đại mang lại cho nhân loại. Rất nhiều những nhà khoa học tinh táo đã nhận thức được vấn đề này. Năm 1992, Liên Hợp Quốc đã tổ chức Hội nghị Môi trường và Phát triển thế giới tại Rio de Janeiro thuộc Brazil,

với sự tham dự của các nguyên thủ quốc gia. Một bức thư có chữ ký của hơn 120 người đoạt giải Nobel đã được đưa tới hội nghị, khiến mọi người bình tĩnh. Trong bức thư viết: “Nhân loại và tự nhiên đã ở vào thế xung đột mãnh liệt. Những hoạt động của nhân loại đã phá hoại nghiêm trọng môi trường và những tài nguyên trọng yếu, mà kiểu phá hoại này thường thường là không thể khôi phục lại. Nếu không kiểm điểm lại thì rất nhiều hoạt động của chúng ta sẽ đặt tương lai của xã hội nhân loại và vương quốc của các loài động thực vật mà chúng ta hy vọng vào tình thế cực kỳ nguy hiểm. Hơn nữa có thể còn khiến cả thế giới sinh mệnh này trở thành một thế giới không thể duy trì bất kỳ phương thức sinh mệnh nào mà chúng ta biết. Nhằm tránh những xung đột sắp tới, việc cải biến về bản chất (những hoạt động của con người) đã vô cùng cấp bách.”

Điều cần nói rõ là chúng tôi không có ý chỉ trích khoa học hiện đại. Việc chỉ ra sự hạn chế của khoa học hiện đại là nhằm làm rõ những hiểu lầm do Văn

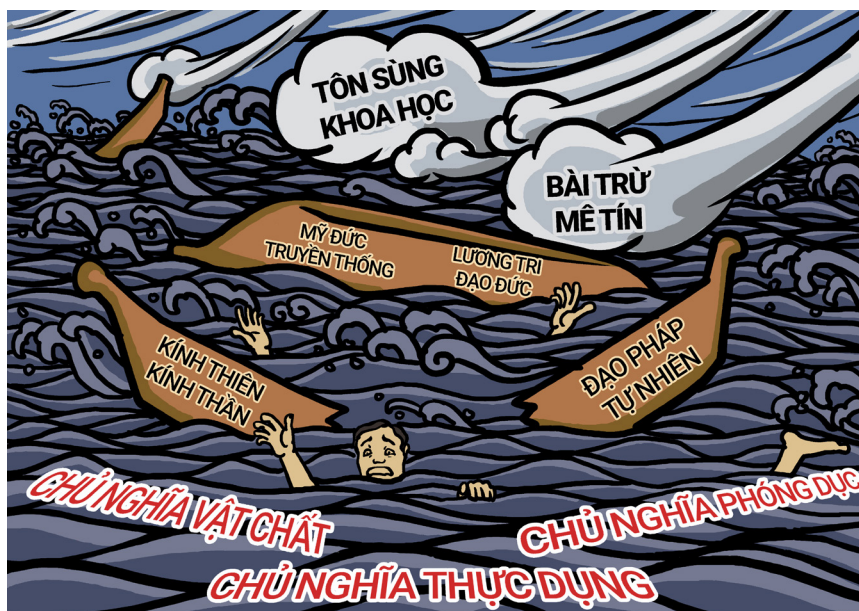
hóa đảng tạo thành, phơi bày mục đích thực sự của việc Trung Cộng nhồi nhét khoa học hiện đại chính là đàn áp tín ngưỡng, nhồi nhét Thuyết vô Thần, cuối cùng đạt được mục đích cải tạo tư tưởng.

§

VĂN HÓA TRUNG HOA 5.000 NĂM DỰA VÀO MỐI QUAN HỆ GIỮA TRỜI ĐẤT, Thần linh và con người mà xác lập một hệ thống những giá trị từ trên xuống dưới, kính sợ Thần minh, tin vào Thiên mệnh và thiện ác báo ứng, coi trọng việc thuận theo Thiên đạo, phần bốn quy chân là giá trị hạt nhân của Văn hóa truyền thống. Trung Cộng giương cao lá cờ lớn “tôn sùng khoa học”, “phá bỏ mê tín phong kiến”, hạ thấp những giá trị cốt lõi này cho là “cám bã phong kiến”, đồng thời thông qua thủ đoạn nhồi nhét Thuyết tiến hóa chưa qua chứng thực và nhồi nhét khoa học thực chứng đã bị phiến diện hóa, tôn giáo hóa, dựa vào bạo lực đấu tranh chính trị tàn khốc mà đạt được mục đích quảng bá Thuyết vô Thần và triết học đấu tranh. Mặc dù Trung Cộng ngày nay nhằm tô vẽ cho bộ mặt của nó cũng đành phải ra vẻ tôn sùng Văn hóa truyền thống, nhưng do cơ sở của Thuyết vô Thần đã được xác lập tại Trung Quốc, nên tín ngưỡng vào Thần hầu như đã trở thành sự “mê tín ngu muội” mà ai cũng chê cười. Dù nó tu sửa bao nhiêu đền chùa, thành lập bao nhiêu “Học viện Khổng Tử”, đưa ra bao nhiêu khẩu hiệu dễ nghe như “bát vinh bát nhục”, “xây dựng xã hội hài hòa” thì thần vận của văn hóa Trung Hoa sớm đã bị Trung Cộng xóa bỏ. Hình thức văn hóa mất đi giá trị nội hàm chỉ có thể giống như nước không có nguồn, cây không có cội.

Trung Cộng mượn oai bạo lực để cưỡng chế cải tạo tư tưởng của mọi người bằng “Thuyết vô Thần”. Văn hóa truyền thống kính Thiên kính Thần, đạo pháp tự nhiên hầu như đã bị Trung Cộng nhổ bật tận gốc, đến nỗi trật tự xã hội ngày nay cũng được duy trì chỉ nhờ vào chút quan niệm đạo đức truyền thống mà người già để lại, còn văn hóa và đạo đức thiếu hụt tín ngưỡng đã trở

nên nhột nhạt và yếu đuối, bất kỳ lúc nào cũng có thể bị Chủ nghĩa vật chất, chủ nghĩa công danh lợi lộc và chủ nghĩa túng dụng hoành hành tràn lan nhấn chìm một cách triệt để... Khi những giá trị đạo đức tốt đẹp của Hoa Hạ bị rửa sạch bong, khi tín ngưỡng thiện ác hữu báo bị hạ thấp tới mức không đáng giá một xu, con người không còn tìm kiếm giá trị của sinh mệnh, cũng không cần theo đuổi sự hoàn thiện về nhân cách, trong tâm người ta không còn một chút kiêng dè kiêng kỵ gì, chỉ còn lại “sự phóng túng”, “sống vì trước mắt”, sự thỏa mãn của cảm quan và sự theo đuổi vô độ với dục vọng. Kết quả việc cải tạo tư tưởng của Trung Cộng đã khiến tâm linh người Trung Quốc không còn chốn về, khiến dân tộc Trung Hoa mất đi cái gốc của sinh mệnh.



CHƯƠNG III



CÁC THỦ ĐOẠN NHỒI NHÉT



VĂN HÓA LÀ MỘT MÔ THỨC HÀNH VI VÀ TÂM LÝ ỔN ĐỊNH của một quần thể người, văn hóa thông thường cần phải trải qua quá trình lịch sử lâu dài mới hình thành. Nhưng sau khi Trung Cộng cướp được chính quyền, thì chỉ trong mấy chục năm lịch sử ngắn ngủi, đã đặt dấu ấn rõ rệt lên tư duy, ngôn ngữ và mô thức hành vi của người Trung Quốc, tạo ra thứ Văn hóa đảng phổ biến khắp mọi nơi, mọi góc ngách, mọi phương diện tại Trung Quốc. Làm thế nào nó làm được điều này? Đảng Cộng sản là thứ biến dị của lịch sử nhân loại, tư tưởng chỉ đạo của nó vi phạm bản tính của con người, nó không thể diễn hóa một cách tự nhiên từ bất kỳ nền văn hóa truyền thống nào. Nền cũng nói, nếu một người được nuôi dưỡng trưởng thành trong văn hóa truyền thống, thì không thể tự nhiên có những quan điểm biến dị mà Đảng Cộng sản tuyên truyền. Sự hình thành của Văn hóa đảng là kết quả của quá trình tuyên truyền nhỏ nhét của Trung Cộng.

Kiểu nhỏ nhét này là cưỡng chế, toàn diện và triệt để, cường độ cao, không ngừng nghỉ, nhưng lại gian xảo, nguy hiểm, che đậy kín đáo và không ngừng biến dạng, dựa vào bạo lực, dùng lợi ích làm môi nhử, lợi dụng tất cả các công cụ có thể, tại tất cả các trường hợp có thể, dùng tất cả các phương pháp có thể dùng được.

Trung Cộng coi việc tuyên truyền nhỏ nhét là con đường sống của mình, mấy chục năm nay nó còn phát triển hệ thống lý luận, chế độ phức tạp, kỹ thuật tinh vi và một lượng lớn “nhân tài”, lại được trợ giúp bởi những cuộc vận động chính trị theo chu kỳ. Các thủ đoạn chủ yếu bao gồm: Nắm thật chặt bộ máy tuyên truyền, quảng bá Văn hóa đảng, tuyên truyền lừa gạt, cưỡng chế nhân dân đọc sách của Marx, Engels, Lenin, Stalin và Mao, khống chế các văn nhân của tà đảng ca ngợi công đức của nó, thay đổi tiêu chuẩn [đánh giá] thiện ác của người Trung Quốc; dùng sách giáo khoa của học sinh để ca ngợi ác Đảng, khiến người ta từ tiểu học đến đại học đều bị chìm ngập trong Văn hóa đảng; lợi dụng nhiều hình thức văn hóa nghệ thuật như điện ảnh, kịch, ca múa, văn nghệ dân gian, đề cao theo hướng chính diện những nhân vật đại biểu cho

Đảng, hạ thấp văn hóa truyền thống và các nhân vật truyền thống v.v. Những cách nhồi nhét có hệ thống như vậy, tinh vi như vậy, tràn ngập ở khắp nơi như vậy, khiến nhiều khi con người không ý thức được tư tưởng của bản thân mình là bị nhồi nhét, bị tẩy não, không ý thức được ngôn ngữ, hành vi và tư duy của bản thân mình đều có quan hệ mật thiết với sự tuyên truyền nhồi nhét của Trung Cộng.

Ngẫm lại một cách hệ thống các thủ đoạn mà Trung Cộng tập hợp cũng giúp chúng ta nhận rõ quá trình kiến lập của Văn hóa đảng, đặc điểm bản chất và cơ chế nội tại có vẻ ngoài thiên biến vạn hóa của Văn hóa đảng, phân tích một cách sâu hơn những thủ đoạn nhồi nhét của Trung Cộng là một bước trọng yếu nhằm giải thể Văn hóa đảng.

III.1 – NĂM CHẶT BỘ MÁY TUYÊN TRUYỀN NHẪM QUẢNG BÁ VĂN HÓA ĐẢNG

Báng súng và quân bút là hai tuyến sinh mệnh lớn của Đảng Cộng sản, Lenin từng khái quát thủ đoạn đấu tranh này là “chủ nghĩa khủng bố” thêm vào “hình thái ý thức”. Trung Cộng kế thừa cái gen tà ác này của Đảng Cộng sản Liên Xô, dùng chữ “lừa” một cách còn thuần thực hơn. Năm 1951, Lưu Thiếu Kỳ^[1] trong một lần nói chuyện thẳng thắn đã nói: “Đảng chúng ta từ khi sơ khai mới thành lập, thì chính là toàn đảng làm tuyên truyền... Sau này càng phải làm như vậy.” Bộ máy tuyên truyền của Trung Cộng đã phát huy tác dụng vô cùng trọng yếu trong việc Trung Cộng tiến hành tẩy não nhồi nhét đối với dân chúng Trung Quốc.

III.1-1 – Vận động chính trị và trong thời kỳ thông thường

[1] Lưu Thiếu Kỳ từng là Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1959-1968), Phó Chủ tịch Đảng Cộng sản Trung Quốc (1956-1966).

(1) Tuyên truyền nhỏ nhét trong các cuộc vận động chính trị

Không ngừng phát động những cuộc vận động chính trị là một trong những sự khác biệt lớn nhất giữa chính quyền Trung Cộng và các chính quyền chính thường của nhân loại. Bởi vì cái mà Đảng Cộng sản gọi là “đảng tính” hoàn toàn đối lập với nhân tính. Chỉ cần hoàn cảnh nói lỏng, việc khống chế yếu bớt đi, tiếp xúc nhiều với xã hội bình thường bên ngoài, sẽ xuất hiện tình huống là khôi phục nhân tính trong đảng viên và quần chúng nhân dân, Trung Cộng sẽ phải đối mặt với việc “đảng tâm” (cái tâm hướng về đảng của nhân dân) tan rã, khó có thể duy trì được cục diện. Do vậy, đối với Trung Cộng, những cuộc vận động chính trị có tính chu kỳ sẽ trở thành điều tất nhiên.



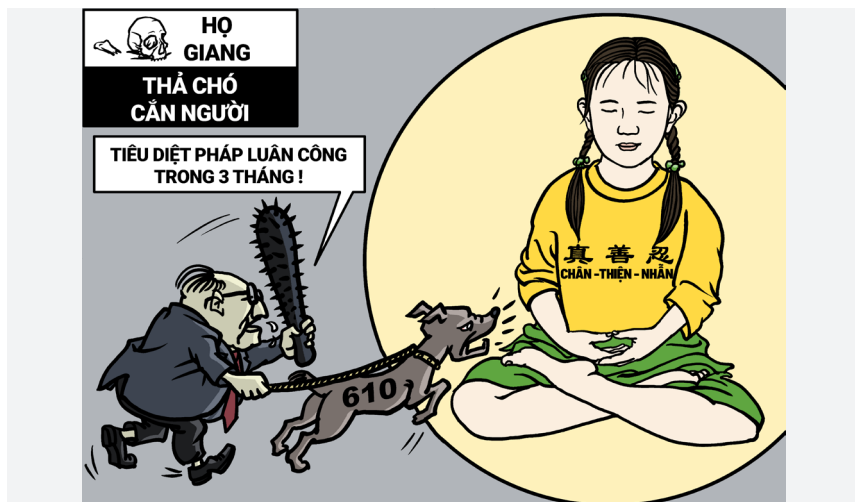
Do vậy, việc Trung Cộng lợi dụng các cơ quan tuyên truyền để nhỏ nhét văn hóa đảng có thể được phân thành hai loại tình huống là [nhỏ nhét] trong thời kỳ vận động chính trị và trong những tình huống thông thường khác. Bất kể là ở tình huống nào, thì cấp lãnh đạo nòng cốt của Trung Cộng đều coi việc khống chế các cơ quan tuyên truyền (báo chí, truyền thanh, truyền hình v.v.) là “đại sự hàng đầu”, “Việc quan trọng trong những việc quan trọng”, chẳng qua là sách lược phương thức thao tác cụ thể khác nhau. Trong Đại Cách mạng Văn

hóa, Bộ tuyên truyền của Trung Cộng đã từng bị coi là “Điện Diêm Vương”, bị đả kích, trên phạm vi toàn quốc đã xuất hiện một lần cảnh tượng “vô chính phủ”, “thiên hạ đại loạn” trên bề mặt, nhưng tập đoàn nòng cốt nắm quyền thực chất của Trung Cộng không hề rời lỏng khống chế với bộ máy tuyên truyền trọng yếu (như “Nhân dân nhật báo”, “Báo Giải phóng quân” và tạp chí “Hong Kỳ”).

Trong thời kỳ thông thường, Trung Cộng truyền truyền nhồi nhét tuân tự theo mô thức sau: lãnh đạo Đảng định ra phương hướng – cục chính trị ra nghị quyết – Bộ tuyên truyền quán triệt – cơ quan ngôn luận và ban ngành chức năng chấp hành. Nhưng vào thời kỳ nguy cơ, lãnh đạo đảng của Trung Cộng sẽ tránh theo trình tự thông thường, một tay khống chế truyền thông, còn một tay thì nắm chắc con dao đồ tể (hệ thống quân đội, cảnh sát, hệ thống đặc vụ), tiền trạm hậu tẩu, tạo thành việc đã rồi, sau đó tắt đèn đảng tính uy hiếp toàn đảng, thống nhất tư tưởng, thống nhất dư luận, như vậy đảng tính chiến thắng nhân tính hết lần này tới lần khác, từng bước từng bước tiêu diệt nhân tính, cho tới khi toàn thể đảng viên và toàn xã hội đều khuất phục trước ý chí biến thái của đảng.

Mao, Đặng, Giang [Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình, Giang Trạch Dân] dù là ở các thời kỳ khác nhau đều nhảy lên vũ đài trực tiếp “cầm dao” hoặc là truyền đạt ý kiến cho cơ quan ngôn luận báo chí đảng tải các bài viết, định hướng cho vận động chính trị. Sau cuộc vận động chống cánh hữu năm 1957 “dụ rắn ra khỏi hang” Mao Trạch Đông tự mình biên soạn xã luận cho “Nhân dân Nhật báo”, bắt đầu là chỉnh đốn nghiêm khắc với mấy triệu phân tử trí thức, “cuộc vận động chống cánh hữu” được Mao gọi là “dương mưu” này đã triệt để phá hủy tư tưởng độc lập và tự do ý chí của phân tử trí thức Trung Quốc. Bài xã luận “phải giữ vững cao lá cờ chống nổi loạn” định tội cho cuộc vận động học sinh sinh viên yêu nước năm 1989 cũng là do Đặng Tiểu Bình, người nắm giữ thực quyền đương thời, trực tiếp chỉ thị xuất bản. Ngày 25 tháng 10 năm 1999, kẻ tà ác đầu sỏ của Trung Cộng là Giang Trạch Dân khi trả lời phỏng vấn của nhà báo người Pháp là Figaro, gọi Pháp Luân Công là X giáo

[tà giáo], ngày hôm sau “Nhân dân nhật báo” liền đăng tải bài báo “Pháp Luân Công’ là X giáo”, kể từ đó những lời chửi rủa mất hết lý trí của Giang Trạch Dân đã vượt lên trên cả hiến pháp và pháp luật.



Những tuyên truyền nhỏ nhét trong các cuộc vận động chính trị của Trung Cộng thông thường kèm theo những cuộc động viên chính trị điên cuồng và tấn công dư luận rợp trời dậy đất. Loại tấn công dư luận quy mô lớn này đã cắt đứt nguồn thông tin thông thường của con người, khiến mọi người căn bản không thể tiến hành phán đoán và suy xét một cách độc lập. Rất nhiều người do vậy mà tiếp thu sự “dẫn dắt” dư luận của Trung Cộng, còn cho rằng đó là kết quả của tư duy độc lập của mình. Mặc dù có một số ít người đầu não còn khá thanh tỉnh, nhưng khi đối diện với áp lực khổng lồ của bộ máy bạo lực và “quần chúng chuyên chính”, thông thường cũng chỉ có thể giữ im lặng.

Người Trung Quốc ngày nay đều sẽ cho rằng những cuộc vận động chính trị mấy chục năm trước của Trung Cộng thật hoang đường, nực cười. Nhưng từ góc độ nhỏ nhét Văn hóa đảng mà nói, những cuộc vận động này đã đạt được mục đích của nó một cách rất “thành công”, đó là bởi trải qua thời gian

tuyên truyền nhồi nhét rất lâu dài, người ta không có cách nào để phân biệt chính xác đâu là tư tưởng bình thường của bản thân, đâu là quan niệm mà Trung Cộng nhồi nhét. Người ta “cáo biệt cách mạng”, chỉ là cáo biệt hình thức bề mặt của cách mạng, còn nội hàm Văn hóa đảng của nó hầu như được lưu giữ nguyên vẹn. Ngày nay, mọi người tất nhiên không hát “Ngũ lục ca” hay nhảy “Điệu múa trung thành”, nhiệt tình với “trăm hoa đua nở, trăm phái tranh luận”, “văn công vô vạ”, nhưng thuyết vô Thần, thuyết duy vật, thuyết tiến hóa và triết học đấu tranh bị nhồi nhét trong các cuộc vận động chính trị của Trung Cộng lại được người Trung Quốc cho là học thuyết đúng đắn được toàn thế giới thừa nhận, là “chân lý” phổ biến trên thế giới, căn bản không cần chứng minh, kính Thiên kính Thần bị coi là “phong kiến mê tín”, văn hóa truyền thống bị rút đi nội hàm hoặc bị biến thành đồ trang sức, hoặc bị coi là công cụ kiếm tiền nhưng mọi người thực sự không hề cảm thấy có cái gì đó không ổn. Trung Cộng đã “cải tạo tư tưởng” rất thành công.

Mười năm Cách mạng Văn hóa khiến cho kinh tế quốc dân bị đẩy tới “bên bờ sụp đổ”, Trung Cộng buộc phải nhượng bộ về lĩnh vực kinh tế và lĩnh vực văn hóa. Nhưng liên quan tới lĩnh vực hình thái ý thức về mục tiêu sinh tồn của tập đoàn Trung Cộng, nó xưa nay chưa hề nói lỏng. Đặng Tiểu Bình từng nói: “Về vấn đề này, chúng ta xưa nay chưa hề ‘nói’, đương nhiên cũng không nói tới ‘thu’.” Năm 2005, khi nói đến hai nước cộng sản nhỏ bé bị phong bế cấm vận như nôi áp suất là Cu Ba và Bắc Hàn, Hồ Cẩm Đào lại ngưỡng mộ không ngớt mà rằng họ “nhất quán về hình thái ý thức là chính xác”. Trong hình thế mới, một mặt Trung Cộng kế thừa phòng thủ nghiêm ngặt, vây bắt chặn đường, mặt khác đành phải “tiến bước cùng thời gian”, biến hóa thủ đoạn, sách lược tuyên truyền cũng trở nên tinh vi hơn, linh hoạt hơn, bịp bợm hơn. Mặc dù từ những năm 80 trở lại đây, Trung Cộng liên tiếp phát động một loạt các cuộc vận động như “chỉnh đốn Đảng”, “thanh trừ ô nhiễm tinh thần”, “phản đối giai cấp tư sản tự do hóa”, “phê phán cuộc vận động dân chủ ngày 4 tháng 6”, đàn áp Pháp Luân Công v.v. nhưng mọi người lại không hề cảm thấy

bản thân mình đã rơi vào trong những cuộc vận động chính trị đó, dường như đó là chuyện đã xảy ra rất lâu rồi. Trung Cộng nhồi nhét Văn hóa Đảng đã đạt tới trình độ khiến ngay cả người bị nhồi nhét cũng không ý thức được, vẫn can tâm tình nguyện, thậm chí đến mức mê không biết chán.



(2) Việc tiêm nhiễm nhồi nhét trong thời kỳ thông thường do Ban tuyên truyền Trung Cộng lên kế hoạch thực thi

Trong tiếng Anh, từ “tuyên truyền” (propaganda) và tẩy não, lừa dối có liên hệ với nhau, hoàn toàn là một từ mang nghĩa xấu. Chỉ có trong từ điển của Phát-xít và Cộng sản, từ “tuyên truyền” mới mang nghĩa chính diện. Tìm kiếm khắp các thể hệ chính trị từ cổ chí kim, cũng chỉ trong thể hệ Phát-xít và Cộng

sản mới có một góc nhỏ cho “bộ tuyên truyền” (Ban tuyên giáo). Sau “cải cách mở cửa” Trung Cộng xuất phát từ nhu cầu bảo vệ hình tượng quốc tế của mình, đã đổi tên Bộ tuyên truyền trong tiếng Anh thành “Bộ thông tin công chúng” (Publicity Department), nhưng tính chất của nó thì không hề thay đổi. Ban tuyên truyền Trung ương trực thuộc cơ cấu của Trung ương Trung Cộng, là một cơ cấu chuyên khổng chế giới truyền thông và tinh thần người dân Trung Quốc.

Mấy chục năm nay, Trung Cộng trước sau đều coi việc hoàn toàn khống chế hình thái ý thức là đại sự hàng đầu đối với sự tồn vong của đảng. Trung Cộng thông qua Bộ tuyên truyền Trung ương mà khống chế chặt chẽ, chỉ đạo dư luận Trung Quốc, quán triệt truyền đạt ý chí của “đảng”, thông qua bộ máy tuyên truyền quốc gia tiến hành tuyên truyền tẩy não lập đi lập lại đối với nhân dân, thống nhất tư tưởng của toàn dân phục vụ cho ý đồ của Trung ương Trung Cộng. Hơn hai nghìn đầu báo, gần một vạn tạp chí, hơn một nghìn đài phát thanh và truyền hình, mấy trăm nghìn điểm truy cập Internet của Trung Quốc đều do Ban tuyên truyền Trung ương và Bộ tuyên truyền các cấp quản lý.

Mọi người đều biết Bộ tuyên truyền Trung ương thực sự không có ý chí của riêng mình. Nó coi ý chí của Trung ương Trung Cộng là ý chí của mình, lấy sự sinh tồn của tập đoàn Trung Cộng làm mục tiêu, coi lợi ích của Đảng Cộng sản là lợi ích căn bản. Công việc của Bộ tuyên truyền Trung ương nói một cách đơn giản, là một mặt phong tỏa bóp nghẹt sự thật, mặt khác là ngụy tạo và thay thế sự thật.

Trước hết, chúng ta hãy xem Bộ tuyên truyền Trung ương phong tỏa bóp nghẹt sự thật như thế nào. Vào tháng 06 năm 2002, Bộ tuyên truyền Trung ương đã phát đi một lệnh cấm đối với các cơ quan truyền thông, tổng cộng liệt kê 35 điều “không được phép”, dưới đây chỉ là một bộ phận:

“Không được tự ý đưa tin về cải cách thuế phí tại nông thôn”, “đối với tình hình bệnh dịch lớn không được tiến hành khuếch đại đưa tin truyền tải”, “không được tùy ý đưa tin về các sự kiện tai nạn lớn và nghiêm trọng”, “không được đưa tin về việc chủ doanh nghiệp tư nhân gia nhập đảng”, “không được

đưa tin và truyền tải các sự kiện về việc kiện Đảng ủy các cấp “, “không được đưa tin về khoảng cách chênh lệch giàu nghèo quá lớn”, “không được đưa tin về những vấn đề tồn tại của các công trình [được coi là mang đến] hy vọng [cho người dân]”, “không được dùng từ ‘phong sát’ (phong tỏa và đập tắt) trên các phương tiện truyền thông”, “không được nói dư luận về tin tức là lực lượng hoặc quyền lực thứ tư”^[2], “không được xuất bản các ngôn luận sai lệch và quan điểm không chính xác”, “không được tập trung tiến hành báo cáo mang tính phê bình và phụ diện”, “không được tùy ý đưa tin về các lĩnh vực dân tộc, tôn giáo” v.v..

Ban tuyên truyền Trung ương của Trung Cộng mỗi năm phát đi hơn 100 tờ (lần) thông báo hoặc lệnh cấm đối với hãng truyền thông các tỉnh, thành, huyện. Ban tuyên truyền Trung ương ở các cấp tỉnh thành bình quân phát đi hơn 230 tờ (lần) thông báo, lệnh cấm, trong đó các tỉnh phát đi các lệnh cấm nhiều nhất gồm có Thượng Hải, Quảng Đông, Tứ Xuyên, Sơn Đông, Hà Nam, Hồ Nam, Hồ Bắc. Ban tuyên truyền Trung ương của những tỉnh thành này mỗi năm phát đi hơn 310 các loại lệnh cấm và thông báo cho cơ quan truyền thông địa phương mình. Có nghĩa là, các cơ quan truyền thông của các địa phương này bình quân mỗi ngày nhận được một lệnh cấm.

Nhằm tăng cường khống chế truyền thông, tổ điều phối thẩm duyệt tin tức của Ban tuyên truyền Trung ương giám sát phương hướng hoạt động của những hãng truyền thông chính tại trung ương và địa phương, và phải định kỳ báo cáo lên cấp trên. Từ Trung ương đến địa phương, Bộ tuyên truyền các cấp hoặc Cục thông tin đã thuê một lượng lớn “nhân viên thẩm duyệt tin tức” chuyên phụ trách giám sát khống chế “vấn đề chính trị” trong những bài báo truyền thông, video và audio. Những ấn phẩm do Cục thông tin của Bộ tuyên

[2] Từ thời Trung cổ đã hình thành ba loại tập đoàn quyền lực gồm Lập pháp, Tư pháp và Hành pháp, tất nhiên dưới những tên gọi khác nhau tùy thời kỳ và khu vực, và cả ba nhóm này đều thuộc lĩnh vực trị quốc tức dưới quyền năng của chính quyền cai trị. Đến khi thế kỷ XX nâng cao vị thế của báo chí và truyền thông, người ta mới “phong cho” báo chí và truyền thông danh xưng quyền lực thứ tư.

truyền phụ trách thẩm duyệt chỉ tính riêng báo chí đã đạt tới hơn 100 loại.

Có thể có người nói, vì Trung Quốc lớn như vậy, ngoại trừ những chủ đề cấm kỵ này thì sự kiện có thể báo cáo vẫn còn khá nhiều. Nhưng Trung Cộng đã quen với việc “chụp mũ tóm gáy”, sáng ban hành chiếu thay đổi, thất thường vô hạn độ, với những ngôn luận Đảng không thích đều có thể bị dán nhãn “sai lầm”. Chính bởi vì những lệnh cấm này dùng từ mơ hồ, không có quy định để có thể tuân theo (“không được tùy ý bình luận...”, “không được tâng bốc quá đà...”, “không được phát hành các ngôn luận sai trái và quan điểm không chính xác”), do vậy có tác dụng uy hiếp còn lớn hơn. Những người làm nghề truyền thông chỉ sợ dẫm phải mìn, do vậy tốt nhất là tự giới hạn mình, thà tả khuynh còn hơn hữu khuynh, mỗi người đều là nhân viên thẩm duyệt tin tức của chính mình. Những tin tức may mắn thông qua kiểm duyệt đã “đúng đắn chính trị” thì hầu như không còn chút giá trị thông tin nào có thể đọc được cả.

Đồng thời Bộ tuyên truyền Trung ương cũng dốc hết sức lực để ngụy tạo một loại “sự thực” khác thông qua việc tạo cho người dân một cảm giác thỏa mãn và cảm giác an toàn hư ảo để bảo hộ cho sự ổn định của cái đảng kia. Những tuyên truyền giả tạo của Văn hóa đảng rợp trời rợp đất như hòa ái, chống tham nhũng, yêu nước, kinh tế gia đình, “năm nhất” [ba không], tam đại biểu, bát vinh bát nhục, học tập, tăng gia, thành tích, nâng cao, mốc lịch sử, tính tiên tiến, tiến nhanh lên phía trước, thắng lợi vĩ đại v.v. hầu như cách ly dân chúng với hiện thực chân chính của Trung Quốc một cách toàn diện. Những hiện thực đang uy hiếp nghiêm trọng sự sinh tồn của dân tộc này như cảnh tượng bi thảm của công nhân thất nghiệp và nông dân tiến vào thành phố, cư dân thành thị bị cưỡng chế dỡ bỏ nhà, không còn nhà mà về, tham ô hủ bại, quan chức và thương nhân câu kết với nhau, cảnh sát và thổ phỉ móc ngoặc với nhau, môi trường sinh thái xuống cấp nghiêm trọng, tình trạng đạo đức trượt dốc tới chóng mặt, tình trạng nhân quyền không ngừng trở nên tồi tệ hơn v.v. hoặc là bị chặn hoàn toàn ngoài tầm mắt của nhân dân, hoặc cố ý nói giảm nói tránh, gọi một cách mỹ miều là: “những vấn đề trong quá trình phát

triển chỉ có thể giải quyết trong bước phát triển tiếp theo.”

Tự do thông tin là nguồn gốc của tự do tư tưởng và phán đoán độc lập. Các loại lệnh cấm và giới hạn của Ban tuyên truyền Trung ương đã dẫn đến việc thông tin bị Trung Cộng sàng lọc toàn bộ, dân chúng không có cách nào lấy được thông tin chân thực để có thể từ đó mà độc lập suy xét. Đồng thời mọi người không thể tránh khỏi việc liên tục hấp thụ các thông tin bị chìm ngập trong văn hóa Đảng của Trung Cộng, thuận theo cách nghĩ của văn hóa Đảng mà phản đối và phê phán. Dần dần mọi người sẽ quen với kiểu nhỏ nhết này, căn bản không tin rằng bản thân mình đã bị Văn hóa đảng tẩy não.



III.1-2 – Vận động chính trị và trong thời kỳ thông thường

Nhận được thông tin chân thực là điều kiện tất yếu để duy trì sự sinh tồn của nhân loại. Thời cổ xưa, người ta thông qua truyền tai truyền miệng là đủ nắm

vững những thông tin cần thiết để ứng phó với cuộc sống. Thuận theo sự phát triển phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, quy mô và thước đo các hoạt động của nhân loại cũng không ngừng lớn lên, thế giới ngày càng trở thành “thôn địa cầu” (global village), sự việc phát sinh cách xa vạn dặm cũng có thể tạo ra ảnh hưởng rất to lớn đối với cuộc sống của một cá nhân, lúc này việc truyền tai truyền miệng không đủ nữa, truyền thông đại chúng do đó mà sinh ra.

Sự xuất hiện của truyền thông đại chúng, đã cải biến từ căn bản môi trường thông tin của nhân loại. Thông qua truyền thông, các cá thể phân tán càng có thêm liên hệ chặt chẽ với xã hội, những việc mà con người quan tâm ngày càng nhiều, thế giới tinh thần của cá nhân cũng trở nên phong phú phức tạp hơn. Nhân loại ngày nay, ở một mức độ rất lớn, đều dựa vào những tin tức thu được từ truyền thông để phán đoán môi trường bên ngoài, từ đó mà lựa chọn điều lợi tránh điều hại.

Bởi vì truyền thông đóng vai trò trọng yếu trong sinh hoạt xã hội, ở các nước dân chủ phương Tây, truyền thông được coi là độc lập với lập pháp, tư pháp, hành chính, là loại quyền lực thứ tư, các nhà báo được coi là các vị “vua không vương miện”, có sức ảnh hưởng xã hội rất to lớn.

Trung Cộng quen với việc công kích “tính giả tạo trong tự do thông tin ở các nước tư bản chủ nghĩa”, rất nhiều người Trung Quốc chưa hề suy nghĩ đã lập lại lời của Trung Cộng. Kỳ thực, tự do thông tin thực sự không có nghĩa là bất kỳ cơ quan truyền thông mang đặc trưng nào đó đều không có tính khuynh hướng, mà có nghĩa là Pháp luật bảo đảm cho các hãng truyền thông có khuynh hướng khác nhau được tự do cạnh tranh, cũng bảo vệ cho các hãng truyền thông do cá nhân hoặc đoàn thể sáng lập. Dưới chế độ như vậy, nhiều hãng truyền thông cùng tồn tại và bổ sung cho nhau, khiến con người có cơ hội tổng hợp những quan điểm khác nhau để có thể đưa ra phán đoán và lựa chọn của riêng mình. Nếu có người không hài lòng với tất cả các cơ quan truyền thông hiện có, vậy thì họ có thể thành lập một hãng truyền thông trung lập, khách quan khác theo pháp luật. Ngược lại, các hãng truyền thông của Trung Quốc

toàn bộ thuộc về “giới quan chức làm”, “một mình độc chiếm, chớ hòng phân chia”. Đài truyền hình Trung Ương Trung Cộng có thể phát sóng tại Mỹ nhưng đài truyền hình của Mỹ lại không thể phát sóng tại Trung Quốc.

Sự khống chế tư tưởng chặt chẽ của Trung Cộng đồng nghĩa với việc các hãng truyền thông chính thường không thể truyền bá các thông tin chân thực. Dưới sự thống trị của Đảng Cộng sản, các cơ quan thông tin đại chúng như báo chí, truyền thanh, truyền hình, mạng Internet v.v. tất nhiên đã sa vào thế “miệng lưỡi của đảng” và là công cụ để nhồi nhét Văn hóa đảng.

(1) Báo chí

Căn cứ vào một cuốn sách thống kê do Đài Bắc xuất bản năm 1991 – “Điều tra nghiên cứu về báo chí thời Trung Cộng còn là đảng ngầm”, trước năm 1949, Trung Cộng, kẻ độc toàn lực lật đổ chính quyền hợp pháp đương thời, đã lợi dụng hoàn cảnh dư luận tương đối nói lỏng dưới sự thống trị của Quốc Dân đảng, ngoài việc tổ chức phương tiện truyền thông ở cái gọi là “khu giải phóng” ra, nó còn lập ra hoặc thao túng hơn 1.000 loại báo chí ở những vùng thống trị của Quốc Dân đảng. Trung Cộng đã lợi dụng những báo chí này cổ động “dân chủ”, tô vẽ cho bản thân, đả kích Quốc Dân đảng, từ đó lập được “kỳ công” cướp chính quyền.

Nhưng sau khi cướp được chính quyền, trong một đêm tất cả các hãng truyền thông đã cộng sản hóa vào tay đảng, lúc này nếu dám đòi “đảng” cho tự do thông tin, đáp án tiêu chuẩn của “đảng” là: “Không tồn tại tự do thông tin vượt trên giai cấp.” Trữ An Bình, một nhân sĩ dân chủ nổi tiếng đã từng dự đoán: “Dưới thời Quốc Dân đảng thống trị, ‘tự do’ vẫn là vấn đề ‘nhiều’, – ‘ít’, còn nếu như Đảng Cộng sản chấp chính, thì cái tự do này sẽ biến thành vấn đề ‘có’ – ‘không.’” Kỳ thực, ngay cả “vấn đề dân chủ có hay không” cũng không tồn tại, Mao Trạch Đông đã thẳng thắn nói không tránh né: “Chính là phải ‘tước đoạt quyền phát ngôn của phái phản động, chỉ để nhân dân có quyền phát

ngôn.” Ai là nhân dân, ai là phái phản động? Chỉ Mao nói mới được tính.

“Dư luận đồng loạt”, “nguyên tắc đảng tính của việc đưa tin tức”, “chính trị gia làm báo”, “công tác văn hóa phục vụ cho nhiệm vụ chính trị”, v.v. dưới sự chỉ đạo của những khẩu hiệu này, tất cả báo chí ấn phẩm đều phải ngoan ngoãn trở thành [bộ máy] phát ngôn cho Trung Cộng. “Đảng” muốn chống cánh hữu, báo chí sẽ nói: “Phe cánh hữu muốn làm phản, những người bán nông và trung nông chúng ta không đáp ứng”; “đảng” muốn “nhảy vọt”, báo chí sẽ nói: “Đạt sản lượng 150 tấn một héc-ta”; đảng muốn “tiếp tục cách mạng dưới sự chuyên chính của giai cấp vô sản”, báo chí sẽ nói: “Đây là đại kế trăm năm, đại kế nghìn năm bảo đảm cho giang sơn Xã hội Chủ nghĩa thiên thu vạn đại vĩnh viễn không biến sắc”; “đảng” muốn bức hại Pháp Luân Công, báo chí sẽ nói: “Tôn sùng khoa học, phản đối mê tín.” Dù hiện nay người ta đều nói rằng trên tờ “Nhân dân nhật báo” – cơ quan ngôn luận của Trung Cộng chỉ có ngày tháng là chân thực, nhưng sức mạnh của truyền thông là khổng lồ, hơn nữa ngoài “tiếng nói của Đảng” ra, căn bản không có bất cứ nguồn tin tức độc lập nào, do vậy mọi người đành phải coi các kênh truyền thông lớn nhỏ đủ loại bị Trung Cộng khống chế là nguồn tin tức đáng tin cậy, khác biệt chỉ là mức độ lừa gạt ít nhiều mà thôi.

Từ những năm 80 trở lại đây, phỏng theo kinh nghiệm của Đài Loan trong việc dỡ bỏ đảng cấm, báo cấm, cuối cùng kiến lập chế độ dân chủ, một lớp những người theo ngành truyền thông có lương tri đã bỏ ra rất nhiều nỗ lực gian khổ nhằm tranh thủ tự do thông tin. Ngày nay Trung Cộng tiến hành “Chủ nghĩa tư bản quyền quý”, các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, y tế đã thị trường hóa một cách cao độ, nhưng việc xuất bản thông tin vẫn bị chính quyền nắm chặt trong tay. Một số hãng truyền thông mưu đồ thoát khỏi địa vị “phát ngôn” đều khó thoát khỏi vận mệnh bị “chỉnh đốn”. Xa thì có “Báo kinh tế thế giới” trước sự kiện “Ngày 4 tháng 6”, gần thì có tuần san “Băng điểm”. Vì để tránh né sự phẫn nộ của nhân dân, Trung Cộng hiện giờ đã học cách mềm mỏng, đối với các báo chí có ảnh hưởng lớn, nó không cưỡng chế ngừng xuất bản như

trước đây, mà thay người “có thể tin cậy về chính trị” vào vị trí tổng biên tập, biên tập viên v.v. Báo chí vẫn được gọi tên cũ nhưng linh hồn đã chết, còn đại chúng vẫn bị lừa gạt.

Mắt tai mũi miệng của con người, đầu dây thần kinh hoạt động bình thường giúp con người có thể có phản ứng chính xác đối với hoàn cảnh bên ngoài. Nếu như có người mà cơ quan cảm giác có vấn đề, rõ ràng lửa đốt bỏng da, vậy mà không những không cảm thấy đau, ngược lại còn cảm thấy vui thích, người này ắt đã rơi vào hoàn cảnh rất nguy hiểm. Những năm 60 khi nạn đói xảy ra, đi tới đâu cũng thấy người đang chết đói, thậm chí một vài nơi còn xuất hiện thảm kịch người ăn thịt người, nhưng báo vẫn thi nhau khoác lác là nông nghiệp đã đạt sản lượng cao, dần dần dẫn dụ con người rằng ăn quá nhiều sẽ không tốt cho sức khỏe. Mùa xuân năm 2006, sau khi một trận bão cát rất mạnh qua đi, vậy mà truyền hình vẫn nói chuyện say sưa rằng “ngành rửa xe đã đạt được bội thu”, ngụ ý nói rằng bão cát có thể kích thích kinh tế tăng trưởng. Miệng lưỡi của Trung Cộng trong hoàn cảnh thiên tai nhân họa và lòng dân trào dâng oán hận vẫn khoét “đường lối chỉ đạo dư luận chính xác”, đã đến bước phát ngôn tùy tiện.



(2) *Truyền thanh, truyền hình, mạng Internet*

Ngoài việc thu tóm báo chí, Trung Cộng cũng rất xem trọng những loại hình truyền thông mới nổi. Đài truyền thanh, đài truyền hình, mạng Internet, những loại hình truyền thông mới nổi này đều nằm trong lòng bàn tay của Trung Cộng. Theo số liệu được “Báo xuất bản tin tức Trung Quốc” công bố hồi tháng 05 năm 2003: Năm 2002, Trung Quốc có tất cả 306 đài truyền thanh, 260 đài truyền hình, 1.300 đài phát thanh và truyền hình. Tỷ lệ mà truyền thanh có thể phủ sóng là 93,21%, tỷ lệ truyền hình có thể che phủ là 94,54%. Theo điều tra, gần 90% các cư dân thành thị từ độ tuổi 15 đến 64 tuổi đều xem ti vi mỗi ngày. Tác dụng về phương diện tuyên truyền nhồi nhét Văn hóa đảng, phải nói là truyền thanh và truyền hình đã khởi tác dụng vượt xa báo chí tạp chí, mặc dù còn chưa thể thay thế hoàn toàn.

Ngày nay những người trên 40 tuổi chắc sẽ không quên tiếng loa phát thanh công suất lớn phát đi những “chỉ thị tối cao” và bài luận chính trị dài dôi nổi khắp các thành thị làng quê thời Cách mạng Văn hóa. Sau Cách mạng Văn hóa, giọng điệu của các phát thanh viên đã vắn nhỏ xuống nhưng “giác ngộ chính trị” lại không hề giảm sút, chỉ là dùng kỹ thuật tinh vi hơn và phương thức gần gũi với nhân tính hơn để tuyên truyền nhồi nhét Văn hóa đảng.

Truyền hình là một phương thức quảng bá giàu hình tượng, sinh động trực quan, truyền tải được một lượng lớn thông tin, tạo cảm giác như có mặt tại hiện trường rất mạnh mẽ, ảnh hưởng vô cùng sâu sắc với khán giả. Từ sau năm 1979, ngành truyền hình Trung Quốc bắt đầu phát triển mạnh. Trung Cộng đã thu tóm chặt chẽ loại truyền thông này, kỹ thuật tuyên truyền nhồi nhét Văn hóa đảng cũng thuận theo sự tiến bộ của kỹ thuật truyền hình mà không ngừng tăng lên như nước nổi tới đâu bèo nổi tới đó.

Đại bộ phận các tiết mục truyền thanh truyền hình đều truyền tải nội hàm Văn hóa đảng theo những phương thức khác nhau. Ví dụ như truyền hình, ngày 01 tháng 01 năm 1978 bắt đầu phát sóng chương trình “tiếp sóng tin tức”,

đây là trận địa trọng yếu nhất để Trung Cộng tuyên truyền lừa gạt. Chương trình kéo dài nửa giờ này suốt mấy chục năm nay vẫn y như khuôn mẫu sau: 25 phút đầu lúc nào cũng là triệu tập long trọng, gặp mặt thân thiết, linh hội sâu sắc, quán triệt thực thi, lộ trình vinh quang, thành tựu vĩ đại, có người nói chỉ có tin tức quốc tế 5 phút cuối là còn xem được, nhưng kỳ thực cũng đã bị Trung Cộng cắt xén, bóp méo, cố tình dẫn dụ quần chúng về hướng sai lệch.

Tiết mục chuyên đề (như ‘Phỏng vấn tiêu điểm’), tiết mục đàm thoại (như ‘Lời thật nói thật’), kịch truyền hình (như ‘Chọn lựa sinh tử’), tiết mục văn nghệ tổng hợp (như ‘Liên hoan dạ hội đầu xuân’) v.v. không tiết mục nào không được thiết kế kỳ công, vừa muốn lấy lòng đại chúng, vừa muốn đảng hài lòng – được lòng đại chúng là thủ đoạn, khiến đảng hài lòng là mục đích. Tiết mục “Phỏng vấn tiêu điểm” của Đài truyền hình Trung ương đã từng dựa vào việc “dám nói” để gạt hái uy tín nhanh chóng, nhưng một vị khán giả đã bóc mẽ nó trong một câu: “Cái gì là ‘Phỏng vấn tiêu điểm’, những sự kiện được phát sóng thời đầu sáng lập được coi như là pháo cao xạ bắn muối, thời nay phát sóng đều là kính hiển vi tìm vi khuẩn. Từ việc không tiết lộ những vụ án lớn, tới những vụ án lớn cũng chỉ là việc lớn hóa nhỏ, sơ sài đại khái.” Nhân viên làm việc trong Đài truyền hình Trung ương tự mình trào phúng rằng: “Tôi là một con chó của đảng, ngồi ở cổng lớn của đảng. Đảng bảo cắn ai thì cắn người ấy, bảo cắn bao nhiêu phát thì cắn bấy nhiêu phát.” Phim truyền hình thì càng là đất diễn của nó: chống tham nhũng, cải cách, đạo đức, cổ trang, nói trắng ra những gì biểu đạt đều là yêu đảng nhiệt tình, hiểu đảng, tin đảng, tha thứ cho đảng. Tất cả các vở “kịch truyền hình chống tham nhũng” đều tuân theo một công thức, chính là những người giữ chức phó, cấp dưới, mặc dù đã tạo ra một số tổn thất nhất định cho sự nghiệp của “đảng”, ảnh hưởng đến “quan hệ giữa đảng và quần chúng”, “quan hệ giữa cán bộ và quần chúng”, nhưng vào thời khắc then chốt, hóa thân của “đảng” - người giữ chức trưởng, thượng cấp của viên tham quan, sẽ giống như những “cứu tinh bất ngờ” bị phê phán trong mỹ học hí kịch phương Tây, bất ngờ đứng cảm bước ra, trừng phạt tham quan, hóa giải mâu thuẫn, văn

hồi lại thể diện cho “đảng”. Trong hiện thực cuộc sống mọi người đều biết, hủ bại tuyệt không chỉ là những người giữ chức phó hoặc tham quan cấp thấp, nếu như nói những quan viên cấp thấp là những con tầm ăn rỗi đối với ngân sách, thì những quan to, thái tử “đảng” mới là những kẻ nuốt chửng ngân sách. Mặc dù vậy những viên quan thanh liêm hiện ra sinh động trên màn hình TV mới khiến khán giả chìm đắm say sưa trong sự kỳ vọng vào “người cán bộ tốt của đảng.”



“Liên hoan dạ hội đầu xuân” bắt đầu từ năm 1983 là một tác phẩm tổng hợp dùng hình thức văn nghệ để nhồi nhét Văn hóa đảng của Trung Cộng. Từ ca khúc, tấu nói, tiểu phẩm đến lời giới thiệu của người dẫn chương trình, điện chúc cảm động, lãnh sự quán tổ chức cho lưu học sinh đón năm mới, toàn bộ đều là đảng cố hết sức làm lẫn lộn khái niệm đảng và quốc gia, đảng và dân tộc, lợi dụng tình thân, cảm tình dân tộc, tình cảm yêu nước của con người để củng cố sự khống chế của Trung Cộng đối với tâm linh của họ. Dù là tiểu phẩm mang khẩu ngữ Đông Bắc hay Tây Bắc thì ngoài việc trực tiếp bôi nhọ “kẻ thù của đảng”, nó còn dối mình dối người mà miêu tả những con người bình

thường có thể tìm kiếm niềm vui trong khổ nạn, nhằm đánh lạc hướng sự chú ý của người xem ra khỏi những nguyên nhân chính trị xã hội dẫn đến những khổ nạn trong đời họ; hoặc là dùng những mảnh khóc rẻ tiền để miêu tả tất cả mọi người thành những người có nhân cách thô tục giống nhau, dường như từ trước đến nay đều như vậy, toàn thế giới đều như vậy, từ đó che đậy hiện thực xã hội là dưới sự thống trị của Trung Cộng đạo đức đang trượt trên dốc lớn. Năm 2004, tại Trung Quốc Đại Lục tổng cộng phát sinh 74.000 vụ đấu tranh biểu tình. Ở Hán Nguyên, tỉnh Tứ Xuyên nông dân bạo động xảy ra trên quy mô lớn gây ra đổ máu, sự kiện cả thôn mắc bệnh AIDS nhìn thấy mà đau lòng, thượng nguồn sông Hoàng Hà bị cạn nước, nước sông Hoài ô nhiễm nghiêm trọng khiến nước sông mất đi công dụng nước, tai nạn sập hầm mỏ liên tiếp xảy ra, thiên tai không ngừng. Ngay trong hoàn cảnh như vậy mà chương trình đón xuân năm 2005 lại mệnh danh là “Thịnh thế đại liên hoan”, đúng là ứng với một câu nói đang lưu hành: “Tiến hành lừa dối đến cùng!”

Các website trên Internet quá nhiều, rất bất lợi cho việc tuyên truyền nhỏ nhét Văn hóa đảng dưới hình thức “chủ động xuất kích”, do vậy sách lược chủ yếu của chính quyền Trung Cộng đối với Internet là “phong tỏa”, không để những ngôn luận bị Trung Cộng cấm được lưu truyền. Cách thức chủ yếu của hệ thống khống chế của Trung Cộng bao gồm: phong tỏa các trang web nước ngoài, đóng cửa các trang web trong nước, bắt giữ chủ các trang web, lọc thư điện tử, bố trí cảnh sát mạng, điệp viên mạng v.v. Về phương diện này thì vụ việc nổi tiếng nhất là một dự án được gọi là “Công trình Kim Thuần” đã được thông qua năm 1998, theo kế hoạch công trình sẽ được hoàn thành toàn bộ vào năm 2006, đợt đầu đã đầu tư 800 triệu Đô la Mỹ. Công trình này trên danh nghĩa là tự động hóa hệ thống công an, thực ra là bao gồm một hệ thống các mắt xích dùng để phong tỏa giám sát mọi phương hướng, là một hệ thống công trình liên quan tới rất nhiều bộ phận như kỹ thuật, hành chính, công an, quốc phòng, tuyên truyền v.v.

Mạng lưới thông tin thế giới bùng nổ tạo ra cảm giác sai lầm cho rất nhiều

người Trung Quốc về “tự do ngôn luận.” Trên thực tế, thứ mà mọi người thấy được đều là thứ mà Trung Cộng để họ thấy được; thứ mà Trung Cộng không muốn để mọi người thấy, họ nhất định không thể thấy được. Lời dối trá có thể lừa thông tự do, còn chân tướng sự việc thì lại bị cực lực che đậy, đây chính là tình huống chân thực của mạng thông tin Trung Quốc.



III.1-3 – Các thủ đoạn nhôi nhét thường dùng

(1) Che chắn rợp trời dầy đất khiến con người đoạn tuyệt triệt để với thế giới chân thực

Nhân vật chính Sở Môn trong bộ phim Mỹ “Chân Nhân hoạt kịch” [còn được dịch là “Thế giới của Sở Môn”] sống trong một thế giới hư ảo được xây

dựng rất tinh vi, thế giới này là một hoàn cảnh của một câu chuyện lâm ly cảm động, mà kịch tính của câu chuyện lâm ly cảm động này chính là 24 giờ sinh hoạt của Sở Môn. Thế giới hư ảo trong vở kịch bao gồm tất cả những nhân tố của thế giới chân thực, mà Sở Môn từ khi sinh ra đã sống trong thế giới này, do vậy tới tận khi trưởng thành, anh chưa bao giờ đưa ra hoài nghi nào về tính chân thực của thế giới này.

Trong thuật ngữ của chính trị học, kiểu chính quyền tiến hành khống chế toàn diện đối với xã hội này của Trung Cộng được gọi là “chính quyền dạng thức toàn quyền”. Điều kiện tiên quyết để có thể duy trì kiểu chính quyền này là nhất định phải có một môi trường thông tin giả dối có lợi cho chính quyền đó. Trung Cộng rất thông thạo con đường này. Bao năm qua nó đã sáng tạo và duy trì một môi trường thông tin giả dối không nơi nào bị bỏ sót. Trong hoàn cảnh này, con người bị ngăn cách triệt để với thế giới chân thực, mất đi hệ thống tham chiếu để phán đoán thật giả, thiện ác. Có thể nói người Trung Quốc dưới sự thống trị của Trung Cộng đều sinh sống trong thế giới hư ảo như nhân vật Sở Môn.

Nhằm đạt được mục đích chính trị của mình, Trung Cộng cũng có thể cấp tốc tạo ra một môi trường thông tin giả trong thời gian ngắn. Từ sau ngày 20 tháng 07 năm 1999, Trung Cộng đã khởi động bộ máy tuyên truyền để vu khống, bôi nhọ Pháp Luân Công, trong vòng nửa năm ngắn ngủi, những



bản báo cáo vu khống hãm hại và các bài viết phê phán Pháp Luân Công đăng trên các trang báo trong và ngoài nước của Trung Cộng đã lên tới hơn 300.000 bài. Các phương tiện tuyên truyền khác cũng mở máy hết công suất, trừ khi bạn bị mất bị tai lại, nếu không, bạn tuyệt đối không thể thoát khỏi tuyên truyền tẩy não của Trung Cộng qua truyền thanh, truyền hình, sân khấu, lớp học, những buổi hội nghị, báo tường, biểu ngữ, v.v.

(2) Không ngừng lặp lại, lời nói dối lặp lại một nghìn lần sẽ trở thành lời nói thật

Goebbels, bộ trưởng tuyên truyền của Đức Quốc Xã có một câu danh ngôn: “Lời nói dối được lặp lại một nghìn lần sẽ trở thành chân lý.” Trung Cộng là tín đồ trung thành của câu nói này. “Đấu tranh giai cấp phải giảng từ năm này qua năm khác, tháng này qua tháng khác, ngày này qua ngày khác” “Ba bài văn cũ, ngày ngày đều đọc”. Thời Cách mạng Văn hóa “báo nhỏ sao chép báo lớn, báo lớn sao chép từ Lương Hiệu” [3]. Hiện nay có “đường kính thống nhất”, “chuyến phát thông cáo Tân Hoa Xã”. Những lời dối trá của Trung Cộng qua hàng nghìn lần lặp lại, đã trở thành những quan niệm thâm căn cố đế trong đầu óc mọi người, vậy mà họ vẫn cho rằng những quan niệm ấy do mình tự nghĩ ra.

Tuyên truyền và lặp đi lặp lại thường dẫn đến sự phản cảm và bị chế nhạo. Nhưng Trung Cộng không hề sợ mọi người thấy phản cảm hay chế nhạo. Nó tiếp tục sử dụng thủ đoạn nhồi nhét sơ cấp này, khiến mọi người sản sinh tâm lý “mánh khéo của Trung Cộng, chẳng qua cũng chỉ là như vậy, hà tất chuyện bé xé ra to, không thèm chấp với nó”. Những người dám chế nhạo Trung Cộng chắc chắn tự cho rằng mình lão luyện thông thái, không cả tin, có chủ kiến.

[3] Lương Hiệu là bút danh một nhóm sáng tác được hợp thành từ các học giả của hai trường Đại học Bắc Kinh và Đại học Thanh Hoa, chuyên phê phán trong thời Cách mạng Văn hóa.

Nhưng những từ ngữ, khái niệm, biểu ngữ khẩu hiệu và phương thức tư duy của Trung Cộng được lặp đi lặp lại nhiều lần, bị ép nhập mạnh mẽ vào tiềm thức con người, thay thế tình cảm và phán đoán tự phát của con người. Chỉ cần bạn vẫn suy nghĩ bằng những từ vựng và khái niệm này thì kết luận rút ra được chỉ có thể là kết luận mà “đảng” cho phép bạn đúc rút ra. Chỉ cần bạn gọi nhân sỹ dân vận thành “phần tử dân vận”, bạn sẽ quyết không còn thiện cảm với họ; chỉ cần bạn vẫn đang dùng các loại từ như “giải phóng”, “Trung Quốc mới”, thì bạn sẽ luôn có chút cảm giác mang ơn mang nghĩa với Trung Cộng; chỉ cần bạn gọi Trung Cộng bằng cái tên vô cùng thân thiết là “đảng”, thì bạn đã công nhận ác đảng này chiếm cứ Trung Quốc là điều tất nhiên, hợp lý hợp pháp; chỉ cần bạn vẫn còn gọi Cách mạng Văn hóa là “Hạ kiếp” (*kiếp nạn lớn*) thì bạn vẫn đang tiếp nhận ám thị của Trung Cộng, tin rằng tai họa Cách mạng Văn hóa là do một loại lực lượng thần bí siêu nhiên nào đó gây ra mà xem nhẹ việc Cách mạng Văn hóa và chính sách tàn bạo của Trung Cộng có mối liên hệ rất yếu; chỉ cần bạn vẫn đang gọi các công nhân thất nghiệp là “công nhân tạm nghỉ việc”, thì chính là bạn tự nguyện phối hợp với sách lược tuyên truyền của Trung Cộng, ám thị rằng trong chế độ Xã hội chủ nghĩa chỉ có tạm nghỉ việc, công nhân trong chế độ Tư bản chủ nghĩa mới thất nghiệp, thất nghiệp luôn có liên hệ chặt chẽ với phá sản, lang thang, đói kém, tự sát, còn tạm nghỉ thì chắc chắn là sẽ có ngày đi làm lại.

Hãy nghe những lời người Trung Quốc nói, hãy xem ngôn ngữ chủ nghĩa cơ yếu tôn thờ đảng của những “nhà yêu nước trẻ tuổi tức giận” trên các diễn đàn tiếng Trung trên mạng có ở khắp mọi nơi thì sẽ biết được việc tuyên truyền lặp lại của Trung Cộng hữu hiệu tới mức nào.

(3) Ngụy tạo ý dân, lợi dụng quyền lực, phát động tấn công tâm lý

Sau khi Trung Cộng tước bỏ tiếng nói của nhân dân, nó tự tuyên truyền rằng mình là đại biểu cho đại đa số ý kiến của nhân dân, từ đó khống chế tuyên

truyền cao độ, lợi dụng tâm lý đám đông của nhân dân, cưỡng ép nhân dân tiếp thụ những lý luận lệch lạc và những lời dối trá của nó. Trong cuộc vận động chống cánh hữu năm 1957, trên tạp chí báo chí đều tràn ngập tiêu đề: “Giai cấp công nhân đã lên tiếng”, “Các đảng phái dân chủ toàn quốc đều đứng về phía Đảng Cộng sản cùng trừng phạt cánh hữu”, “Chỉ huy và chiến sĩ toàn quân phần nộ lên án”, “Cánh hữu thiếu số đã rơi vào trùng trùng bao vây của quần chúng dân chủ”, “Cánh hữu chỉ là một nhóm nhỏ cặn bã, tuyệt đại đa số trí thức đồng tâm đồng lòng với đảng”... Chỉ trong phút chốc những phần tử cánh hữu đã cảm thấy mình bị quần chúng nhân dân bao vây như “biển lớn nghìn trùng”, “chỉ có thể hết sức thành thực tuân thủ, không được nói càn làm bừa”. Mỗi lần Trung Cộng phát động những cuộc vận động chính trị thì đều phát động đảng, chính trị, quân đội, công đoàn, đoàn thanh niên, liên hiệp phụ nữ, các đảng phái dân chủ, các nhân sĩ không đảng phái, giới tôn giáo, giới giáo dục, giới khoa học kỹ thuật, giới văn nghệ, giới pháp luật, “đồng bào các dân tộc và kiều bào hải ngoại”, “đồng bào Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao”, thậm chí đến cả công nhân, nông dân phổ thông (kỳ thực là người đại diện của Trung Cộng đều được cài vào nội bộ những đoàn thể này), “vạch trần”, “lên án”, “tố cáo”, nguy tạo ra giả tượng toàn dân nhiệt liệt đồng tình. Những người có kiến giải độc lập thì bị dồn vào nhóm tâm lý yếu thế của “phái thiểu số”, dẫu có ý kiến bất đồng thì cũng không dám lên tiếng, thậm chí còn không dám tin vào chính bản thân mình. Cái gọi là “một triệu chữ ký” được Trung Cộng vận động trong cuộc bức hại Pháp Luân Công, cũng cùng một giuộc với “nguy tạo đại đa số”, “nguy tạo dân ý” trong quá khứ.

Ngoài việc “nguy tạo ý dân”, chiến tranh tâm lý của Trung Cộng còn bao gồm thủ đoạn “mượn thế uy quyền”. Nhân dân trăm họ hoặc nhiều hoặc ít đều có tâm lý “sùng bái uy quyền”, lời của các “chuyên gia”, “giáo sư”, “học giả” so với lời của tiểu dân ở ngoài đường ngoài chợ hẳn là có sức nặng hơn nhiều, cũng có vẻ khách quan hơn, trung lập hơn so với lời của cán bộ Trung Cộng. Nhưng dưới sự thống trị của Trung Cộng thì không hề có sự tồn tại của các

chuyên gia trung lập, khách quan, dù có thì cũng không thể chen chân vào phương tiện truyền thông của Trung Cộng. Những “nhà lý luận”, “nhà khoa học” mũ mào chỉnh tề bước lên màn ảnh, dùng ngôn ngữ học thuật để tạo ra cái vỏ bọc đường hoàng đỉnh đạc cho những nội dung mà “đảng” muốn tuyên truyền. Quần chúng nhân dân xem mà không hiểu cái vở hát bè mà “đảng” và “chuyên gia” cùng diễn nên đã trở thành vật hy sinh cho việc tuyên truyền Văn hóa đảng.

(4) Công khai bịa đặt, lừa bịp thế giới

Bịa đặt công khai, chiêu này có thể coi là chiêu kinh điển của Trung Cộng, từ Mao Trạch Đông đến Giang Trạch Dân, từ Đường Gia Tuyển đến Lý Triệu Tinh, từ Trương Văn Khang đến Tần Cương^[4], Trung Cộng coi chiêu này như vật báu, dùng đi dùng lại biết bao lần.

Mao Trạch Đông nói rằng: “Tần Thủy Hoàng đáng kể gì? Ông ta chỉ giết có 460 nho sĩ, còn chúng ta thì thủ tiêu đến 46 ngàn tên trí thức. Có người cho chúng ta là kẻ độc tài thống trị, giống như Tần Thủy Hoàng, chúng ta thừa nhận tất cả. Nó phù hợp với thực tế. Tiếc thay họ nói thế còn chưa đủ, cho nên chúng ta cần phải gia tăng để bổ sung.” Cái “khí khái” kiểu “ta là lưu manh ta sợ gì ai” này quả thực đã trấn áp rất nhiều người. Những người lương thiện thường cho rằng, một người dám nói thẳng thẳng khí khái, thì hành động nhất định là phải quang minh lỗi lạc. Do vậy, trong “Hùng văn tứ quyển” của Mao, cho dù những đoạn văn “lưu manh vô lại kiểu đàn bà chửi đồng” này có rất nhiều, nhưng mọi người lại rút ra kết luận là: Đây là biểu hiện của “Nhà cách mạng giai cấp vô sản với tâm hồn lỗi lạc” và “khí khái anh dũng”.

Giang Trạch Dân y vào thân phận nguyên thủ một quốc gia đã vu khống

[4] Lý Triệu Tinh là Bộ trưởng ngoại giao Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa từ năm 2003 đến năm 2007. Tần Cương là nhà ngoại giao, hiện đang là Phái viên Đại sứ quán Trung Quốc tại Luân Đôn. Ông từng là người phát ngôn Bộ Ngoại giao Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa từ năm 2005 đến 2010.

Pháp Luân Công trước giới truyền thông quốc tế. Những phóng viên Tây phương chưa từng biết tới những thủ đoạn đen tối và mặt dày của Trung Cộng sao có thể tưởng tượng được lãnh tụ của một quốc gia lại có thể phát ngôn bừa bãi giữa thanh thiên bạch nhật như vậy?



Ngày 09 tháng 03 năm 2006, hành vi man rợ mổ cướp nội tạng sống của học viên Pháp Luân Công ở trại tập trung Tô Gia Đồn, Thẩm Dương bị phơi bày. Ngày 28 tháng 03, Trung Cộng đã bố trí cử phát ngôn viên Bộ ngoại giao là Tân Cương thể thốt phủ nhận những lời buộc tội tại cuộc họp báo. Thậm chí y còn “mời” giới truyền thông tới điều tra. “Thủ thuật che mắt” này tuy không thật cao minh nhưng vẫn có thể mê hoặc một số người. Các điều tra viên của “Ủy ban điều tra toàn diện sự thật về việc Pháp Luân Công bị bức hại ở Trung Quốc Đại Lục” lập tức hành động, họ tới Lãnh sự quán Trung Quốc ở Úc, Đức, Mỹ để xin visa, ba lần xin visa, ba lần đều bị từ chối. Nhân viên công tác ở Tổng Lãnh sự quán Sydney đương nhiên là không tin lời dối trá của

tưởng quần chúng, chúng ta cần phải tin đảng, đây là hai nguyên lý căn bản.” Nhưng nếu quần chúng đều không còn tin vào đảng thì chúng ta nên tin vào ai?

Lưu Thiếu Kỳ nói: “Báo cáo tin tức phải khách quan, chân thực, công chính,” nói thật hay có phải vậy không? Giới truyền thông của những nước dân chủ cũng theo đuổi những mục tiêu này. Nhưng y lại nói tiếp: “Đồng thời phải cân nhắc tới quan hệ lợi hại, xem liệu có lợi đối với nhân dân và sự nghiệp của giai cấp vô sản hay không.” Câu này nghĩa là gì? Khi quan hệ lợi hại và nguyên tắc chân thực nảy sinh xung đột thì thứ nào quan trọng hơn? Lại nói có lợi cho “sự nghiệp giai cấp vô sản” nhưng có hại cho nhân dân thì làm thế nào?

Tiếp theo y dẫn chứng: “Ví như, Stalin đã phạm rất nhiều sai lầm, giết nhầm một số người trong cuộc chiến chống phản động, điều này là có thật. Nhưng nếu đưa tin, thì đối với công cuộc đấu tranh trước mắt rất bất lợi, đây là vấn đề lập trường.”

Stalin đã giết chết bao nhiêu người? Theo thống kê chưa đầy đủ, từ năm 1929 đến năm 1953 tổng cộng có 19.500.000 công dân Liên bang Xô viết trở thành vật hy sinh trong cuộc đàn áp của Stalin (không bao gồm những năm chiến tranh), tương đương với 1/10 dân số của Liên bang Xô viết lúc bấy giờ.



Chỉ vì lợi ích của một đảng Trung Cộng mà mạng sống của hai mươi triệu người có thể bị coi nhẹ, đây chính là cái “khách quan, chân thực, công chính” mà Lưu Thiếu Kỳ nói đến. Đương nhiên, điều này là phù hợp với lập trường nhất quán của Lưu. Đầu những năm 40, y từng nói: “Phân biệt tốt xấu là phải xuất phát từ lợi ích của đảng, công tác của đảng, khoác lác phình nình là không tốt, nhưng nếu có lợi cho công tác thì lại là tốt, thì nên làm.”

Ngày nay bộ máy thông tin của Trung Cộng, vừa “phản đối thông tin giả”, vừa “kiểm soát chặt chẽ quan điểm chính trị”; vừa lặp đi lặp lại nhiều lần rằng “tất cả đều xuất phát từ thực tế”, vừa bắt giữ những nhà báo dám nói sự thật; vừa nói dối mang tính chế độ, vừa công kích “tính giả dối” về thông tin của các quốc gia tư bản chủ nghĩa. Muốn thấu hiểu bộ mặt thực của Trung Cộng thì không thể chỉ nghe nó nói, mà phải xem nó làm.

III.1-4 – Thủ đoạn nhỏ nhất “tiến cùng thời gian”

Sau Cách mạng Văn hóa, Trung Cộng phát động bộ máy tuyên truyền, nói rằng những tội ác tày trời mà đảng ra lệnh thực thi thành “sai sót” không thể tránh khỏi của một số lãnh đạo cá biệt, nhưng dấu sao thì trò lưu manh ‘đảng ta luôn đúng’ đã không còn linh nghiệm. Cho nên Trung Cộng cũng đưa ra rất nhiều các thủ đoạn tuyên truyền tinh vi hơn, lừa bịp hơn tiến cùng với thời gian.

– *Lấy thật loạn giả*. Nếu như nói trước năm 1949, sách lược tuyên truyền của Trung Cộng là “lấy giả loạn thật”, miêu tả tà thuyết không có cơ sở thành quy luật phát triển của lịch sử, vậy thì sau năm 1949 sách lược tuyên truyền của Trung Cộng được gọi là “biến giả thành thật” – Trung Cộng cưỡng chế gây mâu thuẫn giữa các giai tầng khắp nông thôn cho tới thành thị, cho nên triết học đấu tranh kia dường như đã phản ánh được hiện thực xã hội một cách “khách quan”. Sau khi cải cách mở cửa, sách lược của nó lại điều chỉnh thành “lấy thật loạn giả”, trộn lẫn sự thực vào những lời dối trá, hư hư thực thực, khiến

con người căn bản không cách nào phán đoán rốt cuộc đầu là thật, đầu là giả.

— *Mảng nhỏ, giúp lớn.* Điều này cũng giống như chống tham nhũng “đánh ruồi muỗi chứ không đánh hổ” vậy, hiện tại các phương tiện truyền thông của Trung Cộng cũng phơi bày một số việc không lành mạnh, tạo ra giả tưởng về sự công chính của truyền thông và tự do ngôn luận. Nhưng với tấm màn che liên quan đến an nguy thống trị của Trung Cộng thì nó lại kiên quyết không hé mở. Một số cơ quan truyền thông dùng những tin tức phụ diện lật vạt để giành được một chút lòng tin nhất định, khi Trung Cộng phát động vận động chính trị một lần nữa nó lại vung tay tàn nhẫn. Các tiết mục “Phỏng vấn tiêu điểm”, “Lời thật nói thật” của Đài truyền hình Trung ương hoặc là dựa vào việc dám đưa những tin tức phụ diện không động chạm đến lợi ích căn bản của Trung Cộng, hoặc là dựa vào phong cách khá mới mẻ để đạt được tín nhiệm của nhân dân, nhưng đối với những việc lớn “liên quan đến sinh tử tồn vong của đảng”, ví dụ như đối với việc Pháp Luân Công bị bức hại, thì bị Trung Cộng lôi ra vũ đài, lợi dụng chút lòng tin của nhân dân đã tích lũy được trước đây để bịa đặt vu khống, và họ đã bị đưa vào vai những kẻ còn đồ vô liêm sỉ trên phương diện dư luận.

— *Dựa vào một lượng lớn các kênh truyền thông đưa đẩy rây những tin tức vụn vặt hạ lưu cấp thấp, khiến những tin tức chân thực bị chìm ngập trong bãi rác văn tự.* Một nhà báo phương Tây đã từng tiến hành phỏng vấn ở Trung Quốc nói rằng: Mấy chục năm trước người ta không biết đến nhân sĩ dân vận Ngụy Kinh Sinh [5] là vì Trung Cộng đã xóa sạch tên ông trong các nguồn thông tin; con người hiện nay không biết tới Ngụy Kinh Sinh là vì sự gọi cảm hấp dẫn của các minh tinh trong làng giải trí. Trung Cộng nhất quán “chống xuất bản sai”, “không chống khiêu dâm”. Xem lướt qua “Cổng thông tin điện tử” của Trung Cộng, sẽ phát hiện ra rằng trong đó đầy rẫy là những thông tin

[5] Ngụy Kinh Sinh là nhà hoạt động trong cuộc “Vận động Dân chủ ở Trung quốc”, nổi tiếng nhất về việc viết tài liệu “Hiện đại hóa thứ 5” trên “Bức tường Dân chủ” ở Bắc Kinh năm 1978. Ông nổi tiếng vì đã bị chính quyền Trung Quốc bắt và trải qua 15 năm trong nhà tù do tài liệu kể trên.

khieu dân hạ lưu và những tin tức vặt vãnh vô vị của xã hội. Có học giả đã từng thống kê, các trang web ở nước ngoài, nếu như đăng tranh ảnh khieu dân thì chỉ có 10% bị chặn, nếu như tổ chức một trang web phản đối đảng thì khả năng là bị chặn là 60%; nếu như bàn luận về “Pháp Luân Công” sẽ có 75% là bị chặn; còn những trang web đăng “Cửu bình Đảng Cộng sản” thì khả năng bị chặn lên tới trên 90%. Ích kỷ, lạnh nhạt, ủy mị sứt mứt, những người mà trong đầu óc nhỏ nhớt đầy những thông tin rác rưởi không thể có những phán đoán lý tính đối với đại cục của xã hội, những người này có lợi nhất cho sự thống trị hiện tại của Trung Cộng, do vậy nó dốc sức tạo ra những cá nhân như vậy.

— *Xuất khẩu lời dối trá và tuyên truyền và tiêu thụ thứ đã xuất khẩu ở trong nước.* Mao Trạch Đông từng nói, đưa ra “thông tin tham khảo” chính là một loại vắc-xin đậu mùa, “tăng cường khả năng miễn dịch về chính trị của cán bộ và quần chúng.” Trung Cộng ngày nay không chỉ bằng lòng với việc tìm ra một số đoạn trích ít ỏi có lợi cho nó trong vô số những trang báo chí nước ngoài nữa. Nó vừa xuất khẩu những lời dối trá, đầu độc dân chúng các quốc gia khác, vừa trực tiếp mua chuộc hãng thông tấn hải ngoại (cả tiếng Trung và ngôn ngữ khác) và các tác giả giúp nó tô vẽ cho bản thân. Tên trùm đại ác của Trung Cộng là Giang Trạch Dân vì bức hại Pháp Luân Công, y đã bị kiện lên tòa án tại hơn 20 quốc gia, nhằm cứu vãn tàn cục trong hoàn cảnh bị vây tứ phía, y đã mua chuộc Kuhn, Giám đốc Điều hành của ngân hàng Hoa Kỳ đầu tư làm ăn tại Trung Quốc, người mà một chữ tiếng Trung bẻ đôi cũng không biết, hợp tác với một số đối tác khác xuất bản cuốn ” ‘Giang Truyền’ quan điểm của chúng tôi”. Về vấn đề Pháp Luân Công, hãng truyền thông và thông tấn xã của một vài quốc gia đã không chống lại được sự cám dỗ mà đổi giọng lặp đi lặp lại những lời dối trá của Tân Hoa Xã, Trung Cộng lại dùng những lời dối trá này để lừa bịp dân chúng trong nước.

— *Phân biệt đối xử: kẻ thì đánh, người thì lôi kéo.* Sau năm 1989, Trung Cộng bắt đầu cố ý lôi kéo mua chuộc phần tử trí thức, công chức và quân đội. Ngoài việc tăng lương, ngấm ngấm đồng ý cho nhóm người này có được một

số đặc quyền và thu nhập đen, còn cho họ quyền được biết thông tin nội bộ và quyền ngôn luận nhất định, từ đó lấy lòng họ và thu phục được sự trung thành của họ. Một chút quyền tự do hữu hạn ấy bị hạn chế nghiêm khắc trong một cái vòng tròn nhỏ (như phòng khách của học giả), tuyệt không cho phép tiến nhập vào truyền thông đại chúng. Những người này mang ấn tượng hư ảo rằng Trung Cộng đang dần nới lỏng khống chế ngôn luận, do vậy mà vui vẻ biện hộ cho Trung Cộng, Trung Cộng cũng vui vẻ để cho những lời biện hộ của họ tiến nhập vào truyền thông đại chúng, dẫn hướng quần chúng phổ thông đi lạc đường.

Sách lược tuyên truyền của Trung Cộng còn bao gồm: phát tán lời dối trá tới mức vô lý, nếu mọi người xuất phát từ kinh nghiệm và thường thức thì không thể nào tin được một chính quyền lại có thể vô sỉ và hoang đường đến như vậy, do vậy đành phải tạm tin cách nói của chúng; khi reo rắc những lời dối trá thấu trời nó lại càng chú trọng tới tiểu tiết, vì tiểu tiết có khả năng dẫn động nhân tâm nhất, xóa đi nghi vấn; mời những người nước ngoài không biết sự thật lên màn ảnh, dẫn dụ họ nói ra những lời mà Trung Cộng muốn họ nói ra; để chào hàng tốt hơn thì về kỹ thuật và hình thức phải “sáp nhập với thế giới”, phát sóng trực tiếp tại hiện trường, gọi điện thoại đường dây nóng, đưa tin theo chiều sâu, điều tra “dân ý”... đủ chiêu thức mới, những chiêu cũ có đều đã dùng.

Trung Cộng có cơ cấu tuyên truyền lớn nhất thế giới. Những người làm việc trong những cơ cấu này, mặc dù lương tri chưa mất, muốn vì nước vì dân mà làm một số việc tốt, nhưng dưới sự khống chế nghiêm ngặt của Trung Cộng, họ hoàn toàn không thể làm theo ý mình. Chỉ cần “phương châm chính sách” của Trung ương Trung Cộng được ấn định, thì đội ngũ này sẽ phát huy hết khả năng, sản xuất hàng loạt những lời dối trá. Trung Cộng vận hành cả một bộ máy nói dối khổng lồ, suốt mấy chục năm nó tuyên truyền nhồi nhét vào đầu người Trung Quốc Thuyết vô Thần, Thuyết duy vật, triết học đấu tranh và đủ loại tà thuyết sai lệch. Những tà thuyết sai lệch muôn hình vạn trạng, chúng đã “ngấm vào máu, hòa vào hành động”, khi mỗi cá thể đều dùng chúng

để suy xét vấn đề một cách vô thức, thì mùa bội thu của Văn hóa đảng đã đến.

III.2 – CƯỜNG CHẾ NGƯỜI DÂN ĐỌC SÁCH CỦA MARX, ENGELS, LENIN, STALIN, VÀ MAO TRẠCH ĐÔNG

TẠI NHỮNG QUỐC GIA DÂN CHỦ PHƯƠNG TÂY, mặc dù với rất nhiều người bình thường thì Chủ nghĩa Cộng sản đồng nghĩa với “tà ác”, nhưng cũng như các loại sách khác, sách của Marx, Engels, Lenin, Stalin, và Mao Trạch Đông vẫn được tự do xuất bản, lưu thông và truyền đọc. Mặc dù học thuyết Bạo lực cách mạng của Marx, Lenin đa phần đều bị mọi người chán ghét, vứt bỏ, nhưng các học giả vẫn tiến hành nghiên cứu những lý luận ấy như một trường phái xã hội học hay chính trị học. Các trường đại học khuyến khích sinh viên tự do suy nghĩ và sáng tác, giáo sư không bao giờ quy định là sinh viên nhất định phải tôn thờ điều gì. Trong xã hội, dù các loại trường phái tư tưởng bất đồng từ bảo thủ cho đến cấp tiến đều tự do cạnh tranh, con người có nhiều sự lựa chọn, so sánh, tâm thái rộng mở, không dễ dàng mù quáng theo đuổi bất cứ thứ gì.



Marx, Engels, Lenin, Stalin, và Mao được người khác khoan dung, không có nghĩa là họ cũng sẽ khoan dung với người khác. Sau khi Đảng Cộng sản cướp đoạt chính quyền, nó đã ấn định rập khuôn lại hình thái ý thức, thực hành tà giáo chính trị – tôn giáo hợp nhất, lợi dụng bạo lực và những thủ đoạn của tổ chức nhằm cưỡng chế nhân dân đọc sách của Marx, Engels, Lenin, Stalin, và Mao nhằm tuyên truyền nhồi

nhét giáo lý tà giáo. Mấy chục năm nay, trong thể hệ tư tưởng của Trung Cộng, tư tưởng của Marx là kinh điển của văn minh phương Tây, tư tưởng Mao Trạch Đông là “chủ nghĩa Marx cao nhất, sống động nhất”, tất cả các tư tưởng truyền thống chính thống hoặc là bị sửa đổi, hoặc là bị xuyên tạc, hoặc là bị cấm tuyệt đối. Hạt giống hoang đường của chủ nghĩa Marx-Lenin lại được lưu truyền, đầu độc biết bao thế hệ người Trung Quốc.

Vậy Trung Cộng đã cưỡng chế nhân dân đọc sách của Marx, Engels, Lenin, Stalin và Mao như thế nào?

Thứ nhất, nó lợi dụng thủ đoạn tổ chức, thông qua “sinh hoạt tổ chức”, “học tập chính trị” mà cưỡng ép đảng viên, đoàn viên học tập các tác phẩm của Marx, Engels, Lenin, Stalin, Mao, Đặng, Giang và các văn kiện của Trung Cộng. Những người đã từng tham gia tổ chức của Trung Cộng đều biết, “sinh hoạt tổ chức”, “học tập chính trị” định kỳ của Trung Cộng thì sét đánh cũng không thể thay đổi, những người tham gia những cuộc họp này được yêu cầu đọc các sách của Marx-Lenin và những tài liệu của Trung Cộng, thường bị yêu cầu phải viết thu hoạch sau học tập, nộp báo cáo tư tưởng.

Thứ hai, định kỳ chỉnh phong, chỉnh đốn Đảng, cưỡng ép đảng viên phải định kỳ học sách của Marx, Engels, Lenin, Stalin, Mao, Đặng, Giang và các văn kiện của Trung Cộng, nếu không sẽ phải đối mặt với việc bị chỉnh đốn hoặc xử phạt. Vận động chỉnh phong những năm 40, chống cánh hữu những năm 50, Cách mạng Văn hóa những năm 60, 70, chỉnh đốn tác phong Đảng, chỉnh đốn chỉnh phong đầu những năm 80, “thanh trừ ô nhiễm tinh thần”, “phản đối giai cấp tư sản tự do hóa” những năm 80, gần đây nhất là cuộc vận động “Bảo Tiên” (*bảo trì giáo dục mang tính tiên tiến của đảng*), cứ cách vài năm hoặc mười mấy năm, khi sức khống chế con người của Trung Cộng trở nên yếu đi, thì Trung Cộng lại tiến hành một đợt giáo dục “đảng tính”, xác nhận lại sự khống chế tư tưởng của “tổ chức đảng” đối với đảng viên.

Cuối năm 2004, sau khi cuốn “Cửu bình Cộng sản đảng” xuất bản, Trung Cộng ý thức được nguy cơ trước nay chưa từng có đối với sự thống trị của mình.

Tháng 01 năm 2005, Trung ương Trung Cộng đã phát động “Cuộc vận động Bảo Tiên”, theo kế hoạch sẽ bắt đầu vào tháng 01 năm 2005, dùng thời gian khoảng một năm rưỡi để triển khai trong toàn đảng “Hoạt động bảo trì giáo dục mang tính tiên tiến của đảng viên cộng sản với nội dung tư tưởng chủ yếu là đưa ‘Tam đại biểu’ vào thực tiễn”. Đảng viên được yêu cầu học các loại văn kiện, ôn lại lời thề, đăng ký lại tên, viết báo cáo tư tưởng và tâm đắc học tập rất dài.



Mặc dù Đại hội tổng kết của Trung Ương Trung Cộng triệu tập vào ngày 29 tháng 06 năm 2006 đã thổi phồng rằng cuộc vận động Bảo Tiên có “chủ đề mới, có sức lãnh đạo, phương pháp thỏa đáng, công tác thiết thực,... giành được thành quả thực tiễn, thành quả về chế độ, thành quả về lý luận một cách rõ rệt”, nhưng cán bộ, đảng viên cực kỳ phản cảm với Bảo Tiên, đây hoàn toàn là một bí mật được công khai. Người ta âm thầm oán trách, than phiền, tiếng oán thán khắp nơi, mặt khác họ cũng không cách nào viết ra được những bài văn sáo rỗng ấy.

Cao giọng lặp đi lặp lại hình thái ý thức đó, mặc dù khiến con người chán ghét nhưng lại có thể có tác dụng một cách vô thức. Năm 1964, trong một buổi đàm thoại liên quan tới giáo dục, Mao Trạch Đông nói: “Thì cứ có thể ghé đầu rí tai, thậm chí có thể mạo danh thay thế. Mạo danh thay thế cũng chẳng qua là chép một lượt bài của người khác, tôi không làm được, anh viết ra rồi thì tôi chép lại một lượt, cũng có thể có một số tâm đắc.” Trung Cộng đã nhắm rất chuẩn, sau khi “chép một lượt”, lặp lại một lượt, đảng viên và quần chúng sẽ có ấn tượng sâu sắc hơn với những lời dối trá. Những lời dối trá này lưu giữ trong ký ức của con người, vào một lúc nào đó, họ rất có thể sẽ lặp lại những lời dối trá và giọng điệu ấy một cách vô thức, gián tiếp đầu độc người khác. Mặt khác, với những đảng viên mà nhân tính và lương tri vẫn chưa mất, cũng có thể đạt được mục đích làm nhục nhân cách của người đó. Nói dối một lần cũng là nói dối, thỏa hiệp một lần cũng là thỏa hiệp, qua một thời gian dài những người này đành phải vứt bỏ sự kiên định vào nhân cách của bản thân và bắt đầu hòa theo trào lưu. Đồng thời Trung Cộng làm như vậy cũng là đang cố ý nuôi dưỡng sự chán ghét của con người với chính trị. Khi có lợi cho nó thì Trung Cộng kích động mọi người nhiệt tình chính trị, cổ động rằng “phải quan tâm tới quốc gia đại sự”, phê phán các phần tử lạc hậu về chính trị, phê phán “phái tiêu dao” (*những người không thích ràng buộc, gò bó*). Hiện nay, Trung Cộng lại ám thị cho mọi người không nên tham gia chính trị, nếu không sẽ bị dán nhãn “làm chính trị”. Mỗi cuộc vận động chính trị đều làm giả tạo theo thể chế từ trên xuống dưới, chạy theo hình thức, khiến người Trung Quốc nảy sinh tâm lý “chính trị đen tối như vậy”, “ai muốn lợi vào vũng nước bẩn đó kia chứ”, cho nên toàn dân hướng vào đồng tiền, con người trở nên ích kỷ, lạnh nhạt, xảo quyệt, hoài nghi tất cả, không tin rằng trên thế giới vẫn còn người tốt, đoàn thể nào bị Trung Cộng đàn áp cũng là do họ không hiểu triết lý phòng thân mà tự rước họa vào thân. Chính trong môi trường chán ghét chính trị được tạo ra một cách cố ý này, Trung Cộng lại một lần nữa giữ vững giang sơn, tiếp tục điên cuồng cướp đoạt tài sản của quốc dân và bức hại một cách hiểm độc những ai còn có lương tri và thiện niệm.

Thứ ba, số lượng sách của Marx, Engels, Lenin rất khổng lồ, các đảng viên có trình độ văn hóa không cao không thể đọc hết những cuốn sách đó. Cho nên chuyển từ đọc sách của Marx – Lenin chuyển sang đọc chủ nghĩa Marx đã được Trung Quốc hóa – tức là tư tưởng Mao Trạch Đông (Trong thời gian Mao nắm quyền 27 năm, Mao đã phát hành ước tính khoảng 5, 6 tỷ cuốn sách), từ đọc “Mao Tuyển”, “Mao Ngữ Lục”, “Lão Tam Thiên”, cái chủ nghĩa vốn dĩ hỗn tạp nay lại càng ngày càng trở thành những khẩu hiệu, biểu ngữ đơn giản thô bạo, vô lý, nực cười. “Đạo lý của chủ nghĩa Marx vô cùng phức tạp nhưng suy cho cùng đều là một câu: Tạo phản có lý.” Trong Cách mạng Văn hóa đã xuất hiện những cảnh tượng khôi hài như thế này: Nửa đêm canh ba, mọi người thức kinh tinh giấc vì tiếng kèn đồng, hóa ra là truyền đạt “chỉ thị tối cao”; khi mua hàng, người ta sẽ nói: “Cần phải đấu tố tư sản, phê bình chủ nghĩa Tu chính (*chủ nghĩa xét lại*)! Thịt này bao nhiêu tiền một cân?” Người bán hàng sẽ đáp lại: “Vì nhân dân phục vụ, 1 hào 8”. Tối nay, tại rất nhiều địa phương của Trung Quốc vẫn có thể nhìn thấy những khẩu hiệu, biểu ngữ thời Mao quét trên tường. Những khẩu hiệu này đương nhiên không thể giải thích được hiện thực, nhưng từ Lâm Chiêu, Ngô La Khắc cho tới Trương Chí Tân, những người hết lòng với Đảng Cộng sản xưa nay đều không có kết cục tốt đẹp,



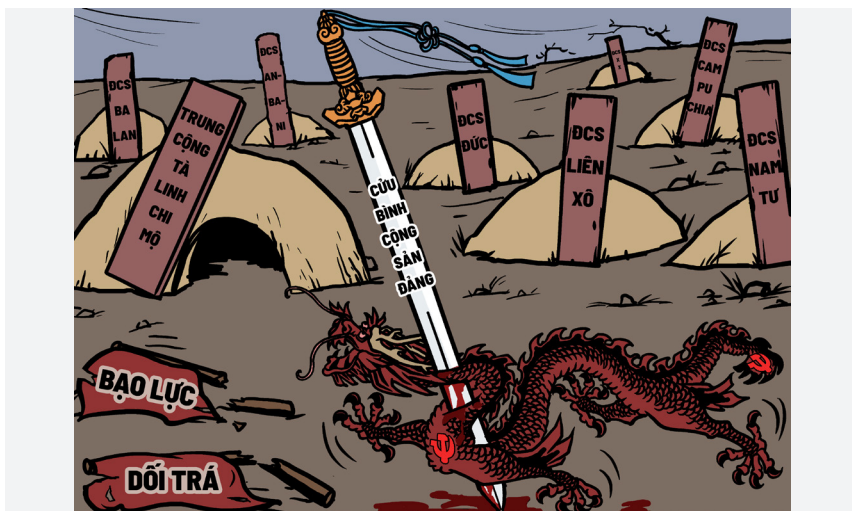
những ký ức này vẫn còn mới tinh nguyên với mọi người, chỉ cần nghĩ tới nó không rét mà đã run. Cho nên những người đã quen với các cuộc vận động không ai dám chân thật nữa, “ngoan ngoãn cho qua chuyện”, gió chiều nào che chiều ấy, giả điếc cầu toàn.

Thứ tư, cứ mỗi lần vận động chính trị Đảng Cộng sản lại cấm sách, hủy sách, đốt sách khiến đời sống tinh thần của nhân dân thiếu thốn cùng cực nên đành phải đọc một số lượng nhỏ sách mà Trung Cộng cho phép. Sau cuộc bùng nổ của Cách mạng Văn hóa, các xưởng in ở Trung Quốc đều bận rộn in Mao Ngũ Lục và Mao Tuyển, việc in ấn xuất bản bình thường đều phải dừng lại. Trong mấy năm đầu Cách mạng Văn hóa, ngành xuất bản Trung Quốc dường như chỉ là một khoảng trống. Một lượng lớn sách bị coi là rác rưởi “phong kiến, tư bản, tu chính”, thiêu hủy tứ cụ, thư viện đóng cửa, hiệu sách cũng chỉ bán sách của lãnh tụ. Lúc đó rất nhiều gia đình, ngoại trừ “Hồng bảo thư” (Sách đồ quý giá) của đảng thì hầu như không còn loại sách vở nào khác. Rất nhiều tù nhân lương tâm, thanh niên trí thức, những người cánh hữu bị đi đày (hoặc cách chức) đều từng phải đọc đi đọc lại cuốn “Mao Tuyển” mười mấy lần, thậm chí mấy chục lần.

Thứ năm, Trung Cộng cũng tiến hành thâm tóm kiểm soát trong lĩnh vực giáo dục và chính trị, sách giáo khoa từ tiểu học cho tới đại học đều tràn ngập những bài viết của Marx, Engels, Lenin, Stalin, Mao và ca ngợi công đức của những người này. Chỉ cần đi học thì không thể thoát được bị tẩy não và tuyên truyền nhồi nhét của Trung Cộng. Rất nhiều mục được yêu cầu học thuộc lòng. Thanh thiếu niên có trí nhớ rất tốt nhưng lại không có khả năng phân tích, từ nhỏ đã bị nhồi nhét một mớ lớn những thứ lý luận hoang đường của Đảng Cộng sản, trong đó có rất nhiều quan niệm và tập quán tư duy sẽ chi phối cả đời một con người.

Trải qua hơn một nửa thế kỷ lao tâm khổ tứ cai trị, Trung Cộng đã dùng rất nhiều sách của Marx, Engels, Lenin, Stalin, Mao, Đặng, Giang và của rất nhiều văn nhân khác nhằm giăng ra thiên la địa võng khắp Trung Quốc. Kết

thành cái lưới này chính là những khái niệm, phán đoán và suy luận hòng mưu toan dùng phương thức của bản thân mình để giải thích Thiên, Địa, Nhân, xã hội nhân loại và tư tưởng con người, triệt để ngăn con người tiếp xúc với thế giới chân thực, triệt để thay thế nhận thức và phán đoán đã ăn sâu vào lòng người về tự nhiên, nhân tính và sự vật, cuối cùng tạo ra những người mất gốc, tà đảng Trung Cộng bảo sao nghe vậy. Ngày nay, tấm lưới lớn này mặc dù vô cùng mục nát, nhưng do tư duy của con người đã trở thành quán tính nhất định, tạm thời nó vẫn đang trói buộc, cầm tù tư duy của một số người. Cùng với việc truyền bá “Cửu bình” và phá trừ văn hóa đảng, con người cuối cùng cũng sẽ có thể chào đón một ngày mà cái lưới kia bị phá bỏ triệt để.



III.3 – LỢI DỤNG CÁC VĂN NHÂN CỦA TÀ ĐẢNG ĐỂ CA NGỢI CÔNG LAO CỦA ÁC ĐẢNG

BÀI BÌNH LUẬN SỐ 1 TRONG CỬU BÌNH ĐÃ CHỈ RA RẰNG: “... tất cả các xã hội của chính quyền không cộng sản, không kể là chuyên chế hay cực quyền

đến mấy, xã hội nào cũng đều có một bộ phận những tổ chức tự phát triển và có các thành phần tự chủ... Vậy mà các chính quyền của Đảng cộng sản đều tiêu diệt sạch những tổ chức tự phát và các thành phần tự chủ, để thay vào đó là kết cấu tập trung quyền lực triệt để, từ trên xuống dưới.” Một trong những hậu quả do Đảng Cộng sản khống chế xã hội một cách hà khắc cực đoan tạo thành là sự biến mất của giai tầng phân tử trí thức độc lập. Trung Cộng tiêu diệt một bộ phận phân tử trí thức, những người khác thì bị gán vào đủ kiểu “đơn vị”. Thực tế đơn vị là hình thức tổ chức cơ bản mà Trung Cộng sử dụng để khống chế nhân dân ở thành thị trên mọi phương diện. Phân tử trí thức mất đi phương thức mưu sinh và không gian tự do ngôn luận bị chính quyền khống chế, đành phải phụ thuộc vào Trung Cộng, dưới áp lực khổng lồ và bị đẩy vào bước đường cùng, đại bộ phận trong số họ đành phải sử dụng tri thức chuyên môn của mình mà ca ngợi tà đảng trên mọi góc độ với mọi phương thức nhằm bảo toàn tính mạng và nuôi sống gia đình. Xã hội Trung Quốc vốn có truyền thống “Tôn Sư trọng Đạo”, chính quyền Trung Cộng lợi dụng sự tín nhiệm và tôn trọng của dân chúng với những người làm công tác văn hóa, gián tiếp nhồi nhét Văn hóa đảng vào trong dân chúng thông qua tác phẩm và ngôn luận của các văn nhân, thay đổi tiêu chuẩn thiện ác của người Trung Quốc. Việc kiến lập và duy trì một giai tầng “phân tử ngụy trí thức”, vừa khiến Trung Cộng thoát khỏi bị phán xét sự trong sạch và ước chế của dư luận, vừa giúp nó có thể ngụy tạo ra “thành quả nghiên cứu” và “dư luận xã hội” có vẻ công bằng mọi lúc mọi nơi, biện hộ cho sự thống trị của tà đảng.

Phương thức Trung Cộng thu nạp văn nhân chủ yếu bao gồm: Trực tiếp thu hút họ gia nhập đảng và còn gia nhập chính quyền (chính phủ, đại hội đại biểu nhân dân, hiệp hội chính trị), như Quách Mạt Nhược đã từng đảm nhận vị trí Phó Thủ tướng Chính phủ, nhà lịch sử học Ngô Hàm từng đảm nhận vị trí Phó Chủ tịch Hiệp hội Chính trị thành phố Bắc Kinh, Phó Thị trưởng thành phố Bắc Kinh; đặt họ vào các đảng phái dân chủ; đặt họ vào các cơ cấu như Viện Nghiên cứu Khoa học (Viện Nghiên cứu Khoa học Xã hội), đại

học hoặc các Viện Nghiên cứu Văn hóa Lịch sử, hoặc đưa họ vào Hiệp hội các tác gia, Hiệp hội kịch sân khấu, Hội liên hiệp Văn học Nghệ thuật và các ban ngành khác. Dịch giả Phó Lôi, người đã tự sát cùng vợ trong Cách mạng Văn hóa, là một trong những số ít những người hành nghề tự do không thuộc vào bất kỳ “đơn vị” nào sau khi Trung Cộng giành chính quyền.



Nhằm tiện khống chế hình thái ý thức, vào những năm 50, Trung Cộng đã tiến hành chương trình “điều chỉnh các viện nghiên cứu” của các học viện cấp cao, hợp nhất rất nhiều khoa triết học của nhiều trường học với nhau. Những môn như chính trị học, xã hội học, tâm lý học, nhân loại học v.v. được gọi là môn học của giai cấp tư sản, bị thủ tiêu triệt để, cho tới những năm 80 mới dần được khôi phục trở lại. Cơ cấu các trường đảng, viện nghiên cứu khoa học xã hội, các trường đại học, cao đẳng công kênh từ Trung Ương đến địa phương, nhân viên nhiều như nấm, được treo biển “nghiên cứu khoa học”, dùng trăm phương nghìn kế nhằm biện chứng cho tính hợp pháp cho Trung Cộng.

Trải qua những bước như tổ chức và thu nạp cải tổ, cải tạo tư tưởng, khủng bố bằng bạo lực, dụ dỗ bằng lợi ích, đào thải những người bất đồng tư tưởng (Cuộc vận động “chống cánh hữu” đã lưu đầy những phân tử trí thức dám lên tiếng trước bàn dân thiên hạ) v.v. Trung Cộng đã nắm chặt phần tử tri

thức trong lòng bàn tay, một số ít người chính trực và thanh tịnh nhiều nhất cũng chỉ dám phẫn nộ mà không dám lên tiếng, những người nhu nhược sợ hãi đành phải thuận theo chiều gió. Những kẻ nịnh hót xảo quyệt lại chủ động xông pha, làm nanh vuốt và vây cánh cho ác đảng.

Trung Cộng cài đại diện và cổ động viên chủ chốt vào nội bộ giới triết học, giới sử học, giới văn học, giới khoa học, giới tôn giáo. Những người này thường ngày làm bộ làm tịch, bào chế ra hết bài văn này đến bài văn khác, hết “tác phẩm” này đến “tác phẩm” khác, biện chứng “chủ nghĩa Marx là khoa học chân chính”, “năm giai đoạn phát triển của xã hội là chân lý phổ biến”, “khoa học tự nhiên tự nó có mang tính giai cấp”, “tôn giáo là chân lý, Chủ nghĩa xã hội cũng là chân lý”, làm giàu thêm kho vũ khí cơ bản của Văn hóa đảng. Khi vận động xảy ra, những người này như cá gặp nước, theo sát xu thế nhằm biểu lộ lòng trung thành với “đảng”, dùng những thứ biên diễn giả tạo để ca ngợi công lao của ác đảng, đoạn chương thủ nghĩa, thêu dệt tội danh, công kích “kẻ thù” của Trung Cộng trên mạng một cách vô độ, bán đứng nhân cách để xin ít cơm thừa canh cặn từ ông chủ đảng. “Lương Hiệu” trong Đại Cách mạng Văn hóa, sau cuộc dân vận năm 89 có Hà Tân, trong cuộc vận động đàn áp Pháp Luân Công có Hà Tộ Hưu, Vu Quang Viễn, Phan Gia Tranh đều thuộc loại này.

Đại biểu cho những văn nhân của ác Đảng, trước đây có Quách Mạt Nhược, sau này có Hà Tộ Hưu.

Nhà văn Quách Mạt Nhược với phong cách thuận theo chiều gió được Trung Cộng tôn xưng là “tiên phong văn hóa”, có khả năng biến hóa còn giỏi hơn cả tác kẻ hoa. Trung Cộng bảo y kiểm điểm thì y kiểm điểm, bảo y phê phán Vũ Huấn, phê phán Hồ Thích, phê phán Hồ Phong^[6], y liền phê phán hăng hái

[6] Vũ Huấn là một người ăn mày và nhà hoạt động giáo dục danh tiếng thời nhà Thanh. Với việc đi ăn xin trong hơn 30 năm để góp tiền thành lập trường học dành cho những người nghèo túng, ông được coi như một đại anh hùng, các sử sách thời cận đại xưng tụng ông là “Khoảng thế kỳ nhân”.

Hồ Thích là một nhà ngoại giao, nhà văn tiểu luận và nhà triết học Trung Quốc. Ngày nay ông được công nhận rộng rãi là người có những góp to lớn cho chủ nghĩa tự do và cải cách ngôn ngữ ở Trung Quốc.

hơn bất kỳ ai, bảo y lật lại vụ án của nhân vật lịch sử nào y sẽ lật lại vụ án cho nhân vật lịch sử đó. Nhưng nguyên tắc lập trường không ngừng biến đổi của Trung Cộng khiến Quách Mạt Nhược cũng không thể thích nghi. Thời kỳ đầu của Cách mạng Văn hóa, Quách Mạt Nhược đánh hơi thấy được xu thế đã thay đổi, lập tức kiểm điểm nói: “Theo tiêu chuẩn ngày nay, những gì tôi viết trước đây, nghiêm khắc mà nói, đều nên đốt hết, không có chút giá trị nào. Nguyên nhân chủ yếu là gì? Chính là vì chưa nắm vững tư tưởng Mao Trạch Đông, chưa trang bị cho bản thân tư tưởng Mao Trạch Đông.”

“Viện sĩ chính trị” Hà Tộ Hưu, trong Cách mạng Văn hóa vì muốn tâng bốc Mao Trạch Đông và Đảng Cộng sản, đã đưa ra khái niệm “Mao Tử” và “Vô Tử”, năm 2001 lại đề ra “quy luật của cơ học lượng tử” phù hợp với tinh thần “Tam đại biểu” của Giang Trạch Dân.” Chính tên thổ phỉ khoa học này đã trở thành “nguồn lý luận” chủ yếu mà Trung Cộng dùng để công kích Pháp Luân Công.

Chính tín, chân lý và thể hệ đạo đức chính thống của nhân loại đều có đặc điểm ổn định bất biến. Còn thứ đạo đức nhây múa theo quyền lực thế tục không xứng đáng được gọi là đạo đức, chân lý không ngừng “biến đổi theo thời gian” xưa nay không hề có tư cách gọi là chân lý, niềm tin đối với một thứ không ngừng biến đổi căn bản không phải là niềm tin. Những văn nhân của tà đảng sáng nắng chiều mưa, nói một đảng làm một nẻo, tất nhiên sẽ phá hoại chút lòng tin cuối cùng còn sót lại của con người vào nhân tính và phẩm chất đạo đức tốt đẹp, cổ vũ con người vứt bỏ hết thủy chuẩn tắc đạo đức, yêu ghét những gì mà Trung Cộng yêu ghét, coi việc duy hộ sự tồn vong của chính quyền Trung Cộng thành điều trọng yếu số một.

Chương 1 và chương 2 trong cuốn sách này cũng khá đủ để có thể vạch trần các văn nhân của tà đảng trong giới học thuật, giới tôn giáo, giới khoa học, trong mục này chúng tôi sẽ phân tích trọng điểm văn nhân của tà đảng đã ca ngợi công lao của ác đảng, cải tạo tiêu chuẩn thiện ác của người Trung Quốc như thế nào trong lĩnh vực văn học.

Nghĩa rộng của văn học bao gồm văn hiến và văn chương, cũng bao gồm

những tác phẩm văn học theo nghĩa hẹp. Do ngôn ngữ trong hệ thống văn hóa nhân loại có tính trọng yếu đặc biệt, nên những nền văn hóa chính thống lớn đều vô cùng coi trọng ngôn ngữ và lai lịch văn học nghệ thuật.

Văn hóa Trung Quốc là kiểu văn hóa bán Thần. Cổ nhân tin rằng, văn chương bắt nguồn từ Thiên đạo chí cao vô thượng, do vậy mới nói “văn dĩ tải đạo” (*văn dùng chở đạo*); văn học có thể nâng cao đạo đức, tu dưỡng tính cách, do vậy mới nói “Tu từ lập kỳ thành” (*tu sửa lời ăn tiếng nói tạo nên sự chân thành*), “Thi giả trì dã, trì nhân tình chí” (*người hiểu được thơ thì kiểm chế được tình cảm, tình chí*). Những mặc khách văn nhân các thời đại coi việc sáng tác văn học là “đại nghiệp dựng nước, đại sự bất hủ”, dùng tâm thái trang trọng thành kính mà sáng tác ra rất nhiều tác phẩm văn học xuất sắc, những tác phẩm này kỳ thực chính là sự phản ánh thế giới nội tâm thuần khiết, cao thượng của họ.

Trung Cộng là một tà giáo khổng chế tư tưởng con người, sự coi trọng đối với hình thái ý thức của nó vượt xa tất cả những chính quyền từ xưa đến nay. Sau khi tà linh Trung Cộng xâm nhập, văn học không may đã trở thành công cụ đáng hổ thẹn của Trung Cộng dùng để chế tạo Văn hóa đảng, nhồi nhét Văn hóa đảng. Những văn nhân không có phẩm hạnh cúi đầu vàng mệnh Trung Cộng thì thăng tiến vùn vụt, những tác gia và thi nhân không muốn vứt bỏ sự tôn nghiêm của nhân cách bản thân thì dù tránh được bức hại, cũng bị tước bỏ cơ hội sáng tác hoặc phát biểu ý kiến, chỉ có thể lặng lẽ lụi tàn bên lề xã hội.

Văn nghệ tư tưởng của Đảng Cộng sản do Marx và Engels khởi đầu, Lenin tiếp nối, Mao Trạch Đông hoàn thiện. Trong “Bài nói chuyện tại buổi tọa đàm văn nghệ tại Kiến An”, Mao Trạch Đông công khai tuyên bố: “Đảng Cộng sản muốn văn nghệ trở thành một bộ phận cấu thành toàn bộ bộ máy cách mạng, trở thành một vũ khí mạnh mẽ để đoàn kết nhân dân, giáo dục nhân dân, công kích kẻ thù, tiêu diệt kẻ thù.” Bài thuyết giảng mang sát khí đảng đảng này chính là sự mở màn cho việc Trung Cộng lợi dụng văn nhân để kiến lập Văn hóa đảng, khổng chế thế giới tinh thần của người Trung Quốc. Từ đó, “tiêu chuẩn chính trị là số 1, tiêu chuẩn văn học là số 2”, “văn học phục vụ đấu tranh giai cấp”, “toàn đảng làm

văn nghệ, toàn dân làm văn nghệ”, “chủ đề đi trước” v.v. trở thành nguyên tắc chỉ đạo sáng tác của những tác gia bị Trung Cộng lợi dụng.

III.3-1 – Dùng tác phẩm văn học để biện giải cho chính sách và lý luận của Trung Cộng

Nhìn tổng quan lịch sử đương đại của Trung Quốc, không khó phát hiện rằng dường như mỗi lần Trung Cộng phát động vận động chính trị, nó đều bắt đầu từ việc phê phán một tác phẩm văn nghệ nào đó hoặc một bộ trào lưu tư tưởng văn nghệ nào đó.

Cuộc vận động Chính Phong những năm 40 mở màn từ tác phẩm “Hoa Bách hợp đại” của Vương Thực Vị, một loạt các cuộc vận động cải tạo tư tưởng những năm 50 bắt đầu từ việc phê phán bộ phim “Vũ Huấn truyện”, “Nghiên cứu Hồng Lâu Mộng” và cái gọi là “Tập đoàn Hồ Phong”, Đại Cách mạng Văn hóa dùng vở kịch lịch sử cải biên “Hải Thụy bái quan” của Ngô Hàm để tế cò, từ đó phê phán phim truyền hình “Hà Thương” chính là một bước trọng yếu trong việc chỉnh đốn tư tưởng sau cuộc đàn áp “Lục tứ” (vụ đàn áp sinh viên tại Thiên An Môn ngày 4/6/1989).

Về phương diện khác, các văn nhân dưới trướng của Trung Cộng nhẹ nhàng múa theo cây gậy chỉ huy của Trung Cộng, dùng tác phẩm văn nghệ để minh họa, tăng bốc lý luận và chính sách của Trung Cộng, thỏa mãn những nhu cầu chính trị của Trung Cộng qua các thời kỳ khác nhau.

Nhằm thích ứng với nhu cầu “cải cách ruộng đất” (tước đoạt ruộng đất của địa chủ) và cuộc “vận động hợp tác hóa” (tước đoạt tất cả ruộng đất của nông dân), các văn nhân đã sáng tác những tác phẩm “Bạo Phong Sâu Ủy”, (*Mưa bão đột ngột*) “Tam Lý Loan” (*Vùng vịnh ba dặm*), “Sáng Nghiệp Sử” (*Lịch sử khai nghiệp*), giúp Trung Cộng che đậy hành vi giết người, trị người tàn khốc, trắng trợn cướp bóc, lục soát nhà trong những cuộc vận động chính trị; nhằm bôi nhọ Quốc Dân đảng, tô vẽ cho cuộc nội chiến do Trung Cộng

phát động trở thành “chiến tranh giải phóng”, các văn nhân đã sáng tác ra “Lâm Hải Tuyết Nguyên” (*Cánh rừng tuyết phủ*), “Bảo vệ Diên An”, “Hồng Nham” (*Nham thạch đỏ*); Trung Cộng muốn làm đẹp cho cuộc “Kháng Mỹ viện Triều”, các văn nhân liền viết “Ai là người đáng yêu nhất”; Trung Cộng muốn minh họa cho việc cải tạo “hòa bình” các nhà tư bản, các văn nhân liền sáng tác “Buổi sớm Thượng Hải”; Trung Cộng muốn tiếm nhiệm rằng nhân dân Trung Quốc “lựa chọn” Đảng Cộng sản, các văn nhân liền viết “Hong kỳ phổ” (*Cuốn sách màu đỏ*), Trung Cộng cần dẫn dắt “phần tử trí thức giai cấp tiểu tư sản” trở thành “những người kiên định theo chủ nghĩa Marx”, các văn nhân liền sáng tác “Thanh xuân chi ca” (*Bài ca thanh xuân*); Trung Cộng muốn ca ngợi “Đại nhảy vọt”, toàn quốc lại xuất ra hàng triệu bài dân ca giả dối.

Có người xem xong phim truyền hình về việc Trung Cộng bôi nhọ Pháp Luân Công bèn nói: “Xem xong phim này, tôi mới biết vì sao phải cấm Pháp Luân Công.” Lời đó hàm ý là không xem bộ phim này, anh ấy sẽ không biết vì sao phải cấm Pháp Luân Công. Văn nghệ của Trung Cộng bịa đặt ra căn cứ cho “tính chính đáng của chính sách”, có thể thấy rằng việc nhồi nhét dư luận trong cuộc vận động đàn áp mới nhất này đã khởi một tác dụng không thể thay thế. Kỳ thực, trong lịch sử khi Trung Cộng kích động tiêu diệt “giai cấp bóc lột”, nó cũng dùng thủ đoạn như vậy. Mặc dù người ta nhìn thấy địa chủ trong đời sống hàng ngày (kì thực chính là những người bình thường có đất đai) đa số là những người phúc hậu cần cù thật thà, nhiệt tình công tâm, nhưng qua sự nhồi nhét của Trung Cộng, cứ mỗi khi nhắc tới địa chủ, người ta liền nghĩ đến Chu Bái Bi, Lưu Văn Thái, Hoàng Thế Nhân, Nam Bá Thiên – những hình tượng địa chủ (độc ác) được bịa đặt thông qua các thủ đoạn văn nghệ, Trung Cộng đương thời tại khu nó chiếm đóng đã giáo dục binh sĩ thông qua việc dùng ca múa và kịch nói, rất nhiều chiến sĩ sau khi xem xong vở kịch “Bạch mao nữ” đã “đẩy lên lòng căm thù giai cấp, cháy lên ngọn lửa báo thù” (*Châu Dương Ngữ*), được Trung Cộng “giáo dục” thành “chiến sĩ giai cấp vô sản có giác ngộ”.

III.3-2 – Nhồi nhét thế giới quan, lịch sử quan, nhân sinh quan của Trung Cộng

(1) Phê phán tín ngưỡng đối với thần, nhồi nhét vô thần luận

Thuyết vô Thần là cơ sở tư tưởng của Trung Cộng, còn những nền văn hóa chính thống lớn đều tin vào sự tồn tại của Thần, rất nhiều tác phẩm văn học sâu sắc và kiệt xuất đều miêu tả Thần, ngợi ca Thần, truy cầu Thần, như thần thoại Hy Lạp La Mã, “Thần Khúc”^[7] của Dante, “Thiên đường đã mất”^[8] của Milton, “Hành trình vĩnh cửu”^[9] của Bunyan, “Tây du ký” của Trung Quốc v.v. Do vậy, Trung Cộng một mặt khống chế văn nhân viết các tác phẩm sùng bái vật chất, sùng bái bạo lực, mặt khác khống chế các học giả sửa đổi, cắt xén, xuyên tạc văn học Hữu Thần luận. Cho nên, tôn giáo trở thành “thuốc phiện tinh thần”, thiên đường địa ngục biến thành “phong kiến mê tín”, thần thoại truyền thuyết trở thành hình tượng phản ánh nỗi sợ hãi của con người trước sức mạnh tự nhiên trong thời xã hội nguyên thủy có sức sản xuất kém phát triển, Tôn Ngộ Không trong Tây Du Ký và Sa-tăng trong “Thiên đường đã mất” trở thành đại biểu của giai cấp Vô sản và những người bị bóc lột.

(2) Bài trừ quan niệm truyền thống, nhồi nhét thù hận giai cấp

[7] Thần khúc (La divina commedia) là trường ca của nhà thơ Ý thời Trung cổ Dante Alighieri (1265-1321), là một trong số những nhà thơ kiệt xuất nhất của nước Ý và thế giới. Tác phẩm được sáng tác trong thời gian Dante bị trục xuất khỏi quê hương Florence, từ khoảng năm 1308 đến khi ông mất năm 1321, được viết bằng tiếng Ý gồm 100 khổ thơ với 14.226 câu thơ, được chia làm ba phần, mỗi phần bao gồm 33 khổ thơ: Địa ngục (Inferno), Luyện ngục (Purgatorio) và Thiên đường (Paradiso). Tác phẩm được xếp vào hàng những bản trường ca vĩ đại nhất của nền văn học thế giới.

[8] Thiên đường đã mất (Paradise Lost) – là một thiên sử thi bằng thơ không vần (blank verse) của John Milton, dựa theo cốt truyện của Kinh Thánh, kể về lịch sử của con người đầu tiên – Adam.

[9] Hành trình vĩnh cửu (Pilgrim Progress) là một trong những tác phẩm Cơ đốc kinh điển của tác giả John Bunyan.

Thơ ca truyền thống chú trọng “Oán nhi bất nộ, bi nhi bất thương” (*Oán mà không giận, bi mà không thương*), ngay cả khi ai oán thương cảm cũng phải khống chế cảm xúc bản thân, khiến tâm trạng trở về trạng thái cân bằng và ngay chính. Trong văn học cổ điển Trung Quốc tràn ngập những tác phẩm miêu tả tình bạn tình thân tốt đẹp, trung hiếu tiết nghĩa. Triết gia cổ Hy Lạp Aristoteles^[10] cho rằng bi kịch có tác dụng bộc bạch và tịnh hóa, nhà văn La Mã cổ là Horace^[11] cho rằng công dụng của văn học chính là giáo dục và giải trí. Tác phẩm văn học các nước trên thế giới dù có viết tới thù hận thì cũng đa số đều viết từ góc độ trừ ác khuyến thiện, miêu tả và kích động thù hận là đặc điểm mà văn học truyền thống không thể dung hòa.

Nhưng theo lý giải của Trung Cộng: “Một vài giai cấp đã thắng lợi, một vài giai cấp bị tiêu diệt, đây chính là lịch sử”, “Đấu tranh giai cấp là động lực chân chính cho sự phát triển của lịch sử”, “Ai là kẻ địch của chúng ta? Ai là bạn bè của chúng ta? Vấn đề này là vấn đề quan trọng nhất của cách mạng.” Do vậy, nhôi nhét và kích động thù hận giai cấp đã trở thành nhiệm vụ trọng yếu hàng đầu của văn nghệ đảng của Trung Cộng. Thù hận, trong lịch sử nhân loại, lần đầu tiên trở thành một từ ngữ mang nghĩa chính diện.

“Trong đôi mắt to nóng bỏng, đen lay láy của cô hầu 18 tuổi này đang bùng cháy một lòng thù hận khắc cốt ghi tâm.” Đây là lời mở đầu của kịch bản

[10] Aristoteles (phiên âm trong tiếng Việt là Aritstốt) là một nhà triết học và bác học thời Hy Lạp cổ đại, học trò của Platon và thầy dạy của Alexandros Đại đế. Di bút của ông bao gồm nhiều lãnh vực như vật lý học, siêu hình học, thi văn, kịch nghệ, âm nhạc, luận lý học, tu từ học (rhetoric), ngôn ngữ học, chính trị học, đạo đức học, sinh học, và động vật học. Ông được xem là người đặt nền móng cho môn luận lý học. Ông cũng thiết lập một phương cách tiếp cận với triết học bắt đầu bằng quan sát và trải nghiệm trước khi đi tới tư duy trừu tượng. Cùng với Platon và Socrates, Aristoteles là một trong ba cột trụ của văn minh Hy Lạp cổ đại.

[11] Horace (tên đầy đủ bằng Latin: Quintus Horatius Flaccus) là nhà thơ của thế kỷ vàng trong văn học La Mã. Ông là hiện thân của sự khôn ngoan, hiểu biết mọi thứ và không ngạc nhiên trước bất cứ điều gì, tiếp nhận cả thành công cũng như thất bại một cách tĩnh lặng, biết từ chối cái không hợp với sức mình, biết vui với những niềm vui bình thường, coi khinh thói bon chen của người trần, bền bỉ trong việc tự hoàn thiện bản thân để đạt đến sự tĩnh lặng trong tâm hồn và tự do cho ý chí. Nguyên tắc “trung dung” của Horace đã trở thành lời có cánh, mang trong mình lời di huấn của văn minh cổ đại đối với Thời đại mới.

điện ảnh “Đội hồng quân tóc dài”. Kịch bản này được cải biên thành kịch bản múa với cường độ bạo lực mạnh hơn, khuếch đại thù hận đạt đến đỉnh điểm. “Cô gái ngẩng đầu ưỡn ngực, hai mắt phóng ra ngọn lửa thù hận bùng bùng”, “họ nắm chặt hai nắm đấm, thổ lộ hết những phần hận trong lòng”, “trong tâm bùng cháy lên ngọn lửa thù hận giai cấp”, “thao luyện quân sự kết thúc trong tiếng bắn giết chứa đầy thù hận giai cấp”, “khổ đại thù thâm”, “huyết hải thâm thù”, “báo thù tuyết hận”, v.v. những nhân vật chính của kịch múa đại đa số là những thiếu nữ xinh đẹp chưa tới 20 tuổi, nhưng lại được miêu tả thành những cỗ máy giết người không còn chút nhân tính như vậy.



Điều đáng sợ hơn là, trong khoảng thời gian tương đối dài, đời sống tinh thần của người Trung Quốc thiếu thốn cực độ, những nhân vật này là các thần tượng mà các nam nữ thiếu niên mô phỏng theo. Trong Cách mạng Văn hóa, một học sinh trung học nữ có thể dùng dây lưng quật chết cô giáo của mình, “kẻ thù giai cấp” trên mảnh đất Quảng Đông rộng lớn bị mổ tim moi gan để ăn mà kẻ ăn thịt người không hề có cảm giác tội lỗi, họ đã tôn sùng thứ văn học

thù hận cao độ.

(3) Tô vẽ cho các bạo chúa, tiểu nhân, thổ phỉ và côn đồ trong lịch sử

Đảng Cộng sản muốn tô vẽ bản thân thành “sản vật tất yếu trong sự phát triển của lịch sử”, “sự lựa chọn tất yếu của nhân dân Trung Quốc”, cho nên cần sửa đổi lịch sử một cách toàn diện, tô vẽ cho các bạo chúa, tiểu nhân, thổ phỉ và côn đồ thành “động lực phát triển của lịch sử”. Cho nên những kẻ bị đánh giá là đại gian đại ác trong lịch sử Trung Quốc lại được Trung Cộng hết sức cung kính đưa lên bàn thờ Thần. Trụ vương nhà Thương bạo ngược, Tần Thủy Hoàng, Thương Ưởng^[12] hà khắc, lạnh lùng đều trở thành đối tượng được Trung Cộng ca ngợi. Trung Cộng tôn thủ lĩnh chiến tranh nông dân thành tiên phong, tôn những kẻ tàn nhẫn hiếu sát, bạo ngược vô độ như Hoàng Sào, Trương Hiến Trung, Hồng Tú Toàn^[13] trở thành hình tượng chính diện trong cung điện văn học của Trung Cộng. Tại đây chúng tôi chỉ đưa ra một ví dụ rất nhỏ.

Trương Hiến Trung, trùm thổ phỉ cuối đời Minh bản tính thích sát sinh, nhân khẩu của tỉnh Tứ Xuyên lúc đó gần như bị hấn tàn sát gần hết với đủ loại phương thức khác nhau, Thiên phủ chi quốc giàu có trù phú này đã biến thành địa ngục nhân gian.

[12] Thương Ưởng (390 TCN-338 TCN), còn gọi là Vệ Ưởng, là nhà chính trị gia, pháp gia nổi tiếng, làm tướng quốc nước Tần mười năm. Thương Ưởng là vị tướng quốc tài năng, đại biểu xuất sắc của tư tưởng Pháp gia. Những cải cách của ông đã làm cho nước Tần trở nên lớn mạnh, mở đường cho việc thống nhất Trung Quốc của Tần Thủy Hoàng sau này. Tuy nhiên hình pháp của ông quá khắc nghiệt, ít dùng ân đức, nên không được lòng bọn quý tộc, dẫn tới việc chết thảm.

[13] Hồng Tú Toàn là lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa nông dân Thái Bình Thiên Quốc chống lại triều đình Mãn Thanh. Ông tự xưng là Thiên Vương, thành lập Thái Bình Thiên Quốc và từng chiếm lĩnh nhiều vùng đất rộng lớn ở miền nam Trung Quốc.

Hoàng Sào là thủ lĩnh của khởi nghĩa Hoàng Sào diễn ra trong khoảng thời gian từ 874 đến 884. Khởi nghĩa Hoàng Sào khiến nhà Đường suy yếu nghiêm trọng rồi sụp đổ trong vòng vài thập niên sau đó.

Trương Hiến Trung là lãnh tụ khởi nghĩa nông dân cuối đời nhà Minh, từng kiến lập chính quyền Đại Tây, đồng thời với Lý Tự Thành, người kiến lập chính quyền Đại Thuận.

Ngay trong lời mở đầu phần hạ quyền thứ nhất cuốn “Lý Tự Thành”, cuốn tiểu thuyết lịch sử dài kỳ đạt giải Văn học Mao Thuần năm 1982, giọng tao nhã của thể thơ điền viên đã viết rằng: “Cả vùng Cốc Thành không ngừng gặp chiến tranh loạn lạc, sau khi đoàn quân nông dân của Trương Hiến Trung chiếm cứ tại đây, dường như đã có chút không khí thái bình.”

Đương nhiên, việc tô vẽ cho các nhân vật lịch sử không phải mục đích. Sau khi tô vẽ xong những nhân vật lịch sử này, Trung Cộng sẽ công khai đường hoàng tô vẽ chính mình.



(4) Hạ thấp nhân tính, ca ngợi đảng tính

Đọc các tác phẩm lý luận văn nghệ của Trung Cộng sẽ phát hiện một hiện tượng kỳ lạ, chính là từ “nhân tính” bị dùng như là một từ mang nghĩa xấu. Một bộ tác phẩm nếu thể hiện “nhân tính” chính là một tác phẩm thất bại, thậm chí là phản động; ngược lại, một bộ tác phẩm thể hiện tính giai cấp (thù hận đối với kẻ thù giai cấp, hữu hảo với giai cấp anh em) đó lại là một tác phẩm hay, tiến bộ. Những tác phẩm thể hiện “tình yêu thương nhân loại” thông thường như tình phụ tử, tình mẫu tử, tình yêu, tình bè bạn, sự đồng cảm lại bị bài xích, còn những tác phẩm thể hiện đảng tính chiến thắng nhân tính, “giác ngộ giai cấp vô sản” lại được biểu dương.

Những nhân vật anh hùng được nhào nặn theo logic như vậy thông thường là “Cao”, “Đại”, “Toàn” (*cao, lớn, toàn diện*) (*có một bộ tác phẩm mà trong đó nhân vật chính gọi là Cao Đại Toàn*) – hình tượng cao lớn, trí dũng song toàn, siêu phàm, một lòng trung thành với đảng, thù hận kẻ địch tới tận xương tủy. Còn nhân vật phản diện thì sẽ có hình tượng dung tục, hung tàn, xảo trá. Những nhân vật chính diện phải mang họ Cao, Lương, nhân vật phản diện phải mang họ “Điều” (gian xảo).

Có một tiểu thuyết ngắn, miêu tả cảnh một địa phương bị thiếu muối trầm trọng. Người mẹ trẻ muốn dùng dưa muối làm “đảng phí” giao nộp cho đảng nên đã lấy đi cọng đậu đũa ướp muối từ trong tay bé gái gây guộc đến mức “cái cổ dài gánh một cái đầu trơ xương”, khiến cô bé òa khóc nức nở. Người mẹ đã đặt đảng lên trên gia đình và tình thân, do vậy đã nhận được sự khăng định của văn học đảng.

Hình tượng nữ giới trong các tác phẩm văn học của Trung Cộng thông thường không mang nét nữ tính đặc trưng mà mang khổ đại thâm thù, ý chí như thép. Tình yêu bị dán nhãn giai cấp tư sản, trong các tác phẩm văn học của Trung Cộng hoặc là hoàn toàn vắng mặt, hoặc là bị nhào nặn nhằm tôn lên sự “tráng lệ và vĩ đại” của “sự nghiệp cách mạng”. Nếu nhân vật chính nam (nữ) nảy sinh tình cảm, thì người kia thường phải hy sinh oanh liệt, vậy là nhân vật chính mang theo nguồn sức mạnh bị phần, tiếp tục dẫn thân vào “làn sóng cuộn cuộn” của cách mạng. Nhân vật chính kết hôn vì tình yêu là điều đại kỵ trong văn học cách mạng, bởi vì một khi lập gia đình, những việc vụn vặt trong sinh hoạt hàng ngày sẽ “ăn mòn ý chí đấu tranh của nhà cách mạng”, Trung Cộng cũng sẽ không cách nào có thể “tiếp tục cách mạng”, “cách mạng không ngừng”.

Những văn nhân bị Trung Cộng lợi dụng đều tôn thờ nguyên tắc “chủ đề đi trước”, do vậy mỗi lần Trung Cộng có yêu cầu mới, những tác phẩm văn học hợp thời sẽ được sản xuất hàng loạt. Trên đây chỉ đưa ra một số ví dụ nho nhỏ.

III.3-3 – Một số đặc điểm của việc Trung Cộng lợi dụng văn học để tiến hành nhồi nhét

Văn hóa đảng là một loại văn hóa phụ thể bám vào văn hóa Trung Quốc. Trung Cộng rất giỏi lợi dụng hình thức và nguyên tố của văn hóa truyền thống, văn hóa dân gian nhằm đạt được mục đích tăng cường hiệu quả tuyên truyền.

(1) Trộm dùng văn hóa dân tộc một cách toàn diện

Thái độ của Trung Cộng đối với văn hóa nhân loại xưa nay đều là “dùng cho ta”, chỉ cần có lợi cho sự thống trị của nó, nó sẽ vơ vét toàn bộ, quyết không nường tay, cũng không hối tiếc. Về phương diện văn học, thể thơ cũ, thơ bạch thoại, các loại dân ca, tiểu thuyết ngắn và vừa, tiểu thuyết dài, tiểu thuyết chương hồi, tản văn, nhạc kịch, v.v. toàn bộ đều được dùng để truyền tải nội dung Văn hóa đảng, có thể gọi một cách đẹp đẽ là “binh cũ rượu mới”, “hình thức dân tộc, nội dung xã hội chủ nghĩa”.

Làm như vậy ắt hẳn có nguyên nhân. Tâm lý thẩm mỹ của con người mang tính ổn định nhất định. Thói quen thẩm mỹ hình thành qua thời gian lâu dài không dễ dàng thay đổi, như vậy nếu làm lại từ đầu, dùng binh mới đựng rượu mới chỉ bằng lợi dụng thói quen thẩm mỹ cố hữu của con người, lén lút cài nội dung Văn hóa đảng vào đó. Hình thức dân tộc truyền tải nội dung Văn hóa đảng này vừa mang tới cho con người cảm giác thân thuộc, lại vừa mang tới cho con người cảm giác mới lạ, đạt hiệu quả tối đa trong tuyên truyền của Trung Cộng. Cho nên, trong khi mọi người ngâm vịnh thơ, ngâm nga làn điệu dân gian, đọc tiểu thuyết, xem kịch nói thì đã trở thành tù nhân của Văn hóa đảng một cách vô thức.

(2) Lợi dụng thành thạo kỹ xảo văn học

Mặc dù “đảng” hầu như là một từ trái nghĩa với văn hóa, hầu như tương đương với “vô hóa”, “thô鄙, dã man hóa”, “phản văn hóa”, nhưng về một phương diện khác, “đảng” lại vô cùng giỏi lợi dụng văn hóa, “đảng” lợi dụng văn hóa để chống lại văn hóa.

Những văn nhân làm tay sai được Trung Cộng trọng dụng, để đạt được hiệu quả cao hơn trong việc tuyên truyền văn học của đảng đã thực sự phải lao tâm khổ tứ. Các thủ pháp nghệ thuật văn học cổ điển phương Đông, phương Tây như tả thực, tương phản, tình tiết kịch tính, gánh nặng tâm lý, hô ứng, tình tiết gay cấn, miêu tả tâm lý, tính cách điển hình, ngôn ngữ cá tính hóa, v.v. dường như đều được sử dụng.

Bởi vì văn nghệ của Trung Cộng coi trọng việc “phổ cập”, chủ yếu nhắm vào quần chúng công nông văn hóa không cao, do vậy tác phẩm văn học sản xuất ra mặc dù trình độ có hạn, nhưng khá thành công trong việc đạt được mục đích nhồi nhét Văn hóa đảng.

(3) Dùng việc cấm sách để tăng cường sự đói khát về văn hóa

Đối với những người đói khát thì đồ ăn nào cũng đều là cao lương mỹ vị. Trung Cộng biết rằng, thứ gọi là văn học mà những văn nhân tay sai bào chế ra, tuyệt đối không thể sánh được với những tác phẩm văn học chân chính, có trình độ cao, nổi tiếng thế giới. Mụ phù thủy xấu xí mang lòng đố kỵ vốn không thể khiến bản thân mình trở nên xinh đẹp, đành phải bày mưu tính kế hại chết công chúa Bạch Tuyết xinh đẹp. Sau khi Trung Cộng xây dựng chính quyền, nó đã lên kế hoạch hủy sách, cấm sách. Trong Cách mạng Văn hóa, phạm là những đồ vật liên quan tới cái đẹp đều bị dán nhãn là “giai cấp tư sản”, sự đói khát văn hóa của người Trung Quốc đã lên đến tột đỉnh. Khi khó mà nhẫn chịu được sự đói khát ấy, con người đành phải uống rượu độc để giải khát, vậy là Văn hóa đảng thừa cơ xâm nhập.

(4) Dùng sự lặp lại để tăng cường hiệu ứng nghệ thuật

Con người không cần sống nhờ vào rượu; với người không uống rượu, mùi vị của rượu cũng không thấy vừa miệng chút nào. Nhưng vì sao có người lại quý rượu như sinh mệnh? Chính là do hiệu ứng nghệ thuật. Suốt một thời gian dài chìm đắm trong một loại văn hóa, con người ta sẽ dưỡng thành một kiểu tâm lý mong đợi. Một tác phẩm chứa đầy những mong đợi này, cũng sẽ như gãi đúng chỗ ngứa, nó sẽ khiến con người nảy sinh cảm giác thỏa mãn. Cái gọi là mỹ cảm, trong tuyệt đại đa số các tình huống, chính là cảm giác thỏa mãn đối với cơn nghiện. Hiểu được điểm này sẽ không khó để minh bạch rằng, mỹ cảm đôi khi là phi lý tính, có thể tạo ra một cách nhân tạo, mà tâm lý thẩm mỹ của con người cũng có thể bị người khác thao túng lợi dụng.

Trung Cộng đã lợi dụng điểm này. Giáo lý của “đảng” được gói gọn trong một câu khẩu hiệu, một bài hát, một bức tranh, một ví dụ, một hình tượng, sau đó dùng mọi phương thức không ngừng lặp đi lặp lại tăng cường nó, tạo cho người Trung Quốc một loại “mỹ cảm” biến dị cứng nhắc. “Mao thi tử” (*Lời thơ của Mao*) được tung hô là “Thơ của Sơn Đại Vương”, “Mao văn thể” (*thể văn của Mao*) thô lỗ bất nhã, “Mao thể thư pháp” ngang ngược bá đạo được lặp đi lặp lại, mô phỏng, sùng bái, có người còn cho rằng chúng là đỉnh cao của nghệ thuật Trung Quốc thế kỷ 20. Ngày nay, thứ gọi là “Màu đỏ kinh điển” vẫn đang hoành hành tại Trung Quốc, sự thực này đã làm rõ, tâm lý ỷ lại của dân chúng vào thứ văn nghệ tà ác kia do Trung Cộng cố ý vun đắp suốt một thời gian dài vừa qua vẫn chưa hề mất đi tác dụng.

III.3-4 – Từ “kẻ hắc thủ nhìn thấy được” cho đến “kẻ hắc thủ không nhìn thấy được”

Muốn nhìn thấu văn học đảng của Trung Cộng, cần phải giải quyết một vấn đề. Văn học đảng sau khi Trung Cộng kiến lập chính quyền, có thể dùng cuộc

Cách mạng Văn hóa (CMVH) phân thành hai giai đoạn. Giai đoạn đầu từ năm 1949 tới CMVH; giai đoạn sau là từ khi CMVH kết thúc tới nay. Giai đoạn trước “đảng” lên đủ loại ‘đây cốt’, dốc hết sức cắt đứt cái mệnh của văn hóa, chuyên quyền về văn nghệ, càng quẩn càng chặt, vòng tròn càng vẽ càng nhỏ, là một quá trình “thu”. Nhưng sau CMVH, khẩu hiệu “văn học phục vụ đấu tranh giai cấp” bị vứt bỏ, thay vào đó là “đột phá vùng cấm”, “giải phóng tư tưởng”, khuôn phép trói buộc các tác gia sáng tác càng ngày càng ít, dường như là một quá trình “thả”. Văn đàn Trung Quốc hiện nay, với những tác gia mỹ nữ, “văn học lưu manh”, “sáng tác bằng nửa thân dưới”, hoa hòe hoa sói, đúng là “giải phóng” hết mức có thể, với tình hình như vậy, làm sao có thể lý giải được sự thao túng lợi dụng văn học của Trung Cộng?

Theo nhân khẩu học thông thường, 25 năm được coi là một thế hệ. Từ năm 1949 đến năm 1978 (Trung Cộng 11 lần tổ chức Đại hội toàn quốc, mỗi lần ba phiên họp toàn thể) tính tổng cộng là 29 năm. Những người sinh ra trước năm 1920, thì đến năm 1949 trước khi Trung Cộng chiếm được chính quyền khoảng trên 30 tuổi, người đã hình thành thế giới quan, đến năm 1978 cũng đã 60 tuổi hoặc già hơn, đã quá tuổi về hưu. Lúc đó những người đang hoạt động trong các ngành các nghề về cơ bản đều đã uống thuốc độc của Trung Cộng mà trưởng thành; nói cách khác, tới cuối những năm 1970, Văn hóa đảng về cơ bản đã được xác lập. Cho nên Trung Cộng thay đổi sách lược, rút lui một cách có chừng mực ra khỏi một vài lĩnh vực, từ một “kẻ hắc thủ có thể nhìn thấy” trước kia có mặt ở khắp mọi nơi thành một “kẻ hắc thủ không thể nhìn thấy” đứng sau hậu trường, về tổng thể Văn hóa đảng “thao túng trên vĩ mô” để rút ngược trở lại vào đầu óc dân chúng. (Đương nhiên, nếu cần thì hắc thủ có thể nhúng tay bất cứ lúc nào.)

Căn cứ xác lập của Văn hóa đảng chính là: không đợi “đảng” trực tiếp lãnh đạo, nền văn học đã trải qua “giải phóng tư tưởng”, được “thả” ra, nhưng vẫn hoàn toàn phù hợp với nhu cầu chính trị của Trung Cộng. Sau Cách mạng Văn hóa “nền văn học thương tích” và “văn học phản tỉnh” nổi tiếng, giống như

khuôn đúc với chính sách của Trung Cộng trong việc giải thích Cách mạng Văn hóa – phạm sai lầm là Lâm Bưu và bè lũ bốn tên^[14], “trào lưu tư tưởng cực tả”, “đảng” vẫn vĩ đại quang minh chính xác, không chỉ đúng cảm thừa nhận sai lầm mà còn giải sửa sai.

Truy đến tận gốc thì tìm ra được rằng, “đảng” chiếu theo Thuyết tiến hóa mà suy luận ra thời đại hoang dã vốn không tồn tại, dẫn dắt người ta đi đến kết luận rằng “sai lầm của đảng” là do “những độc hại cận bã còn sót lại từ thời phong kiến”; sự lưu động của “dòng ý thức”^[15] là nhằm tạo ra sự “thổ lộ cùng đảng” và nhìn đảng cay như ngọt bùi; Cảnh tả thật chính là cuộc sống hèn mọn của người dân thấp cổ bé họng nơi đầu đường xó chợ, thay “đảng” bảo mọi người rằng: “nhân sinh chính là phiến não, vận mệnh không thể đoán trước”, do vậy không cần lại phải nói ra nói vào, bói lông tìm vết về “đảng”, thì mọi người sống chẳng dễ dàng gì, “sống quả thực không dễ dàng”, “sống được là tốt rồi”, “cần phải trân trọng cực diện vô cùng tốt đẹp không dễ gì có được này”. Những tác phẩm văn học coi chằm biếm và trào phúng là sở trường thì thực tế là đang dùng rác rưởi của một ngôn ngữ khác mà phản đối rác rưởi trong ngôn ngữ của đảng, ám thị rằng nếu không cùng “đảng” thông đồng làm càn, thì chỉ có thể dùng việc đùa giỡn với đời để chứng minh giá trị của cá nhân; nền văn học khiêu dâm không thể khống chế của Trung Quốc với đủ các hiện tượng loạn tính tạo thành vấn đề đạo đức giới tính, lại khiến cho mọi người có giả tưởng về tự do ngôn luận trong “thiên hạ của đảng”.

[14] Bè lũ bốn tên: gồm vợ Mao Trạch Đông là Giang Thanh (1913-1991), viên chức Ban Tuyên giáo Thượng Hải Trương Xuân Kiều (1917-1991), nhà phê bình văn học Diêu Văn Nguyên (1931-), và cảnh vệ Thượng Hải Vương Hồng Văn (1935-1992). Họ thầu đoạt quyền hành thời Cách mạng Văn hoá (1966-1976) và lung lay chính trị Trung Quốc đầu những năm thập kỷ 1970.

[15] Dòng ý thức là một thuật ngữ văn học chỉ một xu hướng sáng tạo văn học (chủ yếu là văn xuôi) khởi điểm từ đầu thế kỷ 20, tái hiện trực tiếp đời sống nội tâm, xúc cảm và liên tưởng ở con người. Thuật ngữ tiếng Anh “stream of consciousness” được nhà tâm lý học người Mỹ William James đưa ra trong cuốn *The Principles of Psychology* (Cơ sở tâm lý học) xuất bản năm 1890, khi cho rằng ý thức là một dòng chảy, một dòng sông mà ở đó những tư tưởng, cảm xúc, liên tưởng bất chợt luôn lẫn át nhau và đan bện một cách kỳ quặc, “phi logic”. Ở một phương diện khác, có thể nói dòng ý thức là mức tối hạn, là dạng cực đoan của độc thoại nội tâm.

Đời sống văn hóa Trung Quốc ngày nay đã lộ ra bộ mặt cực đoan phức tạp. Chỉ khi thực sự nhận rõ bộ mặt thật của Trung Cộng mới có thể giải quyết nhanh gọn và không bị mê hoặc bởi các loại giả tướng. Trung Cộng vì muốn duy hộ sự sinh tồn của bản thân mà không từ thủ đoạn, cũng không có giới hạn. Nó có thể theo phương châm “Những gì kẻ địch ủng hộ thì chúng ta phản đối, những gì kẻ địch phản đối thì chúng ta ủng hộ”, nhưng nó cũng có thể phản đối điều kẻ địch phản đối, ủng hộ điều kẻ địch ủng hộ, chỉ cần “kẻ địch” không phản đối sự tồn tại của nó. Nó có thể ăn nói hùng hồn, nói lời thô tục tà ác, cũng có thể nói năng mềm mỏng, ngọt ngào, vừa có quan điểm cơ bản, vừa đa dạng hóa; vừa có “bốn điểm kiên định” vừa có “hai trăm phương châm”. “Mọi thứ đều biến đổi tùy theo thời gian, địa điểm, điều kiện”. Sau khi Lenin lên đến đỉnh cao quyền lực đã nói: “Kẻ chiến thắng không nên bị khiếm trách.” Khi Stalin khiếp sợ bất an trút hơi thở cuối cùng, hần lại nói: “Khi đối diện với kẻ địch mạnh, đầu biết rõ rằng không thể công phá cũng phải hiên ngang tuốt lưỡi kiếm sắc bén. Đầu ngã xuống, cũng phải trở thành một ngọn núi, một đỉnh cao”, tô vẽ bản thân thành một anh hùng trong bi kịch với động cơ cao thượng.

“Tôi phải có trách nhiệm với lịch sử... tôi thừa nhận, đối thủ có thể hùng mạnh hơn tôi rất nhiều, nhưng đối phương đã tuốt kiếm, lẽ nào tôi có thể không tuốt kiếm sao? Tôi muốn thử vận may một chút, cứ coi như thời đại của tôi đã kết thúc, nhưng cứ nhất định phải do tôi phải đặt dấu chấm hết sao?” (trích từ tác phẩm “Lượng kiếm”)

“Sinh tồn là gì? Sinh tồn chính là sống không từ thủ đoạn. Anh có thể đê tiện, anh có thể vô sỉ, anh cũng có thể hạ lưu. Chỉ cần có thể sống được trong thế giới này là được... ăn cỏ chưa hẳn đã là nhân từ, ăn thịt chưa hẳn đã là tàn nhẫn. Tôi là một con sói, sinh ra là một con sói, một con sói nanh vuốt sắc nhọn, máu tươi và chết chóc là mạch sống cho sinh mệnh của tôi.” (trích từ tác phẩm “Chó sói”)

Văn học thời đại nào cũng đều phản ánh thời đại đó theo phương thức trực tiếp hoặc gián tiếp. Trong lời của hai đoạn tiểu thuyết bán chạy ở Trung

Quốc Đại lục này, một đoạn giành được vị trí “anh hùng thất bại”, vị trí tuyên truyền chiến lược cuối cùng, còn một đoạn thì thể hiện quyền lực một cách trần trụi. Những hiện tượng này cho thấy văn học đảng không chỉ không rút lui ra khỏi vũ đài lịch sử, mà còn khuếch tán trong rất nhiều thể loại tác phẩm khác nhau, khiến người ta càng khó phân biệt, khó ngăn chặn hơn.

Suốt mấy chục năm bị nhồi nhét bởi các văn nhân do ác đảng khống chế, người Trung Quốc đã tiếp thụ những giá trị quan của Trung Cộng, thù hận trở thành cao thượng, sát nhân phóng hỏa trở thành chính nghĩa, bạo chúa tiểu nhân, thổ phỉ và côn đồ trở thành đối tượng được sùng bái, đảng tính tàn nhẫn đã thay thế bản tính lương thiện tương thân tương ái giữa người với người, kính Thiên tín Thần trở thành mê tín ngu muội... tiêu chuẩn thiện ác bị đảo lộn, văn học mất đi công dụng hun đúc tình cảm tư tưởng, trở thành tấm màn che cho Trung Cộng mặc sức tô vẽ bản thân, che đậy tội ác của nó. Xét về ý nghĩa, văn nhân của tà đảng, không còn nghi ngờ gì nữa, đã trở thành kẻ sát nhân đồng lõa đồng mưu với tà đảng.



III.4 – LỢI DỤNG SÁCH GIÁO KHOA ĐỂ NHỒI NHÉT VĂN HÓA ĐẢNG

Việc phán đoán sự vật của một người chủ yếu được quyết định bởi hai nhân tố: một là thông tin mà người này nắm vững, hai là phương thức xử lý thông tin, tức là phương thức tư duy. Đối với người hiện đại, thông tin truyền thông là nguồn thông tin quan trọng nhất, giáo dục tại trường học là lực lượng chủ yếu nhất nhào nặn phương thức tư duy. Do vậy Trung Cộng muốn nhồi nhét Văn hóa đảng ắt phải coi trọng thông tin truyền thông và sách giáo khoa của học sinh. Vấn đề thứ nhất đã được nói ở mục 1, tại đây chủ yếu bàn về tác dụng nhồi nhét của sách giáo khoa của Trung Cộng.

Giáo dục của Trung Quốc trước năm 1949, bao gồm ba hình thức là quốc lập, tư thực và lớp học của giáo hội. Sau năm 1949, tất cả các trường học đều bị quốc hữu hóa, chính quyền Trung Cộng lúc đó đã thông qua “chế độ phụ trách Đảng ủy”, chế định pháp luật, mệnh lệnh hành chính và các loại phương thức khác nhằm nắm giữ quyền lực đối với trường học, “thuần phục” giáo viên, viên chức bằng phương thức thanh lọc tổ chức, cải tạo tư tưởng, dùng sách giáo khoa để tẩy não thanh thiếu niên mới trưởng thành. Mao Trạch Đông nói: “Một tờ giấy trắng không có áp lực gì, dễ viết ra những lời văn đẹp nhất, mới nhất, có thể vẽ những bức vẽ đẹp nhất, mới nhất.” Trung Cộng tô vẽ bừa bãi vào tâm hồn thanh thiếu niên, giáo dục đã trở thành trận địa trọng yếu để nhồi nhét Văn hóa đảng.

Giáo dục bắt đầu từ thứ gọi là “khu giải phóng”, Trung Cộng bắt đầu xây dựng giáo trình chính trị có hệ thống. Sau khi giành được chính quyền, Bộ giáo dục của Trung Cộng dần dần đặt ra quy định đối với giáo dục chính trị, cưỡng chế trường học các cấp thi hành. Những năm 50, các môn chính trị trong các trường cao đẳng, đại học bao gồm: “Cơ sở chủ nghĩa Marx – Lenin”, “Lịch sử phát triển xã hội”, “Lịch sử cách mạng Trung Quốc”, “Cơ sở kinh tế chính trị

học” v.v. Trong thời kỳ không có vận động cách mạng, những loại môn học này có thể chiếm từ một phần mười đến một phần năm tổng số thời lượng các bài giảng. Đến khi có vận động chính trị, thì kiểu giảng dạy rập khuôn này hiển nhiên không đạt yêu cầu. Trong các cuộc vận động Phân hữu (*Chống cánh hữu*), Tứ thanh (*Thanh trừ bè lũ bốn bên*) có đủ kiểu giáo dục chính trị muôn màu muôn vẻ như các cuộc vận động, học tập chính trị, nghe báo cáo, huấn luyện quân sự, học công học nông và đủ các loại hình giáo dục chính trị khác, cộng thêm những bài giảng trên lớp, hầu như chiếm tới hơn một nửa thời gian học trên lớp của học sinh. Nhiều như vậy nhưng Mao Trạch Đông vẫn cho rằng trước năm 1966 “phần tử trí thức giai cấp tư sản đã thống trị trong các ngôi trường của chúng ta”. Năm 1967, Trong “Thông tư liên quan tới Đại Cách mạng Văn hóa giai cấp vô sản tiểu học” của Trung ương Trung Cộng đã nêu rõ: “Học sinh tiểu học từ lớp 1 đến lớp 4 chỉ cần học Ngũ lục của Mao Chủ tịch, thêm học viết chữ, học hát những ca khúc cách mạng, học tập một số môn toán và khoa học thường thức. Các học sinh lớp 5, 6 học ‘Ngũ lục’, ‘Lão tam thiên’ và ‘3 đại kỷ luật 8 điều chú ý’ của Mao Chủ tịch, học tập ‘16 điều’, học hát những ca khúc cách mạng.” Đây chỉ là một phần nhỏ trong vở hài kịch mang tên “cách mạng giáo dục”.



GIẤY CHỨNG NHẬN HỒNG VỆ BINH CỦA THỜI KỲ “10 NĂM HẠO KIẾP”

Cuộc vận động tăng cường tẩy não toàn dân trong hơn 10 năm này đã để lại hậu quả thảm khốc cho đạo đức xã hội và tâm lý dân tộc. Hiện nay chúng ta hãy xem xem, “thời kỳ bình thường” từ khi “cải cách mở cửa” tới nay, Trung Cộng đã nhồi nhét Văn hóa đảng vào đầu óc học sinh như thế nào.

III.4-1 – Lớp chính trị: Lửa gạt để như trở bàn tay

(1) Môn học nhiều, tiết học dài, độ che phủ rộng, yêu cầu nghiêm

Thời cổ, trẻ em đi học, mở đầu đều học kiến thức thông thường như Lễ, Nhạc, Tiên, Ngự, Thư, Số (lễ tiết, âm nhạc, bắn tên, cưỡi ngựa, thư pháp, toán học), tài liệu giảng dạy vốn đã bao hàm đạo lý làm người trong đó. Tại những nước phương Tây từ cận đại tới nay, trẻ em ngoài học những môn văn hóa còn học giáo dục công dân, nội dung học tập là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân xã hội dân chủ. Nhưng Trung Cộng lại coi việc giáo dục thành công cụ đấu tranh giai cấp, mục đích của giáo dục không phải là để bồi dưỡng một cá nhân có nhân cách kiện toàn hay một công dân có lý trí và trách nhiệm, mà là để tạo ra những người kẻ tặc “nghe lời đảng, đi theo đảng”. Mục đích giáo dục là khác nhau đã quyết định nội dung và phương pháp giáo dục cũng khác nhau.

Từ tiểu học đến đại học (đây là cách nói khái quát, kỳ thực việc nhồi nhét bắt đầu từ nhà trẻ, một mạch cho tới tiến sĩ), học sinh của Trung Cộng luôn phải học ít nhất một môn chính trị, thời gian học thì dài, giáo trình thì nhiều, yêu cầu lại nghiêm ngặt, đúng là chuyện hiếm có tự cổ chí kim, trên phạm vi cả trong và ngoài nước.

Trong những giai đoạn khác nhau, môn học này có các tên gọi và điểm nặng nhẹ khác nhau. Tiểu học thì gọi là “Đạo đức tư tưởng”, trung học cơ sở gọi là “Chính trị tư tưởng”, “Lịch sử phát triển xã hội”, “Giáo dục lòng yêu nước”, trung học phổ thông gọi là “Tu dưỡng thanh thiếu niên”, “Triết học thường thức”, “Kinh tế thường thức”, “Nhiệm vụ xu thế”, trong trường đại học

gọi là “Triết học chủ nghĩa Marx”, “Lịch sử cách mạng”, “Kiến thiết Xã hội chủ nghĩa”, “Pháp luật thường thức” v.v. Những môn học này dù có tên gọi khác nhau, nhưng tôn chỉ thì chỉ có một, đó chính là chứng minh “chỉ có Đảng Cộng sản mới có thể cứu Trung Quốc, chỉ có Chủ nghĩa xã hội mới có thể phát triển Trung Quốc”. Những môn học này ước tính chiếm khoảng gần 1/5 tổng thời gian học của học sinh.

Điều cần chỉ ra là, những môn học này không phải là những môn học tự chọn có hay không đều được, mà là những môn bắt buộc tuyệt đối, môn trọng tâm, được liệt vào danh mục thi bắt buộc tại các cấp. Trong một số kỳ thi lên lớp, những ai không đạt tiêu chuẩn chính trị tuyệt đối không thi đỗ.



(2) Tô vẽ cho Văn hóa đảng thành “đức dục”, “thường thức”, “nguyên lý”, “cơ sở”

Văn hóa Đảng là một trò hề lừa người nói không thành có, nhưng muốn mọi người tiếp thụ một cách không phản kháng, thì phải tô vẽ cho nó thành lẽ tất nhiên, từ cổ đã vậy, thiên hạ đều như vậy, “đặt vào bốn bể đều đúng, so

với cổ kim đều thông suốt”. Cho nên, giáo dục thù hận giai cấp phản nhân tính được gọi là “giáo dục đạo đức”, những điều trái với nhận thức thông thường gọi là “thường thức”, lý luận lệch lạc được gọi là “nguyên lý”, nước không nguồn, cây không gốc được gọi là “cơ sở”, dường như nhân dân toàn thế giới đang học cùng một thứ. Những thanh thiếu niên không có một chút khả năng chống cự đã tiếp nhận toàn bộ thế giới quan, nhân sinh quan lệch lạc giả tạo này, từ đó trở nên nhỏ nhen và thù hận, tưởng rằng tất cả những người bình thường đều suy xét vấn đề như vậy, còn Trung Quốc cộng sản mới là hình mẫu của thế giới, động một chút là lên án những quan điểm khác mình là “phản động”, “cản bá trời nổi”, “không ngừng muốn tiêu diệt chúng ta”. Một học sinh học xong môn ‘Lịch sử phát triển xã hội’ đã hỏi thầy giáo rằng: “Nếu đã nói Chủ nghĩa xã hội tất nhiên sẽ thay thế Chủ nghĩa tư bản, vậy những nhà tư bản không thuận theo trào lưu lịch sử, họ thực sự hồ đồ, hay giả vờ hồ đồ?”

Lịch sử triết học tại đại học lấy Marx làm vạch ngăn, triết học trước Marx ở Phương Tây gọi là triết học cổ điển, không phải là chủ nghĩa duy vật máy móc thì cũng là chủ nghĩa duy tâm, đều là chưa phát hiện được chân lý; triết học sau Marx được gọi là triết học hiện đại, tất cả đều mang theo cái hơi thở suy tàn, thối nát của chủ nghĩa tư bản đang gãy chết. Truyền thống của Trung Quốc, nếu còn lại một chút thành phần hợp lý, thì cũng là manh nha của phép biện chứng hoặc chủ nghĩa duy vật, là “dự báo thiên tài” của tổ tiên. Các loại sách “tư liệu lịch sử triết học tham khảo” đã thuận theo kết luận này mà cắt xén lịch sử, lịch sử phong phú bị cắt xén thành lịch sử đấu tranh “hai tuyến đường”. Học thứ triết học như vậy, khiến con người cảm thấy dường như nếu “Trời không sinh ra Marx và Lenin, vạn cổ như đêm dài”, khiến người ta băn khoăn rằng nếu Marx, Engels, Lenin, Stalin, Mao đã vất vả phát hiện ra chân lý, giải quyết ổn thỏa mọi chuyện, thì vì sao không đốt bỏ hết những cuốn sách khác.

(3) Chính trị thời sự – nội dung giáo dục mang bản sắc của Trung Cộng đậm nét nhất

Trung Cộng là một đảng lưu manh hoàn toàn vô nguyên tắc, lập trường nguyên tắc của nó không ngừng biến hóa, dù là những người giỏi bất kíp hình thế, cũng không nhất định biết được nên giữ thái độ nào đối với một sự kiện mới diễn ra. Giáo dục “chính trị thời sự” đã giải quyết được vấn đề khó khăn này. Trong kỳ thi vào đại học và cao đẳng và một số kỳ thi lớn khác, đều có những câu hỏi thi theo một tỷ lệ nhất định (thông thường là 10%) liên quan tới nội dung chính trị thời sự, bắt buộc học sinh phải giải thích theo đáp án của chính quyền đương thời của Trung Cộng. Trong quyển đề thi vào cao đẳng năm 2000, có một câu trắc nghiệm lãng mạ Pháp Luân Công.

(4) Nhồi nhét thù hận và lý luận lệch lạc bồi dưỡng ra thế hệ thanh niên đầy thù hận và thờ ơ về chính trị

Nói thẳng ra nhân quyền là quyền lợi cơ bản của người dân. Nhưng qua nhiều năm nhồi nhét, từ “nhân quyền” này trong mắt của tuyệt đa số người Trung Quốc đã trở thành một từ mang nghĩa xấu, ít nhất cũng là một từ khả nghi. Nghe đến từ này, phản ứng đầu tiên của mọi người là “người nói ra lời này có lẽ có mục đích chính trị đen tối, có lẽ mình phải thận trọng.”

Trung Cộng biết rằng thanh thiếu niên là những người thiếu năng lực phân biệt nhất, do vậy giáo dục thù hận nhất quán phải “bắt đầu từ khi còn thơ bé”. Sau năm 1999, những nội dung nhồi nhét thù hận đối với Pháp Luân Công đã đường hoàng tiến nhập vào tài liệu giảng dạy của đại học, trung học, tiểu học. Trong bài giảng thứ tư của tài liệu giáo dục “Tư tưởng chính trị” cho học sinh trung học phổ thông năm thứ 3 (tương đương với lớp 12), phiên bản năm 2003 của Nhà xuất bản Giáo dục nhân dân, ngang nhiên in “nội dung giảng dạy” phỉ báng Pháp Luân Công. Trong tiết 12 (quyển thứ 10) của cuốn “Tư tưởng đạo đức” của học sinh tiểu học, do Nhà xuất bản Giáo dục nhân dân in lần thứ ba vào tháng 11 năm 2003, không chỉ mượn lời của Lưu Từ

Ảnh (có bé 12 tuổi trong “vụ tự thiêu giả mạo”) để khiến học sinh tiểu học tại Trung Quốc Đại lục bị kích động thù hận bởi trò lừa bịp “Tự thiêu tại Thiên An Môn”, mà còn khiến cho tất cả học sinh tiểu học coi việc thù hận và phỉ báng Pháp Luân Công là hành vi tư tưởng chính diện “đương nhiên đúng”. Rất nhiều các bậc phụ huynh dẫu không cho rằng chính sách bức hại của Trung Cộng là đúng, nhưng để bảo vệ sự thuần khiết của trẻ nhỏ đã không nói với đứa bé những chuyện liên quan đến Pháp Luân Công. Không ngờ ý tốt của cha mẹ vừa hay lại khiến những đứa trẻ không chút đề phòng đã rơi vào tuyên truyền phiến diện độc đoán của Trung Cộng.

HÌNH ẢNH CẮT RA TỪ VIDEO “PHÒNG VẤN TIÊU ĐIỂM” CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH TRUNG ƯƠNG TRUNG QUỐC



Ngon lửa trên người Lưu Xuân Linh cơ bản là đã dập tắt, đột nhiên có người dùng một vật thể đánh mạnh vào đầu của cô khiến cô lập tức ngã xuống đất, một vật thể dạng ống từ vị trí sau đầu cô liên văng bật ra mấy mét và rơi xuống đất rất nhanh.



Là ai đã ra tay đánh người? Thông qua phân tích từ đoạn video quay chậm, có thể nhìn thấy một cánh tay vung vào đầu của Lưu Xuân Linh, và một người đàn ông mặc áo khoác đứng ngay vị trí vừa ra tay, ông ta vẫn đang trong tư thế vừa dùng lực một vài giây về trước.

Ngoài những đề mục trực tiếp nhồi nhét một lý luận nào đó được dẫn ra trên đây, trong các kỳ thi chính trị vẫn còn một loại câu hỏi, mà phải bóp méo tư duy của bản thân mới có thể đưa ra đáp án chính xác. Hèn chi có người nói “Phép biện chứng là một trò ảo thuật”. Sau thời gian dài huấn luyện, các học

sinh đã học được cách “bóp méo” tư duy logic thông thường của mình, tiến nhập vào phương thức lý luận biến dị của người ra đề. Những học sinh được huấn luyện như vậy, hoặc sẽ hoàn toàn quen với cái phương thức lý luận tà ác này, trở thành “cây gậy đánh người của cánh tả”, “thanh niên bất bình”, hoặc sẽ triết để vút bỏ hết những nỗ lực lý giải những suy luận này, hài lòng với trạng thái “nhân cách phân liệt”. Những học sinh này có thể trả lời câu hỏi không chút hàm hồ, nhưng từ đó lại sinh ra sự chán ghét và thờ ơ sâu sắc đối với “triết học”, “nhân sinh quan”, “chính trị” v.v. cuối cùng trở thành những cá nhân chỉ quan tâm đến lợi ích cá nhân mà không có chút ý thức cộng đồng.

(5) Tuyệt đối không buông lỏng đối với các lớp chính trị

Những năm gần đây, Bộ giáo dục của Trung Cộng dần dần nói lỏng việc khống chế việc soạn giáo án các môn học, nhưng tuyệt đối không nói lỏng với những môn chính trị. Nghe nói, sau sự kiện ngày 4 tháng 6 năm 1989, mỗi lần thay đổi lớn về nội dung của những môn chính trị chung trong trường đại học và cao đẳng đều phải được Ủy ban Thường vụ Cục chính trị Trung ương Trung Cộng thảo luận, phê duyệt. “Tiêu chuẩn cho giáo trình tư tưởng chính trị của bậc phổ thông trung học” xuất bản vào mùa xuân năm 2004 đã viết:

“Những môn tư tưởng chính trị tại các trường phổ thông trung học tiến hành giáo dục quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình và tư tưởng quan trọng “Tam đại biểu”, [...] dẫn dắt học sinh [...] lĩnh ngộ quan điểm cơ bản và phương pháp của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử, đề cao một cách thiết thực năng lực tham dự vào cuộc sống xã hội hiện đại, dần dần xây dựng nên lý tưởng chung về việc kiến thiết Chủ nghĩa xã hội mang bản sắc Trung Quốc, sơ bộ hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị quan một cách chính xác, đặt định tố chất, cơ sở vì tư tưởng chính trị cho sự phát triển suốt cuộc đời.”

Xem ra, Trung Cộng thực sự muốn làm tới cùng.

III.4-2 – Môn lịch sử: Lừa mình dối người

(1) Năm giữ chính trị, lịch sử dường như là một môn nhánh của chính trị

Lịch sử chính là một tấm gương có thể đoán định hưng vong. Các quốc gia văn minh lớn trên thế giới đều bảo tồn một lượng lớn các tư liệu lịch sử, nhờ đó mọi người có thể thu được từ lịch sử những bài học phong phú bổ ích, là một tham chiếu quý báu cho việc lập thân xử thế và sự phát triển của dân tộc. Một dân tộc mà không hiểu rõ lịch sử của chính mình cũng giống như một người mất đi trí nhớ, hoàn cảnh đó đáng thương vô cùng.

Nhưng lịch sử của Trung Cộng lại không tốt đẹp gì, lịch sử chân thực là điều đại kỵ của Đảng Cộng sản. Nhằm chứng minh cho sự thống trị hợp pháp của mình, Trung Cộng ắt phải thao túng quyền giải thích lịch sử. Các học giả tay sai đã xuất ra đủ các chiêu bài, đưa lịch sử Trung Quốc vào “năm giai đoạn phát triển” giả tạo và rút ra kết luận là “lịch sử đã lựa chọn Đảng Cộng sản”. Đọc toàn bộ tài liệu giảng dạy về lịch sử Trung Quốc, ấn tượng mạnh là: chiến tranh nông dân là động lực phát triển của lịch sử, ngay từ khi xuất hiện Trần Thắng, Ngô Quăng^[16], người dân Trung Quốc đã mỗi mắt trông ngóng sự xuất hiện của một chính đảng cách mạng nắm vững chân lý của lịch sử, có thể cứu họ thoát khỏi nước sôi lửa bỏng, sự trông mong này đã kéo dài 2.000 năm. Cuối cùng “Tiếng pháo của Cách mạng tháng 10 bùng nổ”, Đảng Cộng sản đã đến.

Chân tướng sự thực là, năm giai đoạn phát triển của lịch sử nhân loại chỉ thuần túy là hư cấu, hoàn toàn sai lệch so với lịch sử Trung Quốc. Nếu như nói, người Trung Quốc từ thời kỳ Chiến Quốc tiến nhập vào thời kỳ phong kiến,

[16] Ngô Quăng là thủ lĩnh khởi nghĩa nông dân cuối thời nhà Tần trong lịch sử Trung Quốc. Ông là người trợ giúp đắc lực cho Trần Thắng châm ngòi cho cuộc chiến chống lại sự cai trị của nhà Tần, cuối cùng làm cho nhà Tần sụp đổ.

vậy nên giải thích thế nào về việc Tần Thủy Hoàng bỏ phong kiến lập quận huyện. Khổng Tử nói “ta theo pháp chế của nhà Chu” bốn ba vất vả khắp sáu nước, muốn khôi phục chế độ Lễ Nhạc thời Tam Đại (Hạ, Thương, Chu), vậy mà Trung Cộng lại coi ông là người phát ngôn của “giai cấp chủ nô lệ”. Nhưng, vì sao tư tưởng nho gia của Khổng Tử ngược lại lại trở thành tư tưởng chính thống của “thời đại phong kiến”? Bịa đặt nhiều thì giải thích càng rối. Thể hệ đối trá ấy có đầy những lỗ hổng, Trung Cộng chỉ hận là năm đó đã không đốt hết toàn bộ 25 bộ lịch sử của Trung Quốc ^[17].

(2) Che đậy, thay đổi, đoạn chương thủ nghĩa, khiến lịch sử chân thực vỡ vụn thành từng mảnh

Nguyên tắc chỉ đạo cho việc biên soạn giáo trình lịch sử của Trung Cộng là những gì mà “quan niệm duy vật lịch sử” không thể giải thích thì không giảng; những tội ác việc xấu của Đảng Cộng sản toàn bộ không giảng; những thánh nhân quân tử, minh quân hiền tướng thì chọn người mà giảng, khi giảng thì nhất định phải nhấn mạnh, xoáy sâu vào “tính giới hạn về lịch sử”; “tội ác của giai cấp phản động”; “khởi nghĩa nông dân” phải giảng nhiều, xoáy sâu; “hành trình vinh quang” của Đảng cộng sản cũng phải giảng nhiều, xoáy sâu.

Sách lịch sử của Trung Cộng cũng nói về Mạnh Tử, giảng rằng: “Lao tâm giả trị nhân, Lao lực giả trị ư nhân” (*Người lao tâm trị người khác, người lao lực bị người khác trị*) nhằm thể hiện bản tính của “Giai cấp bóc lột”; khi nói về Quốc Dân đảng thì vu oan cho họ rằng “tiêu cực kháng Nhật, tích cực phản cộng”, xưa nay không dám nói rằng đảng thực sự kháng Nhật chính là chính

[17] 25 bộ sử Trung Quốc gồm: Sử ký, Hán thư, Hậu Hán thư, Tam Quốc chí, Tần thư, Tống thư, Nam Tề thư, Lương thư, Trần thư, Ngụy thư, Bắc Tề thư, Chu thư, Tùy thư, Nam sử, Bắc sử, Đường thư, Tân Đường thư, Ngũ Đại sử, Tân Ngũ Đại sử, Tống sử, Liêu sử, Kim sử, Nguyên sử, Minh sử, Tân Nguyên sử.

phủ Quốc Dân đảng, bản thân Trung Cộng “một phần kháng Nhật, hai phần ứng phó Quốc Dân đảng, bảy phần phát triển làm bản thân lớn mạnh”; nói về Cơ Đốc giáo nó không nói tới lời dạy “yêu người như chính mình”, mà chỉ nhấn mạnh “chiến tranh tôn giáo” và “tôn giáo là công cụ của Chủ nghĩa thực dân”; nói về các quốc gia Chủ nghĩa tư bản thì nhấn mạnh “tính giả tạo về dân chủ của giai cấp tư sản” và “mâu thuẫn nội tại về khủng hoảng kinh tế không thể khắc phục”.

«Cửu Bình» tác phẩm gây chấn toàn cầu, đã được phiên dịch thành 33 phiên bản ngôn ngữ, được cả thế giới chú ý...

CỬU BÌNH

LOẠT BÀI XÃ LUẬN CỦA ĐẠI KỶ NGUYỄN

CỘNG SẢN ĐẢNG

- 1 - Đảng cộng sản là gì?
- 2 - ĐCSTQ xuất sinh như thế nào?
- 3 - ĐCSTQ, một chính thể bạo ngược
- 4 - Đảng cộng sản, một lực lượng phản vũ trụ
- 5 - Giang Trach Dân và ĐCSTQ cấu kết với nhau đàn áp Pháp Luân Công
- 6 - ĐCSTQ phá hoại văn hoá dân tộc
- 7 - ĐCSTQ, một lịch sử đầy giết chóc
- 8 - ĐCSTQ, một tà giáo về bản chất
- 9 - ĐCSTQ với bản tính lưu manh

大紀元
www.dajiyuan.com

Những năm gần đây, ngày càng có nhiều thanh niên học sinh ý thức được việc Trung Cộng sửa đổi lịch sử, muốn tự mình tìm đọc và nghiên cứu để hiểu

rõ chân tướng lịch sử, nhưng lịch sử quan bị Trung Cộng nhồi nhét từ trước đã chiếm vị trí chủ chốt, nên rất khó đột phá về căn bản. Về phương diện cận đại, hiện đại, Trung Cộng thao túng tư liệu lịch sử, phong tỏa ngôn luận. Hiện nay, từ sau khi Trung Cộng khởi lên tại Trung Quốc Đại lục, dường như mọi người không có khả năng lý giải lịch sử chân chính một cách toàn diện. Do Trung Cộng sửa đổi lịch sử một cách hệ thống nên nếu muốn lý giải chân tướng lịch sử của Trung Quốc, thì không chỉ cần có khả năng nhìn thấu những lời dối trá trong những sự kiện cụ thể, mà quan trọng hơn là cần có khả năng vượt thoát khỏi cái khung lý luận của Trung Cộng, đứng tại đỉnh cao của toàn bộ lịch sử văn minh nhân loại mà nhìn nhận đối đãi với giai đoạn gần một thế kỷ mà tà linh Trung Cộng gây họa cho nhân gian. Về phương diện này, cuốn sách “Cửu bình Cộng sản Đảng” sẽ cung cấp cho chúng ta những tham chiếu rất tốt.

III.4-3 – Môn ngữ văn: lừa gạt trong vui vẻ

(1) Việc tuyển chọn các bài văn

Về phương diện nhồi nhét Văn hóa đảng cho học sinh, nếu như nói những môn chính trị diễn vai phản diện, thì các môn ngữ văn lại đóng vai chính diện. Những môn chính trị nhồi nhét một cách thô bạo như vũ bão, còn các môn ngữ văn lại rót vào một cách nhẹ nhàng như mưa xuân, tuy phương thức khác nhau, nhưng cùng chung một mục đích.

Việc lựa chọn các bài văn trong sách giáo khoa ngữ văn của trung học và tiểu học cũng có nhiều quy định và phải mất rất nhiều công sức. Những bài văn của lãnh đạo Trung Cộng hoặc những bài văn liên quan đến họ phải chiếm một tỉ lệ nhất định, những “nhân vật anh hùng” của Trung Cộng (Vương Nhị Tiểu, Lưu Hồ Lan, Giang Tả, Khâu Thiệu Vân, Đổng Tôn Thụy, Hoàng Kế Quang, năm tráng sĩ núi Lang Nha, v.v.) cũng không thể vắng mặt. Hòng giải thích lý luận đấu tranh giai cấp của Trung Cộng, môn ngữ văn phải triển hiện một cách

chính diện về giai cấp bị bóc lột từ cổ đến kim, từ trong nước ra ngoài nước, rồi lại đưa hình tượng địa chủ, nhà tư bản (như Chu Bái Bi ^[18]) đã được khắc họa điểm xuyết vào trong đó. Còn những bài văn của các quốc gia phương Tây phải thể hiện được đặc điểm là “Cám bã Chủ nghĩa tư bản”. Nhạc công Janko ^[19], ông già Willy Wonka ^[20], “chú Jules của tôi” ^[21] hoặc là chết một cách thảm khốc, hoặc là có kết cục rất ảm đạm. Các danh tác trên thế giới cũng đành phải lựa chọn, nhưng phải chọn cái ăn nhập với giáo điều của Trung Cộng. Bởi vì Mao dùng quan điểm đấu tranh giai cấp mà đọc “*Hồng Lâu Mộng*”, do vậy giáo án trung học phải dùng “*Sư Hồ lô xử án hồ lô*” ^[22], nhằm thể hiện giai cấp thống trị phong kiến ích kỷ tàn bạo, coi mạng người như cỏ rác.

Sách giáo khoa ngữ văn của trung học đa phần là văn chương của Mao Trạch Đông và Lỗ Tấn. Mao nói “phản đối chủ nghĩa tự do”, Lỗ Tấn nói lịch sử 5.000 năm, đâu đâu cũng thấy viết hai chữ “ăn thịt người”, phải “đánh đập kẻ sa cơ”, “muốn chơi đẹp thì phải làm từ từ”, rất nhiều phần trong những bài văn này phải học thuộc lòng.

(2) Phương pháp giảng dạy của giáo viên

Đu ý nghĩa của những bài văn này đơn thuần rõ ràng bao nhiêu đi chăng

[18] Chu Bái Bi là ác bá địa chủ dưới ngòi bút của “tác giả nổi tiếng” Cao Ngọc Bảo trong tác phẩm “Tiếng gà gáy lúc nửa đêm! Chu Bái Bi vì để đám người làm làm nhiều nghỉ ít, nửa đêm canh ba học tiếng gà gáy để bắt mọi người dậy làm việc (Trong văn bản kẻ ước bán thân quy định rõ ràng: gà gáy phải dậy làm việc), bởi vì trước đây không có đồng hồ hoặc công cụ tính thời gian, đám người làm rời giường từ khi gà gáy làm việc cho đến khi mặt trời lặn mới kết thúc công việc, Chu Bái Bi gáy lúc nửa đêm, làm cho những người làm này phải rời giường trước thời gian vì hân làm việc một nắng hai sương.

[19] Janko là nhân vật chính trong truyện ngắn Janko muzykant (Janko – nhạc công, 1879) của nhà văn Ba Lan Henryk Sienkiewicz.

[20] Willy Wonka là nhân vật chính trong truyện “Charlie và nhà máy sôcôla” của nhà văn của Roald Dahl.

[21] Jules là nhân vật chính trong truyện ngắn “Chú tôi” (Mon oncle Jules) của một nhà văn Pháp của thế kỷ thứ XIX, ông Guy de Maupassant.

[22] Hồ lô tăng phán đoán hồ lô án – tên hồi bốn trong tác phẩm *Hồng Lâu Mộng*.

nữa thì bất kỳ văn bản nào cũng đều có thể đọc hiểu theo nhiều cách khác nhau. Nhằm ngăn chặn khả năng này, ngành giáo dục của Trung Cộng yêu cầu giáo viên ngữ văn rằng sau khi giảng giải từng chữ, từng từ, từng câu, từng đoạn, từng chương cần phải tiếp tục “làm nổi bật nội dung chính”, chỉ ra “tư tưởng trung tâm” của bài văn, ép buộc học sinh lặp đi lặp lại những lời Văn hóa đảng đó. Ví dụ phía trên có nhắc tới “nhạc công Janko” là bài văn của học sinh lớp 5, tư tưởng trung tâm của nó là “tội ác của chế độ bóc lột trong xã hội cũ”, giáo viên phải dẫn dắt học sinh hiểu rằng “lý tưởng của người lao động không thể thực hiện được, cho dù có tài năng, cũng phải mai một”, cần phải “đẩy lên lòng căm hận của học sinh đối với chế độ bóc lột, đồng cảm với tư tưởng, tình cảm của nhân dân lao động”.

(3) Phương hướng thi cử

Thi lên lớp là cây gậy chỉ huy của giáo dục các cấp. Xu hướng ra đề trong kỳ thi có tác dụng dẫn hướng to lớn đối với giáo viên và học sinh. Cũng có nghĩa là trọng điểm dạy học bị dẫn dắt bởi đề thi, mà đề thi lại trực tiếp bị khống chế bởi chính sách của Trung Cộng. Ví dụ như đề thi văn vào trường cao đẳng đại học, đề bài toàn quốc năm 1958 là “Màn kịch động nhân tâm trong Đại nhảy vọt”, đề bài tại Bắc Kinh năm 1977 là “Một năm chiến đấu của tôi”, đề bài tại Thượng Hải là “Những ngày tháng nắm vững cương lĩnh trị quốc”. Trong đề thi văn những năm gần đây thì những đề bài mang Văn hóa đảng trần trụi như vậy đã giảm đi, thay vào đó là Văn hóa đảng khá kín đáo, ví như cái gọi là “phép biện chứng”, “một chia thành hai”. Bộ phim “Hoa hồng có gai” năm 1990 lại khiến nhân dân ôn lại những từ tự biện hộ kinh điển của Trung Cộng: “chủ lưu là tốt”, “thành tích là chủ yếu”, “thành tích là chín ngón tay, sai sót là một ngón tay”, “vết đen trên mặt trời”. Còn “gắn mực thì đen” và “gắn mực chưa chắc đã đen” năm 1991, nghĩa bóng của nó là cải cách mở cửa hoàn toàn không vi phạm bốn nguyên tắc, dự báo rằng năm 1992 Đặng Tiểu Bình tuân

du phương Nam sẽ khởi động lại cuộc cải cách kinh tế quặt.

Thi lên lớp có tác dụng dẫn hướng tuyệt đối đối với giáo dục các cấp. Trung Cộng nắm quyền ra đề thi, chính là chi phối sự phân phối thời gian học tập và vận dụng trí lực của học sinh. Trung Cộng lấy những thứ nó ép buộc nhồi nhét là trọng điểm trong các kỳ thi, học sinh đành phải bỏ thời gian gấp mười mấy lần, thậm chí mấy chục lần cho việc học các môn khác để ghi nhớ nội dung Văn hóa đảng đó. Kết quả là, văn hóa Đảng giống như một con dao khắc thật sâu vào tâm hồn của học sinh.

(4) *Những xu thế gần đây*

Chẳng bao lâu sau, bài học nhân sinh đầu tiên của học sinh là “Mao chủ tịch vạn tuế”, “Tôi yêu Thiên An Môn Bắc Kinh, mặt trời lên cao trên bầu trời Thiên An Môn”. Hiện nay sách giáo khoa cũng đã “tiến bộ” nhiều, tới cuối sách lớp một của học sinh tiểu học mới gượng gạo đưa ra “cây đại thụ Đặng Tiểu Bình”. Câu thơ nổi tiếng của Đỗ Phủ “Dao liên tiểu nhi nữ, Vị giải ức trường an” (*Ở xa thương cho con gái bé bỏng, Chưa hiểu nỗi nhớ Trường An*), không [được hiểu] là trực tiếp viết về nỗi nhớ con, ngược lại là nói đứa con nhỏ còn chưa biết nhớ đến cha mình, một góc độ mới mẻ, ý vị sâu sắc. Rất nhiều bài văn trong sách giáo khoa ngữ văn hiện nay đều bịa đặt thông qua kỹ xảo này. Học sinh tiểu học không cần phải hét lên “Bốn điều vĩ đại” nhưng lại phải cùng “thân quyến” hồi tưởng lại ân tình sâu nặng, “ăn quả nhớ kẻ trồng cây, tưởng nhớ Mao chủ tịch từng phút từng giây”. Trước kia nó tự tâng bốc bản thân thành “trung tâm cách mạng thế giới”, hiện nay nó lại kể một câu chuyện như sau: “Lưu học sinh lang bạt tại hải ngoại gặp cảnh khốn cùng, muốn dùng chiếc áo khoác đổi lấy một mẩu bánh mì, ông chủ tiệm (người phương Tây) không chịu. Nhưng nhìn thấy lá cờ đỏ năm sao trên cổ người học sinh, ‘mắt ông chủ tiệm sáng lên’, nhất định phải đổi bánh mì lấy cờ đỏ. Lưu học sinh vô cùng trượng nghĩa, phải áo bỏ đi, vậy là ông chủ tiệm nhận được một bài học sâu

sắc.” Những bài giảng chính trị tuyên truyền “một Trung Quốc”, “không bài trừ việc sử dụng vũ lực”, những bài giảng ngữ văn lại giảng từ việc Đài Loan không có tuyết, cuối cùng dùng lời của giáo viên để đưa ra chủ đề “Những người bạn nhỏ ở đó (Bắc Kinh) đang đợi các em tới chơi cùng các bạn ấy.”

Sách giáo khoa ngữ văn của học sinh tiểu học xuất bản gần đây đã nhồi nhét một cách hệ thống “khăn quàng đỏ”, “ngày 01 tháng 10 – sinh nhật của mẹ tổ quốc”, dùng chuyện xưa để giảng về chính sách đối với Đài Loan, chính sách dân tộc, chính sách ngoại giao, chính sách kinh tế v.v. của Trung Cộng, thiếu niên nhi đồng tư tưởng giản đơn đang hấp thụ một lượng lớn nội dung Văn hóa đảng một cách vô thức.

Các sách giáo khoa ngữ văn hiện nay đã thêm vào rất nhiều tác phẩm có hơi thở của thời đại, nhưng chúng ta nhất định phải thấy được, các giờ học ngữ văn vẫn cứ đảm nhận một tác dụng trọng yếu trong việc nhồi nhét Văn hóa đảng. Đó là bởi vì, thứ nhất, văn chương của giới lãnh đạo của đảng vẫn chiếm một phần nhất định của chương trình. Thứ hai, do đặt cạnh rất nhiều các bài văn nổi danh, nên Văn hóa đảng cũng tự nhiên có được địa vị như những danh tác nổi tiếng, cũng chính là được “kinh điển hóa”. Khi học sinh dùng những bài có văn hóa đảng này để học tập văn phạm và tu từ, thì đã coi nội dung là thứ tự nhiên, đương nhiên, thậm chí tất nhiên, chẳng may phòng bị mà tiếp thu. Thứ ba, định hướng giáo dục vì thi cử hiện nay đã hướng toàn bộ sự chú ý của học sinh vào một lượng lớn những tiểu tiết vô vị, khiến học sinh vừa mất đi hứng thú với nội dung các bài văn, vừa mất đi năng lực tìm tòi nghiên cứu.

Đương nhiên, môn ngữ văn cùng với giáo trình nhiều môn học khác cùng phối hợp mà phát huy tác dụng, việc “từ bỏ chính trị hóa” về một mức độ nào đó của môn ngữ văn, cũng đã chứng tỏ khả năng dung nạp mạnh mẽ và tính lừa dối cao độ trong Văn hóa đảng từ một phương diện khác. Cũng giống như “nhân quyền đi vào hiến pháp”, Giang Trạch Dân đề xuất “lấy đức trị quốc”, Hồ Cẩm Đào hô lớn “xã hội hài hòa”, không chừng một ngày nào đó, “kiên trì quảng bá Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo, những tinh hoa của dân tộc” cũng sẽ

được viết vào cương lĩnh của đảng và hiến pháp, tiếp tục giải thích câu chữ “vĩ đại, quang minh, chính xác” và “thay đổi cùng thời gian” là như thế nào.

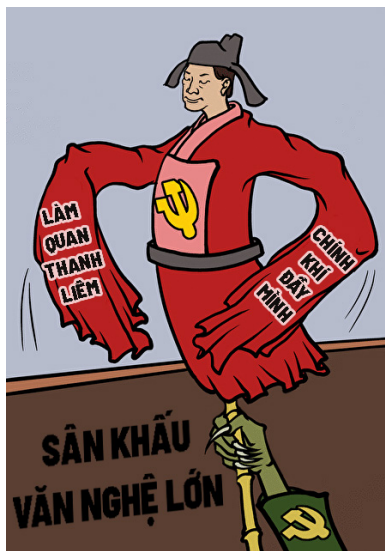
Những môn học khác dưới thể chế giáo dục của Trung Cộng như địa lý, âm nhạc, khoa học tự nhiên v.v. cũng đều gánh vác sứ mệnh nhồi nhét Văn hóa đảng. Qua một vài ví dụ có thể thấy được toàn cảnh, tại đây sẽ không đàm luận chi tiết thêm nữa.

Điều cần phải nhấn mạnh và cần chỉ ra là, nguy cơ lớn nhất của giáo dục Văn hóa đảng không phải là nội dung cụ thể được nhồi nhét, mà là nó đã áp đặt lên học sinh một cái khung nhận thức để nhận thức thế giới, giải thích thế giới. Sau khi học sinh nhận thức được cốt lõi của cái khung nhận thức đó, đối với những tin tức không thể xử lý được trong cái khung đó, thì hoặc giữ thái độ bài xích cực đoan, thờ ơ, bàng quan với những hiện tượng mà cái khung đó không thể giải thích, hoặc tiến hành xử lý những thông tin này bằng phương thức tư duy lệch lạc mà Trung Cộng nhồi nhét, cuối cùng rút ra kết luận có lợi cho sự thống trị của Trung Cộng. Điều này giải thích tại sao người Trung Quốc ngày nay vừa rất có tư tưởng, giỏi biện luận, mặt khác lại cực đoan, hẹp hòi, cố chấp, bế quan tỏa cảng với những điều mình không thích, thỏa mãn “trạng thái vô tri có chọn lọc”.

Tự cổ Trung Quốc có câu “Vạn ban giai phẩm, duy hữu độc thư cao” (Mọi thứ đều thấp kém, chỉ đọc sách là cao quý), xã hội vô cùng coi trọng giáo dục phổ cập. Đối với con cái của đa số nông dân, ngoài việc nhập ngũ thì thi đại học là con đường duy nhất có thể thay đổi thân phận nông dân của mình. Nhưng Trung Cộng đã nắm giữ mọi nguồn tài nguyên của quốc gia, các em hoặc không được giáo dục, hoặc chỉ có thể được sự giáo dục bởi văn hóa Đảng. Máy chục năm qua, Trung Cộng đã coi giáo dục, vốn là việc chung của toàn dân, thành cái phường buôn bán hàng lậu của riêng nhà mình, người Trung Quốc hết thế hệ này tới thế hệ khác đều bị ép phải nuốt quả đắng là giáo dục Văn hóa đảng.

III.5 – LỢI DỤNG CÁC LOẠI HÌNH THỨC VĂN NGHỆ ĐỂ NHỒI NHẾT VĂN HÓA ĐẢNG

Đảng Cộng sản cho rằng văn nghệ là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, chỉ có thể phục vụ cho lợi ích của giai cấp thống trị. Sau khi Trung Cộng cướp đoạt chính quyền, nó đã quốc hữu hóa các đoàn thể diễn xuất văn nghệ về mặt kinh tế, biến các nhân sĩ trong giới văn nghệ thành “người trong thể chế” về mặt tổ chức và còn tiến hành cải tạo tư tưởng đối với họ, khống chế nghiêm ngặt theo kiểu “chỉ tận tay, dạy tận mặt” về phương diện sáng tác, trong một thời gian ngắn nó đã biến mọi hình thức văn nghệ như điện ảnh, hí kịch, ca múa, khúc nghệ^[23] v.v. thành một bộ phận của bộ máy quốc gia và là công cụ nhồi nhét Văn hóa đảng.



III.5-1 – Lợi dụng điện ảnh để nhồi nhét Văn hóa đảng

[23] “Khúc nghệ” là cách gọi chung của các loại nghệ thuật hát nói, được hình thành từ văn học truyền miệng và nghệ thuật hát nói dân gian cổ đại. Hình thức nghệ thuật chính là thông qua phương thức biểu diễn nói và hát phối hợp động tác để kể lại câu chuyện, bày tỏ tư tưởng và tình cảm, phản ánh đời sống xã hội. Hiện nay có hơn 300 loại nghệ thuật khúc nghệ đang phổ biến tại Trung Quốc, chủ yếu bao gồm tuồng thanh, trống cái, hát vè, nhị nhân chuyển, đàn tù, song hoàng, v.v. Trong đó, hình thức nghệ thuật tuồng thanh được người ta ưa chuộng nhất. Tuồng thanh lấy ngôn ngữ làm phương thức biểu diễn chính, được phát triển trên cơ sở chuyện hài cổ đại và chuyện vui dân gian. Nghệ thuật tuồng thanh hiện đại bắt nguồn từ khu vực Bắc Kinh và Thiên Tân khoảng 100 năm về trước.

(1) “Điện ảnh là nghệ thuật trọng yếu nhất”

Điện ảnh nổi lên vào đầu thế kỉ 20, là một hình thức giải trí và nghệ thuật hoàn toàn mới, so với văn nghệ truyền thống nó có ưu thế rất lớn, đã nhanh chóng phổ biến trong xã hội. Đảng Cộng sản với khứu giác nhạy bén đã chú ý tới điện ảnh từ rất sớm. Lenin nói: “Điện ảnh là một trong những công cụ giáo dục quần chúng mạnh mẽ nhất”, “trong tất cả các hình thức nghệ thuật, đối với chúng ta điện ảnh là trọng yếu nhất.” Tháng 08 năm 1949, Bộ Tuyên truyền của Trung Cộng ra công văn “Quyết định liên quan đến việc tăng cường sự nghiệp điện ảnh”, chỉ ra rằng: “Nghệ thuật điện ảnh có tính quần chúng to lớn nhất và hiệu quả tuyên truyền rộng lớn nhất, nhất định phải tăng cường sự nghiệp này, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tuyên truyền của đảng ta, cách mạng dân chủ mới cùng sự nghiệp kiến thiết có tiếng nói hơn trong phạm vi trong nước và trên trường quốc tế.” Năm 1951, cuộc vận động cải tạo tư tưởng đầu tiên sau khi Trung Cộng cướp chính quyền bắt đầu từ việc phê phán bộ phim “Truyện Vũ Huấn”, Mao Trạch Đông cũng tự mình “cầm đao”, phê phán gay gắt phim “Truyện Vũ Huấn”. Mao Trạch Đông mượn chuyện này ám thị cho những vị lãnh đạo đảng sau này của Trung Cộng rằng phải hết sức coi trọng loại hình nghệ thuật này. Vào năm 1953, cuộc “cải tạo Chủ nghĩa xã hội” trong ngành điện ảnh đã hoàn tất, hoàn thành trước cả việc cải tạo ngành công nghiệp khác của dân tộc. Nhờ sự giúp đỡ của các chuyên gia Liên Xô, Trung Cộng đã đưa việc sản xuất điện ảnh vào kế hoạch năm năm lần thứ nhất, tiến hành quản lý điện ảnh theo mệnh lệnh hành chính.

Trong quãng thời gian từ năm 1949 đến năm 1966, Trung Cộng tổng cộng đã quay hơn 700 bộ phim truyện, bịa đặt một cách toàn diện rằng: “Lịch sử đã lựa chọn Trung Cộng”, biện hộ cho chính sách của Trung Cộng trong từng thời kỳ, đẩy những nhân vật đại biểu của Đảng theo hướng chính diện, hạ thấp văn hóa truyền thống và các nhân vật truyền thống. Những tác phẩm đại biểu cho thời kỳ này có “Bạch Mao Nữ”, “Chiến sĩ thép”, “Nam chinh Bắc

chiến”, “Khúc ca thanh xuân”, “Hồng kỳ phớt” (*Lá cờ đỏ*), “Địa lôi chiến” (*Chiến tranh bom đạn*), “Địa đạo chiến” (*Cuộc chiến dưới địa đạo*), “Lý Song Song”, “Hồng Nhật” (*Mặt trời đỏ*), “Tiểu binh Trương Ca”, “Nữ nhi anh hùng”, “Dã hỏa xuân phong đấu cổ thành” (*Lửa đại gió xuân đấu cổ thành*), “Chàng lính gác dưới ngọn đèn neon” v.v.

Trong những bộ phim này, những nhà lãnh đạo của Trung Cộng, những kẻ được Trung Cộng gọi là “Nhân vật anh hùng mô phạm”, thậm chí cả những đặc vụ của Trung Cộng mang tâm lý đen tối, hành vi hạ tiện cũng trở thành đối tượng được ca tụng. Hình thức truyền thông như điện ảnh khiến Trung Cộng có thể “giả tạo một cách chân thực”, nam nữ diễn viên thanh tú, bầu không khí và cảnh quay thơ mộng như họa như thơ, tình tiết được thiết kế như huyền thoại hay mang tính sử thi, đạt được tác dụng tối đa trong việc đề cao nhân vật đại biểu của đảng. Về mặt tâm lý mọi người cảm thấy hình tượng nhân vật trong các tác phẩm văn nghệ lại càng “thực chất”, mang tính phổ biến, có tư cách đại diện cho “đảng”, nhưng lại không ngờ được rằng điều họ thấy chỉ là chiếc mặt nạ giả của đảng mà thôi.



Trước năm 1949, điện ảnh chủ yếu là một loại hình nghệ thuật thành thị. Nhằm mở rộng phạm vi tuyên truyền của điện ảnh, Trung Cộng tiến hành phát hành phim điện ảnh theo phân khu hành chính, xây dựng một cách hệ thống đội chiếu phim lưu động, vươn những cái xúc tu tuyên truyền của mình tới tận vùng nông thôn và các cơ sở tại nhà máy hầm mỏ. Năm 1949, đội chiếu phim lưu động trên toàn quốc có 646 đơn vị, đến năm 1957 tăng lên đến 9.965 đơn vị, trong đó có 1.030 viện điện ảnh, 6.692 đội chiếu phim. Đội chiếu phim đã trình chiếu hơn 114.000 buổi vào năm 1954, số lượng khán giả đạt 110 triệu lượt người. Đội chiếu phim kiểu này vẫn hoạt động sôi nổi tới tận những năm 80, đã khởi tác dụng cực đại trong việc phổ cập Văn hóa đảng.

Sau khi Đại Cách mạng Văn hóa bắt đầu, trên 90% số phim của “17 năm” (từ năm 1949 đến năm 1966) bị coi thành cở độc (có hại cho nhân dân và Chủ nghĩa xã hội), lĩnh vực văn nghệ bị biến thành thiên hạ của “tám vỡ kịch mẫu”. Năm 1979, phần lớn các phim của “17 năm” đã được giải cấm, năm đó toàn dân bình quân xem phim 28 lần, điện ảnh toàn quốc đạt hơn 29.3 tỷ lượt xem. Loại hiện tượng này kỳ thực đã phản ánh sách lược thống trị của Trung Cộng. Về mặt kinh tế thì tước đoạt của nhân dân đến mức chẳng còn gì, do vậy chỉ cần tình hình kinh tế hơi khá lên một chút, thì người ta đã cảm ơn mang đức đối với Trung Cộng rồi; trong lĩnh vực văn nghệ cũng tước đoạt của người ta đến mức chẳng còn gì, thì người ta sẽ thấy các tác phẩm tuyên truyền Văn hóa đảng ngọt như đường vậy.

Nghiên cứu về giới truyền thông phát hiện rằng, loại hình truyền thông nào càng kích thích tới giác quan của con người như thật thì càng thu được hiệu quả lớn. Điện ảnh là một loại hình nghệ thuật tổng hợp cả văn học, âm nhạc, mỹ thuật, biểu diễn v.v. kích thích toàn diện giác quan của con người, là một hình thức tuyên truyền mạnh mẽ. Trong các bộ phim, Trung Cộng đã nhào nặn một lượng lớn những nhân vật đại diện cho đảng, giọng nói, nét mặt biểu cảm, ngôn ngữ cơ thể... của họ đã trở thành đối tượng mà mọi người, đặc biệt là thanh thiếu niên mô phỏng theo, ví như hình tượng Mao Trạch Đông

“điểm tính chỉ huy một cách chu toàn” trước tấm bản đồ, động tác diễn giảng của Lenin trong những bộ phim của Liên Xô v.v. Rất nhiều từ vựng trong phim đã đi vào ngôn ngữ đời thường, như câu nói của Vương Thành trong phim “Nhi nữ anh hùng”: “Vì chiến thắng, hãy nã pháo vào ta” vẫn lưu hành cho tới tận ngày nay. Điện ảnh đã thay đổi mô thức hành vi, tâm lý của con người theo cách thức “mưa dầm thấm lâu”, hiệu quả của nó to lớn không thể lường hết.

Cấp độ chú trọng điện ảnh của Trung Cộng còn vượt qua cấp độ chú trọng tới văn học, hơn nữa thuận theo dòng chảy thời gian, dường như càng ngày càng như vậy. Sau năm 1989, Trung Cộng có xu hướng thu hẹp về hình thái ý thức, từ năm 1990 đến năm 1992, trên điện ảnh đã xuất hiện một cao trào “chủ đề chính” rất rõ ràng.

(2) Chủ đề chính và đa dạng hóa

Từ những năm 80 tới nay, thuận theo cuộc cải cách kinh tế của Trung Cộng, giới điện ảnh cũng được thử nghiệm cách quản lý và hình thức cạnh tranh kiểu xí nghiệp. Hiện nay những bộ phim nhựa sản xuất tại Trung Quốc được trình chiếu, ước chừng khoảng 25% những bộ phim nhựa được liệt vào “chủ đề chính”, 70% là phim giải trí, 5% là phim nghệ thuật. Nhưng hiệu quả tuyên truyền của điện ảnh không hề bị bào mòn, chỉ là nó đã sử dụng hình thức phức tạp tinh vi hơn.

Trước tiên, điện ảnh thuộc “chủ đề chính” vẫn đảm nhận chức năng trọng yếu là nhồi nhét Văn hóa đảng. Chính sách của Trung Cộng luôn đảm bảo cho điện ảnh trong dòng “chủ đề chính” được đầu tư mạnh tay, sản xuất nhiều, ban hành văn bản phát hành chính thức, yêu cầu tổ chức các cấp tới xem. Phim “Đại quyết chiến” được đầu tư mấy chục triệu nhân dân tệ, phạm vi quay phim liên quan tới 13 tỉnh, diễn viên quần chúng tham gia diễn xuất đạt tới hơn 150 nghìn lượt người, qua đây có thể thấy rõ Trung Cộng vô cùng coi trọng điện ảnh. Bộ Tuyên truyền, Ban tổ chức Trung ương, Bộ Giáo dục, Bộ Phát thanh

Điện ảnh Truyền hình, Bộ Văn hóa, Tổng Công đoàn toàn quốc, Hội Liên hiệp Phụ nữ toàn quốc, Đoàn thanh niên Cộng sản Trung ương và nhiều đơn vị khác đã nhiều lần thông báo hợp tác, yêu cầu đơn vị các cấp tổ chức tới xem những bộ phim thuộc “chủ đề chính”. Số lượng khán giả của những bộ phim như “Đại lễ khai quốc”, “Tiêu Dụ Lộc”, “Mao Trạch Đông và con trai”... đều vô cùng lớn.

Thứ hai, điện ảnh thuộc “chủ đề chính” phát triển theo hướng khoa học kỹ thuật cao, kỹ xảo hóa, tinh tế hóa và tình cảm hóa. Sau những năm 80, do cải cách mở cửa, khả năng phân tích của người xem tăng lên, những lời dối trá lộ liễu của Trung Cộng không thể tiếp tục lưu hành. Những người trong ngành điện ảnh bị Trung Cộng lợi dụng đã phỏng đoán tâm lý khán giả, phát triển một bộ sách lược “chủ đề” phức tạp. Trong những bộ phim được gọi là phim theo “Đề tài lịch sử cách mạng”, đạo diễn đã cố ý tạo ra giả tưởng cho phim tài liệu, đem những nội dung lịch sử theo khuynh hướng có sẵn mà làm giả thành lịch sử khách quan. Phim chiến tranh chú trọng thể hiện những cảnh quay lớn, dùng những ảo tưởng chiến tranh giả tạo sống động để bóp nghẹt phán đoán lý tính của khán giả, khiến họ không phân biệt được đây là phim lịch sử hay phim tự sự. “Lãnh tụ cách mạng” trong phim được nhào nặn thành những cá nhân bằng da bằng thịt, để thể hiện tình thân, tình yêu, tình bạn của họ nhằm rút ngắn khoảng cách với khán giả. “Kẻ thù của đảng” cũng không còn là hình mẫu bất tài vô dụng trong phim như trước, họ cũng được biểu hiện là những nhân vật có tài hoa nhất định và nhân cách cao thượng, nhưng trong cuộc đọ sức lịch sử lại đều bại dưới tay Trung Cộng, chính là nước cờ cao tay nhằm làm nổi bật những nhà lãnh đạo Trung Cộng.

Trong cuốn sách “Con người Giang Trạch Dân” có ghi lại một câu chuyện, có thể minh chứng cho sự tinh vi trong thủ pháp điện ảnh thuộc “chủ đề chính” của Trung Cộng. Giang Trạch Dân từng nhận lời mời xem bộ phim “Đại lễ khai quốc”. Một số cảnh trong phim khiến y vô cùng hiếu kỳ, vì xem ra có vẻ giống như phim tài liệu vô cùng quý giá. Giang Trạch Dân hỏi đạo diễn

những cảnh ấy tìm ở đâu ra. Đạo diễn trả lời rằng, những cảnh đó về căn bản không phải tìm, mà là họ mới quay, sau khi qua xử lý kỹ thuật đặc biệt trông như phim tài liệu vậy. Giang rất hài lòng, sau khi xem xong kết luận rằng: “Thật với giả hòa trộn làm một – ngay cả tôi cũng bị lừa.”



Giọng điệu tuyên truyền kinh điển của Trung Cộng là “vĩ đại, quang minh, chính xác”, hình tượng nhân vật phải “cao, đại, toàn”. Thuận theo những tội ác trong lịch sử của nó bị vạch trần ra ngày càng nhiều và lâm vào hết khó khăn hiện thực này tới khó khăn hiện thực khác, Trung Cộng ắt phải dùng những sách lược tuyên truyền khác nhau để biện hộ cho bản thân. Trong một vài bộ phim, những vị lãnh tụ của Trung Cộng được nhào nặn thành những nhân vật bi kịch có nhân cách cao thượng, nhưng đối mặt với tiến trình lịch sử

vô tình nhưng là tất nhiên cũng đành phải lực bất tòng tâm, nhằm tìm kiếm sự tha thứ của khán giả đối với những tội ác mà chúng đã phạm trong lịch sử, đồng thời khiến khán giả cảm nhận được niềm vui của những người bình dị, từ đó mà an phận hơn với trật tự xã hội hiện tại.

Một thủ đoạn được sử dụng rộng rãi khác là “kích động tình cảm”. Đạo diễn của bộ phim “Đặng Tiểu Bình” tuyên bố rằng: “Chúng ta nhất định phải biến một loạt sáng tạo cách mạng quang minh vĩ đại của Đặng Tiểu Bình thành những làn sóng tình cảm to lớn, biến những chuyện lý tính thành tình cảm cảm tính!” Trong “Tiêu Dụ Lộ” và “Khổng Phồn Sâm” đều có những cảnh quay tang lễ mang tính quần chúng, dùng sự ai oán của dân chúng trên màn ảnh lan truyền tới khán giả, khiến khán giả phải cảm động khôn nguôi trước “đạo đức cao thượng” của nhân vật chính trong phim và tán đồng hình tượng của “đảng” mà họ đại biểu.

Thứ ba, phim giải trí cũng đảm nhận chức năng nhốt nhét Văn hóa đảng như vậy. Bình luận viên văn chương kỳ thứ năm của “Điện ảnh thông tấn” năm 1991 nói: “Là một loại hình sáng tác tinh thần, nó [chủ đề chính] không phải là khái niệm về lượng, không phải chỉ về mối quan hệ giữa số lượng tác phẩm nhiều hay số lượng tác phẩm ít, không phải chỉ ra mối quan hệ giữa đề tài này và đề tài kia, không chỉ không bài xích bất kỳ sáng tác nào, ngược lại yêu cầu thấm thấu vào quá trình chỉ đạo sáng tác của tất cả các tác phẩm.”

Một vài bộ phim do khoác lên cái mác là phim giải trí, nên Văn hóa đảng trong đó ẩn giấu rất kỹ lưỡng, khi khán giả thưởng thức truyền kỳ lịch sử, các câu chuyện tình yêu, hoặc cảm thán trước các kỳ quan thị giác, cũng bị nhốt nhét quan niệm và hứng thú về Văn hóa đảng một cách vô thức. Bộ phim “Anh hùng” tiêu tốn 250 triệu nhân dân tệ, dùng ngôn ngữ điện ảnh hào nhoáng mỹ lệ, ca ngợi độc tài chuyên chế và sự chinh phạt bạo lực; hoàn cảnh bi thảm của người công nhân nghỉ việc trong bộ phim “Người mẹ xinh đẹp” được quy kết do nguyên nhân sinh lý (con trai của nữ nhân vật chính bị điếc), gián tiếp che đậy sự thật là những chính sách bất cập của Trung Cộng gây ra tình cảnh thất

nghiệp của công nhân tại thành thị trên diện rộng; nhiều hơn nữa những bộ phim biên đạo ra các câu chuyện đã thay Trung Cộng kích động tình cảm chủ nghĩa dân tộc trong nhân dân.

Thứ tư, Trung Cộng lợi dụng điện ảnh để hạ thấp văn hóa truyền thống và những nhân vật truyền thống. Trải qua thời gian dài bị tuyên truyền nhỏ nhét Văn hóa đảng, tuyệt đại đa số người Trung Quốc đã không còn biết tới bộ mặt vốn có của văn hóa truyền thống và xã hội truyền thống. Kể từ những năm 80 trở lại đây, rất nhiều người làm điện ảnh mặc dù đã gắng hết sức phản kháng lại Văn hóa đảng, nhưng vì bản thân họ trưởng thành dưới sự thống trị của Đảng Cộng sản, do vậy họ chỉ biết dùng logic Văn hóa đảng để tưởng tượng ra diện mạo chân thực của xã hội truyền thống, do vậy xã hội truyền thống Trung Quốc trong rất nhiều bộ phim đều tập trung trên mình sự phong bế, áp bức, dã man, dường như chưa được khai hóa, tiến bộ như xã hội do Trung Cộng thống trị sau này. Kỳ thực, điều này cũng được suy luận từ logic của Thuyết tiến hóa, chính là dùng phương thức khác để lặp lại Văn hóa đảng.

Thứ năm, Văn hóa đảng không nơi nào không có mặt đã trở thành một nhân tố trong phong cách thẩm mỹ của điện ảnh, thẩm đắm trong tất cả các tác phẩm, lợi dụng tình cảm hoài niệm của khán giả để củng cố xiềng xích của Văn hóa đảng đối với tâm hồn con người.

So với những loại hình nghệ thuật khác, điện ảnh có đặc điểm của riêng mình. Ví như văn học, mỹ thuật, âm nhạc thể hiện điều gì, không thể hiện gì cũng đều có một không gian tự do rất lớn, nhưng điện ảnh lại cần thể hiện một cách toàn diện môi trường vật chất mà câu chuyện xảy ra. Do vậy bối cảnh và đạo cụ của những cảnh quay điện ảnh đều phải bố trí rất tỉ mỉ, khiến chúng có thể tái hiện lại hoàn cảnh điển hình của niên đại mà câu chuyện xảy ra. Ví như thể hiện hoàn cảnh thời Cách mạng Văn hóa phải có tượng của Mao, báo chữ lớn, trang phục quân đội màu xanh lục, sách đỏ, v.v. Trung Quốc sau năm 1949 là thiên hạ một đảng của Đảng Cộng sản. Muốn thể hiện hoàn cảnh điển hình của thời kỳ này chỉ có thể sử dụng những vật phẩm, thanh âm và cảnh quay

mang màu sắc Văn hóa đảng rất đậm nét. Những cảnh quay này thường gợi lên cảm xúc hoài niệm quá khứ của khán giả, khiến người xem cảm thấy mặc dù thời đại đó mang rất nhiều khuyết điểm, nhưng dù sao bản thân mình cũng đã từng bôn ba trong thời đại ấy, cũng giống như Puskin từng nói: “Những gì đã qua sẽ trở thành hồi ức tốt đẹp”, những ngày tháng đã qua cho dù thống khổ và lố bịch thế nào, nhưng khi ấy mọi người vẫn còn trẻ, giờ đây hồi tưởng lại khó tránh khỏi một loại cảm giác lãng mạn.

Ngày nay những bộ phim mang tính thuyết giáo thường gây phản cảm, do vậy phương thức “tiện tay mang theo” này đã trở thành một trong những hình thức chủ yếu giúp Trung Cộng nhồi nhét Văn hóa đảng một cách khách quan trong những tác phẩm điện ảnh. Nhân tố làm dậy khởi cảm xúc hoài niệm của con người thường là bối cảnh câu chuyện mà bộ phim muốn thể hiện; chỉ như vậy những tín tức mà những biểu tượng ấy mang theo mới có thể khiến mọi người không mang tâm lý đề phòng, tiến nhập vào đầu óc của khán giả không chút trở ngại.

Phim ảnh “Những năm tháng nhiệt tình sục sôi”, ca múa, văn học, thời trang, thậm chí quảng cáo (thôn Trung Quan tại Bắc Kinh đã từng có một biển quảng cáo lớn, phỏng theo phong cách tranh tuyên truyền cách mạng văn hóa), bên trên có viết “Internet nhất định phải thực hiện”, du lịch (“du lịch màu đỏ”) v.v. đều đang tham gia vào dàn hợp tấu “cảm xúc hoài niệm”, kỳ thực đều là đang giúp Trung Cộng củng cố xiềng xích Văn hóa đảng trong tâm hồn người Trung Quốc.

III.5-2 – Lợi dụng các loại hình văn nghệ như kịch nói, ca múa, hát dân gian để nhồi nhét Văn hóa đảng

Rất nhiều hình thức tuyên truyền văn nghệ của Trung Cộng đều rập khuôn máy móc từ Liên Xô. Nhưng vì đối tượng nhồi nhét Văn hóa đảng là tất cả người Trung Quốc, nên Trung Cộng ắt phải lợi dụng tất cả nguồn tài nguyên

văn hóa dân tộc để thích ứng với khẩu vị của những nhóm người khác nhau, nhằm đạt được hiệu quả nhối nhét tối đa. Ca múa, Kinh kịch, Thoại kịch, Bình kịch (thể loại kịch của người phía Bắc Trung Quốc), Dự kịch, Lã kịch, Việt kịch (kịch Quảng Đông), Tần khang, Ương Ca (ca múa dân tộc Hán), kịch Hoàng Mai, kịch Trống hoa, Nhị nhân truyền, trống lớn Kinh vận, bộ gõ Hà Bắc, Sơn Đông khoái thư, Tượng thanh, Bình Thư, không loại hình nào không bị Trung Cộng trộm dùng, Văn hóa đảng ký sinh vào những hình thức văn nghệ truyền thống này, lan truyền độc tố có thể nói vừa rộng vừa sâu. Tại đây chúng tôi chủ yếu nghiên cứu, thảo luận về vài vấn đề có liên quan.

(1) Ký sinh nền văn hóa dân tộc

Dù Trung Cộng đã mang lại cho dân tộc biết bao tai nạn như vậy nhưng sao lại có nhiều “bài hát dân ca” ca ngợi Đảng Cộng sản, Mao Trạch Đông như vậy? Điều này lẽ nào không phải thể hiện rằng Trung Cộng được lòng dân hay sao? Kỳ thực không phải vậy.

“Dầu mè, bắp cải, nếu ăn với đậu đũa thì sẽ bị chuột rút. Ba ngày không gặp mà nhớ tưởng như chết mất. Chao ôi hơi ôi anh ba của tôi.”

Vào năm 1943, bài tình ca mấy trăm năm lưu truyền tại vùng cao nguyên Thiểm Tây này lại bị thay lời sửa thành “Đồng phương hồng” (*màu đỏ phương Đông*), cây vừng, bắp cải, và cây đậu bị thay thế bằng phương Đông, thái dương và Mao Trạch Đông, từ đó được cất cao giọng hát tại Trung Quốc Đại lục, trở thành một trong những “Ca khúc chính” của Văn hóa đảng.

Những trường hợp theo kiểu “mượn xác hoàn hồn” như vậy nhiều không sao kể xiết, khá nổi tiếng là việc biến tiên cô Bạch Mao diệt ác khuyến thiện, giúp đỡ người nghèo thành Bạch Mao Nữ đại khổ tâm thù, diễn dịch thành chủ đề “Xã hội cũ biến người thành quỷ, xã hội mới biến quỷ thành người”. Lời bài dân ca chị ba Lưu: “Rửa tay bờ ao cá cũng chết, bước tới núi xanh cây héo tàn” vốn là châm biếm những kẻ lòng dạ gian ác vong ân bội nghĩa, nay

lại bị xuyên tạc thành: “Địa chủ họ Mạc nhà giàu có, tâm địa địa chủ hơn rần độc. Rửa tay bờ ao cá cũng chết, bước tới núi xanh cây héo tàn”, biến chị ba Lưu thành người tiên phong trong đấu tranh giai cấp. Những vở “Kịch lịch sử tân biên” đủ màu sắc đã lợi dụng miệng của cố nhân, tuyên truyền thế giới quan và lịch sử quan của Trung Cộng, như trong “Ép lên Lương Sơn”, Lâm Xung, “tù hận thù cá nhân Cao Cầu tới hận thù cả giai cấp bóc lột”: “phải xoay chuyển lại thế giới này, vậy thì phải súng đấu với súng, đao đấu với đao.”

Trải qua cuộc vận động 30 năm diệt chủng văn hóa, phá hoại toàn bộ nền văn hóa dân tộc đặc sắc, Trung Cộng lại tự xưng với nhân dân và thế giới rằng: nó đại diện cho văn hóa Trung Hoa chính thống, đồng thời không chút kiêng kỵ khi treo biển văn hóa truyền thống để chào bán những mặt hàng độc hại của Văn hóa đảng. Sở dĩ nó dám tự tung tự tác là vì thế giới còn chưa hiểu thấu Trung Quốc, nhân dân đa phần đã quên mất truyền thống của mình. Những phi thiên giả, Quan âm bồ tát giả và giai điệu, lời ca dân gian giả đã mất đi nội hàm kính Thần hướng thiện, cùng với tài xảo biện của các văn nhân tà đảng đã giải thích một cách dối trá, tô vẽ một đường viền đẹp đẽ cho sự thống trị hắc ám của tà đảng, đồng thời hủy hoại một cách kín đáo hơn, triệt để hơn chính tín của con người với Thần Phật, làm biến dị quan niệm đạo đức và phong vị nghệ thuật của con người.

(2) Tám trăm triệu người, tám vở kịch mẫu

Ca kịch truyền thống tiến hành giải thích một cách hình tượng những tư tưởng tình cảm tốt đẹp như “trung, hiếu, tiết, nghĩa”, đã góp phần to lớn trong việc duy trì tiêu chuẩn đạo đức xã hội. Từ thế kỷ 20 đến nay, những phân tử trí thức cấp tiến đã phê phán một cách vô lý thứ gọi là “lễ giáo phong kiến”, ca kịch truyền thống cũng gặp đại nạn bị sát phạt. Khi Lỗ Tấn bàn về cải cách ca kịch đã nói rằng: “[Cải cách] chẳng bao lâu cũng lại lắng xuống thôi, hý kịch vẫn cũ kỹ như vậy, thành lữ cụ vẫn cứng nhắc như vậy”. Nói một cách phiến diện, nội

dung và hình thức của ca kịch chính là một chỉnh thể, là bộ phận hữu cơ cấu tạo nên xã hội truyền thống, nếu sửa đổi bừa bãi thì không còn là ca kịch nữa.

Sau năm 1949, Trung Cộng “cải tạo cơ chế, cải tạo con người, cải tạo ca kịch”, giới ca kịch bị tàn phá tàn tạ. Những tài tử giai nhân, hoàng đế văn võ bá quan, nhân quả báo ứng bị phê phán, chỉ có những ca kịch đã cải biên, có thể đảm nhận chức năng nhồi nhét Văn hóa đảng của Trung Cộng mới được phép tồn tại. Kịch gia Ngô Tố Quang bất bình chỉ ra: “*Mấy vở vở ca kịch cổ điển đã được biểu diễn một cách sống động phong phú nay chỉ còn lại thừa thớt vài vở ca kịch thoi thóp trên sân khấu*”, “*Ngay từ đầu Đảng đã không nên lãnh đạo công tác văn nghệ*” Những “vở kịch mẫu” được đưa ra vào thời Cách mạng Văn hóa là những tác phẩm đỉnh cao của Trung Cộng trong việc lợi dụng hình thức văn nghệ để nhồi nhét Văn hóa đảng.



Các vở kịch mẫu thường là kịch hiện đại: “Hong đăng ký”, “Sa gia banh”, “Trí thủ uy hổ sơn”, “Kỳ tập bạch hổ đoàn” (*Tập kịch đàn hổ trắng*), “Hải Cảng” và kịch múa ba lê “Hong sắc nương tử quân”, “Bạch Mao nữ”, cho đến hát đệm piano “Hong đăng ký”, piano hợp tấu “Hoàng Hà”, nhạc giao hưởng “Sa gia banh”. Một vài vở kinh kịch và kịch múa này đã được sáng tác trước thời kỳ Cách mạng Văn hóa. Dưới sự chỉ huy trực tiếp của Giang Thanh, lấy “Ba nổi bật” là nguyên tắc chỉ đạo (*Từ trong tất cả các nhân vật mà làm nổi bật*

ra nhân vật chính diện, từ trong các nhân vật chính diện mà làm nổi bật ra nhân vật anh hùng, từ trong các nhân vật anh hùng mà làm nổi bật ra nhân vật anh hùng chủ yếu nhất), cải tạo, đơn giản hóa những vở kịch ấy, khiến nó phù hợp hơn với nhu cầu hình thái ý thức của Trung Cộng. Trong Cách mạng Văn hóa, tuyệt đại đa số các tác phẩm phim ảnh và ca kịch bị coi là cổ đại độc hại, cấm chiếu cấm diễn, những vở kịch mẫu và những vở kịch mẫu được quay thành phim đường như là hình thức văn nghệ hợp pháp duy nhất. Trong mười năm chúng được chiếu đi chiếu lại, phát sóng ép buộc nhân dân nghe nhìn. Ngày nay những người Trung Quốc hơn 40 tuổi, đều có những ký ức khắc cốt ghi tâm về những vở kịch mẫu này.

Từ khâu sáng tác tới khâu diễn xuất các vở kịch mẫu đều tập trung vào những nhân tài ưu tú nhất trong giới ca kịch thời bấy giờ, đều có những điểm đáng tán dương về mặt kỹ thuật. Nhưng những vở kịch mẫu lại bóp méo xuyên tạc lịch sử, tiêm nhiễm bạo lực, ca ngợi lòng thù hận, đập đổ giá trị quan truyền thống, thần thánh hóa và thổi phồng những vị lãnh tụ và những kẻ được gọi là “nhân vật anh hùng” của Trung Cộng một cách không tiết chế, tất cả những điều này đều cho thấy rõ ràng rằng chúng phục vụ vì mục đích tà ác. Như vậy kỹ thuật đó càng hoàn mỹ, lại càng nguy hại.

Sau Cách mạng Văn hóa, những vở kịch mẫu này biến mất trên sân khấu suốt một khoảng thời gian. Nhưng 800 triệu người dân Trung Quốc quen nghe những vở kịch mẫu đã cung cấp đất diễn cho chúng hồi sinh. Tới tận ngày nay, một vài đoạn ca kịch trong những vở kịch mẫu vẫn được mọi người đàm luận say sưa, một số vở kịch mẫu được thổi phồng lên thành “kinh điển”, lại bước lên sân khấu một lần nữa, hoặc là được cải biên thành phim truyền hình trình chiếu công khai. Có thể thấy âm hồn của những vở kịch mẫu chưa hề tiêu tan, Văn hóa đảng vốn bị nhồi nhét từ những vở kịch mẫu cũng đã bắt rễ nảy mầm trong lòng vài thế hệ người Trung Quốc.

Người thời nay có thể thấy rằng phương thức tuyên truyền qua những vở kịch mẫu vô cùng đơn giản và thô lậu, liếc mắt một cái là mọi người đều có thể

nhìn thấu, nên sẽ không tạo thành ảnh hưởng quá lớn trong tâm lý mọi người. Nhưng Trung Cộng tuyên truyền theo kiểu liệu cơm gắp mắm. Cuộc sống và tư tưởng của người Trung Quốc trước những năm 80 tương đối đơn giản, có lẽ tuyệt đại đa số đều ý thức được rằng hình tượng như Dương Tử Vinh, A Khánh Tẩu, Lý Ngọc Hòa, Kha Tương v.v. đã được nghệ thuật thổi phồng, nhưng hơn một nửa những nghệ sỹ đó lại không nghĩ được rằng, điều mà họ phản ánh, toàn bộ đều là điển đảo, xuyên tạc lịch sử.

Sau Cách mạng Văn hóa, nhân tài ca kịch và những người xem ca kịch lần lượt già đi. Thuận theo việc hình thức truyền thông mới và thói quen thẩm mỹ mới nổi, mà ca kịch dần dần bị cho ra rìa, Bộ Tuyên truyền của Trung Cộng cũng không còn coi trọng ca kịch như trước.

(3) Thói quen thẩm mỹ có tính chậm biến đổi

Gu thẩm mỹ có tính chậm tiến, tức là, để hình thành hoặc thay đổi một loại thói quen thẩm mỹ, thông thường khó khăn hơn nhiều so với việc hình thành hoặc thay đổi một lối tư duy lý tính. Do vậy, Trung Cộng lợi dụng hình thức văn nghệ để nhồi nhét Văn hóa đảng, dấu rằng hiệu quả thu được có vẻ hơi chậm, không giống như giết người, làm vận động có thể lập tức tạo nên một bầu không khí khủng bố, cũng không giống tuyên truyền dư luận có thể nhanh chóng đạt được mục đích thống nhất tư tưởng; nhưng tuyên truyền văn nghệ có thể lôi kéo cảm tình của con người, bồi dưỡng nên một loại gu thẩm mỹ đặc thù, ăn sâu vào lòng người, mầm mống nguy hại của nó thâm sâu mà lâu dài.

Trước ngày 01 tháng 07 năm 2004, Trung Cộng đã đưa ra một loạt những buổi biểu diễn “Màu hồng kinh điển”, tiết mục bao gồm ca kịch “Hong hồ xích vệ đội”, “kịch múa ba lê “Hong sắc nương tử quân”, vở ca kịch “Chị Giang” cho đến những thể loại ca múa v.v. nghe nói đều “rất được quần chúng hoan nghênh”, “phòng vé rất chạy”. Một khán giả được mời phỏng vấn nói: “Tác phẩm này đã từng bầu bạn với tôi trong suốt những năm tháng quan trọng

nhất trong cuộc đời mình, tiếng hát “Hồng Hồ thủy láng dả láng” (*Làn sóng xô nhau trên sông Hồng*) đã bầu bạn cùng chúng tôi trải qua những ngày tháng ấy, vào ngày 01 tháng 07, một ngày đặc biệt vậy, xem lại vở kịch kinh điển này khiến tôi dường như trở về những năm tháng trước kia.”

Vị khán giả này có lẽ không hề nói dối. Nhưng, nghệ thuật và gu thẩm mỹ không hề tồn tại trong hư vô. Trong xã hội bị chính trị hóa cao độ như Cộng sản Trung Quốc, một lượng lớn ca khúc đều có mang theo màu sắc Văn hóa đảng mãnh liệt, nếu không thì khó có thể lý giải vì sao “đảng” lại nhiệt tình tổ chức những “cuộc thi ca hát” và “hội diễn văn nghệ” như vậy trong những ngày lễ và ngày kỷ niệm.

Người ngày xưa hễ mở miệng liền nói: “Không có Đảng Cộng sản thì không có Trung Quốc mới”, “Vùng trời trong khu giải phóng là khung trời rạng rỡ”, “Khói lửa cuộn cuộn ngút trời hát tên những vị anh hùng”, “Sóng trải rộng trên dòng sông lớn”, còn ngày nay là “Một ông lão vẽ một vòng tròn trên bờ biển phía Nam”, “Người dẫn đường tiếp bước đàn anh, dẫn dắt chúng ta bước vào thời đại mới”. Những bài hát như “Màu hồng phương Đông”, “Bài ca tổ quốc”, “Liên khúc trường chinh”, “Hát bài sơn ca đảng đảng”, “Ôi đảng, mẹ thân yêu ơi”, “Cuộc hành trình trên biển cả mệnh mông trông cậy vào người cầm lái”, “Mao chủ tịch đến với nông trại chúng tôi”, “Mặt trời đỏ nhất, Mao chủ tịch thân yêu nhất”, “Lời của Mao Chủ tịch khắc ghi trong tim”... đại đa số đều vận dụng phong cách của những làn điệu dân ca, âm điệu du dương, dễ nhớ, khiến mọi người hát không biết chán. Lòng trung thành với lãnh tụ, tình yêu tha thiết đối với đảng đã âm thầm bị ép nhập vào tiềm ý thức con người khi họ ngâm nga những khúc hát ấy. Những ca khúc này khởi tác dụng nhồi nhét Văn hóa đảng không hề thua kém so với “Tứ quyển” (Mao tuyển).

Những người xuất ngoại, chỉ cần nghĩ tới việc thay đổi khẩu vị của mình cũng thấy thật khó khăn biết chừng nào, như vậy đủ để biết rằng thanh trừ tâm lý thẩm mỹ tà ác mà Đảng Cộng sản đã nuôi dưỡng khó khăn biết chừng nào.

(4) Lợi dụng tác dụng “liên đới tình cảm”

“Liên đới tình cảm”, nói một cách đơn giản, chính là “yêu ai yêu cả đường đi lối về”, bởi vì nếu như thích thưởng thức sự vật A, thì cũng sẽ thích thưởng thức những sự vật B, C, D có liên quan. Ngành quảng cáo thông thường mời các minh tinh trong làng giải trí đến quảng cáo cho thương hiệu của họ, những người hâm mộ vì sùng bái minh tinh này nên cũng thích những sản phẩm mà họ quảng cáo mà không cần lựa chọn, đây chính là hiệu quả của “liên đới tình cảm.”

“Nước Hồng Hồ, con sóng xô nhau, quê hương ta bên bờ Hồng Hồ. Sáng sớm thuyền đi quang lưới, tối cá đầy khoang. Bốn mùa vịt hoang với rễ sen, lúa vụ mùa thu thơm trái đầy ghe. Ai cũng nói thiên đường đẹp, sao sánh với làng cơm cá Hồng Hồ của ta! Nước Hồng Hồ, dài thật dài, mặt trời mọc chiếu ánh vàng kim. Ân tình của Đảng Cộng sản sâu hơn biển Đông, đời sống của ngư dân, mỗi năm càng thêm khởi sắc.”

Sông núi mỹ lệ, sản vật phong phú trên mảnh đất Trung Hoa, tuyệt không có quan hệ gì với Đảng Cộng sản, nếu có, chỉ là quan hệ bị phá hoại. Nhưng chỉ cần hát như vậy, hai việc không có chút quan hệ logic nào đã được cưỡng chế thành một mối quan hệ, bởi vì con người yêu phong cảnh thiên nhiên, sản vật của tổ quốc, nên dường như cũng lấp đầy trong mình ân tình với Đảng Cộng sản. Những ví dụ như vậy nhiều không kể xiết.

(5) Tác dụng đặc biệt của tương thanh, khúc nghệ, tiểu phẩm

Trung Cộng phát động vận động chính trị không phải là bắt đầu từ việc nói lên sự thật, giảng đạo lý (bởi vì nếu có thể nói lên sự thật, giảng đạo lý, nó cũng không cần phát động những cuộc vận động chính trị), mà thông thường là tiến hành công kích con người trước, dùng sức tưởng tượng thô bỉ để tạo ra những câu chuyện yêu ma hóa phù hợp với tâm lý đen tối của con người, từ đó đạt được mục đích kích động thù hận. Thực tiễn chứng minh rằng, cách vu cáo

như vậy, vô cùng hữu hiệu, trăm lần như một.

Ví dụ vào thời Cách mạng Văn hóa, rất nhiều người căn bản không hiểu vì sao Lưu Thiểu Kỳ lại là kẻ phản bội, nội gian, kẻ phản bội giai cấp công nhân, cho nên Trung Cộng truyền bá lời bịa đặt, nói rằng vợ của Lưu là Vương Quang Mỹ làm đẹp da bằng cách tắm bằng sữa bò. Trong những năm tháng hàng hóa khan hiếm ấy, được uống sữa bò đã là khá lắm, còn người nhà Lưu Thiểu Kỳ lại tắm bằng sữa bò! Cho nên mọi người căn bản không cần biết vì sao Lưu Thiểu Kỳ lại là kẻ phản bội, nội gian, phản bội giai cấp công nhân, nhưng vẫn vô cùng căm hận, khinh bỉ y.

Cũng là đạo lý như vậy, khúc nghệ, tướng thanh, tiểu phẩm và những loại hình văn nghệ khác đã phát huy một tác dụng đặc biệt trong việc hạ thấp văn hóa truyền thống và nhân vật truyền thống, đả kích kẻ thù của Trung Cộng.

Vào những năm 50, rất nhiều những vở kịch tướng thanh đều nói về việc phá trừ “mê tín phong kiến”, rất nhiều quan niệm và phong tục trong văn hóa truyền thống đều bị châm biếm, chế giễu, ví như phong tục kết hôn, quan niệm âm dương, tín ngưỡng tôn giáo v.v. Rất nhiều người đều nhớ rằng trong một vở kịch tướng thanh được lưu truyền rộng rãi, một bà lão thỉnh về một pho tượng Thần, chàng trai trẻ bên hàng xóm hỏi: “Bác mua mất bao nhiêu tiền”, bà lão giáo huấn cậu ta: “không nên dùng từ ‘mua’, phải dùng từ ‘thỉnh’, chàng trai trẻ bèn nói chữa: “Vậy bác dùng bao nhiêu tiền mới thỉnh về được”? Bà lão đầu lòng thốt lên: “Ai da, chỉ là cái đồ như vậy mà mất 8 hào!” Thiện nam tín nữ bị bôi nhọ thành chồng ngu vợ dốt chỉ biết đến công lợi dung tục.

Trong “Đêm hội liên hoan mùa xuân” năm 2001 của Đài truyền hình Trung Ương có một tiểu phẩm tên là “Mại quái”, đã gián tiếp phỉ báng Pháp Luân Công. Sau khi tiểu phẩm được biểu diễn, báo chí các nơi thi nhau phát biểu, bình luận, mượn cớ này đả kích Pháp Luân Công. Ví như bài viết trên trang “Kiểm tra nhật báo”: “Từ tiểu phẩm ‘Mại quái’ trong đêm hội đã thấy được thủ đoạn của Pháp Luân Công”, tiết mục bình luận cuối xuân của “Vân Nam nhật báo” giữa chừng cũng đề cập đến “Mại quái”, nói “quất thẳng vào

Pháp Luân Công một trận, diễn xuất rất đạt”, bài viết “Từ ‘Mại Quải’ của Triệu Bản Sơn thấy được ám thị tâm lý” đã được truyền tải một lượng lớn trên mạng cũng nhúng tay vào phê phán Pháp Luân Công.

Thủ đoạn này nguy hại ở chỗ, nó không nói thẳng rằng sự vật hoặc quan điểm nào là sai, mà là khiến nó trở nên hoang đường, lối bịch, khiến con người căn bản không có cơ hội suy xét một cách lý trí về sự việc này là đúng hay sai. Lời biện bạch của người bị bôi nhọ, bị nhấn chìm trong tiếng cười vang dội của khán giả trong hội trường.

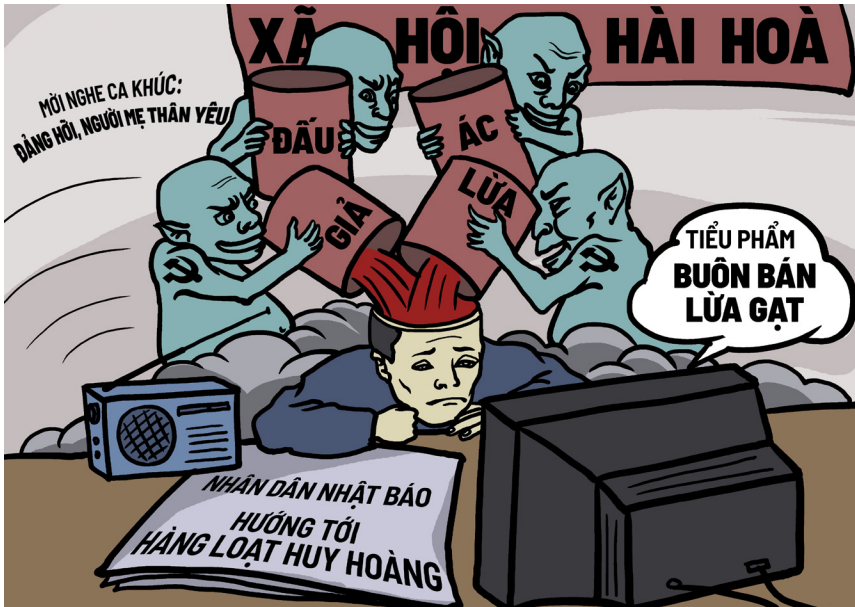
(6) Trong các tác phẩm văn nghệ của Trung Cộng thấm đẫm sự kích động và tính tranh đấu mãnh liệt

Khổng Tử từng nói: “Trịnh thanh dâm”, ý nói là: âm nhạc tại đất Trịnh này, ngoài việc khiến cảm xúc của con người trào dâng, nó còn là một loại nghệ thuật khoa trương giả dối, có ảnh hưởng tiêu cực tới đạo đức con người. Người Trung Quốc ngày xưa coi trọng tác dụng của văn nghệ đối với nhân tâm thế đạo, chú trọng tiết chế tình cảm và dục vọng một cách lý trí, dùng nghệ thuật giúp nhân tính trở nên hài hòa.

Lý luận tuyên truyền và những tác phẩm văn nghệ của Trung Cộng thấm đẫm sự kích động tình cảm và tính đấu tranh rất mãnh liệt: nguyên tắc của các vở kịch mẫu là “Ba nổi bật”, miêu tả nhân vật cần phải “cao, đại, toàn”, phong cách mà những ca khúc cách mạng thể hiện là “cao, nhanh, vang”, chưa hết, khi phổ nhạc còn phải thêm vào “khí phách hào hùng”, “không khí sục sôi”, “ý chí trào dâng”... Giống như người quen uống rượu mạnh không thể nào cảm nhận được hương vị của trà; tai nghe quen thứ âm nhạc chất chứa phát ra từ kim loại nặng thì rất khó thưởng thức ca khúc đàn cổ tao nhã, người đã quen với nghệ thuật của Trung Cộng cũng mất đi khẩu vị thông thường với nghệ thuật, cho rằng sự kích động và tính đấu tranh trong nghệ thuật của Trung Cộng mới là trạng thái bình thường của nhân loại, đầu ngờ rằng đó chính là biểu hiện ma

tính của con người.

Một ví dụ khác là cách vận dụng màu sắc. Màu đỏ là màu của máu. Trong văn nghệ hoặc cuộc sống truyền thống, màu đỏ chỉ có thể được dùng điểm xuyết, không thể dùng trên diện rộng, bởi vì nó sẽ khiến cho các màu khác không nổi bật lên được. Nhưng trên sân khấu nghệ thuật của Trung Cộng trang phục màu đỏ, phong nền màu đỏ, cờ đỏ, đèn lồng đỏ, đạo cụ đỏ, toàn bộ sân khấu là một màu đỏ. Kỳ thực, Trung Cộng đang kích động, dẫn dắt ma tính của con người, đang khiến con người thích ứng với trạng thái ma tính này.



Trạng thái không lý tính này là điều kiện tâm lý xã hội mà Trung Cộng có thể tồn tại. Mặc dù hiện nay Trung Cộng không nêu ra lý luận “cách mạng không ngừng”, nhưng bản chất của nó đã quyết định rằng nó hấp thu năng lượng trong đấu tranh, coi cách mạng là trạng thái thông thường của xã hội, coi vận động là cơm ăn, coi việc vật lộn và dẫn vật liên miên thành cuộc sống hàng

ngày, mỗi khi gặp khủng hoảng gì, thì điều đầu tiên nó nghĩ đến là tạo ra một kẻ thù, rồi kích động người đấu tranh với kẻ thù giả tưởng này. Nếu như người Trung Quốc đều hòa bình, lý tính mà quyết định mình nên làm gì, không nên làm gì thì sẽ không có ai mù quáng chạy theo Trung Cộng, Trung Cộng cũng sẽ không còn đất diễn. Do đó có thể thấy, khiến khán giả nhiệt huyết sục sôi, kích động tình cảm trào dâng là một trong những chức năng quan trọng trong văn nghệ đảng.

Trên đây đã phân tích một cách đơn giản một vài vấn đề được đề cập về việc Trung Cộng lợi dụng các loại hình văn nghệ để nhồi nhét Văn hóa đảng. Tin rằng mỗi độc giả đọc một mà hiểu mười, tự mình có thể đưa ra hàng loạt ví dụ.

LỜI KẾT

TÓM LẠI, TRUNG CỘNG NHỒI NHÉT VĂN HÓA ĐẢNG MỘT CÁCH CƯỖNG CHẾ, mang tính chế độ, tính hệ thống, tính nguy hiểm v.v. Chúng tôi xin phân tích một lần nữa ba đặc trưng chủ yếu trong thủ đoạn nhồi nhét của Trung Cộng.

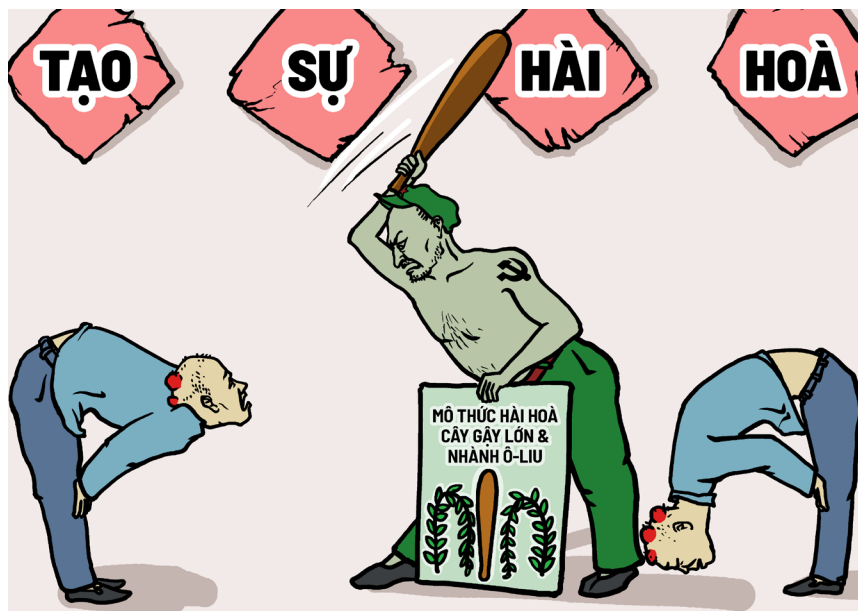
Thứ nhất, Văn hóa đảng là một hệ thống tự mình thích ứng do Trung Cộng khống chế về tổng quan, do vậy thủ đoạn nhồi nhét của Trung Cộng cũng mang đặc trưng tự mình thích ứng. Trung Cộng chỉ cần nắm giữ chính quyền, thiết lập một điều kiện ban đầu cực đơn giản thì những công cụ được dùng để tuyên truyền Văn hóa đảng đã tự động sinh ra một cách đều đặn.

Năm 1964 Mao Trạch Đông đã từng nói: “Phải đuổi hết những người làm ca kịch, viết thơ, nhà văn, nhà viết kịch ra khỏi thành phố, đuổi hết tất cả ... không đi thì không thể viết nổi thứ gì, ai không đi không cho ăn cơm, ai đi thì cho ăn”. Sách lý luận văn nghệ của Trung Cộng có thể nói là chống chất đầy kho, không cuốn nào nói rõ triệt để được câu này: Ai không nghe lời không cho ăn cơm. Trung Cộng nắm giữ mọi tư liệu sinh hoạt và sản xuất, nắm giữ quyền sinh quyền sát trong tay đối với tất cả người Trung Quốc, tất cả mọi người đều

phải cúi đầu vâng lệnh. Những phần tử trí thức và các nghệ thuật gia bị lừa dối trong các hiệp hội văn học và nghệ thuật, hiệp hội các tác gia, hiệp hội hý kịch, hiệp hội văn nghệ, hiệp hội mỹ thuật, hiệp hội âm nhạc, dưới cái mác hiên thấp cũng đành phải cúi đầu. Cho nên “đảng” không cần phải tự mình động thủ tạo ra Văn hóa đảng, đảng chỉ cần quyết định “kiên trì điều gì, phản đối điều gì”, các công cụ tuyên truyền Văn hóa đảng sẽ được ùn ùn tạo ra. Cũng như vậy, mỗi lần tình hình trong, ngoài nước phát sinh biến động khiến Trung Cộng buộc phải điều chỉnh chính sách, nó chỉ cần phát ra một mệnh lệnh đơn giản trong Bộ Tuyên truyền, Bộ Tuyên truyền sẽ có thể thực hiện ý đồ của cấp trên một cách “sáng tạo”. Những học viện truyền bá, học viện thông tin, học viện nghệ thuật trong các trường cao đẳng, đại học, học viện lại càng có thể sản xuất hàng loạt những “Tin tức học của Chủ nghĩa xã hội”, “Dư luận học Chủ nghĩa Marx-Lenin”, “văn nghệ học đặc sắc của Trung Quốc” v.v. để biện hộ và trợ giúp Bộ Tuyên truyền.

Thứ hai, Trung Cộng dựa vào bạo lực, dùng lợi ích làm mỗi nhử để nhồi nhét Văn hóa đảng. Đối với những người ngoan ngoãn nghe theo, thì Trung Cộng thường ban cho chút ân huệ, nhưng đối với những người có tư tưởng độc lập, không muốn nhất trí với “đảng”, chính sách của Trung Cộng lại là “đấu tranh tàn khốc, đả kích vô tình”. Dưới sự thống trị của Trung Cộng, từng giây từng phút con người đều có thể cảm nhận được sự uy hiếp cự đại của “cú đâm thép của giai cấp vô sản”, do vậy nếu tin vào những lời nói khác với tuyên truyền của Trung Cộng thì người ấy sẽ phải gánh chịu áp lực tâm lý rất lớn. Ở một phương diện khác, nếu một người có thể tiếp thu chân tướng, nhất định sẽ muốn làm chút gì đó để thay đổi hiện trạng, nhưng thông thường lại không có dũng khí lớn như vậy, mâu thuẫn tâm lý này sẽ khiến họ vô cùng thống khổ. Với chút ân huệ được bố thí và uy quyền của Trung Cộng, vì tự bảo vệ mình và cân bằng tâm lý bản thân, mọi người đành rút lui sau khi biết chân tướng, chủ động phong tỏa bản thân trong cái bẫy lừa dối của Trung Cộng. Do vậy, rất nhiều khi không phải con người không nhìn thấu những lời giả dối của Trung

Cộng, cũng không phải do không có cơ hội tìm hiểu chân tướng mà là không dám tiếp thu chân tướng, thà tin vào lời dối trá của Trung Cộng, phối hợp với Trung Cộng lừa dối lương tâm bản thân mình để đổi lấy một chút cảm giác an toàn đáng thương và chút yên ổn giả tạo của lương tâm.



Thứ ba, Văn hóa đảng là một loại văn hóa ký sinh, do vậy những thủ đoạn nhỏ nhét của Trung Cộng cũng có một vài hình thức biểu hiện trên bề mặt của văn hóa dân tộc. Ở trên chúng ta đã tìm hiểu Văn hóa đảng đã ký sinh lên văn hóa dân tộc như thế nào, nó tăng cường tính lừa dối, tăng cường hiệu quả tuyên truyền. Một hiệu quả nữa của việc ký sinh là, khi tội ác của Trung Cộng bị phơi bày ngày càng nhiều, Trung Cộng có thể đổ hết trách nhiệm lên văn hóa truyền thống một cách dễ dàng, như thứ gọi là “tàn dư độc hại của xã hội phong kiến” đã trở thành trách nhiệm mà cách mạng văn hóa cần xử lý. Điều này cũng giống như là Trương Tam giết chết Lý Tứ, sau đó khoác áo của Lý Tứ đi phạm tội, kết

quả người ta nhằm rằng kẻ làm việc xấu là Lý Tử, cho nên quật mộ của Lý Tử lên mà quật, nhưng lại để kẻ xấu thực sự nhỡn nhơ ngoài vòng pháp luật.

Chúng ta không thể không lấy làm tiếc mà công nhận rằng, công trình cụ đại nhồi nhét Văn hóa đảng của Trung Cộng đã vô cùng thành công. Bởi vì, thứ nhất, sự nhồi nhét của Trung Cộng được hậu thuẫn bởi những thủ đoạn bạo lực, thứ mà nó gọi là cải tạo tư tưởng không chỉ đơn giản là cải tạo tư tưởng, rất nhiều lần, nó còn cải tạo cả thân xác của con người (đấu tố, cải tạo lao động, bỏ tù cho đến sát hại); thứ hai, Trung Cộng lũng đoạn tất cả các nguồn tài nguyên của xã hội, dưới sự thống trị của Trung Cộng, nếu muốn nổi trội hơn người, đạt được thành tựu, thì không thể không cúi đầu vâng lệnh Trung Cộng, do vậy những nhân tài ưu tú trong các ngành các nghề đa số là bị chiêu nạp để phục vụ cho sự thống trị của nó; thứ ba, trong thời gian mấy chục năm Trung Cộng đã tạo ra một môi trường phong bế (hiện nay là bán phong bế), mọi người không thể lấy được tin tức đầy đủ từ bên ngoài; thứ tư, “công tác chính trị tư tưởng” của nó không chỉ dừng lại trên sách vở mà còn đưa tất cả mọi người vào cái “lò luyện lớn của cách mạng”, sử dụng những cuộc vận động chính trị liên tiếp khiến mọi người lưu lại ấn tượng khắc cốt ghi tâm; thứ năm, Trung Cộng tạo ra một xã hội hiện thực dựa vào những thứ lý luận của Marx-Lenin-Mao, ngược lại, lại khiến thứ lý luận đó có biểu hiện dường như chính xác. Ví dụ quan niệm đấu tranh được thiết lập qua mấy chục năm không ngừng đấu tranh tàn khốc, đấu tranh đã trở thành hiện thực trong cuộc sống của bách tính nhân dân tại Trung Quốc, do vậy triết học đấu tranh dường như cũng đúng.

Con người có thể là người, bởi vì có chuẩn tắc đạo đức, hành vi quy phạm và tư tưởng cảm tình của con người. Đảng Cộng sản cướp đoạt toàn bộ nguồn lực của quốc gia, dùng trăm phương nghìn kế bóp chết tính thuần khiết, lương thiện của con người, nhồi nhét tư tưởng tình cảm biến dị vào đầu óc con người. Nếu ví tư tưởng của con người như một cái bình, vậy thì tính chất của cái bình đó được quyết định bởi thứ nó chứa bên trong: rót vào mật ong thì nó là cái bình mật ong, rót vào thuốc độc thì nó là cái bình thuốc độc. Mỗi người Trung

Quốc nên suy nghĩ một chút: về vấn đề trọng đại của đời người, điều quyết định sự lựa chọn của các bạn là bản tính của các bạn hay là cái quan niệm bị Trung Cộng nhồi nhét? Những quan niệm bị tà đảng nhồi nhét đó sẽ đưa các bạn đến tương lai ra sao?

Người ta thường nói “quê cũ khó rời”. Một người sống tại một môi trường trong một thời gian lâu sẽ nảy sinh tình cảm quyến luyến với hoàn cảnh đó. Cũng vậy, những người chìm trong Văn hóa đảng một thời gian dài cũng sẽ sinh ra sự lệ thuộc về tinh thần vào thứ văn hóa này. Khi chúng tôi chỉ ra sự tà ác và giả dối của thứ văn hóa này, đồng thời bắt đầu thanh trừ nó có người thậm chí còn cảm thấy thất vọng hụt hẫng.

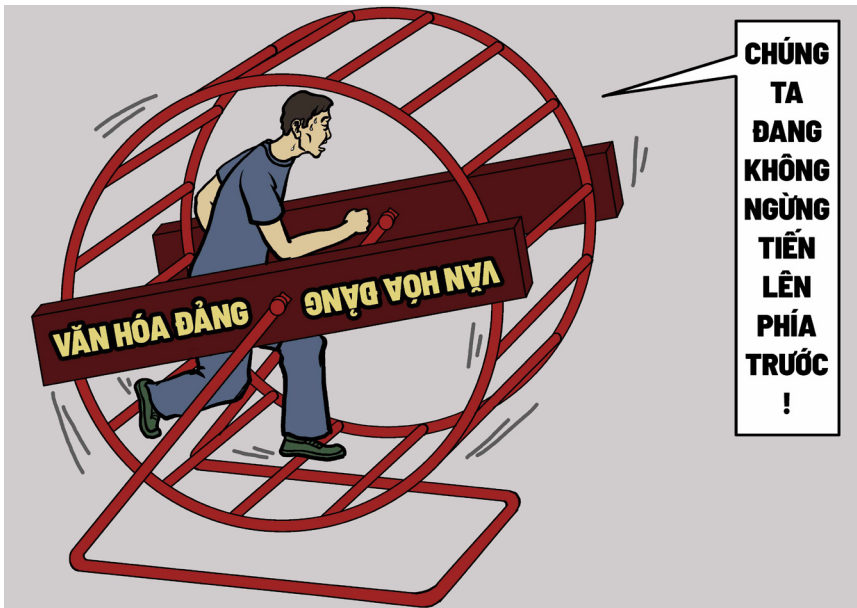
Nhưng, Văn hóa đảng là môi trường nhân văn mà Trung Cộng tồn tại. Hôm nay, khi chúng ta thấy rõ những tội ác tày trời mà Trung Cộng đã phạm đối với dân tộc Trung Hoa, thấy rằng Trung Cộng thực sự đang đưa cả dân tộc vào vực thẳm vạn kiếp không lối thoát, chúng ta không thể không giật mình thẳng thốt và hỏi lương tri của mình: Điểm yếu nào khiến chúng ta dung thứ nhân chiê để Trung Cộng tàn sát bừa bãi tại Trung Quốc? Tình hình hiện nay còn cho phép chúng ta tiếp tục dung nhân nó hay không? Vấn đề này, đối với tương lai của dân tộc Trung Hoa, đối với tương lai của mỗi cá nhân chúng ta, đều vô cùng trọng yếu.

Hãy ngẫm lại về Văn hóa đảng, giải thể Văn hóa đảng, khi đó chúng ta mới có thể bước tới một ngày mai tươi sáng.

CHƯƠNG IV



BIỂU HIỆN CỦA NGƯỜI TA SAU KHI BỊ CẢI TẠO TƯ TƯỞNG



S AU NÀY ĐỨNG TẠI TƯỞNG LAI NHÌN LẠI LỊCH SỬ NHÂN LOẠI HÔM NAY, người ta sẽ thực sự thấy được từng màn kinh tâm động phách, huyền não âm ĩ và gió tanh mưa máu mà tà linh cộng sản đã ngang nhiên bạo ngược gây ra cho mảnh đất Trung Hoa. Trong vòng vòn vẹn mấy chục năm, trên mảnh đất Thần Châu này, Đảng Cộng sản dựa vào từng lần từng lần giết chóc, từng lượt từng lượt phê phán, từng đợt từng đợt nhồi nhét, đã kiến lập nên một cái bộ lạc “văn hoá đảng” chẳng ăn nhập chút nào với truyền thống của chúng ta. Trong cái bộ lạc này, Đảng Cộng sản tuyên truyền Vô Thần luận, tuyên truyền Thuyết duy vật, phủ định văn hoá truyền thống Thần truyền, tuyên truyền sự vĩ đại của Marx-Engels-Lenin-Stalin-Mao Trạch Đông, từ đó thay thế một cách có hệ thống văn hoá truyền thống; trong cái bộ lạc này, Đảng Cộng sản phê phán Nho [giáo] Thích [giáo] Đạo [giáo], phê phán quan niệm truyền thống, nhồi nhét tư tưởng đấu tranh, tà thuyết cá lớn nuốt cá bé, kẻ thích ứng là kẻ sinh tồn, vì mục đích chính trị mà nhồi nhét thuyết tiến hoá và khoa học hiện đại, từ đó tiến hành cải tạo tư tưởng một cách hệ thống; trong cái bộ lạc này, Đảng Cộng sản còn lợi dụng các thủ đoạn nhồi nhét ở khắp mọi nơi, trải rộng từ cơ quan tuyên truyền cho đến sách giáo khoa, từ “văn nhân khuyến nho”^[1] cho đến các chủng hình thức văn nghệ, đã triệt để tẩy não con người. Than ôi! Máu nhuộm Thần Châu, sơn hà đổi sắc. Gốc rễ văn hoá Thần truyền 5.000 năm đã bị đoạn tuyệt, người ta đã không còn công nhận tổ tiên Hoa Hạ, mà cam chịu làm con cháu Mác-Lê, trong thời gian ngắn ngủi, Đảng Cộng sản thực sự đã triệt để cải tạo tư tưởng người ta rồi.

Có một câu chuyện cười nói về đề thi khảo thí vào đại học “Xin hãy nói một chút quan điểm cá nhân về tình trạng thiếu hụt lương thực của một số quốc gia trên thế giới”, kết quả thí sinh người Mỹ không biết thế nào là “thiếu hụt”, thí sinh Bắc Hàn không biết thế nào là “lương thực”, mà thí sinh Trung Quốc lại không biết thế nào là “quan điểm cá nhân”. Câu chuyện cười này đã

[1] Khuyến nho (Cynicism) một trường phái triết học Hy Lạp cổ đại, còn gọi là trường phái hoài nghi ích kỷ, do Diogenes sáng lập.

phản ánh [tình trạng] người dân Trung Quốc trong vòng mấy chục năm sống dưới tuyên truyền và áp lực cao cũng như thực tiễn vận động của Trung Cộng, “tư tưởng cá nhân” đã trở thành vật hy hữu [hiếm có] rồi.



Tư tưởng khống chế ngôn ngữ của người ta, hành vi của người ta và tư tưởng tiếp theo của người ta. Sau khi bị cải tạo tư tưởng, biểu hiện của người ta đương nhiên sẽ khác một trời một vực với bản tính vốn có – người ta quen với việc dùng tư tưởng của ác đảng để suy xét vấn đề, dùng ngôn ngữ ác đảng dạy cho để nói chuyện; không tin Thần, làm việc gì cũng không tính đến hậu quả, chuyện xấu gì cũng dám làm; trời không sợ đất không sợ, miệng đầy lời bần thiêu, hành vi thấp kém; người Trung Quốc hiện nay, [nếu] bỏ đi văn hoá đảng, thì đều đã không biết nói lời của con người bình thường, không biết dùng tư duy của người bình thường nữa.

Có người nghĩ, đây chẳng phải là nói quá lên rồi? Ít nhất thì, bản thân Đảng Cộng sản cũng đều đang chế nhạo quá khứ, hiện tại so với trước kia thì chẳng phải đã khác rất nhiều rồi sao?

Năm 1979 là một mốc phân chia. Hiện nay khi nói đến lịch sử ba mươi năm trước, người ta sẽ cảm thấy lúc đó thật là hoang đường khôi hài, cảm giác

được tình thế hiện tại đã trở nên rất bình thường rồi. Đúng vậy, người ta không còn tin tưởng vào Chủ nghĩa Cộng sản nữa, người ta không còn nói về “toàn tay chai sạn, đầy thân lấm bùn” nữa, người ta thậm chí cũng lớn tiếng hô hào phải khôi phục “Văn hoá truyền thống” rồi ... thế nhưng, bản thân văn hoá đảng lại không hề cải biến, mà lại càng thành thực. Thể hệ lý luận của văn hoá đảng như vô Thần luận, duy vật luận, tiến hoá luận và triết học đấu tranh, vẫn là đá tảng của Trung Cộng và là “nhận thức khoa học chung” của người ta sau khi bị cải tạo tư tưởng, thủ đoạn nhôi nhét mà văn hoá đảng dựa vào vẫn không hề thu hẹp lại, thuận theo việc TV ngày càng phổ biến, việc dùng “thanh tình tịnh mậu” (sự lôi cuốn hấp dẫn) để cải tạo tư tưởng của người ta càng trở nên dễ dàng hơn, còn trước sự phổ cập của Internet, hơn lúc nào hết, Trung Cộng càng sốt sắng phong toả, lọc và giám sát mạng. Cái gọi là khôi phục “Văn hoá truyền thống” của Trung Cộng là chiếu theo những thứ mô thức tư duy như vô Thần luận, duy vật luận của văn hoá đảng để dùng trộm truyền thống sau khi tước bỏ nội hàm của Văn hoá truyền thống. Mục đích căn bản của khôi phục văn hóa truyền thống hoàn toàn là vì truy cầu lợi ích kinh tế và được quốc tế thừa nhận. Cái khôi phục này đương nhiên không phải là Văn hoá truyền thống chân chính mà trái lại, sau khi tiến hành bước đầu tiên là cắt xén thân vận của Văn hoá truyền thống, đã tiến hành bước thứ hai là cắt xén nội dung bề mặt của Văn hoá truyền thống.



Cho nên, dù là quá khứ, hay là hiện tại, sau khi bị cải tạo tư tưởng người ta đều có biểu hiện giống nhau.

IV.1 – DỪNG TƯ TƯỞNG CỦA ÁC ĐẢNG ĐỂ SUY XÉT VẤN ĐỀ, DỪNG NGÔN NGỮ MÀ ÁC ĐẢNG DẠY CHO ĐỂ NÓI CHUYỆN

Mặc dù việc thay thế Văn hoá truyền thống và cải tạo tư tưởng của người ta là chính sách nhất quán từ đầu tới cuối của Trung Cộng trong mấy chục năm, thế nhưng, trong các thời kỳ khác nhau tư tưởng và ngôn ngữ của Trung Cộng cũng biến hoá vô thường. Từ “đấu tranh giai cấp, một nhát liền trúng” đến không thể không “dò đá qua sông”, từ “thà làm cỏ của chủ nghĩa xã hội, còn hơn làm lúa non của chủ nghĩa tư bản” đến “bất kể mèo trắng mèo đen”, từ “Đại Cách mạng Văn hoá giai cấp vô sản đúng là tốt mà, đúng là tốt” đến “cờ xí rục rờ ngăn cản ‘động loạn’”, từ “càng bắn càng vinh quang” đến “để một bộ phận người trở nên giàu có trước”, “chê cười nghèo hèn không chê cười kỹ nữ”, từ ca tụng “Trương Thiết Sinh nộp bài thi trắng” đến giới học thuật hiện tại vì cầu danh lợi mà “hủ bại trong học thuật” một cách thịnh hành, từ “chủ nghĩa cấm dục” trước kia đến “chủ nghĩa tung dục” của ngày hôm nay... Sự đổi trắng thay đen trong chính sách của Trung Cộng, thật là có thể khiến người ta hoa mắt chóng mặt.

Thế nhưng, biểu hiện của tư tưởng của người ta sau khi bị văn hoá đảng cải tạo chính là, bất kể là tư tưởng của đảng có thay đổi thế nào, người ta vẫn luôn theo đó mà thay đổi theo một cách mù quáng, vẫn luôn dùng tư tưởng của ác đảng để suy xét vấn đề, dùng ngôn ngữ mà ác đảng dạy cho để nói chuyện, từ đó vẫn luôn duy hộ sự thống trị của ác đảng.

Trong thời đại “nhất cú đỉnh nhất vạn cú” (*một câu thay một vạn câu*) ấy, nói về việc dùng tư tưởng của ác đảng để suy xét vấn đề, người ta tin. Những câu “Được cha mẹ yêu không bằng được Mao chủ tịch yêu”, “con người gan lớn

bao nhiêu, đất có sản lượng cao bấy nhiêu”, “công xã nhân dân là tốt”, “nhất định không được quên đấu tranh giai cấp”, “trời đất rộng lớn, tha hồ phát huy tài năng”, “đấu tư phê tu” (*đấu tư sản, phê phán người theo chủ nghĩa xét lại*), “quét sạch ngu quỷ xà thần”, “nắm chắc cách mạng, đẩy mạnh sản xuất”, “cha anh hùng thì con hảo hán, cha phản động thì con khốn nạn”, “nhân dân toàn thế giới liên kết lại, đánh bại chủ nghĩa đế quốc Mỹ và hết thầy tay sai”... lúc đó chỉ toàn những thanh âm ấy, người ta dường như đương nhiên chỉ biết thuận theo tư tưởng và ngôn ngữ của ác đảng mà suy xét mà nói chuyện.

Hiện tại tin tức truyền đạt nhanh như vậy, nhiều như vậy, ngôn luận cũng đã nói lỏng hơn trước kia bao nhiêu rồi, bàn dân trăm họ đều dám mắng chửi Đảng Cộng sản mấy câu rồi, người ta đều đang ở trong trạng thái suy xét độc lập, làm sao có thể nói là vẫn còn dùng tư tưởng của ác đảng để suy xét vấn đề được?

Ngày nay ai còn có thể khống chế tư tưởng người ta chứ?

Vậy chúng ta cùng xem xem người ta hiện nay đều đang nghĩ những gì: “Không có Đảng Cộng sản, thì Trung Quốc phải làm sao”, “Trung Quốc không thể làm dân chủ, nếu làm thì sẽ loạn”, “Đừng bám chắc quá khứ của Đảng Cộng sản mà không buông, hết thầy phải nhìn về phía trước”, “Cho Đảng Cộng sản thời gian, tự do dân chủ sớm muộn cũng sẽ đến”, “Nhân quyền là quyền được no ấm, ăn còn chưa đủ no, nói gì đến nhân quyền”, “Cái gì mà tôn giáo tín ngưỡng, ở đâu có Thần, phải phá trừ mê tín, yêu chuộng khoa học”, “Việc xấu đều là vấn đề tổ chất của những người cá biệt, bản thân đảng là tốt”, “Quốc gia lớn như vậy, thay ai vào thì chẳng như nhau?”, “Ai phản đối Đảng Cộng sản, đó chính là làm chính trị, chính là bị người ta lợi dụng”, “Bắp tay không đọ được bắp đùi, có gì mà tranh cãi?”, “Ổn định áp đảo hết thầy”, “Khiến kinh tế phát triển rồi hãy nói” v.v., người ta thông thường cứ cho rằng những quan điểm này là bản thân suy xét lý tính độc lập, mà không phải đến từ nhối nhét [tuyên truyền] một chiều của Trung Cộng.

Người ta thực sự đang thực hiện suy xét một cách lý tính độc lập chẳng? Kỳ thực không hẳn. Mọi người thử nghĩ xem, những quan điểm ở trên, chẳng sót cái nào đều là Đảng Cộng sản vì để duy trì thống trị mà tuyên truyền nhồi nhét, và đã tính toán mọi cách để người ta tiếp thu những thứ của nó. Chỉ bất quá “tạo phản có lý” đã biến thành “ổn định (của đảng) áp đảo hết thảy”. Có thể nói, khi người ta cho rằng bản thân đã thoát khỏi sùng bái mù quáng, lại cảm thấy đã có lực miễn dịch đối với sự khống chế tư tưởng của Đảng Cộng sản, thì văn hoá đảng lại đang kiểm soát mô thức tư duy của người ta một cách chắc chắn, chỉ là vào ba mươi năm trước, tư tưởng của người ta phần nhiều là do bị đảng trực tiếp nhồi nhét vào mà thành như vậy, còn người ta hôm nay sau khi đã trải qua nhiều năm lẫn lộn, không còn “mù quáng”, cảm thấy bản thân có thể suy xét một cách “độc lập”, “lý tính” rồi.

Từ bị động nhồi nhét đến chủ động tự giới hạn bản thân sau khi chủ động suy xét – trong khi mắng chửi thì vẫn ủng hộ Đảng Cộng sản

Bất hạnh là, trong quá trình suy xét này, thể hệ lý luận của việc suy xét vẫn là Đảng Cộng sản mang lại, nguồn gốc tin tức dùng để suy xét vẫn là Đảng Cộng sản cấp cho, cái gọi là “độc lập” bất quá chỉ là cái “độc lập” trong cái khung văn hoá đảng, cái gọi là “lý tính” cũng bất quá chỉ là cái “lý tính” trong thể hệ lý luận văn hoá đảng, rất hiển nhiên, kết quả đạt được sau khi suy xét như vậy đương nhiên chính là kết quả mà Đảng Cộng sản vẫn kỳ vọng đạt được.

Vì sao suy xét một cách “độc lập” của người ta lại không thể trở nên độc lập được? Có một vài nhân tố dưới đây.

(1) – Sự gắn bó với mẹ đảng trong cái “suy xét độc lập”

“Đảng là tất cả, đảng là mẹ”, “cuộc đời là đảng cấp cho”, “cơm là đảng cấp cho”, cái chủng “tình mẫu tử” này đã sớm thâm nhập vào tâm con người đến vài thập niên. Mặc dù hiện tại không cao giọng ca hát lộ liễu rằng “ôi đảng, mẹ thân ái của tôi” giống như trước kia, thế nhưng, đảng không đâu không

có mặt, uy quyền chí cao vô thượng, khổng chế bát cơm manh áo của người ta, vẫn như trước đây khiến người ta cảm thấy “quốc gia chính là đảng”, “bát cơm là đảng cấp cho”, “Đảng Cộng sản là sự lựa chọn duy nhất của dân tộc Trung Hoa”, coi những khái niệm như đảng, quốc gia, dân tộc lẫn lộn làm một, toàn bộ hoàn cảnh sinh sống dường như đều là đảng kiến tạo, trợ cấp, duy trì. Đây đã trở thành một đường biên, khi người ta suy xét vấn đề Trung Quốc, thì không thể vượt qua Đảng Cộng sản, tưởng tượng không ra rằng ngày nào không có đảng thì sẽ phải sống ra sao. Người ngoài giới rất khó hiểu được loại tâm thái này, đứa trẻ lớn rồi, chẳng phải sẽ cao chạy xa bay rồi sao? Thế nhưng, hoàn cảnh có tính phong bế, áp lực cao của Văn hóa đảng là khiến con người có thể già đi, nhưng tư tưởng lại không lớn lên được, vậy đứa trẻ ấy có thể rời khỏi mẹ chẳng?

(2) – *Cơ sở lý luận của “suy xét độc lập”*

Cơ sở lý luận để người ta suy xét vấn đề vẫn là vô Thần luận, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, tiến hoá luận, triết học đấu tranh và cái gọi là chủ nghĩa xã hội khoa học, khiến người ta không tin rằng ngoài đảng ra còn có “Thần và Trời” tồn tại. Từ vựng cơ bản hoặc hệ thống ngôn ngữ mà người ta vẫn dựa vào để suy xét, vẫn được phú cho cái hàm nghĩa của Văn hóa đảng, đều là ngôn ngữ mà Trung Cộng dạy cho, điều này khiến người ta chỉ có thể ở trong Văn hoá đảng mà chuyển động, thậm chí đối với phương thức tư duy vượt khỏi cái đường biên “không có Đảng Cộng sản” người ta còn cảm thấy lơ mơ hoảng sợ. Đồng thời, vận động chính trị vẫn luôn không ngừng, ví như, những [cuộc vận động] phản tự do hoá, trấn áp “Lục tứ” và bức hại Pháp Luân Công trong những năm gần đây, mỗi một cuộc vận động chính trị mang tính toàn quốc này, đều là lại một lần nữa ôn lại và tăng cường một cách toàn diện đối với lý luận Văn hoá đảng.

(3) – *“Tin tức không hoàn chỉnh” ảnh hưởng đến quá trình suy xét*

Nguồn gốc tin tức mà người ta dùng để suy xét vấn đề vẫn chịu khổng chế nghiêm mật của Đảng Cộng sản, ngay cả tin tức phụ diện đều là dưới khổng

chế tử mĩ của đảng, chuyển hoá thành tài liệu duy hộ thiên hạ của đảng một cách hữu hiệu. Tục ngữ có câu “kiêm thính tắc minh” (*nghe ý kiến nhiều mặt thì sáng rõ vấn đề*), một cá nhân mà nghe hiểu được hai quan điểm trái chiều, hơn nữa lại cho rằng đều là lời có đạo lý, thì họ tất sẽ bắt đầu tự mình suy xét lý tính một cách độc lập thực sự để thực hiện việc lựa chọn. Mà sự phong toả, lọc bỏ tin tức và [tuyên truyền] một chiều của Trung Cộng tạo thành việc “tin tức không hoàn chỉnh một cách nghiêm trọng”, trên thực tế đã cắt đứt điều kiện tất yếu để đưa ra phán đoán chính xác của người ta. Bộ não có thông minh đến mấy, có nguyện vọng suy xét độc lập đến mấy cũng không thể thoát ra khỏi tình huống “nấu cơm không gạo”, không bột đổ gột nên hồ, loại suy xét như vậy cũng sẽ không thể coi là suy xét “lý tính độc lập” được.

(4) – “*Cường quyền luận*” khiến suy xét của người ta trở nên vô nghĩa

“Đảng Cộng sản là cường quyền, đảng là tàn khốc, chống đối lại đảng tuyệt không có kết cục tốt đẹp.” Đây là công thức mà người ta đạt được sau mấy chục năm vận động. Ngay cả với những người thống hận Đảng Cộng sản, nhưng bởi vì sợ hãi chính trị cường quyền, khiến cho về mặt tâm lý suy xét rất khó vượt khỏi Đảng Cộng sản, cảm thấy rằng “anh có thể làm gì Đảng Cộng sản đây?”, từ đó quay trở lại dựa vào tâm thái “nhìn thấu cõi hồng trần của Trung Cộng” mà phụ hoạ theo Trung Cộng, cũng theo đó mà cảm khái rằng “không có Đảng Cộng sản, Trung Quốc phải làm sao?” Một điều thường được người ta xem như tượng trưng cho sự nói lỏng ngôn luận – đó là “ít nhất thì trong lòng có thể mắng chửi Đảng Cộng sản rồi” – nhưng thực ra, trong khi mắng chửi mà lý giải (thông cảm) cho đảng, cuối cùng duy hộ hiện trạng, ủng hộ Đảng Cộng sản một cách biến tướng.

Nhân tố ảnh hưởng đến suy xét độc lập của người ta vẫn còn rất nhiều. Cái chủng hiện tượng sau khi trải qua “suy xét” vẫn là nhất trí với đảng này, so với sự nhối nhét trực tiếp trước kia thì còn có tính nguy hại hơn. Một khi cho rằng những cách nghĩ kia là “tư tưởng” độc lập của bản thân, thì sẽ càng thêm tin tưởng vào những quan điểm kia, một cách khách quan tạo thành

việc nhất trí với đảng càng chủ động hơn, tự nhiên càng thuận tiện hơn cho việc Trung Cộng thống trị nhân dân. Nếu như nói quá khứ là một quá trình bị uốn nắn một cách bị động, thì ngày nay chính là quá trình mà Văn hoá đảng lên men chín muồi và người ta tự kiểm chế chủ động. Người ta từ nhồi nhét cưỡng bức trong quá khứ đến hiện nay chủ động tự hạn chế, phối hợp lý giải cho chính sách của đảng, “trong lúc mắng chửi thì vẫn ủng hộ đảng cộng sản”, chính là kết quả điển hình của việc Đảng Cộng sản trường kỳ cải tạo tư tưởng của nhân dân.

Những người hôm nay cười nhạo việc hôm qua dùng tư tưởng của đảng để suy xét vấn đề, ngày mai lại sẽ cười nhạo bản thân ngày hôm nay cũng như thế

Một hiện tượng rất có tính châm biếm chính là, nếu như lấy lịch sử của Trung Cộng phân thành từng thời đại một, người ta luôn là đứng tại điểm thời gian của “hiện tại”, ủng hộ đối với chính sách của đảng, còn đối với rất nhiều sự việc tại điểm thời gian của “quá khứ”, thì lại chế nhạo, cảm thấy lúc ấy mới hoang đường làm sao. Nếu như đem toạ độ thời gian dịch chuyển về quá khứ, sẽ phát hiện rằng những người đứng tại ngày hôm nay mà chế nhạo ngày hôm qua dùng tư tưởng của đảng để suy xét vấn đề, thì đứng tại vị trí của ngày hôm qua sẽ lại là cảm thấy hết thảy đều rất bình thường, vẫn ủng hộ chính sách của đảng lúc ấy như thế, rất có khả năng còn là đứng tại lúc ấy mà cười nhạo hành vi của ngày trước nữa. Những người hôm nay cho rằng Đảng Cộng sản có thể bức hại Pháp Luân Công, lùi ngược lại ba mươi năm, họ cũng sẽ cảm thấy Đảng Cộng sản nên phát động Cách mạng Văn hoá, lùi về trước nữa, họ cũng sẽ cảm thấy Đại nhảy vọt là anh minh chính xác y như vậy.

Nói đến câu “người có gan lớn chùng nào, đất có sản lượng cao chùng ấy”, người ta đều sẽ cười nhạo sự hoang đường của lúc đó. Kỳ thực, người ta hôm nay vẫn dùng cái kiểu logic này mà suy xét vấn đề như thế, chỉ là hình thức biểu hiện khác nhau, bản thân không cảm giác thấy mà thôi.

Sau khi liên tục mấy năm gặt hái được phát triển về nông nghiệp, “Nhân dân nhật báo” ngày 27 tháng 08 năm 1958 đã phát biểu một bài “Người có gan lớn chừng nào, đất có sản lượng cao chừng ấy”, đây là thư do người được Văn phòng Trung ương Trung Cộng phái đến huyện Thọ Trường tỉnh Sơn Đông để nắm bắt tình hình rồi viết gửi về. Vì để thuyết minh cho việc một mẫu có sản lượng vạn cân là “không hề thần bí một chút nào”, văn chương miêu tả một cách có thanh có sắc (*thêm mắm thêm muối*) rằng, chỉ cần đủ nước đủ phân thêm thâm canh thêm mật độ trồng, thì “một mẫu vạn cân sẽ thành hiện thực rồi”. Thậm chí còn có nhà khoa học đứng ra căn cứ vào khả năng lợi dụng năng lượng ánh sáng mặt trời của thực vật, mà trình bày thêm rằng tiềm lực sản xuất của một mẫu có thể đạt cao đến mức 5.85 vạn cân. Nếu như quay đầu nhìn lại ngôn luận và hành vi lúc đó, đều sẽ cảm thấy không thể tưởng tượng được.

Ngày nay, sự cải cách khập khiễng của Trung Cộng khiến kinh tế có chút phát triển, do đó dưới sự tuyên truyền và nhối nhét của Trung Cộng, người ta đối với tương lai của Trung Quốc có một mô thức tư duy suy diễn thẳng tắp là: hiện tại chế tạo đồ chơi xuất khẩu, tương lai sẽ có thể chế tạo máy bay xuất khẩu; hiện tại là chênh lệch giàu nghèo, tương lai là cùng nhau giàu có; hiện tại có hủ bại, bất công xã hội, các vấn đề như phúc lợi giáo dục và y tế, tương lai đều sẽ giải quyết; hiện tại hoàn cảnh bị ô nhiễm, tương lai tự nhiên sẽ được xử lý; hiện tại năng lượng không đủ, tương lai nhất định có đủ; hiện tại là đồng người phản kháng không ngừng, như thể núi lửa sắp phun trào, tương lai nhất định sẽ thành “hoà giải xã hội”; hiện tại đạo đức của người ta ngày một bại hoại, tương lai nhất định sẽ trở nên cao thượng; hiện tại là kinh tế phát triển, tương lai nhất định sẽ có chế độ tự do dân chủ phát triển ... “thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của Trung Quốc”, “Trung Quốc sẽ trở thành nước lớn siêu cấp hùng bá thế giới trong thế kỷ này” – kỳ thực, đây chính là phiên bản của “người có gan lớn chừng nào, đất có sản lượng cao chừng ấy” của thời đại mới.

Ở vào niên đại ấy, “người có gan lớn chừng nào, đất có sản lượng cao chừng ấy” đã tạo thành “phong trào cộng sản”, “phong trào thổi phồng” và

“phong trào chỉ huy mù quáng”, khiến đại nhảy vọt biến thành đại thụt lùi, công xã nhân dân biến thành ‘không’ xã nhân dân (ý nói không còn người nào sống cả). Ngày nay sự nguy hại của chúng tư tưởng này tuyệt không kém hơn lúc ban đầu, hơn nữa do bị che lấp hơn trước, nên người ta không dễ dàng cảm giác thấy, càng trọng yếu hơn là, tư tưởng ban đầu là bị nhôi nhét, còn ngày nay chúng tư tưởng này của người ta lại là tự bản thân “suy xét” mà ra, nguy hại cũng sẽ càng sâu.

Kỳ thực, bản thân câu nói “người có gan lớn chừng nào, đất có sản lượng cao chừng ấy” đã rất “chủ nghĩa duy tâm”, bất quá là biểu đạt một loại khí phách và quyết tâm. Thế nhưng, một khi nội hàm triết học phổ thông bị rút Văn hoá đảng vào rồi, thì sẽ trở nên có tính huỷ diệt tội bậc. Từ chủ nghĩa duy vật cực đoan mà xét, thì đây không còn là biểu đạt quyết tâm, mà đã là yêu cầu phải biến thành mục tiêu hết sức thực tại, cái phải đạt được chính là chỉ tiêu sản lượng theo mẫu, chỉ tiêu phóng đại hết tầng này tầng khác, là sản lượng “một mẫu cho sản lượng vạn cân” cao như vệ tinh. Đảng Cộng sản vốn không tin vào Thần, điều nó truy cầu là cái tinh thần “đám bảo nhật nguyệt hoán đổi trời mới” không còn biết kiêng sợ là gì, có điều kiện thì phải tiến lên, không có điều kiện thì sáng tạo điều kiện cũng phải tiến lên, một thứ lơ mơ đã rút đẩy tới tấp vào đầu óc của người ta. Từ đây chúng ta có thể phần nào thấy được văn hoá đảng đã làm méo mó nhân tính [thậm tệ] như thế nào.

Ngày xưa hô hào “nhanh chóng tiến lên chủ nghĩa cộng sản” cổ động người ta bất chấp quy luật và hiện thực khách quan, phải là một mẫu cho sản lượng vạn cân, một mẫu sản lượng mười vạn cân. Sự rầm rộ “toàn diện quật khởi” ngày nay cũng đang kích động người ta đối diện với khủng hoảng của Trung Quốc mà nhắm mắt làm ngơ, tin tưởng mù quáng vào Trung Cộng y như thế. Cải cách khập khiễng hai mươi mấy năm đã mang đến những khủng hoảng cực đại cho Trung Quốc, nhưng người ta không hề giám sát Trung Cộng, không màng phê bình Trung Cộng, không màng suy xét lại Trung Cộng, không màng giải thể Trung Cộng, mà là không hành động, thậm chí phản đối

người khác hành động, một cách mù quáng kỳ thác hết thủy kỳ vọng lên thân của Trung Cộng – vốn là kẻ tạo nên những khủng hoảng này, kỳ vọng Trung Cộng có mong muốn giải quyết, kỳ vọng Trung Cộng có năng lực giải quyết, diễn dịch lại mới một cách hết sức cẩn thận câu “người có gan lớn chừng nào, đất có sản lượng cao chừng ấy” của thế kỷ 21 thì – “người có kỳ vọng lớn chừng nào, thì Trung Cộng có thể có hy vọng lớn chừng ấy”.

Nghịch lý kỳ vọng đối với Trung Cộng: Kỳ vọng cũng bằng như không có hy vọng

Trong lịch sử của Trung Cộng, có nhiều lần điều chỉnh chính sách trọng đại, đều là do áp lực cự đại từ trong và ngoài đảng, cảm nhận được khủng hoảng “vong đảng” mới bắt đầu đi tiến hành cải cách. Có nghĩa là, chỉ có gây áp lực lên Trung Cộng, thì Trung Cộng mới sửa đổi cho tốt hơn. Còn lịch sử nếu chỉ toàn là có kỳ vọng mà không có suy xét lại Trung Cộng, không vạch trần việc hành ác của Trung Cộng hiện nay, để mặc Trung Cộng, phụ họa theo Trung Cộng, dung túng Trung Cộng, thì Trung Cộng sẽ không cải biến. Do vậy, kỳ vọng cũng bằng như không có hy vọng.

Có thể nói như thế này, trong khi người ta “kỳ vọng” một cách mù quáng, trong sự huyền tưởng của cái gọi là cấp cho Trung Cộng thời gian ba mươi năm, khủng hoảng xã hội có thể đã khiến Trung Quốc bị huỷ hoại không biết bao nhiêu lần rồi.

Càng trọng yếu hơn là, “cải cách cho tốt hơn” đối với Trung Cộng hiện nay mà nói, đã quá là xa xỉ rồi, bởi vì tội lỗi mà Trung Cộng tích lũy từ ban đầu đã khiến nó căn bản không muốn, không dám, và sẽ không cải cách cho tốt hơn. Duy trì địa vị thống trị đã trở thành tất cả nền tảng cho việc giữ chặt lợi ích tập đoàn và cá nhân của Trung Cộng, ở trên mạng cảnh sát Trung Quốc có một câu khẩu hiệu gây sốc, chính là “duy hộ địa vị chấp chính của đảng”, vì vậy coi cảnh sát như là gia nô của đảng một cách không còn kiêng nể gì, có thể thấy Đảng Cộng sản thực sự là hạ quyết tâm “sẽ không hoàn lương”, mà sự kỳ vọng

mù quáng của người ta càng là cấp thêm năng lượng cho Trung Cộng để nó không nguyện ý thuận theo trào lưu lịch sử. Rất hiển nhiên, Trung Cộng ngày nay đã trở thành chướng ngại căn bản để thảo luận lý tính và giải quyết vấn đề Trung Quốc, chỉ có giải thể hết Trung Cộng, khiến nhân dân Trung Quốc không còn gì phải lo lắng mà phát huy hết thầy thông minh tài trí, tự do thảo luận phương hướng và tiền đồ của quốc gia, dân tộc mới thực sự có kỳ vọng.

Tiếp theo chúng tôi đưa ra một vài ví dụ điển hình để nói rõ việc người ta ngày nay là dùng tư tưởng của ác đảng và ngôn ngữ mà ác đảng dạy cho như thế nào để suy xét vấn đề. Hiện tại sự chán chường, nút thắt lớn nhất của người ta đối với Đảng Cộng sản chính là cải cách mở cửa trong vòng hai mươi năm đã mang đến cho Trung Quốc thay đổi to lớn. Dưới loại xung kích như vậy, đối với việc nhận thức Đảng Cộng sản như thế nào, Đảng Cộng sản có thay đổi hay không, có hy vọng hay không, người ta đều đã trở nên vô cùng bối rối.

IV.1-1 – Kinh tế phồn vinh bề mặt mang đến xung kích về thị giác: “Hãy phát triển kinh tế đã rồi hãy nói”

Xung kích thị giác và cảm quan đối với con người là to lớn. Dân chúng Trung Quốc vốn bị Đảng Cộng sản chính cho sợ, làm cho sợ nghèo, nên sau khi đã có một chút cải thiện trong cuộc sống, liền rất dễ dàng hài lòng rồi. Lại trải qua những tuyên truyền như “ngày tháng tốt đẹp”, “thịnh thế đại liên hoan” [tên các bài hát hay hát ở Trung Quốc] năm này qua năm khác của Trung Cộng, như thể lại sắp “bắt kịp Anh vượt qua Mỹ”, khiến người ta đều bị lâng lâng cả rồi, Trung Cộng lại thừa nước đục thả câu, dùng sự phát triển kinh tế để tìm chỗ dựa cho tính hợp pháp của việc chấp chính của nó. Kỳ thực, kinh tế phát triển chẳng có chút quan hệ nào với Trung Cộng, công lao thuộc về nhân dân Trung Quốc cần cù lao động. Có người nói, chỉ cần có ngoại thương đầu tư, chỉ cần có nhà khoa học và kỹ sư trí tuệ, chỉ cần có công nhân chịu khổ nhằn nại lao động và nông dân chịu thương chịu khó, thì cho dù mang đến cho nước nhỏ ở

Châu Phi, cũng có thể trong vòng hai mươi mấy năm mà nổi lên một thế giới vật chất phồn vinh.

Thế nhưng, sự phát triển khập khiễng này có phù hợp với lợi ích lâu dài của dân tộc không? Vấn đề trình tự phát triển, cái gì trước, cái gì sau, quan hệ phụ thuộc lẫn nhau v.v., là một trong những vấn đề tối cơ bản trong quản lý hiện đại.

Thử nhìn xem đằng sau sự phồn hoa bề mặt của Trung Quốc là cảnh tượng như thế nào. Sự đình trệ của cải cách chính trị, sự dị dạng của thể chế kinh tế, sự bất công xã hội, hủ bại của quan trường, chênh lệch giàu nghèo, đạo đức sa đọa, phá hoại môi trường, tài nguyên thiếu hụt, đàn áp nghiêm trọng với nhân quyền, tín ngưỡng và đoàn thể tôn giáo, coi tự do dân chủ như địch, kim kẹp đối với tự do cơ bản về ngôn luận và thông tin, nợ xấu của ngân hàng, khủng hoảng tài chính, xã hội đen, gái mại dâm, quần thể yếu thế (socially vulnerable groups) chiếm đại đa số nhân khẩu không có tiếng nói v.v., cho đến mâu thuẫn xã hội rắc rối phức tạp, phong trào bảo vệ quyền lợi nhân dân nổi lên liên tiếp và biểu tình phản đối đông người gia tăng nhanh chóng (năm 2005 đạt 8 vạn) v.v., càng chưa kể đến có ngày tự nhiên nổi gió bão bất ngờ trừng phạt và báo ứng. Chính quyền Trung Cộng dưới sự phồn vinh bề mặt, tựa như ngồi trên miệng núi lửa vậy. Cái gọi là tăng trưởng kinh tế nhanh chóng trên thực tế là lấy sự phá hoại môi trường và lãng phí năng lượng làm trao đổi, nếu như tính đến sự đánh đổi về môi trường thì GDP thực tế của Trung Quốc những năm gần đây là tăng trưởng âm.

Đối với việc sự phát triển dị dạng nền kinh tế thành công tức thời của Trung Cộng mang đến khủng hoảng tiềm tại và có thể là tai nạn cho dân tộc Trung Hoa, người ta không muốn nghĩ đến, không muốn đối diện. Một là khuất phục trước cường quyền của Trung Cộng, cảm thấy rằng nghĩ cũng không tác dụng, còn tự tìm phiền toái, hai là cảm thấy cuộc sống hiện tại đúng là đã tốt hơn một chút, quản chi cái kiểu phát triển này có thể tiếp tục hay không, chỉ quan tâm đến “ngậm miệng phát tài lớn”. Còn những chính khách và người buôn bán ngoại thương chỉ vì kiếm tiền kia, họ chỉ mong muốn làm

thể nào để có thể được chia một phần cuối cùng của chiếc bánh lớn thị trường thế giới. Mặc dù ngoại giới cho rằng phát triển của kinh tế sẽ mang đến cho Trung Quốc dân chủ và tự do, sự thực trong hai mươi mấy năm này đã chứng minh rằng ngoại thương không những không thể mang đến dân chủ tự do cho Trung Quốc, mà còn trở thành chất phụ gia trong chuỗi thức ăn hủ bại của Trung Cộng.

Có học giả phân Trung Quốc thành ba thế giới, thế giới thứ nhất sống trong các biệt thự để hưởng thụ đặc quyền đặc lợi, thế giới thứ hai đang vì chỗ ở, y tế và giáo dục của con cái mà không dám tiêu phí, thế giới thứ ba chính ở ranh giới no ấm mà khổ sở bươn chải. “Tổ công tác nghiên cứu chiến lược hiện đại hoá Trung Quốc” thuộc Viện Khoa học Trung Quốc đã viết cuốn sách “Báo cáo năm hiện đại hoá Trung Quốc năm 2005”, cho rằng kinh tế Trung Quốc lạc hậu hơn Mỹ quốc 100 năm, nếu như duy trì tỉ lệ tăng trưởng khoảng 9% trong 100 năm, mới có thể tiến nhập vào 10 nước đứng đầu thế giới. Duy trì tỉ lệ tăng trưởng kinh tế khoảng 9%, có thể được không? Có người bình luận rằng, thế kỷ tiếp theo còn xa mới là “thế kỷ của Trung Quốc”. Nhưng dưới sự phồn vinh theo kiểu hào nhoáng của những thành phố lớn, một Trung Quốc thực sự đã bị che đậy đi. Kinh tế bề mặt phồn vinh mang đến xung kích về thị giác, “nhất ‘tuần’ già bách xú” (*một điểm tốt che lấp trăm điểm xấu*), giúp Trung Cộng khoác lên một lớp mặt nạ [mạng che mặt] làm mê hoặc người ta. Lợi ích ngắn hạn và triển vọng mù quáng ở mức độ rất lớn đã ức chế việc người ta toàn diện nhận thức hiện thực, “không biết bộ mặt thật của Lư Sơn” [Bất thức Lư Sơn chân diện mục]^[2], càng không nói đến việc xét lại và suy xét lý tính đối với lịch sử của Đảng Cộng sản.

Chúng ta đều biết rằng công phu làm thơ nằm ở ngoài thơ. Cũng vậy, muốn đưa kinh tế thực sự phát triển lên, thì đầu tiên phải giải quyết một loạt những nhân tố phi kinh tế như tín ngưỡng, đạo đức, pháp luật, tự do ngôn luận,

[2] Bất thức Lư Sơn chân diện mục: Câu thơ trong bài “Đề Tây Lâm bích” của Tô Đông Pha.

giám sát của truyền thông. Những vấn đề này không giải quyết, kinh tế cũng sẽ không thể “phát triển lên được”. “Đưa kinh tế phát triển lên rồi hãy nói” chỉ là mượn cớ thoái thác để trì hoãn việc cải cách thể chế của Trung Cộng mà thôi, nhưng hiện tại người ta thực ra không cảm nhận được, còn cho là chân lý. Kỳ thực chính là đã hăm nhập vào tư duy của Văn hóa đảng, chiếu theo tư tưởng của Trung Cộng mà suy xét vấn đề. Nhân dân Trung Quốc hiện tại có rất nhiều tự do, nhưng đều tập trung vào cuộc sống cá nhân, thể dục và giải trí, các phương diện khác thì lại là cấm địa. Các nước khác trong quá trình phát triển, nhân dân là tích cực tham dự vào cải cách chính trị và chế độ, giành lấy các loại quyền lợi cho bản thân, mà nhân dân Trung Quốc hiện tại không phải như vậy, đối với những dân chúng mà dám yêu cầu quyền lợi phản [đối] bức hại của Trung Cộng, rất nhiều người không những không hiểu, mà còn phản đối người khác giành lấy quyền lợi, bọn họ nguyện ý giao cấp hết thảy cho Đảng Cộng sản, huyện tướng Đảng Cộng sản tự động cải cách tốt hơn hoặc ban ân huệ.

Năm 2003 ở Trung Quốc Đại lục đã xuất hiện một bộ phim điện ảnh gây tranh cãi rộng khắp, nó chính là sê-ri bộ phim “Hướng đến Cộng Hoà”, sau đó nó bị cấm chiếu. Bộ phim hài kịch đã phơi bày một cách chân thực vận mệnh thất bại tất nhiên của cuộc cải cách mở cửa vương triều nhà Thanh, điểm này đối với Trung Cộng mà nói thì có mang tính kích thích. Vương triều nhà Thanh trước khi cải cách mở cửa là không có đèn điện, điện báo, điện thoại, cũng không có xe lửa và xe hơi. Trong mười mấy năm ngắn ngủi, bến Thượng Hải đã trở thành một trong bốn viên ngọc minh châu của thế giới, đã thành nơi vui chơi của các nhà thám hiểm của chủ nghĩa đế quốc, ba con đường đại lộ lớn của nó đều là một dãy nhà vườn, bên bờ sông đều là một dãy nhà cao tầng, trở thành bộ mặt của kỳ đầu cuộc cải cách mở cửa Trung Quốc. Nhưng cái thành tựu này có cứu được vận mệnh diệt vong của vương triều nhà Thanh chăng? Không cứu được. Năm 1905, Tôn Trung Sơn đã nói: “Nếu chỉ đơn nhất dùng biện pháp là mang về những thứ văn minh vật chất của phương Tây như đường sắt, xe lửa, điện thoại, điện báo, mà không tiến

hành cải cách chính trị, chỉ có thể mở ra thêm cánh cửa rộng rãi cho tham ô hủ bại biến thủ lừa gạt ở trong nước.”

Kỳ thực, người ta hôm nay cũng không phải không hiểu cái kiến thức cơ bản về việc phải phát triển đồng đều các phương diện, đều biết rằng càng về sau, chi phí sửa lỗi càng cao. Quan trọng chính là dưới bầu không khí của Văn hóa đảng, khuất phục trước sự lạm quyền của Trung Cộng, hòa theo lợi ích của Trung Cộng, cảm thấy phát triển kinh tế thì có lợi đối với giai đoạn ngắn hạn trước mắt, cũng theo đó nhắm mắt hô hào “hãy phát triển kinh tế lên đã rồi hãy nói”, mà đối với việc sát nhân phóng hỏa của Trung Cộng thì lại bỏ mặc không quản.

IV.1-2 – “Ổn định áp đảo hết thảy”

Những người Trung Quốc từng trải qua vận động chính trị, có khát vọng đặc biệt đối với “ổn định”. Cho nên, trong bàn dân trăm họ thì “ổn định áp đảo hết thảy” rất có tiếng vang, đã trở thành khẩu hiệu chủ yếu để duy hộ sự thống trị trong thời kỳ mới của Trung Cộng.

Nói đến Đảng Cộng sản, cái người ta liên tưởng đến là bạo lực cách mạng và loạn động chính trị, làm sao mà Trung Cộng hiện tại lại giương lên ngọn cờ “ổn định” được đây? Nói ra thật mâu thuẫn, kỳ thực, cũng rất giản đơn, chính là Trung Cộng có thể “loạn động” nhân dân, còn một khi nhân dân mà “loạn động” Trung Cộng, thì Trung Cộng phải hô to “ổn định” rồi. Mấy chục năm vừa qua đã [thực hiện] hết cuộc loạn động này đến cuộc loạn động khác một cách không kiêng sợ gì cả, khiến nhân dân bị “loạn động” đến mức chẳng còn cách mưu sinh, mà làn sóng tự do dân chủ và thức tỉnh của nhân dân cuối những năm 80 của thế kỷ trước hưng khởi, xem chừng sắp khiến Trung Cộng bị “loạn động” rớt rôi, lúc ấy Trung Cộng liền hô lớn phải “ổn định”.

Hiển nhiên, cái “ổn định” mà Trung Cộng nói ấy chỉ là ổn định của chính quyền Trung Cộng, mà chẳng phải ổn định của quốc gia và xã tắc. Dưới sự cải

cách khập khiễng của Trung Cộng, những người được hưởng đặc quyền đặc lợi, đặc biệt là những người quyền thế không bị chế ước, là mong muốn “ổn định” nhất, để mà vơ vét lợi ích một cách “ổn định”. Do họ duy hộ trật tự đã định [một cách mạnh mẽ] nhất, vì thế sẽ trở thành lực lượng “ổn định” kiên định nhất, nhân tố “ổn định” đáng tin cậy nhất. Cái kiểu “ổn định” này có thể cao hơn lương tri và đạo nghĩa, bần dân trăm họ là sống hay chết cũng có thể không đếm xỉa. Khi công nhân mỏ quặng bị chết ở dưới hầm, Trung Cộng lấy “ổn định” để che đậy sự oan khuất của người chết; khi những hộ dân bị phá dỡ nhà, bị bức bách phải chống đối, không thể không liều chết kiến nghị lên trên, huyện tưởng rằng tìm được công đạo, Trung Cộng lại lấy “ổn định” làm chiêu bài mà tiến hành ngăn chặn kiến nghị, thậm chí còn dùng “phá hoại ổn định” để tiến hành bức hại tấn công những người chịu bất công... Ổn định như vậy chỉ là giả thôi, khi bất công và mâu thuẫn xã hội tích lũy đến mức độ nhất định, thì sẽ giống như núi lửa phun trào vậy. Cái “ổn định [của Đảng] áp đảo hết thầy” mà Đảng Cộng sản tuyên truyền chính là quá trình tích lũy mâu thuẫn xã hội chờ cho đến lúc bộc phát toàn bộ, một khi khủng hoảng bộc phát, tiền của mà chúng ta hôm nay tích góp được đều sẽ biến thành hư ảo, dân tộc lại sẽ phải chịu cảnh sinh linh lầm than.

Mọi người biết rằng, vận hành của kinh tế có chu kỳ của nó, không thể là “ổn định” được, bất ổn là không thể tránh khỏi. Càng như vậy, càng cần có chế độ hợp lý để làm cơ sở, để đảm bảo sự ổn định của xã hội. Ổn định thật sự, cần trật tự tự do, trật tự pháp trị và trật tự công chính. Nước Anh là quốc gia thực hành dân chủ lập hiến sớm nhất, hơn ba trăm năm qua duy trì được ổn định cao độ, nhân dân tự do, kinh tế phồn vinh. Có mâu thuẫn thì kịp thời khai thông mà không phải cưỡng chế dập xuống, Trung Cộng lợi dụng sự sợ hãi của người ta sau khi trải qua các loại vận động, lợi dụng tâm lý hy vọng ổn định mà đổi trắng thay đen, lấy sự ổn định của sự thống trị của chính nó cưỡng ép lên dân chúng. Kiểu ổn định này không phải là ổn định.

Cái giá mà “ổn định áp đảo hết thầy” của Trung Cộng mang đến, chính

là càng khó chuyển [đổi mô] hình hiện tại, chi phí càng cao, rủi ro càng lớn. Ngày nay với mâu thuẫn xã hội càng ngày càng gay gắt, Trung Cộng chỉ biết đến một mực đàn áp các nhân sĩ bảo vệ nhân quyền và những người bất đồng chính kiến, trấn áp các đoàn thể tín ngưỡng, phong toả, lọc bỏ tin tức. Trong quá trình duy hộ đặc quyền đặc lợi của tập đoàn và cá nhân, tội ban đầu của Trung Cộng càng ngày càng lớn, giờ thì không thể kỳ vọng nó có một ngày sẽ đột nhiên nổi hứng, đại phát từ bi, chủ động khai triển cải cách chính trị, thực hành tự do dân chủ. Có thể nói bản thân Trung Cộng mới là nhân tố bất ổn định lớn nhất.





IV.1-3 – “Người khác cũng vậy thôi”

Trung Cộng rất thích dùng “điều kiện mỗi nước” để làm cái cớ. Người khác có dân chủ, Trung Quốc không thể có, người khác có tự do ngôn luận, Trung Quốc không thể có, người khác có quyền lợi tín ngưỡng, Trung Quốc không thể có, vì sao vậy? Bởi vì điều kiện mỗi nước khác nhau. Nhưng mà, nếu như người khác có việc xấu gì đó, lúc này Trung Cộng liền không nói “điều kiện mỗi nước” nữa, mà là nhấn mạnh “giá trị phổ biến”, nói với nhân dân rằng vốn dĩ “trong thiên hạ quạ nào mà chẳng đen”, sau đó liền yêu cầu bàn dân trăm họ thừa nhận, thông cảm, tha thứ cho lỗi lầm của Trung Cộng.

Nói về tham nhũng, nó sẽ nói quốc gia nào mà chẳng có tham nhũng? Nói về trấn áp dân chúng, nó sẽ nói nước Mỹ cũng đã từng dùng súng với dân chúng; nói về dân chủ, nó sẽ nói Ấn Độ làm dân chủ, cũng chẳng làm ra được gì ra trò; nói về diễn biến hoà bình, nó sẽ nói sau khi diễn biến hoà bình thì nước Nga tội tệt thế nào; nói về tuyển cử, nó sẽ nói tuyển cử của Đài Loan hỗn loạn như thế nào; nói về lãng phí tài nguyên hiện tại, chênh lệch giàu nghèo của Trung Quốc, nó sẽ nói đó là tích lũy nguyên thủy của tư bản, có quốc gia

phát triển nào mà chẳng từng trải qua? Nói về không có tự do ngôn luận, nó nói hăng thông tấn gì đó ở phương Tây chẳng phải bị tập đoàn tài chính khống chế? Nói về bắt người thỉnh nguyện ở Thiên An Môn, nó nói anh thử đến Nhà Trắng mà kháng nghị thử xem, xem xem họ có bắt anh không; nói về nhân quyền của Trung Cộng không tốt, nó bám chắc vào tác phẩm văn chương về việc quân Mỹ ngược đãi tù nhân, nói rằng bản thân nước Mỹ còn không tốt, lấy đầu tư cách nói Trung Cộng?

Những lời lẽ tự thị nhi phi này có lúc so với những thuyết giáo nghiêm túc kia càng có tính mê hoặc hơn. Thế nhưng, bản thân cái kiểu so sánh tương tự này lại là sai lầm, là đánh lừa mê hoặc dân chúng.

Đầu tiên, con người ai cũng đều có nhược điểm của con người. Cho nên, quốc gia nào cũng đều có tham ô, đều có vấn đề về nhân quyền. Chúng tôi không có ý biện hộ cho hành vi của quốc gia khác, chúng tôi chỉ là muốn chỉ ra cái kiểu logic điên đảo thị phi theo kiểu “bởi vì người khác đã giết người, cho nên tôi cũng có thể giết người” của Trung Cộng. Thứ nữa, khi báo cáo tuyên truyền những ví dụ tương tự kia, đối với bối cảnh phát sinh sự việc, quá trình và phương thức xử lý Trung Cộng thông thường đoạn chương thủ nghĩa (cắt lấy những nội dung có lợi), cố ý che đậy những điều bất lợi cho Trung Cộng. Chúng ta biết rằng, xuất hiện vấn đề là một chuyện, còn phản ứng và xử lý vấn đề lại là chuyện khác. Còn Trung Cộng chỉ chú trọng thổi phồng sự phát sinh vấn đề, mà bỏ qua thái độ phản ứng và xử lý vấn đề của các quốc gia dân chủ tự chính phủ, truyền thông đến công chúng.

Sự kiện quân Mỹ ngược đãi tù binh vừa xuất hiện, Trung Cộng liền làm âm lên, không nằm ngoài ý muốn nói rằng, nhân quyền của nước Mỹ cũng tốt đẹp gì đâu, nhân quyền của Trung Cộng không tốt thì đã sao? Thế nhưng, nếu như chúng ta xét thái độ xử lý của chính phủ Mỹ và Trung Cộng về kiểu sự việc này, thì sẽ phát hiện sự khác biệt rất lớn. Trên thực tế, sau khi xảy ra vụ việc, bản thân nước Mỹ là cả nước chấn động, không chỉ truyền thông nước Mỹ bùng nổ, mà ngay cả tổng thống cũng ngay lập tức phản hồi, lập tức bắt tay điều tra. Tài

liệu mà Trung Cộng dẫn ra về căn bản cũng đều là từ các báo cáo công khai của truyền thông nước Mỹ. Mà Trung Cộng đối với việc hành ác về nhân quyền của chính mình, thì lại một mực che đậy từ trên xuống dưới, còn không cho phép người khác được phơi bày.

Đối với việc bắt người thỉnh nguyện ở Thiên An Môn, thậm chí là vụ thảm sát “Lục tứ” (Ngày 4 tháng 6), có một cách nói, chính là anh đến trước Nhà Trắng mà kháng nghị xem họ có bắt anh hay không. Ở đây Trung Cộng đã tung hỏa mù cho một sự khác biệt căn bản. Điều Trung Cộng nói là có thể đăng ký diễu hành biểu tình, nhưng nó căn bản sẽ không phê chuẩn đơn đăng ký, đối với người đã nộp đơn còn phải tấn công báo thù, càng không nói đến việc anh nộp đơn đến Thiên An Môn để biểu tình. Nhưng ở nước Mỹ, dân chúng có thể đăng ký đến trước Nhà Trắng để kháng nghị một cách rất dễ dàng, hơn nữa có một số nhân sĩ kháng nghị chính là cố ý muốn để cho cảnh sát bắt đi để chế tạo hiệu ứng tin tức, cảnh sát Mỹ thông thường sẽ chủ động hỏi người kháng nghị có muốn bị bắt giữ hay không. Căn bản không phải như những gì Trung Cộng tuyên truyền, nào là trước Nhà Trắng ở nước Mỹ không cho phép kháng nghị, cũng sẽ bắt người như Trung Cộng thôi. Ngay cả nếu người kháng nghị có hành vi quá khích, thì cũng phải căn cứ theo chế độ pháp luật mà xử lý.

Còn có người nói rằng nước Mỹ cũng đã từng nổ súng vào dân chúng. Đúng là có, đó là sự kiện thanh toán trợ cấp cho cựu chiến binh tham gia chiến tranh thế giới thứ nhất vào năm 1932, hơn một vạn cựu chiến binh thất nghiệp đến tập trung ở trước Tòa nhà Quốc hội Mỹ. Lúc đó tổng thống Hoover đã hạ lệnh cho quân đội liên bang tiến vào Washington, giải tán dân chúng biểu tình, dẫn đến việc hai người cựu chiến binh bị tử vong, nhiều người bị thương. Căn cứ vào các tài liệu lưu trữ xuất bản công khai của Mỹ như Bách khoa toàn thư, phim tài liệu, sách lịch sử, hồi ký, bọn họ lại không phải là chết do quân đội nước Mỹ, mà là bị cảnh sát ở Washington ngộ sát. Bất luận bản thân sự việc này thị phi thế nào, chúng ta cùng xem xem phản ứng của toàn bộ xã hội Mỹ đối với sự việc này. Đầu tiên, chính phủ Mỹ bị các hãng tin tức truyền thông “quật”

cho một cách vô tình, “Thời báo New York” đã báo cáo về quá trình của sự việc bằng loạt bài dài kỳ trên trang nhất, tổng thống Hoover cũng thừa nhận trách nhiệm của mình với nhân dân nước Mỹ. Trong kỳ bầu cử tổng thống nước Mỹ năm đó, nhân dân còn có thể dùng lá phiếu để cho Hoover hạ đài. Bài học về sự huy động quân đội quả rất sâu sắc, trở thành kinh nghiệm tiền nhân cho các tổng thống nước Mỹ về sau này. Năm 1971 ở vùng xung quanh Nhà Trắng đã phát sinh cuộc biểu tình phản đối chiến tranh Việt Nam quy mô lớn, có trợ thủ đến hỏi ý kiến và Nixon đã nói rằng: “Cứ để bọn họ ở đó là được rồi.” Đem ra so sánh, cho đến hôm nay Trung Cộng chưa từng có cách nói nhận lỗi và tự sửa đổi nào đối với sự kiện “Lục tứ”, cơ cấu lập pháp Trung Quốc cũng chưa từng đề xuất về việc tiếp thu bài học trấn áp dân chúng như thế nào, cho đến việc đề xuất việc làm thế nào để tránh khỏi phạm sai lầm tương tự trong tương lai.

Còn có một ví dụ rất phổ biến về việc châm biếm tự do ngôn luận của phương Tây, chính là nói anh viết một bài báo, coi xem báo chí phương Tây có cho anh đăng báo hay không, nếu như không cho đăng, vậy khẳng định chứng minh tự do ngôn luận là giả. Rất nhiều người Trung Quốc bởi vì cái ví dụ kiểu này, dường như nhìn một cái là thấu sự nguy giả của tự do ngôn luận ở phương Tây, liền cho rằng việc Trung Cộng khống chế ngôn luận cũng là lẽ thường tình thôi. Kỳ thực điều này là oai lý mà Trung Cộng đã tạo ra cho người ta. Báo chí làm sao có thể cái gì đưa đến cũng cho đăng được? Nếu thật sự như vậy, thì cũng chỉ có thể là vài người đầu tiên gửi đến được đăng, vì số trang xuất bản là có hạn. Trên thực tế tự do ngôn luận lại không phải là nói rằng mỗi hãng thông tấn đều phải làm được “tuyệt đối công chính”. Mỗi hãng thông tấn có lý niệm của mình, đằng sau bọn họ đương nhiên cũng có thể lực chính trị kinh tế của mình, cũng có nghĩa là, một hãng thông tấn là cá thể mà nói, trừ đạo đức nghề nghiệp ra, đương nhiên có ý thích của mình, đối với góc độ bài viết hay báo cáo đều có sự lựa chọn của mình, điều này cũng không phải là giới truyền thông phải che đậy bí mật gì cả. Tự do ngôn luận thể hiện ở hai tầng diện: một là đối với bản thân hãng thông tấn, nó có thể cho đăng một cách tự do nội dung

mà nó muốn đăng (nếu đi quá giới hạn thì sẽ giải quyết thông qua con đường pháp luật), hai là đối với độc giả mà nói, tự do của họ thể hiện ở việc họ có thể nhận được tin tức từ kênh truyền thông nào, không kể kênh truyền thông đó có ý kiến ra sao. Bạn vừa có thể đọc báo chí phản Trung Cộng, cũng có thể đọc báo chí thân Trung Cộng, còn có thể đọc báo chí vốn là cơ quan ngôn luận của Trung Cộng, bạn cũng có quyền tự do làm hãng thông tấn riêng để đăng những ý kiến của bạn, đây mới là ý nghĩa thực sự của tự do thông tin. Thước đo quan trọng nhất của tự do tin tức là người nắm quyền có quyền lực khống chế thông tấn bao nhiêu. Ở nước Mỹ, chính phủ thông thường được đặt dưới sự phê bình của truyền thông, thậm chí chính phủ muốn dùng quyền lực để khống chế, cũng không có khả năng. Nhưng tại Trung Quốc, nếu như Đảng Cộng sản không muốn dân chúng xem được tin tức nào đó trên kênh truyền thông, thì có thể dễ dàng phong toả chết cứng. Nếu coi tự do ngôn luận thành việc hãng thông tấn nào cũng đều ắt phải đăng ngôn luận của bạn, thì căn bản là không hiện thực. Dùng việc báo chí của phương Tây đều có lập trường của mình để phủ định tự do ngôn luận, chẳng qua là để tìm cơ thoái thác cho việc Trung Cộng kìm kẹp truyền thông. Bản thân Trung Cộng cũng biết lợi dụng chỗ tốt của tự do ngôn luận ở phương Tây, cho nên Trung Cộng mới cực lực thâm nhập hải ngoại, thao túng khống chế, lại tha hồ phát triển các hãng thông tấn thân cộng của mình.

Tranh chấp xuất hiện trong bầu cử dân chủ ở hải ngoại, thường thường cũng trở thành việc Trung Cộng chế giễu tự do dân chủ, dùng làm tư liệu để khuyến nhân dân ủng hộ độc tài của Trung Cộng. Rất nhiều người cũng vì thế mà tin tưởng cách nói của Trung Cộng, giúp đỡ Trung Cộng duy hộ chuyên chế một đảng. Dân chủ có lẽ không phải biện pháp tốt nhất, nhưng mà, so với đấu tranh trong bóng tối và khả năng mang đến loạn động của Trung Cộng, thì sự minh bạch của dân chủ, sự giám sát của truyền thông và sự độc lập của quân đội, dù sao cũng là một lối thoát có thể tham khảo được. Mọi người đều để ý là, các quốc gia dân chủ bất kể là tuyển cử hay tranh chấp có ghê gớm thế nào, thì

quốc gia cũng rất khó bị rơi vào bạo loạn và chiến tranh, đây chính là tác dụng chế ước và cân bằng của dân chủ đối với xã hội, căn bản không phải tai hoạ kiểu như hồng thủy mãnh thú mà Trung Cộng tuyên truyền.

Sau diễn biến hoà bình của nước Nga, Trung Cộng vẫn luôn sợ hãi nước Nga trở nên tốt, cho nên vẫn luôn là tuyên truyền nước Nga khốn khổ thế này thế kia. Nước Nga đương nhiên là có “tình hình đất nước” của bản thân, vấn đề có nhiều, nhưng mà, Trung Cộng lại lấy nước Nga làm phản ví dụ [về một đất nước] sau khi dân chủ hoá để tuyên truyền thì đúng là đang lừa gạt dân chúng. Một vài người Trung Quốc đến hải ngoại nghe được dự trữ ngoại hối của Nga đã tăng vọt so với thời “Quốc tế thứ ba”^[3] (báo cáo vào tháng 7 năm 2006), thực sự bất ngờ, nghĩ: Người Nga không phải là ngay cả cơm cũng không đủ ăn sao? Dân chủ ở Ấn Độ cũng vẫn luôn là đối tượng bị Trung Cộng chế giễu, bị ví như tấm gương kinh điển về thất bại của dân chủ. Thế nhưng, từ năm 1991 chính phủ Ấn Độ chính thức bắt đầu cải cách kinh tế cho đến nay, những năm này tỉ lệ tăng trưởng đạt 7%, tỉ lệ tăng trưởng này đã rất gần với mức tăng của Trung Quốc. Ngành công nghiệp tài chính và thị trường vốn của Ấn Độ khá phát triển, hiệu quả kinh doanh khá cao, tỷ lệ nợ xấu ngân hàng thấp hơn 10%. Kết cấu kinh tế của Ấn Độ tương tự với một số quốc gia phát triển, thêm vào đó, Ấn Độ có nhân tài kỹ thuật ưu tú mà chi phí lại thấp, do vậy có người dự đoán rằng Ấn Độ sẽ trở thành “văn phòng của thế giới” trong tương lai. Trên thực tế, Ấn Độ hiện nay đã trở thành một trong những trung tâm nghiên cứu phát triển trọng yếu của thế giới. Chúng tôi không có ý nói tốt cho nước Nga và Ấn Độ, họ đều có vấn đề nghiêm trọng và biến số phát triển của mình, nhưng mà chúng ta không nên bị đánh lạc hướng bởi những tin đưa phiến diện của Trung Cộng, vốn là để duy hộ cho đặc quyền đặc lợi của nó, chứ không muốn toàn diện cải cách, không lặp lại luận điệu của Trung Cộng một cách không

[3] Đệ Tam Quốc tế còn gọi là Cộng sản Đệ Tam hay Comintern là tổ chức của những người cộng sản, được thành lập vào tháng 03 năm 1919 ở Moskva và giải tán năm 1943, được tái sinh lại năm 1947 và giải tán năm 1956, sau Đại hội XX của Đảng Cộng sản Liên Xô.

suy xét, hay chiếu theo cách nói của Trung Cộng mà suy xét vấn đề. Trên thực tế, Đảng Cộng sản ở nước Nga vẫn là một tổ chức hợp pháp, nếu như nhân dân nước Nga thực sự ưa thích Đảng Cộng sản, thì hoàn toàn có thể bầu trở lại Đảng Cộng sản trong khi tuyển cử. Người ta không chọn đi con đường này, khẳng định là Đảng cộng sản không được hoan nghênh.

Đối với vấn đề phân chia của cải xã hội và bóc lột [sức lao động] mà Trung Quốc gặp phải hiện nay, có người dùng “tích lũy nguyên thủy tư bản” để hình dung, ý nghĩa là trong quá trình hiện đại hoá của thế giới phương Tây cũng đã đi qua giai đoạn như thế này, cho nên, cũng chính là chính thường thôi. Chúng tôi không thể nói sự tích lũy nguyên thủy này là đúng hay sai, chúng tôi chỉ ít thấy được phương Tây sau khi tích lũy nguyên thủy, tư bản rất nhanh chóng được đưa vào tái sản xuất, đồng thời giai cấp hữu sản đang có yêu cầu rõ ràng về chính trị, tham [dự] chính [trị], làm truyền thông, làm giáo dục, làm từ thiện v.v. trở thành lực lượng trọng yếu để củng cố trật tự xã hội. Mà tích lũy nguyên thủy dưới sự thống trị của Trung Cộng chính là kiếm tiền, kiếm đến mức không bao giờ dừng lại, sau đó chạy ra ngoài, hưởng lạc, hoàn toàn không có ý tạo ảnh hưởng gì đến chính phủ và Đảng Cộng sản, so với tình huống của phương Tây lúc đó là khác nhau về căn bản, làm sao có thể kỳ vọng vào sự tuần hoàn lành mạnh sau khi “tích lũy nguyên thủy” được?

Còn có một ví dụ tương tự thoạt nghe rất hợp lý: Nếu như anh mà lật đổ quốc gia và chính phủ, anh xem có quốc gia nào mà không trấn áp anh không? Đây là một vấn đề đánh tráo khái niệm rất “ảo diệu”, rất có tính mê hoặc. Kỳ thực, cách nói này bản thân chính là biểu hiện điển hình của việc lẫn lộn khái niệm do Trung Cộng tuyên truyền nhồi nhét lặp đi lặp lại mà thành. “Tội phiến động và lật đổ quốc gia” là tội danh thay thế về sau này mà Trung Cộng dùng để thay cho “tội phản cách mạng” trước kia, tội danh này gồm những hoạt động thông thường liên quan đến nhân quyền và tự do ngôn luận, đều quy thành “phiến động và lật đổ quốc gia”, bản thân nó chính là xâm phạm nhân quyền. Rất nhiều những hành động bị Trung Cộng coi là “phiến động và lật đổ

quốc gia”, “tiết lộ bí mật quốc gia” v.v. thì ở các quốc gia dân chủ ở phương Tây về căn bản lại chính là giành lại những quyền lợi cơ bản được hiến pháp bảo hộ, chính phủ dân chủ làm sao có thể trấn áp đây? Làm báo mắng chửi chính phủ, ở Trung Quốc, đó chính là tội “kinh thiên động địa” lật đổ quốc gia, mà ở phương Tây là việc rất bình thường, căn bản không quan hệ gì với việc lật đổ quốc gia, trừ phi là chứa chấp vũ khí hoặc gây ra bạo động chủ nghĩa khủng bố.

Việc gây ra chiến loạn và khủng bố xảy ra trên thế giới của một số ít tổ chức tôn giáo cực đoan, cũng bị Trung Cộng dùng để phủ định tự do tôn giáo, làm tài liệu giáo dục phản diện mở lối thoát cho Vô Thần luận của Trung Cộng. Ngược lại, đối với việc rất nhiều những chính giáo chính tín đóng vai trò chủ lưu trên thế giới mang lại ý nghĩa chính diện đối với đạo đức xã hội và nhân tính, thì Trung Cộng lại hết sức né tránh. Rất nhiều người không hiểu biết, vì đó mà thuận theo Trung Cộng nhất loạt tiến hành phê phán đối với tín ngưỡng, bài xích những nỗ lực tranh thủ tự do tín ngưỡng của người khác.

Những ví dụ tương tự mang tính ‘tự thị nhi phi’ này còn rất nhiều. Điều đáng châm biếm là, những điều bất lợi đối với Trung Cộng, thì Trung Cộng liền không lấy ví dụ, mà là nhấn mạnh vào tình hình quốc gia và màu sắc của Trung Quốc. “Tình hình quốc gia” đã thành một cây ‘Thượng Phương bảo kiếm’ cho việc Trung Cộng đi ngược lại với trào lưu thế giới. Kỳ thực, cái này không thể học, cái kia không thể học chính là bởi vì đã chạm đến lợi ích vốn có của Đảng Cộng sản mà thôi.

IV.1-4 – “Muốn nói tôi chưa làm tốt, bản thân anh hãy làm tốt trước đã”

“Muốn nói tôi chưa làm tốt, bản thân anh hãy làm tốt trước đã”, đây là lối nói thường dùng khi người ta phản bác sự phê bình của người khác. Kỳ thực không đúng. Trong cuộc sống ai mà chẳng có thể đã từng khoa chân múa tay bình luận khen chê các minh tinh điện ảnh, vận động viên bóng đá, nhưng không yêu cầu

bản thân nhất định phải biết biểu diễn, biết đá bóng hơn đối phương.

Thế nhưng, Trung Cộng rất thích dùng câu nói này để giáo biện cho việc hành ác của mình. Khi nước Mỹ phê bình vấn đề nhân quyền của Trung Cộng, phản ứng của Trung Cộng chính là nhân quyền của nước Mỹ cũng có vấn đề, hơn nữa còn xuất bản một báo cáo chỉ trích nhân quyền của nước Mỹ, từ đó coi vấn đề nhân quyền của bản thân cứ như không. Mà báo cáo nhân quyền nước Mỹ do Trung Cộng xuất bản, nội dung của nó đều đến từ các báo cáo công khai của truyền thông nước Mỹ và những vụ án mà chính phủ nước Mỹ chú trọng quan tâm, Trung Cộng vì cái gì mà phải mệt dân tốn tiền làm chuyện này nhiều thế? Chính là vì để hả cái con “tức giận”, không phải vì cải thiện nhân quyền của nước Mỹ (thực tế là hy vọng những vụ xì-căng-đan về nhân quyền của nước Mỹ càng nhiều càng tốt, tiện bề cho Trung Cộng viết bài), thực ra là sự cưỡng từ đoạt lý cho tội xâm phạm nhân quyền của nhân dân của mình.



Trung Cộng tự giáo biện cho bản thân mình, cho thấy nó đã xấu đến mức độ nào rồi. Nhưng mà, không ít người dân phổ thông cũng phụ họa theo biện giải của Trung Cộng, thậm chí cho rằng lý do mà Trung Cộng trả lời mới thật là “giành lấy vinh quang cho quốc gia”, đây đúng là hồ đồ rồi. Hơn nữa bất kể là nhân quyền của nước Mỹ như thế nào, thì việc nước Mỹ phê bình nhân quyền của Trung Cộng, về mặt khách quan là đang giúp đỡ nhân dân Trung Quốc, bởi vì dưới sự bức hại nhân quyền của Trung Cộng, người bị hại chẳng phải là bản thân nhân dân Trung Quốc sao? Người khác kêu gọi Trung Cộng cải thiện nhân quyền, chẳng phải bản thân nhân dân Trung Quốc hưởng lợi sao? Đáng tiếc là, bởi vì ảnh hưởng của Văn hoá đảng, cho rằng phê bình Trung Cộng, chính là phê bình toàn thể nhân dân Trung Quốc, động chạm đến cái tâm tự tôn chủ nghĩa yêu nước chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi mà bị Trung Cộng nhồi nhét, kết quả là người ta mù quáng duy hộ bộ mặt của Trung Cộng. Có người tìm lý do giúp Trung Cộng, nói phía sau việc người khác phê bình Trung Cộng nhất định có nào là mục đích “không thể nói cho người”, là đang dùng nhân quyền để ép Trung Cộng. Ngay cả như vậy, thì nếu chúng ta không chấp nhận sự thoái thác của Trung Cộng, kiên trì yêu cầu Trung Cộng chấm dứt bức hại nhân dân của chính nó, vậy thì, sau khi Trung Cộng cải thiện hành vi của mình, những người dùng nhân quyền để ép kia chẳng phải không còn cách gì để gây sức ép sao? Như thế, vừa mang lại lợi ích thực sự cho nhân dân Trung Quốc, lại vừa hạ bệ cái mục đích “không thể nói cho người”, một công đôi việc, chẳng phải càng sáng suốt hơn sao?

Cho nên, tư duy bình thường là, bất kể đối phương có làm đến như thế nào, chỉ cần điều chỉ ra là sự thật, thì nên lắng nghe và sửa cho đúng. Có người nói “chính người khác thì hãy chính mình trước”. Đây lại là một cách lý giải sai. Lời này nên là lời nói tự khích lệ của người phê bình, đó là người phê bình có cảnh giới cao, vì để có sức thuyết phục hơn nữa, biểu hiện của việc nghiêm khắc yêu cầu bản thân. Nhưng không thể trở thành lý do cho người bị phê bình để chống lại ý kiến của người khác, chẳng phải có câu “có

thì sửa, không thì như là khích lệ” sao?

Khi nguyên thủ nước ngoài muốn đàm luận về vấn đề nhân quyền với Trung Cộng, có một câu trả lời được coi là “cơ trí” rất điển hình, chính là: “Ông làm gì có tư cách nói về nhân quyền của Trung Quốc với chúng tôi, bởi vì một trăm năm trước các ông đã từng xâm phạm nhân quyền của nhân dân Trung Quốc một cách nghiêm trọng.” Khi nói đến Trung Cộng trời không sợ đất không sợ, phá hoại tự nhiên, ô nhiễm môi trường, cũng có cách nói tương tự, chính là “Cường quốc phương Tây chẳng phải cũng chuyển dịch ô nhiễm công nghiệp, thậm chí mang phế thải đến nước khác sao?” Ý muốn nói ở đây là gì? Chính là quốc gia phương Tây đã từng xâm phạm nhân quyền của nhân dân Trung Quốc, vì sao Đảng Cộng sản lại không thể xâm phạm nhân quyền của người dân Trung Quốc nhỉ? Quốc gia phương Tây có thể gây ô nhiễm Trung Quốc, còn Đảng Cộng sản sao lại không thể gây ô nhiễm cho Trung Quốc đây?

Trung Quốc nếu muốn đi theo thế giới, hội nhập với trào lưu thế giới, thì cần lắng nghe ý kiến của xã hội quốc tế, ngoài việc học tập kỹ thuật tiên tiến của người khác, còn phải nghiên cứu chế độ tiên tiến. Vì để hoá giải áp lực về các phương diện như nhân quyền, chủ nghĩa tự do của xã hội quốc tế, Trung Cộng vẫn luôn dùng cách nói “nói tôi chưa làm tốt, bản thân anh hãy làm tốt trước đã” để vô lý cãi cùn, lừa dối dân chúng, bị tổn hại chính là lợi ích lâu dài của quốc gia và dân tộc.

IV.1-5 — “Đối với Đảng Cộng sản phải nhìn nhận cả hai mặt [tốt xấu] của nó”

Đảng Cộng sản tự biết nó đã làm đủ việc xấu rồi, cho nên, hy vọng người ta có thể “*thấy được cả hai mặt [tốt xấu] của nó*”. Bản thân người dân cũng phụ hoạ theo nói rằng, “Lẽ nào Đảng Cộng sản một chút việc tốt cũng không có?” Loại quan điểm này nghe qua thì như thể có đạo lý, nhưng mục đích và hoàn cảnh

của cái “*thấy được cả hai mặt [tốt xấu]*” này là gì.

Một kẻ phạm tội giết người, giết người đên mạng, chiếu theo pháp luật mà nói, chính là đã có thể định tội cho hẳn rồi. Nếu như ở trong toà án yêu cầu đánh giá cả hai mặt tốt xấu, muốn lấy việc đưa trẻ đã từng giúp đỡ các bậc cha chú những việc như đẩy xe, trồng cây để giảm nhẹ tội giết người, thì không thể chấp nhận được.

Nếu lấy quốc gia và chính đảng để làm ví dụ, có thể xem một chút [tình huống] nước Đức trong Thế chiến thứ hai trước kia. Năm 1933, Hitler trở thành nguyên thủ của nước Đức, chính sách kinh tế của ông ta khiến kinh tế của nước Đức liên tục tăng trưởng với tốc độ 100% trong nhiều năm, tỉ lệ thất nghiệp của nước Đức từ 30% giảm xuống 0%, vị thế quốc tế của Đức lúc đó tăng rất cao, bởi vì sau Thế chiến thứ nhất, Đức là nước bại trận, các nước Anh, Pháp đối với Đức hết sức kỳ thị, đòi bồi thường, nhưng sau khi Hitler trở thành nguyên thủ, Đức đã trở thành cường quốc của Châu Âu, đặc biệt là năm 1936 đã tổ chức Olympic thành công ở Berlin, khiến cho rất nhiều quốc gia phải nhìn họ bằng một con mắt khác. Lúc đó Đức đã xây dựng những đường cao tốc mà đều có thể hạ cánh máy bay chiến đấu, rất nhiều tuyến tàu điện ngầm đều được hoàn thành từ thời Hitler, hơn nữa lúc đó Hitler nói muốn khiến mỗi một gia đình ở Đức đều có xe hơi riêng, đây chính là nguồn gốc của hãng xe hơi Volkswagen của nước Đức. Nhưng bất kể là Hitler về mặt kinh tế đã nỗ lực bao nhiêu, về mặt quân sự thu được thành công bao nhiêu, có người nói ông ta là nhà quân sự hoặc là nhà kinh tế, thì những điều này đều không quan trọng, bởi vì ông ta đã phát động Đại chiến Thế giới lần thứ hai, gây ra thương vong của 90 triệu người trên toàn thế giới, đã gây ra tổn thất 400 tỷ Đô la Mỹ, đồng thời ông ta đã tàn sát tàn khốc người Do Thái trong trại tập trung, có 6 triệu người Do Thái vì ở trong trại tập trung trong Thế chiến thứ hai mà mất đi sinh mệnh. Những việc này đã đủ để xác định bản chất Hitler và Đức Quốc xã rồi, cho nên ngày nay nếu như bạn đến nước Đức, chẳng có ai nói chúng tôi phải tiến hành đánh giá cả hai mặt tốt xấu đối với Hitler và Đức

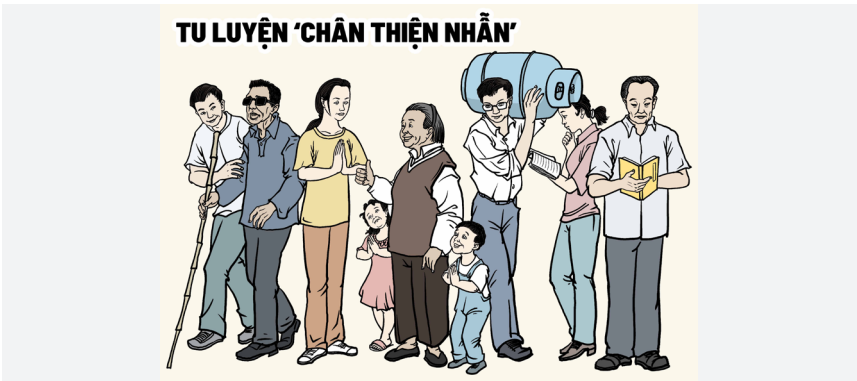
Quốc xã, hơn nữa việc chứa chấp biểu tượng của quốc xã, hoặc sùng bái Hitler cũng đều là vi phạm pháp luật.

Chúng ta lại lấy người Nhật Bản làm một ví dụ. Quân xâm lược Nhật ở Trung Quốc nếu không tính việc giết người, thì nó còn làm nên nhiều đóng góp cho công nghiệp. Đặc biệt là ở ba tỉnh Đông Bắc Trung Quốc nó mở công xưởng, mở công nghiệp khai khoáng, một mạch đến sau khi Trung Cộng đoạt được chính quyền. Khi đó rất nhiều những cơ sở công nghiệp cũ ở đây, đều là cơ sở do người Nhật Bản lưu lại. Ba tỉnh Đông Bắc lúc đó được coi là địa khu có mạng lưới đường sắt phát triển nhất, cũng đều là người Nhật Bản làm. Thậm chí sau vụ thảm sát ở Nam Kinh, ở Trung Quốc, Nhật Bản cũng đã làm rất nhiều hoạt động văn hoá, ví dụ như lễ hội Vu Lan, đến hai bờ sông Tần Hoài ở Nam Kinh xem thử, thì ở đó cũng là thuộc về nơi phồn hoa đô thị, phú quý sung túc, Đại Thượng Hải ấy cũng là nơi có tiệc tùng ca hát mỗi ngày. Như vậy người Trung Quốc nên chẳng phải cảm ơn quân xâm lược Nhật đã cố gắng cho sự phát triển kinh tế Trung Quốc? Cũng cần phải đánh giá cả hai mặt tốt xấu? Chúng ta dường như là không có ai nghĩ như vậy, bởi vì người Nhật Bản gây ra vụ thảm sát lớn ở Nam Kinh, có Đơn vị 731 (chuyên nghiên cứu vũ khí sinh học), có chính sách Tam Quang^[4], hơn nữa cuộc chiến tranh xâm lược này đã gây ra thương vong của 20 triệu quân dân Trung Quốc, bản thân những sự việc này đã đủ để quyết định bản chất cuộc chiến tranh xâm lược rồi.

Cho nên quay trở lại Đảng Cộng sản, sau khi đoạt được chính quyền, Trung Cộng đã gây ra cái chết bất thường của 80 triệu người Trung Quốc, trong đó 40 triệu người là bị nó thảm sát, 40 triệu người là sống lay lắt rồi chết đói, số lượng người bị giết hại này đã vượt quá Phát-xít Đức mười mấy lần, vượt quá người Nhật Bản bốn lần, hơn nữa, Đảng Cộng sản lại bán đi một triệu km² lãnh thổ, cho nên chỉ bản thân hai sự việc này thôi, cũng đủ để xác định bản chất của Đảng Cộng sản [Trung Quốc] rồi.

[4] Trong Chiến tranh Thế giới thứ hai, quân xâm lược Nhật Bản đã thực thi ở Trung Quốc chính sách “đốt hết, giết hết, cướp hết”. Chính sách này được biết đến ở Trung Quốc với tên gọi là Tam Quang.

Từ một mặt khác mà nói, bản thân Trung Cộng khi làm các việc nó cũng thông thường không xem xét cả hai mặt tốt xấu, thông thường nó tuyệt đối hóa sự việc. Ví dụ trong cuộc trấn phản của nó, tại sao không xem xét cả hai mặt tốt xấu với những quan binh vốn là Quốc Dân Đảng? Khi bức hại Lưu Thiếu Kỳ, đã đảo Lâm Bưu, Đặng Tiểu Bình, lúc ấy sao không xem xét cả hai mặt tốt xấu đối với họ đi? Ngày nay khi trấn áp Pháp Luân Công, sao không hề nghe được một câu nói tốt, toàn bộ đều là những lời vu khống Pháp Luân Công? Cho nên từ biểu hiện của Trung Cộng mà nói, cái gọi là xem xét cả hai mặt tốt xấu của nó, trên thực tế chỉ là một loại sách lược mà nó dùng, tức tìm một cái cớ để duy trì sự thống trị của bản thân, để mọi người đối với nó có sự thông cảm ở mức độ nhất định.



Nếu như thực sự muốn “xem xét cả hai mặt tốt xấu”, vậy thì, Trung Cộng cũng nên đối diện với quá khứ, đối diện với sai lầm. Cái “xem xét cả hai mặt tốt xấu” mà Trung Cộng nói kỳ thực chỉ là một cách che mắt. Nó trước hết tung hoả mù, nói sự việc gì đó thì luôn nói có tốt có xấu, khiến người ta cảm giác rất là “khách quan”, sau đó, chuyển chủ đề một cái, “xấu” đã không nói nữa, cuối cùng là nói “tốt”. Cho nên, Trung Cộng không để người ta xét lại quá khứ của Trung Cộng một cách triệt để toàn diện, những việc xấu nó làm là không để người ta nói, nếu nói cũng chỉ có thể chiếu theo giọng điệu và thước đo của nó mà nói,

hậu quả của việc nói như thế ngược lại là đánh bóng cho Trung Cộng hiện nay. Tại Warsaw, thủ tướng Đức Willy Brandt đã quỳ xuống sám hối trước tội ác với người Do Thái, mà người lãnh đạo của Trung Cộng trước giờ vẫn chưa hề sám hối trước nhân dân toàn quốc. Nếu như ở Đức thì phương châm hiện tại là “tuyệt đối không được lãng quên”, mà ở Trung Quốc lại là “tuyệt đối không được nhớ đến”. Nhưng một xã hội mà lãng quên lịch sử thì có thể tự cứu không?

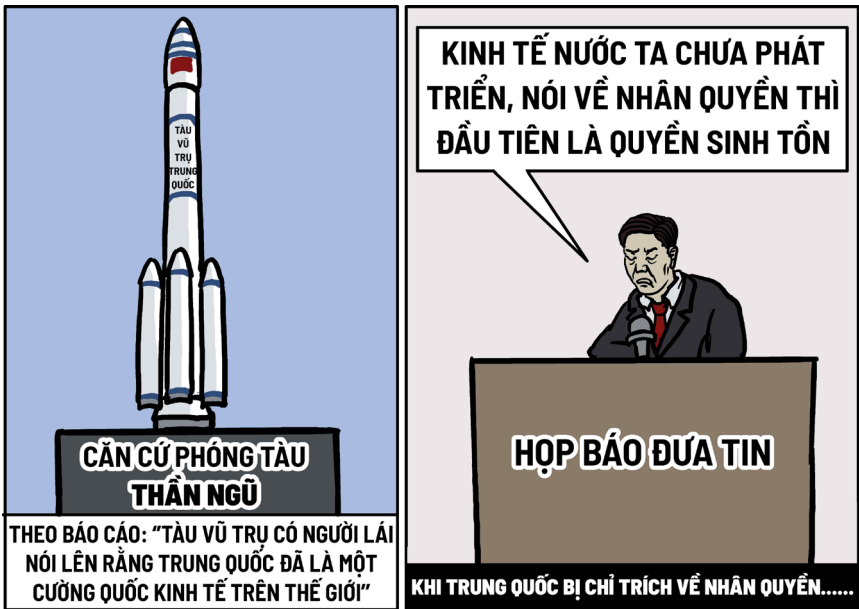
iv.1-6 – “Quyền no ấm cao hơn nhân quyền”

Đối diện với trào lưu dân chủ trên thế giới, việc hành ác về mặt nhân quyền của Trung Cộng đã trở thành một gánh nặng lớn của nó trên thế giới. Vậy nên, nó sử dụng những nhà văn để bày đặt ra một cái oai lý về nhân quyền: “Quyền no ấm cao hơn nhân quyền”, “Anh đến thử hỏi những người nông dân đói kém ở kia xem, bọn họ là cần cơm ăn hay là cần dân chủ tự do?” Rất nhiều người cũng sẽ dùng những lời này của Trung Cộng để bác bỏ các báo cáo của xã hội quốc tế phê bình nhân quyền của Trung Cộng. Trong sách giáo khoa chính trị của Trung Cộng và trong kỳ thi chính trị hàng năm, đều có đáp án tiêu chuẩn đối với vấn đề này. Trong các trường hợp ngoại giao khác nhau, Trung Cộng thường có vẻ tự tin, mang một bộ mặt đảng hoàng. Người ta lặp đi lặp lại khẩu hiệu này, là có nguyên nhân không tách rời đối với tuyên truyền và nhồi nhét của Trung Cộng.

Kỳ thực, đây là một kiểu nguy hiểm logic gây lẫn lộn, nó coi tự do dân chủ thành một khái niệm trừu tượng, mà lấy điều trừu tượng này để tiến hành so sánh với cái cụ thể là “đồ ăn”, thêm vào ám thị trình độ giáo dục của nông dân thấp, sẽ chỉ muốn thứ cụ thể, mà không hiểu được những điều trừu tượng, từ đó đạt được rằng nông dân đều sẽ “muốn cơm ăn”, thế là, liền phủ định sự quan trọng của tự do dân chủ, kết luận chính là “quyền no ấm còn hơn nhân quyền”.

Chúng ta hơi hoán đổi cách nói một chút, cụ thể hoá tự do dân chủ, những người nông dân sẽ không bị lừa trong trò chơi con chữ của Trung Cộng. Gánh

nặng quá lớn, áp lực đến mức nông dân không thể trở mình, ngay cả bản thân Trung Cộng thừa nhận việc miễn giảm gánh nặng cho nông dân là một việc lớn liên quan đến quốc gia. Đối với những người nông dân bụng đói sôi cả lên, nếu như lấy câu chữ trừu tượng “dân chủ nhân quyền” chuyển đổi thành hành vi cụ thể, chúng ta có thể hỏi như thế này: “Nông dân chúng ta bị áp bức đến là khổ, tìm người để phản ánh tình huống của các vị, các vị có muốn hay không?” “Quan chức ức hiếp nông dân, sưu cao thuế nặng nhiều thế, chúng ta bãi bỏ tên bí thư chi bộ xã khốn nạn kia đi, tuyển người chân chính vì chúng ta mà làm thực sự một chút, mọi người có vui lòng hay không?” Đối với đề nghị như thế này, các bác nông dân lẽ nào lại cự tuyệt?



Bụng của người ta đói rồi, nếu mong muốn được giúp đỡ, thì đầu tiên phải phát ra thành tiếng, khiến người ta biết rằng bụng của các vị đói rồi. Chính là nói “quyền ngôn luận” so với “quyền no ấm” còn cấp bách quan trọng hơn.

Nhưng mà, tại sao đối với sự giáo biến đảo lộn trật tự của Trung Cộng, người ta lại có thể vui vẻ chấp nhận, bảo sao nghe vậy? Cho dù người ăn không no không có quyền nói, thì hiện tại chẳng phải có rất nhiều người đã ăn đủ no rồi sao? Tại sao không để người ta nói, hay là cho phép bọn họ thay những người ăn không no để nói xem?

Kỳ thực, “quyền no ấm” đối với Trung Cộng mà nói cũng không quan trọng, điều Trung Cộng muốn chỉ là có để đối phó cho qua với người bên ngoài, và ngăn chặn tự do ngôn luận mà thôi.

Những ví dụ tự thị nhi phi như trên vẫn còn rất nhiều rất nhiều. Sau khi Văn hoá đảng cải tạo tư tưởng của con người, đích xác khiến người ta trao đổi bàn bạc rất khó khăn, một vấn đề giải quyết rồi, lại có vấn đề khác nổi lên. Nếu muốn tránh được việc dùng tư tưởng của đảng để suy xét vấn đề, tránh được việc dùng ngôn ngữ đảng dạy cho để nói, thì một điểm rất quan trọng, chính là phân tách các vai trò ra. Tách bản thân và đảng ra, vượt qua được cái tâm tình về mẹ đảng, đột phá được cái đường giới hạn “không thể rời khỏi đảng”, không dùng Vô Thần luận, Duy vật luận và triết học đấu tranh, triết học thù hận của đảng để làm cơ sở cho tư tưởng của bản thân. Đối với những quan điểm tự thị nhi phi kia, thử xem xem nếu như bạn phụ hoạ với những quan điểm đó, rốt cuộc thì có lợi cho ai, là cổ động đảng làm việc xấu hay là giám sát đảng, ức chế đảng không để nó làm việc xấu. Trung Cộng có thể biện giải cho mình, nhưng mà, những người dân Trung Quốc không thể vào hòa theo. Khi người khác phê bình Trung Cộng, thì không phải là đang mắng chửi người Trung Quốc. Làm mất mặt Trung Cộng không có nghĩa là làm mất mặt nhân dân Trung Quốc. Có thể khiêu chiến với độc tài, vì sự thật mà hiên ngang bước ra, ấy là dũng sĩ thực sự, là sẽ được người đời tôn kính, kiểu tôn kính này là tôn kính đối với nhân dân Trung Quốc.

IV.2 – KHÔNG TIN THẦN KHIẾN NGƯỜI TA LÀM CÁC VIỆC KHÔNG TÍNH ĐẾN HẬU QUẢ, VIỆC XẤU GÌ CŨNG DÁM LÀM

Vô Thần luận là một trong những hạch tâm của Văn hoá đảng. Trung Cộng sở dĩ có thể cải tạo được tư tưởng người ta, chính là ở chỗ mà nó đã cắt đứt được Văn hoá truyền thống của dân tộc, dùng văn hóa ngoại lai là chủ nghĩa Mác-Lê để thay thế văn hoá nữa thần của Trung Quốc trong mấy nghìn năm, từ đó thuyết “Vô Thần” làm chủ Đại lục, kính Trời sợ Thần, thiện ác hữu báo đã biến thành mê tín phong kiến và vô tri ngu muội. Ngay cả từ lịch sử nhân loại mà nói, tín ngưỡng đối với Thần và tôn giáo đã duy trì đạo đức của nhân loại ở mức độ cao. Nếu không còn tin tưởng Thần, thì cũng không còn ước thúc về đạo đức, không có ước thúc về đạo đức, ước thúc về pháp luật cũng chỉ có thể là hữu danh vô thực. Từ đó, vì để đạt được mục đích mà có thể không từ thủ đoạn. Không tin vào việc có kiếp này kiếp sau, không tin vào làm việc xấu sẽ có báo ứng, từ đó, làm việc gì cũng đều không tính đến hậu quả, việc xấu gì cũng dám làm.

iv.2-1 – Coi thường sinh mệnh tùy ý giết người

Từ sau năm 1949, trong những cuộc vận động chính trị như “trấn phản”, “cải cách ruộng đất”, “tam phản”, “ngũ phản”, “chống cánh hữu”, “cách mạng văn hoá”, v.v. hết lần này đến lần khác, đã có hàng chục triệu người chết bất thường. Nhưng trong mỗi cuộc vận động, kẻ khởi tác dụng lại không chỉ là bản thân Trung Cộng. Trung Cộng làm các vận động xưa nay là kích động quần chúng đấu với quần chúng. Rất nhiều người bị hại thường là bị Trung Cộng chụp lên cái mũ nào đó, sau đó những người hàng xóm, thân thích thậm chí người nhà sẽ ập vào, khiến người ấy bị áp bức cho chết, đem người còn sống rành rành ra đánh chết. Một mặt những kẻ đánh người kia bản thân quả đúng là bị Trung

Cộng lừa gạt, nhưng bọn họ có thể làm được ra những việc ác như thế, lại có quan hệ mật thiết với sự tẩy não của Văn hoá đảng. Một xã hội tin tưởng vào Thiên lý, tin tưởng vào nhân luân nhân tính, không thể có chuyện thương thiên hại lý, mất hết nhân tính trên diện tích lớn như thế này.



Nạn đói lớn sau “Đại nhảy vọt”, số người chết ước chừng 40 triệu người, là nạn đói lớn nhất trong lịch sử nhân loại. Nạn đói này đã bị Trung Cộng bóp méo thành “ba năm thiên tai tự nhiên”, trên thực tế ba năm ấy thời tiết thuận lợi, những thiên tai tự nhiên như lũ lụt quy mô lớn, hạn hán, bão, sóng thần, động đất, sương giá, đóng băng, mưa đá, châu chấu cũng không hề phát sinh một lần, hoàn toàn là một trường “nhân hoạ” triệt để. Sự thực là, nếu như khi nạn đói xảy ra, có thể mở kho thóc, có thể tìm biện pháp giải quyết, thì số người chết trong nạn đói này đã không hẳn là cao như thế. Nhưng điều khiến cho người ta kinh hoàng hơn là, đối diện với người dân quê bị đói đến mức chỉ còn lay lắt hơi thở, Trung Cộng lại ra lệnh cho quân nhân cưỡng chế phong toả đường xá, mắt nhìn thấy bọn họ chết một cách rõ ràng như vậy mà cũng không cho phép họ bò ra để tìm lối thoát.

“Đánh – đập – cướp” trong Cách mạng Văn hoá, học sinh không ngờ đã dùng thất lưng để quật chết thầy giáo, con cái dùng gạch đập chết phụ thân.

Còn có người sau khi đánh chết đối phương rồi, còn lấy nội tạng ra để ăn.

Trung Quốc cổ đại giảng “nhân mệnh quan Thiên (*mệnh người có liên quan đến Trời*)”, “cứu một mạng người, hơn xây tháp Phật bảy tầng”. Đối tượng bị chính quyền thanh trừng, vốn dĩ đã đủ đáng thương rồi. Nhưng hiện tại rất nhiều người lại không những thấy chết mà không cứu, còn thêm dầu vào lửa, thậm chí coi giết người làm vui. Chỉ cần Trung Cộng bảo làm gì thì liền làm nấy, cho rằng là cần thiết cho đảng tính, là cần thiết cho chính sách của đảng, hậu quả nào cũng đều có thể không màng. Hậu quả việc Trung Cộng cải tạo tư tưởng đáng sợ cỡ nào, người ta đã có thể thấy được một phần.

Đến tận hôm nay, cái kiểu tư duy Văn hoá đảng coi thường mạng người vẫn không hề theo thời gian mà trôi vào dĩ vãng. Sự bại hoại và bạo chính của Trung Cộng đã sản sinh ra số lượng lớn những đoàn thể bị áp bức trong xã hội. Người giàu người làm quan chức có thể lợi dụng đặc quyền để sống một cuộc sống vung tiền như rác, còn những công nhân bị sa thải lại bởi vì không có tiền chữa bệnh mà tự thiêu chết ở nhà, người mẹ của gia đình bần cùng bởi vì không có cách để trả học phí cho con mà treo cổ tự sát... Nhưng đối diện với cuộc sống khốn khổ của dân chúng ở tầng lớp dưới, rất nhiều người lại không thèm đếm xỉa, không hề quan tâm. Đối với những người dân đáng thương đi phản ánh lên cơ quan cấp trên và yêu cầu giải quyết vấn đề, thì những người được gọi là nhân viên chấp pháp kia lại có thể đánh họ tàn nhẫn, khiến người ta trọng thương tàn phế, chẳng chút mảy may để tâm đến sống chết của người khác. Người gọi là Hà viện sĩ tức Hà Tộ Hưu, có thể đối diện với vô số tai nạn hầm mỏ, mà nói ra câu nói như của lang sói rằng “Ai bảo anh sinh ra ở Trung Quốc?” Thậm chí tướng Chu Thành Hổ của Trung Cộng, còn buông ra câu: có thể hy sinh miền đất từ Tây An trở về phía Đông, không tiếc một nửa nhân khẩu của Trung Quốc để đánh một trận chiến tranh hạt nhân, giống hệt như đúc với giọng điệu của Mao [Trạch Đông] rằng “Trung Quốc mà chết 300 triệu người, thì vẫn còn 300 triệu người”. Chỉ bởi vì không có “giấy tạm trú”, sinh viên đại học là Tôn Chí Cương đã bị bắt nhốt và bị đánh đến chết. Còn trong quá trình bức hại Pháp

Luân Công, quá nhiều các học viên Pháp Luân Công ở Đại lục bị tra tấn tàn khốc thậm chí tra tấn đến chết, đến năm 2006 thậm chí còn bại lộ nạn mở cướp nội tạng sống của các học viên Pháp Luân Công từ năm 2001, quan chức và bác sĩ của Trung Cộng thu lợi khổng lồ từ đó. Mất hết nhân tính như vậy, khiến người ta phải kinh hoàng.



Coi thường sinh mệnh không chỉ biểu hiện ở trong các cuộc vận động chính trị, cũng không chỉ thể hiện ở thái độ của kẻ quyền thế đối với người dân, mà hiện tại trong xã hội giữa người với nhau đều đầy ắp hiện tượng “hiếu dưng đầu ngân” (tham đánh tham giết), tàn sát tùy ý. Hiện tại những người trẻ tuổi động một cái nào là chém, là giết, càng bạo lực thì càng tôn sùng. Những vụ án hung sát với thủ đoạn tàn nhẫn trong trường học xảy ra liên miên. Trong xã hội những vụ giết người cướp của, thuê giết người có thể thấy khắp nơi. Quan chức, kẻ nhiều tiền mượn côn đồ giết người, có lúc ngay cả vợ con bạn bè của mình cũng không ngoại lệ.

Khi đạo đức của con người sa đoạ đến cùng hung cực ác như thế này, thì cái xã hội này chẳng phải đã đến bước cực kỳ nguy hiểm rồi sao.

iv.2-2 – Đấu Trời đấu Đất phá hoại tự nhiên

Mấy chục năm vừa rồi, Văn hoá đảng khiến nhân dân Trung Quốc bị nhào nặn thành một tộc người “vô Pháp vô Thiên”, “Đấu Trời đấu Đất”, từ “đại luyện sắt thép”, “vây hồ tạo ruộng”, “bắt chim sẻ một cách điên cuồng”, “chặt phá bừa bãi” lúc đương sơ cho đến việc trả giá bằng môi trường để đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao như ngày nay, đều là chỉ quan tâm đến trước mắt, không màng đến phúc lợi của con cháu thế hệ sau, gây hủy hoại to lớn đối với tự nhiên. Tổng Cục Bảo vệ Môi trường Quốc gia Trung Quốc tiết lộ, để sản xuất ra sản phẩm có giá trị 10.000 Đô la Mỹ, nguyên liệu mà Trung Quốc tiêu hao lớn gấp bảy lần Nhật Bản, gấp sáu lần nước Mỹ, thậm chí so với Ấn Độ còn gấp hai lần. Nếu như vấn đề môi trường không thể đạt được cải thiện, kỳ tích kinh tế của Trung Quốc sẽ rất nhanh trở thành quá khứ. Ngân hàng Thế giới nói, trên thế giới có 10 thành phố ô nhiễm môi trường nghiêm trọng nhất, thì Trung Quốc đã chiếm tới 6. Diện tích xói mòn đất của toàn quốc chiếm tới 38% đất, 471 huyện của 18 tỉnh (địa khu), đất canh tác và vườn của gần 400 triệu nhân khẩu nằm trong sự uy hiếp của sa mạc hoá, các chuyên gia ước tính, tương lai Trung Quốc sẽ có 150 triệu nhân khẩu trở thành nạn nhân sinh thái. Ngày 26 tháng 08 năm 2006, Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân Trung Quốc trong một báo cáo kiểm tra môi trường, dùng những cụm từ như “nước ô nhiễm cả”, “mưa toàn axit”, “mức độ ô nhiễm nặng nề đến độ tim đập chân run”, “không thể trì hoãn nữa rồi” để hình dung tính nghiêm trọng của ô nhiễm. Kênh 2 của Đài truyền hình Trung ương từng đưa tin, con số GDP mà Trung Quốc mỗi năm sản xuất ra, có 18% GDP là “bội chi” vào môi trường sinh thái và tài nguyên mà ra. Có một bức ảnh chụp trái đất từ vệ tinh, rất nhiều quốc gia là màu xanh đã phục hồi, mà Trung Quốc thì một dải đất vàng. Rất nhiều cư dân mạng đối diện với việc mẹ tổ quốc bị tàn phá như thế này, khi thấy Trung Cộng còn đang hô hào “quật khởi”, bất giác mà “tuyệt vọng hoàn toàn”.



“Một con sông lớn sóng vỗ, gió thổi hương lúa hai bờ...”, đây từng là ca khúc bài tử mà Trung Cộng tuyên truyền chủ nghĩa yêu nước, có khẩu chứng chỉ ra, con sông lớn đẹp đẽ này chính là nói đến con sông lớn thứ ba của Trung Quốc – sông Hoài, gánh vác một phần sáu dân số toàn quốc. Có một câu nói là “đi hết mọi nơi, cũng không đâu bằng bờ sông Hoài”. Nhưng mà, chỉ vồn vện trong mấy chục năm, sự ô nhiễm của sông Hoài đã kinh tâm động phách, khiến cho câu dân ca này chỉ còn là lịch sử. Nước thải của các xí nghiệp công

nghiệp, nguồn nước của nông thôn ô nhiễm và nước thải sinh hoạt của thành phố khiến 60% lưu vực sông Hoài ước chừng kém hơn chất lượng nước loại 5, ô nhiễm do trên mặt đất lan xuống dưới lòng đất, trực tiếp ảnh hưởng cuộc sống của 130 triệu cư dân. Trung Cộng cũng hô hào xử lý nước sông Hoài, nhưng, nếu như nhân tâm không cải biến, thì không có tác dụng. Từ ngày 20 đến 27 tháng 07 năm 2004, sông Hoài bộc phát những khối ô nhiễm lớn nhất trong lịch sử, có những cái như cây nấm màu đen khổng lồ, từ thượng du cuốn xuống, quét qua nghìn dặm của sông Hoài, đám nước ô nhiễm màu đen bao phủ mặt sông kéo dài tới 133 km, tổng lượng vượt quá 500 triệu tấn, cuộn cuộn “sát khí” đổ về hồ Hồng Trạch, thuận thì sống, nghịch thì chết, hắc ám tràn đầy mặt sông, xác tôm cua cá trôi nổi hàng nghìn dặm. “Mười năm xử lý nước ô nhiễm đã trở về ‘điểm xuất phát’, 60 tỷ [nhân dân tệ] chi ra đã đổ sông đổ bể.”

Văn hoá đảng mang đến cho người Trung Quốc tâm thái “không tính đến hậu quả”, biểu hiện ở sự nhiệt tình làm các cuộc vận động lớn, dự án lớn, tốn tiền nhọc dân, không xét đến quy luật tự nhiên. Công trình lớn đến đâu, thì cũng luôn là hầy lên ngựa đã rồi hầy hay, không tính đến hậu quả gì, mang đầy tâm lý biến thái đầu trời đầu đất, thích chuyện lớn hám công to, tới đâu hay tới đó, xuất hiện sự cố gì thì tính là “học phí”, coi tương lai của quốc gia dân tộc như trò đùa con trẻ.

Ở trong những dự án trọng đại như “công trình Tam Hiệp”^[5], “điều nước từ Nam lên Bắc”, người ra quyết sách còn dựa vào chính trị làm căn cứ ra quyết sách. Từ sau sự kiện “Lục tứ”, người dân Trung Quốc chán nản, công trình Tam Hiệp được chọn làm công trình để làm phấn chấn lòng người. Liên quan đến việc nên sửa chữa công trình Tam Hiệp hay không, điều người ta nghe được là tin tức một chiều, ngay cả để cập tới tin tức trái chiều, thì cũng là sớm có đối

[5] Đập Tam Hiệp chặn Trường Giang (sông dài thứ ba trên thế giới) tại Tam Đầu Bình, Nghi Xương, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc. Việc xây dựng bắt đầu vào năm 1994. Đây là đập thủy điện lớn nhất thế giới. Con đập này có 32 tuốc-bin chính, ngoài ra còn có 2 máy phát điện nhỏ hơn (mỗi máy 50 MW) phục vụ cho nhà máy, tổng công suất phát điện của đập là 22,500 MW.

sách “ứng phó”. Khi những chuyên gia phía phản đối phản bác và thảo luận chi tiết hơn thì người dân không được biết vì đó là cấm địa.

Người có chút kiến thức cũng đều biết, nước muốn lưu động thì phải có độ dốc, giữa đầu và cuối khu vực chứa nước cũng phải có chênh lệch, khu bị ngập sẽ ắt phải là một tuyến dốc. Nhưng mà “tổ di dân” của công trình Tam Hiệp vì để phục vụ việc giảm chi phí di dân của đương cục, mà đề xuất ra tuyến di dân [do] ngập nước cho Tam Hiệp lại là bằng phẳng, tức là nếu như mực nước của đập chứa nước cao tới mức dự định là 175m, thì phía đầu kia tuyến ngập nước ở Trùng Khánh cũng là 175m. Nhưng căn cứ theo độ dốc thủy lực 0.7/10000 mà tổ chuyên gia bùn cát của công trình Tam Hiệp tính toán và công bố, thì độ cao mực nước của Trùng Khánh cách đó hơn 600km sẽ không phải như mức 175m đang nói đến, mà là 217m so với mực nước biển, đến lúc ấy chắc phải “chuẩn bị hậu sự” cho Trùng Khánh thôi. Nếu như muốn giữ Trùng Khánh, thì mực nước không thể trữ đến mức 175m, vậy hiệu quả phát điện và phòng lũ như lúc ban đầu cũng sẽ giảm đi đáng kể. Nhiều quan chức tinh minh từ Trung ương đến địa phương như vậy, còn có nhiều nhà khoa học như vậy, đều biết rằng nước sẽ từ chỗ cao chảy xuống chỗ thấp, hậu quả nghiêm trọng như thế này mà không coi ra gì sao?

Còn nữa, giữa mục tiêu và biện pháp thực thi trong công trình Tam Hiệp có rất nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn giữa phòng lũ và phát điện, mâu thuẫn giữa phòng lũ và vận tải, mâu thuẫn giữa phòng lũ và bài [nước] đục tích [nước] trong, mâu thuẫn giữa phát điện, phòng lũ, vận tải và di dân v.v. Đập lớn phòng lũ thì phải duy trì mực nước thấp chuẩn bị tích nước, mực nước giảm xuống thấp lại sẽ phải dẫn đến năng lực phát điện và vận tải xuống thấp.

Ngày 17 tháng 05 năm 2000, giáo sư Trương Quang Đẩu – người tư vấn thi công công trình sau khi phát hiện ra sai lầm rằng khả năng phòng lũ của công trình Tam Hiệp không thể đạt được tiêu chuẩn thiết kế, đã kiến nghị với Chủ nhiệm Văn phòng Ủy ban Xây dựng phương án giải quyết vấn đề này: lập tức hạ thấp mực nước khổng lồ xuống 10m. Nhưng mực nước thấp tất

nhiên ảnh hưởng đến vận tải, đồng thời cũng tất yếu ảnh hưởng tới phát điện, vì vậy ông Trương Quang Đầu chủ trương xây dựng nhà máy nhiệt điện dùng dầu, khí đốt hoặc than để tiến hành điều chỉnh công suất tối đa, Trương nhiều lần cảnh báo: “Nhưng việc này công khai cho xã hội là tuyệt đối không thể.” (*Thăm dò Tam Hiệp’ – Kỳ thứ 27*). Còn nữa, xử lý việc bùn cát ứ tích như thế nào cũng là một trong những nhân tố trọng yếu quyết định thành bại của vùng trữ nước, mà vùng Tam Hiệp dài 200 km là cảng sa thạch tránh gió tốt nhất, khu dự trữ nước Tam Hiệp định chọn dùng phương thức vận hành theo kiểu “khơi trong gạn đục”. Có học giả ở nước ngoài dự đoán rằng “gạn đục” chỉ có hiệu quả ở cự ly rất ngắn trước đập lớn, mà chuyên gia thủy lợi nổi tiếng ở đại học Thanh Hoa – giáo sư Hoàng Vạn Lý đã nói chắc như đinh đóng cột rằng một cục đá cũng không thể trôi theo dòng nước chảy ra được! Năm 1957, giáo sư Hoàng bởi vì phản đối việc xây dựng đập lớn Tam Môn Hiệp trên sông Hoàng Hà, đã bị Mao Trạch Đông đích thân “sờ gáy”, bị coi là cánh hữu. Sau nhiều năm, sự thất bại của đập Tam Môn Hiệp đã chứng minh chủ trương của ông là chính xác. Liên quan đến công trình Tam Hiệp, giáo sư Hoàng đã từng viết ba lá thư, trần thuật lý do “công trình Tam Hiệp vĩnh viễn không thể xây”. Ông chỉ muốn xin người lãnh đạo Trung Cộng cho ông thời gian 30 phút, để nói rõ cho họ vấn đề của công trình Tam Hiệp, thuyết phục họ cải biến quyết sách này. Tuy nhiên, ngay cả đến thời gian 30 phút mà ông cũng không có được.

“Điều nước từ Nam lên Bắc” là một công trình cấp thế giới tiếp sau “công trình Tam Hiệp”, mục tiêu chủ yếu là sẽ lấy nước Trường Giang phân thành các tuyến Đông, Trung, Tây mà điều sang các địa khu thiếu nước nghiêm trọng ở Hoa Bắc và Tây Bắc. Công trình tuyến Đông, tuyến Trung đã khởi công từ cuối năm 2002; công trình tuyến Tây theo kế hoạch đến năm 2010 khởi công. Ban đầu, “công trình Tam Hiệp” vẫn còn có Đại hội Đại biểu toàn quốc bỏ phiếu nặc danh một cách tượng trưng, mà hiện tại người ta ngay cả cái việc thủ tục hình thức kia cũng là việc phải né tránh, những người thiết kế công trình tuyến Tây của “Điều nước từ Nam lên Bắc” còn nói rằng, Trung ương tuyên bố

khởi công tuyến Đông, tuyến Trung, thì ngụ ý là tuyến Tây cũng khởi công rồi. Từ đầu tháng 07 năm 2001 thẩm tra về “Bản thảo công trình tuyến Tây” của Ủy ban chuyên gia Bộ thủy lợi đã được thông qua, đến tháng 03 năm 2005 mới cho các nhà khoa học tự nhiên, chuyên gia kỹ thuật công trình, nhà kinh tế, nhà khoa học nhân văn sống và công tác dài hạn tại khu điều nước, lần đầu thấy được “bộ mặt thật của Lư Sơn” kia, khiến cho những chuyên gia ở tuyến đầu này vô cùng lo lắng. Công trình tuyến Tây cần lấy nước ở đầu nguồn Trường Giang dẫn đến Hoàng Hà, mà Hoàng Hà lại cao hơn Trường Giang 200m, so với công trình Tam Hiệp không biết là còn khó hơn gấp bao nhiêu lần, rủi ro cũng không biết là nhiều hơn gấp bao nhiêu lần. Có chuyên gia cảm thán “công trình tuyến Tây khiến người ta lo lắng, chẳng biết là cứu Hoàng Hà hay là giết Trường Giang, thậm chí cứu không nổi Hoàng Hà mà còn giết chết Trường Giang?” Kêu gọi Trung Cộng “cáo biệt huyệt tưởng cải tạo, chinh phục tự nhiên”. Nhưng mà, lời của bọn họ khi đến chỗ Trung Cộng vốn lấy quyết sách chính trị làm trung tâm kia, liệu có thể truyền được bao xa đây? Tổng công trình sư thiết kế công trình tuyến Tây vốn cực lực ủng hộ công trình được thi công ngay lập tức, trả lời với chất vấn của ngoại giới rằng “thuận theo việc dự án được thực thi, hết thủy đều sẽ dần dần sáng tỏ”. Những người từng bị “đấu Trời đấu Đất” của Trung Cộng tẩy não, khi động thổ trên sông của mẹ dân tộc Trung Hoa, thái độ cố nhiên cũng là “dò đá mà qua sông”.

Lão Tử giảng: “Nhân pháp Địa, Địa pháp Thiên, Thiên pháp Đạo, Đạo pháp Tự nhiên” (người thuận theo Đất, Đất thuận theo Trời, Trời thuận theo Đạo, Đạo thuận theo Tự nhiên), từ trước đến giờ đều không có chuyện bảo con người đi đấu với Đất, phá hoại tự nhiên. Trong quan niệm truyền thống, con người và tự nhiên không phải là đối kháng lẫn nhau, “Thiên Nhân hợp nhất” nghĩa là cần tồn tại hài hòa cùng Tự nhiên. Khái niệm phát triển bền vững của thời hiện đại thực ra cũng không phải là cái gì mới mẻ, từ trước Công nguyên, đã có lý luận bảo vệ tự nhiên và hợp lý sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nó khiến cho Trung Quốc từng có nền nông nghiệp truyền

thống phát triển, là nền tảng cho nền văn hóa truyền thống xán lạn. Vì sao hiện tại lại xuất hiện tình huống là môi trường sinh thái và nhân văn bị phá hoại nghiêm trọng? Chính là vì phương thức làm việc không tính gì đến hậu quả này, đi ngược lại quy luật tự nhiên khiến cho núi xanh không còn, nước xanh ngừng chảy. Đặc biệt là hiện giờ những người dưới sự xui khiến của lợi ích kim tiền, mất đi tâm lý kính úy đối với tự nhiên, thì lại càng to gan làm bừa, cái gì cũng dám làm. Khi tự nhiên phản đòn, thì ai đến cứu với dân tộc của Trung Hoa đây?



IV.2-3 – Thói đời xuống dốc không nói chuyện đạo đức

Đạo đức nghề nghiệp của nhân viên công vụ cho đến các ngành nghề khác cũng đi xuống hàng ngày. Khám bác sĩ phải đưa phong bì, con cái nhập học phải giao phong bì, đi kiện cáo phải đưa phong bì, ký giả viết bài cũng nhận phong bì... Tiền bạc đã làm ô nhiễm hết thầy đạo đức nghề nghiệp vốn có: mô thức vận hành của xã hội chính thường đã bị phá hoại; đạo đức nghề nghiệp của các ngành nghề cũ trở nên bại hoại; đạo đức nghề nghiệp của những ngành

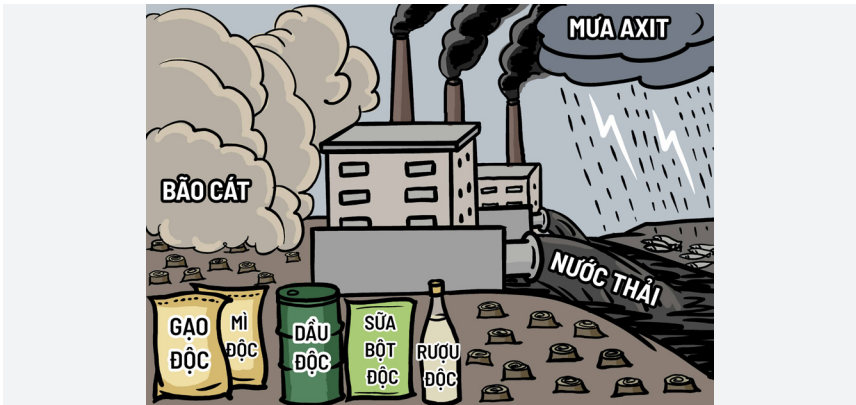
nghề mới cần bản không có môi trường phát triển lành mạnh, vừa ra đời đã bị ô ố bao vây rồi.

Hãy nói về mức độ làm hàng giả, từ thuốc lá giả, rượu giả, dấm-bông giả, cho đến gạo độc, dầu ăn độc, sữa bột độc, cái gì cũng có. Năm 2003, ở Phụ Dương tỉnh An Huy đã phát sinh sự kiện “sữa bột độc” hại chết trẻ sơ sinh. Những trẻ sơ sinh dùng loại sữa bột này trong thời gian dài, đầu to thân nhỏ, thân thể suy nhược, phản ứng chậm chạp, lại kèm theo lở loét da với diện tích lớn, nội tạng trở nên sưng phù. Chỉ riêng ở thành phố Phụ Dương, trẻ sơ sinh mắc hội chứng suy dinh dưỡng đã có 171 em, tử vong do biến chứng có 13 em. Rất nhiều gia đình nông dân [có con em] mắc phải “bệnh đầu to”, vì để chữa bệnh cho con cái, dường như đã tiêu hết toàn bộ tiền tích lũy, có gia đình thậm chí bán cả gia sản. Không ít gia đình do không có năng lực kinh tế, buộc phải từ bỏ điều trị, giường mắt nhìn con mình chết. Năm 2006, Sở lương thực thành phố Bắc Kinh đưa những 2.300 tấn gạo cũ độc hại lưu hành trên thị trường, ở trong bao hàm lượng lớn chất gây ung thư, bao gồm aflatoxin – chất hoá học gây ung thư mạnh nhất mà hiện nay phát hiện. Vậy nhưng thương gia vì lợi ích mà bất kể sống chết của người dân, gạo độc công nhiên tiến nhập vào thị trường lan ra toàn quốc, Hồ Nam, Hồ Bắc, Thượng Hải, Bắc Kinh, Quảng Đông, Liêu Ninh, Tứ Xuyên, Hồ Nam đều xuất hiện nhiều tấn gạo độc. Thậm chí còn có kẻ tệ hơn, lấy gạo độc hại trộn với gạo tốt, khiến người dân không cách nào phân biệt được.

Quá khứ có câu kẻ cướp còn có đạo, trộn giả lừa tiền, cũng chỉ là lừa lấy tiền, thiếu đức thế nào đi nữa cũng không thể hạ độc. Mà người ta hiện nay, trừ thiếu số những người trong tâm vẫn còn tôn trọng truyền thống ước thúc đạo đức ra, đa số người là cảm thấy đạo đức, lương tâm chẳng đáng giá bao nhiêu tiền? Vô Thần luận, duy vật luận của Trung Cộng, không nói chuyện thiên lý, không nói chuyện đạo đức, nó giáo dục ra chính là những người chỉ vì tiền, vì lợi ích cá nhân, chuyện xấu gì cũng đều làm ra được.

Ngày 16 tháng 04 năm 2001, Chu Dung Cơ khi thị sát Học viện Kế toán

Quốc gia Thượng Hải, đã viết một lời giáo huấn cho trường này là: “Không làm sổ sách giả”. Tình cờ sau đó, trong báo cáo “Báo đồ thị Tam Tương” ngày 24 tháng 03 năm 2003, có một số sổ giáo dục nơi đó xuất bản “Tám điều nghiêm cấm” về “ba cái loạn” trong quản lý giáo dục, trong đó “nghiêm cấm quá rối tình dục nữ sinh” là một trong số điều được xếp vào loại thực sự đáng chú ý. Không biết cách giáo huấn và quy định như thế này, là khiến nhân dân yên tâm hay là càng lo lắng hơn.



Khi một xã hội đã xác lập quy tắc của trò chơi, chế độ dân chủ xã hội, thể hệ pháp luật, giám sát của truyền thông và tự do ngôn luận cùng tín ngưỡng tôn giáo đã được kiến lập khá hoàn thiện, đạo đức của dân chúng duy trì ở trình độ nhất định, tâm thái quốc dân khá bình ổn, thì nếu có những thứ loạn bát nháo nữa, nó cũng sẽ ở trong quy tắc; đạo đức và pháp luật về mặt nguyên tắc là có sự ước thúc. Mà [đáng nói là] tại Trung Quốc khi quy tắc chưa được xác lập, thì đã học những thứ loạn bát nháo kia rồi, hơn nữa có khi còn quá hơn, không có ước thúc giới hạn (đến từ) đạo đức, chế độ, tôn giáo, thì có thể tưởng tượng ra nó sẽ mang lại những hậu quả gì.

IV.2-4 – Tình dục tràn lan gây ra khủng hoảng xã hội

Trung Quốc ngày nay, là một thời đại “chê cười kẻ nghèo hèn, không chê cười phường ca kỹ”. Cải cách chính trị của Trung Cộng là cấm địa, ngược lại, “sinh hoạt tình dục” lại trở thành cái được giải phóng triệt để nhất. Quan hệ ngoài hôn nhân, bao bà hai, tình một đêm, trò chơi đối vợ của giai tầng “cổ áo trắng” [6], sống chung trước hôn nhân, kết hôn trên mạng, kết hôn chớp nhoáng, kết hôn kín, cửa hàng bán đồ người lớn, bán dâm, massage kích thích tình dục, biểu diễn tình dục, múa thoát y, biểu diễn có tính khêu gợi trên tiết mục truyền hình điện ảnh, mỹ nữ gợi cảm lẳng lơ nổi bật trên truyền thông báo chí v.v., tại xã hội Trung Quốc nói đến chính trị là dân chúng biến sắc mặt (vì sợ hãi), nhưng mặt khác lại đang thực hiện một cuộc “cách mạng tình dục” chưa từng có. Dữ liệu của bộ công an cho thấy, năm 1984 số lượng gái mại dâm bắt giữ là 6.000, đến năm 1999 lên đến con số 450.000, số người bị điều tra tăng vọt lên, nhưng tỉ lệ bắt giữ là 1% hay là 10%, không có ai biết, nhưng tuyệt đối không vượt quá 10%. Trong “làn sóng vàng [tình dục]” bao quát toàn dân này, không chỉ là một thế hệ người trẻ có ý thức đi trước, mà ngay cả người trung lão niên cũng không chịu kém miếng, dường như là muốn lấy lại quãng thời gian bị “lãng phí” trước kia. Câu danh ngôn trên bộ phim “Điện thoại di động” và của Nguyên Phó tỉnh trưởng tỉnh An Huy – Vương Hoài Trung “điều tra gái mại dâm là phá hoại môi trường đầu tư”, chính là khúc xạ của kiểu hiện tượng xã hội này. Nhớ trước kia “toàn quốc trên dưới một mảnh đỏ”, mà thấy thời nay “toàn quốc trên dưới một mảnh vàng [chỉ tình dục]”.

Bao bà hai, nuôi bồ nhí, hối lộ tình dục, đã trở thành một loại “mốt thời thượng” mà quan chức truy cầu, không chỉ không thấy xấu hổ, ngược lại còn thấy vinh dự. Dữ liệu điều tra cho thấy, trong các tham quan o lại bị điều tra, có 95% có bồ nhí. Vào năm 1999 ở Quảng Châu, Thâm Quyến, Chu Hải công bố

[6] White collar (Anh) hoặc Blanc col (Pháp) – cổ trắng là danh từ dùng chỉ giới công chức, nhân viên có trí thức mặc áo sơ-mi trắng lịch sự. Blue collar (Anh) hoặc Bleu col (Pháp) – cổ xanh là danh từ chỉ giới công nhân, lao động chân tay, thường mặc áo bảo hộ lao động màu xanh dương.

trong số 102 vụ án quan tham ô hối lộ, có 100% có bao nuôi “bà hai”. Nhưng đây vẫn chỉ là phần nổi của tảng băng. Một cá nhân Trương Nhị Giang – Bí thư thành ủy Thiên Môn đã có tới 107 bồ nhí.

Từ chính phủ đến dân chúng, từ nhân vật quyền thế đến người dân phổ thông, đã không còn ước thúc về đạo đức, chỉ cần có điều kiện, thì đều nghĩ làm sao chiếm được “một món lợi” tình dục. Thượng cấp đối với hạ cấp, ông chủ đối với nhân viên, giáo viên đối với học sinh, đạo diễn đối với diễn viên, kẻ mạnh đối với kẻ yếu, xâm phạm về tình dục có thể thấy ở khắp nơi, Thiên lý, nhân luân đều có thể không màng.

Ngay trường học vốn là nơi dạy dỗ con người cũng xuất hiện lập đi lập lại thầy giáo cầm thú. Có học sinh bị cưỡng gian có thai, có học sinh bị cưỡng gian lại bị trở thành bà hai, có thầy giáo cưỡng gian không thành liền giết hại học sinh, có kẻ thậm chí còn hạ thủ với bé gái còn hết sức nhỏ tuổi. Truyền thông trong nước năm 2003 báo cáo, ở huyện Đại Túc tỉnh Trùng Khánh có một thầy giáo tiểu học, từ năm 2002 đến năm 2003, trước sau đã thực hiện cưỡng gian 10 em nữ học sinh vị thành niên do chính mình dạy. Ở huyện Long Tây tỉnh Cam Túc có một thầy giáo dạy thể dục lấy cơ giúp học sinh đi cửa sau vào trong trường, đã cưỡng gian 12 em nữ sinh lớp 9, trong đó có hai em học sinh có thai sau khi bị cưỡng gian. Ở xã Hà Khẩu huyện Cẩm Bình tỉnh Quý Châu một thầy giáo 51 tuổi của trường tiểu học Trung Ngưỡng trong thời gian 1 năm rưỡi đã cưỡng gian 12 em nữ học sinh 42 lần, quấy rối tình dục 16 em nữ học sinh 35 lần, chỉ có 3 em là thoát khỏi nanh vuốt của ông ta. Tháng 06 năm 2004, một thầy giáo ở trường tiểu học ở huyện Lâm Hạ trong thời gian một năm rưỡi trước sau đã cưỡng gian và quấy rối tình dục nhiều lần 9 em học sinh cùng học lớp 3, trong đó em bị số lần nhiều nhất là những 10 lần, mà những đứa trẻ này em lớn nhất chưa đầy 15 tuổi, những em khác đều là từ 9 đến 10 tuổi. Ở một trường tiểu học ở thị trấn Nam Hưng thành phố Lôì Châu thuộc thành phố Trạì Giang, hiệu trưởng Lâm Đàng Bình trong vòng 3 tháng đã gây tội ác 7 lần, tổng cộng cưỡng gian 11 em, đều

là bé gái vị thành niên ở trong trường, em bị hại nhỏ nhất mới chỉ 10 tuổi... Làm ác đến mức điên cuồng táng tận lương tâm, kinh hoàng như vậy, ngày nay đã không còn là chuyện hiếm thấy.

Về vấn đề tình dục, người Trung Quốc từ thời cổ đều cẩn trọng nghiêm túc, coi việc giữ gìn tiết hạnh rất nặng. Chỉ có sau khi kết hôn thì mới có thể ở cùng nhau. Lúc kết hôn phải bái cha mẹ, bái Thiên địa, có Thiên địa Thần minh chứng giám cho hôn nhân của mình. Ngược lại, nếu như có người bị buộc tội tư thông, dâm loạn, thì ấy là một tội lớn. Cưỡng gian lại càng như giết người phóng hoả, tội không thể tha thứ. “Vạn ác dâm vi thủ”, nhưng người Trung Quốc ngày nay, dường như đã hoàn toàn quên mất lời dạy của người xưa. Cục diện như thế này, không thể không nói là có sự liên quan mật thiết với việc Trung Cộng phá hoại giá trị đạo đức truyền thống, tuyên truyền thuyết vô Thần, thuyết duy vật. Trong Văn hoá đảng của Trung Cộng, quyền lực chính là thuyết minh lớn nhất cho đạo đức. Chỉ cần có quyền, chỉ cần có điều kiện, thì có thể mặc sức làm bừa. Từ cái “cộng sản cộng thể” trong những năm đầu của Đảng Cộng sản, cho đến sự dâm loạn của Mao Trạch Đông, rồi đến sự hủ bại truy lạc của quan chức Trung Cộng hiện tại, từ quan lại đến thường dân, hết thầy giá trị truyền thống đều đã bị đảo lộn, hết thầy quan niệm nhân luân gia đình đã bị vứt bỏ rồi. Nhưng lịch sử hết lần này lần khác mách bảo với chúng ta rằng, loạn tình dục thông thường là điểm báo cho sự huỷ diệt của dân tộc. Phát triển tiếp nữa, dân tộc Trung Hoa rốt cuộc kỳ vọng vào một tương lai như thế nào đây?

iv.2-5 – Công nghiệp hoá tình dục, cờ bạc, ma tuý – Quan chức trở thành ô dù bảo hộ

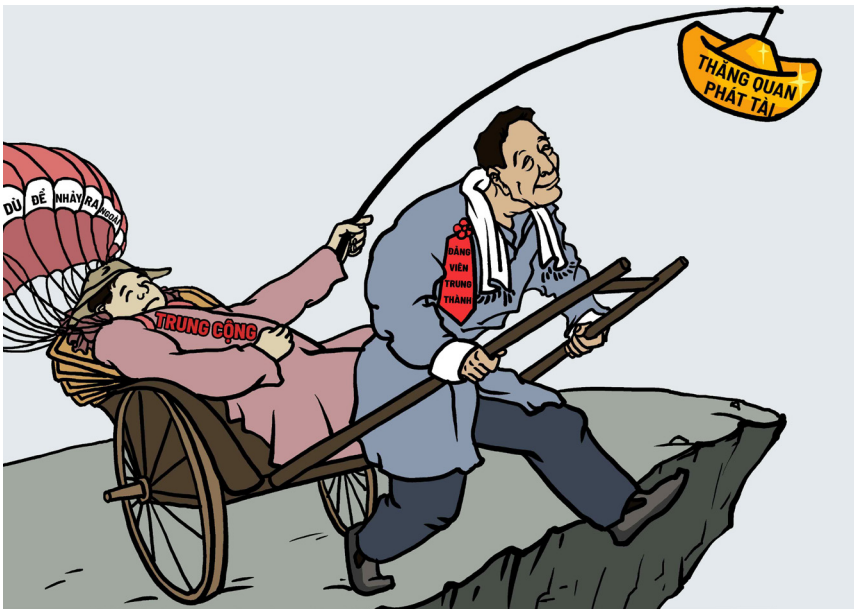
Nghề mại dâm ở Trung Quốc vẫn luôn phi pháp, ngành công nghiệp tình dục ắt phải kết hợp với quân đội cảnh sát mới có thể sinh tồn và phát triển. Có một số công nghiệp tình dục căn bản chính là hợp tác với quân đội cảnh sát mà

làm, có người cũng không che giấu điểm này, bởi vì đây là cái bảo đảm an toàn, ví như nơi chiêu đãi của quân đội hoặc công an lại trở thành nơi ra vào nườm nượp. Lợi ích kinh tế liên quan đến ngành phục vụ tình dục càng ngày càng khổng lồ, kể đến như nhân viên chuyên nghiệp ước chừng có 10 triệu người, chi phí liên quan đến mỗi năm ước chừng 1.000 tỷ nhân dân tệ. Nhờ hành động của cảnh sát năm 2000, nhà kinh tế học Trung Quốc Dương Phàm đã ước tính, chi phí của các công nhân nữ thất nghiệp giảm xuống thấp, GDP của Trung Quốc vì vậy mà giảm thiểu 1%. Nghiên cứu viên bán thời gian Vương Tăng Tiên của Sở nghiên cứu ngành Xổ số công ích Trung Quốc thuộc Đại học Bắc Kinh, trong phần “đánh giá sơ bộ” tại hội nghiên cứu đã nói, mỗi năm sẽ có gần 600 tỷ Nhân dân tệ tiền đánh bạc đổ ra nước ngoài và khu vực Hồng Kông – Macao, thị trường ma túy lên đến 300 tỷ Nhân dân tệ, người hút ma túy vượt quá 10 triệu người. Đội trưởng chi đội chống ma túy Thẩm Dương là Trần Hâm, Nguyên Cục trưởng Phân cục Thẩm Hà là Khúc Nguyệt Phúc và Cục trưởng đương nhiệm Trương Bảo Hoa cùng 100 nhân viên cảnh sát khác làm ô dù bảo hộ cho những kẻ buôn ma túy. Buôn ma túy và cảnh sát câu kết, thành một đường dây buôn ma túy. Ba thị trường lớn tình dục, đánh bạc, ma túy gần như quan hệ tương hỗ mà cùng nhau phát triển, do là những người của ba nghề lớn này cần địa vị và bối cảnh đặc thù, bởi vậy, những nhân viên quan trọng trong quân đội cảnh sát đến chính phủ Trung Quốc đã trở thành kẻ hưởng lợi chủ yếu nhất của ba nghề lớn ấy. Bởi vì nếu không có chính phủ cho đến quân đội cảnh sát làm chỗ chống lưng thì ba nghề lớn này ở Trung Quốc cất một bước đi cũng khó. Quan chức tham gia vào tình dục, đánh bạc, ma túy, trên thế nào dưới như thế, khiến cho người Trung Quốc đã coi hút ma túy, buôn ma túy, đánh bạc, mại dâm chơi gái như chuyện thường, thậm chí đích thân tham dự, không cảm thấy bản thân đang làm chuyện xấu.

Khi cảm thụ cuộc sống hiện đại do kinh tế phát triển mang đến, người ta thấy đau lòng nhất chính là sau khi đạo đức xã hội trượt dốc đã đem đến một loạt các vấn đề xã hội. Có người hình dung “đức dục, trí dục, thể dục” trong

sách giáo khoa trước kia mà Đảng Cộng sản đã tuyên truyền ngày nay đã phát triển toàn diện, đã sớm biến thành “quyền dục, tiền dục, tình dục” đã khởi lên toàn diện trong thực tiễn xã hội, được mệnh danh là “tiến sĩ ba chơi (chơi quyền, chơi tiền, chơi phụ nữ)”. Hàng giả thịnh hành, sắc tình tràn lan, xã hội đen phát triển sôi động, quan lại thương nhân câu kết, cảnh sát và kẻ cướp cùng một hội, mà khó khăn của người dân thì không có ai quan tâm, sự công chính xã hội càng không được phát triển. Trong xã hội như thế này, không có đạo đức ước thúc ở bên trong, không có dư luận ước thúc từ bên ngoài, không có pháp luật ước thúc từ bên ngoài, mỗi cá nhân đều là người bị hại.

IV.3 – KHÔNG SỢ TRỜI KHÔNG SỢ ĐẤT, MỞ MIỆNG LÀ NÓI DỐI, MIỆNG ĐẦY LỜI DƠ BẨN, HÀNH VI THẤP KÉM



TRUNG QUỐC VỐN NỔI TIẾNG THẾ GIỚI LÀ “LỄ NGHI CHI BANG” (*mạnh đất lễ nghi*). Kính Trời tin Thần, tin vào thiện ác hữu báo là truyền thống mấy nghìn năm của người Trung Quốc, cho dù cả những người không có tín ngưỡng rõ ràng, cũng tin vào sự tồn tại của “ông Trời”. Theo truyền thống thì người Trung Quốc tuân theo lời dạy của Thần Phật, Thánh hiền mà nỗ lực hoàn thiện nhân cách của mình. Thái độ của người ta đối với Thiên, Địa, Nhân là cung kính, khiêm tốn, cả xã hội thông qua lễ nghi mà quy phạm.

Nhưng điều mà Đảng Cộng sản cổ xúy là “không sợ Trời không sợ Đất”. Chỉ có cải tạo con người thành không sợ gì cả, thì việc Trung Cộng lợi dụng để đoạt quyền, làm vận động mới thuận tiện. Nếu như người với người có cái lễ, đối với vật có quý tiếc, đối với Trời đất Thần linh có sự kính sợ, người như vậy sẽ không coi việc “nghe lời đảng” là ở vị trí số một. Cho nên trong quá trình xây dựng văn hóa đảng, thuyết vô thần mà Trung Cộng nhồi nhét có thể khiến người Trung Quốc rời xa sự kính sợ của tổ tiên Hoa Hạ đối với Trời đất Thần linh và sự quan tâm đến kết cục của sinh mệnh; tư tưởng đấu tranh của nó lại khiến người Trung Quốc cũng không tin vào lời dạy xưa rằng “Bích lập thiên nhân, vô dục tắc cương, hải nạp bách xuyên, hữu dung nãi đại” (*Vách đứng nghìn trượng, vô dục tất mạnh mẽ, biển nạp trăm sông, bao dung nên to lớn*), cũng không tin vào lời dạy “Kỷ sở bất dục, vật thi vu nhân” (*Điều ta không muốn, chớ làm cho người*); chủ nghĩa duy vật của nó lại khiến người Trung Quốc triệt để vứt bỏ cái “Đạo” để thăng hoa về nhân cách, siêu việt về tâm linh mà tổ tiên vẫn luôn tìm kiếm bấy lâu nay, coi sự “từ bi” đến từ phương Đông và “bác ái” đến từ phương Tây thành “thuốc phiện tinh thần làm mê muội nhân dân” và “tấm màn che sự giả tạo”. Trong ngôn ngữ của người ta đầy những lời hùng hổ hăm dọa “người nếu phạm ta, ta ắt phạm người”, đầy những sự cưỡng ngạo “đấu Trời đấu Đất”, cử chỉ thô tục, miệng đầy lời đối trá và dơ bẩn, vậy mà họ lại không cho là hổ thẹn, còn tưởng là vinh quang.

iv.3-1 – Mở miệng liền nói dối

Trên thế giới nói chung, quốc gia nào cũng đều có người nói dối, thế nhưng, cơ chế xã hội của rất nhiều quốc gia là lấy thành tín làm cơ sở, trọng chữ tín là vốn liếng về mặt xã hội để một người có thể đặt chỗ đứng lâu dài. Tuy nhiên dưới sự thống trị của Trung Cộng, dối trá trở thành “cái gốc lập quốc” của xã hội Trung Cộng, toàn xã hội dựa vào nói dối để chống đỡ, nói dối trở thành kỹ năng cơ bản để sinh tồn của người ta trong xã hội.



Lịch sử của Trung Cộng chính là một bộ sử dối trá, nói dối là trụ cột để duy trì sự thống trị của Đảng Cộng sản. Bất kể là công khai, hay lén lút, bất kể là dối nội, hay dối ngoại, bất kể là chuyện lớn, hay là chuyện nhỏ, khắp nơi đều đầy rẫy lời nói dối. Trong sự đấu tranh chính trị, trong những tấm gương của Trung Cộng, người ta cũng đã học cách nói dối. Vì để phù hợp với yêu cầu của đảng, tránh khỏi việc bị trở thành đối tượng bị tấn công khi vận động [chính trị], người ta phải hòa theo đảng mà nói dối, theo đó hô hào “vượt qua Anh đuổi kịp Mỹ”, “một mẫu cho sản lượng vạn cân”, “một hình thể tốt đẹp”. Ở Trung Quốc Đại lục có lưu truyền một bài thơ châm biếm như thế này: “Thôn

lừa xā, xā lừa huyện, hạ cấp lừa thượng cấp, tỉnh trưởng lừa trung ương, từng cấp từng cấp lừa lên trên, lừa một mạch cho đến tận Chính phủ.” Cứ nói mãi như thế, người ta nghe quen đến mức trở thành tự nhiên, như thể nói dối là việc hợp với lẽ Trời, toàn thế giới và xã hội đều vận hành như thế.

Bộ phim “Điện thoại di động” đã phản ánh một khía cạnh của hiện tượng xã hội cứ mở miệng là nói dối: Bởi vì đã có tình nhân, cho nên phải dày công biên tạo lời nói dối để lừa người khác, gia đình đã trở thành chiến trường lừa gạt và bóc mẽ. Không chỉ vậy, rất nhiều lời nói dối kinh điển được diễn xuất trong phim đã trở thành lời quen dùng trong sinh hoạt. Toàn xã hội tồn tại chứng sợ điện thoại di động, không phải là sợ bản thân điện thoại, mà là bởi vì điện thoại di động dễ dàng vạch trần lời nói dối. Đạo diễn của bộ phim có câu: “Có rất nhiều lúc nói dối nâng đỡ cho cuộc sống của chúng ta.”

Trong quan niệm truyền thống, Đạo gia giảng làm người “Chân”, Phật gia giảng người xuất gia không được nói dối, Nho gia giảng Tín, đều cho rằng nói dối là không đúng. Khổng Tử coi “Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín” là Ngũ thường. Trong đó thành tín giữa người với người, là một trong những mỹ đức quan trọng nhất của con người. Cho nên Khổng Tử cũng nói: “Người mà không có Tín, chẳng làm chi nên việc”, có nghĩa là nếu như con người không có tín nhiệm, thì chẳng biết họ còn có thể làm được gì.

Đạo lý cai trị quốc gia chẳng phải cũng như vậy sao. Học trò của Khổng Tử là Tử Cống từng hỏi thầy về biện pháp trị quốc. Khổng Tử nói: “Một là khiến người dân đủ ăn đủ mặc; hai là quốc gia sở hữu quân đội lớn mạnh; ba là có được lòng tin của thân dân.” Tử Cống hỏi: “Nếu như bắt đắc dĩ phải bỏ đi một điều, thì nên bỏ đi điều gì trước?” Khổng Tử nói: “Bỏ đi quân đội.” Tử Cống lại hỏi: “Nếu như bỏ đi một điều nữa thì thế nào?” Khổng Tử đáp: “Bỏ đi ăn mặc, thà không đủ ăn, cũng phải giữ vững được lòng tin. Nếu như không có được lòng tin của thân dân, quốc gia sớm muộn cũng sẽ diệt vong.”

Bởi vì thuyết duy vật nhấn mạnh vật chất là đệ nhất tính, nên người ta suy xét vấn đề đều là xuất phát từ lợi ích vật chất. Sau khi quan niệm truyền thống

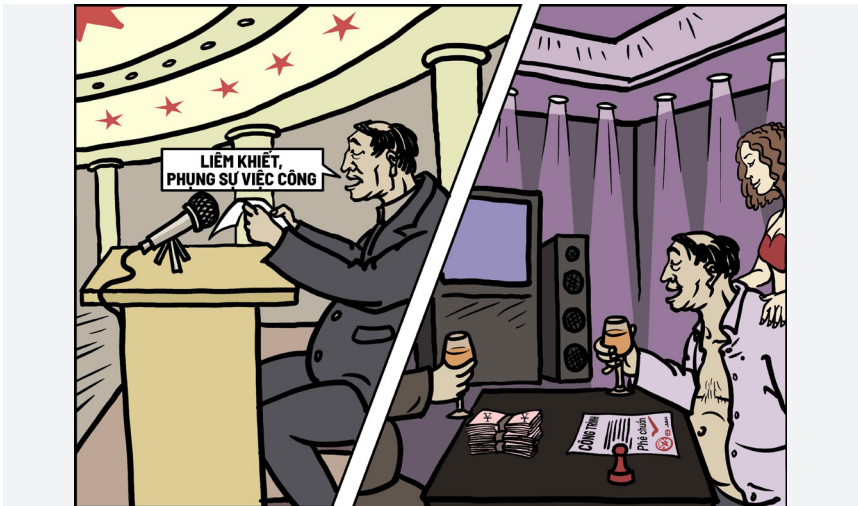
bị phê phán phủ định, người Trung Quốc không có bất kể sự kiêng kỵ nào đối với nói dối, cũng chẳng còn ước thúc nào từ đạo đức nữa. Cả thể hệ văn hóa đảng lại là cổ vũ nói dối, người ta nói dối chẳng có bất kể cảm giác tội lỗi gì. Nói dối đã biến thành một loại hành vi bản năng mà không có bất kể lý do gì. Chỉ cần có lợi với mình thì bất chấp tất cả, không sợ Trời không sợ Đất, vì vậy chuyện dùng nói dối để đạt được lợi ích của bản thân đã trở thành hiện tượng phổ biến, không chỉ mở miệng là nói dối, hơn nữa trong khi nói dối đã tính đến tiếp theo sẽ nói thế nào làm thế nào để che đậy lời nói dối đó.

Còn có người quy kết hiện tượng xã hội “nói dối, không coi trọng thành tín”, thành bản tính thị trường chỉ biết có lợi vốn là đặc sản của “giai cấp tư sản” phương Tây. Song kinh tế thị trường ở các nước phát triển phương Tây đã có lịch sử mấy trăm năm rồi, mà những nước này cũng không hề bởi vì thực hành kinh tế thị trường mà trở thành xã hội dối trá. Hoàn toàn ngược lại, các nước phương Tây hết sức chú trọng thành tín, thành tín là phẩm chất cá nhân không thể thiếu và tài phú quan trọng nhất của đời người. Ở phương Tây, thành tín đã trở thành chuẩn tắc cơ bản nhất trong giao lưu kinh tế, cũng là mục tiêu theo đuổi của công ty. Khi phát sinh xung đột giữa lợi ích và tín nghĩa, người ta sẽ lựa chọn tín nghĩa, bởi vì chỉ có tín nghĩa mới có thể mang lại lợi ích được lâu dài, nhất thời lừa gạt sẽ thu được lợi ích ngắn hạn, nhưng cuối cùng sẽ trở thành trở ngại cho sự phát triển của công ty. Ở các nước phương Tây, ai không coi trọng thành tín, qua thời gian sẽ khó mà cất bước.

Việc văn hóa đảng khiến con người nói dối còn biểu hiện ở trong hai hệ thống lời nói, chính là một bộ ở trên đài, một bộ ở dưới đài. “Thi hành lấy đức trị quốc, ... triển khai sâu rộng đấu tranh phân hủ bại.” (Trích lời Bí thư tỉnh ủy Quý Châu Lưu Phương Nhân, nhận hối lộ 6,6 triệu NDT, tù chung thân), “Tâm nguyện lớn nhất của tôi là trong vòng 5 năm tới giải quyết được vấn đề bản cùng của 160 vạn nhân khẩu mà chưa giải quyết được.” (Trích lời Tỉnh trưởng tỉnh Vân Nam Lý Gia Đình, nhận hối lộ 18 triệu tệ, tử hình hoãn thi hành), “Nghĩ tới việc Quảng Tây còn có 7 triệu người chưa thoát nghèo, tôi làm

chủ tịch đây cũng cảm thấy ngủ không ngon.” (Trích lời Phó ủy viên trưởng Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc Thành Khắc Kiệt, nhận hối lộ 20 triệu tệ, tử hình), “Công tác chống hủ bại thúc đẩy liêm khiết một khắc cũng không thể buông lỏng, luôn luôn giữ đầu não thanh tịnh, cờ xí tươi sáng, thái độ kiên quyết.” (Trích lời Bí thư thị ủy Thượng Hải, Ủy viên Bộ chính trị Trần Lương Vũ, liên quan đến vụ án Quý bảo trợ xã hội 1 tỷ NDT, bị cách chức điều tra)... Cũng vậy, dân chúng phổ thông cũng tồn tại hai bộ mặt, hai hệ thống lời nói. Khi biểu đạt thái độ chính trị, viết báo cáo học tập chính trị thì sử dụng một bộ ngôn ngữ chính trị lạnh ngắt, còn trong cuộc sống thì sử dụng một bộ ngôn ngữ khá nhân tính hóa.

Người người mở miệng là nói dối, vừa là vì để thích ứng với môi trường chính trị của Trung Cộng, đồng thời, cũng đã biến thành tập quán tư duy của người ta, nói dối đã tạo thành khủng hoảng về thành tín trong xã hội, người dân cuối cùng không thể không nuốt quả đắng sa đọa về đạo đức xã hội. Một xã hội hủ bại toàn diện, giả dối toàn diện, bản thân người ta đều nói “Pháp bất trách chúng” (*luật pháp không phạt đám đông*), ai cũng không biết nên thu thập mớ bong bóng mà Trung Cộng tạo ra này như thế nào.



iv.3-2 – Văn hóa đảng dạy người ta học lời nói dơ bẩn lưu manh

Trừ việc nói dối ra, miệng đầy lời nói dơ bẩn cũng là một nét đặc sắc trong văn hóa đảng. Quan niệm truyền thống đo lường tốt xấu thì xét ở phẩm chất đạo đức, mà chủ nghĩa duy vật lịch sử của Trung Cộng là dựa vào tiêu chuẩn “cách mạng” và “giai cấp” để phân người tốt và người xấu, một cước đá đập truyền thống lễ nghi của Trung Hoa xuống đất.

Công xã Paris là chính quyền chuyên chính của giai cấp vô sản đầu tiên trong lịch sử thế giới, có thể nói là tổ tông của Đảng Cộng sản. Những người xã viên công xã Paris tự xưng là vô sản lưu manh theo lịch sử ghi lại là lưu manh chính cống, năm đó những người chưa được giáo dục này, những kẻ du côn lưu manh của xã hội dựa vào bắt gà trộm chó sống qua ngày đã lấy danh nghĩa chủ nghĩa cộng sản để cướp sạch thành phố Paris. Lấy cảm hứng từ khởi nghĩa lưu manh công xã Paris và được cộng sản Liên Xô bồi dưỡng, Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng dựa vào những kẻ vô sản lưu manh mà lập nghiệp. Trung Cộng cho rằng “lưu manh cặn bã là tầng lớp vứt đi của xã hội, nhưng trong cách mạng nông thôn, thì họ là dũng cảm nhất, triệt để nhất, kiên quyết nhất”. Trong “Phân tích các giai cấp xã hội Trung Quốc” Mao Trạch Đông cũng không dè dặt về tác dụng cách mạng của du côn vô lại mà còn lớn tiếng hô lên vô lại [làm] vận động “rất là tốt”. Trong “Bài giảng các vấn đề liên quan đến triết học” ngày 18/08/1964, Mao còn nói: “Nào là Đại học Bắc Kinh, Đại học Nhân dân! Hay là cái đại học nào đi nữa, ta chính là đại học Lục Lâm^[7], ở đó mà học được một chút.”

Trung Quốc cổ đại cũng có ví dụ về lưu manh đắc được thiên hạ, thời

[7] Lục Lâm, bắt nguồn từ khởi nghĩa Lục Lâm thời nhà Tần chống lại sự cai trị của Vương Mãng. Danh từ riêng Lục Lâm sau này trở thành danh từ chung “lục lâm”, chỉ các lực lượng thảo khấu (giặc cướp) chống đối chính quyền.

trẻ Lưu Bang ở huyện Bái làm đình trưởng, nổi danh nhờ háo sắc ham rượu. Nhưng sau khi ông ta đoạt được chính quyền, cũng hiểu được đạo lý rằng được thiên hạ trên lưng ngựa, nhưng không thể trị thiên hạ trên lưng ngựa được. Ông ta ra lệnh cho một nhà nho là Thúc Tồn Thông thông tri cho môn đồ của mình lại một chỗ, chế định ra triều nghi (nghi lễ triều đình), dùng tư tưởng Đạo gia, dựa vào đạo đức nhân nghĩa, thanh tịnh vô vi để lệnh cho thiên hạ tu dưỡng sinh sống. Lưu manh thời cổ cũng biết được duy trì chính quyền phải dùng văn hóa chính thống chứ không thể dùng thủ đoạn lưu manh.

Nhưng sau khi nắm quyền, Trung Cộng lại tiếp tục dựa vào thủ đoạn lưu manh để thống trị quốc gia. Trong thể hệ văn hóa đảng, khắp nơi đây những giọng điệu cường đạo ác bá lưu manh, đọc sách biết đạo lý thì là kẻ theo “phong kiến, tư bản, chủ nghĩa xét lại”, phần tử tri thức là “xú lão cừ” [8], còn những kẻ thô bỉ hạ lưu trở thành [nhóm người] mang “tinh thần cách mạng” nhất. Công nhân tay đẩy chai sạm là tâm ‘hồng’ nhất [cách mạng nhất], nông dân chân dính phân bò là thơm nhất. “Mặc dù tay của bọn họ là đen, dưới chân có phân bò, nhưng so với phần tử tri thức giai cấp tiểu tư sản thì vẫn



Tháng 10 năm 1927, Bành Phái lãnh đạo những kẻ vô sản lưu manh ở huyện Hải Phong tỉnh Quảng Đông làm bạo loạn vũ trang, thành lập chính quyền Xô-viết nông thôn đầu tiên

[8] “Xú lão cừ” (臭老九): chín loại thối tha. Tương tự như “Ngũ hắc loại (黑五类)” (gồm địa chủ, phú nông, chống cách mạng, phần tử có ảnh hưởng xấu, tư sản), Xú lão cừ mà Mao Trạch Đông đưa ra trong Cách mạng Văn hóa ngoài năm thành phần giống như trong “Ngũ hắc loại” còn có thêm bốn thành phần nữa là: người hoạt động trong cánh hữu, kẻ phản bội, gián điệp và trí thức.

còn sạch sẽ chán.” Nếu anh cảm thấy phân bổ thối, vậy thì cho thấy rằng cảm tình giai cấp của anh có vấn đề, cho nên dường như tất cả phần tử tri thức đều phải nói rằng phân bổ là thối, càng nghĩ càng thối. Trải qua mấy chục năm Trung Cộng tuyên dương ca tụng, văn hóa thô bỉ lưu manh đã ngấm dần vào cuộc sống hàng ngày, đã cải tạo tập tính sinh hoạt của người ta, khiến người ta biến thành miệng đẩy lời dơ bẩn, hành vi thấp kém. Tại các diễn đàn trên Internet, có thể nói các hội thoại đầy những lời dơ bẩn và chửi thề là một nét đặc sắc của các trang web tiếng Trung. Vốn dĩ có thể bình tâm tĩnh khí mà thảo luận, lại biến thành nơi mà người nào cũng dùng các loại ngôn ngữ cay độc hạ lưu để tiến hành chửi rửa và giở thói ngang ngược công kích người khác. Dưới sự lừa dối của thù hận và “chủ nghĩa ái quốc” nhỏ hẹp do Văn hóa đảng nhồi nhét, các chủ đề như dân chủ, nhân quyền, eo biển Đài Loan, Pháp Luân Công, tôn giáo tín ngưỡng, quan hệ ngoại giao v.v. đều có thể trở thành những vật hi sinh bị phí báng chửi rửa.



Từ ngôn ngữ lưu manh của người lãnh đạo cao nhất, như là “tọt quần”, “cắt đuôi”, “đánh rắm” được viết vào sách giáo khoa, cho đến việc cố vũ hành vi và ngôn ngữ lưu manh trong vận động toàn dân cách mạng văn hóa, và đến việc sau thập niên 80

coi tác phẩm điện ảnh về trùm lưu manh kiểu như “Bến Thượng Hải” là tấm gương làm mẫu, lưu manh lại có thể công khai trở thành đối tượng để mọi người nhìn vào và bắt chước.

Trong xã hội hiện nay, tín ngưỡng thiếu vắng, lý tưởng bị diệt mất, quyền lực, kim tiền trở thành mục tiêu theo đuổi và là điều hưng phấn duy nhất.

Người ta chịu ảnh hưởng của học thuyết tiến hóa, kẻ mạnh tranh giành ức hiếp người khác, cho rằng thành công phải cần đến “khí chất thổ phỉ”. Một người thường không có quyền lực đánh người một cách tùy tiện, nên chửi lời dơ bẩn thì có thể khiến kẻ yếu nể sợ, có tác dụng khiến cho bản thân có vẻ to gan: “Ta là lưu manh ta còn sợ gì ai?” Đúng là phác họa một cách chân thực cái tâm thái không sợ Trời không sợ Đất đằng sau những lời nói dơ bẩn.

iv.3-3 – Văn hóa đẳng khiến cử chỉ hành vi của con người thấp kém

Nếu như bạn trực tiếp nói với một vị là người Trung Quốc đương đại, rằng hành vi của anh thấp kém, rất có khả năng là trong 10 người thì có đến 9 người sẽ cảm thấy rằng bạn có vấn đề, rằng hành vi của mình hết sức bình thường, thấp kém ở chỗ nào?

Tháng 09 năm 2006, trang web chính thức Cục Du lịch quốc gia Trung Quốc đã công bố những hành vi không văn minh phổ biến của du khách Đại lục khi du lịch trong và ngoài nước do công chúng phản ánh.

Những hành vi không văn minh thường thấy của công dân Trung Quốc khi ra nước ngoài bao gồm:

- 1– Tùy tiện vứt rác, vứt đồ; ở đâu cũng có thể nhổ đờm, hỉ mũi, nhổ kẹo cao su, đi vệ sinh không xả nước, không chú ý vệ sinh để lại vết bẩn;
- 2– Không đếm xỉa đến biển cấm hút thuốc, muốn hút thì liền hút, gây ô nhiễm không gian công cộng, gây hại cho sức khỏe của người khác;
- 3– Khi tham gia phương tiện giao thông công cộng thì tranh cướp xô đẩy, khi mua sắm, tham quan thì chen lấn gây tắc, khi xếp hàng đợi thì vượt qua vạch kẻ vàng;
- 4– Ở những nơi công cộng như trên xe, thuyền, máy bay, nhà ăn,

- khách sạn, đi du lịch thì lớn tiếng nghe gọi điện thoại, hô hoán bạn bè, sai quyền hành lệnh, tụ tập gây ồn ào;
- 5— Ở những nơi tôn giáo như giáo đường, chùa chiền thì vui đùa, cười đùa, không tôn trọng phong tục của cư dân địa phương;
 - 6— Ở nơi đông người thì tháo tất cởi giày, cởi trần phanh ngực, xắn quần đến đầu gối trở lên, ngồi bắt chéo chân này lên chân kia, sau khi cơm no rượu say thì xỉa răng không che miệng, đi ra ngoài mặc áo ngủ hoặc quần áo không chỉnh tề, khó coi.
 - 7— Nói lời dơ bẩn liên thiên, cử chỉ thô lỗ hách dịch, khi gặp phải tranh chấp hay chuyện không vừa ý thì phát tiết, ngôn ngữ cay độc nói thẳng vào mặt, thiếu hụt tu dưỡng xã giao cơ bản;
 - 8— Ở cửa hàng không giảm giá thì vẫn cứ mặc cả, ép buộc lôi kéo người nước ngoài chụp ảnh giúp, chụp ảnh cùng;
 - 9— Đi lại ở tụ điểm mại dâm, tham gia hoạt động đánh bạc;
 - 10— Không tiêu thụ nhưng lại chiếm cứ khu vực tiêu thụ trong thời gian dài, khi ăn tiệc đứng thì lãng phí, khi rời khỏi nhà khách hoặc khách sạn thì lấy đi những thứ không phải tặng phẩm, sau khi hưởng thụ phục vụ thì không trả tiền tip, tham chiếm những cái lợi nhỏ.

Ở trong nước [Trung Quốc] thường gặp những hành vi không văn minh, tương tự với 10 điều nêu trên, nhưng có nhiều nội dung hơn chút. Ví như, khắc vẽ bừa bãi lên văn vật của cảnh quan, thiết bị phục vụ, giẫm lên nơi cấm đi lại (như thảm cỏ trong công viên), trèo lên bẻ ngắt hoa và cây cối; không nghe theo quy định mà cho ăn, ném đánh động vật, gây nguy hại cho an toàn của động vật. Một người khách du lịch bình thường được coi là có chút tiền, địa vị xã hội và được giáo dục trình độ cũng khá cao, mà còn như vậy, thì một người sinh sống trong xã hội Trung Quốc bình thường sẽ càng không thể nằm ngoài những hành vi thấp kém này.

Người ở những nơi khác trên thế giới cũng như vậy chăng? Kỳ thực không

hắn. Câu nói “Làm ơn giữ yên lặng” ở nhà thờ Đức Bà Paris [viết bằng tiếng Trung] chỉ để cho người Trung Quốc đọc, những người Trung Quốc đi qua nhà thờ Đức Bà Paris đều sẽ thấy được bảng thông báo bằng tiếng Trung này. Ở Paris, những chỗ có tiếng Trung ở nơi công cộng cũng không nhiều, mà du khách các quốc gia khác bao gồm du khách nước Pháp lại không hề được “đôi đái đặc biệt” như vậy. Trong toilet của Hoàng cung Thái Lan có bảng ghi tiếng Trung bắt mắt, “Làm ơn xả nước sau khi vệ sinh”. Thùng rác ở Trần Châu cảng ở Mỹ đều có biển bằng tiếng Trung, “Thùng rác tại đây”. Kiểu bảng thông báo chỉ viết bằng tiếng Trung giản thể này, cũng có ở những điểm đến chủ yếu của du khách người Trung Quốc tại nước ngoài – Các nước như Pháp, Đức, Nhật Bản, Thái Lan, Singapore đều xuất hiện thường xuyên.

Người Trung Quốc trước kia có như vậy chăng? Trung Quốc được coi là “lễ nghi chi bang” đã có mấy nghìn năm lịch sử. Trong Lục nghệ^[9] truyền thống “Lễ Nhạc Xạ Ngự Thư Số” của Trung Quốc, chữ “Lễ” đứng đầu, đã đủ để nói lên rằng người Trung Quốc coi trọng truyền thống lễ nghi. Trong “Luận Ngữ” có một câu chuyện cổ, Khổng Tử cảnh cáo con trai Khổng Lý rằng: “Bất học lễ, vô dĩ lập.” Ý nghĩa là, nếu như không học lễ, thì không có cách nào để lập chỗ đứng. Trong cuốn “Tam tự kinh” từng được biết đến rộng rãi có chỉ ra, làm con cái, từ bé đến khi lớn lên, phải nên thành thực các loại lễ tiết trong các trường hợp khác nhau, học tập những việc lễ tiết nghi văn. Trong lịch sử, một số “gia huấn”, “học quy” nổi tiếng đều có một lượng lớn quy phạm lễ nghĩa liên quan đến các phương diện như ăn, mặc, ở, đi lại, đối nhân xử thế hàng ngày. Giao lưu giữa người và người, xưng hô đối phương thế nào, hai người nói chuyện với nhau thì đứng như thế nào, đón tiếp thế nào, v.v. đều có quy định về lễ. Ngay cả là ăn cơm, cũng nên thể hiện ra tu dưỡng của bản thân trong từng cử chỉ chân tay, gọi là ‘thực lễ’. Hành vi hợp với lễ, là có biểu hiện của tu dưỡng, ngược lại ắt không thể bước đến nơi thanh nhã. Có thể nói, khi đó chủ lưu của

[9] Lục nghệ: Lễ (nghi lễ), Nhạc (âm nhạc), Xạ (bắn cung), Ngự (cưỡi ngựa), Thư (đọc sách), Số (toán pháp)

xã hội là yêu cầu văn minh, tu dưỡng, lễ nghi, hành vi thanh cao nhã nhận đúng mực, nếu như muốn được xã hội thừa nhận, thì phải tu thân dưỡng đức mà quy phạm hành vi của bản thân.

Từ thời Đường Tống trở về trước, “văn hóa Trung Hoa” là đại từ thay thế cho ưu nhã, Trung Quốc là nước xuất khẩu lễ nghi. Lịch sử ghi chép thương nhân Trung Quốc đến Đông Nam Á, được coi là thượng nhân – người đến từ “lễ nghi chi bang”, thậm chí còn miễn phí ăn ở. Nhật Bản và Triều Tiên cũng luôn chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa thời nhà Đường. Hàn Quốc và Nhật Bản hiện tại vẫn đang kế thừa một vài quy phạm lễ nghi đến từ Trung Quốc, người ta còn khá coi trọng việc sử dụng ngôn từ và cử chỉ nhã nhặn thể hiện ý kính trọng.



Trong văn hóa đảng của Trung Cộng còn có bộ phận [văn hóa] kẻ yếu làm môi cho kẻ mạnh theo thuyết tiến hóa, kích động người ta đấu đá lẫn nhau, không hề để xứng bộ phận [văn hóa] tôn trọng đối với cá nhân, tuyên dương sự thô鄙, trong hành vi của cá nhân, không nghĩ đến người khác, tùy tiện tiện, chuyện ta ta làm, làm sao cho thuận tiện thì làm.

Dân chúng Đại lục hiện nay đối với nhận thức về “tình dục”, càng là “hợp thời”, “hướng lên” đến độ “tình dục”, “gia đình”, “hôn nhân” đối đãi tách biệt, coi “tình dục” là một hoạt động giải trí của xã hội, rất nhiều người còn cho rằng là tiến bộ. Cái kiểu hành vi thấp kém này đã dẫn đến sự hỗn loạn về luân lý xã hội, đã phá hoại quan niệm gia đình của người Trung Quốc mấy nghìn năm qua. Có người cảm thấy người nước ngoài chẳng phải cũng rất cởi mở về giới

tính sao? Thế nhưng, ở xã hội phương Tây có ước thúc của tôn giáo, đạo đức và pháp luật nên sự tình sẽ không quá đáng quá, hiện tại ngay cả người phương Tây đến Đại lục, đều cảm khái rằng sự cởi mở về giới tính ở Đại lục đã vượt quá cả phương Tây.

Trong tâm lý học có một hiện tượng nổi tiếng, chính là hiệu ứng đám đông. Nó cho rằng cá nhân luôn có khuynh hướng theo cách nghĩ hoặc thái độ của đa số, bảo trì nhất trí nhận thức và hành vi theo đa số một cách bất tri bất giác để chứng minh rằng bản thân họ không cô lập mà là tồn tại trong một quần thể. Cũng vậy, trong xã hội mà việc văn hóa đảng thô bỉ chiếm chủ đạo như thế này, coi những người có thói quen vệ sinh kém, trình độ giáo dục thấp thành tấm gương về hành vi, nếu người ta không noi theo, thì chính mình cũng cảm thấy là lạ, không hợp với xung quanh. Người ta đã hình thành thói quen nên không cảm thấy hành vi của mình đã bị văn hóa đảng cải biến đến mức thấp kém.

Trung Cộng dựa vào phương thức tư duy chọn lọc tự nhiên, kẻ thích nghi thì sinh tồn của thuyết tiến hóa, cho rằng những thứ mới là đã trải qua chọn lọc, phù hợp với quy luật phát triển lịch sử, là tốt hơn so với cái cũ, cổ nhân đều là lạc hậu. Bởi vậy, người ta coi văn hóa đảng với đúng đắn chính trị, hình thái ý thức của Trung Cộng là tiêu chuẩn chính xác mà tuân theo, không phân biệt được tốt xấu mà tiến hành phá hoại đối với tư tưởng truyền thống, văn hóa truyền thống, phong tục truyền thống, tập quán văn minh truyền thống, giáo dục lễ nghi bị phê phán là chủ nghĩa phong kiến, văn minh sạch sẽ gọn gàng thì bị coi là tư bản chủ nghĩa mà phi nhỏ, văn minh của “lễ nghi chi bang” kéo dài mấy nghìn năm đã bị phá hủy rồi.

IV.4 – LOẠI BỎ VĂN HÓA ĐẢNG, NGƯỜI TA SẼ KHÔNG NÓI LỜI NÓI CỦA CON NGƯỜI BÌNH THƯỜNG, KHÔNG BIẾT DỪNG TƯ DUY CỦA NGƯỜI BÌNH THƯỜNG

NẾU NÓI NGƯỜI TRUNG QUỐC HÔM NAY MÀ LY KHAI VĂN HÓA ĐẢNG, thì không biết suy nghĩ như thế nào nữa, sẽ không biết nói lời nói của người bình thường nữa, thì có người cảm thấy lời này “quá đáng” quá, mang theo tính “sỉ nhục”, nhưng mà, sự thực chính là như vậy, bởi vì các loại lý luận, hệ thống ngôn ngữ và phương thức tư duy của văn hóa đảng đã sớm thấm thấu vào các góc ngách trong tư tưởng người ta.

Dưới sự thống trị hơn 50 năm của Trung Cộng, thông qua các loại thủ đoạn nhồi nhét đã tạo nên việc cả xã hội là môi trường do văn hóa đảng cấu thành, khiến người ta mắt thấy tai nghe mà bị ngấm vào. Đồng thời, sau khi đã phủ định Văn hóa truyền thống và quan niệm truyền thống, phê phán Nho giáo Thích giáo Đạo giáo, khiến người Trung Quốc tiếp nhận thuyết vô Thần, thuyết duy vật, thuyết tiến hóa và tư tưởng đấu tranh, khiến người Trung Quốc kiến lập một bộ đầy đủ phương thức tư duy và tiêu chuẩn thiện ác dựa trên văn hóa đảng. Logic của Trung Cộng trở thành logic của đại chúng, ngôn ngữ của Trung Cộng trở thành ngôn ngữ của đại chúng, kiểu logic và ngôn ngữ này ngược lại lại làm mạnh thêm tư tưởng của người ta. Biến lời của đảng thành từ vựng hàng ngày của dân chúng phổ thông, rồi dung nhập vào sinh hoạt thường nhật của người ta, khiến cho ý chí của đảng dung nhập vào nhân tâm từ căn bản. Trong khi người ta nói chuyện, thì đã theo thói quen mà coi tư duy văn hóa đảng trong đầu trở thành tư duy của chính mình.

Hàm nghĩa biến dị nội tại của bộ ngôn ngữ, hành vi và mô thức tư duy đó, là do Trung Cộng cưỡng ép thêm lên, cũng không phải là phương thức biểu đạt của xã hội chính thường, chỉ có những người từng tiếp thụ tiềm nhiệm văn hóa đảng mới có thể lý giải và giải mã. Đây là hiện tượng mà mô thức ngôn ngữ, hành vi và phương thức tư duy của văn hóa đảng trải khắp xó xỉnh của xã hội một cách toàn phương vị, hơn nữa là do bị cưỡng chế nhồi nhét mà hình thành. Cho dù là xã hội cổ đại truyền thống Trung Quốc, hay là trong văn minh chủ lưu hiện đại, đều chưa bao giờ xuất hiện hiện tượng này. Bởi vậy, ngôn ngữ, hành vi và phương thức tư duy của người ta dưới sự thống trị của

Trung Cộng, đều chẳng ăn nhập gì với giá trị của xã hội truyền thống Trung Quốc, giá trị chủ lưu của thế giới. Lời nói và hành vi của những người lãnh đạo của Trung Cộng khi thăm viếng cũng thường khiến người ta có cảm giác kỳ quái không cách nào hiểu được.

IV.4-1 – Hệ thống ngôn ngữ của văn hóa đảng đã khống chế tư tưởng của người ta

Lời của đảng là dựa vào phương thức “hệ thống” mà tồn tại trong cuộc sống của người Trung Quốc hiện nay. Chỗ khác với ngôn ngữ tự nhiên là, hết thảy những thứ của đảng đã cấu thành nên thể hệ ngôn ngữ chính trị nhân tạo “dùng nhiều thành quen”, đã thay thế cho nội dung của cuộc sống, tư tưởng và ngôn ngữ giao tiếp được hình thành tự nhiên trong xã hội bình thường, người Trung Quốc sinh sống trong kết cấu xã hội do lời của đảng dệt nên.

Sau khi Trung Cộng thiết lập chính quyền, “nhân dân” có lẽ là một trong những từ ngữ được sử dụng rộng rãi nhất: chính phủ tự nhận là “chính phủ nhân dân”, quân đội gọi là “quân đội nhân dân”, tiền tệ gọi là “nhân dân tệ”, thậm chí đường đi cũng được gọi là “con đường nhân dân”, còn có “đài truyền hình nhân dân”, “quảng trường nhân dân”, “công viên nhân dân”, “bệnh viện nhân dân”, “ngân hàng nhân dân”... cũng như hết thảy các quốc gia cộng sản, một mặt các loại cơ quan, cơ cấu, đoàn thể tự xưng là “nhân dân” ám chỉ rằng toàn bộ lợi ích, quyền lợi của mỗi cá nhân dường như đều sẽ được thực hiện cụ thể, không cần bản thân nhân dân phải hao tâm suy nghĩ nữa; mặt khác, từ “nhân dân” đã bị chụp thêm lên vòng ánh sáng thần thánh, đến nỗi người dân thấp cổ bé họng run rẩy sợ hãi không biết được rốt cuộc ai là nhân dân.

Có một câu chuyện như thế này, thời những năm 70 của thế kỷ trước, có người nào đó đến “thương trường nhân dân” để mua sắm, “nhân viên nhân dân” thái độ thô bạo, khách hàng chất vấn: “Anh là vì nhân dân phục vụ thế này ư?” Đáp rằng: “Vì nhân dân phục vụ? Anh đại biểu cho nhân dân ư?” Khách

hàng nhất thời không biết nói sao.

Đương nhiên, tình hình tương tự cũng có thể phát sinh trong khi giao tiếp với “chính phủ nhân dân”, “cảnh sát nhân dân”... Ở Trung Quốc, mặc dù “nhân dân” không hề có định nghĩa về mặt pháp luật, nhưng trong văn hóa đảng của Trung Cộng “nhân dân” có hàm nghĩa đặc thù. Ở đó chỉ có Trung Cộng mới có thể đại biểu cho “nhân dân”, mới có quyền chỉ ra ai là “nhân dân”, ai không phải nhân dân; mà nếu không phải thì sẽ trở thành “kẻ thù của nhân dân”, có thể không cần qua trình tự pháp luật mà tước đoạt quyền lợi của họ. Bọn họ thông thường bị đội lên một kiểu xưng hô đặc định khác: “một nhóm nhỏ”, mặc dù “một nhóm nhỏ” có lúc nhiều đến hàng chục triệu người, ví như “cánh hữu” vào năm 1957 đề xuất ý kiến với Trung Cộng, nhóm người kiên trì tu luyện Pháp Luân Công, v.v... Từ “nhân dân” mặc dù không phải Trung Cộng nghĩ ra, nhưng trong văn hóa đảng đã bị gán cho hàm nghĩa đặc định, khi người ta sử dụng những ngôn từ như “nhân dân”, “một nhóm nhỏ” theo thói quen ở các loại trường hợp khác nhau, đã vô ý thức mà tán thành với việc tùy ý định ra ai là “nhân dân” ai không phải “nhân dân” của Trung Cộng, hoặc chiếu theo ý đồ của Trung Cộng mà tiến hành phân loại và xếp hạng chính trị.

Kiểu câu từ văn hóa đảng thấm thấu vào các phương diện sinh hoạt như vậy còn rất nhiều. Ví dụ từ khi Trung Cộng thành lập chính quyền mãi cho đến cuối thế kỷ trước, học sinh sau khi tốt nghiệp, đều phải “phân phối công tác”. Một từ “phân phối” đã nói rõ “đảng” là có quyền chi phối, cho nên rất nhiều người cảm thấy bất công là Trung Cộng “ban cho” một cách hạ ý thức, mà không phải là bản thân thông qua nỗ lực mà đạt được. Đặc biệt là rất nhiều cảnh sát khi đang hòa theo Trung Cộng bức hại dân chúng đều nói một cách hùng hồn đồng dục: “Đảng Cộng sản cho tôi bất công, thì tôi phải nghe theo Đảng Cộng sản.”

Hệ thống đảng thối là hình thái ý thức của đảng, ý chí của đảng, tài thế và công cụ của vận hành thực thi của đảng, Trung Cộng lợi dụng hết thủy biện pháp và năng lực của quốc gia để hoàn thành việc kiến lập, quy phạm và sử

dụng thể hệ ngôn ngữ của đảng. Tất cả cơ cấu sản sinh ngôn ngữ tiêu chuẩn – truyền thông dư luận đều do nhà nước chiếm hữu, còn có Ban tuyên giáo Trung ương vốn là đặc sản độc nhất của Trung Cộng cho đến hệ thống tuyên truyền cấp dưới, cán bộ bồi dưỡng huấn luyện và hệ thống tổ chức sinh hoạt, cơ cấu giáo dục tư tưởng từ trường đảng Trung ương cho đến các cấp. Bấy lâu nay báo chí, văn kiện, lời nói của quan chức, tài liệu giáo dục ở trường học đều là phương thức chế độ thống nhất truyền bá ngôn ngữ đảng. Vận động chính trị qua nhiều lần tạo ra lượng lớn các từ mới. Các cấp tổ chức hướng dẫn quần chúng sử dụng và củng cố trong cuộc sống hàng ngày, hình thành nên cơ sở của truyền thống đảng, văn hóa đảng. Quy phạm văn nghệ, điện ảnh, phát thanh, hí kịch, tạo ra các nhà văn của đảng, tấm gương văn hóa đảng, thúc đẩy tiêu chuẩn hóa ngôn ngữ đảng. Sự bức hại nhà văn qua nhiều lần vận động chính trị đã có tác dụng gây khiếp sợ một cách to lớn và lâu dài. Sau khi hoàn thành quá trình kiến lập ngôn ngữ đảng, Trung Cộng lại lập pháp để cho nó có đủ tính hợp pháp. Tất cả những điều này đều khiến cho hệ thống ngôn ngữ đảng trở thành ngôn ngữ chủ đạo của người Trung Quốc. Dường như mỗi người Trung Quốc, khi cần đều có thể thuận miệng mà nói ra từng đoạn hoàn chỉnh những lời khuôn mẫu của đảng một cách cực kỳ tiêu chuẩn.

“Lời nói dối lặp lại nghìn lần chính là chân lý”, câu nói này tuyệt không phải là chỉ mang ý nghĩa về tu từ. Người ta đều chán ngấy những mẫu rập khuôn của đảng, nhưng mà từ những gì được lặp lại lượng lớn các văn kiện, lời nói, báo cáo, tổng kết, xã luận báo chí, sách giáo khoa đại học trung học tiểu học, tin tức, TV, điện ảnh v.v. lại vừa đúng là những đảng thoại được Trung Cộng chế tạo, những lời này lại không bởi vì người ta chán ngấy chúng mà chúng không phát huy tác dụng nữa. Hoàn toàn ngược lại, chúng dựa vào hình thức phù hiệu ngôn ngữ mà tồn trữ ở trong nơi sâu thẳm vô thức của người ta, lúc nào cũng có thể phát sinh tác dụng, chi phối tư tưởng và hành vi của người ta.

Có một câu chuyện, kể rằng có một người đầu bếp, người nhà bị Đảng Cộng sản bức hại nặng nề, rồi di cư đến California, Mỹ để định cư. Khi anh này

bấm thịch trong phòng bếp nhà hàng, anh ấy vừa bấm vừa lẩm nhẩm hát, hết sức vui vẻ. Chỉ là, một người ghét cay ghét đắng Đảng Cộng sản như anh, nhưng hát lên lại là “Sách của Mao chủ tịch, tôi thích đọc nhất, nghìn lần vạn lần bỏ công phu,” người khác chỉ ra cho anh, ngay cả chính anh ta cũng nửa cười nửa mỉa. Trong tư tưởng của người ta bị nhồi nhét quá nhiều những thứ văn hóa đảng và ngôn ngữ văn hóa đảng, nó đã trở thành bộ phận tự nhiên trong logic tư duy và lời nói của người ta.

Sau khi Trung Cộng thiết lập chính quyền, người dân trăm họ của Trung Cộng liền rơi vào nhà tù thống trị độc tài của cái chính trị tôn giáo hợp nhất là Trung Cộng, nhưng Trung Cộng lại tuyên truyền thành “giải phóng”; sự phá hoại của Trung Cộng đối với văn hóa chính thống của dân tộc Trung Hoa, bức hại người Trung Quốc vượt quá bất kể một ngoại tộc nào, nhưng Trung Cộng lại tự xưng là “Trung Quốc mới”; việc tiến hành “chính quyền cách mạng” “Xô-viết” ở Thụy Kim của Trung Cộng kỳ thực là hoạt động phân chia quốc gia, là chính quyền bán nước nương nhờ vào Liên Xô; “Trường chinh” của Trung Cộng kỳ thực chính là một cuộc chạy thoát lớn; “Vận động sản xuất lớn” ở Vịnh Nam Nê trên thực tế là vận động trồng thuốc phiện phi pháp; “Vận động chỉnh phong” ở Diên An của Trung Cộng kỳ thực là một cuộc bức hại tinh thần có hình thức địa ngục tại nhân gian khiến người ta nghe đến đã thấy sợ; “Ba năm thiên tai tự nhiên” làm chết đói mấy chục triệu người kỳ thực là một trường nhân họa (tai họa do con người gây nên); “Đại Cách mạng Văn hóa” kỳ thực là một cuộc phá hoại lớn về văn hóa, tẩy não lớn toàn dân và thanh trừ lớn về chính trị; “Cải cách mở cửa” kỳ thực là tạm thời buông lỏng chuyên chế áp lực cao, là chiêu số cứu mạng bất đắc dĩ của Trung Cộng, v.v., nếu như khôi phục trở lại một phần mười diện mục chân thực các sự kiện lịch sử, cũng đủ để cải biến tất cả những hào quang lừa người của những từ ngữ mà Trung Cộng đã tạo ra kia. Nhưng vì sự nhồi nhét và lũng đoạn ngôn ngữ của Trung Cộng, mà người ta một mực tiếp tục sử dụng, nếu như bỏ đi những từ ngữ này, rất nhiều người thực sự sẽ không biết mô tả và suy nghĩ về những sự kiện lịch sử kia như

thế nào, không biết nói những lời như thế nào nữa.

Có người rõ ràng đã bị Đảng Cộng sản bức hại rồi, nhưng một khi “bình phản”, thì lại đội ơn đội đức nó; vừa nhắc tới nhân quyền, liền nói là “làm chính trị”; phương Tây có người vừa mới phê bình Trung Cộng, liền nói là “thế lực phản Hoa”; người Hoa hải ngoại kháng nghị bạo hành của Trung Cộng; liền bị coi là “không yêu nước”, là “bôi nhọ”; khi nghe nói Trung Cộng bán đi diện tích lớn lãnh thổ, thì lại còn đi tìm lối thoát cho kẻ bán nước, cho rằng đảng làm như vậy nhất định có sự “nhìn xa trông rộng” nào đó mà chúng ta chưa được biết (bị nó bán rồi còn giúp nó đếm tiền); nghe Đài truyền hình Trung ương nhồi nhét một năm 365 ngày thì cảm thấy rất tự nhiên, nhưng nhận được mấy cuộc điện thoại, bưu kiện, hay mấy chục phút radio quảng bá chân tướng phơi bày việc hành ác của Trung Cộng, liền cho là đang “phá hoại trật tự xã hội”; đối với một kẻ phạm nhân hành hung, người ta cần phải truy đến cùng, đưa ra công lý, mà đối diện với tội ác không ghi hết tội trong lịch sử của Đảng Cộng sản, trái lại người ta lại cho rằng Đảng Cộng sản giỏi phạm sai lầm mà, còn sẽ “có dũng khí cải chính sai lầm” ... trong tư duy tự nhiên bộc lộ ra của người ta, những từ ngữ “bình phản”, “làm chính trị”, “thế lực phản Hoa”, “không yêu nước”, “bôi nhọ”, “nhìn xa trông rộng”, “phá hoại trật tự xã hội”, “có dũng khí cải chính sai lầm” v.v., đều là từ vựng cao giọng tuyên truyền của Trung Cộng, nhưng lại sớm trở thành cơ sở lý luận của tư duy logic của người ta rồi.

Ở Trung Quốc hiện đại, câu cửa miệng của người ta phần nhiều đều rất có ngôn từ văn hóa đảng của Trung Cộng. Ví dụ “đồng chí”, “quán triệt”, “lãnh đạo”, “hiệu triệu”, “nguyên tắc cơ bản”, “lộ tuyến cơ bản”, “giai đoạn sơ cấp của chủ nghĩa xã hội”, “đặc sắc XXX”, “theo XXX tiến hành đến cùng”, “chống lại Đảng Cộng sản, không có kết cục tốt”, “không có Đảng Cộng sản, thì không có Trung Quốc mới”, “thân cha thân mẹ không bằng thân Đảng Cộng sản”, “nghe lời của Đảng Cộng sản, đi theo Đảng Cộng sản”, “chiến sĩ của Mao chủ tịch nghe lời đảng nhất”, “đoàn kết chính là sức mạnh”, “sao đỏ soi sáng chúng ta đi chiến đấu”, “giương cao ngọn cờ vĩ đại của tư tưởng Mao Trạch Đông”, “bước

trên con đường lớn chủ nghĩa xã hội”, “cách mạng không phải là mời khách ăn cơm”, “hình thế hết sức tốt đẹp”... bỏ đi những ngôn ngữ văn hóa đảng này, rất nhiều người có thể cảm thấy việc biểu đạt cơ bản hàng ngày sẽ rất cật lực. Ngôn ngữ văn hóa đảng khống chế người Trung Quốc thâm sâu, vượt quá xa sự tưởng tượng của người bình thường.



Vận động đại sản xuất Diên An - gieo trồng anh túc, chế tạo nha phiến.

iv.4-2 – Cái gọi là từ mới cũng là trong tư tưởng của văn hóa đảng mà chế tạo ra

Đảng thoại không phải là dừng lại bất biến. Người ta hình thành nên tư duy văn hóa đảng thì như là công xưởng gia công, máy móc và quy trình đều là sẵn có rồi, các tin tức và hiện tượng xã hội mới xuất hiện khi trải qua gia công của tư duy văn hóa đảng liền trở thành đảng thoại mới. Chúng thuộc về hệ thống của đảng, mang theo nội hàm mà đảng cần, nhưng lại bởi vì không phải là từ vựng trong hình thái ý thức của đảng một cách trần trụi, cho nên càng không dễ phân biệt.

Trên mạng hiện nay lưu hành một kiểu chữ viết tắt là “FB”, hai chữ này

nguyên bản là hai chữ phiên âm của từ “hủ bại”, bình thường đại biểu cho việc tụ tập ăn uống, cũng có một số người bèn nói thẳng thừng rằng: “Hôm nay đi hủ bại một chút”. Cái từ này sinh ra từ trong nhân gian, bản thân không phải do Trung Cộng tạo ra, nhưng nó là dưới sự ảnh hưởng của tư tưởng văn hóa đảng mà tạo ra. Nó lấy hành vi hủ bại vốn thuộc về phụ diện đem chính quy hóa, làm yếu đi áp lực đạo đức của xã hội đối với hành vi hủ bại, trên thực tế cũng đã chấp nhận hiện tượng hủ bại không đâu không có, ám chỉ sự hủ bại của Trung Cộng không phải là việc lớn gì lắm. Điều này rất giống như là người ta đã quen với việc gọi hành vi chính thường hàng ngày thành trộm cắp, thế là kẻ trộm cắp thật sự thì sẽ không cảm thấy hành vi của bản thân là đáng xấu hổ.

Một từ “quần thể yếu thế”, cũng là sinh ra trong nhân gian, tùy theo việc sử dụng thường xuyên, đến năm 2002 cũng đã bắt đầu xuất hiện trong văn kiện chính thức của Trung Cộng. Từ này thông thường chỉ quần thể người không thích ứng với “trào lưu lớn” của biến đổi xã hội mà bị yếu đi, như nguyên là người thất nghiệp trong xí nghiệp quốc hữu, nông dân công nhân trước kia v.v. Dưới ảnh hưởng của tà thuyết “cá lớn nuốt cá bé”, kẻ thích nghi thì tồn tại” của văn hóa đảng, người ta thường thường cho rằng quần thể này thuộc về bên kém thế trong “cạnh tranh sinh tồn”, cho nên là quần thể người không thích ứng với biến đổi của thể chế xã hội mà bị đào thải. Điều này từ căn bản đã che đậy từ “yếu thế” kỳ thực là một sự thực do chế độ chuyên chế phi nhân tính của Trung Cộng tạo ra như vậy. Quần thể này kỳ thực là quần thể bị chế độ chuyên chế của Trung Cộng áp bức và tước đoạt quyền lợi. Lấy “quần thể yếu thế” lớn nhất Trung Quốc – nông dân làm ví dụ, nông dân Trung Quốc về chính trị và kinh tế có địa vị thấp trong thời gian dài, đây hoàn toàn là do chính sách kỳ thị của Trung Cộng tạo ra. Kiểu phân biệt này có thể so sánh với chính sách chủng tộc đẩy tai tiếng của Nam Phi trước kia. Ở đây dẫn một đoạn sách giáo khoa địa lý tiểu học miêu tả khái quát về Nam Phi được biên soạn vào 40 năm trước của Trung Cộng, độc giả không ngại thì thử so sánh một chút tình cảnh của nông dân Trung Quốc và người da đen ở châu Phi: “Chính phủ liên bang

Nam Phi trước sau đã ban bố những 70 loại pháp lệnh phân biệt chủng tộc và áp bức như ‘giấy tờ thông hành’, ‘luật cách ly chủng tộc’, ‘luật nô dịch’, mỗi một pháp lệnh chính là một cái gông cùm, quyền lợi và tự do của người châu Phi bị tước đoạt sạch sẽ. Lấy ‘giấy tờ thông hành’ mà nói, mục pháp lệnh này quy định người châu Phi đủ 16 tuổi buộc phải mang theo những hai mươi loại giấy tờ như ‘chứng minh thư’, ‘giấy di cư’, ‘thẻ tìm việc’, ‘biên nhận nộp thuế’, ‘giấy tạm trú’, để cho cảnh sát kiểm tra. Nếu như giấy tờ không đầy đủ hoặc quên mang theo, thì phải làm ‘đu dân thất nghiệp’ chịu bắt bớ. Căn cứ vào báo cáo của Cục cảnh sát Liên bang Nam Phi, chỉ trong năm 1958, đã có gần 600 nghìn người châu Phi do vi phạm ‘giấy tờ thông hành’ và ‘luật kiểm tra’ mà bị bắt bớ.” Nhưng dưới sự tẩy não của văn hóa đảng, những người có thể tỉnh táo nhận ra chính sách phân biệt của Trung Cộng và tiến hành kháng nghị hợp pháp thì cũng không nhiều.

Những năm gần đây, có rất nhiều từ mới có tính đại biểu, ví dụ như “màu sắc Trung Quốc”, “bốn hiện đại hóa”, “giai đoạn sơ cấp”, “xã hội tiểu khang” (xã hội nói chung là no ấm), “về vườn”, “chờ việc”, “kinh tế chế độ phi công hữu”, “kiến thiết tư tưởng đạo đức”, “nâng đỡ nghèo”, “tam giảng”, “tam đại biểu”, “lấy đức trị quốc”, “tiến cùng thời đại”, “nội dung không lạnh mạnh”, “tin tức có hại”, “trỗi dậy trong hòa bình”, “tôn sùng khoa học”, “quan điểm phát triển khoa học”, “xã hội hài hòa”, “nâng cao năng lực chấp chính” v.v. Những từ mới này cũng đều là sản vật của văn hóa đảng, đã bị Trung Cộng gán cho hàm nghĩa đặc định, dùng những ngôn từ này để duy hộ sự thống trị của Trung Cộng, tin tức có hại hay không không phải là nói về nhân dân, mà là có “nguy hại” đối với Trung Cộng hay không, hô hào “trỗi dậy” là cho người ta một sự không tưởng đến từ chủ nghĩa dân tộc, khiến mọi người quên đi khủng hoảng xã hội mà đi ủng hộ Trung Cộng. Kế tiếp sau “tam đại biểu”, Trung Cộng lại làm ra “tám vinh tám nhục” (*quan điểm vinh nhục của chủ nghĩa xã hội khoa học*), kỳ thực, mỗi một nội dung bên trong đều là từ trong phạm vi của văn hóa đảng mà nói ra: mê tín phong kiến là gì, tôn trọng khoa học là gì? Chủ nghĩa yêu nước

là gì? Hoàn toàn là định nghĩa của văn hóa đảng của Trung Cộng. Phù hợp với Đảng Cộng sản thì chính là “tôn trọng khoa học”, ủng hộ Đảng Cộng sản thì chính là chủ nghĩa “yêu nước”.

iv.4-3 – Ý thức đấu tranh của văn hóa đảng trở thành tập quán sinh hoạt của người ta

Trong tư duy của người Trung Quốc truyền thống, Nho gia giảng yêu người, điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người, Phật gia giảng lấy thiện đãi người, Đạo gia giảng thuận theo tự nhiên. Nhưng đại đa số người Trung Quốc hôm nay, lại thừa nhận ở mức độ tương đối việc Trung Cộng nói rằng 5.000 năm lịch sử văn minh huy hoàng của Trung Hoa là lịch sử đấu tranh của tranh quyền đoạt lợi giữa các giai cấp. Trong con mắt của rất nhiều người Trung Quốc hôm nay, thậm chí rất nhiều phần tử trí thức cũng cho rằng, hai mươi bốn bộ sử huy hoàng của Trung Quốc, chỉ bất quá là một bộ sử đầy những mưu toan tranh đấu, kẻ lừa người dối, tranh giành quyền lực v.v. đầy những tranh đấu quỷ kế. Người Trung Quốc đều tin vào việc đọc sử có thể khiến người ta minh trí, có thể hiểu lý, có thể tăng tiến trí tuệ, nhưng nếu như lịch sử Trung Quốc thật đúng là đầy những gian trá như Trung Cộng tô vẽ, một khoảng tối tăm, thì người ta làm sao minh trí, minh lý? Một dân tộc tối tăm ngu muội như thế làm sao lại có thể từng sáng tạo ra văn minh cổ đại huy hoàng rực rỡ được?

Thế giới bên ngoài mà người ta nhìn thấy được, kỳ thực hoàn toàn là phản xạ của thế giới nội tâm của bản thân, nên gọi là “nhân giả kiến nhân, trí giả kiến trí” (*Người nhân nghĩa thì muốn gặp người nhân nghĩa, kẻ thông minh thì muốn gặp kẻ thông minh*). Những người bị ý thức đấu tranh của văn hóa đảng “trang bị” cho đại não, tự nhiên thấy được lịch sử Trung Quốc cũng chính là tranh đấu và chém giết lẫn nhau, mà không thấy được mỹ đức nhường ngôi của thời Đường Nghiêu, sự vô tư của Đại Vũ trị thủy, sự khoan dung độ lượng trong câu chuyện của Liêm Pha – Lạn Tương Như, không thấy được sự cương

trực thăng thần của Khuất Nguyên, cũng không thấy được khí tiết bất khuất của Tô Vũ, một lòng trung thành của Văn Thiên Tường, tinh trung báo quốc của Nhạc Phi.^[10]

Trung Cộng ngày nay mặc dù không “lấy đầu tranh giai cấp làm cương lĩnh” nữa, nhưng tư tưởng của người ta vẫn đang chịu ảnh hưởng của “phân tích giai cấp”, “hoài nghi tất cả”, “đào sâu động cơ tư tưởng”, cho đến nay vẫn có rất nhiều người khi phán đoán sự vật thì phản ứng đầu tiên là: phân tích sự việc ngày 4 tháng 6 Trung Cộng trấn áp sinh viên, bởi vì động cơ của lãnh tụ học sinh là bất thuần, cho nên họ đáng phải gánh chịu hết thảy trách nhiệm, ngược lại Trung Cộng nổ súng giết người thì không có tội gì cả; hải ngoại có người phôi bày tội ác của Trung Cộng phạm phải đối với nhân dân Trung Quốc, thì động cơ của họ nhất định là vì để “bôi nhọ Trung Quốc”, tội ác của Trung Cộng có thật hay không cũng không quan trọng nữa; nông dân công nhân vất vả một năm lại bị quyết tiền lương, bắt đắc dĩ phải chọn những phương thức cực đoan như tự thiêu,

[10] Hạ Vũ (còn được gọi là Đại Vũ) là một vị vua huyền thoại ở Trung Quốc cổ đại nổi tiếng với về việc chống lũ, xác lập chế độ cha truyền con nối ở Trung Quốc bằng cách thành lập nhà Hạ và nhân cách đạo đức ngay thẳng của mình.

Tô Vũ tên thật Tô Tử Khanh, người đất Đổ Lăng, là một bầy tôi trung của vua Hán Vũ Đế. Thời đó, nhà Hán thường bị giặc Hung Nô ở phương Bắc hay quấy nhiễu, dòm ngó. Năm 100, Hán Vũ Đế sai Tô Vũ đi sứ Đại Nhục Chi để hai nước liên kết đánh Hung Nô. Dọc đường Tô Vũ bị Hung Nô bắt, không giết mà cũng không cho về, đành phải tạm ở lại Hung Nô, chân cừu sống với một phụ nữ Hung Nô trong núi, được một đứa con, sau trốn thoát, chịu không biết bao nhiêu gian nan, tới được Đại Nhục Chi, nhưng lúc này họ hết muốn trả thù Hung Nô rồi, chỉ muốn sống yên ổn, làm ruộng, trồng tọt. Tô Vũ đành trở về tay không, trên đường lại bị Hung Nô bắt một lần nữa.

Văn Thiên Tường, năm 17 tuổi, ông tham gia kỳ thi Hương ở Lô Lăng, tên đậu đầu bảng. Khi quân nhà Nguyên tràn vào đất Tống, ông ứng “chiếu Cần Vương” dưới cờ vua Tống Cung Đế. Công cuộc kháng chiến chống Nguyên không thành và ông bị quân Nguyên bắt đưa về Yên Kinh (Bắc Kinh ngày nay). Vua Nguyên thấy ông là người có tài và có khí tiết định giam giữ dụ hàng, nhưng ông đã khảng khái nói: “Tôi hiện đang là Tể tướng triều Tống, chỉ lấy cái chết để đến nợ nước, nếu lấy gươm đao dọa nạt, chẳng làm gì được đâu.”

Khuất Nguyên, tên Bình, biệt hiệu Linh Quân (340 TCN – 278 TCN) là một chính trị gia, một nhà thơ yêu nước nổi tiếng của Trung Quốc. Ông là người trong hoàng tộc nước Sở, làm chức Tả Đồ cho Sở Hoài Vương. Ông học rộng, nhớ lâu, giỏi về chính trị, lại có tài văn chương. Lúc đầu ông được vua yêu quý, sau có quan lại ganh tài ông, tìm cách hãm hại.

nhảy lều để đòi lương, động cơ của họ là vì để “đóng kịch”, cho nên phải trừng trị bằng luật pháp, còn kẻ khát lần tiền lương nợ công nhân nông dân và chế độ xã hội gây ra thảm kịch thì trái lại không có trách nhiệm pháp luật gì cả; Trung Cộng phát động “đại nhảy vọt” làm chết đói 40 triệu người dân Trung Quốc, bởi vì động cơ của nó nghe nói là vì để “đuổi kịp Anh, vượt qua Mỹ”, cho nên tội của Trung Cộng trái lại là có thể tha thứ.

Tư duy của người Trung Quốc chịu ảnh hưởng văn hóa đảng, được văn hóa đảng chống đỡ, trong đó phép duy vật biện chứng giảng về đấu tranh giai cấp, thuyết tiến hóa giảng “cá lớn nuốt cá bé”, chỉ đơn giản coi lịch sử Trung Quốc trở thành lịch sử đấu tranh mưa máu gió tanh, những điều này đều tăng thêm cho người Trung Quốc ý thức đấu [tranh]. Trung Cộng gieo trồng văn hóa cộng sản mà lấy bạo lực làm hạch tâm một cách lặp đi lặp lại, khiến mấy thế hệ người trở thành đầy lòng thù hận, “chiến sĩ của giai cấp vô sản” xung phong liêu chết, “con người mới chủ nghĩa xã hội”, “công cụ ngoan ngoãn của đảng”. Cái “đấu” của người Trung Quốc đã khởi tác dụng chủ đạo trong tư duy, việc người Trung Quốc yêu thích đấu đá nội bộ đã trở thành sự thực được chúng ta công nhận. Phá đám lẫn nhau, tranh đấu đến mức người chết ta sống, quy tắc sinh sống của người Trung Quốc đã biến thành quy tắc mặt chược – để phòng tay trên, coi kỹ tay dưới, nếu mình không thắng được thì cũng không để người khác thắng được. Có người đã có thành tựu, thì thông thường bị xa lánh, vu khống, thấy người hiền thì không noi theo, mà là lửa đổ kị bốc lên. Thế là trước công chúng thì bắt tay nhau, đằng sau lưng thì gây khó dễ. Đấu còn không chỉ là vì lợi ích, mà còn là lấy việc hủy hoại nhân cách của đối phương làm mục tiêu, thủ đoạn được sử dụng cũng tập trung đủ các loại trí tuệ bất hảo của người Trung Quốc, chẳng từ thủ đoạn nào, bất chấp mọi quy tắc.

Kiểu tư duy không bình thường của văn hóa đảng này khi giải quyết sự việc, thông thường niệm đầu đầu tiên chính là chinh người, đấu với người, trị người, khuất phục người ta, về khí thế thì thắng đối phương, nắm chắc “quyền chủ động”, cưỡng chế đối phương chiều theo ý nguyện của mình mà hành sự. Sự

thể hiện trên ngôn ngữ của kiểu tư duy này chính là hiện tượng trong ngôn ngữ mang theo ý thức về “đấu”, nó đã vượt quá phạm trù của người bình thường, toàn bộ nhân tố chủ đạo của hệ thống ngôn ngữ chính là “đấu”. Ngữ khí mang theo ý vị của chất vấn, phản vấn, gây hấn, lời nói ra để đả người. Nếu như nói không thông, thì thường sẽ nói một cách lằng nhằng lồi thòi, ngang ngược không đếm xỉa gì lý lẽ, cãi chày cãi cối.

Có người từng làm một cuộc trắc nghiệm nhỏ, hỏi học sinh đến từ Đài Loan và từ Đại lục, nếu như đến một phòng học mà bên trong thấy rất nóng, khi muốn mở cửa sổ thì nói như thế nào. Học sinh đến từ Đài Loan sẽ có khuynh hướng là: “trời nóng quá, tôi mở cửa sổ, anh không ngại chứ?” Còn học sinh đến từ Đại lục chắc sẽ có khuynh hướng nói: “Nóng như thế này, sao còn chưa mở cửa sổ?” Ý tứ của hai câu nói là tương tự, nhưng câu hỏi vặn khiến đối phương hăm vào thế bị động, dường như không mở cửa sổ là không bình thường, không nên thế. Người nói câu nói sau kỳ thực thông thường là vô tâm. Đó là bởi vì tâm tranh đấu của văn hóa đảng đã thâm nhập vào tập quán ngôn ngữ của người ta, người ta đều đã quen quá nên không phát hiện ra.

Rất nhiều người, bao gồm không ít phần tử trí thức, khi đàm luận quốc gia đại sự, thì có kiểu nói lằng nhằng lồi thòi, tự cho mình là đúng, thái độ hoài nghi tất cả, khiến người ta rất khó nói chuyện với nhau một cách bình hòa. Anh ta hoài nghi tất cả, nhưng riêng Đảng Cộng sản thì anh ta không hoài nghi; nếu nói Đảng Cộng sản không tốt, anh ta nói có đảng nào mà không làm chuyện xấu; nếu nói Trung Cộng vì lợi ích của mình mà cản trở cải cách toàn diện, anh ta nói đó là vì tình hình quốc gia hạn chế; nếu nói Đảng Cộng sản đang bức hại nhân quyền, anh ta nói chứng cứ ở đâu; bạn đưa ra chứng cứ, anh ta nói dựa vào cái gì để tin chứng cứ của anh; anh ta nói yêu thích Đảng Cộng sản, nhưng anh ta lại vội vàng chuyển tài sản và đưa con cái mình ra khỏi nơi ở dưới thống trị của Trung Cộng là Trung Quốc; anh ta có vẻ không thích tự do ngôn luận, nhưng anh ta lại rất thích lợi dụng tự do ngôn luận của phương Tây để biện hộ cho việc hành ác của Đảng Cộng sản... Có một câu chuyện cười không ra chuyện

cười: bạn kể ra rất nhiều việc xấu mà Đảng Cộng sản làm, anh ta phủ định từng cái một, nói một cách rất ngoan cố lời thôi, cứ là tìm cách giải thích cho Trung Cộng, hỏi chứng cứ của bạn ở đâu; nói Trung Cộng thậm chí còn cắt yết hầu của phạm nhân, anh ta cũng không tin, phản bác nói rằng cho miếng vải làm tắc thở là xong rồi, ai ngu si mới phí sức lực để cắt yết hầu; bạn nói rằng trên mạng có cả, anh ta còn rất dõng dạc, hỏi rằng ai trong các bạn đã nhìn thấy? Anh ta nói những thứ trên mạng mà bạn cũng tin ư? Khi bạn nói ra tên của Trương Chí Tân, anh ta trợn tròn mắt, anh ta mới nghĩ ra việc Trương Chí Tân ^[11] bị cắt yết hầu trước khi hành hình đúng là bản thân Đảng Cộng sản cũng đã lớn giọng thừa nhận rồi.

IV.4-4 – Người ta không nhảy thoát khỏi cái khuôn mẫu tư duy của văn hóa đảng

Trong cuộc sống văn hóa đảng đã tạo ra một cái “trường”, chỉ cần thuận theo văn hóa đảng mà nói mà tư duy thì giống như “thuận nước đẩy thuyền”, “như cá gặp nước”, dường như hết sức “tự nhiên” và “lẽ thẳng khí hùng”. Ngược lại, muốn thanh lọc tư duy biến dị của văn hóa đảng, dường như phải “bơi thuyền ngược dòng”. Càng như thế, thì người ta càng chìm đắm vào văn hóa đảng, càng khó nhảy ra khỏi văn hóa đảng.

Một hiện tượng thường thấy chính là, người ta không chỉ dùng cái “yêu” đối với Đảng Cộng sản để tìm cơ cho Đảng Cộng sản, đồng thời, còn dùng cái “hận” đối với Đảng Cộng sản để biện hộ cho Đảng Cộng sản — họ có thể dùng “phát triển bên ngoài của kinh tế” để tô son trát phấn cho Trung Cộng, họ cũng có thể dùng “Trung Cộng là cường quyền, giết người không chớp mắt” để chống lại việc phơi bày bạo lực hành ác của Trung Cộng, cho rằng “không

[11] Trương Chí Tân là một nữ trí thức bị ĐCS TQ tra tấn đến chết trong Đại Cách mạng Văn hóa vì dám nói lên sự thật.

có tác dụng”, từ đó tiếp tục duy hộ sự thống trị của Trung Cộng. Một mặt khác họ nói: “Chế độ đa đảng đã là sự đồng thuận riêng của người ta với nhau rồi, rất nhiều đảng viên đều ý thức được vấn đề này, Trung Cộng cũng sẽ có ngày đi đến đó.” Dùng sự mong đợi chính diện để ca ngợi Trung Cộng. Một mặt khác, nhằm vào việc nhân dân tổ chức đảng phái dân chủ, họ sẽ nói: “Đó là làm loạn! Đảng Cộng sản là cường quyền, làm sao tha cho anh?” – lấy đó làm nhận thức phản diện để duy trì hiện trạng của Trung Cộng. Khi người ta yêu thích Trung Cộng thì sẽ có được đồng cảm từ trong văn hóa đảng, khi họ oán hận Trung Cộng thì có thể dùng văn hóa đảng để nói cho hả giận, vậy là, văn hóa đảng thành ra một hệ thống phong bế, hoàn toàn đáp ứng được những tình cảm như “ái hận tình thù” của con người đối với Đảng cộng sản, khiến người ta không muốn ly khai.

Đơn cử một câu hỏi đơn giản: “Đảng cộng sản đã giết 80 triệu người Trung Quốc, có nên thanh toán hay không?” Nếu như chiếu theo logic tư duy bình thường, giết người đến mạng, điều này rất dễ dàng trả lời, đương nhiên là nên bị thanh toán. Nhưng mà, rất nhiều người Trung Quốc ngày nay, họ không trả lời nổi cái câu hỏi đơn giản này. Họ sẽ vòng vo khiến cho vấn đề trở nên rất phức tạp. Họ sẽ hỏi: “Anh làm sao biết được có 80 triệu? Anh có chính mắt trông thấy 40 triệu người chết đói không?” Khi bạn nói chính nội bộ Trung Cộng đã đưa ra tiết lộ số người tử vong lớn như thế. Giả thiết bạn đưa tài liệu cho họ xem rồi, họ vẫn sẽ nói: “Anh đây chẳng phải là ăn miếng trả miếng sao? Anh phải cấp cho người phạm sai lầm cơ hội [sửa sai] chứ?” Bạn nói phạm tội giết người trước tòa án có thể tự bào chữa cho mình, [có thể] đòi hỏi một cơ hội cho kẻ phạm sai lầm? Họ vẫn sẽ nói: “Cũng không thể đều là lỗi của Đảng Cộng sản?” “Châu Phi cũng có nước xảy ra đại thảm sát mà!” “Đảng Cộng sản hiện tại thay đổi rồi, làm gì mà cứ bám lấy quá khứ mà không buông?” “Đảng Cộng sản là gì? Ai dám thanh toán Đảng Cộng sản? [Nó sẽ] xử anh!” Bạn nhìn thẳng vào họ, chỉ muốn họ trả lời một đáp án đơn giản của con người với tư duy bình thường: Nên hay là không nên. Bị ép gấp lên rồi, họ

sẽ nói với bạn: “Đối chọi với Đảng Cộng sản, có tác dụng gì đây?” “Vấn đề này của anh chẳng có ý nghĩa gì.” Nói tóm lại, Đảng Cộng sản đã giết bao nhiêu người, đều là không nhất thiết phải truy cứu nữa. Vì vậy, Trung Cộng có thể tác oai tác quái, tiêu điều ngoài vòng pháp luật.



Chúng tôi thấy được, khi yêu cầu họ bỏ đi văn hóa đảng mà trả lời một câu hỏi đơn giản, thì họ sẽ lấy câu “không có ý nghĩa” để đối phó. Rời khỏi văn hóa đảng, họ thật sự không biết được tư duy như thế nào nữa, Đảng Cộng sản đã trở thành đường biên tư duy của họ, bất kể là tư duy “không có Đảng Cộng sản” hay là “thanh toán Đảng Cộng sản” đối với họ mà nói, thì đã là khủng bố rồi, cũng không thể tưởng tượng nổi. Họ sẽ dừng ngay ở đó, là bởi vì họ không dám đề cập đến nỗi sợ hãi đối với Trung Cộng ở nơi sâu trong nội tâm của mình, càng không dám nhìn thẳng vào nhân tố văn hóa đảng của chính mình.

Một ví dụ khác, người ta thường dùng lời như thế này để biểu đạt sự đồng ý với chính sách của Trung Cộng: “Nếu tôi là Đặng Tiểu Bình, tôi cũng sẽ cho nổ súng ngày 4 tháng 6”, “Nếu tôi là Giang Trạch Dân, tôi cũng phải trấn áp Pháp

Luân Công”, “Nếu tôi là Đảng Cộng sản, tôi cũng sẽ làm độc tài chuyên chế”, v.v. Người ta nói như vậy sẽ cảm thấy rất tự nhiên, cảm thấy rất an toàn. “Nếu tôi là ABC,” vốn là dùng để đánh giá một sự việc “nên hay không nên”, lấy sự việc vốn không phải là của bản thân mình, đặt mình vào vị trí người ta để giả thiết một chút, dùng kiểu phương thức ấy để làm nổi bật thái độ của cái “tôi”. Nhưng mà, khi dùng vào Trung Cộng, “nếu tôi là ABC” liền biến thành việc dùng “người khác (Đảng Cộng sản) nên hay không nên” để thay thế cho việc “tôi nên hay không nên”, điểm chính không phải là thái độ của cái “tôi”, mà là để biểu đạt thái độ của Trung Cộng, cái “tôi” đã bị ẩn đi rồi, từ đó mà ngầm thừa nhận xúi giục việc hành ác của Trung Cộng. Truy vấn một chút, bản thân họ rốt cuộc là thái độ gì? Họ sẽ nói, thái độ của tôi không quan trọng, “không có ý nghĩa”. Có nghĩa là, khi muốn họ trả lời với tư duy bình thường, họ lại cảm thấy “không có ý nghĩa” nữa rồi. Kỳ thực, mọi người nên hướng đến người tốt mà noi theo, so sánh bản thân với kẻ sĩ chính nghĩa trong lịch sử, thử xem xem khi gặp phải việc Trung Cộng bức hại nhân dân, thì nên như thế nào. Ngay cả là nhát gan, không dám nói “nếu tôi là luật sư Cao Trí Thịnh, tôi cũng phải giúp đỡ bảo vệ quyền lợi cho người bị Trung Cộng bức hại”, cũng quyết không nên so sánh mình với kẻ phạm tội cưỡng gian, phạm tội giết người hoặc là kẻ độc tài chứ, đó không phải là sự so sánh đáng xấu hổ sao?

Sự giới hạn về tư duy của văn hóa đảng đối với người Trung Quốc, cũng quán xuyên các phương diện của cuộc sống xã hội. Trong văn hóa đảng lấy vô Thần luận làm cơ sở, [thì] không có giá trị phổ biến vượt khỏi [vấn đề] giai cấp, cũng như Mao từng nói rằng: “Trên thế giới không có yêu mà vô duyên vô cớ, cũng không có hận vô duyên vô cớ.” Quá khứ biện pháp để Trung Cộng không thừa nhận giá trị phổ biến như tự do, nhân quyền là thêm vào sau tất cả những điều đó một định ngữ “của giai cấp tư sản”, cho nên là “hư ngụy”, “giai cấp vô sản” không cần; ngày nay lại đổi lấy lý do “tình hình đất nước đặc thù Trung Quốc” để cự tuyệt hơn nữa. Chịu sự chi phối của kiểu tư duy văn hóa đảng chật hẹp này, đặc biệt là khi cả xã hội đều đã rơi vào thờ ơ về đạo đức, xuất hiện

khủng hoảng về thành tín, khi thiện ác hữu báo bị chê bai thành điều “mê tín lừa người”, rất nhiều người đã không còn tin tưởng vào lương tri, đạo nghĩa nữa.

Trung Cộng thông qua trường kỳ tuyên truyền một cách trần trụi hoặc ám thị một cách nửa kín nửa hở để tô đậm cho sự vĩ đại của “người lãnh đạo Trung ương” của nó, từ tuyên truyền sự “vĩ đại” của Marx-Engels-Lenin-Mao, ca ngợi “mặt trời đỏ” của ngày trước, cho đến tán dương “kiến trúc sư của cải cách khai mở”, “người lãnh đạo kế thừa quá khứ mở ra tương lai” của ngày hôm nay, tạo thành việc rất nhiều người Trung Quốc lấy sự thành kính của tôn giáo để tín nhiệm “lãnh đạo Trung ương”. Rất nhiều người đều thấy rất rõ ràng sự hủ hóa trụy lạc của quan chức địa phương Trung Cộng ở xung quanh mình, nhưng điều này cũng không ảnh hưởng tới ấn tượng tốt đẹp dành cho “lãnh đạo Trung ương” của họ. Mặc dù mọi người đều biết “lãnh đạo Trung ương” của Trung Cộng ngày nay đều là từ quan chức địa phương từng bước một mà leo lên, nhưng người ta cũng không suy xét vì sao quan chức địa phương tham nhũng một khi tiến vào giai tầng “lãnh đạo Trung ương” thì liền trở nên “anh minh” thế. Cho nên việc xấu đều là quan chức địa phương lừa dối “Trung ương” làm ra, vấn đề trọng đại chỉ cần “kinh động đến Trung ương”, hoặc “Trung ương cho người đến rồi”, thì liền cảm thấy đã có hi vọng giải quyết; đối diện với rất nhiều những vấn đề xã hội quốc kế dân sinh mà Trung cộng trong vòng mấy chục năm tạo ra, rất nhiều dân chúng thà rằng tin tưởng một lòng một dạ rằng “lãnh đạo Trung ương” luôn có biện pháp giải quyết, chứ không như dân chúng các nước tự do kia, độc lập suy nghĩ cho quốc gia, xã hội và đề xuất kiến giải của mình. Trung Cộng trấn áp Pháp Luân Công, rất nhiều người mặc dù không hiểu vì sao Trung Cộng lại âm ỉ bé xé ra to với một đoàn thể khí công dân gian như vậy, nhưng phản ứng đầu tiên thông thường là: “Trung ương làm như vậy chắc là có đạo lý của họ,” dùng cái đầu của “Trung ương đảng” để thay thế cho suy nghĩ của mình, mà không suy xét một cách có lý tính “quần chúng Pháp Luân Công rốt cuộc có vi phạm pháp luật hay không,” “Trung Cộng làm như vậy rốt cuộc có hợp pháp hay không,” sau khi bắt đầu công trình Tam Hiệp của

Trung Cộng, có chuyên gia hải ngoại chỉ ra trong luận chứng về tính khả thi của nó có sơ hở to lớn. Lập tức có cư dân mạng nghi vấn trình độ của chuyên gia hải ngoại một cách dõng dạc, và nói: “Nếu quả đúng là như vậy đi nữa, thì lẽ nào từ Trung ương đến địa phương đều là lũ ngốc và điên rồi, nếu không thì làm sao mà để công trình ngu xuẩn thế này bắt đầu xây dựng được? Ý muốn nói ở đây là, những người “lãnh tụ anh minh” không thể làm việc ngu ngốc, không thể có tư tâm, cho nên “ngu dân bách tính” bất tất phải bận tâm vô ích.

Chính là bởi vì người ta không nhảy ra khỏi văn hóa đảng, mới khiến cho Trung Cộng điều động, khống chế tư tưởng và hành vi của nhân dân đến mức dễ như trở bàn tay. Trung Cộng đúng là như kẻ sắp chết, phần lớn dựa vào việc không ngừng tiêm thuốc trợ tim – những công trình thể diện, đập Tam Hiệp, [tên lửa] Thần Châu 5 Thần Châu 6, tranh cử thế vận hội v.v. Chúng ta thấy được vô số người Trung Quốc hòa theo cùng với Trung Cộng mà phần chần, cùng nhau hô hào. Trong thời kỳ rối loạn nguy cơ tứ phía này, chúng ta không thấy được sự tỉnh táo và lý tính của người ta, chỉ thấy được trong huyền não mù quáng người ta cảm thụ sự hãnh diện và vênh vào đặc ý lên men từ văn hóa đảng. Trung Cộng đốt tiền vào làm các công trình thể diện, mà không quan tâm đến việc sinh tử trọng đại của người dân, có chăng chỉ là “bôi son trát phấn” vào sự thống trị lung lay sắp đổ, lừa gạt nhân tâm.

Mọi người đều biết rằng, đảm bảo giáo dục và y tế là tiêu chí quan trọng đánh giá chất lượng sống của người dân tại một quốc gia. Giáo dục là quan hệ đến quốc kế dân sinh và có ảnh hưởng đặc biệt quan trọng đến tương lai của dân tộc; tuy nhiên, vì không phải lợi ích của Trung Cộng nên bấy lâu nay đầu tư vào giáo dục của nó chỉ chiếm tỷ lệ từ 2%-4% tổng sản lượng quốc dân (GNP), thậm chí thấp hơn Uganda là nước nhỏ của châu Phi xếp thứ 100 trên thế giới. Chế độ y tế của Trung Quốc đã khiến người dân không có tiền đi trị bệnh. Quá khứ là phần lớn nông dân không có bảo hiểm y tế, hiện tại là rất nhiều nhân khẩu thành thị cũng không có tiền đi trị bệnh. Vì sao tỉ lệ tiền tiết kiệm của người Trung Quốc cứ cao mà không giảm, chính là không có cảm giác an tâm

vào tương lai, có tiền không dám tiêu. Truyền thông phương Tây thường hỏi về câu hỏi này: Trung Cộng một mặt vì để làm cường quốc thế giới mà chỗ nào cũng huênh hoang, mặt khác vì sao đối với vấn đề cơ sở khiến cho Trung Quốc lớn mạnh thực sự thì lại trường kỳ coi thường. Khiến họ cảm thấy nghi hoặc không hiểu được, lãnh đạo Trung Cộng rốt cuộc là muốn làm gì đây?

Cải cách của Trung Cộng là cải cách khập khiễng, nhưng mà, từ trong cái khung của văn hóa đảng, người ta lại coi Trung Cộng như một ngoại lệ đặc biệt để lý giải, “tán thưởng” Trung Cộng. Nói là bởi vì có trở lực về hình thái ý thức, cải cách của Trung Cộng là “chỉ làm không nói”, có hiệu quả đã rồi mới tăng lên đến lý luận, từ cải cách kinh tế rồi sẽ một mạch dẫn đến cải cách về chính trị. Như thế là có một ngày nhân dân Trung Quốc toàn dân đều tuyển cử để tuyển ra tổng thống, có hiệu quả rồi, Trung Cộng mới chính thức tuyên bố phải làm dân chủ vậy. Kỳ thực, Trung Cộng không có nguyên tắc, chỉ cần có lợi cho sự thống trị của nó, thì điều gì cũng có thể làm. Nhưng mà, bất kể cải cách thể chế chính trị có ý nghĩa thực chất nào cũng tất sẽ dẫn đến sự sụp đổ của Trung Cộng, cho nên, trong lĩnh vực kinh tế Trung Cộng là “chỉ làm không nói”, người ta đều lo kiếm tiền hưởng lạc, còn trong lĩnh vực chính trị, Trung Cộng lại là “toàn nói không làm”. Nếu như ở trên mạng tìm kiếm “cải cách thể chế chính trị”, bạn sẽ phát hiện trong truyền thông của Trung Cộng đó là một từ rất là ‘nóng hổi’: “Toàn diện xúc tiến cải cách thể chế chính trị kinh tế”, “Thiết lập đặc khu cải cách thể chế chính trị”, “Toàn diện chính xác nắm vững mục tiêu và căn bản của cải cách thể chế chính trị”, “Cải cách thể chế chính trị xúc tiến dân chủ chủ nghĩa xã hội”, “Cải cách thể chế chính trị phá băng ra khơi”, “Cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đã thu được thành tựu to lớn”, “Cải cách quản lý môi trường và thể chế chính trị”, “Dựa vào cải cách thể chế chính trị để xúc tiến đấu tranh chống hủ bại”, “Cải cách thể chế chính trị là đường ra duy nhất cho phát triển kinh tế Trung Quốc”... nhưng mà, tất cả những ngôn luận của bọn họ đều là chuyển quanh trong cái khung của văn hóa đảng, cũng giống như là một tòa nhà lớn sắp sụp rồi, điều người ta muốn vẫn là những việc trang trí

gian phòng thể nào. Nhảy xuất khỏi văn hóa đảng, mới có thể thấy rõ cái cách của Trung Cộng rốt cuộc là gì, cái cách của Trung Cộng bất quá chỉ là vì duy hộ sự thống trị của nó mà cái cách. Mới biết được nó không muốn cũng không dám rút lui khỏi vũ đài lịch sử, trông chờ Trung Cộng hoàn lương, chẳng khác chi lên cây bắt cá.

Có người nói thay đổi người lãnh đạo, một thể hệ mới lên, chắc sẽ có tự do thôi? Đó là một sai lầm rất lớn. Nếu như không có sự nỗ lực của nhân dân, quốc gia độc tài sẽ không có tự do dân chủ một cách chân chính.

Mọi người đều chú ý đến một hiện tượng, chính là sau khi thể hệ những người trẻ tuổi hiện tại thăng lên đến bất kể cương vị lãnh đạo nào, rất nhiều người còn to gan hơn cả thể hệ trước đó. To gan ở đây không phải là to gan [làm] dân chủ, mà là to gan nắm quyền, nắm tiền và làm những việc ô uế bẩn thỉu. Bọn họ chính là ở trong cái thể chế kia của Đảng Cộng sản mà nắm rõ cách luồn cúi mà đi lên đó của Đảng Cộng sản, là mang theo cái gốc tội lỗi của Đảng Cộng sản mà lên, bọn họ chẳng có lý tưởng gì, tâm tư đều là đặt vào lợi ích của cá nhân, gia tộc, tập đoàn, trông cậy bọn họ mang quyền lực giao cho nhân dân, là không thể nào, ngay cả nếu có người cá biệt làm, thì điều bọn họ đối diện là cả một bộ máy bạo lực và tập đoàn [trói buộc nhau về] lợi ích đến độ sống cùng sống, chết cùng chết của Đảng Cộng sản.

Thấy được lãnh đạo hiện tại của Trung Cộng chuyển giao quyền lực khá bình ổn, có người lại nghĩ, Trung Cộng đã tiến bộ rồi. Kỳ thực, quá khứ bởi vì địa vị của đảng rất vững chắc, tranh đấu quyền lực liên biểu hiện ra tranh đấu một cách trần trụi giữa cá nhân với cá nhân, bọn họ không có nỗi lo canh cánh rằng “đảng sắp xong đời rồi”. Mà hiện tại, “nguy cơ mất đảng” đã lửa xém lông mày, bản thân việc duy hộ sự thống trị của đảng đã trở thành “đồng thuận” của Trung Cộng, lợi ích tập đoàn của đảng là cái ô bảo hộ tốt nhất cho lợi ích cá nhân. Cho nên, đấu tranh quyền lực đã diễn biến trở thành đấu tranh kiểu “phe cánh” của bang phái với bang phái dưới sự “bảo hộ đại cục”. Trên bề mặt như thể là bình tĩnh, nhưng trên thực tế, đấu tranh hộp đen càng kịch liệt hơn,

vừa phải duy hộ đảng không sụp đổ, vừa phải tranh quyền đoạt lợi, nên mâu thuẫn càng phức tạp, khủng hoảng càng thâm trọng. Cũng như trên một con đường, quá khứ là hai tên ác ôn đánh nhau trên đường, hiện tại là kéo bè kết cánh, chuyển xuống dưới đất, biến thành tổ chức xã hội đen, càng đáng sợ hơn trước kia. Cái gọi là “chế độ hóa” của sự chuyển giao quyền lãnh đạo hiện tại của Trung Cộng, chính là chế độ hóa hộp đen, phe cánh hóa, xã hội đen hóa hoàn toàn.

LỜI KẾT

MẤY CHỤC NĂM VỪA QUA, NỖ LỰC CẢI TẠO TƯ TƯỞNG NGƯỜI KHÁC CỦA TRUNG CỘNG VẪN LUÔN KHÔNG THAY ĐỔI. Đại hội phê bình đấu tranh kịch liệt, học tập chính trị khô khan, tiết mục văn nghệ vui tai vui mắt, đều là công cụ hữu hiệu để nhồi nhét văn hóa đảng của Trung Cộng. Di sản văn hóa năm nghìn năm, cuối cùng cũng không địch nổi cái kiểu tuyên truyền dư luận theo phương thức phong bế này của Đảng Cộng sản. Tư tưởng của người ta thật sự đã bị cải tạo.

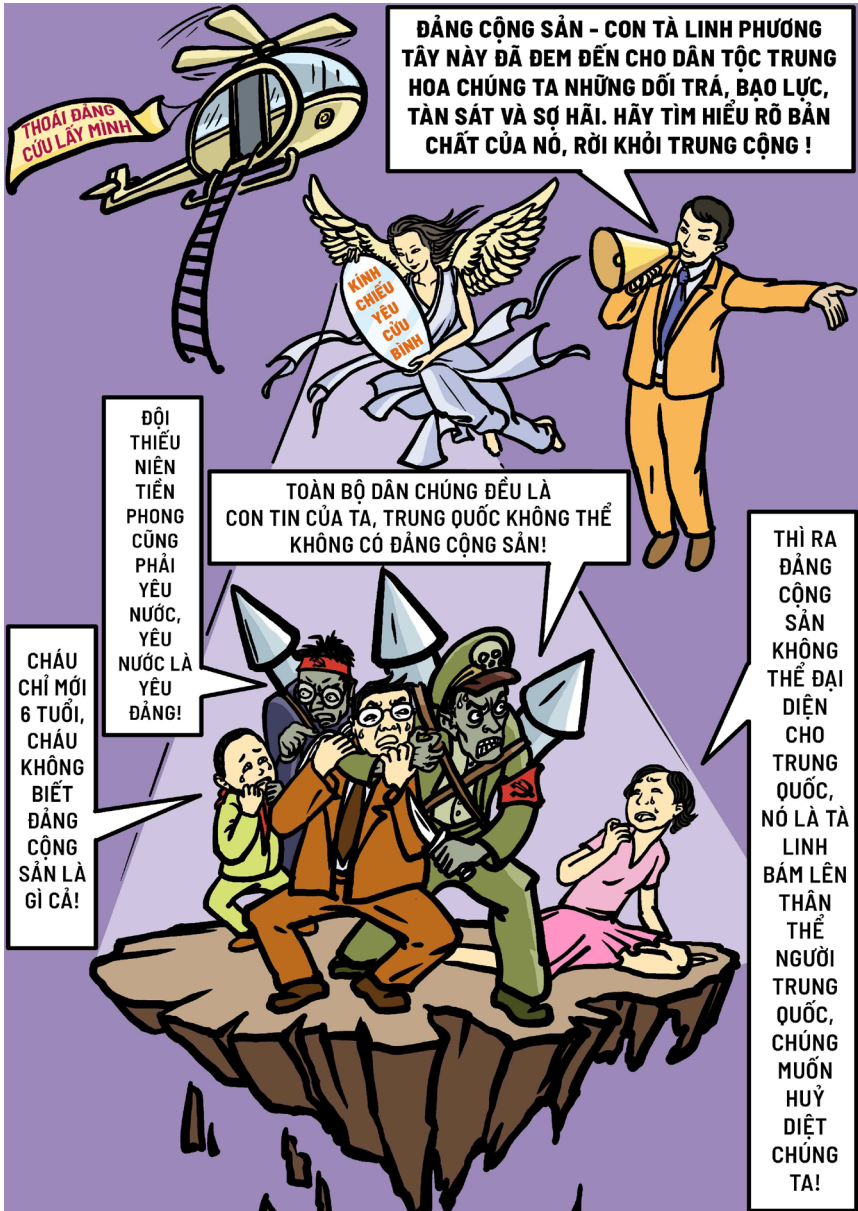
Người Hoa thường nói dân tộc Trung Hoa là dân tộc trí tuệ cần lao dũng cảm, đã sáng tạo ra văn minh lịch sử huy hoàng. Hiện tại dưới cái tình hình đất nước gọi là “nhân khẩu nhiều, nền tảng kém”, càng yêu cầu trí tuệ và can đảm của toàn dân tộc, đồng lòng lo việc nước. Nhưng trí tuệ của dân tộc lại bị văn hóa đảng khống chế, trao quyền suy xét cho Đảng Cộng sản, đối diện với quốc sách đại chỉ nghĩ theo cách nghĩ của đảng, chỉ làm theo cách làm của đảng, trí tuệ đã bị Đảng Cộng sản hạn chế rồi.

Đảng Cộng sản đã biến con cháu của Viêm Hoàng [vốn] tuân theo văn hóa Thần truyền trở thành dân tộc không tin vào Thần, đã xúi bẩy người dân lương thiện [vốn] kính sợ Trời Đất Thần linh trở thành kẻ cuồng không sợ Trời không sợ đất, đạo đức bại hoại, chuyện xấu gì cũng dám làm, miệng đầy lời nói dối, hành vi thấp kém, dân tộc như vậy làm sao có thể “trỗi dậy” với thế

giới đây?

Tai nạn mà văn hóa đảng đưa đến cho dân tộc chúng ta (Trung Quốc) là quá nặng nề. Điều Đảng Cộng sản quan tâm là lợi ích của cá nhân và tập đoàn của mình, vì việc hành ác của mình mà chế tạo các loại lý do tự thị nhi phi, vốn dĩ là một loại tâm lý tội phạm, nên tình huống này có tính tất nhiên của nó. Nhưng mà bất kể là bản thân chúng muốn thế nào, nhân dân đại chúng ngoài việc quan tâm đến cuộc sống ngày hôm nay, cũng còn quan tâm đến sự ổn định lâu dài của quốc gia và dân tộc. Nếu như tiếp nhận tư tưởng và logic của Đảng Cộng sản vốn lấy việc duy hộ lợi ích của bản thân nó làm mục đích căn bản mà không đoái hoài gì đến tương lai của dân tộc, thì đó chính là hành động không sáng suốt.

“Cho Trung Cộng thời gian”, là lý do thường dùng để người ta tránh né vấn đề Trung Cộng. Nghe qua thì như thể người ta có rất nhiều sự lựa chọn, lần này trước hết cho Trung Cộng thời gian nhiều chút thử xem thế nào. Kỳ thực, nhân dân căn bản không có cơ hội lựa chọn, nói như vậy là tìm cho mình một sự cân bằng tâm lý. Bản thân thời gian không thể cải biến Trung Quốc, chỉ có là trong đoạn thời gian này nỗ lực của nhân dân mới có thể thực sự cải biến Trung Quốc. Giải thể Trung Cộng, giải thể văn hóa đảng, trừ tận gốc nhân tố căn bản gây trở ngại Trung Quốc tự do phát triển, để nhân dân quay trở về với tư duy chính thường, dân tộc mới có hy vọng chấn hưng trở lại.



HẾT PHẦN ĐẦU

